NĂM THỨ MƯỜI BẢY • # 213 & 214 • JANUARY & FEBRUARY 2007

THẾ KỶ 21

14775 MORAN STREET WESTMINSTER CA 92683 -USA
EMAIL: theky21@tapchitheky21.com
ĐIỆN THOẠI TRỊ SỰ: (714) 657-8051
TOÀ SOẠN: (714) 839-8746

XUÂN ĐINH HỢI 2007

THẾ GIỚI TRONG TẦM TAY

RADIOVNCR.COM with VIDEO

Quảng cáo trên RADIOVNCR.COM sẽ đưa những dịch vụ và sản phẩm của quý vị đi khắp thế giới nhanh chóng và hữu hiệu.

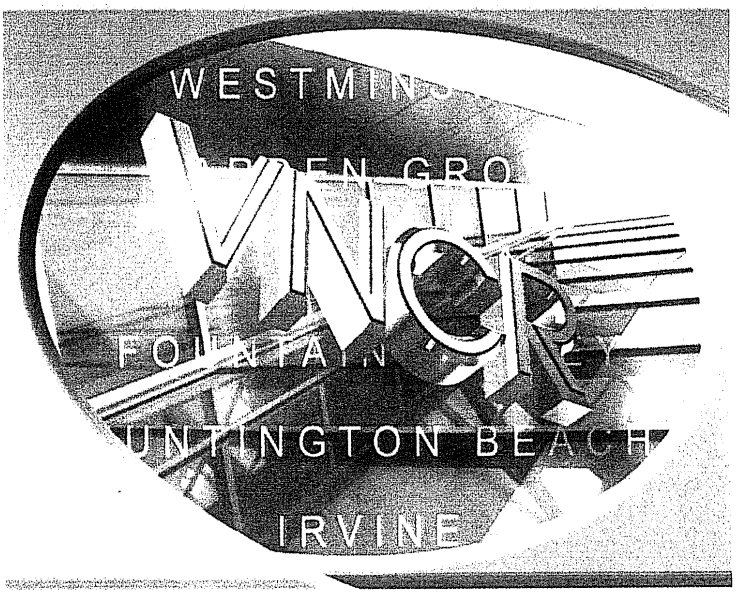

***RADIOVNCR.COM** đặc biệt thông tin qua VIDEO*
phóng sự và phỏng vấn hấp dẫn, linh động.
Nội dung website phong phú, hình thức lôi cuốn,
thu hút người xem trên khắp thế giới.

ĐẸP MẮT! NHANH CHÓNG! HỮU HIỆU!
QUẢNG CÁO NGAY TRÊN
WWW.RADIOVNCR.COM

RADIOVNCR.COM chú trọng đến những dịch vụ về âm nhạc, giải trí, thương mại toàn cầu, thông báo cá nhân/gia đình liên quan đến quan, hôn, tang, tế.

Nhận làm và bảo trì websites cho các cơ sở thương mại.

Liên lạc VNCR (714) 891-8142 để biết thêm chi tiết.

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

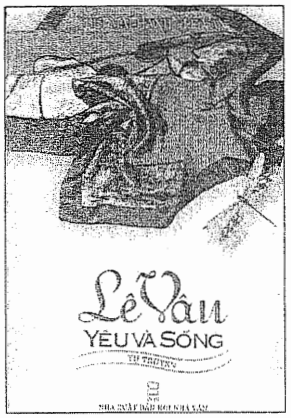

LÊ VÂN, YÊU VÀ SỐNG

Hồi ký của LÊ VÂN BÙI MAI HẠNH chấp bút

Lê Vân là một tài tử điện ảnh và sân khấu nổi tiếng của Việt Nam. Cô đã thành công đến tột đỉnh trong nghề nghiệp, đã đạt được danh vọng sáng chói nhất của một diễn viên. Nhưng cuộc đời một con người không phải chỉ gồm toàn những hào nhoáng như dưới ánh đèn sân khấu hay trên màn ảnh. Lê Vân cũng có những bất hạnh, những khổ đau về gia đình, về con đường tình ái... Cô kể hết. Cả quan niệm căn bản của cô về người đàn bà và những gì cô gặt hái được từ quan niệm ấy. Giá 12 Mỹ kim.

GIỜ ĐIỂM DANH CUỐI CÙNG, CỦA NHỮNG CẬU HỌC TRÒ TRÊN SÁU MƯƠI

DU TỬ LÊ / HOÀNG SỸ

Tình bạn thủa học trò có lẽ là thứ tình "trẻ lâu" nhất, vì nó được thành hình lúc tâm hồn con người đang lúc xuân xanh, và hình như suốt cuộc đời không có cái gì làm cho nó già đi. Kể cả lần điểm danh cuối cùng, tức là khi tất cả đã vào tuổi già, và bệnh hoạn, người ta vẫn tự coi mình và đám bạn năm xưa của mình cũng chỉ là... những cậu học trò. Đây là một tuyển tập tùy bút, truyện ngắn của hai tác giả, hai người bạn, cùng nhìn suốt lại bao nhiêu năm tháng đã qua của mình, của bạn bè. Giá 15 Mỹ kim

BÁT NHÃ TÂM KINH

OSHO, VẠN SƠN chuyển ngữ

Những khó khăn mà Osho gặp phải trên đường hoằng pháp thì khó khăn hơn thời của Phật, vì ngày nay loài người biết đủ mọi tôn giáo, mọi triết thuyết, mọi học thuyết... muốn truyền đạt những kinh nghiệm tâm linh thì cần phải nói bằng ngôn ngữ của ngày nay, phải diễn tả theo các trào lưu mới. Ngài đã bàn về Bát Nhã Tâm Kinh, bộ kinh nòng cốt của Phật giáo, với lối trình bày đơn giản nhưng rất uyên thâm, cho người đọc thấy nhiều hạt kim cương vô giá trong đó và thấy tự tin với di sản tâm linh của mình. Giá 14 Mỹ kim.

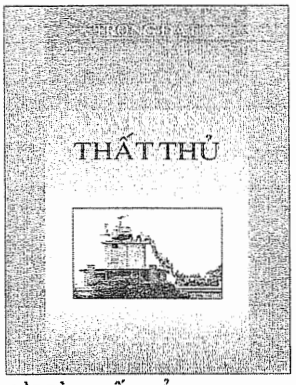

SÀI GÒN THẤT THỦ

TRỌNG ĐẠT

Đọc nhan đề, nhiều người có thể nghĩ đây là một cuốn sách khảo cứu lịch sử nói về biến cố 30 tháng Tư 1975. Thật ra đây là một cuốn sách mà tác giả gọi là "tiểu thuyết lịch sử," kể chuyện đời một người cùng với thời cuộc mà người ấy trải qua từ năm 1945 đến 1975. Nó mang nhiều tính cách tự truyện hơn là tiểu thuyết, gọi là cuốn hồi ký của chính tác giả có thể cũng không sai. Tác giả đã đặt trong tác phẩm này nhiều tài liệu về cuộc chiến tranh Việt Nam tra cứu từ sách vở báo chí, cộng với những gì tác giả nhớ được, tạo nên cả một thời kỳ lịch sử mang nhiều vẻ thực hơn là tiểu thuyết. Giá 22 Mỹ kim.

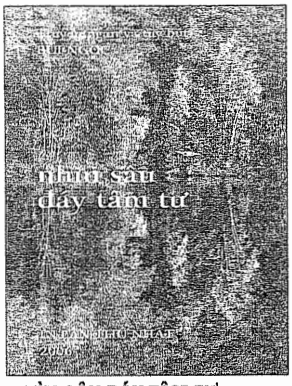

NHÌN SÂU ĐÁY TÂM TƯ

BÙI NGỌC

Tác giả là một người sáng tác rất khỏe. Trong vòng 10 năm, từ 1997 đến 2006, ông đã đều đặn cho xuất bản chín cuốn gồm nhiều thể loại: hồi ký, truyện ngắn và tùy bút, tiểu thuyết phóng tác. "Nhìn sâu đáy tâm tư" là một tập truyện ngắn và tùy bút gồm 30 đề tài, điều đó chứng tỏ ông có sức tưởng tượng phong phú, sáng tác từ những tình huống éo le của tình người và xã hội, đọc rất lôi cuốn. Truyện của ông thường để lại một số suy nghĩ về đạo lý ở đời. Giá 15 Mỹ kim.

TỪ ĐIỂN VĂN HỌC (Bộ Mới)

Dày 2370 trang khổ lớn, trong đó có 188 trang ảnh, bao quát hệ thống khái niệm, thuật ngữ, điển tích và thành tựu văn học (tác giả, tác phẩm, tổ chức) của hàng trăm dân tộc, thuộc các ngôn ngữ và các nền văn minh khác nhau của nhân loại. Riêng tác giả và tác phẩm Việt Nam được liệt kê khá đầy đủ từ nhiều thế kỷ trước cho đến hậu bán thế kỷ 20, và được giới thiệu một cách khách quan theo tinh thần khoa học. Ấn loát mỹ thuật. Công trình có giá trị cao. Giá 89 Mỹ kim.

Nơi tập trung tất cả những loại sách cần có trong tủ sách gia đình của bạn: Văn, Thơ, Nhạc, Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Tôn giáo, nghiên cứu phê bình Văn học, Lịch sử, Y học, Khoa học Kỹ thuật... cùng nhiều thể loại khác.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com

Tạp chí THẾ KỶ 21

14775 Moran Street, Westminster, CA 92683 - USA
Tel: (714) 892-9414 Ext. 141
Email:Theky21@tapchitheky21.com

PHIẾU ĐẶT MUA / GIA HẠN / TẶNG BÁO

SUBSCRIPTION FORM

Họ và tên người nhận / Full name: _____

Địa chỉ / Address: _____

_____

Phone / Fax / E-mail: _____

Kèm theo chi, ngân phiếu số / Check, Money Order #: _____

Số tiền / Amount: _____

Thời hạn mua: Từ số _____ đến số _____

	1 năm / 1 year	2 năm / 2 years	Ghi chú / Notes
Hạng nhất / First Class	**US $76.00**	**US $145.00**	
Canada	**US $80.00**	**US $155.00**	
Châu Âu / Europe (Air Mail)	**US $109.00**	**US $210.00**	
Châu Á, Châu Úc / Asia, Australia (Air Mail)	**US $115.00**	**US $225.00**	

***Ghi chú:** Giá mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 4 năm 2006 (Effective April 1, 2006)*

Mùa Xuân, tìm đọc

TUYỂN TẬP VÕ PHIẾN

do Người Việt xuất bản năm 2006.

Những khác biệt của **Tuyển Tập Võ Phiến bản mới** so với lần xuất bản năm 2001:

- Bản mới dày 1080 trang lớn chữ nhỏ, lần trước 780 trang nhỏ chữ lớn.
- Bản mới gồm bảy thể loại (tùy bút, thơ, tiểu luận, tiểu thuyết, truyện ngắn, đàm thoại, phê bình); lần trước chỉ năm thể loại.
- Bản mới bìa cứng, bản cũ bìa mềm.
- Bản mới có phụ trang màu, bản cũ không có phụ trang.
- Bản mới đặc biệt có thêm hai truyện dài Giã Từ và Nguyên Vẹn.

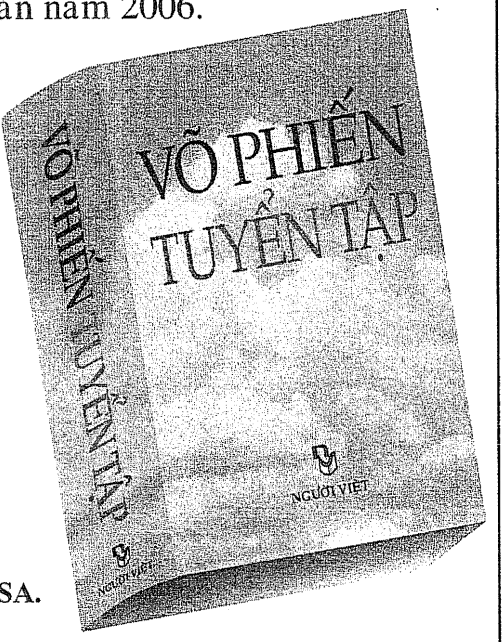

Giá 30 Mỹ kim. Có bán tại các nhà sách, hoặc Tòa soạn nhật báo Người Việt:
14771 Moran Street, Westminster CA 92683 – USA.
Tel: (714) 892-9414

TÁC GIẢ VIỆT NAM

Vietnamese Authors

LÊ BẢO HOÀNG *sưu tập và biên soạn*
Nhân Ảnh tái bản lần thứ 1 2006, Canada, có nhiều sửa chữa, bổ sung.

Là một sưu tập tiểu sử của những người sáng tác trong các bộ môn nghệ thuật: thơ, văn, biên khảo, âm nhạc, hội họa, nhiếp ảnh, cải lương, chèo.
Tác giả có mặt trong sưu tập này, không phân biệt chính kiến, Nam Bắc, gồm những người có tác phẩm được phổ biến từ năm 1905, và tạm dừng ở cuối năm 2005.

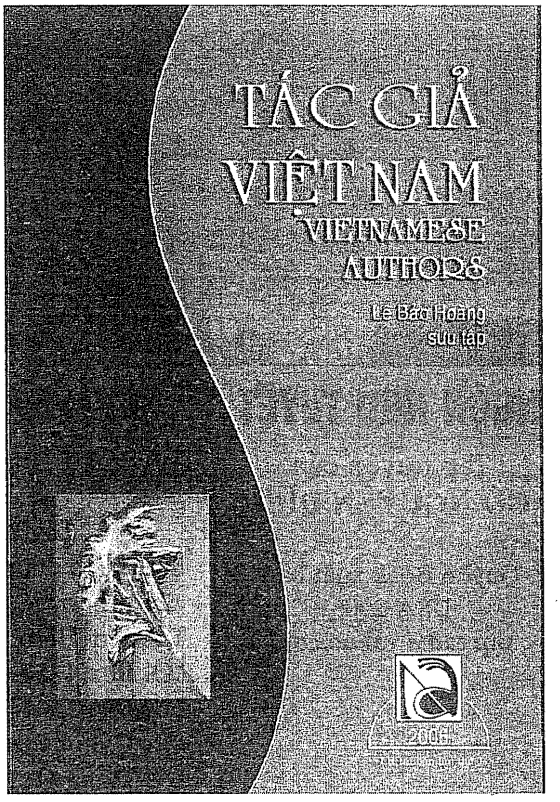

Liên lạc:
Bà Trần Thị Lý
11351 Armand Lavergne
Montreal Nord P. Québec H1H 5W3
Canada

SÁCH MỚI, SÁCH MỚI

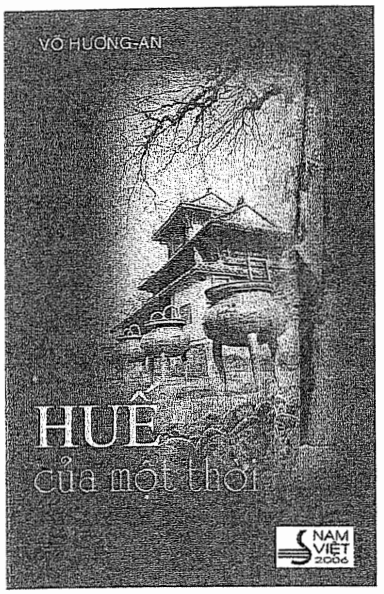

HUẾ CỦA MỘT THỜI

VÕ HƯƠNG AN

VUA KHẢI ĐỊNH,

hình ảnh và sự kiện

VÕ HƯƠNG AN

Giá mỗi cuốn $15.
Liên lạc với tác giả
Võ Hương An:
huonganvo@hotmail.com
Tiền bạc, xin đề:
Kathy Vo
1464 Sunbeam Circle
San Jose CA 95122 – USA

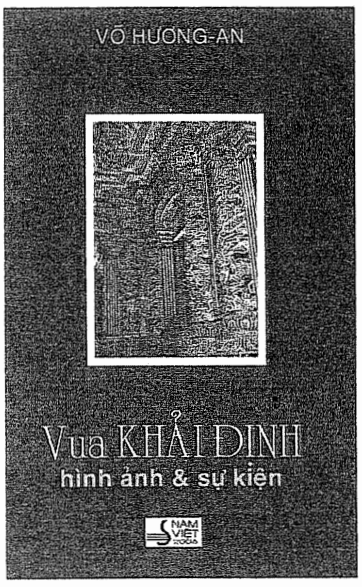

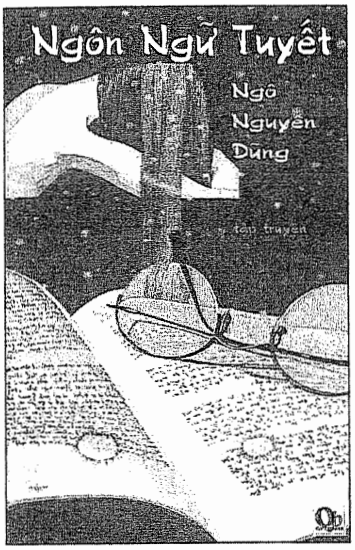

NGÔN NGỮ TUYẾT

Tập truyện của
NGÔ NGUYÊN DŨNG

Quyên Book xuất bản
USA 2006
nqread@yahoo.com

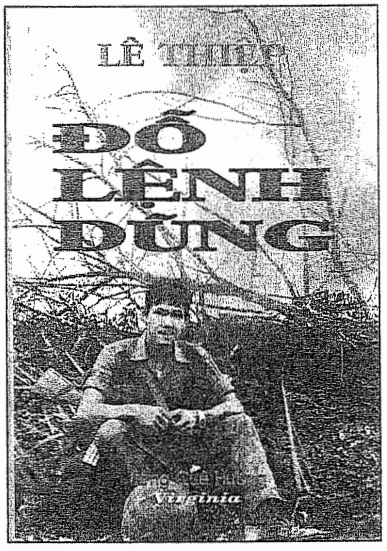

ĐỖ LỆNH DŨNG

Truyện ký của **LÊ THIỆP**

Giá $25.
Mua theo đường Bưu điện,
thêm $3 lệ phí.
Tủ sách **Tiếng Quê Hương**
P.O. Box 4653 Falls Church
VA 22044 - USA
Chi phiếu trả cho:
Tiếng Quê Hương

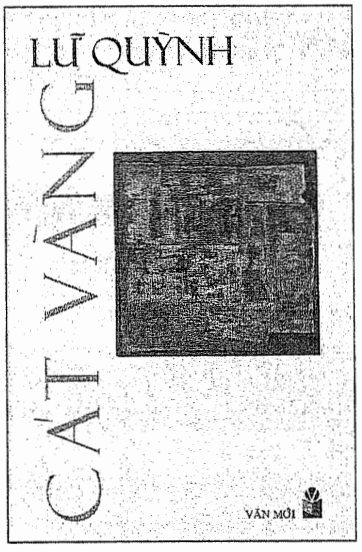

CÁT VÀNG

Tập truyện của
LỮ QUỲNH

Giá $10.
Nhà xuất bản Văn Mới
P.O. Box 287, Gardena
CA 90248 – USA
Tel: (310) 366-6867

HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT MỸ

Vietnamese American Arts & Letters Association (VAALA)

Trân trọng thông báo:

Hiện nay Hội đang tiến hành dự án xuất bản cuốn sách
NGHỆ THUẬT TẠO HÌNH VIỆT NAM HIỆN ĐẠI
của **HUỲNH HỮU ỦY**

Đây là một công trình nghiên cứu Nghệ Thuật Tạo Hình rất công phu mà soạn giả đã bỏ ra mấy chục năm qua để sưu tầm và nhận định. Đặc biệt, nền Hội Họa và Điêu Khắc của Miền Nam từ 1954 đến 1975 đã được nhà phê bình nghệ thuật Huỳnh Hữu Ủy đặt để đúng vị trí và giá trị của nó trong toàn cảnh nghệ thuật tạo hình Việt Nam hiện đại.

Vì việc ấn loát một cuốn sách nghệ thuật dày trên 600 trang rất tốn kém, Hội chúng tôi thiết tha kêu gọi sự tiếp tay của toàn thể đồng hương, để cuốn sách –hiện đã xong hoàn toàn công đoạn trình bày, sẵn sàng để ấn loát— được sớm ra mắt.

Chúng tôi kính mời quý vị đặt mua trước cuốn sách để Hội sớm có đủ phương tiện tiến hành việc in ấn:

- Giá sách $60
- Chi phí đóng gói và cước phí: $12

Xin quý vị gửi chi phiếu $72 cho mỗi cuốn, đề tên người nhận VAALA, Ghi chú: Mua sách Nghệ Thuật Tạo Hình, ghi rõ tên và địa chỉ người mua sách, gửi về:

VAALA
14781 Moran Street
Westminster CA 92683
USA

Cần thêm chi tiết, xin quý vị liên lạc:
VAALA (714) 893-6145
E-mail: Vaala_91@gmail.com

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

14771 Moran Street
Westminster, CA 92683 USA
Tel: Tòa Soạn: (714) 839-8746
Trị sự: (714) 892-9414 Ext. 141
E-mail: **theky21@tapchitheky21.com**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến,
Đỗ Việt Anh, Hoàng Ngọc Tuệ,
Phạm Phú Minh, Phan Huy Đạt
Phạm Phú Thiện Giao,
Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-2004)
Đỗ Việt Anh (2005-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Phan Mỹ Sương
(714) 891-8142
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 489-7839
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiêu Nhân*
(450) 462-8235

ISSN 1056-4640

Tranh bìa: *Bức Tranh Xuân* của họa sĩ **Nguyễn Thị Hợp**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp, Thái Tuấn, Nguyễn Trung, Hoàng Lập Ngôn**
Hí họa: **Babui** - Kỹ thuật: **Võ Thành Điểm**
Ảnh: Tư liệu. Ảnh và tài liệu về Vũ Hoàng Chương do **Đặng Tiến** cung cấp.

MỤC LỤC

Số 213 & 214 – Tháng Giêng và Hai 2007

ĐÓN XUÂN ĐINH HỢI
7. Xuân Đinh Hợi – **Phạm Phú Minh**
126. Phiếm luận về heo – **Trần Quán Niệm**
131. Năm Hợi nói chuyện heo – **Phạm Thành Châu**
ĐẶC BIỆT VỀ THI SĨ VŨ HOÀNG CHƯƠNG
8. Thơ Xuân Vũ Hoàng Chương – **Đặng Tiến**
16. Khai Xuân Thạch Vấn – **Từ Mai**
22. Đêm Thơ Vũ Hoàng Chương – **Thanh Tâm Tuyền**
23. Mai Thảo kể lại – **Mai Thảo**
24. Hồi cư – **Đinh Thị Thục Oanh**
28. Kiến trúc thơ Truyền Kiều – **Vũ Hoàng Chương**
30. Một bức thư – **Thục Oanh**
32. Tiểu sử Vũ Hoàng Chương – **Đặng Tiến**
35. Đề hoa quỳnh – thủ bút **Vũ Hoàng Chương**
36. Bát Tiên quá hải – **Thục Oanh**
37. Thầy Chương – **Song Thao**
40. Thơ Vũ Hoàng Chương sau tháng Tư 1975
43. Phiếm đàm với Ngân Giang nữ sĩ – **Hoàng Quốc Hải**
46. Thầy đồ đầu thai lầm thế kỷ – **Lưu Văn Vịnh**
49. Vũ Hoàng Chương và những ẩn số vũ trụ – **Trần Văn Nam**
51. Hoàng Hạc Lâu – thủ bút **Vũ Hoàng Chương**
NGHỆ THUẬT – VĂN HÓA
52. "Yêu nước" là yêu gì? Thế nào là "yêu nước"? – **Tôn Thất Thiện**
57. Trưa nào cũng bay – **Võ Phiến**
80. Võ Văn Trực và Cách Mạng Tháng Tám – **Thụy Khuê**
89. Nhìn lại một câu đối Tết – **Hà Sĩ Phu**
93. Kẻ ở – **Nguyễn Đức Tường**
97. Đường nét và Màu sắc của hội họa Nguyễn Trung – **Huỳnh Hữu Ủy**
107. Thư của các nhà văn – **Nguyễn Hưng Quốc**
CHÍNH TRỊ – KINH TẾ
61. Mùa Xuân dân tộc ló hiện xa xa – **Nguyễn Minh Cần**
67. Tổng kết tình hình kinh tế Việt Nam trong năm 2006 – **Nguyễn Quốc Khải**
74. Giai thoại ngoại giao năm 2006 – **Từ Trì**
135. Ảnh hưởng của M. Friedman trong tư tưởng tự do kinh tế – **Nguyễn Anh Tuấn**
VĂN
102. Nam Vang ký sự – **Hà Kỳ Lam**
112. Tình yêu buổi sáng – **Tường Hùng**
115. Đội mưa mà đi – **Nguyễn Tường Thiết**
125. Truyện chớp – **Đặng Thơ Thơ**
143. Biến cố văn học của thế kỷ 21 – **Nguyễn Hoài Vân**
154. Nhớ tiếng à ơi - **Hoàng Quân**
159. Thằng dế gàn – **Trang Châu**
162. Bất chợt giữa mùa Xuân – **Nguyễn Thị Thanh Bình**
170. Mai sau kiếp khác – **Tâm Thanh**
177. Vì tui... em trở thành... ni sư – **Hoàng Thị Bích Ti**
181. Đêm tuyết gọi – **Ngô Nguyên Dũng**
186. Những cái Tết xa xưa trong đời tôi – **Sơn Diệm Vũ Ngọc Ánh**
194. Vỉa hè – **Ngự Thuyết**
202. Sợi lạt – **Nguyễn Văn Thà**
THƠ
59. Vòng quay – **Dương Kiền**. 95. Con là con mèo Trạng Quỳnh của mạ – **Huy Phương**. 110. Biên thùy mùa Xuân – **Lý Thừa Nghiệp**. 141. Chiều cuối năm – **Trần Huy Sao**. 148. Về một bến sông – **Khánh Hà**. 156. Phù Đổng Thiên Vương – **Lưu Văn Vịnh**. 164. Hoa huệ đỏ – **Trần Mộng Tú**. 172. Dặn con khi trở về – **Trang Châu**. 180. Thơ Xuân cho mẹ – **Hoàng Huy Khánh**. 196. Mơ ánh thái hòa – **Tú Lắc**.

Xuân Đinh Hợi

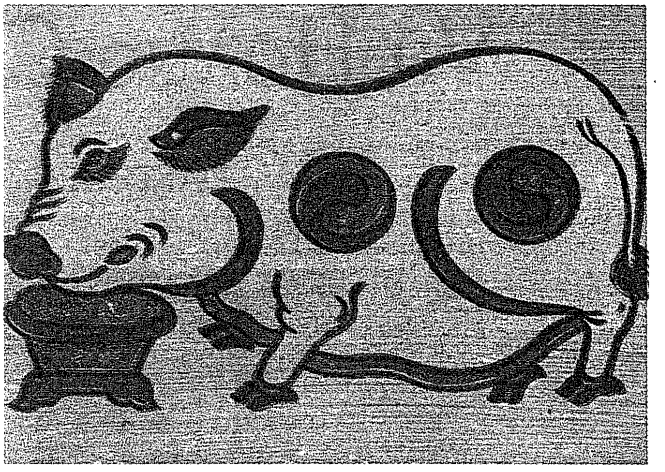

Trong số báo Tết mừng Xuân Đinh Hợi này, Thế Kỷ 21 có chủ đề về một nhà thơ lớn, thi sĩ Vũ Hoàng Chương. Người ta nói một nghệ sĩ lớn có thể đại diện cho lương tâm của cả một cộng đồng, vì họ có khả năng cảm nhận và diễn đạt đến chỗ tế vi nhất nỗi khổ đau lẫn niềm hoan lạc của dân tộc, hoặc có thể rộng hơn, của cả đồng loại hay thế giới chung quanh họ. Vũ Hoàng Chương làm thơ suốt đời ông, linh hồn ông mong manh như một sợi tơ trời để rung theo hơi thở của cuộc đời rộng lớn, từ tâm trạng buồn nản của tuổi xanh trong một xã hội bị nô lệ đến những bước chân rầm rập ngày cả dân tộc đứng dậy kháng chiến, từ tâm sự riêng tư của tình ái đến cảm hứng bùng cháy của ngọn lửa thiêu đốt một nền độc tài... Tiếng thơ của ông đi ra từ truyền thống cổ kính của dân tộc, và vươn đến những chân trời xa. Nhiều văn hữu đã gửi bài vở về chủ đề Vũ Hoàng Chương, đặc biệt nhất nhà phê bình Đặng Tiến ở Pháp, vốn là chỗ thân tình với thi sĩ, đã tích cực viết bài và sưu tầm rất nhiều tư liệu quý giá, tạo nên một đóng góp quyết định để dựng lại chân dung nhà thơ.

Trong thời điểm mừng Xuân mới này, những người hiện nay từ 60 tuổi trở lên đã sống qua hai cái Tết Đinh Hợi, Tết trước vào năm 1947 và Tết năm nay, 2007. Đầu năm 1947 cả nước chính thức đi vào cuộc chiến tranh chống Pháp, và từ đó mở màn cho những đổi thay quan trọng: đất nước bị chia cắt, chiến tranh Nam Bắc, phe cộng sản toàn thắng: đó là nửa trước của sáu mươi năm qua. Nửa sau của hoa giáp Đinh Hợi thì chiến tranh đã chấm dứt nhưng Việt Nam âm thầm chuyển mình, tạo nên những khúc ngoặc lớn lao: mảng người Việt Nam hải ngoại thành hình trên hầu khắp thế giới, đảng Cộng sản đầu hàng thế giới tự do vốn là kẻ thù họ đã thề phải tiêu diệt, để khép mình theo nền văn minh của nhân loại. Lịch sử của sáu mươi năm qua đúng là đã làm rung chuyển cả đất nước và rung chuyển cả đến từng tế bào của mỗi người Việt Nam một cách mạnh mẽ, dữ dội, sâu xa. Tết Đinh Hợi này đóng lại một hoa giáp đầy biến động đau thương của một cơn "bỉ cực," đồng thời có vai trò một cái mốc mới, hy vọng sẽ là khởi đầu một thời kỳ "thái lai" cho Việt Nam giữa một thế giới đang toàn cầu hóa, trong đó mọi quốc gia đều có cơ hội phát triển và sống sung sướng, tùy theo mình có khả năng để hướng vận mệnh mình vào con đường đó hay không. Chính toàn dân tộc Việt Nam chứ không ai khác, phải chứng tỏ cái khả năng ấy.

Năm Hợi là năm con heo, một con vật chính trong bầy gia súc của người Việt Nam. Trong nền kinh tế nông nghiệp, con heo nuôi trong chuồng là một đầu tư nho nhỏ của gia đình, đó là tiền để dành cho những món chi tiêu trong tương lai. Có thể trong ý nghĩa đó mà người ta làm con heo đất để đựng những đồng tiền tiết kiệm, lâu lâu có việc cần thì lại "đập heo." Con heo, như vậy, có thể tượng trưng cho sự khấm khá về tiền bạc, hy vọng trong năm Hợi đời sống của đồng bào tại thôn quê nước ta sẽ dễ thở hơn, bớt đi những tủi cực vì sự chênh lệch quá đáng giữa thành thị và nông thôn, và càng bớt đi nỗi uất hận vì đất đai bị cướp bởi những kẻ quyền thế.

Cầu mong Mùa Xuân mới mang lại thịnh vượng và hạnh phúc cho tất cả bà con Việt Nam chúng ta.

Phạm Phú Minh

Thơ Xuân Vũ Hoàng Chương

ĐẶNG TIẾN

Tưởng niệm chị Thục Oanh

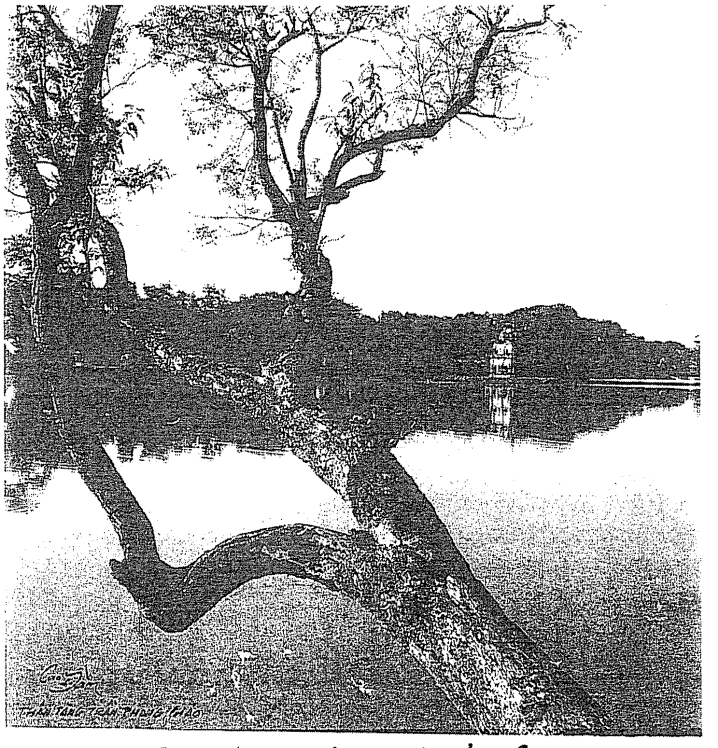

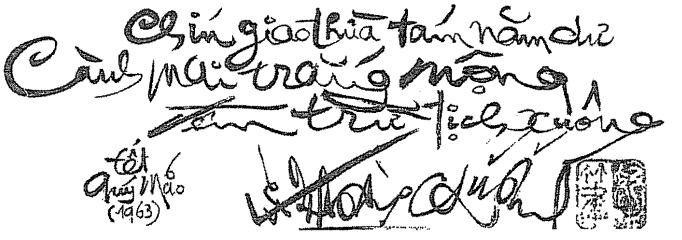

Báo Thế Kỷ 21 dành số Xuân Đinh Hợi 2007 để tưởng niệm nhà thơ Vũ Hoàng Chương là một hành động văn hóa. Một sự kiện văn hóa lớn. Báo Xuân, báo Tết thường tình từ thập niên 1930 là một sản phẩm thương mãi, trong khi ngày Tết truyền thống, ở phần sâu thẳm nhất, là tấc lòng tưởng niệm người mất, thương nhớ người xa.

Số báo Thế Kỷ 21 này biểu hiện một tâm cảm và đạo đức trong truyền thống văn hóa Việt Nam, tinh túy và thủy chung. Nó sẽ cung cấp cho người đọc một ít tư liệu về nhà thơ lớn lao của dân tộc đã quá cố năm 1976, trong một hoàn cảnh nghiệt ngã.

Đề tài về Vũ Hoàng Chương phong phú và vô tận. Nhưng ngày Xuân trên một tờ báo Xuân đề tài thích hợp nhất vẫn là thơ Xuân, thơ Tết của Vũ Hoàng Chương.

Nói đến thơ xuân Vũ Hoàng Chương, có cái bồi hồi lẫn chút bùi ngùi. Có hay không có, mùa xuân trong thơ đấng trích tiên, đã tự giam thơ giam đời trong mươi chữ:

Xuân đời chưa kịp hưởng
Mây mùa thu đã sang?

Nhà thơ đã tự tình như thế, ở tuổi chưa đến ba mươi, trong tập thơ ***Mây***. Người còn giăng tơ tâm sự:

Xuân có sang mà hoa không tươi
Ý ngát hoài chăng hề tuổi chớm ba mươi
Nằm say ngõ lạnh
Buồn nghe mưa rơi
Tuôn châu oà bật lên cười
Ta có là ta chăng hề Ai chớ là Ngươi
Chậu sành tiếng đập ngàn năm cũ
Họa điệu chiều nay xác rã rời

Và từ đó, hay trước đó, với Vũ Hoàng Chương, tất cả những mùa Xuân đều là:

Hương mùa-xuân-mất ngậm ngùi bay

Đã có nhiều người nói, và nói có cơ sở, là men rượu và khói thuốc đưa thơ Vũ Hoàng Chương ra khỏi không gian; và thơ Đường, thơ Tống, người đẹp Liêu Trai đưa thơ ông ra khỏi thời gian. Điều đó có thật, nhưng con người dù là người thơ, vẫn còn xương còn thịt chuyển động theo bốn mùa mưa nắng. Và cả bốn mùa đều in nét trong thơ Vũ Hoàng Chương.

Tác phẩm đầu lòng ***Thơ Say*** in năm 1940 gồm những sáng tác buổi hoa niên, nhưng họa hoằn lắm mới ánh lên một nét tươi xuân.

Thuyền nhỏ sông lam yểu điệu về
Cỏ chen màu liễu biếc chân đê
Tình xuân ai chở đầy khoang ấy
Hương sắc thanh bình ngập lối quê.

Nắng nhẹ mây hờ sương hơi hơi
Sương thưa nắng mỏng nhạc khoan lời
Dây đàn chầm chậm hôn lên phím
Muôn vạn cung Hồ lả lướt rơi

Thơ Say gồm có nhiều phần: Say, Mùa, Yêu, Lỡ Làng ... Phần *Mùa* chỉ có hai bài thơ ngắn, bài Dịu Nhẹ tả cảnh mùa xuân trên đây, bài sau là Mùa Thu Đã Về. *Thơ Mùa* đề tặng 'em Vân,' người yêu trong mộng, chính ra là Tố Loan, có khi được gọi là Kiều Thu. Chủ đề ***Mùa*** chứng tỏ nhà thơ coi trọng thời gian, nhưng loại thơ tứ thời bát tiết không nhiều, vì không nằm trong thi hứng Vũ Hoàng Chương. Bài thơ xuân *Dịu Nhẹ* hiếm hoi, nhưng vẫn mang phong cách đặc biệt. Dường như mãi đến 1952 ông mới có trọn vẹn một bài thơ Xuân khác, nhưng cỏ cây đã nhuốm màu Thiền. Bài *Thoát Hình* gồm bảy đoạn, một vần:

Rào rạt trong cây nhựa trắng ngần
Đã nghe dồn cả tới đài xuân
Đã nghe rào rạt từng cơn gió
Về mách tin hương với cõi trần
Muôn vạn tế bào đang huỷ thể
Vâng theo ý lớn nhịp xoay vần...

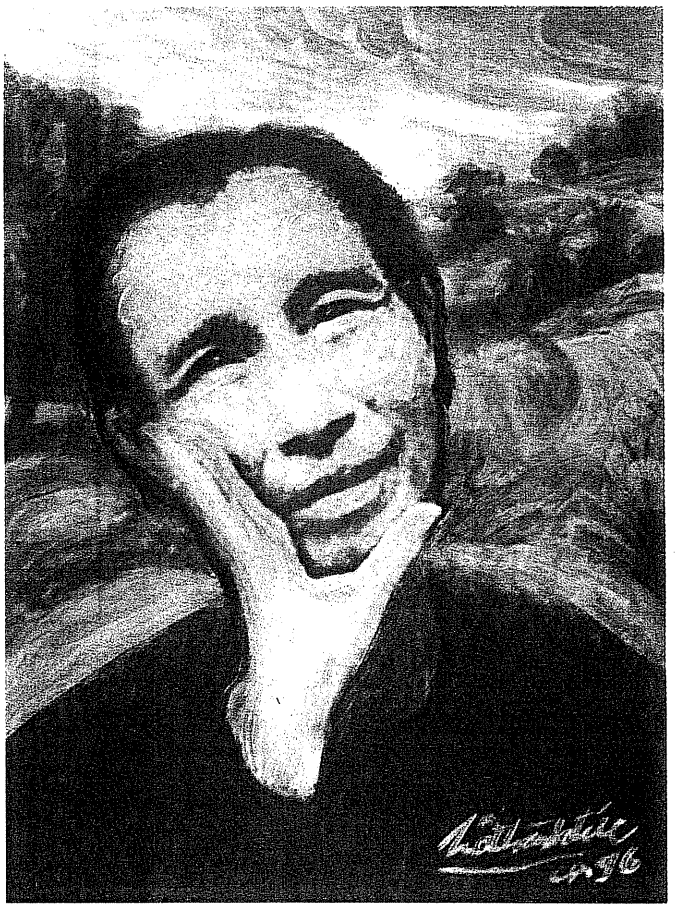

... Ta mở trang lòng nguyên vẹn mãi,
Chưa từng hoen ố vết trầm luân
Đêm nay xuống một bài thơ trắng
Cầu nguyện cho đời nở Ái Ân

Sau này, nhất là từ 1963, Vũ Hoàng Chương sẽ sáng tác nhiều thơ về Đạo Pháp, tuy nhiên nguồn thơ Đạo đã róc rách từ trước đó. Ngoài ra, bài *Thoát Hình* còn mang thêm dấu ấn của

khoa học và triết học, hai nguồn thi hứng sẽ phát triển sâu rộng hơn trong thơ Vũ Hoàng Chương về sau.

*

Hương mùa-xuân-mất ngậm ngùi bay ...

là một câu tiên tri. Di cư vào Nam, nhà thơ xem như thất lạc mùa xuân.

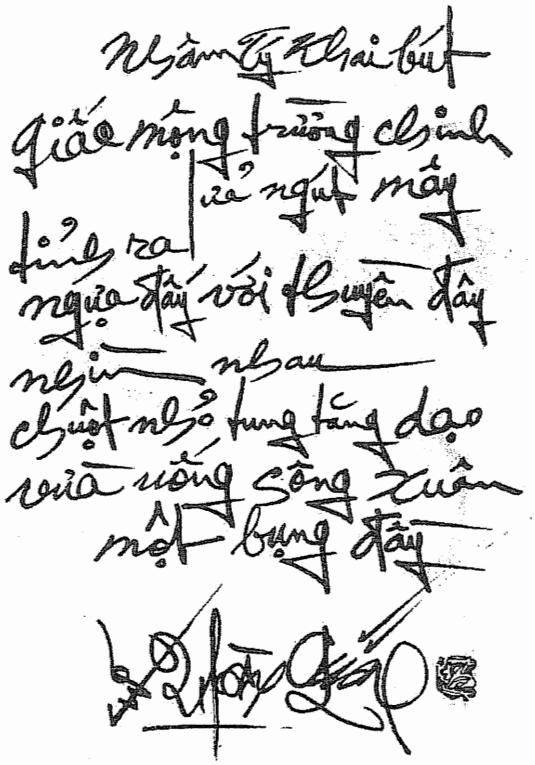

Bài *Nửa đêm Trừ Tịch* làm 1955; mùa xuân đầu tiên xa xứ:

Mười năm qua, đến bây giờ
Nhìn nhau thấy cả giấc mơ thuở nào....
(...)
Xuân về nhớ thuở ngát chiêm bao
Giòng nước trôi xuôi chợt nghẹn ngào
Lạc lõng vàng son màu lữ thứ
Cành mai gượng ánh mặt hoa đào

Mười phần xuân có gầy hao
Tấm lòng xuân vẫn dạt dào như xưa
Mấy phen biếc đón hồng đưa
Dẫu rằng xong, vẫn là chưa thoả nguyền

Đây là một bài thơ hay, giàu cảm xúc, trĩu nặng ưu hoài. Không mang nội dung, dụng tâm chính trị nào, nhưng đã bị Chế Lan Viên chiếu cố và mạt sát thậm tệ (1960) cho rằng *cái điều Vũ Hoàng Chương đáng hổ thẹn nhất và chúng ta đau xót căm giận nhất là bốn câu này:*

Có nghĩa gì đâu một chữ « về»

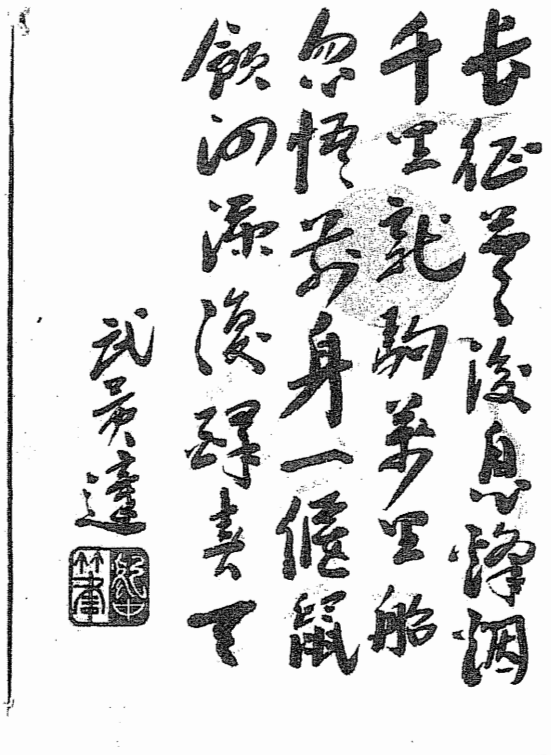

17

Nếu không ngàn dặm ngược sơn khê
Nếu không ngược cả mười năm ấy
Về tận kinh đô của «ước thề»

Theo Chế Lan Viên, chữ 'Về' là '*cái việc về thành, cái việc dinh tê về Hà Nội (mà) chẳng có nghĩa gì cả, thì trong tâm hồn nhà thơ này không còn ranh giới giữa cái tốt, cái xấu, cái đúng, cái sai, cái có nghĩa và cái không có nghĩa.*' (1)

Đây là lối viết vu oan giáng hoạ, vì chữ 'về', trong bài thơ, không có ngụ ý chính trị, chỉ là một ước vọng tình cảm, hay xa hơn nữa là một xu hướng tâm linh. Từ xưa thơ Vũ Hoàng Chương đã là một lối tìm về:

Lang thang từ độ luân hồi

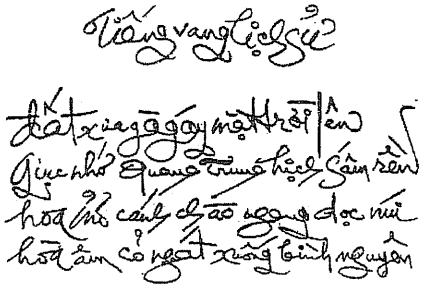

Tết Kỷ-Dậu 1969

Nguyên tác chữ Hán

KỶ DẬU HỒI THANH

Kê minh nhật thướng cựu sơn xuyên
Hồi ức Quang-Trung vũ hịch truyền.
Sơn vị sơn đâu hoa giải ngữ
Hòa âm xuân thảo nhiễu bình nguyên.

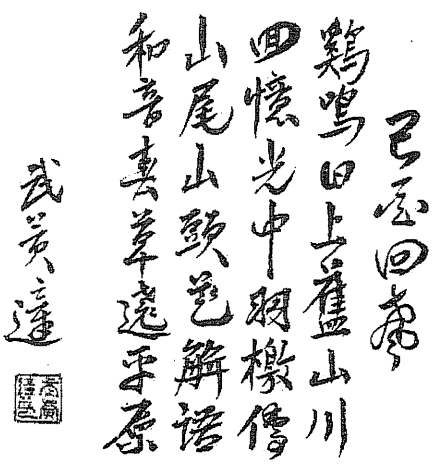

U minh nẻo trước, xa xôi dặm về
Nguyện Cầu, 1950

Còn mấy chữ "có nghĩa gì đâu," là phỏng theo Xuân Diệu :

Làm sao cắt nghĩa được tình yêu
Có nghĩa gì đâu một buổi chiều

Nếu nhất định gán cho câu thơ một dụng ý thời sự thì nên hiểu: việc hồi cư năm 1950, với Vũ Hoàng Chương không mang ý nghĩa một chọn lựa chính trị, mà chỉ do một nhu cầu một tình cảm riêng tư — có phần nào đó hoang tưởng — '*có nghĩa gì đâu*.' Còn về thời gian mười năm, từ thời Mây (1943) thi nhân đã nhiều lần nói đến: '*Mười năm thôi nhé mộng tan tành*'..., '*Tình mười năm còn lại mấy tờ thư*'... Thận trọng, chúng tôi đã hỏi lại bà Vũ Hoàng Chương và được chị trả lời là đúng như thế, và còn cho biết thêm: 'ước thề' ở đây không phải là chị ấy. Trong hồi ký chị có kể việc hồi cư, chẳng qua vì tình cờ chạy giặc.

Ngoài ra, giai đoạn này, Vũ Hoàng Chương còn có *Bài Ca Bình Bắc*, kể chuyện xuân chiến thắng của Quang Trung:

Nhớ trận Đống Đa hề thương mùa xuân tới
Sầu xuân vời vợi
Xuân tứ nao nao
Nghe đêm trừ tịch hề máu nở hoa đào
Ngập giấc xuân tiêu hề lửa trùm quan tái
Trời đất vô cùng hề một khúc hát ngao

Bài thơ là một thiên sử thi, ngợi ca hào quang dân tộc, nhưng hay ở những âm vang *vời vợi nao nao, vô cùng quan tái*. Nó là một khúc 'hát ngao' hơn là một anh hùng ca. Tác giả có tâm sự: bài thơ này đã thai nghén từ thập niên 1940.

Cùng trong nỗi u hoài *mùa-xuân-mất*, tết năm 1963, nhà thơ mơ tưởng một *Cành Mai Trắng Mộng*

Chín giao thừa, tám năm dư
Cành Mai trắng mộng đêm trừ tịch suông
(...)
Khói đâu mờ tím căn buồng
Thời gian ai đốt trên luồng thần giao
Cố đô lửa cháy gan nào
Sài đô son sắt như bào, như nung

Mậu Thân, 1968, Vũ Hoàng Chương làm nhiều thơ Xuân giọng hãi hùng cay đắng. Bài *Đục Trong*, làm theo lối cổ phong, toàn vần đục, khổ độc, gân guốc, gay gắt :

Chợ Tết mai lan cúc
Đắm mình trong bụi đục
Từng phiên nép mặt hoa
Thẹn không bằng khóm trúc
(...)
Liên miên khói lửa này,
Dám đâu mơ hạnh phúc
Lần lượt tre rồi măng
Đã tơi bời cốt nhục

Đoạn cuối, ê chề, xót xa thân phận :

Thân càng xót cho thân
Uổng gây hình ngọc đúc

Bài thơ có lẽ làm vào những ngày áp Tết Mậu Thân, sức khoẻ không tốt, cũng như bài *Bặt Khoá Buồng Xuân*, cùng một âm hao não nuột:

Miệng héo dần theo lòng khắc khoải
Năm nay rồi sắp thành năm ngoái
E khi chiều xế, tuyết thay tơ
Không cả chút tình thương nắng quái

Kẻ vô-hạn-hận không là gió
Xuân đến trà mi đời tự bỏ
Ngồi chín từng cao, thẳm đáy hang
Cùng ai gửi chút hương vò võ?

Toàn bài vần bằng, xen hai đoạn vần trắc nói trên, là u uất nhất. Và kết thúc với hình ảnh của Tết Mậu Thân: *thiều quang ngập máu đổ quyên hồng...*

Bài *Vỡ Mộng Liêu Trai* làm giữa ngày Tết tang thương :

Ma sợ cung vôi chạy vọt lên
Người thơ giữa lúc mở bầu men,
Khai xuân chưa kịp vui cùng khách
Đạn rót trời cao đã nổ rền

Nhưng Tết Mậu Thân 1968, tang tóc nhất là Cố đô Huế. Vũ Hoàng Chương làm một loạt tám bài đường luật theo thể liên hoàn liên vận dưới đề tài: '*loạn trung Huế cảm bệnh trung nhân*' (trên giường bệnh, cảm thương Huế loạn lạc):

Lăng miếu gần kề lưng chó sói
Thịt xương phó mặc vuốt diều hâu
(...)
Đạn réo vang vang lửa bốn bề
Như thiêu giường bệnh cháy cơ mê
Sốt dâng mạch loạn càng u uất
Máu chảy ruồi bâu thật não nề

Trước cảnh trúc chẻ ngói tan ấy, nhà thơ đau yếu, bất lực chỉ gởi lời cầu nguyện:

Mong người một nước soi gương cũ
Nguyện đấng ngàn tay độ nhiễu điều ...
(Huế Cảm)

Tết năm sau, Kỷ Dậu — 1969, sức khoẻ khá hơn, tình hình chiến trận, bên ngoài, có vẻ yên ắng, hoà hội Paris đang tiến triển và hứa hẹn, Vũ Hoàng Chương chợt nghe hồn thơ phấn khởi:

Tin Xuân gà gáy rách trời đêm
Tuổi nửa trăm vừa nửa chục thêm
Đủ thấy điềm lành hai nửa nước
Một nhà trong ấm với ngoài êm
(Mở Bút ghi Điềm)

Thi nhân ngất ngưởng, lạc quan như chưa bao giờ lạc quan ở tuổi hoa niên:

Chữ lựa vần gieo đắc ý rồi
Đèn khêu vừa tỏ nước vừa sôi
Nhựa say trà ngát thơ cao giọng
Hỏi chúa xuân rằng : ai có ngôi ?
(Hạnh phúc nào hơn)

Vũ Hoàng Chương thi sĩ còn là một Vũ Hoàng Chương kẻ sĩ, tâm hồn luôn luôn gắn bó với vận hưng suy của đất nước — cho dù ông có là nạn nhân của nhiều ngộ nhận và xuyên tạc. Mùa xuân Kỷ Dậu 1969 đưa hồn thơ về một năm Kỷ Dậu khác, 180 năm trước, mùa xuân Quang Trung, 1789, qua bài thơ chữ Hán:

Kỷ Dậu hồi thanh
Kê minh nhật thướng cựu sơn xuyên
Hồi ức Quang Trung vũ hịch truyền
Sơn vĩ sơn đầu hoa giải ngữ
Hoà âm xuân thảo nhiễu bình nguyên

Ông tự dịch :
Tiếng vang lịch sử
Đất xưa gà gáy mặt trời lên
Giục nhớ Quang Trung hịch sấm rền
Hoa mở cánh chào ngang dọc núi
Hoà âm cỏ ngát xuống bình nguyên

Đặng Tiến dịch ké:
Gà thúc bình minh sông núi xưa
Quang Trung thuở nọ, hịch truyền đưa
Sườn non lưng núi lời hoa mở
Nội cỏ hoà xuân, nhạc tấu mùa

Vũ Hoàng Chương sinh năm Ất Mão-1915 — giấy tờ thường ghi 1916 — tính đến năm 1969 là 55 tuổi ta. Ông tự hào thọ hơn... Khổng Minh một tuổi, có bài thơ thu gọn đời mình, giữa những dư luận thị phi, và trầm luân thế cuộc:

Chữ thọ vừa ăn đứt Ngọa Long
Bến nằm dư biết đục hay trong
(...)
Chỉ thương kiếp đá ai bày trận
Để ngấn vàng gieo chợt rối vòng

Nhưng phấn khởi, dường như chỉ được một mùa xuân ấy. Tết năm sau, 1970, bài "*Xúc Động Cuối Năm*" thật buồn:

Chơi xuân đất này không cỏ non
Thơ không vàng nữa, ấn không son

Hỡi ơi lòng chợt đau như cắt
Một nụ cười xuân cũng chẳng còn

Bài thơ tưởng niệm bạn tâm giao là thi sĩ Đông Hồ (1906-1969) vừa mới quy tiên trong năm. Người sành thơ nhận ra bóng dáng Đông Hồ: câu đầu lấy từ một câu tập cổ của tác giả *Bội Lan Hành: 'xuân du thử địa vô phương thảo,'* câu sau lấy ý từ bài *Vàng Son hoa nở hai mùa*:

Mùa vàng hoa mai hoa cúc
Mùa son hoa phượng hoa vông
(...)
Mùa vàng giàu thật giàu
Mùa son sang rất sang
(Đông Hồ)

'Một nụ cười xuân cũng chẳng còn,' là nhắc tên tập thơ *'Cô Gái Xuân'* (1935) của Đông Hồ.

Xuân Tân Hợi — 1971, lại thêm một mùa tang tóc:

Theo nắng trôi vàng, bạc nổi mây
Thương xuân lìa cội, Tết sa lầy
Sông Rồng bến Nghé đêm Trừ tịch
Phá vỡ vòng sao tự giải vây

Mách cho Lã Vọng về đây
Tha hồ câu, bến sông đầy tử thi

Tuý Ông ngồi rũ cánh Lan buồn
Nơi ấy đầy xương chất máu tuôn
Thà đợi một mùa Xuân Đích Thực
Âm thanh Cuồng sát tự dìm luôn
(Xuân Đối Diện)

Năm sau, 1972, khói lửa vẫn ngập trời:

Giấc mộng trường chinh lửa ngút mây
Tỉnh ra ngựa đấy với thuyền đây
Nhìn nhau chuột nhỏ tung tăng dạo
Vừa uống sông xuân một bụng đầy
(Nhâm Tý khai bút)

Tác giả tự dịch ra Hán Văn:

Trường chinh mộng hậu tức phong yên
Thiên lý long câu vạn lý thuyền
Hốt ngộ tiền thân nhất yến thử
Ẩm hà mãn phúc tuý xuân thiên

Lời thơ thanh thoát, dí dỏm. Nhưng tâm sự tác giả, thời điểm ấy còn u ám lắm qua bài *'Xuân Quạnh'* :

Hỡi ơi trầm ngát mùa cung điện
Ngõ hẹp ... Thôi rồi vẫn tịch liêu

Lầu Vọng-giai-nhân mãi quạnh nằm
Ngày xưa Kim Ốc chỉ mười năm
Đắng cay thế vị lòng vương giả
Ôi nguyệt tiền thân ngọt đoá rằm

Cuối năm 1972, hoà hội Paris bế tắc, chiến trường miền Nam ác liệt và Mỹ dùng pháo đài bay B52 oanh tạc Hà Nội suốt 12 ngày đêm cuối năm. Phải nhớ rõ bối cảnh đó, mới hiểu tâm trạng Vũ Hoàng Chương qua bài *'Đón Xuân Mười Chín'* làm trước Tết Quý Sửu (nhằm ngày 3.2.1973):

Bấm đốt từ di cư đến nay
Đón xuân vừa vặn hết bàn tay,
Sang sông Ngựa đã hai lần hí
Vạch đất Trâu thêm một luống cày
Lửa ném tràn lan đầu gió Bắc
Vàng rung thăm thẳm đáy hồ Tây
Bút toan chạy ngược đau lòng chữ
Núi vẫn nằm ngang bạc tóc mây
Dăm kẻ tri giao toàn kiết xác
Nửa đêm trừ tịch cũng vờ say
Hằng nga bỏ địa cầu đi mãi
Tết đến buồn không chịu vẽ mày

Xưa rồi lửa phóng tên bay
Giờ chơi nhạc sống nào đây hỡi giàn
Bóng ai trên đá ngồi gan
Có nghe rung một giây đàn lẻ loi
Trời xuân chẳng én đưa thoi
Mà như gấm dệt bức Hồi Văn qua
Nghé kêu đầy bến vàng hoa
(dẫn trọn bài)

Bài này đăng trên Giai Phẩm Văn Xuân Quý Sửu, phát hành ngày 15.1.1973, trước khi ký hoà ước Paris. Vậy Vũ Hoàng Chương phải làm trước đó, vào thời điểm:

Lửa ném tràn lan đầu gió Bắc
Vàng rung thăm thẳm đáy hồ Tây

Câu thơ ngụ ý: lửa thử vàng, Vàng Mười không sợ lửa, chế độ miền Bắc không khuất phục trước vũ lực thô bạo. Đây là một câu thơ nặng tình dân tộc, nhưng không mấy người để ý, như một thứ *cung đàn lẻ loi*. Ngược lại, người ta bới móc những câu thơ "chống cộng" để lên án và hạ ngục Vũ Hoàng Chương khi có cơ hội.

Người đọc vẫn tưởng nhà thơ sống trong mây khói, quên rằng Vũ Hoàng Chương gốc gác là một bộ óc khoa học, toán học, nên đã có những tính toán chi ly, chính xác: bàn tay, tổng cộng có 19 đốt, ứng vào con số 19 năm di cư sang sông (1954-1973). *Ngựa đã hai lần hý* là hai năm Giáp Ngọ (1954) và Bính Ngọ (1966). *Trâu thêm một luống cày* là hai năm Tân Sửu (1961)

và Quý Sửu (1973). Hai vần *mây* và *say* nhắc tên hai tập thơ đầu tay; *Nửa đêm trừ tịch* là tên một bài thơ. *Nghé kêu đầy Bến* ngụ ý bài thơ làm tại Sài Gòn, tên cũ là Bến Nghé.

Sau đó, hiệp định Paris ký ngày 27.1.1973, chấm dứt chiến tranh Việt Nam trên giấy tờ. Ngay ngày Tết Quý Sửu, Vũ Hoàng Chương có thơ kịp thời ghi dấu:

Ma là Người ... kiếp khác
Người là Trời ... đêm nay
Nghe chừng lửa đã tắt
Hai bờ Con-Sông này
Ở nhỉ! đâu còn Vết Cắt
Sao lòng ai vẫn chưa hay?
Nằm kia, người nín bặt
Vòng luân hồi đã ngược chiều quay
Ma thôi vất vưởng, trời thôi lưu đày
(Tin Xuân)

Vũ Hoàng Chương là người thiết tha với vận mệnh dân tộc và đất nước, gắn bó với kỷ niệm *Hàng Khay Hàng Trống hoa nào rụng*, nhất định phải kỳ vọng vào hiệp định 27.1.1973 sẽ mang lại thanh bình cho đất nước, và ngày thống nhất sẽ không xa. Dù rằng kỳ vọng ấy chỉ *rung một giây đàn lẻ loi*, và sau này sẽ không đúng với thực tế: đất nước sẽ thanh bình và thống nhất, nhưng trong những điều kiện khác — mà Vũ Hoàng Chương sẽ là nạn nhân.

Năm 1974, Tết Giáp Dần, thi nhân có bài *Thuý Vũ Đoản Từ*, trích toàn văn, vì ít người còn lưu giữ:

Cỏ Bồ ôm đá ngủ
Trong tranh từ bao giờ
Cho đến bây giờ
Còn say trong thơ
Vườn bỗng hót vang chim Thuý Vũ
Đèn xanh nến biếc đêm giao thừa
Nét bút gầy theo mực úa
Bao năm rồi tiêu sơ
Có phải xuân đang từ đáy lụa
Một chiều sâu không ai ngờ
Truyền tin về giấc mơ

Ánh nguyệt mung lung cành lãng đãng
Nghe lòng trời đất ươm tơ
Nguyệt vẽ mày cong dĩ vãng
Cành đơn hoa trắng tương tư
Ôi thôi áo vải đã màu nâu thuyền đã hư
Mối manh gì nữa còn ai nữa
Đành kết vào hương Thuý Vũ Từ

Tác giả giải thích: Thuý Vũ nguyên là tên một loài chim, sau thành tên một loài hoa: hoa mai trắng, nhiều cánh và nhỏ hơn Bạch Mai (2). Nói là thơ xuân, kỳ thực bài này nằm giữa mộng và thực. Nó quý ở chỗ phản ánh tâm trạng của tác giả thời đó, ông sẽ viết 'ta đành mất hết để còn nhau' (Huyền Lan Trường Từ, cuối xuân Giáp Dần 1974).

*

Thơ Tết thuộc vào những bài cuối cùng của Vũ Hoàng Chương là bài *Vịnh Tranh Gà Lợn*, làm vào ngày Tết Bính Thìn, 1976. Bài thơ được truyền tụng nhờ được truyền khẩu. Nhưng cũng vì truyền khẩu, nên nhiều dị bản khác nhau, nhiều bản sai lạc, vô nghĩa. Bà Vũ Hoàng Chương đã than phiền và ghi lại cho chúng tôi chính văn:

Vịnh tranh Gà Lợn
Sáng chưa sáng hẳn, tối không đành
Gà lợn, om sòm rối bức tranh
Rằng vách có tai, thơ có hoạ
Biết lòng ai đỏ, mắt ai xanh
Mắt gà huynh đệ bao lần quáng
Lòng lợn âm dương một tấc thành
Cục tác nữa chi, ngừng ủn ỉn
Nghe rồng ngâm váng khúc tân thanh

Bà ghi chú: Thơ có hoạ có ba nghĩa: thơ có xướng thì phải có họa, gọi là thơ xướng họa: thơ phản nghịch là tai hoạ; và thơ hoạ (vẽ) ra tranh. Vũ Hoàng Chương nổi tiếng là uyên bác: thơ ông thường sử dụng nhiều điển cố. Đặc biệt bài này ông sử dụng tục ngữ, theo truyền thống Nguyễn Trãi, Nguyễn Du. Bà lưu ý đến những tục ngữ: 'dừng có mạch, vách có tai'; 'xanh vỏ đỏ lòng.' Nhưng còn nhiều thành ngữ, tục ngữ khác như: 'tranh tối tranh sáng,' 'mắt xanh,' 'mắt quáng gà,' 'gà cùng một mẹ,' 'lợn âm dương,' 'con gà cục tác lá chanh, con lợn ủn ỉn mua hành cho tôi.' 'Khúc tân thanh' ngụ ý 'đoạn trường.' Còn ý nghĩa, ngụ ý dí dỏm nhưng thâm trầm của từng câu, từng chữ thì chúng tôi xin miễn giải thích, sợ làm mất cái duyên ngầm của bài thơ.

Chỉ mong văn giới ghi nhận: đây là văn bản chính thức của bài *Vịnh tranh Gà Lợn* của Vũ Hoàng Chương làm vào dịp Tết Bính Thìn 1976. Bà Vũ Hoàng Chương và chúng tôi chịu trách nhiệm về 56 chữ trong văn bản. Những dị bản khác nên xem như là truyền khẩu, 'tam sao,' được phổ biến trong nghịch cảnh.

Ngoài bài Vịnh Tranh Gà Lợn, ngày Tết Bính Thìn, 1976, mùa xuân cuối, Vũ Hoàng Chương còn họa bài *Khóc Tết* của Tản Đà, giọng thơ khí khái. Sau đó bài họa thơ Nguyễn Khuyến tóm lược đoạn đời ở miền Nam:

Di cư từ một chín năm tư
Đón Tết mừng xuân chỉ ậm ừ
Có đất ngòi đây là đất hứa
Gõ đầu trẻ cũng đứng đầu thơ
Ngã ra thì ngã thân Từ Hải
Chôn khó mà chôn mộng Tố Như
Nợ đã sông Tiền xuôi ngọn nước
Ai còn đeo đẳng khúc đuôi ư?

(câu bốn có nghĩa là : tuy chỉ làm nghề dạy trung học, nhưng đã hai lần được giải thưởng thơ toàn quốc)

Tâm trạng buông xuôi không còn thiết sống. Công bình mà nói, Vũ Hoàng Chương đã bi quan như thế từ nhiều năm trước. Những ngày áp Tết Canh Tuất, ông đã tâm sự với bạn thân là Nguyễn Mạnh Côn: *'Tôi bây giờ chỉ chờ ngày chết thôi. Lắm lúc muốn tự tử. Thơ không viết nữa, giá viết cũng không có người đọc. Vợ con thì không có gì ràng buộc mình.'* (Tạp chí Văn, Sài gòn, số 150, 1970).

Nhưng rồi lịch sử xô con người vào nghịch cảnh, từ vật chất đến tinh thần. Trong bài họa thơ Dương Khuê Xuân Bính Thìn, 1976, Vũ Hoàng Chương đã ước vọng một miền tịch mịch viên miễn :

Sáu mươi hai tuổi hãy mừng ta
Cũng trích tiên xưa tuổi ấy mà
Đời đã xong rồi mau tịch mịch
Sống làm chi nữa để phôi pha
Văn chương đến buổi văn nằm ụ
Tết nhất coi như Tết dối già
Tái diễn năm nay màn 'tróc nguyệt'
Không chừng vai chính sẽ là ta.

(tróc nguyệt nghĩa là đuổi theo ánh trăng đáy nước, nhảy xuống sông mà chết, như Lý Bạch)

Sau đó nhà thơ bị bắt, ngày 13.4.1976, giam ở ngục Chí Hoà, khi bệnh nặng, đưa về nhà mấy hôm thì mất, ngày 6.9.1976, nhằm ngày 13 tháng 8 năm Bình Thìn, lúc 23 giờ.

*

Tóm lại, ở thời trai trẻ Vũ Hoàng Chương ít có thơ Xuân trong các tập *Thơ Say, Mây, Rừng Phong*. Sau ngày di cư vào Nam, thơ xuân của ông thường là hoài niệm *hương mùa-xuân-mất ngậm ngùi bay*. Khoảng mươi năm về sau, ông có nhiều thơ xuân mỗi năm vì yêu cầu của báo giới; vả lại, ông thường dùng thể thơ ngắn, gọi là nhị thập bát tú, dễ sử dụng để ký hoạ một tâm trạng, một biến cố lịch sử. Do đó, những bài thơ hoàn cảnh lại là những bài thơ thời thế và thân thế giàu sử liệu và tư liệu.

Chúng tôi sưu tầm và giới thiệu thơ xuân của Vũ Hoàng Chương qua nhiều giai đoạn, để bạn đọc và văn giới có một chuỗi tư liệu. Nhưng nhất định là thiếu sót, nhất là những bài thơ đăng rải rác trên báo, hay rất nhiều thơ xuân thù tạc gửi bằng hữu.

Dùng từ cho chính xác, có thể nói là Vũ Hoàng Chương, theo yêu cầu mỗi năm của các báo, làm nhiều thơ Tết và ít thơ xuân. Và nói chung, thơ xuân Vũ Hoàng Chương, ở cái phần đọng lại trong lòng người đọc thường là:

Hương mùa-xuân-mất ngậm ngùi bay.

Người đời vẫn mơ ước những thành đạt làm nên sự nghiệp. Nhưng có những sự nghiệp lớn lao hình thành trên mất mát.

Cao quý và thiêng liêng thay, một sự nghiệp làm bằng mất mát.

Paris, Tết dương lịch, 2001

Viết lại Tết dương lịch, 2007

Chú thích:

1. Chế Lan Viên, Phê Bình Văn Học, *nxb Văn Học, tr.89, 1962, Hà Nội*

2. Bà Vũ Hoàng Chương – nhà thơ Đinh Thục Oanh – Xuân Kỷ Mão 1999 đã có bài **Mai Thúy Vũ** *để truy niệm phu quân:*

Cao sâu từng nhập bóng cây già,
Cây vẫn thân xưa bóng chẳng nhoà.
Vườn trải băng sương trăm thức cỏ,
Xuân còn Thuý Vũ một cành hoa.
Lòng nghe nắng ấm say đôi chút
Cánh để men hồng nhuốm phớt qua
Vang tiếng chim xanh về hót đấy,
Bồng lai hẳn nhớ kẻ đi xa.

Tôi đã hoạ lại, nay nhắc lại để ghi kỷ niệm và tư liệu:

Mộng Trắng Cành Mai, *trên cội già,*
Nắng thưa mưa nhạt, trắng không nhoà
Sang Tần *lỗi bước lầm* **Tâm Sự,**
Bút Nở Hoa Đàm *lỡ xác hoa.*
Ngồi Quán, Thơ Say, Thuyền Ghé Tạm
Rừng Phong, Đậm Nhạt — Hạc *về qua.*
Mây *xa, xa mãi, xa xa lắm,*
Một chị một em tình xót xa.

Paris, 15/8/1999

(những chữ in đậm là tên tác phẩm Vũ Hoàng Chương)

KHAI XUÂN THẠCH VẤN

LTS. Nhà phê bình Đặng Tiến là người khám phá ra bài thơ ***Khai Xuân Thạch Vấn*** này của Vũ Hoàng Chương. Sau khi nhà thơ qua đời, mùa hè 1979, ông từ Pháp về Việt Nam, cùng với Trần Phong Giao đến thăm bà Vũ Hoàng Chương, được bà giao phó bức di ảnh của thi sĩ, chụp năm 24 tuổi, đã đóng khung lồng kính, để trên trang thờ.

Đặng Tiến đã mang về Pháp và giữ nguyên si như vậy, không dám động đến, cho đến khi mới đây nhận lời giúp báo *Thế Kỷ 21* thu thập tài liệu về Vũ Hoàng Chương, ông mới đánh liều mở khung để lấy hình sao chụp cho tờ báo. Do đó, ông mới khám phá ra tờ giấy lót màu hồng đào, phía sau tấm ảnh, là một mảnh bìa của tờ báo *Nhà Văn,* Sài Gòn, số Xuân Ất Mão 1975. Trên mảnh giấy này có một bài thơ chữ Hán do chính Vũ Hoàng Chương viết, bài *Khai Xuân Thạch Vấn.*

Mặt bên kia của tờ giấy viết bài thơ có lời mở đầu "*sang năm thứ hai...*" của báo *Nhà Văn,* in ở giữa trang, hai bên có hai cột hình ảnh chân dung một số văn nghệ sĩ Miền Nam thời đó. Theo thứ tự từ trên xuống, bên trái: Nguyễn Thanh Trịnh, Hoàng Trúc Ly, Ngụy Ngữ, Nguyễn Tạo Lâm, Nguyễn Mai. Bên phải: Nguyễn Trung, Nguyễn Quốc Thái, Du Tử Lê, Từ Kiến Tường, Đặng Hải Sơn, Trần Dạ Từ.

Tòa soạn *Thế Kỷ 21* đã nhờ nhà biên khảo Từ Mai đọc và giảng giải bài thơ này, trong khi nhà phê bình Đặng Tiến gửi bài thơ về Hà Nội để nhờ giáo sư Nguyễn Huệ Chi làm công việc tương tự. Sau đây chúng tôi rất hân hạnh được đăng cả phần giải thích của giáo sư Từ Mai, lẫn phần dịch thơ và chú thích của giáo sư Nguyễn Huệ Chi. Riêng Đặng Tiến cũng đóng góp một bài dịch thơ. Vì bất ngờ, nên công việc này tòa soạn phải làm gấp rút và rất cảm ơn hai anh Từ Mai và Huệ Chi đã hợp tác nhanh chóng.

Kết quả, tình cờ và may mắn thôi, gọi là hồng phúc cũng được, đây là một giai thoại tuyệt đẹp, một lẵng hoa xuân kết bằng những đóa hoa tinh thần gửi đến từ những phương trời khác nhau, theo ngọn gió giao thừa, có lẽ do một anh hồn nào đó từ xa xăm phù trợ.

Thế Kỷ 21
Xuân Đinh Hợi, 2007

Bài Khai Xuân Thạch Vấn, thủ bút Vũ Hoàng Chương, mới tìm thấy

Phần chú giải của nhà biên khảo Từ Mai

Phiên âm và chép lại bài thơ theo lối chữ chân phương

KHAI XUÂN THẠCH VẤN

Tường vân mãn tọa, nguyệt bôi minh
Hi chúc xuân khai dạ bán quỳnh
Đông liễu tây đào song tận mỹ
Tần tang Yên thảo nhất hồi thanh
Tẫn giao cố quốc hoài kim phấn
Tự tả cuồng ngôn xuất thạch bình
Đối ngọa dữ sa trường túy ngọa
Cổ lai thùy dã chiếm cao danh?

開春石問

祥雲滿坐月杯明
嬉祝春開夜半瓊
东柳西桃双尽美
秦桑燕草一回青
儘教故国怅金粉
自寫狂言出石屏
頹卧與沙場醉卧
古來谁也占高名

Ít hàng của người chú giải

Theo nhà phê bình văn học Đặng Tiến, bài thơ thủ bút của thi sĩ Vũ Hoàng Chương được in trên một trang giấy hồng điều, mặt sau mang một vài chi tiết cho biết thuộc số Xuân Ất Mão 1975 của báo *Nhà Văn* tại Sàigòn. Theo nhà thơ Trần Dạ Từ, *Nhà Văn* là một nguyệt báo về văn do ông và cố thi sĩ Nguyên Sa cùng chủ trương, số đặc biệt Xuân Ất Mão 1975 có in một trang phụ bản để giới thiệu một bài thơ thủ bút của thi sĩ Vũ Hoàng Chương. Ta có thể yên tâm nói rằng bài thơ chúng ta đang đọc chính là bài nhà thơ Trần Dạ Từ đề cập tới, và đã xuất hiện tại Sàigòn nhân dịp Xuân Ất Mão, gần 1/3 thế kỷ trước đây.

Bức ảnh Vũ Hoàng Chương, Đặng Tiến mang sang Pháp năm 1979

Do một thói quen từ nhiều năm, mỗi khi gửi thơ với thủ bút chữ Hán để in trong các báo Xuân, thi sĩ Vũ Hoàng Chương thường gửi kèm theo các phần phiên âm, chú giải, có khi cả bản dịch bằng thơ, để làm rõ nghĩa bài thơ thủ bút. Nếu chúng ta có thể tìm lại toàn thể tập báo *Nhà Văn* Xuân Ất Mão (Sàigòn, tháng 2-1975), việc tìm âm và nghĩa bài thơ này không khó khăn. Nhưng sau cuộc "đổi đời" năm 1975, việc thấy lại tập báo này tại Sàigòn hiện nay thật không khác tìm kim đáy biển. Thi sĩ Vũ Hoàng Chương, vị hiền nội của ông, và thi sĩ Nguyên Sa đều đã qua đời. 30 năm chứa một cuộc bể dâu, nhà thơ Trần Dạ Từ cùng gia đình thi sĩ Nguyên Sa không ai còn giữ được tập báo ấy.

Trong một hoàn cảnh gần như vô phương, chúng tôi mạo muội nhận trách nhiệm được ông Chủ bút tạp chí *Thế Kỷ 21* trao cho là: phiên âm bài thơ ra quốc ngữ, đánh lại chữ Hán theo lối chân phương để mọi người có thể đọc dễ hơn, cùng giải thích một vài chỗ khó hiểu. Tuy có theo học tại Đại học Văn khoa Sàigòn trong ít năm từ 1959 tới 1963, chúng tôi chỉ mới có hoàn cảnh đọc chữ Hán trong sách in cùng những tài liệu giảng huấn viết theo lối chân phương, chứ chưa có cơ hội học chữ thảo bao giờ. Những chữ Hán viết thảo của thi sĩ Vũ Hoàng Chương lại thuộc loại khó đọc. Để cố gắng thực hiện nhiệm vụ được trao, chúng tôi

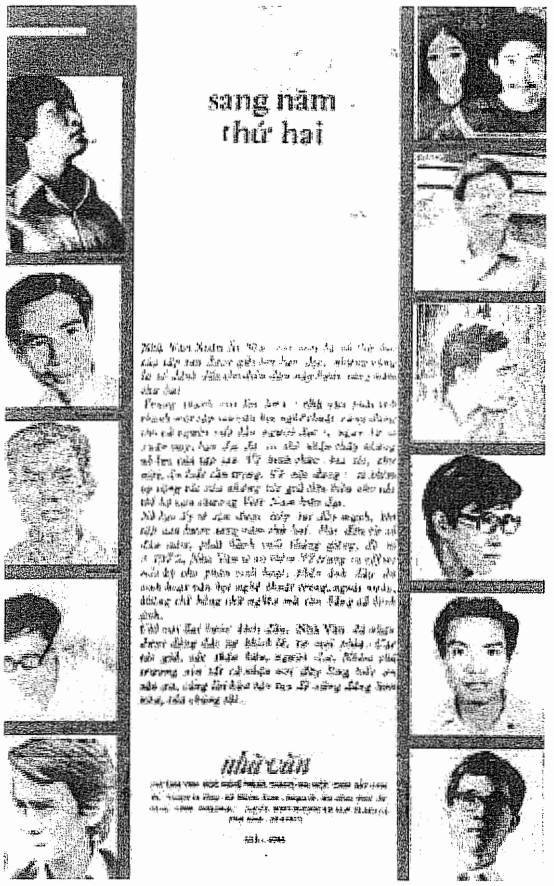

Mặt bên kia của bài thơ: Một trang của tờ Nhà Văn Xuân Ất Mão 1975

đã:

* một mặt kêu gọi sự tiếp tay của một số thân hữu có căn bản Hán học như các giáo sư Lê Văn Đặng, Lưu Trung Khảo, Nguyễn Ngọc Kỳ, Tiến sĩ Nguyễn Duy Chính... Giáo sư Đặng và Tiến sĩ Chính có hoàn cảnh vui với thảo thư trong mấy năm gần đây. Hai giáo sư Khảo và Kỳ từng có cơ hội đọc qua nhiều trang thủ bút khác của thi sĩ Vũ Hoàng Chương;

* một mặt tìm đọc lại các thi phẩm có kèm theo thủ bút của cố thi sĩ, hi vọng có thể gặp một vài chữ trùng hợp, hầu xác định những chỗ nghi ngờ.

Phần phiên âm và tạo chữ phía trên là kết quả những thảo luận giữa chúng tôi. Vì thảo thư là một nghệ thuật hơn là một khoa học, các nhà viết chữ thảo không bó buộc phải theo một thể cách duy nhất, nên dù đã hết sức cố gắng, chúng tôi vẫn không dám đoan chắc là đã phiên âm được đúng tất cả những chữ nhà thơ Vũ Hoàng Chương muốn dùng. Chúng tôi trình bày phần phiên âm phía trên một cách dè dặt, mong được nghe cao kiến của các bậc thức giả.

Người viết những dòng này không có cơ duyên ở gần thi sĩ Vũ Hoàng Chương giai đoạn ông sáng tác bài thơ này (Sàigòn, cuối 1974?, đầu 1975?). Lần đầu đọc bài thơ sau hơn 30 năm bị khuất trong bóng tối, tuy hết sức cố gắng để có thể trình bày lại một cách trung thực ý nghĩ ông theo như chỗ chúng tôi được biết, rất có thể có những chỗ sai lầm. Kính mong các bậc uyên bác, các vị yêu thơ Vũ Hoàng Chương cùng yêu quý thơ văn Việt Nam, không ngần ngại chỉ cho những chỗ sai ấy.

Thử phân tích bài thơ

Xét một cách khách quan, ba câu đầu của bài thơ không có gì đặc sắc:

Mây lành đầy khắp chỗ ngồi, ly rượu dưới trăng sáng lóng lánh

Vui đùa chúc Xuân sang, đêm đẹp gần như ngọc

Liễu bên đông, đào bên tây, cả hai cây đều tuyệt đẹp.

Đây là những câu "lề lối," cần có trong một bài thơ chúc Xuân để đăng trên báo Xuân, mô tả cảnh ngày Tết trong một gia đình trung lưu hay trên mức trung lưu ở miền Nam Việt Nam thuở ấy. Thi sĩ Vũ Hoàng Chương đưa ra cảnh một đêm xuân. "Mây lành" quanh chỗ ngồi có thể chỉ khói hương trầm. "Đông đào, tây liễu" có thể không dụng ý tả thực. Là những từ quen thuộc lấy từ ca dao:

Em ngồi cành trúc, em tựa cành mai
Đông đào, tây liễu biết ai bạn cùng?

bốn tiếng này đề cập tới cây cảnh chưng bày nhân ngày Tết một cách tượng trưng, có thể là đào, mai ..., khóm cúc hay chậu quất. Nói chung cả ba câu thuộc loại "thơ Xuân" được các báo đặt trước để in trong số Xuân, kèm với thủ bút chữ Hán của Vũ Hoàng Chương mà chính ông cũng thường gọi một cách đùa bỡn là "vẽ bùa" (viết kiểu chữ loằng ngoằng ít ai đọc nổi như trong những đạo bùa để "trừ tà," "trấn quỷ" của các pháp sư). Trong một bài thơ viết cho một người bạn ở xa để nói về cuộc sống hiện tại của mình, ông đã có những câu:

Báo chương mấy độ vẽ bùa
Chắt chiu cũng đủ tiền mua trăng rằm.

Ý tưởng đích thực của ông chỉ được đưa ra từ câu thứ 4:

Dâu đất Tần, cỏ đất Yên cùng xanh.

Tuy thoạt nghe như một câu thơ sáo chỉ để đối với câu thứ 3, Vũ Hoàng Chương muốn nhắc tới bài "Xuân tứ" của Lý Bạch:

Yên thảo như bích ti
Tần tang đê lục chi
Đương quân hoài quy nhật
Thị thiếp đoạn trường thì ...
(Cỏ xứ Yên như tơ biếc
Dâu đất Tần hạ thấp nhánh xanh
Lúc chàng mong trở về
Chính là lúc em đang đứt ruột ...)

Tiếp sau ba câu tả cảnh Xuân đẹp tươi, Vũ Hoàng Chương nhắc ngay tới cuộc chiến tranh đang xảy ra. Tuy người Mỹ đã rút khỏi Việt Nam từ 1973, quân đội miền Bắc vẫn đóng ở miền Nam và đang chuẩn bị tấn công. Trong cảnh Xuân tươi vẫn nhiều nỗi chia ly. Ông dùng "dâu Tần, cỏ Yên" để nói một cách kín đáo: giữa lúc Xuân tới, bao thiếu phụ, thiếu nữ đang não nề "đứt ruột," bao thanh niên, trai tráng đang sa trường dầu dãi, không được về với gia đình.

Câu 5 chuyển sang trình bày tình cảm:
Dù vẫn nặng lòng nhớ thương hương phấn nước cũ.

"Tẫn giao" có nghĩa là mặc dầu. "Kim phấn" nghĩa đen là phấn của nhụy hoa, nghĩa rộng chỉ trang sức của phụ nữ, nghĩa bóng chỉ nữ giới hay những nét đẹp mong manh. Tuy có mang tình cảm thiết tha ấy, tác giả vẫn:

Tự viết lời nói cuồng [để có thể] ra khỏi tấm bình phong bằng đá.

"Tả" có nghĩa là viết. Tháp Bút tại đền Ngọc Sơn ở Hà nội đắp hình một chiếc bút chỉ lên trời, phía dưới khắc ba chữ "Tả thanh thiên" (viết lên trời xanh). Theo nghĩa đen, "thạch bình" là tấm bình phong bằng đá, nhưng cũng có nghĩa là núi đá, vách đá ... dựng đứng như bình phong. Tác giả cho biết ông có một mối u uất, muốn viết ra, để "lời nói cuồng" của mình có thể vượt xuyên qua một vách đá dựng đứng. "Lời nói cuồng" ấy là một câu hỏi, được ghi lại trong hai câu 7 và 8:

Giữa người say nằm một cách suy nhược (ở nhà) và người say nằm ở sa trường
Xưa nay ai cao danh hơn ai?

Khi dùng hai tiếng "đồi ngọa" (say nghiêng ngả, nằm một cách suy nhược), Vũ Hoàng Chương muốn nhắc tới Lý Bạch trong bài "Xuân nhật túy khởi ngôn chí":

Sở dĩ chung nhật túy
Đồi nhiên ngọa tiền doanh
(Cho nên [ta] say suốt ngày
Nằm bừa ở hàng cột trước nhà)

Trong bốn tiếng "sa trường túy ngọa" (say nằm ở bãi cát), ông muốn nhắc tới hai câu chót trong bài "Lương châu từ" của Vương Hàn:

Túy ngọa sa trường quân mạc tiếu
Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi ?
(Say nằm trên bãi cát, xin anh chớ cười
Xưa nay đi chiến trận nơi xa, mấy ai trở về)

Vũ Hoàng Chương đã đưa ra quan điểm của ông: tuy Vương Hàn là một nhà thơ có tài và bài "Lương châu từ" với câu "Cổ lai chinh chiến ..." là một trong những bài thơ được truyền tụng nhiều nhất, chính Lý Bạch, với các biệt hiệu "thi tiên" hay "trích tiên," vẫn nổi danh hơn (Lý được coi là một trong ba nhà thơ quan trọng hơn cả ở đời Đường: Lý Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị. Sau đó còn Mạnh Hạo Nhiên, Vương Duy, Vương Xương Linh... và nhiều người nữa rồi mới tới Vương Hàn). Ông muốn nói một cách gián tiếp: say nghiêng ngả ở nhà (như Lý Bạch) đúng hơn say nơi sa trường như trong thơ Vương Hàn. Nói cách khác, ông "thà say sưa như Lý Bạch" chứ không chấp nhận chiến trường giữa anh em ruột thịt ngay trên quê hương.

Sau khi đọc xong cả tám câu thơ, chúng ta có thể yên tâm hơn để về với nhan đề. Ba chữ đầu tương đối rõ: Khai xuân thạch ... Chữ thứ tư rất khó đọc vì ông viết theo lối thảo. Nhận thấy cùng thuộc bộ "môn" với chữ "khai" ở trên và có chữ "khẩu" bên trong, giáo sư Đặng suy ra chữ "vấn" và chúng tôi đồng ý. Nhan đề bài thơ nhiều phần là "Khai xuân thạch vấn" (Xuân sang đá hỏi). Đây là câu hỏi "Ai cao danh hơn" nhắc tới trong hai câu 7-8. "Thạch vấn" còn có nghĩa là câu hỏi không thành tiếng, hỏi nhưng không thể thốt nên lời (tương tự "thạch nữ," người con gái không thể sinh đẻ, hay "thạch điền," ruộng không thể cày cấy). Tóm lại, đầu năm 1975, Vũ Hoàng Chương đã mượn một bài thơ đăng báo Xuân để đề cập tới cuộc chiến giữa người Việt trên quê hương, thảm họa đã khiến, và đang khiến, nhiều thanh niên Việt Nam đi không ngày trở lại. Tuy phải làm thơ cho báo Xuân, ông có một câu hỏi cay đắng không thể thốt nên lời.

Nhận xét

Đây không phải lần đầu Vũ Hoàng Chương bày tỏ niềm đau xót trước cuộc chiến giữa hai miền Nam Bắc. Ít lâu sau biến cố Mậu Thân 1968, trong một bài lục bát nhan đề "Chơi xuân," ông đã viết như sau:

Bao nhiêu chàng trai ra đi
Bấy nhiêu cô gái đến thì hỏi xuân

Hết quan, tàn mấy miền dân
Cớ sao còn chửa kéo quân vơ về?

Trong trò chơi "ô quan" của trẻ con miền Bắc thời trước, hai ô lớn hình bán nguyệt ở hai đầu bàn ô được gọi là hai "nhà quan." Trong khi chơi, nếu cả hai ô ấy đều không còn viên sỏi nào, sẽ gọi là "hết quan." Khi đã "hết quan," đối thủ ở hai phía bàn ô được quyền kéo hết các viên sỏi trong các ô gần phía mình về, ai thu được nhiều sỏi hơn là thắng: "Hết quan, tàn dân, thu quân kéo về." Ông mượn luật chơi ô quan của trẻ con thời trước để hỏi cả hai phía tham chiến: "Nay đã hết quan, tàn hại bao nhiêu miền dân, mà sao vẫn chưa chịu 'thu quân kéo về'?"

Ông phác họa cảnh một cô gái thơ ngây, "tóc mới buông thề," ngồi một mình chơi ô quan. Vì không người cùng chơi, cô phải kiêm cả hai phía, tự mình đấu với mình một cách hăng say:

Trò chơi sỏi đá tưng bừng
Đàn năm ngón ngọc qua từng cửa ô.

Vì kiêm cả hai phía nên cô vừa thắng vừa bại. Phía "hình" thua, phía "bóng" được. Trên danh nghĩa, tuy có một phía "được" nhưng cô cũng mệt nhoài. Ông không nói cô gái ham chơi, hiếu thắng ấy là ai, nhưng cho biết trò chơi này có hai thủ đô là "Rồng" và "Nghé":

Nghé kêu, Rồng quẫy hai đô
Sỏi khan rồi, đá cũng khô tâm tình
Được thua mình chỉ với mình
Hình thua, bóng được, cô mình buồn, vui?

Bài thơ khai bút năm Nhâm Tý 1972 được ông viết như sau:

Trường chinh mộng hậu tức phong yên
Thiên lý long câu, vạn lý thuyền
Hốt ngộ tiền thân: nhất yển thử
Ẩm hà mãn phúc, túy xuân thiên.

(Sau giấc mộng trường chinh, khói lửa đã tắt

Một con "thiên lý long câu" (ngựa hay, mỗi ngày vượt ngàn dặm), một chiếc "vạn lý thuyền" (thuyền tốt, có thể vượt vạn dặm)

Chợt nhận ra tiền thân: một con chuột

Uống nước sông thỏa thích, say với trời xuân).

Dù "thiên lý long câu" hay "vạn lý thuyền" thì cũng chỉ là công cụ cho người sử dụng. Ham danh tiếng hão (chẳng hạn "đạo quân tiên phong của thế giới vô sản," "tiền đồn của thế giới tự do"...) chỉ khiến người ta trở nên dại dột, tự nguyện làm phương tiện cho kẻ khác cưỡi lên để lao vào một cuộc chiến nhằm phục vụ quyền lợi của người khác. Hậu quả là gieo tai rắc họa khắp nơi và thân thể đầy thương tích. Trong năm Nhâm Tý (năm chuột) , ông mong ước khi khói lửa đã tắt, "long câu" và "vạn lý thuyền" sẽ cùng nhận ra tiền thân của mình và cùng nhìn thấy con chuột nhỏ (chắc ông muốn nói tới chuột đồng) trong hạnh phúc đơn giản, uống nước sông thỏa thích, vui say với trời xuân. Bản tiếng Việt của ông như sau:

Giấc mộng trường chinh lửa ngút mây
Tỉnh ra, ngựa đấy với thuyền đây
nhìn nhau: Chuột nhỏ tung tăng dạo
Vừa uống sông xuân một bụng đầy.

Tóm lại, sinh làm dân Việt những năm 1945-1975, chứng kiến bao thảm cảnh của cuộc huynh đệ tương tàn, thi hứng của Vũ Hoàng Chương không khác thi hứng của Giản Chi trong những câu sau đây:

Giật mình đợt súng xa đưa
Niềm quê hương chẳng gió mưa cũng buồn.

Mỗi dịp Xuân đến, nỗi buồn của ông không khác nỗi buồn của Đông Hồ qua những câu:

Giao thừa đâu nữa trầm phun xạ?
Nguyên đán về đây gió vẫn tanh!

Không tiện đưa những ý đau buồn ấy ra một cách quá rõ trong một bài thơ được yêu cầu viết để đăng báo Xuân (cần tránh nhắc tới chuyện buồn), ông phải mượn Lý Bạch, Vương Hàn ... và nói một cách xa xôi. Đọc lại ông 30 năm sau, chúng ta có quyền — và có bổn phận — nói ra cho ông tâm trạng cùng những dụng công ấy.

Năm 1965, để tưởng niệm 200 năm ngày sinh của Nguyễn Du, ông viết những câu sau đây:

Tiếng thơ từ buổi lên đường
Gươm đàn chắp cánh, đoạn trường ra khơi
Mang mang rốn biển, chân trời
Quặn đau ruột đất, rã rời vòng sao.

Theo ông, từ lúc Nguyễn Du trưởng thành ("gươm đàn chắp cánh") là lúc dân tộc bước vào một thời kỳ ly loạn và đau khổ triền miên: họ Nguyễn, họ Trịnh, nhà Lê ... theo nhau sụp đổ. Rồi cuộc tranh chấp kéo dài giữa Nguyễn và Tây sơn với bao nhiêu tàn sát. Nguyễn vừa thống nhất đất nước là tới cuộc xâm lăng của người Pháp, rồi 80 năm đô hộ. Ngoại thuộc vừa chấm dứt thì người Việt lại tranh giành, chém giết lẫn nhau. Đúng là:

Mở hai thế kỷ nghe vào
Xương khô lỗi nhịp, máu đào còn căm.

Qua mấy tiếng "máu đào còn căm," ông muốn đề cập tới tinh thần hiếu sát ghê gớm

trong những câu sau đây:

Giết, giết nữa, bàn tay không phút nghỉ

hoặc:

Mắt sáng quắc, tay xanh lòe mã tấu,
Vụt ào lên, quyết phanh thây, uống máu,
Giặc cường quyền,
Ôi khoái trá vô biên ...

Theo ông, nét đẹp trong thơ Nguyễn Du là kết tinh những đau khổ Nguyễn Du đã trải qua hay phải chứng kiến:

Nơi đâu trường dạ tối tăm
Để nơi đâu có trăng rằm đầy trang.

Ông ngậm ngùi thương xót thi hào họ Nguyễn:

Hồng bay, để dấu bất bình
Tuyết non cao thoắt hiển linh ý thần
Nỗi đau ném chữ, gieo vần...

Sau khi đọc xong bài "Khai xuân thạch vấn" ông đưa ra đầu năm 1975 với "câu hỏi không thể thốt nên lời" của ông, chúng tôi thành thật nghĩ: một số câu ông viết để truy niệm Nguyễn Du cũng đồng thời là những câu chúng ta nên đọc để tưởng niệm ông. Chẳng hạn hai câu: "Hồng bay, để dấu bất bình" và "Nỗi đau ném chữ, gieo vần."

Bài dịch của Đặng Tiến:

Trầm ca khai bút đêm Xuân

Mây *quấn ngôi thơ, rượu rực ngời,*
Đêm quỳnh chén ngọc chúc xuân tươi.
Đông tây đào liễu hơ hớ hớ,
Dâu cỏ Yên Tần phới phới phơi.
Tiếc nhụy - hoa nghiêng đài nhớ nước,
Cuồng ngâm - thơ dựng vách in trời.
Thơ Say *khướt hỏi người Chinh Chiến:*
Túy ngọa sa trường, ai nhượng ai ?
7.01.2007

Phần dịch và chú thích của Gs. Nguyễn Huệ Chi

KHAI XUÂN THẠCH KHÚC (1)
Tường vân mãn tọa tọa bôi minh,
Hy chúc xuân khai dạ bán quỳnh.
Đông liễu Tây đào song tận mỹ,
Tần tang Yên thảo nhất hồi thanh.
Tẫn giao *(2)* ***cố quốc hoài kim phấn*** *(3),*
Tự hữu cuồng ngôn xuất thạch bình *(4).*
Đối ngọa dữ sa trường túy ngọa,
Cổ lai thùy dã chiếm cao danh?

DỊCH NGHĨA:

KHÚC TRẦM TẤU
KHAI BÚT ĐÊM XUÂN

Mây lành đầy khắp chỗ ngồi, chén rượu sáng lóng lánh,

Đùa chúc cho phút giao thừa xuân sang, nhiều điều tốt đẹp.

Liễu phía Đông và đào phía Tây cả hai đều đẹp tuyệt,

Dâu nước Tần và cỏ nước Yên cùng một sắc xanh.

Dẫu cho vẫn nặng lòng nhớ thương hương phấn nước cũ,

Song đã có một lời ngông vọng lên giữa núi dựng như thành.

Giữa kẻ say nằm nghiêng ngả và người say lăn nơi sa trường,

Xưa nay ai lưu danh cao hơn ai?

Hai bản dịch thơ của Nguyễn Huệ Chi:

Bản dịch thứ nhất:

Chỗ ngồi mây bọc, chén long lanh,
Đùa khấn xuân sang: đêm tốt lành.
Đào, liễu Đông Tây đều tuyệt sắc,
Cỏ, dâu Tần Sở thảy tươi xanh.
Phấn hương nước cũ chưa khuây nhớ,
Vách dựng lời ngông đã trót thành.
Say khướt văn nhân, say tráng sĩ,
Xưa nay ai dễ chiếm cao danh?

Bản dịch thứ hai:

Mây lành vờn khắp chỗ ngồi,
Giao thừa rượu sánh, bỡn vời chúa xuân.
Liễu, đào dáng đẹp bội phần,
Cỏ, dâu mơn mởn mấy lần xanh tươi.
Phấn hương nước cũ chưa nguôi,
Vách cao trót đã buông lời nói ngông.
Sa trường ngất ngưởng mấy ông,
Cùng ta say xỉn, ai hòng hơn ai?

CHÚ THÍCH:

1. Chữ này trong bản viết rất khó đọc; bạn Phạm Văn Ánh đoán là chữ khúc 曲. Chữ *thạch* 石 có nghĩa là âm thanh không vang. *Chu lễ* 周禮。春官。典同：厚聲石*hậu thanh thạch*. Trịnh Huyền 鄭玄 chú: 鎛大厚。則如石。叩之無聲*Chung đại hậu, tắc như thạch, khẩu chi vô thanh.* Nghĩa là: chuông lớn mà dày thì như đá, gõ vào không có tiếng. Chúng tôi tạm dịch là khúc trầm tấu.

2. *Tẫn giao*: mặc dầu, mặc cho. Mai Khắc Trang 劉克莊 đời Tống trong *Hậu thôn tập* 後村集 quyển 6, bài *Sạ quy* 乍歸 thứ 9 có câu: 儘教人貶馭。喚作嶺南詩 *Tẫn giao nhân biếm bác / Hoán tác Lĩnh Nam thi*; nghĩa là: Mặc cho người chê bai khích bác / Gọi là thơ Lĩnh Nam.

3. *Kim phấn*: 1. Phấn nhụy hoa; 2. Chỉ những trang sức của phụ nữ; thơ xưa nói về chuyện phụ nữ thường dùng ẩn dụ này, ví dụ trong *Tây sương ký* 西廂記có câu: 香消了六朝金粉。清減了三楚精神 *Hương tiêu liễu Lục triều kim phấn / Thanh giảm liễu Tam Sở tinh thần*; nghĩa là: Mùi hương tiêu tan rồi phấn hương người con gái Lục triều / Sự trong trẻo giảm rồi tinh thần Tam Sở.

3. *Thạch bình*: Núi đá dựng đứng như bình phong. Cao Thích 高適 trong *Cao thường thị tập* 高常侍集 quyển 2 bài 宴韋司戶山亭院 *Yến vi tư hộ sơn đình viện* có câu: 苔徑試窺睨。石屏可攀倚。*Đài kính thí khuy tiễn / Thạch bình khả phan ỷ.* Nghĩa là: Lối rêu thử nhòm theo mà đặt chân / vách dựng đứng có thể vin vào mà dựa .

4. *Đối ngọa*: theo *Hán việt từ điển* của Đào duy Anh là đối nhiên túy ngọa 頹然醉臥: say quá nằm liều, cũng chỉ kẻ văn nhân thất chí.

ĐÊM * THƠ * VŨ HOÀNG CHƯƠNG

thanh tâm tuyền

Đoạn văn dưới đây là phần chính bài nói chuyện của nhà thơ Thanh Tâm Tuyền trong Đêm Thơ Vũ Hoàng Chương ngày 16-1-1975 tại phòng trà Khánh Ly, đường Tự Do, Sàigòn.

Sự hiện diện của các bạn cùng chúng tôi hôm nay là một cuộc tôn vinh cho thi sĩ Vũ Hoàng Chương. Chẳng những cho riêng thi sĩ, người suốt đời chỉ biết làm thơ – không biết, không thể làm gì khác – mà còn cho tất cả mọi thi sĩ và qua các thi sĩ là một cuộc tôn vinh cho Thơ.

Tôn vinh Thơ? Tại sao tôn vinh Thơ? Thơ quan hệ chi đến đời sống chúng ta? Sướng ích chi mà có những người để một đời như Vũ Hoàng Chương để theo đuổi thơ?

Thi sĩ có thể không biết – thật chăng? Có lẽ cũng chỉ là một cách nói riêng của thi sĩ. Riêng chúng ta có biết, chúng ta biết tận trong thâm tâm chúng ta, biết qua động cơ thúc đẩy cuộc hội họp tối nay được chính chúng ta dấu diếm bằng những lý lẽ rất tầm thường hằng ngày. Chúng ta biết rằng chúng ta muốn gặp mặt nhau, nhìn mặt nhau đêm nay: "Lũ chúng ta lạc loài năm bảy đứa – Bị quê hương ruồng bỏ giống nòi khinh." Chúng ta biết rằng khi mọi giá trị thiêng liêng đều chẳng còn đáng gì, đều bị liệng bỏ dần dọc theo đời người thì thơ vẫn còn lại. Phải thế chăng? Dù cho thơ có thể chẳng thay thế được các giá trị thiêng liêng. Không là giá trị thiêng liêng – có bao giờ thơ như thế? – thì nó vẫn ở cùng trong đời sống chúng ta – như lúc này, giây phút này đây – và nó đủ năng lực để cuốn đời sống chúng ta đến chân trời viễn vọng. Thơ nhắc rằng chúng ta đang sống, sống lạ lùng, sống với ta và sống với người.

Chúng ta còn có thể nói đến những điều ghê gớm hơn nữa về thơ nhưng rồi thơ lại còn có thể vượt ra ngoài mọi điều ghê gớm ấy. Tuy nhiên nói cho đến cùng (biết đâu là cùng?) Thơ vẫn chỉ là lẽ thường của đời người, là sự thường của kiếp sống – ngắn ngủi và vô hạn như một tiếng hát.

Ta còn để lại gì không?
Kìa non đá lở, này sông cát bồi.

Và lẽ thường của đời người, sự thường của kiếp sống là Thơ trong nỗ lực sống với ta và sống với mọi người rốt cuộc – cho đến bao giờ? – vẫn là sống với một số người nào đó, một bộ lạc nào nhất định. Nói như Đinh Hùng Thơ là "tiếng ca bộ lạc." Đêm nay chúng ta quây quần nơi đây nào khác, như giữa đám rừng dầy hung bạo có ngọn lửa kia đốt lên và tiếng trống kêu gọi ta đến. Ngọn lửa Thơ, lời gọi cùng thẳm của Thơ mời chúng ta đến tôn vinh cho Thơ. Thơ như nhịp trống bập bùng gọi ta về tụ hội, tiễn ta đi tản mạn, cầm chân ta ở lại vui chơi, giục ta đi săn đuổi mịt mùng.

Nhưng tôn vinh cho Thơ cũng là tôn vinh qua các thi sĩ – kẻ làm thơ, suốt đời chỉ làm thơ, không biết và cũng không thể làm gì khác. Giữa chúng ta có một vài người, như Vũ Hoàng Chương, Bùi Giáng.

Làm thơ. Làm thơ hành động tối thậm phi lý, mở mọi ngõ ngách phi lý, đẩy đưa đời người vào cõi phi lý. Ngõ ngách phi lý ấy là chính chúng ta, cõi phi lý ấy chính là đời chúng ta. Như đêm nay không giống mọi đêm đã qua và sẽ chẳng bao giờ giống một đêm nào ở mai kia. Làm thơ như rong chơi, quên lãng, hay làm thơ như tận tụy với một mối duyên tình hay làm thơ như đốn ngộ hốt hoảng thì vẫn là cái "không thể làm" được ở đời người, ở kiếp sống. *Tri kỷ khả nhi vi chi*, biết không làm được mà lại cứ làm. Tại sao? Tại sao vậy?

Trầm trọng phải không? Tự nhiên cái sự thể nó như thế. Trầm trọng cũng là tự nhiên của thơ và của việc làm thơ.

Thi sĩ đêm nay của chúng ta Vũ Hoàng Chương – làm thơ suốt một đời. Một đời để ra làm thơ. Thơ Vũ Hoàng Chương đi từ "Đêm Hoa Đăng đèn xanh bóng trăng" từ "Phách ngọt đàn say đêm khói êm" từ "Áo vải mộng phong hầu" đến "Ngồi quán" đến Isabel Baes đến nhị thập bát tú và không gian "bốn bề vẫn chỉ một phương," đến Ngày lớn. Chúng ta không thể nào hiểu Vũ Hoàng Chương còn đi đến đâu – hỏi thực cũng như chúng ta đây chúng ta trong giây phút này có biết chúng ta đi đến đâu – nhưng hiện thời chúng ta cũng đang biết - biết gì? – biết Vũ Hoàng Chương đang ăn nằm với Thơ như đang ăn nằm với cái chết. Chết cũng là một cách nói thôi. Như Trang nói chết là tỉnh giấc chiêm bao. Và có "tỉnh lớn" thì mới biết được "chiêm bao lớn." Ta có một đời để sống, để chết hay có vô vàn đời? Ai biết? Mà nói chi những điều ấy. Nhưng người làm thơ cứ nói. Nói miết. Thay nhau nói. Tranh nhau nói. Để làm gì?

Thôi nói chi những chuyện ấy. Thơ là lời và hơn lời. Đã đến lúc chúng ta cần nghe thơ. Thơ đọc trong đêm nay dành cho Vũ Hoàng Chương.

16-1-1975 (Văn, *giai phẩm, 14-2-75)*

Mai Thảo kể lại

LTS. *Những dòng dưới đây của Mai Thảo kể lại một buổi họp mặt văn nghệ tại nhà Vũ Hoàng Chương, có lẽ là lần cuối cùng, mà chúng ta còn biết được trước khi miền Nam sụp đổ.*

25.1.75

Cùng trở lại Út Viên biệt thự với Cung Tiến, Phan Lạc Phúc, Thái Tuấn, Hoài Bắc, Thanh Nam. Trao tận tay Vũ số tiền 600 ngàn đã trừ mọi phí khoản thu được về đêm thơ ở Khánh Ly trà thất. Tóc Vũ như tóc thằng bờm, bờm hết mọi sợi. Chân cẳng Vũ, hai cái ống trúc, làm khẳng khiu cả một vùng cầu thang. Bàn ghế dẹp, theo yêu cầu. Chiếu trải trên nền phòng. Cảnh tượng tháo giầy cùng dăm thế ngồi dân tộc tính gợi không khí một họp mặt tiền chiến của đám thi sĩ Tiểu Thuyết Thứ Bảy đầu bù tóc rối.

Vũ nhận gói bạc, hơi ngỡ ngàng. Nhiều thế này. Cho cám ơn cả nhé. Đoạn, chìa mấy tờ giấy: đây, cảm đề ít hàng đêm thơ tao. Chúng tôi truyền tay nhau hai cái tứ tuyệt. Của chị Mộng Tuyết, giấy vàng ngà quý phái, nét chữ nhi nữ thanh nhã:

Thế kỷ lầm hay đã chẳng lầm
Mà nghe bốn bể vọng thanh âm
Duyên thơ gợn sóng trên tơ nhạc
Đồng điệu hòa lên khúc cẩm tâm

Của Vũ:

Thế kỷ đang còn một góc thôi
Mà duyên nhiều thế ư hai mươi?
Đêm thơ quán nhạc tình tri kỷ
Tận thế rồi men cũng chẳng vơi.

Rồi, trong hoàng hôn Tây Bắc Sàigòn, sự quây quần chung quanh một bữa nhậu thanh đạm dọn trên mâm đồng. Chuyện mở vào thơ, tất nhiên. Gọi về Thâm Tâm. Rủ Nguyễn Bính tới. Cho Xuân Diệu, Huy Cận, ngồi ghé một mép chiếu. Nhấp một ngụm rượu của thời bây giờ, thả ngược cái ngà ngà hậu sinh nơi mình, tới những xứ thơ, những cõi thơ đã tịch lặng, tôi vỡ nhẽ được một điều thơ này là phải ở thật sâu và xa trong mịt mùng tịch mịch, những bài thơ bất hủ mới sáng chói tới cùng độ ánh sáng, trong suốt tới cùng độ trong suốt. Như cái hiện tượng một vật thể có phản chiếu, khi đã ở thật cao trên thượng tầng không khí, không còn bị

Bìa tờ Văn, Sài Gòn, đầu năm 1975. Hình Vũ Hoàng Chương do Cao Lĩnh chụp

khí quyển độc vẩn che lấp, vật thể đó mới cực điểm hào quang. Nghe Vũ vừa đọc vừa dẫn giải một số hạt ngọc của thơ nghìn cũ, tôi theo chân bạn, đẩy nhẹ cánh cửa Tịch Mịch, lọt được vào một cõi thơ Đường nguy nga những hạc vàng. Đứng lại, kính thành, trước từng bài thơ Đường nâng đẩy tình, nghĩa, tri kỷ, bằng hữu lên thành khí phách trí thức và hoài bão một đời, thần giao cách cảm trong khoảnh khắc với những Giang Nam trăng nước, Tô Châu núi non, Động Đình dương liễu, bỗng thấy được, dầu rất đỗi mơ hồ, thế nào là trạng thái linh hiển của ngôn ngữ trác tuyệt. Phi phàm, hiển thánh, siêu việt. Chỉ có thơ, ở những thăng hoa tột đỉnh, tất nhiên xứng đáng những danh xưng này. Và tài năng. Bất chấp mọi phán đoán, tài năng, một giá trị tương đối, hàm hồ, lại là cái đích thực, hiển nhiên nhất của mọi giá trị mặt đất. Lăn ra khỏi những lớp lớp từng từng giá trị hư ngụy và đầy ngờ vực khác, tài năng sáng chói, dù dưới nghìn thước sâu. *Như lân tinh trong búi cỏ về đêm.* Tô Thùy Yên.

(Văn, 14.2.1975)

Hồi Cư

ĐINH THỊ THỤC OANH

Mấy ai liều chết vì Thơ
Tự bao giờ đến bây giờ vì nhau
V.H.C.

Năm 1945 là năm đói kém mất mùa, không phải vì thiên tai mà do giặc Nhật gây ra, ruộng vườn khắp miền quê bị giặc chiếm, giồng đay để dùng về chiến tranh sao đó, nên không gieo mạ cấy lúa được, dân quê nhiều vùng không có gạo ăn, kéo nhau lên tỉnh xin ăn. Số người đông vô kể, hàng ngày họ lũ lượt từng gia đình, mỗi bọn hàng chục người đến mọi nhà trong thành phố xin tiền, cơm gạo v.v... Có gia đình khá giả họ cũng không làm gì được để có cái ăn, nên đã rở nhà, tháo dui kèo cột gỗ vách ván, gồnh gánh đem lên tỉnh bán cho người ta làm củi đun! Cả bàn thờ giường phản bàn ghế, cái gì đun được là họ tháo ra đem đi bán. Còn đồ dùng như bát đĩa cổ mâm đồng, đỉnh đồng, đồ thờ v.v... đem đi bán đổi lấy tiền bạc mua gạo thổi cơm ăn...

Đúng là họ đã thực hiện câu: "Ăn để mà sống!" nên không ngần ngại gì mà tung hê tất cả... để ăn đã, phải sống, sống cho qua lúc bấy giờ rồi, sẽ tính sau...!

Nhà anh Chương ở phố Bến Thác Nam Định, ngay đầu bến Đò Quan. Dân nghèo qua đò, khiêng gỗ ván bàn thờ tháo ra... thường ngồi nghỉ trước hiên nhà chúng tôi. Tôi cũng mua mỗi ngày mấy gánh gỗ kiểu đó, chất đầy một nhà kho.

Nhà anh Chương lúc bấy giờ buôn bán thóc gạo, mà cũng không có gạo để mà mua chất vào kho bán nữa, nên kho trống mới có chỗ chứa củi. Cũng là một cách giúp đỡ tiết kiệm, chứ không có cách gì mà làm phúc cho xuể với số người như cả một đạo binh suốt ngày lớp ấy đến lớp khác qua nhà lải nhải xin ăn. Những ngày ấy nhà tôi phải đóng cửa hàng nghỉ bán.

Anh Chương bàn: Bây giờ mỗi ngày mình thổi vài yến gạo làm cơm nắm, mỗi nắm chừng ba bát cơm đầy. Sáng đem ra cửa nhà, cứ mỗi người phát cho họ một nắm. Hôm sau người làm đã thực hành, lục đục cả đêm thổi cơm và nắm được hai thúng đầy, cứ bọn nào đi qua cũng phát cho từng người mỗi người một nắm. Chỉ mới hết một thúng thì giặc... đói đánh hơi thấy bèn xông đến, vây kín cửa chen nhau... Cướp! Không để cho mình kịp phân phát nữa...

Bà Vũ Hoàng Chương, nhũ danh Đinh Thị Thục Oanh - 1955

Sợ quá, mấy người làm vội đẩy thúng cơm ra cho họ cướp! Và vội đóng cửa lại. Nhà cửa hàng làm cánh cửa lùa bằng gỗ, sau khi thúng cơm đã cướp hết, họ tưởng trong nhà còn cơm nữa, nên đập cửa rầm rầm rung chuyển. Người nhà phải đứng ở trên ban công, bắc loa tay nói xuống: Xin mọi người đến Nhà Thờ Lớn mà lãnh cơm ở đấy đang phát

chẩn đấy, đây hết cơm rồi... Thế là họ ào ào chen lấn nhau chạy cho nhanh... đến nhà thờ!

Ngày hôm sau anh Chương lại bàn: Phát chẩn ở nhà không được, nguy hiểm lắm. Mình sẽ làm kiểu khác. Hôm nay cũng cứ làm cơm nắm, mình sẽ xếp cơm vào một cái bị cói lớn, và một xấp giấy nhật trình. Chờ tối cho người nhà và cả chúng mình nữa, mỗi người đeo một bị đi giọc hè phố, khi thấy họ mệt đang nằm nghỉ trước hiên những nhà rộng, mình cứ lặng lẽ đi qua nhẹ nhàng để vào giữa chỗ họ nằm một gói cơm, đông thì gói lớn mà ít người thì gói nhỏ... Bất ngờ họ chưa nhận ra cái gì, thì mình phải rút lui thật nhanh vào bóng tối, rồi đi tiếp đến bọn khác, nhớ là họ đang nằm, nếu họ đứng thì đừng đưa... Vì sẽ bị cả bọn đuổi theo giật luôn cả bị đấy. Hôm đó có họa sĩ Hoàng Lập Ngôn ở Hà Nội xuống chơi với anh Chương vài ngày. Tối đó anh Ngôn cũng tham gia đi cứu đói với bọn này. Anh Chương còn cẩn thận dặn thêm: Người nhà thì đi phố khác, còn ba chúng mình cứ đi giọc phố Bến Thóc này thôi, nhưng cách nhau chừng năm thước, nhỡ họ phát hiện ra là có... sứ giả của đội cứu đói đi qua, và họ vùng lên đuổi theo... thì mình còn kịp... cứu nhau chứ!

Kế hoạch đã bàn xong, bảy giờ tối lên đường, cứ theo thế mà làm. Mấy lần suýt bị họ phát hiện, khi tôi quay lại thì thấy hai, ba mạng đứng phắt dậy, nhìn trước nhìn sau, để xem người nào bỏ cơm xuống ở đâu, thì chạy theo lấy nữa, nhưng mình đã đề phòng rồi, nên vội biến ngay vào bóng tối.

Trải qua một đêm cứu đói hãi hùng! Hôm sau không tiếp tục nữa. Cụ Huyện bèn quyên vào ban cứu đói của Phường Bến Thóc bốn bao gạo. Sau nạn đói một tháng thôi, là đến nạn no! Chết no... Có nghĩa là... bội thực. Vì đói quá, ăn nhiều, ăn lấy được, nên bị bội thực cũng chết. Rồi đến bệnh chấy rận, người chết đói, chết no, chết bệnh chấy rận đầy đường. Sáng mở cửa nhìn ra đường, người chết nằm ngay trước cửa nhà, tôi đi chợ phải bước qua xác chết là thường. Từ nhà ra chợ gặp ít nhất là bốn xác chết, người chết đen thui tay chân khô như cánh củi, rận chấy ở trong người bò ra đen ngòm như kiến. Hàng ngày có xe ba gác do những người chuyên đi nhặt xác chết bỏ đầy xe, đẩy ra nghĩa trang ở ngoại ô, đào nhiều hố sâu và to, đổ xác xuống, rồi đổ vôi bột lên, lấp đất chôn tập thể.

Không phải ở thành phố có nhiều người đói mò đến rồi chết mà ngay ở miền quê người cũng chết như rạ.

Cuối năm 1946, khi chúng tôi tản cư về các làng ở Cổ Lễ, Nam Trực, Thái Bình... thấy những thửa ruộng đã được gieo mạ, những cây mạ mọc lên xanh um tươi tốt mượt mà, nhưng không mọc đều mà cách vài thước lại có một khóm chỉ dài bằng một người nằm. Những người ở đấy họ bảo: ... Đây là những người chết đói năm trước được vùi xuống ruộng, nên chỗ đó có... thịt người! Nhiều chất bổ nuôi dưỡng cho cây mạ tươi tốt thế đấy! Không phải là họ nói đùa đâu, mình cứ suy ra như các nhà khoa học... sinh thái thì sự thật là như thế đấy!

Chúng tôi tản cư về làng Hành Thiện, Phủ Xuân Trường tỉnh Nam Định. Hành Thiện là một làng văn vật nổi tiếng trong nước.

Năm 1947 Vũ Hoàng Chương và Đoàn Văn Cừ xuất bản tập thơ Lửa do cơ quan Tuyên truyền Văn nghệ Liên khu III ấn hành để cổ vũ kháng chiến chống Pháp của toàn dân. Năm 1948, Vũ Hoàng Chương tham gia Liên Hoan Văn Nghệ phân khu III tại Thái Bình, có nhiều đóng góp tích cực và đã ở lại dạy học tại đó. Cuốn thơ Lửa đã được giải thưởng cụ Hồ bằng hiện kim.

Đó là những bài thơ Kháng chiến. "Nhớ về Hànội vàng son" có những câu:

Lưng chừng thế kỷ thứ hai mươi
Khoảng giữa mùa Thu đẹp tuyệt vời
Chói lọi sao vàng Hoa vĩ đại
Năm cánh xòe trên năm cửa ô...

Hoặc: ...
Hà Nội tiếng reo hò bất tuyệt
Vang vang bờ nọ Thái Bình Dương
Ôi! Ngày mười chín ngày oanh liệt
Vạn ước mong dồn một ước mong...
Ôi mùa thu ấy mùa tin tưởng
Một tấm lòng mang vạn tấm lòng...

Và:
Mở cánh phên lữ điếm
Một mình say bước ra
Mài bút rỉ làm kiếm
Múa vụn tơ trăng ngà
Ngâm rụng sao Thái Bạch
Mấy vần Kháng Chiến Ca
... V.H.C

Đầu năm 1949, Đinh Hùng làm báo Cứu

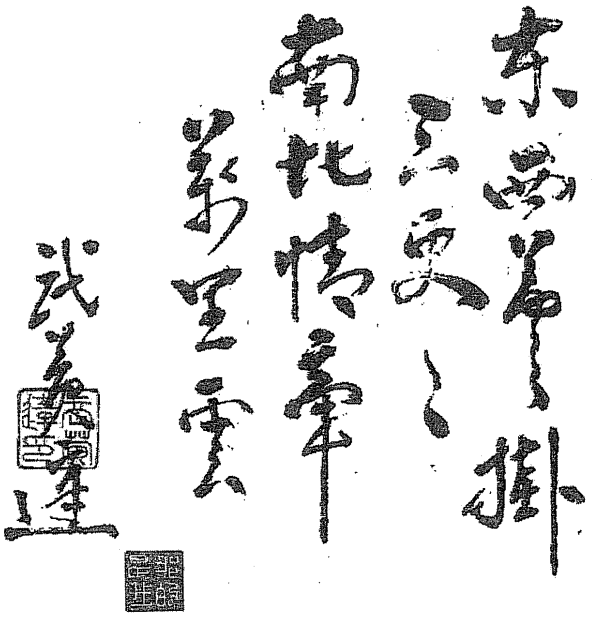

☆ Page calligraphiée par l'auteur, représentant la version chinoise des 3ème et 4ème vers du poème "*Séparation de deux amis en temps de guerre*"

Quốc đóng ở Chợ Đại, Vân Đình, Nam Định, biết anh Chương đang dạy học ở trường làng Đông Quan, Thái Bình. Vì báo Cứu Quốc chuyển trụ sở đi xa, Hùng không theo mà sang Thái Bình ở với chúng tôi, cùng dạy học với anh Chương, lúc đó Hùng mới lập gia đình.

Cuối năm 1949, giặc Pháp ở các cứ điểm Nam Định, Thái Bình xông ra đánh chiếm vùng tự do. Dân làng chạy loạn hết cả, mạnh ai nấy chạy, chúng tôi chẳng biết chạy đằng nào, đến đâu người ta cũng bỏ nhà bỏ cửa đi đâu hết, cả làng vắng tanh, chúng tôi chạy sang làng bên cạnh, họ cũng biến đi đâu hết, tài thật, phải phục họ về cái tài lẩn trốn... Vợ Hùng lại mới sinh cháu Đinh Hoài Ngọc được một tháng. Dù vườn không nhà trống thì tối cũng phải kiếm một nhà vào nghỉ ngơi, để hôm sau lại đi sớm.

Ba hôm đi như thế lương thực dự trữ đã hết, ngày thứ tư phải vào một nhà cũng không có người. Cố lục tìm xem có thứ gì ăn được chăng, nhưng nhà này lại nghèo quá, chẳng có lấy một đấu gạo. May quá, cuối cùng cũng lục được một buồng chuối xanh chủ nhà dấu ở trong đống trấu, bèn lấy ra bỏ vào nồi đất đổ nước vào đem luộc bằng rơm cho thật dừ, cũng chống đói được đến hôm sau.

Sáng ra cả bọn lại bắt đầu chạy sang làng bên cạnh, đang đi trên đường đê thì thấy phía trước rầm rộ một đoàn quân lính Lê Dương tiến tới, cả lính Angérie (Tây đen rạch mặt) và hai bên bờ ruộng xuất hiện rất nhiều quân lính Bảo Hoàng (Việt Nam). Họ bắc loa kêu gọi đồng bào tản cư hãy trở về Hà Nội, để tránh những tai nạn bom đạn sẩy ra v.v...

Lúc đó sắp đối mặt với bọn lính Lê Dương và da đen rồi, Đinh Hùng cuống quá vội lôi trong bị quần áo lấy ra một cái tả trắng của con ra buộc vào cái can giơ lên và đi thẳng đến tụi lính, chúng dừng lại và nói một tràng tiếng Pháp, Chương, Hùng đối đáp trôi chảy, rồi một tên lính đưa cả bọn đến gặp vị quan Tư người Pháp. Anh Chương trình bầy... Mình là gia đình tản cư, đến đây dạy học không phải là Việt Minh. Sau đó theo bọn quan quân Pháp về căn cứ khai báo. Có cả người Việt Nam là lính, mà họ gọi là: Việt gian. Ông quan tư cho một lính Việt Nam quản lý bọn này, lo thu xếp chỗ ở và ăn uống.

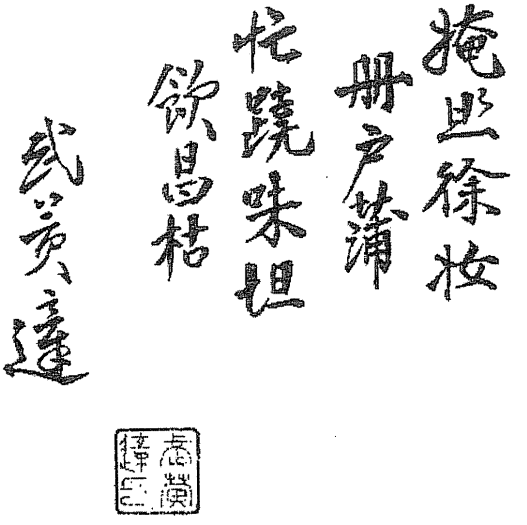

Page calligraphiée par l'auteur, représentant les 2 premiers vers du poème MON AMIE PILOTE *dans l'ancienne écriture vietnamienne.*

Đoàn quân này đang đóng ở nhà ông Chánh tổng. Gia đình ông Chánh chạy trốn hết rồi. Nhà rộng sân lớn, xung quanh nhiều lớp nhà ngang. Nhà chính thì như tòa dinh thự, nơi đó các sĩ quan Pháp đóng. Nhà này thì nhiều thức ăn dự trữ, vì sắp Tết, gà nuôi trong chuồng, chim bồ câu, gạo tám thơm, gạo nếp, dưa cà mắm muối hàng vại lớn v.v... Lính tha hồ ăn. Họ cho chúng tôi ở một gian nhà ngang của ông Chánh, nhà ngang mà cũng đầy đủ tiện nghi. Họ cung cấp thức ăn hàng ngày, cả đồ hộp nữa. Bên ngoài cũng có lính gác. Ở đấy được ba ngày thì họ lại kéo quân đi. Và tất cả tù binh cũng phải theo họ đi, ngoài gia đình nhà tôi còn rất nhiều gia đình khác là tù họ bắt cũng phải đi theo, đàn ông, đàn bà trẻ con, hàng trăm người nhếch nhác gồng gánh đồ đạc lủng củng... đi hành quân phía sau đoàn quân viễn chinh, chứ họ không thả cho về tự do. Chả hiểu chiến thuật của họ ra sao, mà những người này bị bắt theo đi cả tuần rồi. Trước khi chúng tôi bị bọn lính này... bao vây không lối thoát thì có một thanh niên dân quê chạy theo năn nỉ xin được nhận làm người nhà, nếu không thì nguy hiểm lắm, thanh niên đi một mình dễ bị hiểu là V.M lắm. Anh Chương đồng ý cho anh ta nhập bọn. Những đồ đạc cá nhân quần áo v.v... cũng đến hai thúng đầy. Thế là anh ta có nhiệm vụ phải gánh tất, số nhàn nên mình là tù nhân mà cũng có người hầu! Mà thằng bé cũng được ăn uống ngon lành đầy đủ.

Cứ đi theo bọn quân Viễn chinh này mất mấy ngày rồi, bọn nó đi ruồng xét hết làng này đến làng khác, sáng đi chiều nghỉ, đến đâu cũng chiếm nhà rộng lớn đóng quân, chẳng biết ngày nào mới dừng chân. Hôm đó quan quân đang đóng ở một làng, hình như làng Duyên Hải, tỉnh Thái Bình thì phải. Anh Chương gặp một người bạn văn nghệ ngày trước, hiện đang làm thông ngôn cho đội quân này. Anh ta mới từ Hà Nội tới, đem lương thực đến đoàn quân bằng xe cam nhông. Gặp anh Chương, biết được bọn này đang bị... hành quân bất đắc dĩ. Anh ấy bảo: Để tôi xem hôm nào có xe về Hà Nội khu nhà Diêm lấy lương thực thì tôi báo để anh và gia đình chuẩn bị đi theo xe về Hà Nội, chứ cứ đi theo đoàn quân viễn chinh này thì không biết đến bao giờ. Anh ta còn đưa mấy trăm tiền Đông Dương cho anh Chương để khi về Thành có tiền tiêu ngay. Mừng quá thế là sẵn sàng chuẩn bị lên đường. Chỉ cách một hôm, anh ta đến báo rằng: Sáng mai tất cả ra sân đình có xe cam nhông đợi ở đó, anh ấy sẽ đưa lên và nói với tài xế (da đen) cho bọn này về Hà Nội. Mọi việc diễn ra xuông xẻ, không có gì cản trở cả. Xe chạy từ sáng đến chiều thì xa xa đã trông thấy cầu Long Biên, qua cầu một lúc thì xe về đến nhà Diêm (tức phố Bạch Mai). Mọi người xuống xe, không có anh thanh niên nữa. Tất cả chia nhau mang sách lủng củng. Đến trạm Hồi cư, ngồi chờ. Chương, Hùng vào trình giấy... và bất ngờ gặp chính ông anh rể của Thục Oanh làm Trưởng ban Hồi cư!

Thế là mọi việc lại tiến triển nhanh. Sau đó thuê hai xe xích lô về nhà ông anh bà chị ở Phố Đỗ Hữu Vị. Bà chị ngạc nhiên thấy một lũ... mọi rợ, lôi thôi nhem nhuốc hiện về, thì ra là... hồi cư! Lại trông thấy một đống thúng mủng... Hành trang kinh khủng... bà chị kêu trời... đem những thứ này về làm gì, ở đây thiếu gì thứ đẹp hơn, rõ khổ, vứt hết đi thôi! Và ít ngày sau cũng vứt đi thật. Một hôm tôi cùng đi với anh Chương qua vườn hoa Hàng Đậu, bỗng nghe thấy có người ở căn nhà số 50, trên ban công cúi xuống gọi rầm lên: Anh Chương ơi, mới về đấy hả, lên đây em ở trên căn gác này. Nhìn lên thì ra cô Đào vợ lẻ nhà văn Lê Văn Trương. Lên gác tào lao một hồi, rồi cô ấy bảo: Anh chị chưa thuê được nhà ở thì đến đây ở chung với em, căn gác này em thuê ba trăm đồng một tháng, nếu anh chị ở thì mình ngăn đôi, và mỗi người chịu một nửa tiền, em chỉ có hai mẹ con và chị người làm (con gái 14 tuổi). Con riêng cô Đào. Thấy căn gác cũng rộng, bếp nước ở dưới nhà, đi cửa sau. Thế là mấy hôm sau chúng tôi dọn đến ở. Ông Lê Văn Trương còn ở hậu phương, mấy năm sau cũng hồi cư. Vợ chồng Hùng thì về ở nhà bà con phố Lê Lợi. Hôm đi theo đoàn quân viễn chinh, viên quan tư người Pháp bảo anh Chương: Khi về Hà Nội mà chưa có việc làm thì cứ đến nơi đóng quân của ông ấy ở Nhà Tiền, gặp ông là có việc làm ngay. Song khi về Hà Nội có chỗ ở yên ổn rồi, anh Chương viết kịch, làm thơ, làm báo rồi đi dạy học. Không đến tìm gặp ông quan Tư lần nào, và cũng không biết nhà Tiền ở đâu, doanh trại đóng ở đâu. Tình thế đã dẫn đến cuộc hồi cư không dự định, sau này mọi biến chuyển đưa cuộc đời rẽ sang một lối khác. Phải chăng đó là Định Mệnh?

Thục Oanh

Kiến Trúc
Thơ Truyền Kiều

VŨ HOÀNG CHƯƠNG

1) Mỗi bài thơ Truyền Kiều gồm 28 tiếng lấy từ trong Truyện Kiều, chia ra làm bốn câu, mỗi câu bảy tiếng theo đúng luật Đường, gieo vần bằng, và có thể gieo ngay từ câu một (lối bốn câu hay ba vần) hay chỉ gieo ở câu hai để rồi hợp vần ở câu bốn (lối bốn câu hai vần).

2) Truyện Kiều được coi như một kiến trúc trường giang, đặt trên nền tảng ngôn ngữ chứ không phải văn tự, do đó 3,254 câu lục bát của Nguyễn Du chỉ là một chuỗi liên tiếp 22,778 tiếng. (Không có vấn đề chấm câu hay chữ-viết-hoa, v.v...)

3) Người truyền sẽ lấy ra từng chuỗi nhỏ từ sáu tiếng trở lên, bất cứ ở quãng nào trên cái chuỗi-mẹ, dài tới 22,778 tiếng của Truyện Kiều, để kết hợp lại thành một kiến trúc nhỏ mang tên Thơ Truyền Kiều, mà ý nghĩa có thể khác hẳn, không lệ thuộc gì vào kiến trúc-mẹ. Nó cũng không mang một nhan đề nào. Người nghe nó sẽ tự đặt lấy nhan đề, nếu thấy cần, và tùy theo tâm trạng mỗi lúc. Cả đến cách gọi "bài 1, bài 2, bài 39, v.v..." cũng chỉ để gọi cho tiện mà thôi.

Diễn Tiến Thơ Truyền Kiều

Toàn tập thơ Truyền Kiều được thực hiện trong khoảng 40 ngày, từ đầu Tháng Bảy năm Quý Sửu đến buổi húy nhật Nguyễn Du, trừ những bài 1, 2, 5 và 44 đã khởi thảo trong mấy ngày cuối năm Nhâm Tý.

Rằm Tháng Bảy, nhân đọc lại (ngâm lại thì đúng hơn) bốn câu thơ chữ Hán của Nguyễn Du, người truyền có một xúc động lớn trên hai tiếng "chính khí" (tiếng thứ 12 và thứ 13 của bài đó). Liền dịch Nôm sang thể lục bát; đồng thời cũng tự làm bốn câu và tự dịch Nôm. Coi như Giáng bút và Đề từ.

GIÁNG BÚT CỦA NGUYỄN DU
Nhất thiên minh nguyệt giao tinh tại
Bách lý hồng sơn chính khí đồng
Nhãn để phù vân khan thế sự
Yêu gian trường kiếm quải thu phong

Dịch Nôm
Giao tình trăng một khuôn đầy
Non hồng kia chính khí này vắt ngang
Mắt in hình cuộc mây hoang
Lưng đeo cả ngọn gió vàng làm gươm

ĐỀ TỪ CỦA NGƯỜI TRUYỀN KIỀU
Cố giao chỉ quận thu phong khởi
Tân đoạn trường thanh dạ nguyệt truyền
Dĩ cổ kim thân lưu chính khí
Bằng sinh tử phách hoán thuyền quyên

Dịch Nôm
Trời xưa giao chỉ gió lên
Đoạn trường vang tiếng trăng truyền đêm nay
Trước sau chính khí thân này
Vía kia sống chết cùng lay gọi nàng

Ngày 9 Tháng Tám, khi tập thơ Truyền Kiều đã thực hiện gần xong, người truyền lại có cảm hứng tự ngâm một bài nhị thập bát tú, coi như kết-từ.

KẾT TỪ CỦA NGƯỜI TRUYỀN
Khoảng cách vừa năm cuộc bể dâu
Hiện hình thân trước với thân sau
Tiếng kêu xé nát hai thời điểm
Mang nặng hồn thơ một khối đau

Thơ Truyền Kiều

1
Vầng trăng ai xẻ làm đôi nửa
In lấy tình thâm trả nghĩa thâm
Trong tính tình chênh chênh bóng nguyệt
Xế đêm ngày luống những âm thầm

2
Ngày Xuân đã dễ tình cờ mấy
Khi tử sinh liều giữa trận tiền
Hãy rốn ngồi xem cho rõ mặt
Chẳng trăm năm cũng một ngày duyên

3
Điều chỉ non thề bể nặng gieo
Lá màn rủ thấp ngọn đèn khêu
Túc khiên đã rửa lâng lâng sạch
Rồi tấm lòng nhi nữ cũng xiêu

4
Cạn tóc tơ gà đà gáy sáng
Thôi bây giờ kẻ ngược người xuôi
Tài tình chi lắm cho trời đất
Ghen cánh hồng bay bổng tuyệt vời

5
Trẻ thơ đã biết đâu mà dám
Thưa được lời như cởi tấc son
Có thế nào kia gương nhật nguyệt
Nọ khuôn xanh có biết vuông tròn

6
Đào non sớm liệu se tơ kịp
Thì bụi nào cho đục được minh
Ấy tại ai đem người đẩy xuống
Thừa cơ trúc chẻ ngói tan binh

7
Nước xuôi bỗng đã trôi dần đến
Nơi đống xương vô định đã cao
Dư tỏ tường bao nhiêu đoạn khổ
Áo xiêm ràng buộc lấy nhau vào

8
Triền đâu nổi sóng đùng đùng hỏi
Ai một nhà sum họp trúc mai
Người thác oan còn chi nữa cánh
Ba Thu dọn lại một ngày dài

9
Xuất thần giây phút chưa tàn nén
Hương khói trầm cao thấp tiếng huyền
Này dễ ai tâm thành đã thấu
Đến hàn gia ở mé tây thiên

10
Cửa sài vừa ngỏ then hoa nửa
Với tiếng khoan như gió thoảng ngoài

(Văn, Tuyển Tập đầu năm Giáp Dần 74)

Vào tận nơi nhà tranh vách đất
Đời anh hùng đoán giữa trần ai

11
Vì nước non trăm năm tính cuộc
Tóc mây một món dao vàng chia
Bác đồng chật đất tinh kỳ rợp
Sân gió đưa bằng tiện đã lìa

12
Hiên góp lời phong nguyệt nặng nguyền
Khiến người lại nhớ câu bình nguyên
Một trời thu để riêng ai một
Người mất người còn chút của tin

Người Truyền

Lời ghi: *Thơ Truyền Kiều cũng đặt trên căn bản ngôn ngữ, như trên đã gợi ý rồi. Bởi thế, khi có văn tự làm trung gian, người đọc sẽ tự ý mình chấm câu lấy, nếu cho là cần thiết để đọc lên, ngâm lên.*

Một bức thư

THỤC OANH

Saigon 15.9.1999

Thân mến gửi anh Đặng Tiến,

Ngày 25.8 vừa qua, tôi đã nhận được những bài thơ họa của anh, và thư thơ của anh Chương viết cho anh, mà anh đã phôtô lại.

Chưa kịp viết thư hồi âm, thì hôm 14.9.99 thật bất ngờ Thầy Thanh Tuệ ở Pháp về, đã đến gặp tôi. Thầy phải xưng danh tôi mới nhận ra, gần 30 năm rồi làm sao nhận được. Hồi trước, Thầy mặc nâu sồng... nay mặc âu phục... Vả lại hồi đó tôi cũng ít tiếp xúc, chỉ hai, ba lần là cùng.

Cũng như anh, có lẽ tôi chưa gặp lần nào, nên không nhận ra cũng là chuyện thường thôi.

Thầy Thanh Tuệ đã trao quà của anh gửi cho tôi, gồm Thư - Thơ - Ảnh cùng hai xấp lụa và một xấp gấm để may áo dài. Nhưng gấm chắc chỉ để ngắm thôi, giữ làm kỷ niệm, chứ không dám may mặc đâu... Vì nó quá lộng lẫy. Dù sao cũng rất cám ơn anh chị. Ảnh của anh chị và ba cháu rất trẻ đẹp và tươi vui quá. Bác cám ơn ba cháu nhiều.

Xin cám ơn anh về mấy bài thơ Họa, nhất là mấy tờ phôtô Thơ - Thư của anh Chương và bài Thơ Hoa Quỳnh. Xem lại bút tích cứ tưởng như là mới hôm nào. Súc động và nhớ lại những buổi Họp Thơ tại Úc Viên, lần nào Hoa Quỳnh sắp nở, Nữ sĩ Mộng Tuyết cũng tổ chức mời các văn nhân thi sĩ, đêm đó đến dự tiệc chờ Hoa Quỳnh nở để làm Thơ. Anh Chương thì mê cái cảnh này lắm, chẳng lần nào Hoa Quỳnh nở mà thiếu anh. Những lần đó đều chụp nhiều ảnh. Tiếc rằng mấy album đó đã bị tịch thu hết. Chắc chắn ở nhà bà Mộng Tuyết thì còn, nhưng nay bà đã bán villa Úc Viên chuyển về quê Hà Tiên xây nhà Lưu Niệm Thi Sĩ Đông Hồ... rồi ở đó luôn.

Để cám ơn anh, và xin tặng anh mấy vần thơ này:

Trang Thơ Gợi Ý (nhớ anh Chương)

Vừa mới hôm nào Giải Quán Quân
Tuyên dương văn nghiệp giữa mùa Xuân.
Mà nay hồn đã về Tây Trúc
Nhớ tới anh chung hưởng rượu cần
Quỳnh dao họp bạn vui đoàn kết
Đẹp biết bao tình nghĩa chí thân
Những tấm lòng son luôn rộng mở,
Mặc cho năm tháng cứ xoay vần.

Thục Oanh

Về tờ niên biểu: Tiểu sử Vũ Hoàng Chương. Anh ghi rất rõ ràng, tôi gửi một bản theo đây, vì tôi đã có sẵn để anh xem chỗ nào cần bổ xung thì anh thêm vào. Anh sưu tầm như vậy là quá đầy đủ, chỉ phải sửa một vài lỗi nhỏ thôi anh ạ.

Giáo sư Hoàng Như Mai, năm nay 81 tuổi bằng tuổi tôi. Thời kháng chiến chống Pháp, anh ấy cùng tản cư với chúng tôi về làng Khước thuộc tỉnh Nam Định cùng dạy học một trường với anh Chương. Một thời gian, thì anh Chương đổi sang Thái Bình dạy học. Hoàng Như Mai ở lại. Giải phóng vài năm, thì H.N.Mai chuyển cả gia đình vào Saigon định cư và dạy học ở đây.

Năm 1992. Nhà xuất bản Hội nhà văn Hànội tái bản cuốn Thơ Say và cuốn Mây. 1993 tái bản cuốn Hồi Ký: Ta đã làm chi đời Ta. Khi cuốn Mây in xong, Huy Cận và Hoàng Như Mai, cùng nhà xuất bản Hội nhà văn Hànội có tổ chức một buổi nói chuyện giới thiệu cuốn thơ Mây tại Nhà Văn Hóa Lao Động Tp.Hồ Chí Minh. Có mời đông đảo các văn nghệ sĩ ở đây và sinh viên các trường đến dự. Có mấy ngâm sĩ chuyên nghiệp xưa và nay lên ngâm những bài thơ mà nhiều người ưa thích trong cuốn thơ Mây và Say.

Buổi họp rất thành công, Huy Cận, H.N.Mai lên nói hết lời ca ngợi thơ V.H.C. Huy Cận còn kể một câu chuyện như sau: Một hôm trên đường lên Việt Bắc tôi gặp mấy thanh niên đeo ba lô hành trang đi đến đơn vị nhập ngũ, có một anh đeo balô coi bộ nặng lắm, khi ngồi nghỉ ở dưới gốc cây, tôi cũng ghé ngồi cùng và

hỏi đùa anh ta: Đi hành quân, mà đeo balô nặng thế này gặp địch thì chạy sao kịp... Anh mang những gì mà vất vả thế? Thấy tôi có vẻ thắc mắc nghi ngờ về cái balô, để chứng minh, anh ra mở balô ra cho tôi xem, và lôi ra một đống sách, toàn là thi phẩm Mây, Say v.v... của Vũ Hoàng Chương... Tôi bèn nói: Đi đánh giặc thì giờ đâu mà đọc thơ. Anh ta nói: Lúc không đánh giặc tôi đọc thơ, lời thơ sẽ làm tôi phấn khởi nên đánh giặc càng hăng... Chuyện chắc có thật không phải bịa. Không hiểu sao họ lại làm thế, chắc để xua tan lòng hận thù phi lý, mà chính họ đã gây ra. Riêng gia đình Hoàng Như Mai với gia đình tôi, vẫn là bạn tốt từ xưa, thỉnh thoảng vẫn qua lại thăm hỏi, không có điều gì mất lòng nhau cả.

Vũ Hoàng Chương cùng thân mẫu và vợ, con (Vũ Hoàng Tuấn)

Năm 1987, tôi có ra Hànội thăm quê hương, vì còn bà chị ruột hơn tôi tám tuổi, chồng chị ấy chỉ là công chức thời Pháp thuộc, cả nhà không có ai tham gia C.M cả, các cháu đã trưởng thành. Tôi có đến thăm chị ruột anh Chương là Vũ Cẩm Liên, vợ Bác sĩ Phan Quang Chấn. Tôi hỏi chị có nhớ gì đặc biệt thời thơ ấu của anh Chương không? Chị kể em nghe đi, anh Chương làm Thơ từ năm bao nhiêu tuổi? Nghĩ một lát chị nói: "Cậu Chương làm thơ năm 13 tuổi, chị cũng chẳng để ý cho là trẻ con thơ thẩn lăng nhăng... Nhưng có một lần cậu ấy đi theo Thầy (thân phụ) cùng ông Cử Luyện, đi thăm lăng tẩm ở vùng huyện Hiệp Hòa. Đến lăng một vị Quận Công họ La. Đứng xem bia ghi chiến công... rồi cậu làm một bài thơ như thế này:

Thăm viếng người xưa đất Hiệp Hòa,
Lăng này có phải Quận Công La?
Ngày nay cửa miếu chầu voi ngựa
Thuở trước thành công dậy trống loa
Voi ngựa bia ngai nề nếp cũ
Côn quyền thao lược nước non xưa
Công danh phú quý âu là thế
Để lại ngàn sau nét chữ nhòa

V.H.C

Đưa cho ông Cử Luyện xem. Ông nói với Thầy: "Có chí khí, cháu này làm thơ niêm luật vững lắm, chắc sau này biết đâu chẳng giỏi về thơ phú."

Còn vài bài nữa, nhưng thuộc về Thơ cổ xưa, đó là những năm cậu ấy 15, 16 tuổi, không hợp với Thơ mới bây giờ."

Viết kể lại để anh xem chơi, vì những di cảo của người đã khuất, có nhắc lại cũng không phải là thừa phải không anh?

Tôi sẽ viết kể lại một câu chuyện vui, và một chuyện buồn của anh Chương, trước và sau giải phóng. Để anh biết rõ thêm về cuộc sống gian nan và lúc chết như thế nào. Biết để suy gẫm chứ không phải để phổ biến, được không anh?

(...) Còn một tuần nữa giỗ anh Chương. Thầy Thanh Tuệ cũng có quà cho tôi, cuối tháng này Thầy sẽ ghé lấy tư liệu này trước khi qua Pháp. Nhận được anh có thư cho tôi nhé. Tôi sẽ gửi thư cho anh lấy tên cháu: Lâm Thùy. Tên anh họ... sợ và mình cũng... sợ (mất thư!) Thôi hẹn thư sau. Chúc anh cùng quý quyến vạn an.

Thục Oanh

Tiểu Sử
Vũ Hoàng Chương
(1915- 1976)

Chính quán : xã Phù Ủng, huyện Đường Hào, phủ Thượng Hồng, tỉnh Hưng Yên.

Sinh quán : thành phố Nam Định.

Năm sinh : Ất Mão (1915), tháng Tư, ngày mồng Một, trên giấy khai sinh đã ghi 5.5.1916.

Gia đình khoa bảng giàu có. Bố tên Vũ Thiện Thuật, làm tri huyện, mất 1941; mẹ họ Hoàng, hay chữ và chơi đàn nguyệt, buôn gạo tại Bến Thóc, Nam Định, mất tại Sài Gòn, 1961,(?).

Vũ Hoàng Chương, Sài Gòn 1958

Học chữ Hán từ khi lên năm tuổi, học tiểu học tại Nam Định.

1931 : Vào trường trung học Albert Sarraut, Hà Nội.

1937-1938 : Tú tài Pháp, phần I Cổ ngữ, phần II Toán.

1938 : Học Luật tại Hà Nội.

1939 : Thôi học, ra làm việc Hoả Xa, ngạch phó thanh tra, phụ trách đoạn đường Vinh-Na Sầm.

1940 : Tự xuất bản THƠ SAY, nhà Cộng Lực ấn loát và phát hành. Nxb Nguyễn Đình Vượng tái bản 1971, Saigon.

1941 : Thôi việc ở Hoả Xa , học ban Toán Đại Cương tại đại học Khoa học vừa mới thành lập tại Hà Nội.

1942 : Thôi học, xuống Hải Phòng dạy cho một tư thục. Trở về Hà Nội lập ban kịch Hà Nội cùng với Chu-Ngọc và Nguyễn Bính. Diễn vở kịch thơ VÂN MUỘI tại Nhà Hát Lớn Hà Nội (12.12.1942).

Gặp gỡ Đinh Thục Oanh, chị ruột nhà thơ Đinh Hùng, thành hôn 1944.

1943 : Xuất bản tập MÂY, nxb Đời Nay, Hà nội (Nxb Văn Học, Hà Nội, tái bản 1991, 1995. Nxb Hội Nhà Văn, TPHCM 1992).

1944 : Xuất bản tập kịch thơ, gồm ba vở : VÂN MUỘI, TRƯƠNG CHI, HỒNG DIỆP ; nxb Anh Hoa, Hà Nội.

1945 : Về Nam Định, diễn vở kịch thơ LÊN ĐƯỜNG của Hoàng Cầm (sau Cách mạng tháng 8).

1946 : Tản cư về vùng duyên hải Nam Định (Khu Ba).

1948 : Xuất bản tập THƠ LỬA cùng với Đoàn Văn Cừ, Thái Nguyên; do cơ quan Kháng chiến Liên khu 3.

Sang tỉnh Thái Bình dạy học.

1950 : Hồi cư về Hà Nội.

1951 : Cho diễn vở kịch thơ TÂM SỰ KẺ SANG TẦN; dạy học cho một tư thục, môn Toán Lý Hoá, rồi dạy Việt văn và tiếp tục mãi môn này cho đến 1975.

1952 : Diễn kịch thơ THẰNG CUỘI.

1953 : Đăng báo kịch thơ CÔ GÁI MA.

1954 : RỪNG PHONG, nxb Phạm Văn Tươi, Sài Gòn, trước hiệp định Genève. Di cư vào Nam, khoảng tháng 8 năm đó, và định cư tại Sài Gòn cho đến 1976.

1959 : HOA ĐĂNG, nxb Văn Hữu Á Châu (tháng 7). Tập thơ này được giải thưởng Toàn

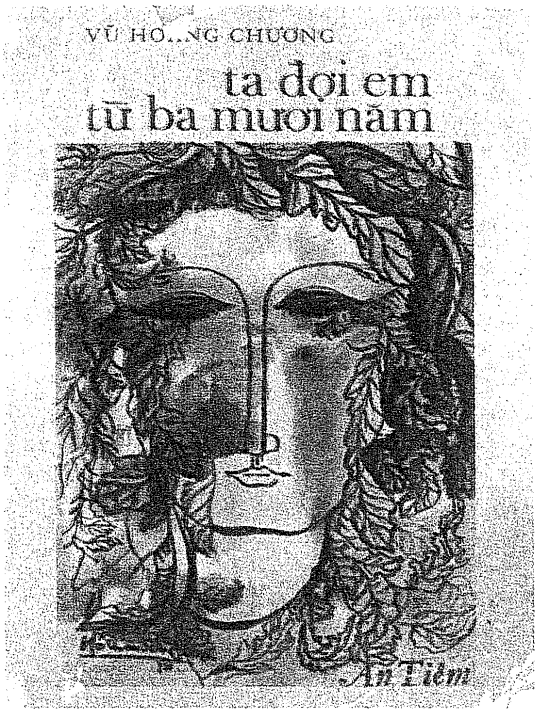

ıốc về thơ. Tham dự hội nghị Thi Ca Quốc
: cứ hai năm họp một lần tại tỉnh Knokke-Le
)ute, nước Bỉ (tháng 9).

1960 : Tự tái bản hai tập THƠ SAY và MÂY chung vào một tập mang tên MÂY,

Xuất bản tập CẢM THÔNG (nhan đề Anh ữ là COMMUNION); gồm sáu bài thơ mới ng tác sau cuộc Âu du và chín bài cũ lựa chọn y tính cách tiêu biểu; do Nguyễn Khang phiên ch và xuất bản.

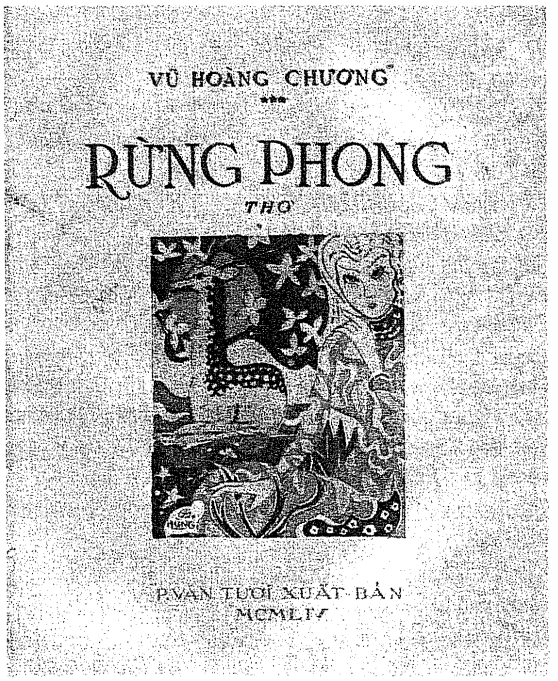

Tái bản VÂN MUỘI, TRƯƠNG CHI, HỒNG DIỆP, do nhà xuất bản Nguyễn Đình Vượng.

1961 : Kịch thơ TÂM SỰ KẺ SANG TẦN, nxb Lửa Thiêng.

Tập thơ TÂM TÌNH NGƯỜI ĐẸP (nhan đề Pháp ngữ là LES 28 ETOILES) ; gồm 42 bài thơ Nhị thập bát tú, kèm theo bản dịch của nữ thi sĩ Bỉ Simone Kuhnen de La Coeuillerie ; nxb Nguyễn Khang.

1962 : Tự xuất bản tập TRỜI MỘT PHƯƠNG.

1963 : Xuất bản tập THI TUYỂN (nhan đề Pháp ngữ là POÈMES CHOISIS) kèm theo bản

dịch của Simone Kuhnen de la Coeuillerie : do nhà xuất bản Nguyễn Khang (tháng 3).

Sáng tác bài thơ LỬA TỪ BI ca ngợi Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu, tháng 7. Xuất bản tập Lửa Từ Bi, do nhóm Thanh Tăng (tháng 12).

1964 : Tham dự hội nghị Văn Bút Á Châu họp tại Bangkok.

1965 : Tham dự hội nghị Văn Bút Quốc Tế họp tại tỉnh Bled, Nam Tư cũ.

1966 : Xuất bản tập ÁNH TRĂNG ĐẠO, do nha Tuyên Uý Phật giáo (tháng 7) ; xuất bản tập DIE ACHTUND-ZWANZIG STERNE, thơ dịch ra Đức ngữ, do nhà Hoffmann Und Campe, tỉnh Hamburg, Đức. Dịch giả là thi sĩ áo Kosmas

Vũ Hoàng Chương nhận giải thưởng cuốn Hoa Đăng năm 1959

Ziegler (tháng 10).

1967: Tham dự hội nghị Văn Bút Quốc Tế họp tại Abidjan, thủ đô Côte d'Ivoire (Phi Châu) Xuất bản tập BÚT NỞ HOA ĐÀM, do nhà xuất bản Vạn Hạnh (tháng 12).

1968 : Xuất bản NHỊ THẬP BÁT TÚ I, nxb Văn Uyển ; Tập II, nxb Lửa Thiêng.

CÀNH MAI TRẮNG MỘNG, nxb Văn Uyển.

1969-1973: Chủ tịch Trung Tâm Văn Bút Việt Nam.

1970: TA ĐỢI EM TỪ BA MƯƠI NĂM, nxb An Tiêm, Sài Gòn, in hai lần. Tái bản tại California, Mỹ.

TÂN THI, nxb Nam Chi, Saigon

LOẠN TRUNG BÚT, tuỳ bút, văn diễn thuyết, nxb Khai Trí.

1971: NGỒI QUÁN, nxb Lửa Thiêng.

ĐỜI VẮNG EM RỒI SAY VỚI AI, nxb Lửa Thiêng (Phần I : Tuổi học trò, 17 bài thơ đầu tay 1936-1939).

1972: Giải thưởng Văn Chương toàn quốc.

1974 : CHÚNG TA MẤT HẾT CHỈ CÒN NHAU, nxb Rừng Trúc, Paris.

TA ĐÃ LÀM CHI ĐỜI TA, hồi ký , nxb Trương Vĩnh Ký, Saigon. Nxb Hội Nhà Văn tái bản, TPHCM, 1993.

1975: Gia đình từ đường Phan Đình Phùng dời về Phú Nhuận ở nhà bà Mộng Tuyết, rồi dời về Khánh Hội ở chung với bà Đinh Hùng, em dâu.

1976: bị bắt ngày 13/4, giam tại khám Chí Hoà. Bệnh nặng đưa về nhà một thời gian ngắn thì mất, lúc 23 giờ ngày 6.9.1976, nhằm ngày 13 tháng 8 năm Bính Thìn.

Bà Vũ Hoàng Chương qua đời ngày 7/5/2005 tại TPHCM.

Đặng Tiến *sưu tầm và cập nhật*
Orléans, Tết Dương lịch 2007

Ghi chú

1) Tập thơ Tâm Tình Người Đẹp *do thi sĩ Ý, LIONELLE FIUMI đề tựa.*

Tập Thi Tuyển *do thi sĩ Pháp ANDRE GUIMBRETTIERE, giáo sư trường Quốc gia sinh ngữ Đông phương (Paris) đề Tựa.*

Tập DIE ACHTUNDZWANZIG STERNE do thi sĩ Đức RUDOLF HAGELSTANGE đề tựa.

Các tập thơ Lửa Từ Bi, Ánh Tăng Đạo *và* Bút Nở Hoa Đàm *đã lần lượt được Thượng toạ Trí Quang, Tâm Giác, và Đức Nhuận đề tựa.*

2) Các tập Rừng Phong, Hoa Đăng, Mây *(lần tái bản)* Vân Muội *(cả lần in thứ nhất và lần in thứ hai,* Tâm Tình Người Đẹp *đều do thi sĩ Đinh Hùng vẽ bìa, nền hoặc phụ bản.*

Tập Mây *(lần in thứ nhất, 1943) do họa sĩ Tô Ngọc Vân vẽ bìa và nền, bản 1992 : Nguyễn Trung vẽ bìa.*

Tập Trời Một Phương *do hoạ sĩ Hoàng Lập Ngôn vẽ bìa, (từ 1952).*

Tập Bút Nở Hoa Đàm *do hoạ sĩ Nguyễn Gia Trí vẽ bìa.*

Ta đợi Em từ Ba Mươi Năm, *do hoạ sĩ Duy Thanh, rồi Họa sĩ Hồ Thành Đức vẽ bìa.*

Đời Vắng Em Rồi Say Với Ai, *Họa sĩ Văn Thanh vẽ bìa.*

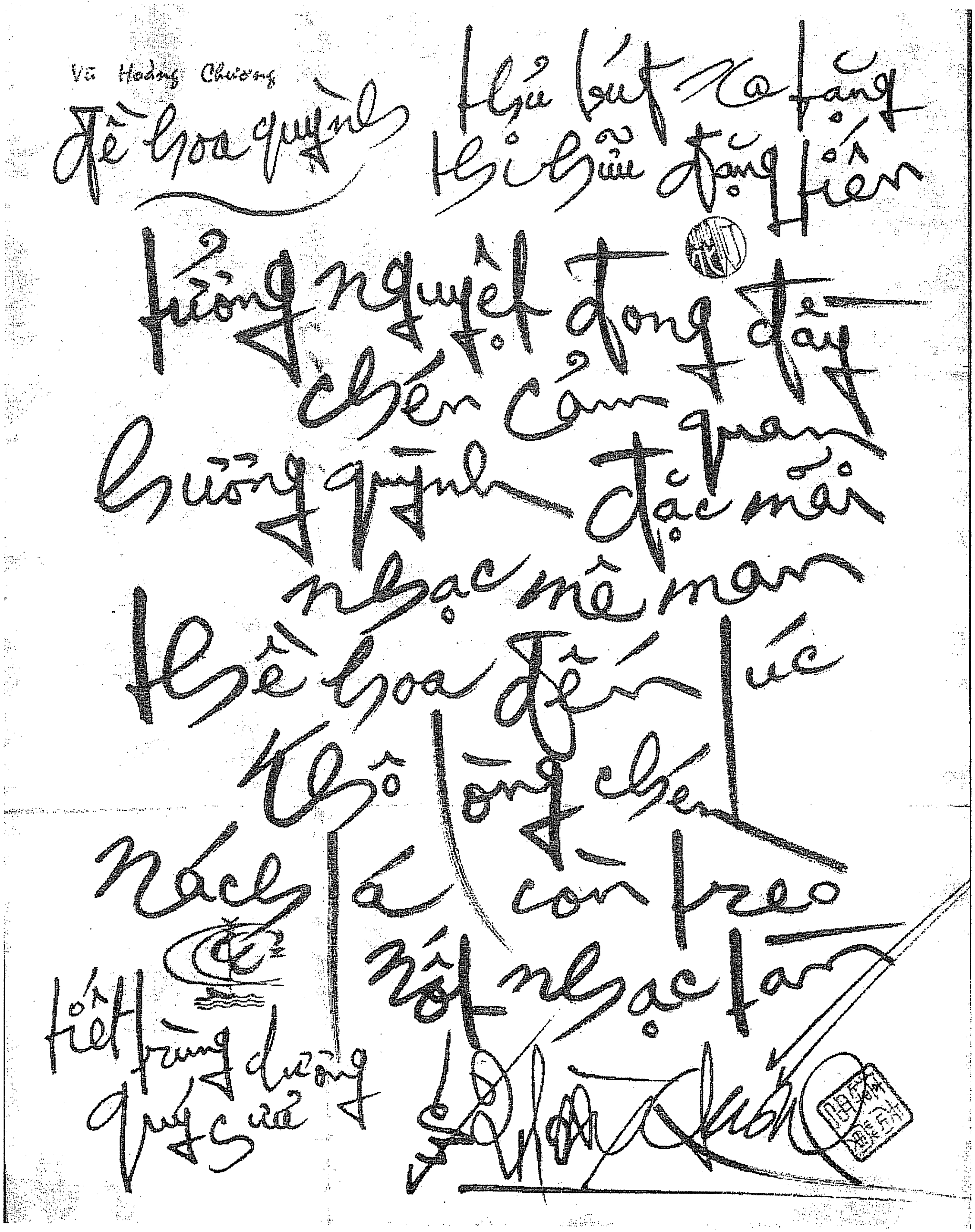
Vũ Hoàng Chương
Đề hoa quỳnh
Thủ bút ca tặng
Thi hữu Đặng Tiến
Tiết trùng dương
Quý Sửu

Bát Tiên Quá Hải

THỤC OANH

...Một hôm nửa đêm anh Chương đánh thức tôi dậy và bảo: Tôi vừa nằm mơ thấy Khái Hưng và Nhất Linh, cùng một số Văn Thi sĩ khác đều đã chết từ nhiều năm trước và mới đây... Chúng tôi đã cùng ngồi uống trà nói chuyện, tôi nhận rõ từng người... rồi những người đó cứ mờ dần và biến mất.

Tôi bừng tỉnh dậy, mới biết là mình nằm mơ. Suy nghĩ mãi và tôi đã làm được những câu thơ sau đây để xác định từng người đã gặp trong giấc mơ, có người là bạn, một số người ngoại quốc thì biết qua báo chí.

Đây là người **thứ nhất**

"Góp cùng vũ trụ lưng bầu máu" (1)
Thắt với Sơn Hà một giải văn.

- Đó là nhà văn Tam Ích – Tự tử Thắt Cổ. (1) Câu thơ đầu là của nhà thơ Tchya "Tôi chẳng yêu ai."

Thứ 2

Góp cùng vũ trụ lưng bầu máu
Ngủ với sơn hà một mạch văn...

- Nhà văn Nhất Linh tự tử bằng thuốc ngủ (ngủ một mạch).

Thứ 3

Góp cùng vũ trụ lưng bầu máu
Nổ với sơn hà một cú văn

- Nhà thơ Pháp tự tử bằng súng lục.

Thứ 4

Góp cùng vũ trụ lưng bầu máu
Chặt với sơn hà một khúc văn

- Nhà thơ người Tầu bị chết chém.

Thứ 5

Góp cùng vũ trụ lưng bầu máu
Mổ với sơn hà một bụng văn
Nhà thơ người Nhật, tự tử mổ bụng bằng kiếm.

Thứ 7*

Còn thi sĩ Lý Bạch tôi chưa tìm ra được câu nào cho hợp với cái chết của ông, ông ngồi thuyền uống rượu say, thấy trăng in đáy nước bèn nhảy xuống mò trăng, nên đã chết đuối. Tìm cho tôi một câu có được không?

Thục Oanh nghĩ rằng, uống rượu đến nỗi mê đi nhảy xuống sông... như thế thì là hũ chìm rồi, vậy thì *chìm với sơn hà một hũ văn* được chứ?

Anh Chương khoái quá cười ha hả... đúng rồi dễ thế mà không nghĩ ra. Còn có nghĩa là chết chìm nữa, vậy thì câu thứ bảy là:

Góp cùng vũ trụ lưng bầu máu.
Chìm với sơn hà một hũ văn.

Như thế mới rõ là Thi sĩ Lý Bạch chứ. Nhưng nếu để anh Chương tự nghĩ lâu một chút biết đâu câu khác còn hay hơn. Vì muốn hoàn tất cho nhanh nên không thay đổi nữa.

Như thế là mới có bảy vị chưa thành bát tiên được, anh nghĩ một lúc rồi bảo: Tìm một vị nữa cũng khó đấy... Thôi được vị thứ tám đó có ngay rồi, này nghe nhé.

Thứ 8

Góp cùng vũ trụ lưng bầu máu
Đốt với sơn hà một điếu văn.

Trước linh hồn những nhà Thơ Văn chết bất đắc kỳ tử này, phải có người đọc điếu văn chứ! Người đó là Tôi. Mà đọc điếu văn thì phải là người sống, đọc xong rồi đốt đi, nếu họ thành tiên cả rồi thì những giòng Thơ biến thành mây khói theo họ bay lên trời!... Thục Oanh bảo, Anh khôn quá, thế thì bảy vị kia phải chờ anh mới *quá hải* được. Anh cứ hay nói gở nó vận vào mình đấy. — Thì chỉ có thể kết thúc được như thế thôi, với lại sống chết có số mệnh chứ tránh làm sao được.

Vậy là mấy năm sau anh cũng qua đời theo họ để thành Bát Tiên Quá Hải.

Khi anh Chương đọc điếu văn khóc Thi sĩ Đông Hồ... có những câu... *Bút Thơ đã xác xơ gầy. Lệ như sương lại rơi đầy sầu xuân Một mai rẻ nẻo dương trần. Hỏi còn ai để gieo vần khóc ai!* Quả nhiên khi anh mất đám ma anh chẳng có ai... dám làm điếu văn khóc anh cả. Có người bảo anh Chương là nhà Thơ tiên tri đấy, đúng quá, cứ xem như bài thơ "Đời Tàn ngõ hẹp," thì thấy là không sai, bài Thơ đó làm từ khi thân phụ anh còn đang làm quan. Lầu son gác tía... thế mà... *ta biết trước đời ta rồi đêm nào tận thế*... Lời Thơ đã vận vào đời anh, anh đã mất trong một con ngõ hẹp, trên căn gác vách ván mái tôn!

Trước khi mất, ở đó anh không buồn, còn nói vui: Mình Thiên đô về Động Hoa Lư, thế mà lại hay...

Ý nói gia đình họ Đinh (Vua Đinh Tiên Hoàng).

Năm 1971, 72 gì đó, anh Chương đã cho đăng bài thơ Bát Tiên Quá Hải này trên báo Bách Khoa, chắc anh Tiến có xem rồi chứ?

Nay tôi kể lại anh biết chi tiết xung quanh bài đó, anh Chương đã giảng giải cặn kẽ cho tôi nghe.

Nhắc lại những chuyện vui buồn khi anh Chương còn sống, cũng có nhiều lý thú nhưng tôi ngại rằng sự thật không thể nói được lúc này, tôi như con chim phải tên nên rất sợ làn cây cong anh Tiến ạ!

Thư sau kể một chuyện thật một trăm phần trăm, nhưng không nguy hiểm! Chỉ buồn thôi, có nên không anh?

(*) Trong bản thảo viết tay của tác giả thiếu mục số 6

Thầy Chương

SONG THAO

Cứ như suy nghĩ thông thường thì một thi sĩ phải có bộ điệu bất cần đời, ăn mặc phải lôi thôi lếch thếch một chút cho có vẻ khác người. Niên học 1955-1956 tôi học lớp Đệ Nhị ban Văn Chương tại trường Chu Văn An Saigon. Giáo sư môn Văn Chương Việt Nam là thi sĩ Vũ Hoàng Chương. Giờ Việt văn đầu niên học, chúng tôi hồi hộp chờ đợi xuất hiện bóng dáng "phong sương" của thi hào nổi tiếng họ Vũ. Nhưng người bước vào lớp chẳng như chúng tôi chờ đợi mà là một nhân vật ăn mặc chải chuốt như một chính khách. Không, phải nói như một nhà ngoại giao chuyên nghiệp mới đúng.

Áo sơ mi lụa màu mỡ gà. Quần nâu với hai đường li thẳng tắp. Giầy da nâu bóng loáng. Mũ phớt màu nâu nhạt. Và một chiếc cà vạt màu nâu hồng có điểm những nụ hoa nhỏ xíu màu hồng nhạt. Màu sắc từ trên xuống dưới ăn khớp với nhau một cách rất nghệ thuật. Như một bức họa. Chưa hết. Một chiếc kẹp cà vạt mạ vàng cùng với một cặp nút cài măng sét làm cho bộ quần áo thêm phần "vương giả." Không phải chỉ trong buổi dạy "ra mắt" học sinh thầy Chương của chúng tôi mới diện như vậy. Trong suốt năm học lúc nào thầy cũng chải chuốt một cách lạ thường. Những ngày nóng bức nhất cũng không làm chiếc cà vạt rời khỏi cổ thầy. Những ngày se lạnh chỉ thêm dịp cho thầy đóng nguyên một bộ đồ lớn loại sang.

Phải công nhận là thầy Chương có "gu" ăn mặc. Màu sắc luôn luôn hài hòa mát dịu. Thầy nổi bật trong phòng giáo sư hồi đó với phong cách rất mực phong lưu. Luôn luôn từ tốn, lịch sự nhưng không mất đi vẻ thân mật đối với các giáo sư khác cũng như đối với học sinh. Nét phong lưu còn rõ ràng hơn khi thầy ngồi ngất ngưởng trên xích lô đạp tới trường. Thầy là giáo sư duy nhất tới dậy học bằng xích lô đạp hàng ngày.

Ông xích lô đạp chắc không phải cố gắng nhiều khi chở trên xe một ông khách có sức nặng khiêm nhượng như thầy Chương. Người thầy mỏng lét. Bộ ngực lép kẹp được chúng tôi gọi là ngực... Oméga. Oméga là tên một loại đồng hồ đeo tay có đặc điểm là bề dày của nó rất mỏng. Càng mỏng càng đắt tiền. Ngực Oméga không phải là ngực "đắt tiền" nhưng là loại ngực mỏng của người thiếu sức khỏe. Nước da trắng xanh cùng với khuôn mặt gầy gò rất nhiều vết nhăn quanh miệng và quanh hai khóe mắt chứng tỏ điều đó. Nghe nói là thầy làm bạn với nàng tiên nâu nhưng chúng tôi không tìm thấy ở thầy những dấu hiệu của một người ghiền. Cặp môi không thâm và không có điệu bộ như một cặp môi đón dọc tẩu, dáng người không so bại, quần áo không lếch thếch dơ dáy và người không tỏa ra mùi khét lẹt. Chỉ có cặp mắt hơi lim dim nhưng là cái lim dim của một thi sĩ thoát tục hơn là cái lim dim mệt mỏi của một tiên ông. Nhưng thực ra thầy cũng chẳng dấu cái tình bạn với ả Phù Dung của thầy. Tết năm đó một nhóm trong lớp khoảng mười anh em mặn mòi với văn chương tới nhà tết thầy. Nhà thầy ở trong một ngõ hẻm. Hơn một chục chiếc xe đạp của đám học trò phải loay hoay mãi mới nằm được gọn gàng bên vách nhà mà không cản trở lưu thông trong ngõ. Cửa nhà vừa mở là mùi trầm đã ngạt ngào bay ra. Ánh sáng trong nhà yếu đuối vàng vọt. Chúng tôi lặng lẽ bước vào như đi hành hương. Như có một cái gì thật nghiêm trang bao quanh chúng tôi. Thầy lên tiếng bảo chúng tôi vào. Chúng tôi e dè kéo ghế chia nhau chỗ ngồi. Ghế không đủ cho đám khách đông đảo, chúng tôi phải ngồi bớt trên giường. Giữa thầy với chúng tôi là một bộ bàn đèn. Ngọn đèn dầu lạc còn leo lét cháy. Mùi thơm thuốc phiện phảng phất quanh nhà. Thầy mặc chiếc áo màu đà có khuy cài bên như kiểu áo dài. Áo buông ngang đầu gối. Một chiếc quần dài cũng màu đà.

Trông thầy như một bậc tu hành ở chốn thiền môn. Chỉ khác là thầy có mái tóc hoa râm dài rẽ ngôi ngay chính giữa làm cho khuôn mặt thầy vuông vức sắc cạnh.

Một anh đại diện anh em đứng dậy chúc tết và trình thầy mấy món quà tết nho nhỏ. Một lọ trà, một hộp bánh, một túi trái cây. Thầy nhận

và kêu cô ra. Cô vén chiếc màn bằng vải hoa ngăn đôi phòng khách với phòng trong ra chào hỏi chúng tôi, nói dăm ba câu chuyện, bầy lễ tết lên bàn thờ rồi rút vào phòng trong. Thầy bảo chúng tôi rót nước trà uống.

Thầy trò đàm đạo như bạn bè về thi ca. Thầy nói ròng rã về những trào lưu thi ca ở Pháp. Câu chuyện xoay về với thực tại. Cái tết nóng nảy ở miền Nam. Tết mà không có xuân. Thầy trò quay về với cái tết miền Bắc, nơi mà những kỷ niệm còn mượt mà trong trí tưởng. Không khí xuân ở chốn quê hương xa xăm đó sao mà tuyệt diệu. Thầy trò nhắc tới những ngày xuân cũ bằng những lời bàng bạc nuối tiếc. Hai năm cơm gạo miền Nam chưa làm dịu được nỗi niềm xa xứ. Nỗi xót xa được nhắc nhở mỗi ngày khi thầy trò phải đi cổng sau vào học nhờ trong một căn nhà lầu cũ của trường Pétrus Ký.

Chúng tôi ngỏ ý cáo từ để thầy nghỉ thì thầy khoát tay bảo chúng tôi ngồi lại. Thầy lấy mực và một xấp giấy đỏ ra để tặng chữ kỷ niệm. Không khí vui nhộn hẳn lên. Chúng tôi lật những tập thơ của thầy ra tìm những câu thích nhất để xin thầy viết. Có được những câu thơ ưa thích do chính tác giả viết phải là một kỷ vật thích thú lắm chứ. Nhưng có anh lại xin thầy một câu đối chữ Hán. Những ông đồ non này bảo là có đôi câu đối với nét chữ bay bướm như vậy treo trong nhà ngày tết thì có lý vô cùng. Thầy chỉ khẽ mỉm cười vung tay viết ra những chữ đẹp như vẽ. Chỉ cần nhìn vào nét chữ cũng đủ thấy cái tài hoa khôn sánh của thầy. Mỗi chữ lững lờ như tiềm tàng niềm ngây ngất ẩn dấu. Thấy chữ như buông thả mà trong chữ dường như có tâm sự riêng.

Trên đường về tôi cười một mình khi thấy sao mà cảnh tết thầy vừa rồi giống như cảnh tết thầy của một thời xa lắc xa lơ khi các cụ đồ nho ngồi dậy học được coi như những bậc quân tử được mọi người bái phục kính nể. Sự so sánh lẩm cẩm này làm nẩy sinh ra một câu hỏi. Vì sao thầy lại có một chỗ đứng riêng biệt trong lòng chúng tôi như vậy? Bởi vì chúng tôi mến mộ thi tài của thầy? Bởi vì chúng tôi quí trọng tư cách của thầy? Bởi vì chúng tôi yêu mến thầy? Bởi vì chúng tôi xót xa cho sức khỏe của thầy? Bởi vì chúng tôi trân trọng sự cố gắng truyền đạt kiến thức của thầy? Có lẽ phải cộng tất cả những cái "bởi vì" này mới có một câu trả lời tạm đầy đủ.

Đặt biệt danh cho các giáo sư là nghề của chúng tôi hồi đó. Thầy Vũ Khắc Khoan nổi tiếng nghiêm khắc, lớp học trong giờ thầy im phăng phắc như một nguyện đường. Thầy có đôi mắt to và sắc sảo lạ thường. Chúng tôi đặt cho thầy biệt danh "Cú Vọ." Thầy Bùi Đình Tuyên dậy Vạn Vật hay kể chuyện nhảm nhí làm chúng tôi nín thở ngồi nghe. Ưa thì ưa lắm nhưng cũng tặng cho thầy hỗn danh... Tề Tuyên! Thầy Nguyễn Văn Lộc dậy Anh Văn người ốm yếu, tay chân lêu nghêu loạng quạng nhưng lúc nào cũng lên gân làm điệu bộ mạnh bạo ngang tàng được chúng tôi cảm hứng từ tên một viên tướng thời Quang Trung đặt cho cái tên "Đô Đốc Lộc." Thầy Giám thị Tự đi đôi giầy đế da mới tinh mỗi lần vào lớp là khua lóc cóc inh ỏi được tặng cho biệt danh "Tây Gỗ."

Trong khung cảnh "nguy hiểm" như vậy mà thầy Chương không có một biệt danh nào cả kể cũng là một sự lạ. Chúng tôi không nỡ hay không dám? Có lẽ cả hai. Chúng tôi vừa thương vừa kính thầy. Thầy thật gần gũi nhưng cũng thật cao xa.

Chương trình Việt Văn lớp Đệ Nhị ban Văn Chương hồi đó, ngoài phần thơ văn thế kỷ 19, còn có phần thơ mới. Đây là phần lý thú nhất của cả thầy lẫn trò. Những nhà thơ trong thời kỳ này từ Xuân Diệu, Huy Cận, Thế Lữ đến Đinh Hùng, Anh Thơ, Vũ Đình Liên... đều là bạn hoặc những người thầy quen biết. Những bài giảng vì vậy đã vượt ra ngoài khuôn khổ một bài giảng giáo khoa. Những bài thơ trữ tình, diễm tuyệt đã tạo dịp cho thầy quay về với tuổi trẻ của thầy. Chúng tôi đã chứng kiến một thầy Chương sôi nổi, lãng mạn, tha thiết với thơ văn của bạn hữu. Những kỷ niệm tràn ứ trong thầy tỏa ra thành những lời giảng trau chuốt, mặn mà, đầy xúc cảm. Xuân Diệu không phải chỉ là một Xuân Diệu gói kín trong thơ mà là một Xuân Diệu cuồng nhiệt, vội vã, đam mê như đang đứng trước chúng tôi. Đinh Hùng cũng thoát ra ngoài những khuôn chữ để trở nên một con người sống động, tình tứ trong những lời nói đam mê xúc động của thầy. Và rồi những thơ của Thế Lữ, Văn Cao, Huy Cận... đều có xương, có thịt, có máu qua những lời giảng miên man đầy ắp hoài niệm của thầy.

Thầy đi quanh lớp bằng những bước chân nhẹ nhàng, đầu nghểnh cao, mắt xa vắng, giảng bài bằng cái giọng nhừa nhựa thanh thanh. Có những lúc mắt thầy như nhắm hẳn lại, đầu lắc lắc từng chặp. Những lúc đó thầy như thoát hồn bay về một trời thơ nào đó. Thầy say thơ. Thầy ngâm thơ như một người đồng thiếp. Như không còn thầy. Như không có trò. Như không phải là một

lớp học. Chỉ có một cõi thơ lồng lộng bát ngát. Chúng tôi cũng thấm thơ. Vô cùng nồng nàn là những giòng thơ đất Việt. Chỉ có tiếng chuông báo hết giờ học mới có thể kéo thầy trò ra khỏi cơn mê văn chương.

Nhưng khi thầy Chương giảng thơ Vũ Hoàng Chương thì thầy lại có một phong thái khác hẳn. Có một cái gì sường sượng nơi thầy. Thầy như cố tách rời cái ông thi sĩ họ Vũ ra khỏi cái ông giáo sư họ Vũ đang đứng trước mặt chúng tôi. Để nói về cái ông thi sĩ họ Vũ thầy dùng ngôi thứ ba. Tác giả viết thế này, thi sĩ viết thế kia... Làm như chẳng có gì dính dáng tới thầy cả. Sự "từ chối bản ngã" đó lúc đầu làm chúng tôi ngỡ ngàng nhưng khi quen rồi thì thấy có cái gì là lạ ngộ nghĩnh. In tuồng như thầy đang chơi trò trốn tìm với thi sĩ họ Vũ. Giọng thầy cố gắng làm như xa cách nhưng tâm hồn thầy như muốn trở lại với những giây phút cầm bút viết nên những vần điệu đang được giảng dậy. Thi tài của thầy đặt thầy vào một tình huống hơi éo le. Và thầy phải vất vả với sự chèo kéo của đôi bên.

Nhưng khi thầy ngâm thơ của thầy thì lại là chuyện khác. Giọng ngâm của thầy tha thiết hơn bao giờ hết. Hồn thơ năm cũ như vất vưởng trong giọng ngâm tạo nên niềm hứng khởi lạ lùng. Thầy trò như hòa tan trong nhạc điệu của thơ. Tôi còn nhớ mãi cái giọng say sưa cuồng nhiệt của thầy khi ngâm bài "Tối Tân Hôn" trong đó có những câu:

Gió bỗng đổi chiều trên táp xuống
Nặng trĩu hai vai nàng cố gượng
Thắt vòng tay ghì riết lưng ta
Nhưng luồng run chạy khắp thịt da ngà
Run vì sợ hay vì ngây ngất?
Ta chẳng biết nhưng rồi ta chóng mặt
Toàn thân lạnh ngắt!
Thuyền chìm sâu sâu mãi bể Hư Vô
Mà hương ngát đâu đây còn phảng phất
Mà bên tai đàn sáo vẫn mơ hồ
Ngửa trông lên cung Quế tít mù xa
Dần dần khuất
Dưới chân ta
Thuyền mây sóng lật
Không gian vừa sụp đổ chung quanh
Một trời đêm xiêu rụng tan tành
Dư hưởng yếu từng giây
Dư hương dần loãng nhạt
Trong tay níu đôi thân liền sát
Nhè nhẹ rơi vào lớp sóng khinh thanh
Sao lìa ngôi, phương hướng ngã bên mình
Cơn lốc nổi!
Đờn tiên thôi gọi
Âm thầm xa bặt tiếng tiêu
Những mê man say uống miệng người yêu
Ta cũng như nàng,
Cảnh mộng chốn Bồng Lai đâu nhớ tới.
Hai xác thịt lẫn vào nhau mê mải
Chút thơ ngây còn lại cũng vừa chôn
Lúc tỉnh dậy bùn nhơ nơi hạ giới
Đã dâng lên ngập quá nửa linh hồn!

Vừa ngâm xong thầy nhỏ nhẹ "tự thú" là khi làm bài thơ này thi sĩ chưa hề biết đàn bà! Thỉnh thoảng thầy vẫn tiết lộ cho chúng tôi những điều bất ngờ như vậy. Một lần khác thầy ngâm bài thơ "Say đi em" vẽ ra một cách sống động khung cảnh một vũ trường:

Bốn tường gương điên đảo bóng giai nhân
Lui đôi vai, tiến đôi chân
Riết đôi tay, ngả đôi thân
Sàn gỗ trơn chập chờn như biển gió,
Không biết nữa, màu xanh hay sắc đỏ
Hãy thêm say, còn đó rượu chờ ta

Nghe xong chúng tôi nghĩ thầy là một khách sành điệu rất từng trải trong chốn ăn chơi. Nhưng thầy thản nhiên "phụ đề": khi làm bài thơ này tác giả không hề biết khiêu vũ!

Chốc đó mà bốn chục năm đã trôi qua. Kiểm điểm lại trong đám chúng tôi chỉ có hai người theo nghiệp của thầy. Anh Nguyễn Thiệu Hùng bút hiệu Mai Trung Tĩnh và anh Lê Đức Vượng bút hiệu Vương Đức Lệ. Hai anh đã in chung tập thơ "40 bài thơ Mai Trung Tĩnh và Vương Đức Lệ" và tập thơ này đã đoạt giải thưởng Văn Chương Toàn Quốc năm 1961.Cả hai anh đều đã bị Cộng Sản đầy ải trong ngục tù tại Saigon cùng với một số nhà văn nhà thơ khác trong nhóm Diễn Đàn Tự Do của Giáo Sư Đoàn Viết Hoạt. Anh Mai Trung Tĩnh được thả năm 1994 mang bệnh tim, mù một mắt và sưng gan do hậu quả của những năm lao tù. Ngày 7 tháng 6 năm 1995, anh cùng vợ và hai con đã tới Hoa Kỳ và mất tại Virginia vào lúc 2 giờ sáng ngày 20 tháng 2 năm 2002 vì di chứng của những bệnh cũ. Anh Vương Đức Lệ cũng được sang được Hoa Kỳ rất muộn, nhiều năm sau khi thoát khỏi lao tù. Tôi nghĩ tới thầy với những ngày lao tù bệnh tật dưới chế độ Cộng Sản, nghĩ tới cái chết tức tưởi của thầy chỉ ít ngày sau khi được thả vì quá đau yếu. Cả thầy lẫn trò đều chung nỗi truân chuyên của những người làm văn nghệ gặp cơn gió chướng.

2/1991

THƠ VŨ HOÀNG CHƯƠNG
SAU THÁNG TƯ 1975

Vũ Hoàng Chương - Hoàng Lập Ngôn vẽ

Tết Bính Thìn (1976)
Sáng chưa sáng hẳn, tối không đành
Gà lợn om xòm cả bức tranh
Rằng vách có tai, thơ có họa
Biết lòng ai đỏ, mắt ai xanh
Mắt gà huynh đệ bao lần quáng
Lòng lợn âm dương một tấc thành
Cục tác nữa chi ngừng ủn ỉn
Nghe rồng ngâm váng khúc tân thanh.

HỌA THƠ TẢN ĐÀ

Thơ khóc Tết
Ngoảnh đi ngoảnh lại lại đến Tết
Ông đến độ này mới thật chết
Gạo tẻ đong chịu nếp thì không
Áo vợ rách tan chồng cũng hết
Cỗ bàn duy có ba ông Công
Xu kẽm thì không một vẩy hến
Thì ra lúc túng văn càng hay
Lại được một bài thơ khóc Tết.
Tản Đà

Bài họa
Cậu Ấm khóc đâu là khóc Tết
Phải đâu núi Tản sông Đà chết
Sông dù vặn được tuổi càng thêm
Núi có dời đi duyên chẳng hết
Kìa bánh đem lòng bóc giữa mâm
Lại Rồng phun thuốc dâng đầy hến
Thơ đang vời rượu bật lên cười
Vang Bính Thìn Xuân Nam Việt Tết.

HỌA THƠ DƯƠNG KHUÊ

Thơ tự thọ
Năm mươi lăm tuổi hãy mừng ta
Còn bốn mươi năm nữa đó mà

Đội đức hải sơn ngày tháng rộng
Gẫm mình râu tóc tuyết sương pha
Cung đàn ả nguyệt còn yêu trẻ
Chén thọ lăng xuân vẫn kính già
Lộc nước ơn vua ban đã khắp
Được riêng mạnh khỏe phúc nhà ta.
Dương Khuê

Bài họa
Sáu mươi hai tuổi hãy mừng ta
Cũng trích tiên xưa tuổi ấy mà
Đời đã xong rồi mau tịch mịch
Sống chi nhiều nữa để phôi pha
Văn chương đến buổi văn nằm ụ
Tết nhất coi như Tết dối già
Tái diễn năm nay màn "tróc nguyệt"
Không chừng vai chính sẽ là ta.
Xuân Bính Thìn 1976

HỌA THƠ NGUYỄN KHUYẾN

Thơ cảm xuân
Năm nay tớ đã bẩy mươi tư
Rằng lão rằng quan tớ cũng ừ
Lúc hứng uống thêm ba chén rượu
Khi buồn ngâm láo mấy câu thơ
Bạn già lớp trước nay còn mấy
Chuyện cũ mười phần chín chẳng như
Cũng muốn sống thêm dăm tuổi nữa
Thử xem trời mãi thế này ư.
Nguyễn Khuyến

Bài họa
Di cư từ một chín năm tư
Đón Tết mừng xuân chỉ ậm ừ
Có đất ngòi đây là đất hứa
Gõ đầu trẻ cũng đứng đầu thơ
Ngã ra thì ngã thân Từ Hải
Chôn khó mà chôn mộng Tố Như
Nợ đã sông Tiền xuôi ngọn nước
Ai còn đeo đẳng khúc đuôi ư.

HỌA THƠ BÀNG BÁ LÂN

Ba trăm năm sau
Chắc gì ba trăm năm sau
Dễ ai vào nổi cơn sầu nằm đây

Đọc mấy vần thơ gửi tới nhau
Mà thương mà xót dạ thêm sầu
Ta buồn nhìn nắng soi hiên vắng
Mình giận nghe mưa rót mái lầu
Ngõ hẹp sầu dâng vương lối cỏ
Đời tàn bóng ngả xế nương dâu
Ba trăm năm nữa ai tri kỷ?
Hổ với người xưa, thẹn với sau.
Bàng Bá Lân

Bài họa
Thơ đoạn trường kia liệu khất nhau
Vay không vơi hận, trả thêm rầu
Thơ vay bằng huyết tan vào sử
Ngọc trả thành mưa đọng dưới lầu
Trước đã trời xanh vay má phấn
Rồi xem biển lớn trả nương dâu
Mình vay mình hãy riêng mình biết
Để trả cho mình những kiếp sau.

Hoàng Hạc Lâu
(Dịch bài Hoàng Hạc Lâu của Thôi Hiệu)
Xưa hạc vàng bay vút bóng người
Đây lầu Hoàng Hạc chút thơm rơi
Vàng tung cánh hạc đi đi mất
Trắng một màu mây vạn bạn đời
Cây bến Hán Dương còn nắng chiếu
Cỏ bờ Anh Vũ chẳng ai chơi
Gần xa chiều xuống đâu quê quán
Đừng giục cơn sầu nữa sóng ơi.

Cảm đề
Hoàng hạc Lâu – Nguyễn Du
Đã bao giờ có hạc vàng đâu
Mà có người tiên để có lầu
Tưởng hạc vàng đi mây trắng ở
Làm Thôi Hiệu trước Nguyễn Du sau
Hạc chưa bay khỏi mê hồn kịch
Tiên vẫn nằm trong vạn cổ sầu
Trăng gió hão huyền như khói sóng
Nồi kê chín tới nghĩ mà đau!

Đọc lại Nguyễn Du
Văn tự hà tàng vi ngã dụng
Cơ hàn bất giác thụ nhân diên

Chẳng dùng chi được văn tài
Thân này lụy áo cơm ai bất ngờ
Phút giây chết điếng hồn thơ
Nét đau mặt chữ bây giờ còn đau
Chắc gì ba trăm năm sau
Đã ai vào nổi cơn sầu nằm đây

Nếu không cơm áo đọa đầy
Như thân nào thịt xương nào bỗng dưng
Chết theo vào đến lưng chừng
Say từng mảnh rớt mê từng khúc rơi
Nửa chiều say ngất mê tơi
Khúc đâu lơ láo mảnh đời thi vương.

Đọc Thôi Hộ

Khứ niên kim nhật thử môn trung
Nhân diện đào hoa tương ánh hồng

Ngày này xưa cổng này đây
Hoa đào má đỏ cùng lây ánh hồng
Đã ngưng một điểm thời không
Mở ra ngoài phía chiếc lồng thiên cơ
Đón vào sâu tận cõi bờ
Chưa ai vào được hay mơ được vào
Chợt nghe má đỏ hôm nào
Cười lên từ cổng hoa đào nhặt thưa
Cổng ơi mở cũng bằng thừa
Đừng tin kích thước gửi vào Đường thi
Chàng Thôi ngắm hão rồi đi
Một khung chết đứng mong gì ngàn sau.

Thị Lộ

Tôi ở Tây Hồ bán chiếu gon
Cớ chi ông hỏi hết hay còn

Còn gì đây hết gì đây
Chiếu nhà vua gái thơ ngây biết gì
Chiếu gon ông hỏi làm chi
Dệt nên tôi cũng bán đi là thường
Hồ Tây còn nước còn gương
Vai tôi còn chiếu tuy... giường thì không
Ông còn đất trải không ông
Mà toan mua chiếu mất công hỏi người
Sao ông không hỏi ông trời
Hỏi thân này trước hỏi đời hôm nay
Còn đem non nước làm rầy
Cả chiêm bao, cả chiếu này nữa ư?

Cao Bá Quát

Minh nhật dục từ Nam phố đạo
Hà nhân cánh xướng Bắc cung thanh

Đường Thanh Nghệ Tĩnh chon von
Nhịp ba cung Bắc ai còn hát đây
Cánh chim lượng gió đong đầy
Khói Hoàng đô thoắt liền mây Đế thành
Rồng Lê, Phượng Nguyễn tung hoành
Chẳng e lưu xú, chẳng dành lưu phương
Ba hồi trống giục pháp trường
Máu tuôn phách đựng phố phường còn mưa
Cơn buồn gió lọt mành thưa
Mấy mươi giông bão cho vừa nhịp ba
Nào ai đáng mặt danh ca
Mời ai danh sĩ Bắc hà về nghe.

Bà Huyện Thanh Quan

Người xưa cảnh cũ giờ đâu tá
Khéo ngẩn ngơ thay lũ trọc đầu

Nước trong dòng đục thương ai
Chiều sương gió tiễn sô gai bốn bề
Yếm khăn đi cũng chẳng về
Nghiệp văn chương ấy nặng nề đến đâu
Lạ gì mưu lũ trọc đầu
Cung vua dìm tiếng thơ sầu Thanh Quan
Dễ gì khi qua đèo Ngang
Chim kêu lại để gan vàng sót sa
Mảnh tình riêng ta với ta
Phải đâu tâm sự một bà Huyện thôi
Nước còn chau mặt không trôi
Hồn thu thảo láng chuông hồi cổ kim.

Hồ Xuân Hương

Giơ tay với thử trời cao thấp
Xoạc cẳng đo xem đất vắng dài

Đo xem đất có dài chăng
Với tay xem có thật rằng trời cao
Ôi sau đây hận đây sao
Văn chương hồ thỉ hôm nào tung hê
Sầu không nở trắng hoa lê
Hận không chôn chặt bên lề cỏ xanh
Cán cân rơi mất thôi đành
Túi càn khôn thắt được danh bao giờ
Còn tên còn tiếng lửng lơ
Còn son để yếm còn thơ để đời
Sân đu cọc nhổ còn chơi
Ngã ra lại có đất trời ở trong.

Trước một ngày trao

Bè mây đã nát thu phong tứ
Trùng cửu thơ còn trao ngất ngư
Tháng cuối mùa trăng ngày hội hữu
Năm đầu gác bút động hoa hư
Thơ không thoái vị, trà say khướt
Người vẫn đăng cao, mộng ngọt lừ
Nam Bắc sương im đầy bóng nhạn
May ra bệnh cũng xuống dần ư.

BÊN ĐỈNH TRẦM

Phiếm Đàm Với Ngân Giang Nữ Sĩ

Bút ký của HOÀNG QUỐC HẢI

Một buổi chiều xe lạnh, lại có mưa bụi rắc nhẹ tựa tuyết bay, thời tiết gợi tức mức không thể đi dạo. Tôi dự định sẽ lên mạn các làng Hoa ven hồ Tây, nhưng không biết run rủi thế nào lại rẽ xuống bãi Nghĩa Dũng, ngoài bờ sông Hồng. Và thế là tôi liền đi thẳng vào Tòa "Lâu Đài" dành cho Búp bê của Nữ sĩ Ngân Giang. Thấy tôi, bà reo lên giọng ấm áp. Bà niềm nở dắt tôi chỉ vào một góc giường... Ngồi đây! Ngồi đây nói chuyện cho ấm. Rồi bà pha trà, hai ly trà cúc bốc khói tỏa hương thơm nhè nhẹ. Phía bên kia vách một giọng Nam khẽ khàn cất lên "Tố của Hoàng ơi! Tố của Hoàng..." Thấy tôi ngoái nhìn về phía có tiếng ngâm, bà Ngân Giang liền nói Thằng con trai tôi đang nổi máu "Say" của anh Vũ Hoàng Chương đấy. Đoạn bà dịu dàng như thể mắng yêu như thể phân trần... Ai lại thơ anh ấy khóc người tình, mà nó cứ gào lên như thế... Vốn kính trọng tài thơ của cố thi sĩ và cũng muốn biết đôi điều về ông, tôi hỏi: Nghe nói bác và bác Vũ Hoàng Chương thân nhau lắm? Nữ sĩ nhìn tôi cười mỉm, mắt bà chợt lóe lên một ánh vui, rồi vụt tắt, như chìm trong kỷ niệm, bà nói: Hồi ấy, đám văn nhân, thi sĩ chúng tôi sống với nhau vui lắm thân nhau và cũng thương nhau. Từng nhóm kết thân với nhau. Lại có từng cặp nữa, như cặp Xuân Diệu Huy Cận, Vũ Hoàng Chương Đinh Hùng. Xuân Diệu gả Xuân Như em gái mình cho Huy Cận. Còn Vũ Hoàng Chương cưới Thục Oanh chị ruột Đinh Hùng. Tôi hỏi... Nhưng thời trẻ Vũ Hoàng Chương kịch liệt, đả phá tình yêu Hôn Nhân kia mà. Bà Ngân Giang nheo mắt cười hóm hỉnh: Đừng nhẹ dạ tin vào những lời tuyên bố ầm ĩ của các nhà thơ khi cao hứng. Vì vậy trong luật cổ Hy Lạp có một điều cấm kỵ rất hay. "Cấm các nhà thơ làm kinh tế."

Thấy tôi chăm chú nghe, bà Ngân Giang cười hỏi:

- Chắc Hải muốn biết lớp Thi Nhân Tiền Chiến sống ra sao. Có khác gì nhiều lắm với các bạn ngày nay?

Tôi gật đầu tán thưởng. Bà Ngân Giang cầm tập thơ chép tay, bìa bọc ni lông lật mở vài trang và chỉ vào một tấm ảnh cắt ra từ một bài báo, đây là chân dung Vũ Hoàng Chương, anh Chiêu Dương mới sưu tầm được. Anh Phan Tại đã làm xong tượng Vũ Hoàng Chương. Tượng bán thân thôi. Đưa tay vuốt nhẹ mấy sợi tóc vướng trên trán, mắt bà đăm đăm nhìn vào tấm hình mờ mờ. Hẳn là bà đang soi vào kỷ niệm. Bà nói như nói với chính mình... Đẹp trai, hồi trẻ anh ấy đẹp trai mà tài hoa, tinh tế, hóm hỉnh lắm. Nhớ cuộc tranh luận ầm ĩ về Thơ Cũ Thơ Mới. Các nhà thơ mới lớn tiếng mạt sát thơ Luật Đường. Nào gò bó nào trói voi bỏ rọ, nào cổ hủ... Vũ Hoàng Chương cũng thuộc phái thơ mới, nhưng anh giữ thái độ im lặng. Bữa nọ nhân ngồi uống trà trong phòng thơ (1) của tôi, tôi hỏi nhỏ Vũ Hoàng: Ý anh về Thơ Cũ thế nào? Anh nheo mắt cười rất hóm rồi bảo: Ngân Giang cứ viết cho thật hay, đừng câu nệ hình thức, nhất là đừng để ý đến chuyện cãi cọ vặt ấy làm gì. Họ không làm được "Đường" họ chỉ nấu "Kẹo" thôi, nên nói nhảm. Lại một lần nữa vào đầu năm 1946, Bài Xuân-Chiến-Địa của tôi đăng trên báo Cứu Quốc, bài thơ được hoan nghênh lắm, tôi đang sống trên lấp lánh ánh hào quang. Nhân một buổi đi dạo với Vũ Hoàng Chương, như chợt nhớ ra, anh dừng lại nhìn tôi và vẻ đắn đo cân nhắc anh nói rất nhỏ: "Có phải Ngân Giang viết bài Xuân Chiến Địa không?" Và anh chỉ nói thêm một câu rất ngắn, rồi anh xin

tôi "đừng giận."

Ý kiến của anh về Thơ Mới Thơ Cũ, ngày ấy tôi hiểu ngay được. Nhưng còn điều anh nhận xét về bài "Xuân Chiến Địa" thì phải đến non nửa thế kỷ sau tôi mới thấy anh có lý. Về bài "Xuân Chiến Địa" của tôi, cũng có một số phận bi hài. Tôi viết nó trong một buổi chiều đầy hứng khởi. Lòng đang xốn xang vì xúc động, thấy chồng vừa đi làm về, tôi khoe liền, nghĩ rằng anh ấy cũng là một trí thức, lại ở trong đội ngũ những người lãnh đạo. Ai ngờ, đọc xong, mặt anh ấy tím lại, xé bài Thơ làm bốn mảnh vứt xuống sàn nhà, chỉ vào mặt tôi, giọng chì chiết, anh mắng: Không đúng đắn, gái có chồng rồi mà còn... "Em mơ... Trai... em ấm lòng" (2). Tôi chưa hết bàng hoàng thì anh Trần Huy Liệu (3) bước vào... Dường như anh cảm nhận được điều gì đó, anh cúi xuống lượm mấy mảnh giấy chắp lại. Đọc xong, anh quay về phía chồng tôi cười vỡ ra như để dàn hòa: Bài Thơ hay thế này, tại sao lại xé đi? Anh bỏ luôn vào túi. Và mấy hôm sau thì nó được in nguyên văn trên báo Cứu Quốc. Anh Trần Huy Liệu chắc hiểu tính chồng tôi. Bởi trước đó mấy ngày ông chồng tôi đã làm cho tôi một trận hú vía.

BÀNG BÁ LÂN

MƯỢN KHÓI CHUYỂN LỜI

Ơi Hoàng! ơi Vũ Hoàng Chương!
Giữa cơn gió thảm lại vương mây sầu
Còn đây thơ nghẹn ngào đau
Mà người lưu lạc về đâu hỡi người
Ván cờ dang dở cuộc chơi
Sao ai bỏ cuộc cho đời buồn tênh!
Nhìn quanh: mình lại với mình
Với bao nhiêu mộng bình sinh rã rời
Vũ Hoàng ơi, Vũ Hoàng ơi
Đốt hương mượn khói chuyển lời khóc nhau.

Bàng Bá Lân
Bách nhật VHC, 18-12-1976
Chùa Giác Minh

Chẳng là khi về ăn ở với nhau rồi, tôi mới nhận ra anh là người vừa ghen tuông vừa chấp nhặt lại vừa có vẻ "keo" nữa. Tôi nghĩ sự nghiệp đời mình gắn với ông này thế là đi đứt. Chán ngán tôi viết một đôi câu đối dán trịnh trọng trong phòng khách:

Một sớm CHÀNG ĐỌ CHAI NƯỚC MẮM
Trăm năm THIẾP ĐẾM CỦ DƯA HÀNH

Tôi chắc anh nghĩ tôi chơi cái trò chữ nghĩa lẩm cẩm của đám thi nhân, nên coi như không có đôi câu đối kia trong phòng khách. Chứng cớ là anh không hề có phản ứng gì cả. Bỗng một hôm anh Trần Huy Liệu (lại ông Liệu) vào chơi, nhìn thấy, anh đọc to và cười đến chảy nước mắt, rồi bảo: "Ngân Giang xỏ cậu đấy, Nữ sĩ chê cậu là đồ keo kiệt đấy." Anh Trần Huy Liệu ra về. Cơn thịnh nộ đổ xuống đầu tôi. Đôi câu đối bén lửa cháy, tàn than bay lả tả khắp phòng. Nhìn đám tro giấy, tôi ý thức ngay rằng: Cuộc hôn nhân của tôi đã thiêu hủy. Ít lâu sau chúng tôi chia tay nhau. Sau này ngẫm lại, mọi nỗi oan nghiệt trong đời, tôi tự chuốc lấy, cũng đều bắt nguồn từ cái nghiệp văn chương! Tất cả những chuyện vui buồn của tôi, Vũ Hoàng Chương và các bạn

đều biết. Các anh ấy chia sẻ chân thành. Những lúc buồn, tôi và Hoàng Chương hay đi dạo qua đường Ô Quan Chưởng ra phía bờ sông, để đón bắt cái bâng khuâng để đi tìm thi tứ, tựa như mấy kẻ lang thang trên nẻo đường vô định. Vũ Hoàng Chương, đầu ngẩng cao nhìn trời, tư thế hiên ngang như một tráng sĩ. Anh say sưa nói về Thơ, đôi khi nói về thế sự, anh là người có trí thức sâu rộng, sống độ lượng với mọi người và có nhãn quan thấu thị. Tôi rất phục tài anh, nhất là mảng Thơ Say. Và anh cũng nể tôi vì nhiều lẽ. Có bữa anh mời tôi lại nhà chơi. Hồi ấy nhà anh ở Phố Hàng Điếu gần nhà Vũ Bằng. Khi thì xướng họa khi thì nối vần nhau để có chung một bài Thơ. Ấy là cái thú chơi tao nhã của đám Thi Nhân Tài Tử. Những lúc chúng tôi Thi đàm đầy hứng thú, thì chị Thục Oanh sửa soạn cơm nước rất nhanh. Sau đó cả ba chúng tôi cùng vào tiệc rượu... Và rồi Vũ Hoàng Chương xoay lại với "nàng Tiên nâu" của anh, mặc cho tôi và Thục Oanh trò chuyện.

Nữ sĩ ngừng kể, bà nhìn ra ngoài trời mưa vẫn lây rây rắc nhẹ lớp bụi phấn trên nền trời mờ xám, với giọng trầm thoảng bà tiếp...

Sau khi đất nước thống nhất, từ Sài Gòn anh gửi qua Vũ Hoàng Địch, em trai anh ở Viện Triết, đem đến cho tôi một gói quà. Sự thật tôi mong thư anh và nóng biết tin gia đình anh hơn. Mở gói ra một mảnh giấy, chỉ có chưa đầy hai câu thơ trích trong bài "Mây Trắng" của tôi. "Trên quãng đường chia ngả, Thì ngả nào không có lá rơi!"... Tôi hiểu ý anh, anh chia sẻ nỗi bất hạnh của đời tôi, thật ra cũng là nỗi bất hạnh của đời anh. Và tôi còn hiểu anh ngầm khuyên tôi nên đi tu! Tôi không nghe lời anh được, bởi nhẽ "số còn nặng nợ." Lại giữa lúc túng bấn, quẩn quanh với quán nước bên bến sông, mà có lần tôi đã viết: *Sớm tối dăm ba đồng vốn liếng. Tháng ngày dăm bảy khách văn chương. Ôi năm cứ thế xuân không hẹn...* Và rồi cũng chẳng giữ được tấm gấm đó. Tôi nhờ bán đi, mua được năm yến gạo, vẫn còn đủ tiền may cho mình bộ áo quần nữa. Đúng là: "Cơm áo không đùa với khách Thơ." Thục Oanh cũng gửi thư và quà cho tôi. Qua Thục Oanh tôi biết được về hoàn cảnh gia đình và tình thế của Hoàng.

Bẵng đi một thời gian, nhận thư Thục Oanh báo tin buồn, tôi không tin là anh đã mất. Nên viết đôi dòng khóc anh:

Ớ Vũ Hoàng ơi, ớ Vũ Hoàng,
Mười Hai tháng Sáu lạnh mầu tang
Mây không lãng đãng theo chân ngựa
Say để bâng khuâng ngã giữa đường
Một ánh Bạch vân dài nẻo nhớ,
"Bài ca dị Hỏa" khóc người thương
Mà dòng Dịch Thủy trôi trôi mãi
Lối trắng hoa Lê bỗng đoạn trường.

Mải chuyện không biết Nữ sĩ khơi đỉnh trầm từ lúc nào, mà mùi hương tỏa ngát. Ngân Giang vốn có thói quen khi tiếp khách làng văn bà thường đốt trầm. Thói quen này bà giữ được từ khi còn sống trong phong lưu, đài các, tới cả khi "quét lá bên sông" bà vẫn không từ bỏ. Vừa rắc thêm trầm vào đỉnh, bà vừa nói giọng trầm thoảng như nói với xa xăm:

Sinh thời Vũ Hoàng và Nguyễn Tuân rất thích mùi trầm, nhất là Nguyễn, mỗi khi tới thăm tôi, anh săm săm vào phòng văn, không chào hỏi ai cả, bước thẳng tới đỉnh trầm mở nắp ra và rắc thêm trầm vào. Lặng lẽ gỡ cây đàn tam thập lục treo trên tường xuống, với cử chỉ tao nhã Nguyễn trao vào tay tôi, rồi đọc tiếp "*Thái giám cúi dâng đàn trước kỷ. Rắc thêm trầm ngát xuống lư vàng. Lung linh bạch lạp soi nhan sắc. Mười ngón tay ngà nhấn phím loan...*"

Sau khổ Thơ, bà dừng đột ngột. Gương mặt nữ sĩ hiện lên vẻ an nhiên siêu thoát. Tôi đọc được nét đài các kiêu sa còn vương nơi ánh mắt và khóe miệng bà, và thầm đoán bà đang nhấn phím ngà trong tâm tưởng, và dường như bà cũng đang nghĩ về thế giới của Thơ ca và tình bạn. Bà nghĩ về cái mùi hương trầm vẫn đang tỏa quyện, và lời thơ tiếng nhạc vẫn còn vẹn nguyên. Nhưng những... người muôn năm cũ, hồn ở đâu bây giờ.

Giảng Võ tháng Chạp
năm Nhâm Thân – 1992

(1) Trước tháng 8-1945 các văn thi sĩ nổi danh thường tổ chức loại "salon littéraire."
(2) Những câu thơ trong bài Xuân Chiến Địa. Nguyên cả câu "Em cũng mơ người trai đất Việt" hoặc "Em sẽ ấm lòng khi nhạc ngựa..."
(3) Ông Trần Huy Liệu ngày ấy (1946) là bộ trưởng bộ Thông tin trong chính phủ lâm thời.
Câu thơ V.H.C khóc Tố Uyển 12-6.

THẦY ĐỒ
Đầu Thai Lầm Thế Kỷ

LƯU VĂN VỊNH

Vũ Hoàng Chương dường như đã tâm sự: thi nhân chẳng làm được nghề gì khác ngoài nghề làm thơ! Ai cũng nghĩ đi dậy Việt văn, bình giải thi phú cho học sinh đang tuổi lớn khôn là nghề thích hợp nhất của văn thi sĩ, có biết đâu trái tim thi sĩ giống như lằn chớp, nhoáng lên ở đằng Đông rồi xẹt về đằng Tây, không dễ câu thúc trên bục giảng, không thể ngồi yên dù mươi phút trong một căn phòng mà mình đã chán, lại càng không thể nán lại vài giây trên những lá thơ xơ xác, những vụn văn nhạt nhẽo, ôi! văn chương thi phú phải chăng là đệ ngũ khổ ngoài bốn nỗi khổ thiên thu sinh lão bệnh tử?

Suốt cả năm học đệ Nhị ban Văn chương tôi chỉ thấy Vũ Hoàng Chương nổi hứng có hai lần: lần giảng về Kiều và lần giảng về Tản Đà. Ông rất thích lối làm thơ câu này đối với câu kia, đoạn sau đối với đoạn trước của Nguyễn Du... "làm thơ mà tới mức độ như vậy phải nói là rất cao" như lời ông phẩm bình, và vào một buổi học cuối niên khoá, tháng Năm trời mưa, giữa cơn mưa lành lạnh, bàn bạt xầm xập trên mái nhà tôn, ông cao hứng đọc bài thơ Chả Chim của Tản Đà, dẫn học sinh, 16, 17 tuổi về thăm quê hương núi Tản sông Đà, thú vị như đang nhắm rượu với chả chim thơm phức... Ông say sưa kể chuyện vua Tự Đức ngự giá Bắc tuần, dừng lại một đêm ở chân núi Tản, đêm ấy nhà vua nằm mơ thấy một ông quan mặc áo đỏ, tay bế đứa trẻ sơ sinh, dâng lên vua. Quần thần giải là ông quan mặc áo đỏ chính là sơn thần Tản Viên, đứa trẻ sơ sinh là nhân sâm quý núi thiêng, chỉ nơi đây, khắp đất Việt, trên núi thất cổ bồng mà có Thánh sinh này, mới trồng được nhân sâm đệ nhất phẩm. Từ đền Hạ, leo lên đền Trung, rồi tới đỉnh non Tản, phải nhờ người Mường cõng, mất cả ngày trời. Trên đỉnh núi thất cổ bồng, còn ngôi đền với ba chữ nho Bạch Sỉ Tự, nét son đã mờ nhạt, nghe đâu dựng từ đời Lý. Thời tiền chiến, đền Thánh Tản còn giữ được sổ vàng với ngự bút của vua Tự Đức.

Thế hệ Vũ Hoàng Chương, con cháu nhà Nho, gốc rễ sâu xa với dân tộc, bền bỉ truyền thống, còn bắt được huyết mạch Lạc Việt để trao truyền cho thế hệ sau, cho nên chẳng lạ khi tác giả Thơ Say *bốn tường gương điên đảo bóng giai nhân* bỗng hùng hồn xuất ra Bài Ca Bình Bắc một mùa Xuân sau cuộc di cư 1954, rồi rừng rực Lửa Từ Bi sau 1963... Ngôn ngữ là hồn dân tộc, thi nhân lại là hồn ngôn ngữ, cho nên một nghệ sĩ đích thực, tâm hồn lặn sâu trong tâm thức giống nòi, để vọt lên nguồn hứng khởi tinh ròng bộ tộc. Vũ Hoàng Chương làm thơ với tâm thức non sông phả vào từng dòng, từng âm điệu, khi não nuột, khi say đắm, khi hừng hực, khi đĩnh đạc thày đồ, ông là kẻ sĩ vác trên vai một bầu rượu, một nỏ thần, một tia mắt đa tình, yêu thương chính mình, thương cảm cõi người bao quanh. Ông chẳng sống trong tháp ngà hăm bốn giờ một ngày, ông đứng hàng giờ trong lớp học, ngồi cả buổi ở quán, vãn cảnh chùa, thăm báo quán, quây quần văn hữu..., và luôn luôn sáng tạo dù có khi "hứng thơ cả tháng, cả năm... *không trở lại.*"

Lớp học chật chội, mái tôn nóng nực như thiêu như đốt của những buổi trưa Sài Gòn, vậy mà người giáo sư thi sĩ kia vẫn đóng bộ chỉnh tề, cà vạt diêm dúa, giày hai màu "deux couleurs" công tử Hà Thành, thời của Tự Lực Văn Đoàn, của hộp đêm ca kỹ đàn địch, không biết khi đứng trên bục giảng, một tay cầm tập cua ronéo bìa đỏ, một tay vịn lên mép bàn, ông còn cảm tưởng "sàn gỗ trơn chập chờn như biển gió" hay không? Vũ Hoàng Chương hay mặc Âu phục mầu hạt dẻ, màu lịch sự nhất theo mắt ông và thường đội mũ phớt không biết để làm dáng hay để che nắng? Những lần nhìn ông tay sách cặp, quần áo đóng bộ không một nếp nhăn, đi giữa ánh nắng chói chang ở khu Chợ Vườn

Chuối Phan Đình Phùng như một hiện tượng trích tiên giữa tục lụy... Con người đầu thai lầm thế kỷ này vẫn sống để nuôi dưỡng thế hệ mê đọc thơ văn tiền chiến, ông chính là hình ảnh sống động còn sót lại của lớp nghệ sĩ lãng mạn phong lưu! Cùng với Đinh Hùng, Vũ Hoàng Chương giữ trọn vẹn phong cách ấy, khác xa phong cách dở dở ngang ngang, loại lập dị, lúc vào ngồi ở nghĩa địa, bờm xờm tóc tai, lúc say sưa cẩu thả, háo hức mong tạo huyền thoại kim cổ lưu danh!

Thời 1960 Sài Gòn có hai vị giáo sư nghệ sĩ, thường dậy chung trường, hai nghệ sĩ dáng dấp đối nghịch nhau: văn gia Vũ Khắc Khoan sức vóc mặt mũi đỏ gay, xắn tay áo như một tráng sĩ lẫm liệt, Vũ Hoàng Chương bạch diện ẻo lả thư sinh, gió thổi cũng bay... vậy mà nghe đâu ông rất can đảm, thời kháng chiến Việt Minh ông cương quyết chống lại văn hóa chỉ đạo, trong lớp đôi lần ông giải thích "có nhiều người lúc thường rất nhút nhát yếu đuối nhưng bất ngờ có thể làm chuyện can đảm phi thường không ai ngờ được..." Kịch tác gia Khắc Khoan và nhóm Quan Điểm ưu thời mẫn thế, băn khoăn, đăm chiêu, nhưng nhà văn khác với nhà thơ: văn có thể giấu chân tướng, thơ thì không, vì hồn thơ kết tinh nhân cách tâm hồn, văn là người còn mặc quần áo, thơ là người trần truồng..., mức cao, thấp, chấp nhặt, thoát sáo, phơi bày, đọc một câu một đoạn biết ngay. Người làm thơ chân đi trên mặt đất, nuôi tâm tình rất thực nhưng dùng đôi cánh trích tiên cao cả sẵn có, Trời phú, để thăng hoa, để bốc tâm tình nhân thế lên cõi cao xa, để giúp tục nhân bay tới gần chân thiện mỹ. Nguyễn Du thừa hiểu:

Tri giao ngã quái sầu đa mộng
Thiên hạ hà nhân bất mộng chung ?
Bạn cười ta chỉ mơ mòng
Hỏi người ai đã ngoài vòng say mơ
(cụ Cử Ngô Mạnh Nghinh dịch?)

Thi nhân đa sầu đa mộng vì tấm thân "điện ảnh hữu hoàn vô" (sư Vạn Hạnh) này không sống giới hạn trong chiều kích nào, họ sống ngoài vòng cương toả, họ sống trong cõi cao hơn cõi người ta.

Giới văn nghệ kể lại hai ông bạn thơ Vũ Hoàng Chương và Đinh Hùng thời 1945 nằm mơ màng bên khói phù dung quên cả ngày đêm, tới lúc ló đầu qua cửa sổ thấy cờ đỏ sao vàng bay rợp trời mới hỏi nhau. "Cờ nước nào đấy?" thì quả thật các tiên ông đã được sống trong thế giới vô tư lự ta ca trái đất của riêng ta rồi vậy! Vũ Hoàng Chương và Đinh Hùng cốt cách giống nhau: ăn mặc diêm dúa, chải chuốt, tiêu biểu cho cả một thế hệ công tử Hà Thành, họ sống giấc mộng thi nhân, thành thật với chính mình, họ sống mơ màng, nhưng chẳng bao giờ khiếp nhược hèn hạ ca tụng bình vôi tượng đất, hay mang máu me dao găm lựu đạn vào văn chương. Thời trước 1960, chính phủ VN Cộng Hòa đặt ra phong trào tố Cộng cho công chức học sinh học tập, Vũ Hoàng Chương đã nhận định "văn chương nịnh bợ cộng sản không hay thì văn chương tố cộng cũng không thể hay được"... trước sau ông chủ trương nghệ sĩ phải hoàn toàn tự do sáng tạo, không thể ép vào khung cũi chính trị nào, dù khung to hay khung nhỏ, khung đỏ hay khung xanh.

Ông nhận định thanh thoát: "Con người ta sống cả vạn năm trong rừng rú hoang vu, tất nhiên máu tự do phải nhiều hơn, xã hội kìm kẹp làm sao được..." Suốt năm học, chưa bao giờ nghe ông nặng lời chê bai dèm pha phỉ báng bất cứ ai. Ông là loại thoát tục, ái ngôn ái ngữ, đoá sen giữa bùn lầy, như tre trúc phất phơ bờ ao, hiền hoà với cả chim muông sâu bọ.

Khi dậy học, Vũ Hoàng Chương đóng vai giáo sư nghiêm túc như thầy đồ Nho. Ông giỏi chữ Hán và giữ phong cách cẩn tắc của kẻ sĩ, đôi khi mặc áo the đen, khăn đóng, đọc thơ ông người ta thấy nét mới nhưng ý vẫn cổ kính trang trọng như thơ Đường. Người đọc có thể thích hay không thích thơ Vũ Hoàng Chương, nhưng khó có thể tìm ra những câu thơ non hay những từ vụng trong dòng thơ họ Vũ. Thơ cũng vậy mà người cũng vậy, ông ăn nói nghiêm cẩn, không cười đùa trong lớp, không nóng giận, đặc biệt ông ra đề luận hàng tháng, chấm bài kỹ càng và trả bài rất đều đặn... Thời 1954- 1960, các trường thiếu giáo sư trầm trọng, có giáo sư chẳng bao giờ ra bài, tới kỳ thi, cho cả lớp 9, 10 điểm (10/20 là trung bình) nghĩa là chẳng đọc chẳng chấm gì cả. Đứng về phương diện sư phạm, Vũ Hoàng Chương là một ông thầy đứng đắn hiếm có, trọng mình và trọng trò, ông thích thú bình văn, khoanh đỏ những câu hay, phê đầy mặt giấy, dù là luận văn non nớt của lớp học trò trẻ tuổi. Một đề luận về Nguyễn Công Trứ, học trò viết "cảnh cố cùng" theo ý câu "quân tử cố cùng thêm thẹn mặt," ông giải bình cặn kẽ "cố là kiên cố, cùng là lúc khốn cùng, nếu viết là cảnh cố cùng thì vô nghĩa." Ông trân trọng với văn chương thi phú, ông giảng

kỹ Kim Thạch Kỳ Duyên, với Tôn Thọ Tường, Phan Văn Trị, với cả Học Lạc nữa! Ông cho rằng thơ phải mang nét địa phương mới đặc sắc, miền Nam nắng chói chang, mưa đột ngột vẫn mang thi vị độc đáo... Đã có thời trước 1954 ở Hà Nội ông viết báo chỉnh Đoàn Phú Tứ về ngôn ngữ văn phạm Việt... Thơ Vũ Hoàng Chương dùng từ rất chuẩn, đôi khi như câu đối, mực thước, nhiều bài đọc lên tráng lệ súc tích mà cũng đầy chất sáng tạo: suối chảy non cao ông dùng từ " Tang tùng nước chảy" gợi hình gợi âm suối chảy đàn trong, Mài gươm từ lúc nguyệt còn non, ông hỏi: gươm sáng dần, sao nguyệt chẳng mòn. Nét bút của ông, rồng bay phượng múa, tựa vẽ tranh, lại hay chấm phá thành những vì sao rơi rắc quanh dòng chữ.

*

Khoảng tháng Năm, tháng Sáu năm 1959, hết giờ học tôi theo ông ra khỏi lớp hỏi "Bao giờ thầy cho ra tập Hoa Đăng?", nhà giáo thi sĩ chần chừ vài giây rồi trả lời "Bao giờ có lửa!"

Bẵng đi vài năm tôi thấy ông giữ mục thơ Nhị Thập Bát Tú, thơ 28 chữ, trên tờ Ngôn Luận, khoảng ấy Nhất Linh cũng đã trở về Sàigòn hoạt động... Có lẽ mấy năm trước 1963, đốm lửa Tự Lực xưa nhóm lại, bùng lên trước khi tắt, ông bốc cao cảm hứng, nhất là sau lần du hành tham dự hội thơ quốc tế ở Âu châu ông đã gặp một nữ thi sĩ người Bỉ nào đó... từ đấy ra đời tập Cảm Thông- Communion... thơ song ngữ Việt-Pháp, in tuyệt đẹp. Năm 1963 bất ngờ Nhất Linh tự tử phản đối chế độ độc tài, trong phòng họp hôm ấy ban giáo sư xúm quanh Vũ Hoàng Chương tán thưởng về câu đối chơi chữ của ông: "Nhất khả đoạn, nhị khả tuyệt, nhi Tam bất hủ"... câu đối bất hủ này đăng lên báo qua mắt ban kiểm duyệt bộ Thông Tin, vì chữ Nho thâm quá, đọc kỹ mới thấy chữ khả ám dụ tên người, đọc sơ chỉ thấy hai chữ Đoạn Tuyệt rất khéo, thêm ba chữ Nhất, Nhị, Tam thật chỉnh.

Tuy nhiên, đã mang nghệ thuật vào vòng tục lụy tất phải vướng hệ lụy... Danh cao, ảnh hưởng lớn, khẩu nghiệp, làm phe thô bạo tục tằn lo ngại... Và một thi hào thân xác như tàu lá gió thổi cũng bay cũng đã phải đi ngồi tù trả nghiệp, có phải oan hồn Cao Bá Quát bị bêu đầu còn phảng phất trên cái đất Việt ma quỷ yêu tinh quái ác này không? Có tin chính nhóm cán bộ văn hóa từng đố kỵ thuở xưa với Vũ Hoàng Chương đã gài buộc ông, nghe đâu họ đưa cho ông một tập tài liệu để viết bài (chắc hẳn là bài ca tụng chế độ!), không biết quên thật hay quên vờ, ông lại để tập tài liệu đó xuống giường nằm đè lên, không viết! Lại có chuyện sau 1975 nhóm văn công họp đêm văn nghệ ở Sài Gòn, chờ ông lên tiếng ca tụng bài thơ "Đời Đời Nhớ Ông" ca ngợi Xít Ta Lin, ông đã phẩm bình thẳng thắn như cây tre già... đại ý ông phân biệt, theo Bossuet của Pháp, giữa thợ thơ (ouvrier poète) và thi sĩ đích thực, thợ thơ có thể làm thơ khéo, nhưng muốn đạt, muốn hay, thơ phải mang tâm tình chân thật. Nếu đặt vào miệng trẻ thơ hai câu:

Yêu biết mấy nghe con tập nói
Tiếng đầu lòng con gọi Xít Ta Lin

thì là thơ khéo nhưng giả tạo, làm sao trẻ thơ Việt Nam tập nói đã biết đến cái tên Nga Sô xa lạ ấy!

Rồi tháng 3 năm 1976 chúng sinh từ lò Nga Tầu bắt ông vào tù. Nghe nói trong buồng giam chật chội, ông được cựu Thủ Tướng Bác sĩ Phan Huy Quát, nguyên chủ tịch Liên Minh Á Châu Chống Cộng, cũng đang trả nghiệp oan oán oái oăm của Trẻ Tạo, đấm bóp chăm sóc cho dịu những cơn đau xương cốt ở tuổi sáu mươi. Tháng 10 họ thả ông về nhà, nhìn mặt vợ con lần cuối, được một tuần tái kiến cõi nhân gian thì ông từ biệt thế kỷ XX ô trọc này. Vào những giây phút cuối cùng, ông còn nắm tay văn hữu Tam Lang Vũ Đình Chí và đọc bốn câu thơ:

Dấu hỏi bao quanh suốt cuộc đời
Sên bò trong óc máu thầm rơi
Chiều nay một chấm than buông lửng
Đinh đóng vào xăng tiếng trả lời

Rồi Ông Tiên thơ tắt thở bay đi, ông đã sống đẹp và mơ sạch, ông hoá kiếp hào vinh, mà kẻ nhục muôn đời chính là những chúng sinh đã hãm hại ông.

*

Trong ánh nắng chói chang của miền thung lũng Cali, thứ nắng thơm thơm bốc lên từ những vườn nho đang ươm giữa vũ trụ, mỗi lần nhẩm đọc dòng thơ man mác của ông:

Đừng dục cơn sầu nữa sóng ơi!

lòng tôi lại vời vợi như thấy trước mắt, trên xa lộ lung linh hoe vàng, một người xúng xính Âu phục màu hạt dẻ chải chuốt, đội mũ phớt, tay xách cặp đi tung tăng như cậu bé rong chơi, chốc chốc đôi vai lại nhún lên, bồng bềnh trên mặt sóng.

Vũ Hoàng Chương và những ẩn số vũ trụ

TRẦN VĂN NAM

Nói về Vũ Hoàng Chương, ta thường nghĩ ngay đến bài thơ "Tháng Sáu Mười Hai", một trong những bài thơ đại diện cho thời kỳ lãng mạn tiền chiến, hoặc nghĩ ngay đến đoạn thơ:

Lũ chúng ta lạc loài dăm bảy đứa
Bị quê hương ruồng bỏ giống nòi khinh
Bể vô tận sá gì phương hướng nữa
Thuyền ơi thuyền theo gió hãy lênh đênh...

Đây là những ý thơ đại diện cho mặc cảm bị trị và thiếu lý tưởng thời kỳ Pháp thuộc. Sau khi di cư vào Nam năm 1954, Vũ Hoàng Chương lại có bài thơ "Bài Ca Bình Bắc", đại diện cho luồng gió đòi Bắc tiến dưới thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Rồi sau phong trào Phật Giáo tranh đấu đưa tới biến cố 1963, lật đổ Tổng Thống Diệm, ông được truyền tụng với bài thơ "Lửa Từ Bi". Cuối cùng là sau năm 1975, Vũ Hoàng Chương có các câu thơ dự phòng ngày phải vào tù:

Rằng vách có tai, thơ có họa
Biết lòng ai đỏ, mắt ai xanh

Như vậy, thơ của Vũ Hoàng Chương bàng bạc dấu vết thời thế, có những cắm mốc cho mỗi giai đoạn lịch sử đất nước. Nhớ những nét chính như vậy cho nên ta quên ông có vài bài thơ như đứng bên lề, không quy tụ nhiều bài thành một đề tài đáng kể trong thi nghiệp Vũ Hoàng Chương. Đó là hai bài thơ ca ngợi kỹ thuật bay lên không gian và kỹ thuật truyền thông vô tuyến của thời đại NASA (gọi là thời đại NASA vì miền Nam Việt Nam lúc đó, thập niên 50 bước qua thập niên 60, dân chúng chỉ biết nhiều qua các thành đạt về khoa học không gian của Hoa Kỳ hơn là của Liên Xô hay của các nước Âu Châu).

Thoạt tiên, bài thơ "Đăng Trình" của Vũ Hoàng Chương mở ra cho ta những ẩn số vũ trụ, nhưng sau đó tự khép lại bằng truyện giả tưởng con người từ không gian xuống trái đất, đi giữa băng sơn núi lửa đang gầm thét hỗn mang, rồi chán trái đất mà bay về trời bằng hỏa tiễn liên hành tinh. Vì vậy những ẩn số siêu hình vốn là nguồn cảm hứng của thi ca không còn nữa. Đoạn mở đầu tuyệt tác, pha trộn chất thơ trong tư tưởng Phật Giáo về cát bãi sông Hằng của A-tăng-kỳ kiếp, và chất thơ của tư tưởng Thiên Chúa Giáo về đấng Tạo Hóa đưa con người từ hư vô ra ánh sáng:

Bao nhiêu hạt cát bến sông này
Đã bấy nhiêu ngàn thế kỷ nay
Ta vượt ngàn năm đường ánh sáng
Tự ngoài vô tận đến nơi đây...

Nếu là Đức Tin tôn giáo thuần thành, con người xuống trái đất trong thơ Vũ Hoàng Chương phải mang hình bóng Adam và Eva nơi Vườn Địa Đàng, nhưng trong thơ ông không thấy những nhân dạng ấy. Vì vậy, nguồn cảm hứng của ông là từ các huyền thoại con người nơi những hành tinh xa xôi xuống bằng đĩa bay hay phi thuyền, những huyền thoại ấy dồi dào trong sách báo Tây Phương. Ví dụ về những đường nét kỷ hà và khắc họa khổng lồ trên sa mạc xứ Peru (chỉ phát hiện ra từ trên máy bay ở độ cao) được một số nhà văn tưởng tượng đó là vùng phi đạo thời tiền sử dành cho tàu vũ trụ của các người Hỏa Tinh. Ví dụ về những tượng đá khổng lồ trên đảo Easter chơ vơ trong Thái Bình Dương, đã hiện diện ở đó cách đây 600 năm, với sức nặng mà máy móc cần trục ngày nay di chuyển mới hiệu quả: bí ẩn này được nhà văn tưởng tượng là do các người từ không gian xuống làm việc với đám thổ dân ít ỏi trên đảo, việc xong họ lại bay đi biền biệt, lưu lại

những tượng đá xếp hàng, mặt ngó ra đại dương, mắt trừng trừng về cõi xa xăm nào đó, như một trầm ngâm tưởng nhớ.

Ngoài truyện giả tưởng về con người như trên, ta không thể gán ghép kiến thức về vật chất tiến hóa có tính chất vô thần: Nguyên ủy mầm sống vốn từ thể khí, hỗn hợp thành hóa chất, chứa trong sao chổi hay đá trời (tiểu hành tinh), rồi mảnh vỡ rớt vào đại dương, bị dòng điện do sấm chớp đánh xuống, hỗn hợp thành chất sống hữu cơ, thành đơn bào thô sơ, thành sinh vật sơ khai, và tiến hóa dần thành con người. Đây là những kiến thức mới nở rộ gần đây trên báo chí Mỹ.

Thời Vũ Hoàng Chương làm thơ về con người giáng thế như trong bài "Đăng Trình" đầu thập niên 1960, kiến thức khoa học vô thần này ít phổ biến nên chắc chắn không phải là nguồn cảm hứng của Vũ Hoàng Chương. Trong văn chương ta có thể khám phá nơi tác phẩm phần vô thức cá nhân hay phần vô thức tập thể (thừa hưởng tiềm tàng từ tổ tiên, xã hội, cộng đồng), nhưng không thể gán ghép cho tác giả những kiến thức mà chính người viết chưa hề nghĩ tới.

Vì vậy ta có thể nhắc lại: nguồn cảm hứng của Vũ Hoàng Chương về con người xuống Trái Đất bắt nguồn từ tôn giáo rồi pha trộn với truyện giả tưởng. Sau đó, ông trở về với ý tưởng tôn giáo, ngưỡng vọng về trời khi Trái Đất trở thành đáng chán:

Đêm đêm ta dõi mấy tầng cao
Tìm một không gian mới lạ nào
Lấp lánh Quê Trời, thơ hẹn bến
Giam mình Quê Đất mãi hay sao

Tuy nhiên, thuyết Tương Đối của Einstein đã thấy Vũ Hoàng Chương nói phớt qua. Rõ ràng là chính kiến thức đó. Vậy xin chỉ đề cập vắn tắt: Bằng tốc độ ánh sáng hay nhanh hơn ánh sáng, thời gian và không gian uốn cong lại, quyện vào nhau. Con người với tốc độ ấy cũng phải biến thể mà thuộc về vũ trụ kích thước thứ tư:

Nhân loại ra đi chẳng một lần
Hợp tan nào khác mảnh phù vân
Trên đà tốc độ siêu quang ấy
Một chuyến đăng trình một hóa thân

Nhưng về trời bằng cách nào? Vũ Hoàng Chương nghiêng vào truyện viễn tưởng, cảm hứng vì phấn khởi trước kỹ thuật hỏa tiễn đưa người lên không gian của "thời đại NASA". Nó gần với thực tế (kỹ thuật khoa học) nhưng mục tiêu về trời thì thật xa vời, nên ta gọi là viễn tưởng. Không tiếp tục với nguồn cảm hứng siêu hình trước những ẩn số vũ trụ, Vũ Hoàng Chương đã viết những câu thơ đẹp có tính cách thực dụng với "mạn phi thuyền cháy lên rừng rực", gần như hãnh tiến với kỹ thuật tiến bộ, mới bay lên quỹ đạo mà viễn tưởng tới được bờ bến vô cùng:

Này lúc vèo qua Hệ Thái Dương
Ném sau ngàn đốm lửa kim cương

Bài thơ "Đăng Trình" có những câu thơ đẹp, tuy hơi nghiêng về kỹ thuật khoa học, một đề tài thoáng qua trong thi nghiệp Vũ Hoàng Chương. Lúc đó, thơ tự do Thanh Tâm Tuyền và Nguyên Sa chiếm lĩnh ảnh hưởng trong văn học miền Nam, đẩy lùi thơ niêm luật của Vũ Hoàng Chương và Đinh Hùng vào sự thờ ơ của giới trẻ. Không như bây giờ đã bão hòa: thơ giữ niêm luật, thơ mới, thơ tự do, thế nào cũng được miễn là thơ hay. Bằng chứng là các bài thơ "Những Hướng Sao Rơi" và "Chớp Bể Mưa Nguồn" của Đinh Hùng mãi mãi vẫn còn hay. Nhưng sở dĩ bài thơ "Đăng Trình" và "Mây Sóng Tình Thơ" của Vũ Hoàng Chương không được như thơ Đinh Hùng, một là vì đề tài ngả về kỹ thuật khoa học, vượt qua những ẩn số vũ trụ vốn là nguồn cảm hứng và viễn vọng của con người thế gian; hai là vì bài thơ "Mây Sóng Tình Thơ" dùng quá nhiều từ ngữ xưa, gần như đã lỗi thời, chẳng hạn những *"tình lang, tình nương, gã si, gã thi nhân, tia sầu nhớ, nàng trinh nữ, tình cháy lòng, tình xé ta nát tan..."* Ngôn ngữ thật xưa trong khi bài thơ với đề tài ca ngợi kỹ thuật khoa học, kỹ thuật truyền thông lên không gian của "thời đại NASA".

Ngược lại, ngôn ngữ thơ Đinh Hùng không phải xưa, hay đã lỗi thời, mà là ngôn ngữ huyền ảo, mê hồn. Nó hợp với nội dung siêu thực, một đề tài chuyên biệt trong thi nghiệp Đinh Hùng.

Bài "Mây Sóng Tình Thơ" pha trộn thần giao cách cảm với điện đàm viễn thông, giữa tác giả và một nữ thi sĩ Tây Phương sau khi cả hai đi dự hội nghị quốc tế thi ca. Vũ Hoàng Chương trở về nước, cộng với cảm hứng vì con người

đã thiết lập được trạm tiếp vận tín hiệu trên vệ tinh bay quanh quỹ đạo trái đất (và dự kiến thiết lập trạm tiếp vận trên mặt trăng), bài thơ ra đời trong niềm sảng khoái đó:

Đêm đêm Bắc Hải - Thái Bình Dương
Hai chiếc bao lan dài nhớ thương
Mượn nguyệt cầu kia làm tín trạm
Mây tình lang gửi sóng tình nương
...
Cực tử màu chen sắc ngoại hồng
Ngàn tia sầu nhớ vút hư không
Băng qua nguyệt trạm về nơi ấy
Là gã thi nhân đã cháy lòng...

Vũ Hoàng Chương đề cập đến tia cực tím (cực tử), tia hồng ngoại, tia vô tuyến (radio), đó là những tia nhân tạo, sản phẩm do máy móc phát ra luồng hạt điện tử. Chúng đi với làn sóng dài ngắn khác nhau, mô phỏng theo bước sóng (Wavelength) của từng loại tia vũ trụ trong thiên nhiên. Chính những làn sóng vũ trụ dài ngắn trong thiên nhiên này đã hé lộ cho con người ngày nay biết nơi phát xuất. Đó là do phóng xạ từ Black Hole, từ Thiên Hà, từ Quasar, từ tinh vân Nebula (tàn dư các sao hồng khổng lồ tan rã thành hơi bụi), từ Pulsar (kết tụ do sao nổ sụp vào thành cái lõi vật chất vô cùng nặng), và huyền ảo hơn hết là từ tàn dư của trận nổ Big Bang khai thiên vũ trụ...

Ta tiếc bài thơ "Đăng Trình" với đoạn mở đầu tuyệt tác mà rồi ẩn số siêu hình không hiện diện trong toàn bài; và bài "Mây Sóng Tình Thơ" thì tác giả không đề cập đến nguồn gốc đầy bí ẩn của những tia vũ trụ. Ta thích những giải đáp dở dang như ở bài thơ dưới đây của Vũ Hoàng Chương:

Ta còn để lại gì không
Kìa non đá lở, này sông cát bồi
Lang thang từ độ luân hồi
U minh nẻo trước, xa xôi dặm về...
(Trích bài Nguyện Cầu)

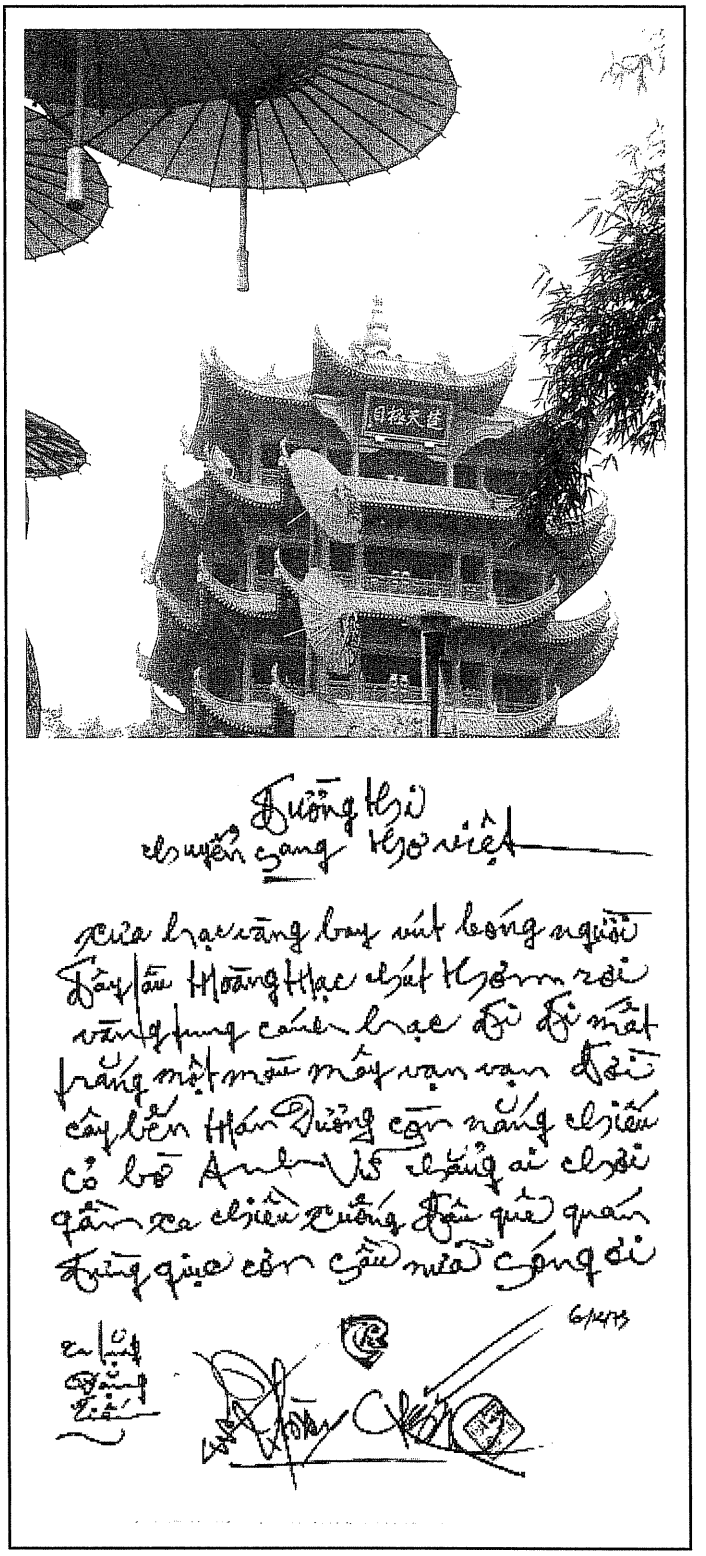

Ta nghĩ Vũ Hoàng Chương hiện đang lang thang đâu đó trên chặng đường luân hồi, và đang phanh dần ra lời giải đáp cho ẩn số vũ trụ: Ta từ đâu đến và rồi sẽ đi về đâu?

Suy ngẫm cuối năm về chữ "Nước":

"YÊU NƯỚC" LÀ YÊU GÌ? THẾ NÀO LÀ "YÊU NƯỚC"?

TÔN THẤT THIỆN

Một sự lẫn lộn về tư tưởng

Cách đây vài năm, tôi gặp lại một người, mà tôi chỉ xin gọi là "A". Anh này và tôi quen thân nhau trước 1954, nhưng mất liên lạc với nhau sau đó vì đất nước bị chia đôi. Từ 1954 anh ấy ở Hà Nội. Nhân dịp đi thăm gia đình ở Canada anh ấy đến thăm tôi. Trong cuộc hàn huyên với nhau anh đề cập nhiều đến một người (xin gọi là "B") mà tôi cũng có biết đến nhưng không quen. Anh "A" có vẻ rất mến phục "B". Anh ca ngợi "B" là một người "yêu nước": anh này không thuộc phần tử "chống đối", không hề "có vấn đề", được chính quyền coi là một người "tốt". Quan niệm "yêu nước" này làm tôi ngạc nhiên vì tôi biết "A" không vào Đảng Cọng Sản và không thích cọng sản lắm. Phán xét của anh ấy về "B" làm tôi suy nghĩ nhiều. Nhưng qua thời gian, tôi vẫn không đi đến một kết luận nào dứt khoát. Có lẽ vì tôi không thấy tầm quan trọng của vấn đề, nên không suy nghĩ một cách liên tục, đúng mức, và đến cùng. Gần đây, vấn đề lại đến với tôi. Lần này tôi thấy tôi phải làm một cuộc "brains-storming"/ động não mạnh, và đi đến cùng, để có một kết luận dứt khoát.

Đó là nhân dịp một tập san mới xuất hiện. Nó mang tên "Tổ Quốc". Ban Cố Vấn và Ban Biên Tập gồm một số người trước đây thuộc phe cọng sản; và một số người trước đây thuộc phe quốc gia. Họ đều tự coi là người "yêu nước", vì họ đã tranh đấu cho Việt Nam,"vì Tổ Quốc". Nhưng họ cũng đã nhân danh "Tổ Quốc" Việt Nam bắn giết người Việt Nam khác cũng tranh đấu cho "Tổ Quốc" Việt Nam.

Câu hỏi được đặt ra ngay là: "Làm sao một người "yêu nước" Việt Nam lại đi bắn giết

một người khác cũng "yêu nuớc" Việt Nam, mà nói rằng mình tranh đấu vì "Tổ Quốc Việt Nam" được?"

Như vậy "Tổ Quốc" là gì? "Yêu nước" là yêu gì? Thế nào là "yêu nước"?

Tình trạng thiếu rõ ràng trên đây có từ lâu, và nó không gây vấn đề vì ai cũng cho rằng mình yêu nước là một điều dĩ nhiên. Không ai nghĩ rằng mình kém yêu nước hơn người khác. Và nhất là không ai có thể quả quyết rằng những điều mình làm thực sự là những hành động yêu nước hay không yêu nước, vì không ai có thể nói rõ rằng: "yêu nước" là yêu gì, thế nào là "yêu nước", và thế nào là "không yêu nước"? Không ai chấp nhận rằng mình không "yêu nước", nhưng cũng không ai có thể tố cáo một người khác là "không yêu nước"!

Nguyên do là có một sự lẫn lộn căn bản về tư tưởng, và sự lẫn lộn này bắt nguồn từ sự thiếu rõ ràng của các từ ngữ liên hệ với "Nước": "Quốc", "Tổ Quốc", "Ái Quốc", "Yêu nước", "Đất nước", "Nhà nước", "Chính quyền", "Chính phủ", "Cách Mạng",v.v...

Ở đây, tôi xin dẫn một ví dụ cụ thể: kinh nghiệm của chính bản thân tôi, và tôi chắc rằng đó cũng là kinh nghiệm của rất nhiều người thuộc thế hệ tôi, những người sinh ra trong những năm 1920-1930, đã mục kích những biến chuyển trong gần suốt thế kỷ 20, và đã được nghe những từ ngữ trên đây, nhưng chưa hằng có một ý niệm rõ ràng về nội dung và ý nghĩa gần, và nhất là xa, của những từ ngữ đó.

Tôi được nghe nói đến hai chữ "ái quốc", "Tổ Quốc" lần đầu tiên trong đời tôi năm tôi 11 tuổi. Năm đó là năm 1935. Người thốt ra hai chữ đó là người quản gia của thân phụ tôi. Ông ta đọc báo mỗi ngày, và buổi tối thường kể cho chúng tôi nghe những sự việc vừa xảy ra ở Việt Nam và trên thế giới. Một hôm, ông nói đến Ông Ngô Đình Diệm, và nói: "Ông ấy thiệt là một nhà ái quốc." Cũng năm đó, tôi đi hướng đạo. Theo thể lệ của hướng đạo, sau một thời gian, để tỏ quyết định gia nhập thí sinh phải đặt tay trên cờ hướng đạo tuyên thệ ba điều.

Điều thứ nhất là "Trung thành với Tổ Quốc."

Tôi không được giải thích rõ ràng "Tổ Quốc" là gì, và "Trung thành với Tổ Quốc" thì phải làm những gì; tôi chỉ hiểu rằng "Tổ Quốc" là một cái gì cao quý, tuy trừu tượng nhưng phải tôn kính vì thiêng liêng.

Những năm tiếp theo là những năm tình hình quốc tế sôi động, dẫn đến Chiến Tranh Thế Giới, với một hậu quả lớn đối với Việt Nam: Pháp yếu đi vì bị Đức đánh bại, và bị Nhựt bản ép phải cho họ đóng quân ở Việt Nam. Tất nhiên sự kiện này ảnh hưởng đến Việt Nam. Ai cũng cảm thấy rằng một cơ hội lớn để dành lại độc lập đang mở ra cho Việt Nam. Nhiều tổ chức, phong trào, hoạt động mạnh. Rõ ràng rằng họ nhằm nung đúc tinh thần "ái quốc", nhưng không làm một cách công khai được vì Pháp vẫn còn nắm quyền lực. Sau khi Nhựt lật đổ chính quyền bảo hộ Pháp vào tháng 3, năm 1945, các hoạt động "ái quốc" mới bùng lên.

Cùng với những hoạt động "ái Quốc"từ 1945 và trong những năm chiến tranh chống Pháp, những từ ngữ và cụm từ liên quan đến cuộc chiến tranh dành độc lập, đặc biệt là "Quốc", trở thành thông dụng, và mang những nghĩa độc đáo hơn. Những người như các cụ Phan Đình Phùng, Phan Bội Châu được nhắc đến như là những nhà "ái Quốc", và "ái Quốc" ở đây nặng nghĩa chống Pháp dành lại độc lập cho Việt Nam. "Tổ Quốc" là Việt Nam, nhưng thường được ghép với "hy sinh", trong cụm từ "hy sinh vì Tổ Quốc". Nó vẫn là một cái gì cao quý, thiêng liêng, khiến người ta sẵn sàng hy sinh tính mạng vì nó, nhưng không định nghĩa được một cách thật chính xác, vì nó quá trừu tượng.

Ngoài ra, với sự trở lại chính trường của Cựu Hoàng Bảo Đại, từ ngữ "Quốc Gia" thành phổ cập. Đồng thời, từ năm 1950, với sự tái xuất của Đảng Cọng Sản dưới danh hiệu "Đảng Lao Động", từ ngữ "Cách Mạng" và "yêu nước" cũng được dùng thường hơn là "Tổ Quốc" và "ái Quốc". Ngoài tội "phản Quốc" chính quyền cọng sản đặt thêm một tội nữa để thanh toán địch nhân: tội "phản Cách Mạng". Ở Miền Nam, tội nặng nhất là tội "theo cọng sản". Trong cuộc chiến 1954-1975, từ ngữ "Tổ Quốc" ít được dùng đến. Ở Miền Bắc "Hy sinh vì Tổ Quốc" thành "Hy sinh vì Cách Mạng" (hiểu theo nghĩa Cách Mạng Thế Giới), tính chất chiến tranh là "chống Mỹ cứu nước." Ở Miền Nam tính chất chiến tranh là "bảo vệ Tự Do," cuộc chiến là "chống cọng."

Tình trạng kéo dài như trên đến khi Việt Nam "thống nhất" năm 1975. Đây là một dịp đặc biệt về phương diện xác định nghĩa của khái niệm "Tổ Quốc". "Yêu nước" được định nghĩa chính thức. Tại Đại hội IV của Đảng Cọng Sản Việt Nam , năm 1976, Báo Cáo Chính Trị của Đại Hội tuyên bố rằng: "Ngày nay Tổ quốc ta đã hoàn toàn độc lập thì dân tộc và chủ nghĩa xã hội là một," và Nghị Quyết của Đại Hội thì nói rằng: "Ngày nay nước nhà đã hoàn toàn độc lập thì Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội là một." Nghĩa là: yêu Tổ quốc là yêu xã hội chủ nghĩa.

Thật là rõ ràng!

Tổ Quốc của người Việt Nam là xã hội chủ nghĩa?

Rõ ràng, nhưng lại làm cho vấn đề rắc rối thêm! Nhiều câu hỏi mới được đặt ra!

Vì "xã hội chủ nghĩa" chỉ là một chủ nghĩa, làm sao dân tộc Việt Nam lại là một chủ nghĩa được? Phần khác, nó là một chủ nghĩa ngoại lai và đồng hoá với Liên xô, và Liên Xô đồng hoá với Stalin, nên "Tổ Quốc" của người Việt Nam là Liên xô! "Yêu nước" là yêu Liên Xô, và "Trung Quân" là trung với Stalin! Lại nữa, chủ nghĩa xã hội là một lý thuyết về xã hội do Mác và Lê Nin đề xướng, được quảng bá nhờ Stalin, mà lý thuyết xã hội thì thay đổi qua thời gian. Nếu Stalin không còn, và nhứt là nếu Liên Xô cũng không còn — một sự kiện thực sự đã xảy ra vào năm 1990 — thì người Việt phải yêu cái gì và trung với ai đây? Nhà thi sĩ nhà nước Tố Hữu sẽ bảo người Việt thương ai hơn cha, hơn mẹ, hơn chồng mình đây?

Tuy nhiên, từ 1975 tập đoàn cầm quyền cọng sản vẫn khăng khăng "kiên trì" chủ nghĩa Mác-Lê và nhất quyết theo "định hướng xã hội chủ nghĩa," đưa Việt Nam vào cảnh càng ngày càng bế tắc về chính trị - xã hội và suy đồi về đạo đức, như mọi người đều biết. Cho nên, sự áp đặt chế độ "xã hội chủ nghĩa" lên toàn lãnh thổ Việt Nam và buộc người Việt phải lấy "xã hội chủ nghĩa" làm "Tổ Quốc" tạo ra một tình trạng buộc mọi người phải xét lại vấn đề "yêu nước" một cách nghiêm túc, tìm trả lời chính xác cho những câu hỏi căn bản: "Yêu nước" là yêu gì? "Tổ Quốc" là gì? Ai "yêu nước"? Ai "không yêu nước." Thế nào là "yêu nước"?

Vấn đề rất phức tạp, tế nhị. Những giải đáp đưa ra phải đúng, hợp lý, hợp tình, nhất là có thể dùng để làm cơ sở chỉ đạo tư tưởng đúng và hành động hữu hiệu, có thể thu hút được sự

đồng thuận rộng rãi, tạo điều kiện cho một sự đoàn kết hoà hợp cố gắng chung để đưa xứ sở ra khỏi bế tắc hiện nay, và vươn lên trong tương lai. Công việc này đòi hỏi sưu khảo rộng rãi, và suy nghiệm chín chắn.

Một trong những người tiên phong trong công cuộc sưu khảo suy nghiệm trên đây là anh Nguyễn Gia Kiểng, với tác phẩm Tổ Quốc Ăn Năn (Paris, 2001) do anh sáng tác, và Thành Công Thế Kỷ 21 (Dự Án Chính Trị Dân Chủ Đa Nguyên, 2001) mà anh là một biên tập viên then chốt. Hai tác phẩm này đã soi sáng rất nhiều nhất vấn đề "yêu nước". Luận đề chính của nó là: nói rằng người Việt Nam yêu nước là "một sự lầm lẫn." Lòng yêu nước của người Việt nói chung "rất yếu". Theo anh, thật ra, "Người Việt Nam hoặc không yêu nước, hoặc chỉ yêu nước một cách tương đối." (TQAN, tr.66- 69), và điều mà anh ấy muốn làm sáng tỏ là "lòng yêu nước rất mờ nhạt trong lòng người Việt, dù cọng sản hay không cọng sản" (tr.66) (1).

Quan điểm trên đây làm cho một số người thắc mắc, khó chịu, hoặc phản đối, vì nó là một quan điểm kỳ lạ, ngược ngạo, và chạm tự ái. Điểm này sẽ được bàn đến một cách chi tiết ở đoạn dưới (2). Có một điểm rất quan trọng phải đề cập đến ngay. Đó là vấn đề định nghĩa một số từ ngữ và cụm từ liên hệ đến "nước": Nước, Đất nước, Tổ Quốc, Nước Non, Giang Sơn, Lãnh Thổ, Ái Quốc, Yêu Nước, Quốc Gia, Nhà Nước, Chính Phủ, Chính Quyền.

Từ Điển Tiếng Việt của Trung Tâm Từ Điển Học thuộc Viện Ngôn Ngữ Việt Nam (Nhà Xuất Bản Đà Nẵng, 2001), định nghĩa những từ ngữ trên như sau:

1. Nước: Vùng đất trong đó những người thuộc một hay nhiều dân tộc cùng sống chung dưới một chế độ chính trị - xã hội và cùng thuộc về một nhà nước nhất định.

2. Đất Nước: Miền đất đai quan hệ với dân tộc làm chủ và sống trên đó.

3. Nước Non: Sông núi, nước non; thường dùng để chỉ đất nước.

4. Giang Sơn: Sông núi, dùng để chỉ đất đai thuộc chủ quyền của một nước.

5. Lãnh thổ: Đất đai thuộc chủ quyền của một nước.

6. Ái Quốc: (cũ): yêu nước.

7. Yêu nước: ...

8. Quốc Gia: Nước.

9. Tổ Quốc: Đất nước được bao đời trước xây dựng và để lại, trong quan hệ với người dân có tình cảm gắn bó với nó.

10. Nhà Nước: Tổ chức, đứng đầu là chính phủ, quản lý công việc chung của một nước.

11. Chính phủ: Cơ quan hành pháp và hành chính cao nhất của một nước, thực hiện việc quản lí nhà nước ở cấp trung ương.

12. Chính quyền: Bộ máy điều khiển, quản lí công việc của nhà nước.

(Xin lưu ý: Ở mục "Ái quốc," Từ Điển Tiếng Việt ghi rằng đó là "yêu nước" cũ, nhưng mục "yêu nước" lại không có, cho nên ta vẫn không biết "yêu nước" là gì...)

Các từ ngữ 1-9 đều có một thành tố chung, thuộc về địa lý: đất đai. Từ ngữ 1 có thêm những thành tố: người, chế độ chính trị - xã hội. Từ ngữ 9 nói đến quá khứ/tổ tiên, dân, và tình cảm giữa các người dân. Ba từ ngữ 10-12 có một thành tố chung, là nhà nước.

Nếu ta góp chung các định nghĩa 1-9 thì ta thấy "yêu nước" hay "yêu Tổ Quốc" là tỏ lòng quyến luyến với một vùng đất quen thuộc, do tổ tiên xây dựng và bảo vệ để lại, và với những người cùng sống với mình nên có tình gắn bó với nhau. Nhưng theo những định nghĩa (8), (1) thì những người sống trên đất đai đó sống trong một "Quốc gia", thuộc quyền một "Nhà nước", một "Chánh quyền", và liên hệ với "Chính phủ". Theo 10-12 thì "Chính phủ", "Chính quyền", và "Nhà nước" coi như đồng nghĩa.

Thấy rõ những liên hệ chằng chịt giữa những thành tố trên mới hiểu tại sao, như tác giả TQAN ghi, mới có thể nói rằng người Việt Nam không yêu nước hoặc chỉ yêu nước một cách tương đối, đa số người Việt đã quay lưng lại với đất nước, và tệ hơn nữa, hai tiếng "yêu nước" trở thành "tục tĩu", "thô bỉ", "nhảm nhí"..., và tại sao lại có chuyện Tổ Quốc phải "ăn năn"?

Những điều trên đây được anh Nguyễn Gia Kiểng giải thích, nhưng những giải thích này rải rác trong tác phẩm TQAN, và một phần trong TCTK21, cần phải bỏ công thâu góp, sắp xếp lại, mới thấy rõ. Bài này chỉ trình bày một vài chi tiết có tác dụng làm sáng tỏ những điểm vừa nêu ra ở trên. Độc giả nào muốn thấy đầy đủ các chi tiết khác để nắm vững vấn đề xin xem những chương "Yêu nước" (tr.65-75), "Tổ quốc của kẻ sĩ" (tr.343-356), "Tổ quốc ăn năn" (tr. 567-585).

Chính quyền cọng sản là Tổ Quốc?

"Tổ Quốc" là vĩnh cữu, cao cả, thiêng liêng,

bất khả xâm phạm. Nhưng Tổ Quốc là một thực thể trừu tượng. Người dân có thể cảm nhận về Tổ Quốc thế nào tùy ý, nhưng họ chỉ tiếp xúc với "Chính quyền". Chính quyền là hiện thân của Tổ Quốc. Nó là bộ máy điều khiển công việc của "Nhà nước". Mà Nhà nước là tổ chức quản lý chung của một nước; đứng đầu tổ chức đó là "Chính phủ". "Nhà nước" là từ ngữ cũ chỉ định "Nước nhà"; và "Nước nhà" là từ ngữ cũ chỉ định "Quốc gia". Như vậy, trong thực tế, Chính phủ là Chính quyền, và Chính quyền là

Nhà nước, là Quốc gia, là Tổ Quốc. Trong cuộc sống hàng ngày, người dân chỉ biết Tổ quốc, Quốc gia, Nhà nước, Chính quyền qua Chính phủ, nghĩa là qua sự tiếp xúc với các công chức Nhà nước, hoặc cán bộ Đảng, nếu Chính quyền là Đảng Cọng Sản, và có sự lẫn lộn giữa bộ máy đều khiển công việc của Đảng và bộ máy điều khiển công việc của Nhà nước, như tình trạng hiện tại của Việt Nam.

Những điều trên đây làm cho ta hết ngạc nhiên khi ta nghe nói rằng "đa số người Việt Nam quay lưng lại với đất nước": người Việt kiều về thăm nhà chỉ muốn làm khách du lịch, người trong nước không muốn nghe nói đến chuyện đất nuớc. Như đã nói ở trên, hai tiếng "yêu nước" bây giờ thành "tục tĩu", "thô bỉ", nhảm nhí"...

Đa số người Việt Nam đã mất đi lòng yêu nước vì họ quá thất vọng với đất nước (= Tổ Quốc) nghĩa là với Chính quyền (= Chính phủ). Đối với người dân, thời Việt Nam theo Khổng giáo chính quyền là Vua, "ái Quốc" là "trung Quân", và "Nước" chỉ là một gánh nặng; thời Pháp thuộc, Nước đã bị tước đoạt, bộc lộ lòng yêu nước là một điều nguy hiểm; gần đây, nếu Tổ Quốc của phe Quốc gia là "một tổ quốc tầm phào", thì Tổ Quốc của phe cọng sản lại là một "một tổ quốc gian ác" (tr.573).

Từ 1975, chính quyền ở Việt Nam hoàn toàn nằm trong tay Đảng Cộng Sản, cho nên trách nhiệm về tình trạng nói trên hoàn toàn thuộc về đảng này. Đảng Cọng Sản Việt Nam đã hủy diệt lòng yêu nước của người Việt Nam vì dưới quyền cai trị của họ, họ đã nhân danh Tổ quốc tàn sát những người không chấp nhận chủ nghĩa của họ, biến Tổ Quốc thành "một Tổ quốc đao phủ"; họ đã phát động chiến tranh thôn tính Miền Nam, làm cho nước nhà kiệt quệ, "Tổ quốc Việt Nam đồng nghĩa với chiến tranh và chết chóc"; họ đã dùng công an biến Việt Nam thành "một Tổ quốc khống chế và hăm doạ ... hành động như bọn giặc cướp ... đểu cáng và lật lọng"...; họ đã làm cho hàng triệu người phải bỏ nước ra đi, vì đối với những người này "Tổ quốc là sóng gió, hải tặc, cái chết trong bụng cá... là một dĩ vãng cần quên đi"...

Tình trạng trên đây làm cho việc đòi Tổ quốc

phải "ăn năn" không phải là vô lý. Khi anh Nguyễn Gia Kiểng viết: "Tổ quốc phải là một tổ quốc trách nhiệm ... biết hối hận và ăn năn..." (tr.585), nếu ta thay từ ngữ "Tổ quốc" bằng "Chính quyền", nghĩa là chính quyền cọng sản, thì câu đó thành "Chính quyền [cọng sản] phải là một chính quyền trách nhiệm ... biết hối hận và ăn năn ..."

Phục hồi lòng yêu nước

Ăn năn, sám hối thế nào là một vấn đề đã được nhiều người bàn đến nên không cần bàn ở đây. Tóm tắt, Tổ quốc (= Chính quyền cọng sản) phải trở nên một Tổ quốc "hiền hoà, khiêm tốn", tự coi mình không phải là một cứu cánh, mà là một công cụ đứng trong và đứng dưới Quốc gia, chỉ có sứ mệnh phục vụ Quốc gia, mang lại phúc lợi và niềm tự hào cho dân tộc trong công cuộc xây dựng lại đất nước.

Một điều kiện nữa không kém quan trọng trong công cuộc xây dựng lại đất nước là lòng yêu nước thật sự của người dân. Lòng yêu nước đó đã mất đi thì nay phải phục hồi. Một ưu tư lớn trong việc phục hồi này là tránh những những đổ vỡ về tinh thần, vật chất và nhân mạng cho đất nước. Hơn 30 năm chiến tranh đã gây "phí phạm kinh khủng" về tài nguyên của nước, và tài sản và nhân mạng của dân Việt Nam. Phần khác, qua chiến tranh người Việt đã tỏ ra không yêu nhau: họ đã xung đột nhau gay gắt, phủ nhận, mạt sát, lên án, tiêu diệt nhau. Mà "không yêu nhau là không yêu nước" (tr.351). Họ đã không có tự hào dân tộc, không dấn thân tranh đấu, tránh gian nguy, không chấp nhận rủi ro, chấp nhận thỏa hiệp với chế độ độc tài tham nhũng, không chấp nhận một hy sinh nào cả, không gắn bó và trách nhiệm với cộng đồng...

Trong hơn 100 năm qua, thâu hồi độc lập, thống nhứt đất nước, xoá bỏ quá khứ nhục nhã được coi như là những mục tiêu ưu tiên hàng đầu của dân tộc. Tranh đấu để đạt những mục tiêu đó là nhiệm vụ cao cả của mọi người Việt Nam, "Tổ Quốc" trở thành một cái gì thiêng liêng. "Hy sinh tất cả cho Tổ Quốc" không chỉ là một khẩu hiệu, mà là một cái gì có một sức lực vô biên. Nhân danh "Tổ Quốc" người ta sẵn sàng làm tất cả, vô điều kiện, kể cả thù ghét, bắn giết người đồng hương, hăng say đập phá tan tành xứ sở. Ngày nay, không còn lý do để quan niệm đất nước như một chủng tộc hay quá khứ, "một tổ quốc thiêng liêng mà mọi người phải phục tùng, tôn kính, và phải phục vụ vô điều kiện" nữa, mà phải coi đất nước như là một quốc gia, "một không gian liên đới giữa những người hiểu nhau, quí trọng nhau, và hợp tác với nhau để xây dựng và chia sẻ một tương lai chung."(TCTK21, tr.30) Quốc gia phải quan niệm như một cứu cánh, phải thực sự tự do, dân chủ, "tập thể của những người tự do, bình đẳng." Trong một quốc gia như vậy Nhà nước/Chính quyền chỉ là công cụ của Quốc gia, phải khiêm tốn hiền hoà, đem lại phúc lợi và niềm tự hào cho người dân. (TCKTK21, tr.28).

Trong công cuộc dựng nước, Quốc gia cần có một thái độ lo lắng và thận trọng trong việc bảo vệ tài nguyên và nhân mạng, phải "quý trọng từng con đường nhỏ, từng cây cầu, từng dãy phố, từng căn nhà ... phải tránh những sự phí phạm và những chiến tranh làm chết hàng triệu người." Trong quốc gia này, người Việt sẽ thương yêu kính trọng lẫn nhau và ngồi lại với nhau để giải quyết những vấn đề bất đồng thay vì khinh miệt lẫn nhau và chỉ tìm giải quyết với người ngoại quốc, hay cầu cạnh người ngoại quốc giải quyết những vấn đề của mình. Đó là tỏ ra tinh thần hoà giải, và tự hào dân tộc.

Chỉ có một quốc gia như vậy mới có thể đem lại cho mọi người Việt Nam lý do để yêu nước, và chung sức dựng nước, để tồn tại, và vươn lên.

Với kết luận này, tôi không còn sợ rằng nếu tôi yêu nước thì tôi phải yêu chủ nghĩa xã hội và phải quy thuận mấy ông cán bộ của chế độ cọng sản.

Tết này, tôi sẽ khỏi băn khoăn thắc mắc về vấn đề "Yêu Nước". Tết này, tôi cũng sẽ vui vì biết rằng các đồng hương của tôi có thể yên tâm quả quyết rằng:

"Tổ Quốc của tôi không phải là Đảng Cọng Sản Việt Nam!"

"Tôi có thể yêu nước, mà không cần phải yêu chủ nghĩa xã hội!"

Ottawa, Tháng 12, 2006

Chú thích

1. Bài này sử dụng rất nhiều ý kiến của TQAN. Để tránh rườm rà, những trích dẫn từ tác phẩm này sẽ không mang danh hiệu TQAN, hay chỉ mang số trang. Ví dụ: (tr.66) có nghĩa là (TQAN, tr.66). Đoạn nào trích từ TCTK21-DACTDCDN sẽ được ghi là (TCTK21, tr...).

2. Trong bài này tôi mượn rất nhiều ý kiến của anh Nguyễn Gia Kiểng, mà vì nó thích hợp với đề tài, và nhất là nó rất sâu sắc và đúng.

TRƯA NÀO CŨNG BAY

VÕ PHIẾN

- Đây rồi! Tốt lắm. Hôm qua bạn đến, gặp lúc tôi bận tíu tít. Loay hoay mãi, lúc ngoảnh lại không thấy bạn đâu nữa. Cứ lo bạn hờn...

- Hết chuyện để lo sao? Đi tìm chi cái lo xa xôi vậy? Thôi được: Hôm nay rảnh rang, bày ấm chén ra, nói chuyện chơi.

- Ấm chén vừa soạn sẵn bạn vừa đến. Chuyện chơi thì chuyện, sợ gì?

- Chuyện chơi không phải chuyện vui nhá. Nói chuyện chơi lắm khi lạc luôn tới những cái lớn lao trầm trọng đa. Kẻ nói chơi nói không có trách nhiệm, dám có lúc không ngại xông vào những cái khủng khiếp đấy. Nên sợ...

- Không sao. Lúc đó ta dìm nó vào tách trà. Nó tiêu luôn... Bên Trung Đông... ông bạn thấy không?... Không được nói đến à? mình kiêng khem kỹ quá...

- Kìa! Kiêng cữ gì đâu. Chỉ lo chuyện thì lớn mà mình lại bé, nói huyên thiên e không xứng tầm cỡ. Nhưng...

- Chuyện thiệt không dám nói, chứ chuyện chơi đâu có ngại. Trước hết tôi bảo thẳng cái này để bạn khỏi cười: Là tôi không hề có ý cho rằng tai nạn tận thế đang xảy ra...

- Tốt.

- Nhưng đã rõ: Giữa người với người, xưa nay sự đánh đấm vẫn là sự cần thiết. Gây gổ đánh đấm thì đều đều, không thể nén được, cai được. Lần này xung đột sẽ tới đâu? Ai có thể tin được rồi các ẩu đả rầm trời như thế rốt cuộc sẽ đưa cả làng đến một bàn tiệc lớn: Ai nấy choàng vai bá cổ, no say đã đời, ôm nhau đoàn kết? Xưa nay không có thế bao giờ. Cụ Nguyễn Du từng than thở:

"Liên miên trong cõi người ta
Oánh nhau chí tử xảy ra đều đều"

- Ha ha!

- Nhưng cụ Nguyễn... Có cái cụ không ngờ tới. Từ xưa đến nay con người không thay đổi: vẫn con người ấy, thịt xương ấy. Còn các món công cụ để chơi nhau thì mỗi lúc mỗi khác nhé. Thoạt tiên dùng tay thụi nhau, chân đá nhau; rồi dùng đá ném vào nhau, dùng mũi nhọn đâm nhau, dao mác chém nhau; rồi tên bắn, đạn bắn; rồi bom, mìn... Bom nguyên tử, ối, thứ bom mỗi lúc mỗi tăng sức phá hãi hùng... Để đối phó, con người vẫn có từng ấy thịt xương cố định. Bạn nghĩ sao?

- Á à. Theo tôi tốt nhất con người không nên đánh nhau nữa. Mọi xích mích nên giải quyết bằng cách khác. Vũ lực: Cấm!

- ?

- Cấm tuyệt đối.

- Bí quá, bạn có thể nói chơi! Các nhà lãnh đạo đối địch phải chọn kỹ một quyết định: Quyết định mất còn. Sai là đi đoong tất cả. Khoa học các ngành đều tuyệt vời. Máy có thể tính toán cực kỳ chính xác. Nhưng cái suy tính xem phen này có phải là thực sự không thể tránh né? phen này do dự thêm hai phút, hay một phút là tiêu? cái tính toán ấy không thuộc về khả năng của máy móc tinh xảo nào. Một mình nhà lãnh đạo phải đối đầu với quyết định tức khắc. Nhà lãnh đạo, một con người.

Con người - bất cứ người nào - đều có bẩm chất riêng, tín ngưỡng riêng, cá tính riêng, thành kiến riêng, có những mặc cảm âm thầm v.v... Những món lỉnh kỉnh ấy tiềm tàng mãnh liệt, chúng tham dự vào sự chọn lựa quyết định sinh tử của loài người.

Một cái bấm nút ở nơi này xảy ra. Những bấm nút từ các nơi khác đáp lại...

- Tuyệt diệt!

- Khó tưởng tượng ra cái sững sờ của địa cầu. Có lẽ bấy giờ sẽ có một rùng mình. Nhưng đất vẫn tiếp tục quay, tiếp tục bay. Trời tiếp tục xanh, thản nhiên...

- Bạn nghĩ là ba chục ngày gấu ó ở Trung Đông sẽ đưa tới tận thế à?

- Đâu có! Tôi nghĩ vậy hồi nào? Cuộc gấu ó ấy xảy ra ở Trung Đông, đã xúc động các khối đại cường Đông Tây, đã làm nhốn nháo hàng tỉ tín đồ các tôn giáo năm châu. Rồi cuộc gấu ó sẽ được thu xếp chăng? Rồi chuyện nào khác

sẽ bùng lên? Xung đột đến chừng nào? Diễn biến ra sao? v.v... Không tiên tri được.

Chỉ lo rằng thời cuộc dù có bách bộ thong thả đến bậc nào cũng khó bảo tồn nhân loại được mãi. Diễn biến của cuộc sống mỗi lúc mỗi gấp... E không còn được bao lâu.

Hai người bạn ngồi im một lát. Rồi:

- Nó phải xảy ra thôi... Tự dưng mà tan hoang. Mình không có ý chuẩn bị một thái độ đón tiếp biến cố lớn. Công việc mình vẫn bận bịu hàng ngày không hay cũng không dở, nhưng đã trót quen. Công việc, quen; xóm làng, đất nước: quen cả. Vợ con, người ngoan kẻ dại, đứa hư đứa nên, lúc vui lúc buồn... Quen cả rồi. Bỗng dưng tặc cái tan hoang. Cuộc sống khựng lại, ngẩn ngơ!

- Đâu còn cuộc sống nữa để nó ngẩn ngơ? Cái chết thì đấy, nhưng nó biết gì mà ngẩn ngơ? Chết, tự nó có là gì đâu mà có được một thái độ?

- A...

- Ngẩn ngơ ngay lúc này, ngẩn ngơ trước tận thế, chính là bạn.

- (Thẫn thờ) Thắc mắc siêu hình... vâng, món ấy không thể của cái chết, mà cũng không phải của cái sống. Nó là của con người, con người đến một trình độ nào đó... Đến đó, con người đâm ra thắc mắc về mình, về cái sống của mình: Ta là ai? Ta từ đâu tới? rồi sẽ đi về đâu? Cái sống tự nó có ý nghĩa gì? v.v...

- Vớ vẩn!

- Con sâu, cái kiến bé tí, chăm chỉ lo kiếm ăn. Con khủng long, con cá voi to lớn, bệ vệ, cũng tỉnh bơ, không thắc mắc. Không có con kiến vớ vẩn, con voi vớ vẩn. Chỉ có con người mới bứt rứt điên đầu tự hỏi: "Mình chết là chết luôn, mất tiêu luôn à? Mình chắc chắn là có linh hồn chứ. Mình chết, thì hồn mình nó ở đâu?" v.v... Người sơ khai bận bịu vì cái ăn không có dịp băn khoăn; người nghèo đói quần quật không có thì giờ suy nghĩ vẩn vơ. Nhưng khi ta được khai hóa, ở các từng lớp cao, các chàng trai vừa mới lớn đã bị các thắc mắc siêu hình ám ảnh dày vò.

Kể chơi với bạn một chuyện gần gũi. Khoảng giữa năm 2006, ông Đỗ Ngọc Yến lâm trọng bệnh. Người bạn thân từ thuở trung học đại học, là ông Đỗ Quí Toàn, nhân đó có dịp gợi lại kỷ niệm một đêm ở Đà Lạt. Đêm, cùng nhau dạo quanh hồ Xuân Hương, đôi bạn mải miết chuyện trò; "chuyện triết lý lung tung, những thao thức băn khoăn về kiếp người." Đi đến trước cửa nhà số 2 Ngô Quyền, mặc dù đêm đã khuya, hai người bạn chưa chịu vào nhà để ngủ. Quí Toàn vừa khám phá ra một "mấu chốt" của vấn đề, nói với Ngọc Yến một cách nghiêm trọng: "Cuối cùng, mình phải biết mình là cái gì đã!" Ngọc Yến bảo: "Thì ông Socrate cũng nói vậy."1

- A! Socrate và trước Socrate đã lắm kẻ nói vậy; rồi sau ông Đỗ Quí Toàn, tôi với bạn vẫn còn vướng vào cái rắc rối ấy. Và khắp các nơi trên địa cầu không biết bao nhiêu thi sĩ, văn sĩ, triết gia, bao nhiêu thanh niên nam nữ vẫn bị cái ám ảnh siêu hình dày vò đêm ngày...

- Tai họa lớn... Tai họa bất khả giải quyết đa. Con người mắc phải cái họa ác quá.

- Cho nên Phật phải can thiệp.

- ?

- Vâng, Phật. Một hôm có kẻ tìm đến hỏi...

- Kẻ nào? Nói tử tế... nói rõ ràng đầu đuôi nghe coi? Một phật tử vô danh hả?

- Không. Theo tôi, ai hỏi Phật cũng nói điều Phật cho là đúng thôi. Dù sao, ông đã muốn biết hãy để tôi cố nhớ... Vô danh hay lừng danh, không rõ, nhưng cái tên... Để xem, có thể tôi còn nhớ lờ mờ . Du sĩ từ xa tìm đến, nêu ra một số vấn đề. Chẳng hạn: Thế giới này tồn tại mãi hay sẽ có ngày mất tiêu? Trời đất có biên giới hay là vô biên? Con người có xác có hồn? hay chết là mất tiêu luôn, chẳng còn lại gì ráo v.v... Du sĩ nọ hỏi bảy tám câu; Phật đều ôn tồn hòa nhã bảo: Xin không trả lời.

Sau đó, Phật giải thích về lý do từ chối. Rằng mình chỉ nhằm tu tập để gạn lọc thân tâm, vượt thắng lo âu sầu khổ mà thôi. Phật nhằm vào những pháp môn giúp con người ngăn chận tham dục, bạo động, mê vọng, hầu có thể sống an lạc. Phật không quan tâm đến những vấn đề siêu hình. Lâm vào đó, có khi bị kẹt vô ích.

- (Mơ màng) Ta lại cứ muốn vươn xa hơn Phật...

- Đấy đấy...

- Xông vào các vấn đề siêu hình, phát sinh những tranh cãi, vô ích...

- Đấy.

- Thôi bỏ qua các thắc mắc về định mệnh con người. Nhưng số phận quả đất, số phận các tinh cầu, vô lượng tinh cầu chi chít trong không gian vô tận... riết rồi cũng trống trơ cả sao?

- Rốt cuộc tất cả trống trơ, chỉ có cái đầu con người là đầy rắc rối!

- Cho rằng tất cả người và bè lũ quen thuộc:

DƯƠNG KIỀN

VÒNG QUAY

Có một vòng quay cho đời ta,
Tinh mơ lấp lánh hạt sương sa,
Giữa trưa nắng đổ hai vai nặng,
Chiều vẳng chuông chùa mở lối ra,
Thế đấy, niềm vui chan nước mắt,
Ừ em, nỗi khổ cũng đơm hoa,
Em nhé cầm tay ta tĩnh lặng,
Yêu nhau Nam Mô A Di Đà.

Na Uy, 02-2006

bò, trâu, voi, cọp, giun, dế, bọ chét, diều hâu v.v... chết tiêu. Nhưng biết đâu chẳng có những giống tình cờ lọt sổ Thiên Tào? Tôi không biết giống nào sẽ còn sót, nhưng tôi không tin là cái dọn dẹp của bom có thể chu đáo đến mức tuyệt không còn mầm sống nào...

- Chờ dăm mười triệu năm, không chừng lại có một quả đất xôn xao... Vả lại, quả đất lỡ vắng vẻ, còn bao nhiêu tinh cầu khác...

- *Không nên hi vọng hão huyền. Chưa có chứng cứ thì hãy... Con người đã rình rập một số tinh cầu ngoài không gian mà không thấy gì.*

- Thấy "gì" là thấy sinh vật, đại khái con cò con cuốc... Và nói trắng ra là thấy con người, phải không? Bạn đòi hỏi cao quá. Cứ không thấy nước thì kêu thiếu điều kiện để sinh vật nhảy nhót vui mừng đón tiếp phi hành gia, thì kêu không có gì. Hãy quan niệm Hóa Công là đấng toàn năng, có nhiều sáng kiến. Biết đâu chẳng có những chủng loại sinh vật hoặc sống không cần thở hoặc không dùng món dưỡng khí như ta? không dùng cà-phê, thậm chí không dùng nước như ta? Biết đâu chẳng có những loại sinh vật không hình thể? Này nhé, bạn quên rằng mắt đâu có làm ra để bắt được mọi hình thể trong vũ trụ. Đôi ba thế kỷ trước, có ai trông thấy con vi trùng nào tí toáy quanh mình? Vi trùng nó xuất thế hồi nào? Chẳng qua mắt mình yếu ớt, cần đến sự giúp đỡ của cái kính hiển vi bấy giờ chưa kịp xuất hiện. Quanh mình, ngay trên mặt đất này, e còn lắm loài khác lọt khỏi mắt ta.

Ấy là chỉ nói về thị giác. Ta có những năm giác quan để tiếp xúc, để "bắt" vào thế giới quanh mình. Ngũ quan bắt được những món ta đang biết ở địa cầu. Giả sử Tạo Hóa cao hứng tạo nên những giống sinh vật có sáu giác quan, bảy giác quan, hay mười, mười hai, mười lăm...giác quan. Bấy giờ địa cầu sẽ thay hẳn diện mạo nhiều chứ: các loài sinh thực vật sẽ nhốn nháo nhiều gấp năm gấp ba hiện thời chứ... Phải không?

- *Bạn cao hứng, bốc cao quá.*

- Ở các tinh cầu khác, cuộc sống - nếu có- xuất hiện dưới dạng thức khác. Có thể sinh vật ở chỗ này chỉ cần một vài giác quan (khác hẳn giác quan của chúng ta), ở tinh cầu khác, loài vật chỉ xuất hiện trước những giác quan khác hẳn của chúng ta! Một hôm phi thuyền không gian thả người địa cầu xuống một tinh cầu lạ đầy nghẹt sinh vật xúm xít quan sát nghiên cứu "khách", mà "khách" thì thiếu hẳn giác quan để "bắt" được họ. "Khách" ngẩn ngơ tuyệt vọng giữa cảnh "trống trơ" (đối với mình).

- *Hơ hơ!*

- Một ngày kia, quả đất bị nạn sẽ từ từ phục hồi dưới một dạng thức khác (mà con người của địa cầu cũ nếu có hồi hương cũng khó nhận ra). Rồi quả đất phục hồi nếu có thể quen thói cũ, sinh sôi ra những sinh vật không còn giống bao nhiêu với các loài sinh thực vật hiện nay...

- *Hơ! hơ! Theo ông nghĩ: Một loài sinh vật nào đó ở các tinh cầu khác, hay ở địa cầu phục hồi sau này, bấy giờ loài sinh vật cao nhất — theo bạn —có... có lại lẩm cẩm băn khoăn về những thắc mắc siêu hình? về nguồn gốc sự sống, về các chủng loại tiền bối (tức là chúng ta) không nhỉ.*

- Chết! Ông bạn cẩn thận như thế là tốt. Đến đây tôi khoác lác huyên thiên đã quá đáng...

- *Thế thì tha cho bạn.*

- ... Này. Hay là chúng ta nên kết thúc bằng mấy câu thơ? Cho nó thư giãn đầu óc.

- *Thơ của ai vậy? Thơ ai có công dụng tốt vậy?*

- ...

- À, xem ông có vẻ lúng túng. Vậy thơ ông chứ gì! Cứ xổ tuốt ra. Để nó lồng lộn trong người, hại người.

- Ông tới tấp quá. Vậy hãy thong thả. Từ từ. Hãy để tôi bắt đầu từ chỗ bắt đầu.

Hôm nọ, buổi trưa, tôi đến đây, thấy bạn bận công việc, tôi quay về. Vào nhà, chưa biết làm gì, ra ngồi ở chiếc ghế dài dưới hiên. Nhìn mông.

Bồ câu bay đảo trong xóm. Chợt thấy ngay: Bồ câu chúng nó cũng đang lúc rỗi rãi, vô tích sự, như mình. Đàn bồ câu xóm tôi đông lắm. Có người nhận xét: Hễ xóm nào có ngôi chùa, thường bồ câu tựu đến đông dảo. Không phải vì thấm đạo từ bi. Chùa thường sẵn cơm: khách thập phương đến chùa, ở lại đàm đạo, vãn cảnh, thọ trai, làm quen nhau... Nhà chùa lúc nào cũng chuẩn bị sẵn cho khách vãng lai... Phần thừa thãi, bồ câu được hưởng. Đều đều, hàng ngày...

Bồ câu ăn uống no đủ, cái bay đông đảo ở đây là giải trí (trí chim)?, là vận động cơ thể? điều hành huyết mạch? Tôi không biết. Duy đã quen thói, lúc rảnh, xem chim. Bồ câu bay, thường bay hàng loạt gần tất cả đoàn. Tự dưng, không có hiệu lệnh hô hoán gì cả, đàn bồ câu xóm tôi tung lên trời, bay nhiều vòng, rồi (cũng tự dưng) đáp xuống. Vẫn không thấy có hiệu lệnh nào.

Bồ câu không có kỷ luật cứng rắn. Khi cất cánh, có thể có một đôi nhóm nhỏ, không hưởng ứng, cứ tiếp tục lai rai trên các mái nhà. Đang bay, lắm lúc có đôi ba con tự dưng tách đàn đáp xuống... Mặc, đàn không có biện pháp kỷ luật nào đối với kẻ bỏ đàn. Coi như không biết tới, không đếm xỉa.

Những con bồ câu bỏ đàn điềm nhiên sinh hoạt trên các mái nhà trong xóm. Có con rỉa lông rỉa cánh, có con tìm mồ đây đó, kiếm ăn lai rai. Có con tìm mái. Đến bên cạnh con mái lẻ loi nó gù dè dặt, rời rạc, dò dẫm. Rồi đến gần, săn sớm. Dừng nghỉ một lát, nó xán lại, bạo dạn, sàm sỡ. Con mái quay đầu, tránh. Trống sàm sỡ nữa; con mái cất cánh bay qua mái nhà khác. Con trống ngẩn ngơ, tưởng bỏ cuộc. Có khi nó bỏ cuộc thật. Có khi nó ngẩn ngơ một lúc, rồi nhẫn nại bay theo... nàng. Sinh hoạt buổi trưa trên các mái nhà không nhộn nhịp, nhưng vẫn phong phú.

Sau nhiều lần thất bại, thỉnh thoảng con trống nọ thành công. Con mái ngừng tìm cái ăn, ngửng đầu... Toan tính gì đây? Sắp bay chăng? Lần này bất ngờ con mái nằm xuống, thản nhiên. A! đâu phải thản nhiên: Cái đuôi của con mái vẹt qua một phía, đợi chờ... (đợi chờ, cách hờ hững.)

Cuộc yêu đương kết thúc; nền trời xanh bao la tiếp tục xanh cách thản nhiên, như không hề có gì xảy ra, xanh như muôn đời vẫn xanh. Mây trắng từng vạt đây đó khắp trời cũng một mực thản nhiên. Phải chú ý kỹ mới thấy mây từng đám có nhẹ nhàng chậm rãi trôi. Lặng lẽ trôi, chậm.

- ...

- ?

- *Tôi chờ đợi thơ của bạn.*

- A. Có đấy. Xem nào, tôi có vài câu:

"Dằn lòng, lòng vẫn nao nao,
Ta đi mây ở, trưa nào cũng bay"...

- *Vậy thôi?*

- ...

- *Tôi thắc mắc: việc gì bạn phải dằn lòng? Chim làm gì mặc chim, việc gì bạn lại nôn nao, bạn phải dằn lòng?*

- Không phải lúc nên đùa giỡn xuyên tạc bậy bạ. Phút ân tình của chim xảy ra trong chốc lát, mây trắng bay lặng lẽ, ơ hờ... Cái phù vân nó đâm ra là cái lâu dài. Mà chút hạnh phúc của một loài (cũng như mọi loài) sinh vật chẳng qua thoáng chốc. Bạn không nao lòng? Tốt. Bạn tha hồ tốt. Cái sinh cái diệt, nó đến nó đi hờ hững, thản nhiên. Như cái đuôi con chim mái, như mây trôi từng đám giữa trời... Siêu hình với siêu hiếc: Cho nó "đi" luôn.

- *Ơ ơ! Nhân tiện, từ sáng đến giờ cứ trà mãi, chưa có món mặn bỏ bụng. Chúng ta cũng nên "đi" luôn ra tiệm phở gần đây. Đi!*

- ... Tôi vừa chợt nhớ ra: Du sĩ Uttiya! Người tìm hỏi Phật về các thắc mắc siêu hình, đó là du sĩ Uttiya.

- *Là ai, cái đó không thành vấn đề nữa... Vấn đề lúc này là tô phở. Mọi chuyện khác tha hồ diễn tiến cách vô tâm. Tha hồ...*

Santa Ana - 10-2006

1.- Đỗ Ngọc Yến giữa bạn bè. *Người Việt xuất bản, 2006 (trang 66).*

Mùa Xuân Dân Tộc Ló Hiện Xa Xa

NGUYỄN MINH CẦN

Ủy Ban Nhân Quyền Việt Nam (ở trong nước) vừa công bố "Báo cáo tình hình Nhân quyền Việt Nam tháng 11.2006," trong đó ghi nhận rằng "*tháng 11.2006 được gọi là '**tháng đen tối về nhân quyền**' của chính quyền cộng sản Việt Nam.*" Thế mà người viết bài này lại nói đến chuyện mùa xuân Dân tộc đang ló hiện xa xa thì có vẻ như là "trái khoáy."

Nhưng không! Xin bạn đọc nhớ lại tình hình phong trào đấu tranh cho dân chủ vài năm trước và nhìn rõ thực trạng phong trào năm nay thì chắc các bạn sẽ chia sẻ niềm vui và tinh thần lạc quan này của người viết.

Có lẽ không mấy ai quên cái không khí bức bối của vài năm trước, đã làm nhiều người thiết tha đến tự do dân chủ phải lo buồn khi thấy những mâu thuẫn nặng nề giữa những "con chim đầu đàn" của phong trào trong nước (1). Không ít người tỏ vẻ bi quan, cảm thấy dường như là bế tắc. Một số hỏi ý kiến chúng tôi, và chúng tôi đã trả lời là: rắc rối thật, nhưng tin chắc rằng mọi việc đâu sẽ vào đấy, các chiến sĩ dân chủ đi tiên phong đã có công gieo hạt giống thì rồi đây những mầm non sẽ vươn lên, lớp trẻ sẽ lao vào cuộc đấu tranh, sẽ xuất hiện nhiều kiểu kết hợp mới hơn, nhiều sáng kiến mạnh dạn hơn, do đó nhấn chìm những mâu thuẫn nội bộ xuống dưới (tuy chúng vẫn còn tồn tại) và phong trào lại vẫn sẽ cứ tiếp tục vươn lên. Mà đúng là như vậy. Xin bạn đọc cứ xét đoán điều đó qua thực tế năm 2006.

Những người cùng khổ đã đứng lên

Đặc điểm nổi bật nhất của phong trào đấu tranh năm nay chính là nó xuất phát từ bên dưới, từ dân chúng, từ những con người bình thường, cùng khổ, nhẫn nhục, ngoan ngoãn và sợ sệt nhất, ngày nay đã tỉnh thức, đứng thẳng người lên, mạnh dạn cất cao tiếng nói của mình. Và tiếng nói đó không chỉ là những "đơn xin," những "yêu cầu," mà đã là những "yêu sách," những "điều kiện," những "đòi hỏi" khá "thẳng thừng" đưa ra trực tiếp cho giới cầm quyền. Thái độ quyết liệt đó của công nhân lao động và nông dân còn biểu hiện bằng những cuộc đấu tranh mạnh mẽ với hình thức biểu tình, đình công, những đoàn người rầm rập kéo nhau đi khiếu kiện...

Thật vậy! Công nhân lao động ở nước ta đã tưng bừng mở đầu năm 2006 với cao trào biểu tình, đình công rầm rộ chưa từng thấy trong suốt 60 năm thống trị của ĐCS. Ngay từ cuối năm 2005 đầu năm 2006, công nhân lao động ở các doanh nghiệp có đầu tư nước ngoài đã biểu tình, đình công để đòi tăng lương. Lúc đầu phong trào đó lôi cuốn mấy chục ngàn người ở khu vực Sài Gòn, Bình Dương, Biên Hòa, rồi toả rộng ra khắp miền Nam, lan nhanh đến miền Trung và miền Bắc thu hút trên một trăm bốn mươi ngàn người lao động trong cả nước. Qua cuộc đấu tranh này, cái mặt nạ của kẻ cầm quyền, tức là ĐCS và chính quyền CS, mạo danh là đảng, chính quyền của công nhân lao động, đã bị đánh rơi, để lòi ra chân tướng kẻ tay sai của giới chủ nhân nước ngoài, ngăn cản công nhân lao động đấu tranh cho quyền lợi của mình, thậm chí còn đàn áp tàn tệ và bắt bớ công nhân đấu tranh.

Cao trào đấu tranh này đến tháng Ba đã dịu xuống, nhưng dư âm của nó vẫn còn vang dội, nhiều cuộc đình công lẻ tẻ xảy ra suốt năm, kể cả ở các xí nghiệp quốc doanh. Gần đây, ngày 9.12.2006, 3500 công nhân (95% là nữ) của Cty cổ phần giày Đông Anh (huyện Đông Anh, Hà Nội) đã đình công đòi tăng lương, giảm giờ làm việc.

Có người nói ý thức của công nhân lao động mới chỉ ở tầm mức đấu tranh kinh tế, mới chỉ nhắm vào giới chủ nhân, nhất là chủ nhân nước ngoài, chứ chưa nâng lên đến mức giác ngộ chính trị. Thế thì xin mời bạn đọc nhớ lại một sự kiện "động trời" khác diễn ra ngay trong cao trào đình công để thấy rõ ý thức chính trị của công nhân, đa phần xuất thân từ nông dân, đã nâng lên một bậc mới. Ngày 18.2.06, 11 nam nữ công nhân bình thường, đại diện cho anh

chị em lao động ở sáu khu công nghiệp, chế xuất tại miền Nam và miền Trung, có ghi tên tuổi, địa chỉ nơi làm việc đàng hoàng, đã gửi lên Tổng bí thư ĐCSVN Nông Đức Mạnh bản "Yêu sách tám điểm của công nhân đòi quyền lao động." Bằng lời lẽ "thẳng thừng," anh chị em đã vạch trần thảm trạng của công nhân và nông dân sau năm 1975 dưới sự thống trị của Đảng. Xin trích nguyên văn vài đoạn:

"*.... Trong khi chúng tôi có tiền dư thóc để, thì chúng tôi bị lấy nhà và bị đuổi đi vùng sâu nước độc để khai phá đất hoang làm ăn. Do những cơn sốt rét vàng da, có những gia đình chết phân nửa, có những gia đình phải chết hết. Khi trở về thành phố thì nhà cao cửa rộng, ruộng vườn của mình thì bị cán bộ đảng viên thu sạch. Điều này chúng tôi có nói sai đâu. Những villa nhà lầu hiện nay là nhà của đảng viên, thì thử hỏi cha ông của mấy ông này mua nhà đất từ thời nào để lại cho mấy ông đảng viên này, nếu không phải cướp của chúng tôi thì từ đâu mà có. **Cuộc đời chúng tôi còn sống thì vẫn còn bị cướp. Đời cha tôi bị cướp, đời tôi cũng bị cướp.** Những gia đình chúng tôi lên vùng kinh tế mới khai hoang được vài ba mẫu đất làm ăn, cuộc sống chưa ổn định thì trò cướp bóc lại theo đuổi người dân nghèo chúng tôi, kế đến là chiêu thức kêu gọi đầu tư rước ngoại bang vào, lại tiếp tục lấy đất của chúng tôi" ... "Bằng nhiều chiêu thức gạt gẫm lừa bịp gian manh quỷ quyệt, trù dập vu khống chụp mũ. Mọi thủ đoạn lấy cho bằng được đất của chúng tôi. **Thế thì chúng tôi, người nông dân mà không có ruộng cày, ruộng mình bị lấy trắng tay, lấy giữa ban ngày. Ông bà ta có câu "cướp đêm là giặc, cướp ngày quan tham!" Sự tính toán nham hiểm của Đảng, mà người dân chúng tôi sống không được mà chết cũng không xong..."***

Sau những lời thống thiết đó, anh chị em "*yêu cầu và đề xuất những điều kiện sau đây với Bộ Chính trị và TƯ ĐCSVN*":

"*1. Trả lương cho chúng tôi theo đúng hợp đồng của nhà nước Việt Nam với các nhà đầu tư, thương gia nước ngoài có công ty xí nghiệp tại Việt Nam theo mức giá đồng USD thị trường.*

2. Mức lương phải ngang bằng các công nhân các nước trong khu vực như Singapore, Thái Lan, Hàn Quốc, Indonesia...

3. Dẹp bỏ Công đoàn do Đảng xây dựng đưa vào các công ty xí nghiệp.

4. Không được phát triển Đoàn, Đảng trong hệ thống công nhân chúng tôi, để rồi quay lại đàn áp chúng tôi. Vì chúng tôi chỉ là những người đi làm mướn làm thuê bình thường, không muốn tham gia chính trị, chúng tôi không muốn hệ thống độc tài độc quyền đeo đẳng chúng tôi, vì chúng tôi đã quá khổ rồi.

5. Chúng tôi có quyền tự hợp đồng lao động cá nhân và tập thể khi đã dẹp bỏ hệ thống công đoàn, vì tổ chức công đoàn không đem lại quyền lợi thiết thực cho chính người công nhân chúng tôi, mà chính họ lại ăn theo phần trăm sản xuất của chúng tôi, và mỗi khi chúng tôi muốn đòi hỏi quyền lợi chính đáng phải được sự đồng ý của công đoàn là phi lý.

6. Chúng tôi không phải đóng góp những khoản tiền như xoá đói giảm nghèo và các loại tiền do công đoàn phát động và trừ thẳng vào lương của chúng tôi như trước đây đã có.

7. Chúng tôi phải được quyền lợi như: bảo hiểm y tế, tiền lương hưu sau khi hết độ tuổi lao động, bảo hiểm tai nạn lao động rủi ro...

8. Chúng tôi có quyền hội họp riêng tư, có quyền lập hội, gây quỹ, có quyền đấu tranh, có quyền đình công đòi hỏi các quyền lợi chính đáng, phù hợp mức lương, tương xứng với công sức lao động... "

Song song với phong trào đấu tranh của công nhân lao động là phong trào khiếu kiện của "dân oan," chủ yếu là của nông dân, một phong trào đấu tranh bền bỉ, dai dẳng hàng mấy thập niên, đến năm 2006 lại bột phát quyết liệt hơn nữa. Nhiều đoàn dân oan từ các tỉnh khắp nước kéo về Hà Nội, Sài Gòn để đòi lại đất đai, nhà cửa bị bọn "cường hào ác bá đỏ" cưỡng chiếm. Nổi bật nhất là cuộc đấu tranh của hàng ngàn dân ba xã huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên kéo lên Hà Nội đến trước trụ sở Quốc hội phản đối việc lấy đất đai của họ. Nhiều đại biểu dân oan đã liên kết với những nhà đấu tranh dân chủ trong nước là những người sẵn lòng đưa tay giúp đỡ họ. Có những nhà dân chủ được gọi là "người của dân oan," như nhà văn nữ Trần Khải Thanh Thuỷ, đã đứng ra sáng lập "Hội Dân Oan" ngày 10.12 vừa qua.

Đã qua rồi cái thời yêu cầu và thỉnh nguyện...

Đối với nhiều nhà đấu tranh cho dân chủ, giai đoạn những "thư đề nghị," "yêu cầu" "thỉnh nguyện" hay "kiến nghị" lên ban lãnh đạo đảng và nhà nước dường như đã qua rồi, mà thay bằng những "lời kêu gọi," "tuyên bố," "tuyên ngôn" trực tiếp hướng tới dân chúng và những

"kháng thư," "tố cáo" đưa ra trước giới cầm quyền và công luận trong cũng như ngoài nước.

Tháng 3.2006, Hoà thượng Thích Quảng Độ, Viện trưởng Viện Hoá Đạo Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, ra "Lời kêu gọi cứu nguy công nhân và nhân dân lao động Việt Nam" với ba yêu sách cụ thể, trong đó có yêu sách "trả lại cho người công nhân ***quyền thành lập Công đoàn Tự do*** Việt Nam để bảo vệ quyền lợi đích thực cho nhân dân lao động, thoát ly sự của mình thay cho Công đoàn công cụ tay sai tai mắt do chính Nhà cầm quyền CS Việt Nam đã dựng lên"... "***phải cung cấp thông tin đầy đủ*** đồng thời ***trả tự do lập tức và vô điều kiện*** cho gần 100 công nhân đình công đang bị giam giữ bí mật", ..."Cương quyết đòi hỏi nhà cầm quyền CS Việt Nam ***không được dùng bạo lực để đàn áp các cuộc đình công, không được sửa đổi luật lao động theo chiều hướng nhằm hoàn toàn qui kết các cuộc đình công chính đáng là***

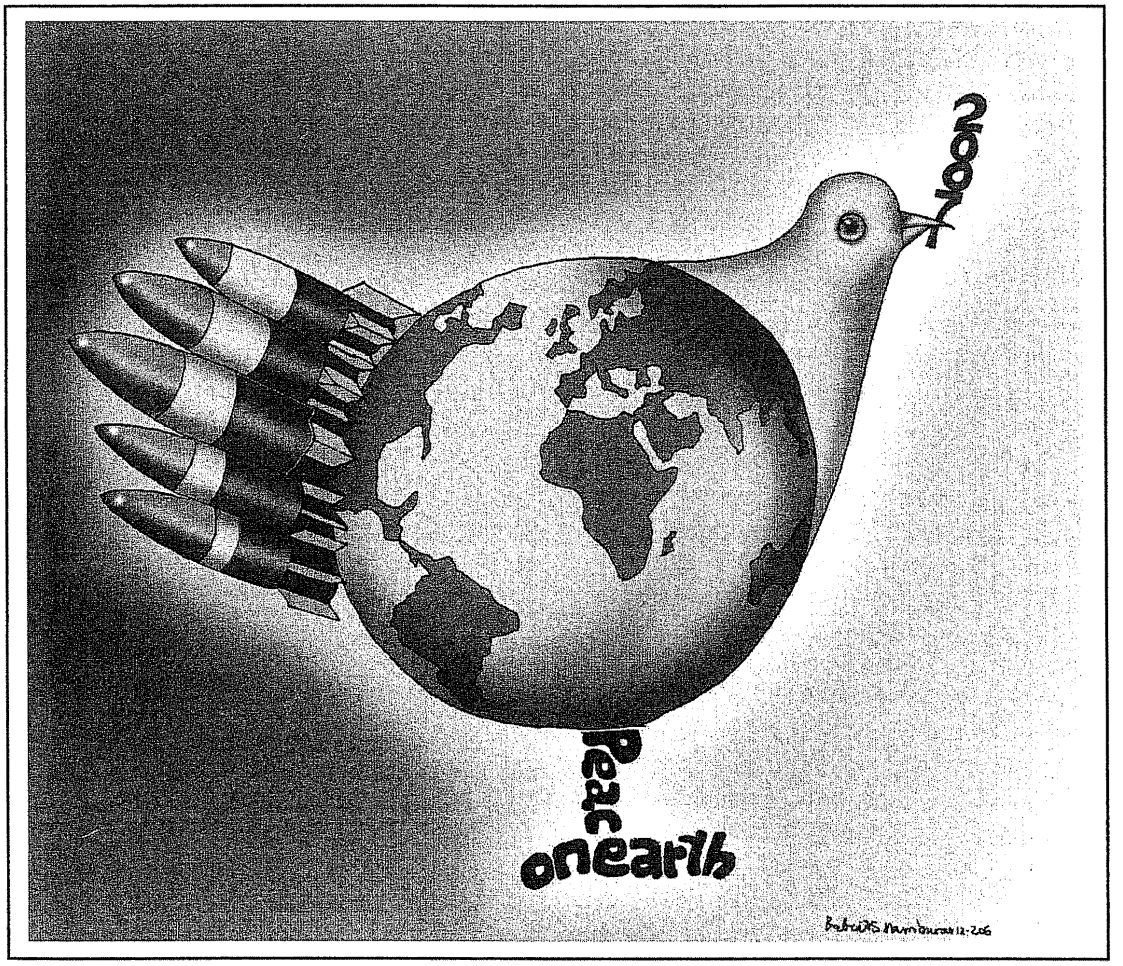

kiềm tỏa và khống chế của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam của đảng."

Ngày 19.3, nhóm 118 nhà đấu tranh cho dân chủ và nhân quyền trong nước đã phát đi "Lời Kêu gọi cho Quyền Công nhân tại Việt Nam" với những yêu sách: "Cương quyết đòi hỏi nhà cầm quyền CS Việt Nam phải mau chóng ***sửa đổi luật lao động*** cho phù hợp với tiêu chuẩn văn minh và nhân quyền quốc tế; ***tạo điều kiện để các công nhân tự thành lập các Công đoàn*** có khả năng bênh vực quyền lợi chính đáng ***vi phạm pháp luật***", ... "***...phải thay đổi chính sách 'xuất khẩu lao động' mà bao năm qua đã liên tục xúc phạm nặng nề nhân phẩm của chính công dân mình vì đã coi họ chỉ như một mặt hàng xuất khẩu,*** gây ra thảm nạn công nhân đi lao động nước ngoài đã và đang bị bóc lột bởi các công ty môi giới quốc nội và các công ty tuyển dụng ngoại quốc, bị đẩy vào kiếp nô lệ lao công hay nô lệ tình dục hết sức thê thảm ở xứ người..."

Trên bình diện đấu tranh đòi các quyền tự

do dân chủ thì nổi bật là "Lời Kêu gọi cho Quyền Tự do Thông tin Ngôn luận" ra ngày 20.2 của bốn vị Linh mục Công giáo là Têphanô Chân Tín, Phêrô Nguyễn Hữu Giải, Tađêô Nguyễn Văn Lý và Phêrô Phan Văn Lợi với tuyên bố đanh thép: "***Chúng ta không sợ hãi nữa! Chúng tôi phải biết sự thật!***"

Ngày 6.4, nhóm 118 nhà đấu tranh cho dân chủ và nhân quyền trong nước đã ra "Lời Kêu gọi cho Quyền thành lập và hoạt động đảng phái tại Việt Nam," trong đó đòi "đảng và nhà cầm quyền CS Việt Nam trước hết phải lập tức ***hủy bỏ điều 4 Hiến pháp,***" ..."phải ***phi đảng hóa*** quốc hội, tòa án, nhà nước, quân đội, công an, trường học, bệnh viện...," đòi quyền tự do lập hội, lập đảng và kêu gọi "Đồng bào toàn quốc hãy bảo vệ, hỗ trợ và gia nhập các đảng tân lập phi cộng sản..."

Tuyên Ngôn 2006

Hai ngày sau, nhóm 118 nhà đấu tranh cho dân chủ và nhân quyền lại tung ra bản "Tuyên Ngôn Tự Do Dân Chủ Cho Việt Nam 2006" (gọi tắt là Tuyên Ngôn 2006 hay Tuyên Ngôn 8406). Tuyên Ngôn lịch sử này đã được bình luận khá nhiều rồi, nên người viết chỉ nhấn mạnh một điều là trên 60 năm dưới chế độ độc tài toàn trị của ĐCSVN, chưa hề có một tuyên ngôn nào của phe dân chủ đối lập trong nước có đường lối rõ ràng, mạnh dạn như vậy, và được sự ủng hộ nhiệt liệt như vậy của nhiều người yêu nước ở quốc nội và hải ngoại cũng như có tiếng vang rộng trên trường quốc tế. Tám tháng sau khi ra đời, Tuyên Ngôn 2006 đã có 2134 người ký tên với danh tính, địa chỉ rõ ràng ở khắp các tỉnh thành trong cả nước. Đó là niềm vui lớn của những người dân chủ và nói chung của những ai thiết tha đến công cuộc dân chủ hoá Đất nước.

"Mạnh dạn xé rào"

Điều đáng ghi nhận nữa là phong trào dân chủ trong nước đã tiến đến giai đoạn mới mà năm sáu năm trước đây chúng tôi đã có dịp nói đến và cổ vũ, tức là "mạnh dạn xé rào" — hành động bất chấp những cản ngăn phi pháp bằng những "luật pháp" vi hiến của kẻ cầm quyền. Việc "xé rào" rất mạnh là tờ bán nguyệt san "Tự Do Ngôn Luận" do Linh mục Têphanô Chân Tín làm chủ nhiệm ra số đầu tiên vào ngày 15.4. Ban biên tập dựa vào Hiến pháp hiện hành mà ra báo không phải xin phép. Ban biên tập tuyên bố rõ "ước vọng và xác tín rằng **'Sự thật sẽ giải thoát chúng ta**,' giải thoát chúng ta khỏi đám mây đen của mù quáng vô tri, khỏi bức tường ngăn chặn sự thật và bưng bít thông tin của ý thức hệ độc tôn Mác-xít, khỏi ngục tù giam nhốt tim óc của chế độ độc tài cộng sản, khỏi gông cùm sợ hãi của một bộ máy cầm quyền... " Tính đến ngày 15.12, báo "Tự Do Ngôn Luận" ra được 17 số dưới hình thức báo in và báo điện tử. Số lượng bản in do các cảm tình viên photocopy cũng đã nhân lên tới nhiều ngàn. Đây là một cố gắng rất lớn của Ban biên tập cũng như của các cảm tình viên đầy lòng quả cảm đã vượt qua bao khó khăn để làm được việc này.

Tiếp đến nhà văn Hoàng Tiến cùng với bốn trí thức Hà thành định ra tập san "Tự Do Dân Chủ" vào ngày 15.8, nhưng bị công an phá vỡ kế hoạch. Tuy nhiên, báo "Tự Do Dân Chủ" điện tử đã xuất hiện trên mạng ngày 2.9. Rồi đến ngày 15.9, tờ bán nguyệt san "Tổ Quốc" đã xuất hiện do những cây bút trong nước cộng tác với một số cây bút ngoài nước. Đến nay, báo ra được bảy số. Một số nhân sĩ nổi tiếng trong nước đã góp bài, như đại tá Đặng Văn Việt, Luật sư Trần Lâm, đại tá Phạm Quế Dương, tiến sĩ Nguyễn Thanh Giang... Nhiều cây bút trẻ cũng đã tham gia tích cực, góp phần làm cho tờ báo ngày thêm sinh động.

Các tổ chức đã "xé rào" xuất hiện công khai

Hành động "xé rào" gan dạ nữa của các nhà dân chủ là việc cho ra đời các tổ chức, các tập hợp, các liên minh, các đảng dân chủ ngay từ trong nước mà không cần xin phép.

Đầu tháng Năm, các bạn trẻ du học sinh đã cùng một số sinh viên, học sinh trong nước thành lập Tập Hợp Thanh Niên Dân Chủ. Ngay sau khi ra đời, Tập Hợp đã có những hoạt động độc đáo và ngoạn mục. Đáng hoan nghênh là những cố gắng của Nguyễn Tiến Trung và Hoàng Lan để gặp Tổng thống Hoa Kỳ George Bush và giới thân cận của ông nhằm nói lên tiếng nói của thanh niên Việt Nam về thực trạng Đất nước. Rồi trước ngày Hội nghị APEC, Nguyễn Tiến Trung lại bay qua Canada gặp Thủ tướng Stephen Harper và chính giới Canada, trình bày tình hình thực tế ở Việt Nam, để đạt những thỉnh cầu bức xúc về nhân quyền. Lần tiếp xúc đó của Trung cùng với cuộc vận động tích cực của Cộng đồng người Việt tại Canada đã đem lại kết quả là trong cuộc gặp gỡ chính thức giữa

Thủ tướng Stephen Harper với Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng, ông Harper đã đặt thẳng vấn đề nhân quyền tại nước ta với ông Dũng, đặc biệt nhấn mạnh trường hợp nhà báo Nguyễn Vũ Bình, bị bắt giam từ tháng 9.2002 vì đã đòi lập Đảng Dân chủ Tự do và đưa bản điều trần về tình hình nhân quyền ở Việt Nam trước Quốc hội Hoa Kỳ. Đây là những thành công hi hữu mà Tập Hợp đã làm được.

Chính đảng công khai xuất hiện sớm nhất trong nước là Đảng Dân Chủ Việt Nam, được ông Hoàng Minh Chính, với tư cách cựu Tổng thư ký của đảng cũ (là đảng đã từng tuyên bố tự giải tán theo lệnh của ĐCS sau năm 1975), tuyên bố phục hoạt đảng này vào ngày 1.6. Có nhiều ý kiến cho rằng lẽ ra ông Chính nên thành lập một đảng dân chủ mới, hơn là phục hoạt một tổ chức bù nhìn của ĐCS. Tuy nhiên, phải công bằng nhận rằng về thực chất ông Chính đã cho ra đời một Đảng Dân Chủ mới của Thế kỷ 21, với cương lĩnh và điều lệ hoàn toàn khác.

Tiếp đến, đầu tháng 9, Đảng Thăng Tiến Việt Nam đã tuyên bố thành lập với cương lĩnh đấu tranh bất bạo động cho một nền dân chủ đa nguyên. Và đến trung tuần tháng 10, sau một cuộc vận động lâu dài và vất vả, Liên Minh Dân Chủ Nhân Quyền Việt Nam đã thành lập với đại diện nhiều tổ chức trong và ngoài nước. Riêng về trong nước thì có đại diện Cao Trào Nhân Bản của Bác sĩ Nguyễn Đan Quế, Đảng Dân Chủ Tự Do, Đảng Thăng Tiến, Khối 8406 thay mặt cho những người dân chủ đã ký tên dưới Tuyên Ngôn 2006, đại diện của Giáo Hội Trung Ương Phật Giáo Hoà Hảo Thuần Tuý... Đây là cố gắng lớn để tập hợp mọi lực lượng đấu tranh cho dân chủ vào một mặt trận thống nhất. Tuy nhiên, vì nhiều lý do, một số nhân sĩ và tổ chức khác chưa tham gia, nên tính đại diện của Liên Minh vẫn còn bị hạn chế nhiều. Dù vậy, cứ nhìn vào thành phần Ban cố vấn 14 người cũng đủ thấy Liên Minh đã tập hợp được khá nhiều nhân sĩ, trí thức, chiến sĩ dân chủ và các vị tu hành có tên tuổi và đáng kính.

Cuối tháng 10, Công Đoàn Độc Lập Việt Nam và Hiệp Hội Đoàn Kết Công-Nông Việt Nam đã ra đời với sứ mệnh đấu tranh để chống ách áp bức bóc lột và bảo vệ quyền lợi công nhân và người lao động. Đây là những sự kiện rất mới trong sinh hoạt chính trị của nước ta dưới chế độ độc tài toàn trị. ĐCS hoảng sợ sự đoàn kết công nông sẽ là một lực lượng vô cùng to lớn. Vì thế đòn đánh giáng xuống mạnh nhất ĐCS nhắm vào nhóm bốn sáng lập viên của Hiệp Hội Đoàn Kết Công-Nông Việt Nam. Công an đã bắt họ, thậm chí bắt cả hai trẻ nhỏ là em của một trong những thành viên Ban đại diện để bức cung.

Tiếp đến, Hội Ái Hữu Tù Nhân Chính Trị Việt Nam tuyên bố thành lập do Thượng Toạ Thích Thiện Minh làm Hội trưởng. Hội Ái Hữu Tù Nhân Chính Trị cũng như Hội Dân Oan đã nói ở trên, sẽ là những tổ chức có khả năng thu hút đông đảo thành viên vừa có ý thức chính trị lại vừa có tinh thần đấu tranh.

Nhân Ngày quốc tế Nhân quyền (10.12), Uỷ Ban Nhân Quyền Việt Nam đã thành lập với bảy người trong Ban điều hành. Uỷ Ban bắt tay ngay vào việc, kịp thời tố cáo những hành động vi phạm nhân quyền trong ngày hôm đó, cũng như đã tổng kết một tháng vừa qua chà đạp nhân quyền nghiêm trọng của kẻ cầm quyền.

Cần thấy rõ là tất cả những tổ chức nói trên đều mới ra đời trong điều kiện cực kỳ khó khăn, nên khả năng thâm nhập vào quần chúng đông đảo còn rất hạn chế, số thành viên còn ít. Sau khi có cương lĩnh, điều lệ thì còn phải đợi một thời gian các ban điều hành mới có thể triển khai công việc để đi sâu và bám sát vào quần chúng được. Đây là cả một quá trình phấn đấu cực kỳ gay go, đòi hỏi những cố gắng lớn lao của những người "đứng mũi chịu sào" (2).

Một sự kiện nổi bật làm nức lòng mọi người Việt Nam yêu nước và dân chủ, nhất là những người đấu tranh cho quyền tự do tín ngưỡng thuộc các tôn giáo đang bị đè nén trong cả nước, là hồi tháng Chín, Hoà thượng Thích Quảng Độ đã được tặng thưởng Giải Rafto sáng giá của Na Uy với lời xác nhận Hoà thượng "là một trong những người Việt Nam lỗi lạc nhất suốt ba mươi năm qua đã không ngừng bảo vệ dân chủ, tự do tôn giáo và nhân quyền" ... "và trở thành biểu tượng cho phong trào dân chủ đang bùng lên trên toàn quốc" (3). Đây là niềm tự hào chung của cả Dân tộc, chỉ có những kẻ chống lại Dân tộc mới dám cất giọng phản đối mà thôi!

Chỗ dựa của phong trào trong nước

Một điều không thể bỏ qua là sự cố gắng rất lớn của những người dân chủ ở ngoài nước

để động viên Cộng đồng người Việt hải ngoại hỗ trợ về mặt tinh thần cũng như vật chất cho phong trào đấu tranh trong nước bằng muôn vàn hình thức cực kỳ đa dạng — từ hoạt động của báo chí, các đài phát thanh, các websites, từ việc vận động chính giới các nước và dư luận quốc tế, từ việc tổ chức biểu tình, đến việc yểm trợ cho Tuyên Ngôn 2006, việc quyên góp giúp đỡ cho các tổ chức và cá nhân những người đấu tranh, cho tù nhân chính trị, cho thương phế binh, cho nạn nhân bão lụt, v.v. và v.v... Hiệp đồng đấu tranh giữa trong và ngoài đã chặt chẽ và hữu hiệu hơn trước rõ rệt. Nhiều tổ chức đã làm tốt việc phối hợp hoạt động này, như Uỷ Ban Bảo Vệ Quyền Làm Người Việt Nam ở Paris, Mạng Lưới Nhân Quyền Việt Nam, Uỷ Ban Bảo Vệ Quyền Lao Động Việt Nam, sau đổi thành Uỷ Ban Bảo Vệ Người Lao Động Việt Nam, v.v... Hội Nghị Warszawa 2006 cuối tháng 10 đã đánh dấu một bước mới trong việc kết hợp phong trào trong và ngoài nước.

Tóm lại, trong năm qua, Cộng đồng người Việt hải ngoại thật xứng đáng là chỗ dựa vững chắc của phong trào dân chủ trong nước.

Đoàn kết, tin tưởng, kiên cường và cảnh giác

Như vậy là phong trào đấu tranh ôn hoà, bất bạo động cho tự do dân chủ ở nước ta trong năm 2006 đã chuyển lên một cấp độ mới, có tính quần chúng, tính tổ chức, tính tích cực tiến công hơn trước, đang tạo nên một viễn cảnh đầy hứa hẹn. Tình hình đó làm cho chúng ta lạc quan và tin tưởng rất nhiều.

Phong trào dân chủ cũng đang tác động mạnh đến ĐCS, làm cho hàng ngũ Đảng ngày càng phân hoá, đảng viên bình thường càng chán nản, giới lãnh đạo càng chia rẽ, và trong tương lai có thể diễn ra những đột biến bất ngờ. Trong lúc đó, do xu hướng toàn cầu hoá không gì ngăn cản được, do sự phát triển mạnh mẽ của ngành tin học, nhóm lãnh đạo độc tài toàn trị thực hành chính sách ngu dân, bưng bít thông tin đang càng ngày bất lực không còn "quản lý thông tin" (từ ngữ của kẻ cầm quyền) được nữa. Mà một khi thông tin đã bị "tháo khoán" thì người dân càng có kiến thức rộng hơn, càng ý thức được quyền lợi của mình, càng chán ghét cái chế độ toàn trị hiện tồn, càng có quyết tâm đấu tranh cho tự do dân chủ, còn những đảng viên có lương tâm càng chóng thức tỉnh để chân thành đứng vào mặt trận nhân dân đấu tranh cho một nền dân chủ đích thực, nền dân chủ đa nguyên chống lại thiểu số độc tài toàn trị. Tình thế mới sẽ tạo thêm nhiều thuận lợi cho phong trào dân chủ.

Tuy nhiên, những người dân chủ cần chuẩn bị cho những cuộc chiến đấu mới vô cùng gian nan, vì cái nhóm thiểu số độc tài toàn trị hiện nay không dễ gì buông bỏ quyền lực và quyền lợi của chúng. Các cuộc đàn áp khủng bố sẽ khốc liệt hơn, các "độc chiêu" sẽ thâm hiểm, bỉ ổi và dã man hơn. Nhưng bài bản của chúng để đánh phá phong trào vẫn là "muôn thuở," không ra ngoài những mánh khoé "hạ đẳng," như giam hãm các chiến sĩ dân chủ trong nhà tù, bệnh viện tâm thần để huỷ hoại cơ thể và ý chí họ, tạo ra những tổ chức "cuội," luồn lọt chui vào hàng ngũ các tổ chức dân chủ để phá từ trong, xuyên tạc, vu khống, tung thư nặc danh, tung tin đồn nhảm để "làm nhiễu thông tin," hạ uy tín những người dân chủ, gieo hoang mang, gây nghi ngờ và chia rẽ hàng ngũ dân chủ... Nhưng một điều chắc chắn là tất cả những hành động đánh phá đó, dù thâm độc, man rợ đến đâu cũng không thể nào đè bẹp được phong trào dân chủ đang khởi sắc của chúng ta.

Tất cả những điều nói trên đều báo hiệu một mùa xuân mới của Dân tộc. Nhưng mùa xuân đó chỉ mới ló hiện xa xa. Nghĩa là tất cả chúng ta — những người con của Tổ quốc — phải phấn đấu nhiều hơn nữa, phải vượt qua nhiều gian truân hơn nữa làm cho mùa xuân tươi thắm đó đến sớm hơn để cứu Đất nước và Dân tộc ra khỏi ngục tù của chế độ độc tài toàn trị.

Xin mỗi chiến sĩ dân chủ trong và ngoài nước hãy tâm niệm điều này: **đoàn kết, tin tưởng, kiên cường và cảnh giác**! Đó là những yếu tố thành công, để mùa xuân Dân tộc sớm đến với mọi nhà.

Moskva 20.12.2006

1. Sau này, thấy rõ là bọn mật vụ đã gây ra sự chia rẽ vừa qua giữa một số nhà dân chủ trong nước.

2. Trong phần này, xin chỉ nói đến những chính đảng và tổ chức công khai, có địa chỉ rõ.

3. Trích từ Diễn văn trao Giải Rafto năm 2006 của Chủ tịch Hội Đồng Sáng Hội Rafto (4.11.2006).

TỔNG KẾT TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT-NAM TRONG NĂM 2006

NGUYỄN QUỐC KHẢI

Lời người viết: *Bài nghiên cứu dưới đây dựa vào cuộc phỏng vấn do phóng viên Việt Long của Đài Á Châu Tự Do (RFA) thực hiện vào ngày 28.12.2006. Dù kinh tế phát triển 7-8% mỗi năm, Việt-Nam vẫn là một trong những nước nghèo nhất thế giới. Nông dân vẫn thiếu ăn thiếu mặc. Công nhân vẫn chịu cảnh bóc lột.*

*

Năm 2006 đã chứng kiến một số biến đổi quan trọng liên hệ đến nền kinh tế Việt-Nam như việc thực thi giảm thuế trong khối ASEAN Free Trade Area (AFTA), thương thuyết với Hoa-Kỳ về Quy Chế Thương Mại Bình Thường Vĩnh Viễn (Permanent Normal Trade Relations - PNTR), chuẩn bị gia nhập Cơ Quan Mậu Dịch Thế Giới (World Trade Organization - WTO), và tổ chức Hội Nghị Phát Triển Kinh Tế Á Châu và Thái Bình Dương (Asia - Pacific Economic Cooperation - APEC).

Kinh tế Việt-Nam phát triển khả quan trong năm 2006 với mức 7.8% so với con số của Tổng Cục Thống Kê Việt-Nam là 8.2%. Ba sức đẩy chính cho nền kinh tế của Việt-Nam vẫn là tiêu thụ nội địa, xuất cảng và đầu tư. Nói chung Việt-Nam vẫn chưa có một nền kinh tế thị trường tự do vì sự kiểm soát chặt chẽ và không cần thiết của nhà nước trong hầu hết mọi lãnh vực, nhất là về ngoại thương, quyền sở hữu tài sản, và luật pháp. Đây cũng chính là hàng rào cản làm cho sự phát triển kinh tế bị chậm lại. Ở trong nước, khu vực đầu tư nước ngoài phát triển vượt mức, ngoài sự mong đợi của nhà nước. Việc cải tổ khu vực xí nghiệp quốc doanh vẫn tiến hành chậm chạp và tiếp tục là một gánh nặng cho quốc gia.

Sau khi kiểm điểm một số biến chuyển đặc biệt trong năm 2006, bài phân tách này sẽ bàn về một số lãnh vực chính là mức độ tăng trưởng, tình trạng lạm phát, đầu tư nước ngoài, ngoại thương, phong trào công nhân đình công, và những trở ngại cho sự phát triển. Phải đợi đến giữa năm 2007 là sớm nhất, chúng ta mới có những con số thống kê đầy đủ của năm 2006. Do đó bài phân tách này cũng chỉ có giá trị sơ khởi.

1. Những biến chuyển đặc biệt trong năm 2006

Trong năm 2006 có bốn biến chuyển kinh tế đặc biệt theo thứ tự thời gian như sau:

Thứ nhất là Việt-Nam giảm thuế đối với tất cả những hàng nhập cảng từ tất cả 10 thành viên của khối AFTA xuống còn 0-5% kể từ ngày 01.01.2006. Đến năm 2012, Việt-Nam sẽ hoàn toàn bỏ thuế nhập cảng như các nước khác trong khối AFTA để cải thiện tình trạng kinh tế trước sự cạnh tranh của Trung Quốc, theo như nhận định của những nhà quan sát quốc tế.

Thứ hai là Việt-Nam đã hoàn thành trách nhiệm tổ chức một hội nghị lớn nhất từ trước đến nay đó là Hội Nghị APEC vào giữa tháng 11, quy tụ nguyên thủ và đại diện của 21 quốc gia và lãnh thổ, trong đó có những nhân vật quan trọng như Tổng Thống Hoa-Kỳ George W. Bush, Tổng Thống Liên Bang Nga Vladimir Putin, Thủ Tướng Canada Stephen Harper, Chủ Tịch Trung Quốc Hồ Cẩm Đào, Thủ Tướng Nhật Shinto Abe, Thủ Tướng Nam Hàn Roh Moo-hyun, Tổng Thống Chí Lợi Michelle Bachelet, Thủ Tướng Úc John Howard, Thủ Tướng Tân Tây Lan Helen Clark, Thủ Tướng Thái Lan Surayud Chulanont, v.v.

Nhân dịp Hội Nghị APEC Tổng Thống Hoa-Kỳ đã tặng một món quà đặc biệt cho Việt-Nam là mang quốc gia này ra khỏi danh sách những nước đáng quan tâm về phương diện vi phạm tự do tôn giáo (country of particular concern — CPC). Ngoài ra tại Hội Nghị APEC, Việt-Nam đã ký kết được một số hợp đồng hợp

tác kinh doanh trị giá 2 tỉ Mỹ kim về các lãnh vực như nhiên liệu, du lịch, giải trí, khách sạn, và công nghệ tin học.

Thứ ba là Việt-Nam vào những ngày cuối cùng của Quốc Hội 109 đã được Hoa-Kỳ chấp thuận cho hưởng quy chế PNTR bằng cách thông qua hai dự luật HR 6406 ở Hạ Viện và HR 6111 tại Thượng Viện. Kết quả là kể từ nay việc buôn bán giữa Hoa-Kỳ với Việt-Nam sẽ không còn phải được cứu xét lại hàng năm như trước đây chiếu theo Tu Chính Án Jackson — Vanik 1975 của luật Thương Mại Hoa-Kỳ 1974, đối với những nước không có nền kinh tế thị trường như Việt-Nam.

Thứ tư là WTO đã nhận Việt-Nam là thành viên thứ 150 của tổ chức này. Đây là một diễn biến quan trọng nhất đòi hỏi Việt-Nam thực hiện những cải tố kinh tế sâu rộng về nhiều lãnh vực kể cả nông nghiệp, dịch vụ, công nghệ, luật pháp, môi trường, lao động, hành chánh, v.v. Quy chế hội viên WTO vừa tạo cơ hội phát triển kinh tế và đưa ra những thử thách lớn lao cho Việt-Nam. Quy chế này bắt đầu có hiệu quả vào ngày 11 tháng 01.2007.

2. Mức kinh tế tăng trưởng cao

Việt-Nam là một nước mức độ kinh tế tăng trưởng cao nhất trong vùng Á châu chỉ đứng sau Trung Quốc. Vốn nước ngoài, đầu tư của nhà nước vào những dự án công cộng, và nhu cầu tiêu thụ nội địa tiếp tục là những yếu tố thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng. Theo dự kiến mức tăng trưởng của năm 2006 sẽ vào khoảng 7.8% so với 8.4% trong năm 2005. Mức tăng trưởng thuyên giảm một phần do cán cân thương mại thiếu hụt. Trong lãnh vực sản xuất, số lượng dầu thô giảm. Số lượng xe đạp xuất cảng đi xuống vì biện pháp chống bán phá giá của Liên Hiệp Âu châu. Số xe hơi bán ra bớt xuống vì nhu cầu của nhà nước giảm. Đầu tư của nhà nước vào những dự án công cộng bị hạn chế trong năm 2006 vì áp lực lạm phát và số nợ ngoại quốc tiếp tục tăng đều đặn trong nhiều năm qua khiến chính phủ phải thận trọng.

Theo một dự đoán của IMF, tổng sản phẩm nội địa (gross domestic product — GDP) là 60.4 tỉ Mỹ kim và số thu nhập quân bình mỗi người là 715 Mỹ kim vào năm 2006 so với hai con số tương đương của năm 2005 là 53 tỉ Mỹ kim và 636 Mỹ kim. Theo kế hoạch 5 năm (2006-2010) của nhà nước, đến năm 2010, GDP của Việt Nam tính theo thời giá sẽ tăng lên mức từ 85 tới 89 tỉ đô la và GDP tính theo đầu người là từ 950 tới 1,000 đô la. Mục tiêu này có thể đạt được nếu Việt-Nam nâng tỉ số đầu tư lên đến 38% của GDP mỗi năm trong những năm tới và phải vượt qua những trở ngại cho việc phát triển sẽ bàn trong phần cuối bài.

3. Tình trạng lạm phát không thuyên giảm

Mức lạm phát trung bình trong năm 2006 ở vào khoảng 7.6%. Mức độ này tương đối thấp hơn hai năm 2004-2005, nhưng còn khá cao so với những năm 2001-2003 và so với những nước Á châu khác. Nhu cầu nội địa tiếp tục tăng làm cho việc hạn chế lạm phát trở nên khó khăn. Ngoài ra giá cả hàng hóa trên thị trường quốc tế gia tăng. Ảnh hưởng nhiều nhất đến mức lạm phát là giá thực phẩm (9%), nhà ở, vật liệu xây cất (9.8%), chuyên chở - dịch vụ viễn thông (7.9%), hàng dệt may (6.1%) theo số liệu cho tháng 8, 2006 của Tổng Cục Thống Kê Việt-Nam. Hơn nữa nhà nước tăng lương bổng của khu vực công và mức lương tối thiểu của công nhân lên khoảng 40% bắt đầu có hiệu quả vào 1/4/2006.

Một điều đáng chú ý là giá xăng dầu tăng nhưng không ảnh hưởng nhiều đến mức lạm phát tại Việt-Nam. Một phần vì xăng dầu chỉ chiếm một tỉ lệ nhỏ (1%) so với thực phẩm (50%) trong công thức tính chỉ số tiêu thụ. Lý do thứ hai là nhà nước vừa giảm thuế nhập cảng lại vừa dùng biện pháp hành chánh để kìm giá xăng dầu. Trong khi nhà nước tăng giá chín lần từ cuối năm 2003 đến tháng 8, 2006, xăng dầu ở Việt-Nam vẫn rẻ hơn so với giá thị trường quốc tế.

Trong khi nhà nước tăng giá chín lần từ cuối năm 2003 đến tháng 8, 2006, xăng dầu ở Việt-Nam vẫn rẻ hơn so với giá thị trường quốc tế.

Từ đầu năm 2006, nhà nước Việt-Nam dự trù giảm hay bãi bỏ bao cấp giá đối với một số sản phẩm như xăng dầu và than. Tuy nhiên nhà nước không chủ trương thả nổi hoàn toàn giá cả mà vẫn kiểm soát giá đối với những sản phẩm quan trọng cho nền kinh tế như gạo, đường và thép. Chính sách này ngày càng khó áp dụng vì sau khi hội nhập với thị trường quốc tế, Việt-Nam giảm thuế nhập cảng và phải đối phó với ngân sách thiếu hụt có thể xảy ra. Để ngăn chặn lạm phát, Ngân Hàng Nhà Nước Việt-Nam kể từ tháng 6/2006 đã giảm tỉ lệ gia tăng tín dụng xuống còn 21% và gia tăng dự trữ ngoại tệ từ 9.8 vào năm 2005 lên lên 11.2

Vietnam: Real per-Capita GDP Growth and CPI Inflation, 1985-2005
(3-year moving average, in percent)

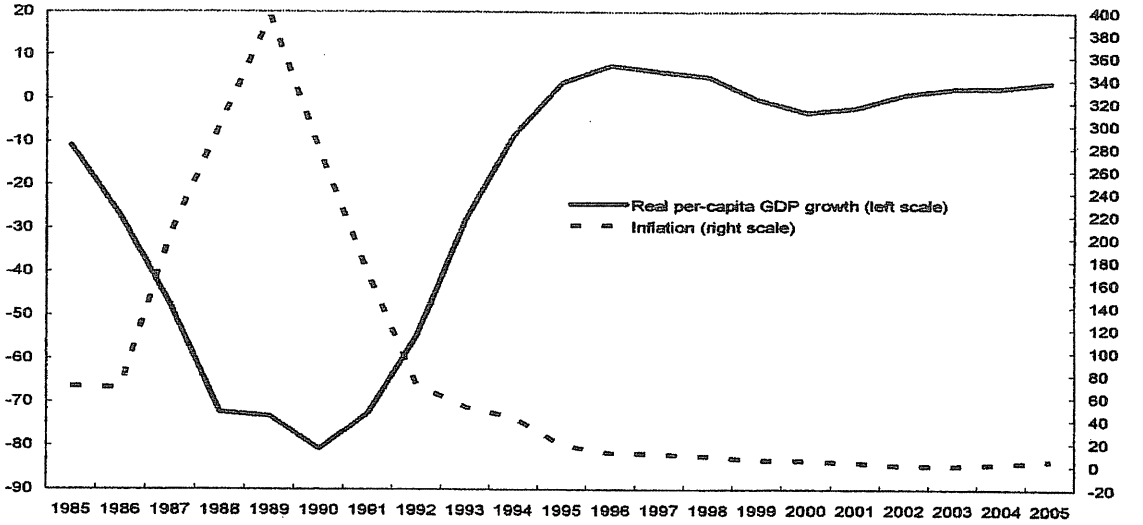

Sources: General Statistics Office; and Fund staff estimates.

tuần lễ trị giá hàng nhập cảng.

Lạm phát cao là một trong những rủi ro cho sự phát triển kinh tế. Lạm phát gia tăng sẽ kéo theo lãi xuất và và chi phí sản xuất. Hậu quả là sự gia tăng đầu tư sẽ bớt vì tiền lời cao và giảm bới khả năng cạnh tranh của hàng xuất cảng. Giới nghèo với đồng lương cố định sẽ chịu nhiều thiệt thòi hơn cả. Nhiều cuộc nghiên cứu đã chứng minh rằng lạm phát ở mức độ thấp không có ảnh hưởng hoặc còn kinh tế phát triển. Trái lại, khi lên cao tới một mức nào đó (trên 1/3 mức phát triển) lạm phát sẽ gây ra ảnh hưởng tiêu cực, nhất là đối với những nước đang phát triển. Một công trình nghiên cứu của Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế cho thấy mức phát triển của tổng sản phẩm nội địa trung bình cho mỗi đầu người ở Việt-Nam liên hệ ngược với mức lạm phát đo bởi chỉ số tiêu thụ từ 1985-2005.

4. Đầu tư nước ngoài gia tăng mạnh

Tính đến ngày 20/12/2006 số vốn nước ngoài cam kết đầu tư vào Việt-Nam lên đến US$10.2 tỉ, vượt xa chỉ tiêu của năm 2006 đã được ấn định là US$6.5 tỉ, tăng 49.2% so với năm 2005 và cao hơn cả số vốn cam kết vào năm 1996 là US$8,640 tỉ trước khi có cuộc khủng hoảng tài chánh Á châu. Đây là kết quả của việc cải thiện môi trường đầu tư trong vài năm qua và việc Việt-Nam trở thành hội viên của WTO sẽ giúp tăng trưởng khả năng xuất cảng, mở rộng thị trường nội địa, đặc biệt về nhiều khu vực dịch vụ khác nhau.

Số vốn đã cam kết trong năm 2006 bao gồm US$7.6 tỉ dự trù đầu tư vào các dự án mới và số vốn còn lại được bỏ thêm vào những dự án hiện hữu. Nam Hàn, Nhật Bản, Hồng Kông và Hoa-Kỳ là những nước đầu tư vào Việt-Nam nhiều nhất. Tính trên căn bản trung bình cho mỗi đầu người, vốn đầu tư nước ngoài vào Việt-Nam là 373 Mỹ kim vào năm 2005, cao hơn cả Trung Quốc (243 Mỹ kim) và Ấn Độ (42 Mỹ kim) tính theo số liệu của United Nations Conference on Trade and Development (UNCTAD).

5. Ngoại thương phát triển với cán cân thương mại thiếu hụt gia tăng

Xuất cảng là một nguồn lực chính giúp cho kinh tế Việt-Nam phát triển trong những năm qua cũng như 2006. Một điểm tiến bộ là Việt-Nam ngày càng xuất cảng nhiều mặt hàng khác nhau đến nhiều thị trường khác nhau, từ Á qua Âu châu, Bắc Mỹ, Nam Mỹ, Trung Đông và Phi châu. Sự bành trướng này thực hiện trong khoảng thời gian ngắn. Trị giá xuất cảng Việt-Nam gia tăng mạnh, đặc biệt nhờ vào thị trường Mỹ mở rộng sau khi Hiệp Định Thương Mại có hiệu lực kể từ cuối năm 2001. Theo đó, thuế nhập cảng trung bình của Hoa-Kỳ giảm từ 40% xuống còn 4%. Trong năm 2001, Việt-Nam xuất cảng qua Hoa-Kỳ một số hàng trị giá 1,053.2 triệu Mỹ kim, và nhập cảng một số hàng của Hoa-Kỳ trị giá 460.4 triệu Mỹ kim. Chỉ trong 10 tháng đầu của năm 2006, Việt-Nam xuất cảng một số hàng qua Hoa-Kỳ trị giá khoảng

quốc doanh phải giữ một vai trò then chốt trong kế hoạch phát triển kinh tế quốc gia. Nhiều xí nghiệp này thua lỗ vì năng suất thấp, quản trị kém, và là nơi có nhiều cơ hội tham nhũng hơn những xí nghiệp tư nhân, nhưng lại được ưu tiên sử dụng tài nguyên quốc gia, cản trở sự phát triển của khu vực tư. Cơ quan Kiểm Toán Nhà nước báo cáo rằng mức lỗ tại một số xí nghiệp quốc doanh chồng chất lên rất cao như Công Ty Giấy Việt-Nam (12.4 triệu Mỹ kim), Công Ty Thực Phẩm Việt-Nam (11.4 triệu Mỹ kim) và Công Ty Dệt May Việt-Nam (20.5 triệu Mỹ kim).

Vào đầu thập niên 1990, Việt Nam có khoảng 6,000 xí nghiệp quốc doanh. Mỗi năm nhà nước đều đặt ra những kế hoạch để cải tổ các xí nghiệp này, nhưng không thực hiện được. Trong vài năm qua, tiến trình hội nhập kinh tế toàn cầu đã tạo áp lực rất lớn, buộc Việt-Nam phải cải tổ khu vực quốc doanh. Trên 4,500 xí nghiệp nhà nước đã được cổ phần hóa hoặc đóng cửa. Khoảng 1,500 xí nghiệp còn lại được dự trù cổ phần hoá trong 2006-07. Tuy nhiên cho đến giữa năm 2006, chỉ có 200 xí nghiệp mà phần lớn là những công ty nhỏ, được chuẩn bị cải tổ. Một số lý do gây ra sự chậm trễ này gồm có sự chống đối của ban giám đốc và công nhân, thủ tục định giá trị tích sản của các xí nghiệp phức tạp và đòi hỏi nhiều thời gian. Bằng cách này hay cách khác, Việt-Nam phải tuân thủ luật WTO cấm bao cấp công ty quốc doanh. Trước sau những công ty này phải phấn đấu như các công ty tư nhân để sống còn hoặc tự phá sản. Theo TS Lê Đăng Doanh, một cố vấn kinh tế cho Bộ Kế Hoạch và Đầu tư của Việt-Nam, nếu kế hoạch tư nhân hóa các doanh nghiệp nhà nước được thực hiện nhanh chóng và sớm sủa, Việt Nam có thể phát triển ở mức 11% như Trung Quốc, ngoài ra còn tạo nhiều việc làm và sản xuất nhiều hàng để xuất cảng.

Thứ hai là sự lãng phí. Theo GS David Dapice, Việt-Nam lãng phí hàng năm khoảng một tỉ Mỹ kim. Theo ông Việt-Nam đã đầu tư vào nền kinh tế quốc gia khoảng 5 tỉ Mỹ kim từ dầu thô, khoảng 5 tỉ Mỹ kim nữa từ kiều hối, khoảng 5 tỉ Mỹ kim từ nguồn đầu tư ngoại quốc, cộng với 2-3 tỉ Mỹ kim tiền viện trợ ODA (Official Development Assistance) để đạt được một tổng sảm phẩn nội địa (Gross Domestic Product — GDP) trị giá 55 tỉ Mỹ kim. Như vậy tỉ lệ đầu tư / GDP là khoảng 25-30% trong năm 2006. Nếu biết đầu tư khôn ngoan, tỉ lệ tăng trưởng của Việt-Nam phải là 9-10% như ở Trung Quốc chứ không phải 7-8%. Trong thời gian 1960-1970, khi Đài Loan có lợi tức trung bình bằng Việt-Nam hiện nay, Đài Loan đạt được mức tăng trưởng 11% với tỉ lệ đầu tư là 25%. Như vậy Việt-Nam lãng phí 2% GDP, tương đương với 1 tỉ Mỹ kim.

Một thí dụ của sự lãng phí là Tổng Công Ty Công Nghiệp Tầu Thủy Việt-Nam (Vinashin) trị giá 750 triệu Mỹ Kim. Trong khi đó một xưởng đóng tầu tương tự 120,000 tấn của Ấn Độ chỉ tốn 90 triệu Mỹ kim. Thí dụ thứ hai là dự án xây cất phi trường Long Thành ở tỉnh Đồng Nai trị giá 4 tỉ Mỹ kim để thu hút 40-50 triệu hành khách. Trong khi đó phi trường Changi của Tân Gia Ba hiện đại hoá, rộng tương đương với phi trường Tân Sân Nhất, có thể đón 64 triệu khách mỗi năm.

Thứ ba là tình trạng tham nhũng. Sự kiện này nổi bật trong năm 2006 vì vụ án PMU18 (Project Management Unit No. 18) liên quan đến Bộ Giao Thông, 17 cơ quan, và 40 cá nhân bao gồm một bộ trưởng và một phụ tá bộ trưởng. Riêng trong năm 2006, nhà nước đã điều tra khoảng 350 trường hợp liên quan đến tham nhũng về kinh tế làm thiệt hại công quỹ tổng cộng khoảng 456 triệu Mỹ kim, bao gồm khoảng 103 triệu Mỹ kim thiệt hại trực tiếp cho ngân sách quốc gia. Những vụ tham nhũng này phần đông xẩy ra tại những xí nghiệp quốc doanh lớn và những những dự án do công quỹ đài thọ.

Vụ tham nhũng nổi tiếng thứ hai liên quan đến hãng hàng không Vietnam Airlines. Theo đó Cơ quan điều tra đã phát hiện: (1) 11 trường hợp từ trưởng phòng đến giám đốc được bổ nhiệm dù không đủ tiêu chuẩn, thiếu sót thủ tục hồ sơ, vi phạm quy trình, nguyên tắc; (2) 16 trường hợp quỹ của Vietnam Airlines được dùng để đài thọ du học sai quy định, có con của một Bộ trưởng, con một Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, con một Phó Chủ nhiệm Ủy Ban kinh tế-Ngân sách của Quốc hội, con của Phó tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân; (3) Mua động cơ tầm ngắn cho máy bay tầm xa; và (4) Thiếu minh bạch về việc thuê máy bay Boeing 777, việc chi cho các đoàn có lãnh đạo tổng công ty đi công tác ở nước ngoài, việc đầu tư mua sắm thiết bị tin học...

Yếu tố thứ tư làm cản trở sự phát triển kinh tế là hạ tầng cơ sở yếu kém và thủ tục rườm rà

của Việt-Nam. Hệ thống đường sá của Việt-Nam còn thiếu sót. Từ miền Bắc vào miền Nam chỉ có một con đường duy nhất dài 1,025 dặm mà phần lớn chỉ có hai lên. Xe hỏa tốc hành chạy từ Saigon ra Hà-Nội dài 1,730 km phải mất 32 giờ. Việc cung cấp nước không được đều đặn, nhất là tại thủ đô Hà-Nội. Điện không đủ dùng và không khí ô nhiễm là một vấn đề nhức nhối ở khu vực thành thị. Trong khi đó vài trăm ngàn dân ở nông thôn đổ về thành thị mỗi năm. Ô. Christopher Wiesner, một thành viên của European Commission nhận xét rằng hạ tầng cơ sở còn cần phải cải thiện. Các cảng chuyển hàng là một nhức đầu trầm trọng. Phải cần nhiều rất nhiều thời gian để chuyên chở hàng hóa tới nơi nhận ở nước ngoài.

Ô. Peter Landsiedel, Tổng Giám Đốc của công ty DHL Global Forwarding Asia Pacific nói rằng luật lệ quan thuế quá rắc rối. Việt-Nam cần phải giản dị, minh bạch hoá những luật lệ này.

8. Kết luận

Kinh tế Việt-Nam phát triển khả quan nhờ những yếu tố bên ngoài thuận lợi và chính sách vĩ mô thận trọng. Trong khi đó những trở ngại bên trong đã và đang làm giảm bớt tốc độ phát triển. Một nguy cơ Việt-Nam đang phải đối phó là sự phát triển thiếu quân bình giữa các vùng và giữa hai giới giầu nghèo. Việc gia nhập WTO sẽ giúp kinh tế phát triển thêm nhưng đồng thời sẽ làm cho sự phân hoá xã hội ngày càng trầm trọng nếu Việt-Nam không sẵn sàng đáp ứng với những xáo trộn do sự hội nhập kinh tế toàn cầu tạo ra. Việc gia nhập WTO đánh dấu một giai đoạn đổi mới thực sự. Nó đòi hỏi Việt-Nam thực hiện những cải tổ kinh tế sâu rộng và khó khăn hơn những gì đã làm trong hai thập niên vừa qua. Việt-Nam cần phải chú trọng hơn về sự phát triển hạ tầng cơ sở và chất lượng của sự phát triển thay vì chỉ máy móc nhắm vào những chỉ tiêu. Với đà phát triển hiện nay, Việt-Nam vẫn không có cơ may để thoát khỏi tình trạng tụt hậu và tham nhũng so với những nước láng giềng, dù mức độ phát triển của những nước này thua kém Việt-Nam. Cải tổ chính trị, hành chánh, xã hội, và giáo dục là những biện pháp cần thiết ở giai đoạn đổi mới thực sự giúp Việt-Nam chấm dứt hai quốc nhục trên.

Chú thích:

1. Xinhua General News Service, "Vietnam's Economy Growth Nears 8.2% This Year," December 27, 2006.

2. Heritage Foundation and Wall Street Journal, "2004 Index of Economic Freedom," Washington, DC: January 9, 2004.

3. VNA, "Contracts Worth 2 Billion USD Signed at Business Forum," November 16, 2006.

4. IMF, "Vietnam: 2006 Article IV Consultation ," IMF Country Report No. 06/421, November 2006.

5. Dow Jones, "Việt Nam đề ra chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế cho giai đoạn 2006-2010 từ 7,5% tới 8% mỗi năm," September 09, 2005.

6. Tổng Cục Thống Kê Viê75t-Nam dự đoán mức lạm phát cho năm 2006 là 6.6% dựa theo chỉ số tiêu thụ. Nguồn: Xinhua General News Service, "Vietnam's Consumer Price Index Down in 2006," December 25, 2006.

7. IMF, "Vietnam: Selected Issues," Country Report No. 06/422, November 2006.

8. IMF, "Vietnam: Selected Issues," Country Report No. 06/422, November 2006.

9. Asia Pulse, "Vietnam Revises Price Policy," January 25, 2006.

10. IMF, "Vietnam: Selected Issues," Country Report No. 06/422, November 2006.

11. Toan Viet Limited Co,, "FDI Into Vietnam Far Beyond Expectation," December 20, 2006.

12. UNCTAD, "World Investment Report 2006," Geneva, Switzerland, 2006.

13. AFP, "Vietnam Says 2006 Trade Deficit Stable at 4.8 billion USD," December 26, 2006.

14 The Economist Intelligence Unit, "Country Report: Vietnam," London, October 2006.

15 Nguyễn Quốc Khải, "Chế Độ Lao Động Tại Việt-Nam: Lý Thuyết và Thực Hành," bài thuyết trình tại Hội Nghị Warszawa, Balan, 28-30/10/2006.

16 Dương Bội Ngọc, "Quỹ Hưu Trí Bổ Sung: Mô Hình Mới Xã Hội Hóa Bảo Hiểm Xã Hội," Lao Động số 343, ngày 13/12/2006.

17 Tiền Phong, "Việt-Nam Cần 197 Năm Mới Đuổi Kịp Singapore!, 15/03/2006.

18. The Economist Intelligence Unit, "Country Report: Vietnam," London, October 2006.

19 The Economist, "Good Morning At Last," August 3, 2006.

20. Tuổi Trẻ Online, "Việt-Nam Lãng Phí mỗi năm 1 tỷ USD," 17/06/2006.

21. Xinhua General News Service, "Economic Wrongdoing Cases Cost Vietnam Millions of Dollars," December 27, 2006.

22. Tuổi Trẻ Online, "Tham Nhũng Tại Vietnam Airlines," nhiều tác giả, tháng 5-6, 2006.

23. James Hookway, "Infrastructure Woes Threaten Vietnam's Surge," November 24, 2006.

24. Malcolm Foster, "Business Execs Eager To Dive Into Vietnam, But Red Tape, Infreastructure Still Problems," November 19, 2006.

Giai thoại Ngoại giao Năm 2006

TỪ TRÌ

Trong năm 2006 vừa qua hoạt động của các nhà ngoại giao xoay quanh ba vấn đề quốc tế trọng đại là cuộc chiến tranh Irak vẫn tiếp diễn, chiến tranh bộc phát tại Liban (Lebanon) và cuộc chạy đua chế tạo võ khí hạt nhân của Ba Tư (Iran) và Bắc Hàn. Cả ba vấn đề đều đe dọa nền hòa bình thế giới nên các «ông bà ngoại» lại phải một phen đôn đáo, chạy ngược chạy xuôi, vận dụng mọi tài năng khéo léo để tìm cách giải quyết. Khi hành sự các ngài này dùng mọi mưu lược và xảo thuật để bảo vệ quyền lợi chung của nước họ, của thế giới và đôi khi cũng bảo vệ luôn một thể cho quyền lợi riêng của chính cá nhân họ. Do đó trên sân khấu chính trị quốc tế người ta không ngần ngại dùng những thủ đoạn dối trá, lường gạt, ích kỷ.

*

Chiến tranh Irak. Đầu tiên chúng ta phải nói tới cuộc chiến đấu chống khủng bố của Mỹ. Từ nhiều năm nay, nhất là sau khi quân khủng bố Hồi giáo cuồng tín liều chết lao máy bay phá hủy hai cao ốc World Trade Center ở Nữu Ước ngày 11 tháng 9 năm 2001,Tổng Thống Mỹ George Bush nhất quyết ra tay mở chiến dịch diệt trừ khủng bố. Ông đem quân sang Afghanistan đánh đuổi tập đoàn Hồi giáo cuồng tín cầm quyền Taliban, thiết lập thể chế dân chủ tại nước này. Sau đó, nại cớ là chính phủ Irak chế tạo võ khí hạt nhân ông đem quân sang chiếm luôn Irak, bắt Tổng Thống Saddam Hussein của nước này ra xử trước tòa án.

Mặc dầu có quân đội hùng hậu đồn trú tại hai nước này, Mỹ trong ba năm qua vẫn giậm chân tại chỗ. Số binh sĩ Mỹ thương vong càng ngày càng nhiều, dân chúng Mỹ mỗi ngày thêm chán nản. Vào tháng 10, trong một cuộc phỏng vấn trên đài truyền hình ABC ông Bush bắt đầu so sánh cuộc chiến Irak với chiến tranh Việt Nam ngày trước.

Trong cuộc chiến tranh Irak ông Bush gặp nhiều khó khăn với các nước bạn đồng minh Âu châu như Pháp và Đức vì hai nước này chống đối việc can thiệp quân sự của Mỹ. Thù dai, ông Bush luôn tìm cách dằn mặt Tổng Thống Pháp Chirac như không mời tới nông trại riêng của ông ở tiểu bang Texas, không đón tiếp niềm nở mỗi khi gặp nhau. Biết thân phận nước nhỏ, ông Chirac «xuống nước» rất nhiều mà vẫn chưa được ông Bush tha tội.

Vào tháng 2, tờ *New York Time* tiết lộ rằng năm 2003 tuy ngoài mặt cùng với ông Chirac chống việc tham chiến của Mỹ nhưng ông Schroder, Thủ Tướng Đức, vẫn ngấm ngầm cung cấp các bản đồ chiến lược của thành phố Bagdad mà mật vụ Đức tìm được cho ông Bush để quân đội Mỹ tấn công thành phố này dễ dàng.

Trong việc điều khiển cuộc chiến tranh Irak các nhà cầm quyền Anh Mỹ đã lừa dối dân chúng khá nhiều. Lúc đầu Tổng Thống Mỹ George Bush và Thủ Tướng Anh Tony Blair nói là nước của hai ông tấn công Irak vì nước này chế tạo vũ khí hạt nhân. Nhưng cả năm sau các chuyên gia Mỹ cũng như quốc tế tìm mãi không thấy vết tích nào của loại võ khí này thì cả hai ông đều «cười trừ» mà tuyên bố là các ông «tưởng dậy mà không dậy.»

Trong việc đối xử với các tù nhân Ả Rập bị tình nghi là khủng bố và bị bắt giam không xét xử ở Guantanamo cũng vậy. Vào tháng 11-2005, tờ báo *Washington Post* tiết lộ rằng cơ quan mật vụ Mỹ CIA «xuất khẩu» các tù nhân này tới các nước thân hữu của Mỹ như Afghanistan, Ai Cập, Jordanie, Maroc, Bal an, Lỗ Mã Ni, Hung Gia Lợi, Cộng Hòa Tchèque để «mượn tay» các nước này tra tấn khai thác hộ. Bị nhà báo săn hỏi, ông Bush chối bay chối biến. Nhưng đến tháng 9-2006 thì ông đành phải thú nhận là sự việc này có thật nhưng hứa là từ nay sẽ đối xử nhân đạo với các tù nhân theo các điều khoản của

Công ước Genève về cách đối xử với tù nhân chiến tranh.

Các máy bay của CIA chở tù nhân sang các nước nói trên thường ghé ở các phi trường Pháp và Đức. Nhưng đồng lõa với Mỹ, các nhà đương cuộc của hai nước này «nín khe,» không có phản ứng gì.

Cuộc chiến tranh Irak cũng làm cho ông Tony Blair nhức đầu. Đa số dân Anh chống việc Anh tham chiến ở Irak và chỉ trích ông Blair đi theo đuôi ông Bush đến độ họ mệnh danh ông là «con chó kiểng (caniche) của ông Bush.» Vào tháng

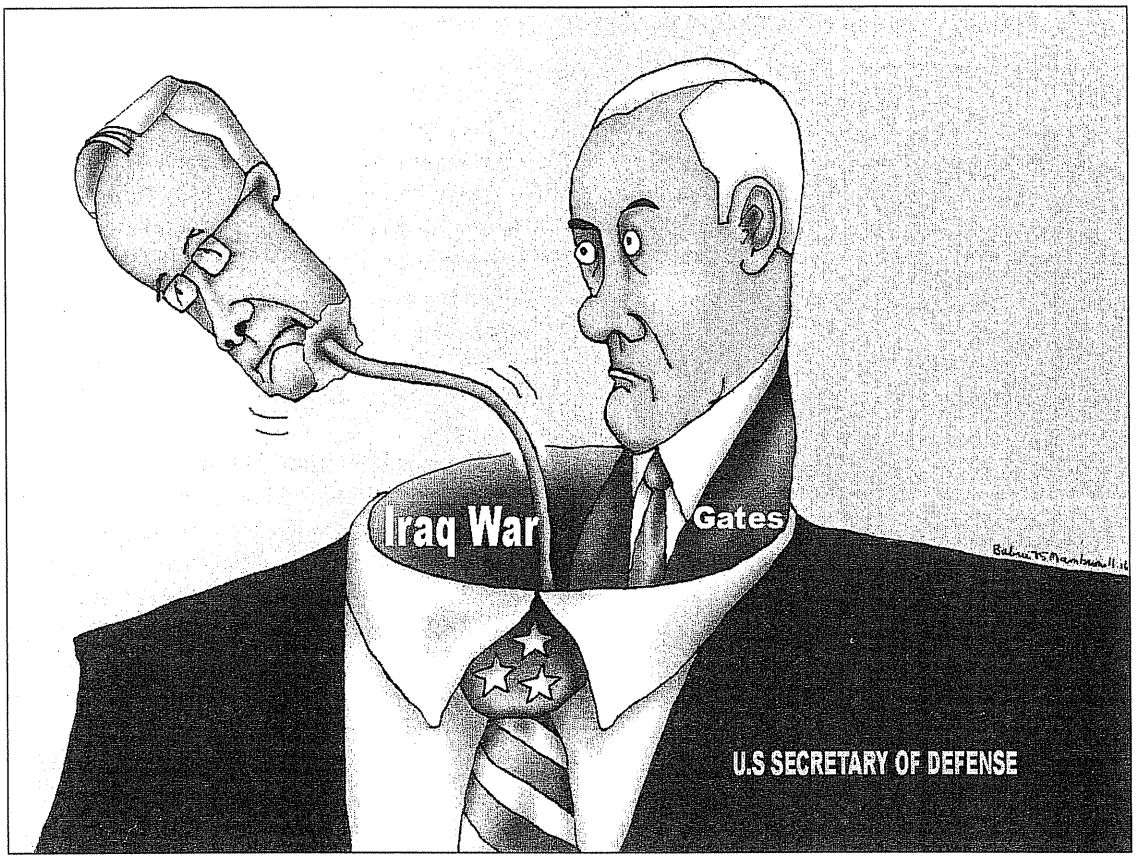

10, chính tướng Richard Dannatt, Tổng tư lệnh quân đội Anh, lại lên tiếng tuyên bố rằng tham chiến ở Irak làm nguy hại tới an ninh của Anh. Hoảng hốt, ông Blair phải vời tướng Dannatt vào Phủ Thủ Tướng để yêu cầu ông này cải chính. Ông Dannatt bèn tuyên bố nước đôi là: «*Cả Thủ Tướng Blair và tôi đều muốn rút quân nhưng chỉ rút khi nào hoàn tất nhiệm vụ ở Irak.*»

Chính tìnhTrung Đông. Vấn đề nhức nhối thứ hai là chính tình tại vùng Trung Đông. Từ năm 1948, khi người Do Thái chiếm đất Palestine để thành lập Quốc Gia Do Thái tới nay, Do Thái và các nước Ả rập lân cận vẫn luôn luôn hầm hè với nhau. Người dân Palestine vẫn theo đuổi mộng lấy lại đất mà người Do Thái chiếm giữ. Tháng 11-2005, đảng Hamas của Palestine chiếm được đa số tại nghị viện Palestine và lập chính phủ. Vì Hamas không thừa nhận Do Thái nên Mỹ quyết định ngưng viện trợ cho Palestine. Nhưng ông Bush vẫn ngầm gửi ông Steve Cohen, một nhà ngoại giao Mỹ, gốc Do Thái, tới mật đàm với Hamas để nhờ đảng này tiếp tay với Mỹ diệt nhóm khủng bố Al Qaida.

Vào tháng 7-2006, đảng Hezbollah, một đảng Hồi giáo quá khích ở Liban, được Iran và Syrie yểm trợ, bắt lính Do Thái làm con tin và bắn hỏa tiễn sang lãnh thổ Do Thái. Quân đội Do Thái tràn sang Liban lùng bắt các lãnh tụ Hezbollah. Chiến tranh giữa Liban và Do Thái bùng nổ. Pháp từ xưa vẫn che trở cho Liban nên ông Chirac, Tổng Thống Pháp, chạy đôn chạy đáo can thiệp với các đại cường để hai bên ngừng bắn. Nhưng cả hai ông Bush vàBlair đều làm lơ, cố tình để cho Do Thái tiếp tục càn quét ở Liban vì hai ông muốn mượn tay Do Thái để gián tiếp hạ Iran và Syrie. Ông Chirac hứa là sẽ gửi 2000 lính Pháp sang tăng cường lực lượng quốc tế (FINUL) để «đứng giữa chữa đôi bên.» Sau cả tháng thương

thảo ông Chirac mới được toại nguyện. Bằng quyết nghị số1701 Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc (HĐBA LHQ) đồng thanh ra lệnh cho Do Thái và Hezbollah phải ngưng chiến và cử lực lượng quốc tế đến đồn trú tại vùng trái độn giữa hai nước Liban và Do Thái.

Khi phải gửi quân đóng góp vào lực lượng quốc tế thì ông Chirac lại «rụt vòi» vì ông nhớ ra rằng năm 1983 ở Liban quân khủng bố Syrie đã đánh bom giết chết 83 lính Pháp và ám sát luôn cả Đại sứ Pháp Louis Delamare. Do đó ông chỉ cử có 200 lính sang Liban làm các giới ngoại giao không ngớt chế nhạo ông. Trong khi ấy Thủ Tướng Ý Romano Prodi lợi dụng thời cơ «nhào dô» loan báo quyết định của Ý gửi những 3000 quân và ngay lập tức một ông tướng Ý được cử thay thế ông tướng Pháp làm tư lệnh đạo quân quốc tế bắt đầu từ tháng 2-2007.

Tức khí, ông Chirac đổi ý kiến, quyết định gửi 2000 quân và nhân cơ hội này đưa theo cả một số chiến xa tối tân Leclerc và hỏa tiễn hiện đại để vừa diệu võ dương oai vừa quảng cáo bán võ khí.

Cuộc chiến tranh Liban lại có thêm một dịp để chứng tỏ thái độ ngạo mạn của Mỹ đối với các nước khác. Trong kỳ họp Hội nghị thượng đỉnh của các nước giàu mạnh nhất thế giới (G8) tại Mạc Tư Khoa, vào tháng 7, người ta thấy cảnh tượng một ông Bush chễm chệ ngồi ăn điểm tâm, miệng nhai bánh mì bỏm bẻm trước một ông Blair rụt rè đứng trước mặt. Vì máy vi âm mở nên mọi người nghe hết được cuộc đối thoại hi hữu giữa hai ông bạn đồng minh. Ông Bush chào ông Blair kiểu cao bồi Texas: «Yo Blair, how are you doing?" (Chào Blair, mạnh giỏi).

Khi ông Blair nêu vấn đề thương mại quốc tế thì ông Bush cắt ngang: "À cám ơn bồ đã cho mình cái áo len ấm quá. Bồ đi chọn lấy hay sao mà vừa quá."

Khi ông Blair đề nghị là đích thân sang Trung Đông để tìm giải pháp cho cuộc chiến tranh Liban thì ông Bush gạt đi : "Ồ cái ấy anh nói chuyện với Condi (Rice) là đủ rồi, khỏi cần nói với mình."

Khi ông Blair đề cập tới vấn đề thảo thông cáo chung của Hội nghị thì ông Bush lại gạt đi nói "Thôi thôi tui bận lắm phải đi về đây, không có thì giờ nói lèm bèm."

Đụng độ văn minh. Quan hệ giữa các người Hồi giáo và các quốc gia Tây phương trong năm qua cũng có nhiều cam go khúc mắc. Nhiều cuộc đụng độ đã xảy ra giữa hai nền văn minh Hồi giáo và Thiên chúa giáo. Vào tháng 9-2005 một tờ báo Đan Mạch đăng những bức hý họa vẽ nhà tiên tri Mohamet dưới hình ảnh của một tên khủng bố tay bom tay súng. Mấy tháng sau tờ báo Pháp *France Soir* đăng lại các bức họa này. Thế là mấy ông Hồi giáo quá khích lên cơn thịnh nộ bắt hai chính phủ Đan Mạch và Pháp phải đóng cửa hai tòa báo này. Pháp và Đan Mạch là hai nước dân chủ, tôn trọng tự do ngôn luận và tự do báo chí nên không thể thỏa mãn đòi hỏi này. Các ông Hồi giáo nổi sùng biểu tình, đốt phá các Tòa Đại sứ Pháp và Đan Mạch ở Damas và Teheran. Hoảng quá, Thủ Tướng Đan Mạch Ramussen gọi điện thoại cầu cứu ông Chirac, yêu cầu ông đến nói lót với ông Assad, Tổng Thống Syrie hộ. Ông Chirac không những không dám nói chuyện với ông Assad mà còn tuyên bố là ông hiểu tâm trạng của người Hồi giáo bất bình khi tôn giáo của họ bị xúc phạm.

Nhân danh Liên Hiệp Âu Châu (LHÂC) ông Javier Solana Đặc Trách ngoại vụ của LHÂC lớn tiếng đề nghị các quốc gia thành viên nên ban hành một đạo luật chế tài để trừng phạt các hành động "bài Ả Rập."

Để được lòng người Ả Rập hai ông Bush và Blair kêu gọi "tinh thần trách nhiệm của người Âu châu."

Vào tháng 9, trong khi người Hồi giáo chưa hả giận thì lại đến lượt Đức Giáo Hoàng Benoit XVI gây nên cơn sóng gió. Trong một bài giảng thuyết tại Viện Đại Học Ratisbone bên Đức, Ngài trích dẫn những lời của một vị Hoàng Đế Byzance vào thế kỷ thứ 14 là Manuel II Paleologue để nói là trong lý thuyết Hồi giáo có mầm bạo động. Những lời này được nói lên không đúng lúc vì Giáo Hoàng đang sửa soạn sang viếng Thổ Nhĩ Kỳ. Hơn nữa khi còn là Hồng Y Ratzinger Ngài đã lên tiếng chống đối việc Thổ gia nhập LHÂC. Dân Hồi giáo lại thêm dịp phản kháng liên miên đòi Giáo Hoàng phải xin lỗi. Tòa Thánh Vatican lại phải một phen thanh minh thanh nga. Benoit XVI không xin lỗi nhưng tuyên bố là không có ý định xúc phạm tới Hồi giáo, lúc đó người Ả Rập mới thôi làm dữ.

Nước Hồi giáo Thổ Nhĩ Kỳcũng làm cho các nhà ngoại giao nhức đầu không kém. Nước này từ nhiều năm nay muốn gia nhập LHÂC. Nhưng lịch sử Thổ có mang một vết nhơ là năm 1915 dân Thổ đã tàn sát cả triệu người thiểu số gốc Arménie. Tổng Thống Pháp Chirac ủng hộ đơn xin gia nhập LHÂC của Thổ Nhĩ Kỳ với điều kiện là Thổ công nhận là vụ tàn sát diệt chủng này có thật. Sau đó Quốc Hội Pháp lại biểu quyết

một đạo luật ấn định phạt những người nào chối cãi sự thật lịch sử này một năm tù và 450 000 euros. Ngoại trưởng Thổ kêu gọi dân chúng tẩy chay không mua hàng Pháp. Ông Chirac đành phải chết cay chết đắng điện thoại cho Thủ Tướng Thổ Erdogen để nói với ông ta rằng ông không đồng ý với đạo luật này.

Một nước Hồi giáo khác cũng làm cho các lãnh tụ thế giới lo ngại là Iran. Năm 1979 dân nước này lật đổ Quốc vương Reza Palhevi, lập một chính thể thần quyền. Từ đó Iran luôn luôn "chọc tức" Mỹ: biểu tình chống "quỉ Satan Mỹ," đốt cờ Mỹ, bắt toàn thể nhân viên Mỹ làm con tin, cung cấp võ khí tối tân cho các nước và các tổ chức chống Do Thái... Tổng Thống Iran Ahmadinejad từ hơn một năm nay lại luôn miệng nói lên ý chí "xóa Do Thái khỏi bản đồ thế giới."

Nguy cơ hạt nhân. Trong mấy năm gần đây Iran lại còn đẩy mạnh chương trình làm giàu uraium để đi tới chế tạo võ khí hạt nhân. Nguy cơ hạt nhân lại còn trầm trọng hơn nữa khi Bắc Hàn công khai ra sức chế loại vũ khí này. Ông Kim Trung Nhật (Kim Chông-In), Chủ tịch Bắc Hàn sống vương giả xa hoa với gái đẹp, xe hơi sang trọng đắt tiền, hàng ngàn bộ phim Mỹ. Trong khi dân chúng bị nạn đói đe dọa trầm trọng ông đổ của ra chế tạo hỏa tiễn, bom hạt nhân. Vào tháng 10, ông cho thí nghiệm quả bom hạt nhân đầu tiên.

Các nước Tây phương Mỹ, Anh, Pháp đòi dùng biện pháp chế tài đối với hai nước này vì không tôn trọng Hiệp ước cấm phổ biến võ khí hạt nhân. Nhưng Nga và Trung cộng, hai thành viên thường trực của Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc, không chịu vì Nga và Tàu đều cần dầu hỏa của Iran và riêng Trung quốc thì lại bênh vực một nước "cộng sản anh em" là Bắc Hàn.

Quan hệ giữa các các đại cường. Quan hệ giữa các các đại cường trong năm qua cũng không đơn giản vì những quyền lợi trái ngược nhau. Tháng 11-2005, Tổng Thống Mỹ George Bush sang viếng thăm Trung quốc. Ông chỉ được tiếp đón lạnh nhạt vì ông vừa lên tiếng ca tụng Đài Loan. Ngoài ra ông còn đề nghị Bắc Kinh mời Đức Đạt Lai Lạt Ma sang bàn chuyện về qui chế của Tây Tạng mà Trung quốc coi là thuộc quốc của mình.

Tháng 4-2006, lại đến lượt Chủ Tịch Trung Quốc Hồ Diệu Đào qua Mỹ. Ông Hồ đòi phải được đón rước long trọng theo nghi lễ dành cho quốc khách. Ông Bush không chịu. Khi ông Hồ tới Tòa Bạch Ốc thì bài diễn văn của ông luôn luôn bị các người thuộc đạo phái Falun gong (Pháp Luân Công) la ó làm át đi. Trước đó, khi bản quốc thiều của Trung cộng được cử lên thì xướng ngôn viên Mỹ lại nhầm lẫn loan báo đó là quốc thiều của "Trung Hoa Dân Quốc" tức là Đài Loan.

Bán hàng và bán võ khí. Mặc dầu có những lủng củng như vậy Trung cộng vẫn bằng lòng mua một số máy bay Boeing của Mỹ trị giá tới 4 tỷ đô la và bằng lòng giúp Mỹ can ngăn bớt tham

vọng chế võ khí hạt nhân của Bắc Hàn.

Bán hàng, nhất là bán võ khí ra bên ngoài cũng là một mối quan tâm của các nước lớn. Chỉ vì ham bán máy bay quân sự Mirage cho Ấn Độ mà ông Chirac, Tổng Thống Pháp, phải nhịn Ấn Độ như nhịn cơm sống. Cuối năm 2005, Ấn Độ nhận làm dịch vụ phá hủy chiếc hàng không mẫu hạm Clémenceau phế thải của Pháp. Nhưng khi tầu đi gần tới Ấn Độ thì nước này lại đổi ý kiến không muốn nữa vì các bộ phận của tầu có nhiều chất amiante gây bệnh ung thư. Pháp lại phải đưa tầu về, mỗi lần đi qua kênh Suez tốn kém 1 triệu Mỹ kim. Đầu năm 2006, công ty luyện thép Ấn Mittal Steel loan báo ý định mua công ty thép Arcelor của Âu châu mà Pháp làm chủ chốt khiến các kỹ nghệ gia Pháp và Âu châu công phẫn trước sự "xâm lấn kinh tế" này. Để cho chuyến đi Ấn Độ của ông được tốt đẹp, ông Chirac đành vuốt giận làm lành. Khi ông sang viếng Ấn Độ vào tháng 2, thì Ấn Độ chịu đặt mua 128 máy bay Mirage của Pháp thay vì là mua máy bay F16 của Mỹ. Ngoài ra ông Chirac còn bán được cho nước này một số máy bay ATR có khả năng phát hiện được các tầu ngầm lặn sâu dưới biển. Cùng một lúc ông lại bán tầu ngầm cho Pakistan là nước thù địch của Ấn Độ.

Không phải chỉ có Pháp mới bán võ khí để kiếm lời. Anh cũng theo đuổi mục tiêu này. Trong bản báo cáo về tình hình nhân quyền trên thế giới Tổ chức Ân xá qu ốc tế (Amnesty International) cho biết là năm quốc gia thành viên thường trực của Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc vi phạm nhân quyền nhiều nhất: Anh, Pháp vì bán võ khí, Mỹ vì đối xử dã man với các tù nhân ở Guantanamo, Trung cộng vì tàn ác với người Tây Tạng và Nga vì áp bức dân Tchetchénie (Chechnya).

Tổng Thống Nga Vladimir Poutine bị mang tiếng là vi phạm nhân quyền nhiều nhất nên khi ông được Tổng Thống Pháp Chirac gắn huy chương Đệ Nhất Đẳng Bắc Đẩu Bội Tinh chính phủ Pháp đã không dám cho nhà báo tới chụp hình và quay phim buổi lễ. Đến tháng 10, nữ ký giả Nga Anna Polikovskaia, người hay bênh vực dân Tchètchène, bị ám sát, ai cũng nghi ngờ là ông Poutine có dúng tay vào vụ này. Tổ chức Ký giả không biên giới (Reporters sans frontières) đã nộp đơn khởi tố trước Tham Chính Viện Pháp để xin tước huy chương của ông Poutine.

Vấn đề nhân quyền cũng làm cho Trung cộng lúng túng. Khi Tổng Thống Pháp Chirac tới thăm Trung quốc vào tháng 10 ông được đón tiếp nồng hậu. Nhưng khi ông và Chủ Tịch Hồ Diệu Đào họp báo chung thì lại là cuộc họp báo "một chiều": hai vị nguyên thủ được nói nhưng các ký giả hiện diện không được hỏi. Vì ông Hồ sợ các nhà báo "quay" ông về vụ lính biên phòng Tầu bắn giết các người tỵ nạn Tây Tạng ở biên giới Trung Hoa và Nepal vào tháng 9.

Trong chuyện bán võ khí Pháp cũng gặp nhiều rắc rối với các ông Tầu cả quốc lẫn cộng. Pháp trước đây ký hợp đồng bán cho Đài Loan 50 chiến hạm nhẹ (frégates) trị giá 2,5tỷ Mỹ kim. Hãng Thomson CSF phụ trách giao hàng đã bỏ ra 500 triệu US$ để đút lót các quan chức Pháp và Tầu. Nội vụ đổ bể bị đưa ra tòa. Đến khi các ông dự thẩm xét hồ sơ thì tìm thấy trong danh sách các vị đã được chấm mút trong vụ này không những có các giới chức cao cấp Đài Loan mà còn có tên của phân nửa số thành viên của Bộ Chính Trị đảng Cộng sản Trung quốc. Thì ra vì vậy mà Trung cộng không mấy cản trở việc bán súng cho Đài Loan.

Các nhà ngoại giao có sứ mạng bảo vệ quyền lợi cho quốc gia của họ ở bên ngoài. Nhưng trong khi thi hành nhiệm vụ nhiều ông cũng không quên phục vụ quyền lợi cá nhân. Ngoại Trưởng Nam Hàn Ban Ki-moon trong năm qua đã mưu đồ khéo léo để được bầu làm Tổng Thư Ký Liên Hiệp Quốc. Ông đi thăm trên 40 quốc gia để ngọt ngào kiếm phiếu. Ông sang Phi châu phân phát 100 triệu US$ là tiền viện trợ của nước ông để "xóa đói giảm nghèo" tại vùng này. Biết rằng người Pháp rất chú trọng tới việc dùng tiếng Pháp tại các tổ chức quốc tế, ông bèn mướn một cô đầm Pháp về dạy ông học tiếng Pháp. Đến tháng 9 vừa qua, ông tung ra một chưởng rất ngoạn mục là tại Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc, trước mặt ông Chirac, ông loan báo bằng tiếng Pháp là Nam Hàn ủng hộ đề nghị của ông Chirac đánh thuế vé máy bay để tài trợ chương trình chống bệnh dịch.

Tổng Thống Hugo Chavez xứ Venezuela cũng không kém "ma giáo." Trong năm 2006, ông nhắm hai mục tiêu: được bầu làm Tổng Thống trọn đời và được bầu vào Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc. Để có thêm uy tín hầu đạt được hai mục tiêu này ông đi chu du khắp thế giới, Biélorussie (Belarus), Qatar, Việt Nam, Cuba, Trung quốc... Đi đến đâu ông cũng khen là họ có tinh thần dân chủ (!) và hứa bán dầu hỏa giá rẻ. Riêng có Mỹ thì ông đả kích kịch liệt. Vào tháng 9, nhân dịp tới Nữu Ước tham dự Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc, ông đi khắp trong

thành phố phỉ báng ông Bush mà ông gọi là "con quỉ nghiện rượu," là nhờ làm con ông cháu cha mà làm nên sự nghiệp, là "cao bồi du đãng." Để chọc quê ông Bush ông Chavez không ngần ngại giả làm điệu bộ cao bồi, tay cầm súng, miệng kêu pằng... pằng ..., vặn người ẹo qua ẹo lại.

Đến tháng 10, khi Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc nhóm họp để bầu các thành viên không thường trực của Hội Đồng Bảo An thì, vì áp lực của Mỹ, nên sau 35 vòng bỏ phiếu Venezuela không có đủ đa số để được trúng cử trong khi các nước khác như Nam Dương, Nam Phi, Ý và Bỉ đắc cử ngay trong vòng đầu.

Trong tháng 9, ông Bush còn bị một ông bạn đồng minh từ trước ngoan ngoãn là Tổng Thống Musharraff xứ Pakistan tố cáo là bắt nạt kẻ yếu hơn mình. Theo ông thì Mỹ đã ép ông phải hợp tác để tiễu trừ bọn Taliban ẩn núp ở biên giới Afghanitan-Pakistan khi Thứ Trưởng Ngoại giao Mỹ Armitage đe ông là nếu không hợp tác thì Mỹ sẽ oanh tạc đến nỗi nước ông trở về "thời đại đồ đá."

Cải chính không ai tin, ông Bush đành mời ông Musharraff sang Hoa Thịnh Đốn để vỗ về và nhân dịp này mời luôn cả ông Tổng Thống Afghanistan "hàng xóm" là ông Karsai sang chơi.

Nhưng hai ông khách của ông Bush lại bất hòa với nhau. Ông Karsai trách ông Musharraff là không tích cực diệt Taliban. Trong bữa tiệc khoản đãi hai vị quốc khách này, mặc cho ông Bush ra công hòa giải hai vị Tổng Thống láng giềng vẫn từ chối không chịu bắt tay nhau.

Cũng may cho ông Bush là không phải ai sang Mỹ cũng gây phiền toái cho ông. Ông Nicolas Sarkozy, Quốc vụ khanh, Tổng trưởng Nội vụ Pháp muốn có thêm uy tín để ra ứng cử Tổng Thống năm 2007, nên khi sang Mỹ, vào tháng 9, đã năn nỉ xin được gặp Tổng Thống Mỹ dù trong giây lát. Ông được ông Bush tiếp kiến vài phút và được chụp hình đứng chung. Sau đó về Pháp, ông Sarkozy cho phổ biến rộng rãi bức hình này. Hiềm một nỗi là tuy ông Sarkozy người nhỏ con mà trong bức hình lại thấy ông cao ngang với ông Bush. Nhà báo lại được dịp đàm tiếu về vụ sửa hình này. Sau ông Blair, ông Sarkozy là người thứ hai bị gọi là "con chó caniche của ông Bush."

Vì công việc các nhà ngoại giao thường phải luôn luôn xuất ngoại. Trong 9 năm làm Tổng Thống ông Chirac đã có tới 308 chuyến đi, thăm 85 nước, sang Nga và Mỹ mỗi nước 15 lần, sang Đức 36 lần...

Mỗi lần ra nước ngoài nhà ngoại giao thường được các nước sở tại tiếp đón nồng hậu. Ngoại trưởng Pháp Douste-Blazy sang Maroc được trú ngụ tại đại khách sạn La Mamounia ở Marrakech. Đêm trừ tịch 31-12-2005, không hiểu tại sao ông cãi lộn với "cô bồ" rồi đập phá đồ đạc thiệt hại lên tới 30 000 euros. Để tránh "sì căng đan" Hoàng cung Maroc bèn xuất tiền ra bồi thường khách sạn. Khi báo chí loan tin thì cả giám đốc khách sạn lẫn Đại sứ Maroc tại Paris đều lên tiếng cải chính.

Khi sang Algérie vào tháng 4 để ký Hiệp ước thân hữu, ông Douste-Blazy không được đối xử lịch sự như vậy. Lấy cớ là Quốc hội Pháp vừa biểu quyết một đạo luật ca tụng công ơn của chính sách thực dân Pháp ngày trước ở các thuộc địa, ông Bouteflika, Tổng Thống Algérie, từ chối không ký Hiệp ước và lớn tiếng lên án chính sách "diệt chủng" của Pháp.

Sau khi bài bác nước Pháp sướng miệng, chỉ mấy ngày sau ông Bouteflika lại khơi khơi sang Paris xin chính phủ Pháp cho ông vào nằm điều trị tại nhà thương Val-de-Grâce dành cho các nhân vật cao cấp. Ông Douste-Blazy, vốn là một bác sỹ, được dịp nói móc: "Chả thấy ông Bouteflika chê y khoa của Pháp nhỉ."

Một nhà ngoại giao khác cũng không được đối xử tốt đẹp là ông Abdou Diouf, cựu Tổng Thống Sénégal, Tổng Thư Ký Tổ Chức Quốc Tế Pháp Thoại (Francophonie). Khi ông ghé Canada, vào tháng 5, ông bị nhân viên hải quan Toronto lôi vào phòng kín, bắt cởi đồ, lục soát hành lý. Khi ông xuất trình danh tánh và thông hành (hộ chiếu) ngoại giao thì ông bị cảnh sát Canada hăm là sẽ trục xuất về xứ ông.

*

Trong năm qua các nhà ngoại giao trên thế giới vẫn tích cực hoạt động như những năm trước nhưng trong nhiều hoàn cảnh khó khăn hơn. Hoạt động của họ bề ngoài có vẻ phù phiếm nhưng chính họ đã góp phần không nhỏ vào việc giải quyết các vấn đề quốc tế sôi bỏng, các cuộc tranh chấp trầm trọng. Người ta có thể nói theo kiểu Clauzewitz là "Ngoại giao là sự nối dài của chính trị bằng những phương tiện khác."

Võ Văn Trực và Cách Mạng Tháng Tám

Nói chuyện với nhà văn Võ Văn Trực

THỤY KHUÊ

Nhà văn Võ Văn Trực sinh năm 1936 tại làng Hậu Luật, tỉnh Nghệ An. Cầm bút từ những năm sáu mươi, ông viết nhiều thể loại: thơ, văn, bút ký và biên khảo. Tác giả nhiều tập thơ trong đó có Trăng phù sa, được giải thưởng Hội văn nghệ Hà Nội năm 1983; nhưng chính hai cuốn tiểu thuyết Chuyện làng ngày ấy (viết năm 1990, in ra bị tịch thu ngay, được nhà xuất bản Lao Động tái bản tại Hà Nội năm 2005, và báo Văn Học California in nhiều kỳ và xuất bản thành sách năm 2006) và cuốn *Vết sẹo và cái đầu hói*, (nhà xuất bản Văn Hoá Thông Tin, Hà Nội, in năm 2006) đã gây ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc.

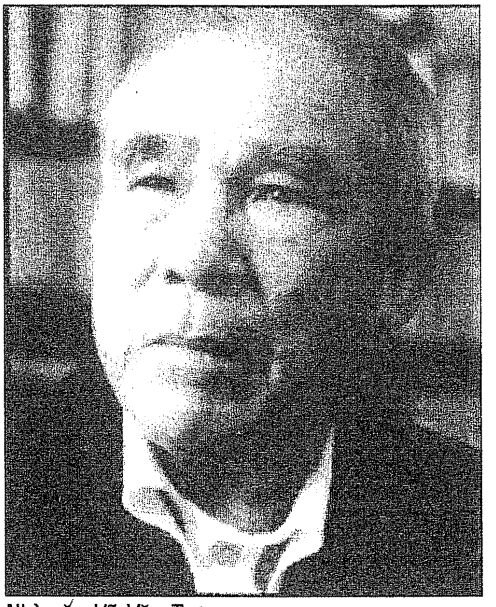

Nhà văn Võ Văn Trực

Hôm nay, nhà văn Võ Văn Trực sẽ nói chuyện với chúng ta về điều kiện xây dựng hai tác phẩm tiểu thuyết trên đây của ông.

Thụy Khuê: *Thưa anh Võ Văn Trực, lý do nào đã khiến anh viết lại những sự kiện xẩy ra sau Cách mạng tháng Tám trong cuốn* Chuyện làng ngày ấy*?*

Võ Văn Trực: Hồi Cách mạng tháng Tám, tôi mới chín tuổi. Sau Cách mạng tháng Tám - như tôi đã ghi một cách trung thực trong cuốn *Chuyện làng ngày ấy*- là sự phá phách tất cả đình chùa, miếu mạo, đền thờ, nghĩa trang, và những cây cổ thụ đã bốn, năm trăm năm cũng bị chặt hết. Nhưng đến 1952, tức là năm "đấu tranh chính trị" thì nó quyết liệt quá, có cái gì nó thôi thúc tôi, thôi thúc tôi phải viết lại những chuyện xẩy ra sau Cách mạng tháng Tám, trong khoảng 10 năm. Tâm trạng của tôi là như thế này: làng tôi cũng đẹp như nhiều làng khác, có những cây đa đã bốn, năm trăm năm; có những ngôi đình, ngôi miếu thờ những nhân vật lịch sử. Nhưng sau khi bị tàn phá thì đau đớn vô cùng. Đến nỗi mỗi khi tôi đi xa trở về đến ngã ba Diễn Châu, cách làng sáu cây số, thì tôi không dám về ban ngày nữa mà phải về đêm: đi ban ngày sợ nhìn thấy cảnh làng xóm tiêu điều đau đớn lắm, khi ấy nó thúc đẩy mãnh liệt việc tôi phải viết lại chuyện làng xóm.

T.K.: *Thưa anh, xin anh giới thiệu thêm một chút về làng Hậu Luật của anh; Hậu Luật là một làng như thế nào mà khiến anh viết nên một tác phẩm tha thiết như thế?*

V.V.T.: Làng tôi là một làng có truyền thống văn học dân gian rất lâu đời, tôi đã sưu tầm thành một cuốn về làng Hậu Luật, tập về dày độ bốn trăm trang. Khi cuốn về này in ra thì các nhà nghiên cứu văn hóa dân gian cho rằng đây là một làng rất phong phú về văn hóa dân gian. Làng tôi có một hội tuồng nổi tiếng, cứ đến mùa xuân là đi hát khắp trong huyện. Được sống trong môi trường văn hóa dân gian phong phú như thế cho nên tôi yêu thích văn chương. Hồi ấy, tôi may mắn được chính quyền cho đi học về ngân hàng ở Trung Quốc bảy năm, nhưng không hiểu thế nào tôi lại từ chối không đi, có lẽ vì tôi thích làng quá, yêu làng xóm quá. Năm 52 là năm có cái gọi là *đấu tranh chính trị*. Nhưng mãi đến năm 62, khi về làm việc ở Nhà xuất bản Thanh Niên, thì tôi mới bắt đầu có ý thức thật sự đi vào con đường văn chương và cũng xin

nói thật với chị là ngay từ hồi đó tôi đã bắt đầu nung nấu ý viết cuốn Chuyện làng ngày ấy. Quá trình nung nấu ghi chép bố cục, thậm chí trong bố cục có chỗ đã ghi thành lời văn, dài hơn thời kỳ viết thành văn bản rất nhiều. Mãi đến năm 1990 tôi mới viết. Và tôi nghĩ là phải viết vì thế hệ mai sau.

T.K.: *Thưa anh, việc đấu tranh chính trị xảy ra ở Nghệ An năm 1952, như thế là trước cả những chuyện đấu tố trong phong trào Cải cách ruộng đất, tại sao vậy, thưa anh?*

V.V.T.: Thật ra ở Việt Nam đến Cải cách ruộng đất thì mới bắt đầu có đấu tố, nhưng trong vùng của chúng tôi, năm 1952 (hồi ấy tôi 13, 14 tuổi) thì đã có danh từ -như tôi đã ghi trong *Chuyện làng ngày ấy* - là đấu tranh chính trị, chỉ ở trong tôi thôi, ngoài Bắc chưa có đâu. Ngoài Bắc còn đang đánh giặc, và gọi là vùng tạm chiếm. Hồi ấy từ Thanh Hoá, Nghệ An vào là vùng tự do lớn, tức là vùng hậu phương lớn. Có lẽ cũng là do chất người ở trong ấy, nó gay gắt với nhau quá, nó cực đoan thành ra mới xảy ra cái *đấu tranh chính trị*.

T.K.: *Thưa anh, nguyên do cuộc đấu tranh chính trị này từ đâu ra và họ đã thực hiện dưới những hình thức như thế nào?*

V.V.T.: Tôi xin nói vắn tắt như thế này: Hồi ấy có một số người đóng thuế nông nghiệp chậm. Vùng ấy là vùng tự do mà, thành ra tiền tuyến lớn dựa rất nhiều vào thuế nông nghiệp ở các vùng tự do Thanh Nghệ Tĩnh: Dân công và thuế nông nghiệp. Nhưng vì có một số người đóng thuế nông nghiệp chậm, hoặc lẩn trốn không đóng thuế nông nghiệp; rồi từ chỗ đấu tranh với những người không đóng thuế nông nghiệp mà bật ra cái gọi là đấu tranh chính trị, tức là họ cho rằng những người không đóng thuế nông nghiệp là phản động. Nó có cái tâm lý như thế này: Trong cuộc sống bình yên, hàng ngày đi dân công với nhau, thương yêu nhau, làng xóm với nhau, xum vầy cùng nhau lo việc chống Pháp, nhưng đến khi xảy ra đấu tranh chính trị, mà người ta tố ra, thì tự nhiên thù hằn nhau một cách gay gắt, rất vô lý. Tôi hồi ấy còn bé, nhưng tôi cũng thấy gờm, tôi cảm thấy vô lý quá.

Có những hình thức đấu lạ lắm, chẳng hạn như treo ngược người lên sàn nhà, rồi dân quân đứng bên này gian nhà, đá sang bên kia, bên kia đá sang bên này, như đá quả bóng. Hoặc có những tra tấn như đốt mồi lửa: đốt mồi lửa lên đầu, lên tóc người bị đấu. Trời rất rét mà họ cột những người bị đấu ra gốc cau ngoài bờ xóm, bờ làng, suốt đêm rét như thế. Làng xóm đang yêu thương nhau đến khi phát động, tự nhiên hằn thù nhau một cách vô lý.

Thực ra là người ta kích một số người lên đấu, một số người được mồi trước, gọi là được giáo huấn trước để làm mồi ra đấu, còn đa số cũng cứ thấy chờn chờn, họ không dám xông ra nhưng họ cũng không dám phản đối vì trong không khí ấy mà phản đối thì sẽ bị quy là phản động.

T.K.: *Thưa anh, anh đã thuật lại tất cả những việc đó trong cuốn Chuyện làng ngày ấy, vậy những người trong làng có phản ứng thế nào khi họ đọc cuốn sách của anh?*

V.V.T.: Hồi viết xong cuốn sách tôi có đưa về làng, ông trưởng ban tuyên huấn tỉnh ủy rất khó chịu, rất khó chịu về cuốn sách này, còn bà con làng xóm thì họ lại không có ý kiến chi cả, kể cả những người tàn ác, hay những người bị đấu, đều cầm cuốn sách đọc và họ cười. Họ chỉ nói một câu là ông Trực, ông ấy nhớ thật đấy, chứ họ cũng không khó chịu về việc tôi viết lại những chuyện ấy. Phút chốc đấu tranh nông nổi ấy đã qua rồi thì tình cảm làng xóm lại được hàn gắn lại rất nhanh. Nhà thơ Pháp thế kỷ XIX, Théophile Gautier, có nói một câu đại để như thế này: Khi chưa bị vết thương nào thì nhà thơ giữ gìn trái tim mình như một kho máu, phải chém vô đó một vết thương sâu thẳm để dòng thơ chảy ra như dòng lệ thiêng liêng. Có lẽ trường hợp tôi là thế: Khi thấy làng xóm bị tàn phá rồi, tình cảm tan vỡ rồi, thì tự nhiên mình thấy đau đớn vô cùng và do cái đau đớn ấy mà mình viết được cuốn sách. Nó thôi thúc tôi phải viết.

T.K.: *Bây giờ xin được hỏi anh về mẹ anh; bà cụ là cán bộ cốt cán đã tham dự vào các cuộc đấu tố này, vậy tâm trạng bà cụ lúc ấy như thế nào, thưa anh?*

V.V.T.: Nó nằm trong một tâm trạng chung của thế hệ ấy, và nó kéo mãi đến sau này, tức là nhìn những việc làm sai mà cứ ngộ nhận là không sai, mà vẫn cứ làm theo. Hoặc có thấy sai thì cũng cố nén lại chứ không dám chống lại, chịu âm thầm đau xót chứ không dám chống lại. Cũng như trong Cải cách ruộng đất, người ta thấy sai nhiều chứ, nhưng -như ông Hoài Thanh ông ấy ghi trong nhật ký- là đến khi thấy mình bị nghi sai rồi thì mới thấy là người khác sai, nếu không thì cứ tưởng là tất cả mọi người đều đúng cả. Bà cụ tôi không phải là cốt cán

đâu, bà là đảng viên thôi. Nhưng sau những cuộc đấu tranh thì người ta lại bồi dưỡng cho những người cốt cán. Ví dụ như Chu Văn mắt toét, không phải là đảng viên, nhưng từ đó, nghèo khổ mà người ta bồi dưỡng cho trở thành một cán bộ cốt cán trong vụ đấu tranh ấy.

T.K.: *Thưa anh, có thể nói hai cuốn Chuyện làng ngày ấy và Vết sẹo và cái đầu hói cùng là một dòng chảy mặc dù đó là hai tác phẩm hoàn toàn khác nhau?*

V.V.T.: Trong quá trình viết, từ những bài bút ký hay tùy bút đến những cuốn sách, tôi hay khai phá khía cạnh truyền thống dân tộc. Có sự tất nhiên và cũng ngẫu nhiên là hồi còn bé, tôi ở nhà, vừa là người trong cuộc, vừa là người chứng kiến cảnh làng xóm bị tàn phá, và như thế là chứng kiến cảnh tàn phá vật thể của một làng văn hóa. Đến khi tuổi cao thì mình làm tại một cơ quan văn hóa thấy nó cũng có rất nhiều sộc sệch: mình cũng lại vừa là người trong cuộc, vừa chứng kiến sự xuống cấp ghê gớm của một cơ quan văn hóa phi vật thể. Trở lại câu hỏi của chị, trong tình hình Việt Nam bây giờ, thì kinh tế có phát triển nhưng những giá trị truyền thống bị xuống cấp, trong đó đạo đức học thuật cũng xuống cấp mà nó còn nhiều hiện tượng tiêu cực, chẳng hạn như mua bán chức vụ, mua bán bằng cấp, mua bán giải thưởng. Những hiện tượng tiêu cực đó, các cơ quan thông tin đại chúng và dư luận quần chúng cũng đã nói lên rất nhiều rồi, tôi viết cuốn này chẳng qua chỉ là góp một tiếng nói bé nhỏ của mình vào luồng dư luận ấy thôi.

T.K.: *Thưa anh trong cuốn* Vết sẹo và cái đầu hói *anh mô tả Quách Quyền Lực tiêu biểu cho một thứ cấp trên, vừa ngu dốt vừa thối nát và một giai tầng dưới, rất đông, chịu mệnh lệnh cấp trên. Lớp dưới này biết hết những thối nát và thủ đoạn của cấp trên nhưng tại sao họ có thể chịu đựng được lâu như thế?*

V.V.T.: Như chị đã biết, trong một đơn vị nhỏ hay trong lịch sử một dân tộc, cụ thể như dân tộc Việt Nam, cũng đã trải qua những thời kỳ như thế: Nhiều khi chỉ có một nhân vật thôi, mà nó thao túng, đảo điên cả một triều đại, chẳng hạn như Đỗ Thích, Lê Sát; rồi triều đại Nga hoàng thì có Raspoutine cũng làm đảo điên cả thời đại, mọi người đều biết mà không ai làm được gì cả. Đấy là chuyện thường tình trong lịch sử dân tộc, cho đến một đơn vị nhỏ, đều có thể xảy ra như thế. Mọi người biết cả nhưng không làm gì được. Tức là: trong một xã hội, khi có những hiện tượng xấu, những người đứng về lẽ phải đông hơn, bao giờ cũng đông hơn. Nhưng nhiều khi bị một số rất ít, thậm chí chỉ một vài cá nhân, một vài cá nhân xấu đầy đủ thủ đoạn có thể chi phối chiều hướng đi của cả một đơn vị, của cả một dân tộc.

T.K.: *Thưa anh, độc giả trong nước tiếp nhận tác phẩm của anh như thế nào?*

V.V.T.: Trong bao nhiêu cuốn sách tôi viết thì hai cuốn sách này được bạn đọc giao lưu nhiều. Nói về cuốn gần đây nhất là cuốn *Vết sẹo và cái đầu hói*, thì trước khi in, tôi đoán là cuốn này sẽ gây một số dư luận trong giới văn chương, mà rộng ra thì trong giới trí thức thôi. Nhưng không ngờ, cuốn sách, sau khi in độ nửa tháng thì nó dấy lên sự giao lưu giữa bạn đọc và người viết, điều ấy làm tôi rất cảm động. Qua đó, tôi tạm kết luận như thế này: nhân vật Quách Quyền Lực điển hình cho một loại cán bộ dùng thủ đoạn leo lên, rất phổ biến trong xã hội. Trong số những người giao lưu với tôi -bây giờ người ta giao lưu bằng điện thoại- có một cú điện thoại rất vui, họ nói như thế này: Thưa ông, tôi là nguyên mẫu của nhân vật Quách Quyền Lực đây! Tôi nghe hơi lạ lạ, cứ vâng vâng dạ dạ: Vâng, tôi nghe đây. Tôi là nguyên mẫu của Quách Quyền Lực đây! Tôi là người bị ông ám chỉ, tôi là một trong hàng trăm hàng nghìn cái thằng Quách Quyền Lực đang tồn tại trong xã hội này. Đó là một cú điện thoại của bạn đọc. Kể chị nghe vui vậy. Chị cũng biết trong văn chương, mình thường lấy nguyên mẫu, mà nguyên mẫu thì nhất định là người ta nghĩ ra ông này, ông kia, là điều tự nhiên. Nhưng mục đích cao của tôi -như tôi đã nói ở trên- là trong tình hình học thuật bây giờ: mua bán bằng cấp, mua bán hàm học vị, mua bán giải thưởng... tràn lan, mình không chịu được, cho nên tôi bức xúc, tôi viết cuốn này; tất nhiên là mình viết để đóng góp một tiếng nói nhỏ trong xã hội, nhưng mục đích cao hơn của mình là xây dựng một tác phẩm văn học tử tế.

T.K.: *Xin cảm ơn nhà văn Võ Văn Trực.*

RFI /12/2006

Chuyện làng ngày ấy

Chuyện làng ngày ấy là cuốn tiểu thuyết hồi ký lấy bối cảnh làng Hậu Luật ở Nghệ An, trong một thời kỳ xác định: thời kỳ đón Cách mạng tháng Tám và những gì xảy ra sau Cách mạng tháng Tám. Khác với những cuốn tiểu thuyết viết về cải cách ruộng đất đã xuất hiện trong

thời kỳ đổi mới như *Những thiên đường mù* của Dương Thu Hương hay *Ác mộng* của Ngô Ngọc Bội... đây là một cuốn tự truyện, không chỉ trình bày và tố giác hiện trạng những đấu trường, mà còn đi xa hơn: viết về nguồn cội Cách mạng tháng Tám, từ những háo hức ban đầu của cậu bé 13, hồ hởi chào đón Cách mạng; bằng một giọng trầm tĩnh, nhạy cảm, không oán thán: giọng thành thực của chính tác giả.

Biểu hiệu của Cách mạng thường phải là Tân Trào, Ba Đình... Nhưng cậu Trực đã chuyển không gian Cách mạng vào một buổi sáng cờ bay ngợp trời ở làng Hậu Luật xứ Nghệ An, bởi Nghệ An mới chính là quê hương của Cách mạng. Và nhân vật lịch sử ở đây là bác Chất Kế. Ngày lịch sử là ngày Bác Chất Kế về làng. Bác Chất Kế về làng "hiểu thị" nhân dân.

Chương đầu, dòng đầu, bắt đầu bằng câu: Bác Chất Kế đã về!

Bác Chất Kế đã về!

Bác Chất Kế đã về!

Lịch sử bắt đầu bằng lịch sử Bác Chất Kế.

Và lịch sử Bắc Chát Kế có nhiều nét hao hao giống lịch sử của một người Nghệ An khác: *"Năm 1927, bác đứng ra thành lập chi bộ Thanh niên cách mạng đồng chí hội của làng tôi. Bác đi khắp bốn phương trời, vào Tây Cống, sang Xiêm La, tới Hương Cảng, sang Luăng-Prabăng, đến Nông-Pênh... Rồi bác bị đi đầy ở Lao Bảo, Ban Mê Thuột...*

Lao Bảo là nơi đâu? Ban Mê Thuột là nơi đâu? Nghe nói đó là những chốn ma thiêng nước độc, chứa đầy những quỷ sứ có sừng, rắn đỏ mào, rết mắt xanh. Bác Chất Kế bị ném vào ngục ấy và chịu đựng muôn nghìn cực hình. Bác bị xẻo thịt, bị dẫm chân lên lưỡi cầy nướng đỏ, bị tuốt cật nứa, bị ném vào ổ rắn độc... Bác vẫn không chết bởi vì bác có phép thiêng của Thần ban cho" (Trích Chuyện làng ngày ấy, Nhà xuất bản Lao Động, 2005, trang 8-9). Và cụ thân sinh ra Bác Chất Kế, cũng có một "lịch sử" tương tự như lịch sử của một ông cụ thân sinh khác: "*Cố Kế là cụ thân sinh ra bác Chất Kế, một lần đi vận động phong trào Văn Thân từ Yên Thành về, qua giếng thần, Thần hiện lên và trao cho thanh gươm, đêm ấy bà thân sinh có mang rồi đẻ ra bác Chất Kế là người của thần linh sai phái xuống để cứu nhân độ thế. Từ mười lăm mười sáu tuổi, bác đã tham gia các hoạt động của 'hội kín'."* (sđd, trang 8).

Tất cả những chữ: "*hiểu dụ, giếng thần, thanh gươm thần*," ngẫu hợp với chuyện Cố bà sanh quý tử... được dùng để mào đầu cho một cuộc cách mạng vô thần. Có cái gì mâu thuẫn, gần như ngang trái, oan trái, như định mệnh, như số kiếp, như ân oán, như nghiệp chướng, đến với dân làng và dân tộc này: Bởi niềm tin có truyền thống lâu đời nhất vào thần linh, thần quyền của họ, đã bị lợi dụng để thiết lập một thứ thần linh khác, cái thần mới này thay thế thần thánh cũ, áp dụng một thứ thần quyền khác, với đầy phép lạ, hứa hẹn một thực tại bánh vẽ, trong những điều kiện tối tăm và bí mật hơn cả các thần linh muôn đời chập lại. Sự khác biệt sâu xa nhất giữa thánh mới và thần cũ là thần thánh (cổ truyền) không hứa hẹn gì, họ không dám nói dối, còn thánh mới cả gan hứa hẹn chắc nịch những điều mà dân làng chỉ thấy trong mơ.

Thánh mới hiển nhiên là Bác Chất Kế: "*Bác Chất Kế là cách mạng, Bác Chất Kế về là cách mạng về, là ăn no mặc ấm, là được đến trường học hành...*" (trang 12). Bác Chất Kế trở thành thần bằng xương bằng thịt. Khung cảnh bác "hiểu dụ" quần chúng như thế này: "*Bác Chất Kế đứng chính giữa, mặc bộ đồ xoóc vải nâu mới nguyên. Bác nói những gì dài dài lắm. Nào là Đồng minh thắng rồi, trục phát xít bại trận rồi. Nào là nước Nga Xô viết vạn tuế. Nào là chủ nghiã Mã Khắc Tư vô địch... Hai tay bác giơ lên rồi hạ xuống, trông rất oai vệ. Tôi như bị thôi miên theo từng cử chỉ của bác*" (trang 13).

Dân chúng trong làng chưa bao giờ được nghe những lời lạ tai, được thấy những cử chỉ khác thường như vậy. Điều lạ nữa là họ được học vỗ tay: "*Lạ nhất là chốc chốc người ta lại vỗ tay. Từ trước đến nay, giữa hội hè đình đám người ta có vỗ tay đâu, mà chỉ reo lên. Có một người vỗ tay trước, rồi mọi người vỗ theo. Tôi ngơ ngác, không hiểu mình có được vỗ tay hay không? Tôi liếc nhìn sang thằng Bá xem hắn thế nào? Hắn ngập ngừng giơ hai bàn tay rồi vỗ. Tôi cũng làm theo hắn. Lúc nào tôi chậm chạp, hắn hích tay tôi một cái, ý bảo 'hãy vỗ tay thật to.'Bao giờ hắn cũng tỏ ra hiểu biết hơn tôi"* (trang 14). Đoạn văn ngắn này mở màn cho bi kịch của dân làng và bi kịch của dân tộc: người trong làng chưa từng nghe thấy những chữ lạ như *đồng minh, phát xít, Nga Xô viết, chủ nghĩa Mã Khắc Tư* bao giờ, họ cũng chưa từng biết vỗ tay tập thể như thế. Bác Chất Kế về, mang theo những chữ mới, những dáng điệu mới, đặc biệt nhất là một hình thức rập khuôn mới: sự "hoan hô nhất trí." Dân làng, trước đó

trong hội hè đình đám chỉ biết *reo lên*. Reo, hò, là hình thức cá nhân biểu hiện sự vui mừng: nhiều cá nhân cùng vui mừng một lúc. Reo, hò cũng là niềm vui xuất phát tự đáy lòng, anh có vui, có thích thật thì anh mới reo, hò. Không ai có thể bắt anh reo lên được, nếu anh không vui trong bụng. Ngược lại vỗ tay là một cử chỉ bề ngoài, người ta có thể bắt buộc anh vỗ tay, nhiều khi anh không thích anh cũng vẫn phải vỗ tay, hệt như Trực, nhìn thấy thằng Bá vỗ tay, Trực cũng phải vỗ, cho giống nó, cho giống mọi người.

Sự vỗ tay tập thể đồng nghĩa với sự hoan hô tập thể và đi đôi với danh từ *nhất trí*, (nhập của Tàu, không có trong tiếng Việt trước); bởi lẽ hiển nhiên là mỗi người có một trí óc, một ý kiến; chúng ta chỉ có thể đồng ý với nhau ở điểm này, không đồng ý với nhau ở điểm kia, nhưng *con người không bao giờ có sự nhất trí*, vì trí óc mỗi người là một, độc nhất, không ai giống ai. Việc học vỗ tay tập thể dẫn đến tình trạng "nhất trí". Một xã hội "nhất trí" dùng chữ nhất trí, tức là con người trong xã hội đó đã mất hẳn trí óc cá nhân, chấp nhận sự hoan hô vô điều kiện trước bất cứ vấn đề gì do vị thánh mới đặt ra. Và đó là điều kinh hoàng nhất mà Bác Chắt Kế đem về cho dân tộc.

Bác Chắt Kế - với dáng điệu lạ lùng, chân tay dơ lên rồi hạ xuống, và cái vỗ tay mới lạ, đối với cậu bé 13 tuổi là Trực, cũng như đối với dân làng - biểu hiệu sự đổi đời. Chưa hết, Trực kể tiếp: "*Tôi ngước nhìn lên núi Hai Vai. Kìa đỉnh núi cũng tung bay cờ đỏ. Cách mạng tài thật! Ai đã trèo lên tận chót vót núi để cắm cờ? Ôi, ngọn núi ông Đùng, ngọn núi thần thoại, ngọn núi mang đầy khát vọng tuổi thơ, đã rực hồng cánh đại bàng, chở tâm hồn tôi bay lên thiên đường của thế giới đại đồng*" (trang 15). Như thế, Cách mạng đến với cậu bé và dân làng bằng những dấu hiệu thần tiên, bí mật, nửa người, nửa thánh. Đã có sự *thánh hoá* và *nhất trí hoá* ngay từ buổi đầu: nhân dân được giáo huấn vỗ tay, chấp nhận những điều chưa biết, chưa hiểu, mà không cần tìm hiểu, bởi tất cả những gì thuộc về Cách mạng đều bí mật, đều thuộc thế giới đại đồng của thần linh.

Tất cả xuất phát từ dấu hiệu vỗ tay ban đầu: chúng ta không biết vỗ tay, không biết hoan hô, người ta dậy vỗ tay tập thể, hoan hô tập thể. Chúng ta không biết Nga Xô viết, chủ nghĩa Mã Khắc Tư là gì, người ta bảo cứ học thuộc lòng cho quen mặt chữ, và đó là bi kịch của lịch sử dân tộc. Tất cả những diễn biến xảy ra sau đó chỉ là một trình tự, một quy luật tự nhiên của sự chấp thuận không suy nghĩ, của sự nhắm mắt đưa chân, của sự cả tin kéo dài trong đời người, của sự loại bỏ trí óc cá nhân ra ngoài, chỉ còn lại *một người, một đảng*, một kẻ, là trí óc cho tất cả: hệ quả của *sự nhất trí*.

Võ Văn Trực viết về bi kịch ấy như một thứ ký ức, không oán hận, không tố cáo. Nhà văn lần mở lại những trang tuổi trẻ của cậu bé 13 trải qua cái Tết Độc Lập đầu tiên, ngày 2/9/46, bằng một giọng ngậm ngùi: "*Thêm được ngày hội Tết độc lập, nhiều ngày hội cổ truyền khác bị phế bỏ: rằm tháng giêng, thanh minh, tết Đoan ngọ, rằm tháng bẩy... Người ta cho đó là cổ hủ, là mê tín dị đoan (....) Thế là cả làng làm cách mạng triệt để, thay cũ đổi mới hoàn toàn. Gặp nhau ngoài đường, giơ nắm tay phải lên ngang tai 'chào đồng chí.' Nhất là trong các cuộc hội nghị, mẹ gọi con bằng 'đồng chí,' con gọi bố bằng 'đồng chí,' anh gọi em bằng 'đồng chí'...* (trang 28)

"Sau tết Độc lập đầu tiên, đến tết Nguyên Đán, không thấy ông tôi cuộn hương trầm công phu như trước, chỉ mua hương ở chợ. Chiều 29 tết, ông mở hòm gỗ trắc, lau bụi đôi hạc đồng, xếp lại câu đối, rồi khoá hòm. Tôi ngỡ ngàng hỏi: 'Sao ông không đem ra cúng tết?' Ông trả lời giọng ngậm ngùi: 'Bây giờ là cách mạng, khác rồi cháu ạ...' Vĩnh viễn các đồ tế khí linh thiêng ấy nằm trong hòm khoá kín như tấm lòng ông tôi khoá lại niềm tôn kính thờ phụng tiền nhân" (trang 33). Chính cái ngậm ngùi thầm lặng ấy đã tạo nên giá trị nội tại của tác phẩm.

Lần từng trang từng trang, diễn biến cứ tuần tự tiếp nối, con người đã bị gột mất trí óc trở thành đàn cừu ngoan ngoãn thực hiện những gì Bác bảo, không kháng cự, không đòi hỏi, không chống lại, không tự vấn mình: Tết nguyên đán và nhiều thứ khác dần dần đi ra nghiã địa. Từ ngày có tết Độc lập, các loại bánh cổ truyền vắng bóng dần chỉ còn lại bánh tét và bánh chưng. Bác hướng dẫn dân làng làm bánh Độc lập bằng khoai lang. Vì mọi người kiêng không ăn thịt chó ngày Tết, muốn bài trừ mê tín dị đoan Bác Chắt Kế làm thịt chó ăn Tết để làm gương. Rồi Bác phế bỏ tuồng. Vắng tiếng trống tuồng, thôn xã buồn hiu. Bác gợi ý thầy đồ viết tuồng "núi Lam Sơn" ca tụng các chiến sĩ Cách mạng đánh Tây, nhưng chỉ diễn vài đêm là người xem chán. Từ đó "hội tuồng hoàn toàn tan rã." Rồi đám cưới "đời sống mới": o Thèo nêu gương

sáng không thách lễ cưới linh đình mà đòi nhà trai hai quả lựu đạn. Bác từ tỉnh về mang theo bản đồ xây dựng lại làng theo cuộc sống tập trung. Nhà chung, cơm chung, ngủ chung. Ở đâu cũng được, ăn đâu cũng được. Vĩnh biệt những cây cổ thụ, chúng biểu hiệu lòng mê tín dị đoan và địch có thể lợi dụng làm pháo đài: phải phá tất, phải chặt tất! Cây muỗm đền Bạch y thần. Cây đa Cồn Rộng nổi tiếng linh thiêng. Cây đa Đập Trùn toả bóng mát những trưa hè cho đám thợ gặt. Cây đa xóm Bấc còn gọi là cây đa phù Lê, trên năm trăm tuổi. Cây đa xóm Trung gắn liền với câu ca dao: *"Xóm Trung mà đổ cây đa / Cả làng Hậu Luật đàn bà chửa hoang."*

Đào tận gốc, trốc tận rễ xong các cây cổ thụ, làng tập trung tổ tiên. Trực kể: *"Riêng nhà tôi, cha đã sửa soạn bàn thờ từ chiều hôm trước. Để bà con láng giềng không biết, mãi đến tối mịt cha mới đem trưng tất cả các đồ tế khí khi mà trước đây chỉ ngày tết mới trưng ra: đũa sơn, bát trái hồng, đĩa cây trúc, đĩa con phượng, đôi hạc đồng ngậm hoa sen, mâm đồng... Tôi xúng xắng bên cạnh cha, cũng soạn cái này sửa cái kia để làm vừa lòng cha. Tần mần tôi hỏi: 'Đến mai là tết à, cha?' Cha lặng lẽ trả lời: 'Ông bà tổ tiên chỉ được hưởng những thứ này lần cuối cùng thôi con ạ. Sớm mai ông bà đi tập trung rồi, có về nhà mình nữa đâu'."* (trang 79)

"Sau cuộc rước tổ tiên tập trung về một nơi, tất cả các nhà thờ họ trong làng đều bị phá. Có nhà thờ biến thành địa điểm hội họp. Có nhà thờ biến thành kho phân."(trang 81) *"Tất cả thánh, thần, phật ở rải rác cá thể trong thôn xã đều phải về tập trung tại đền Hàng Khoán, dưới chân núi Hai Vai."* (trang 87)

Thần đã đi rồi. Thánh đã đi rồi. Phật đã đi rồi. Những ngôi đền, ngôi chùa, ngôi miếu như cái xác không hồn. Dân tứ chiếng tranh nhau cướp giật mang đi: người được hòn đá tảng, người được cái cửa vọng, người được viên ngói viên gạch, người được cái cột gỗ...

Ôi tan hoang đến tột cùng tan hoang sau cuộc rước các thần các thánh về thế giới đại đồng. Tại nhà thờ thánh, tượng Khổng Tử lăn long lóc như người ăn mày tha hương chết đường chết chợ, bị trẻ con ném cứt vào mặt (...)

Còn đến thờ Bạch Y thần thì sao? (...) Cây muỗm mấy trăm năm đã bị đào tận gốc trốc tận rễ. Mùi phân bắc, phân lợn, phân trâu bò xông lên hôi hám khắp cả khu đền cũ. Thượng điện biến thành kho phân. Hạ điện biến thành nơi hội họp. Cửa tam quan bị san bằng hoàn toàn, không còn lại chút dấu vết oanh liệt xa xưa. Nhà tả mạc, hữu mạc bị phá trụi và được dựng lên đó những túp nhà gianh của các gia đình nghèo khổ. (...) Chúng tôi vô tâm vô tư xông vào hậu cung bẻ gẫy đầu rồng của Ngai thờ, nghịch ngợm chặt đôi chặt ba con rùa đội hạc, hung ác cầm gươm thần đánh nhau trong những cuộc tập trận giả, tàn ác đập vỡ hòn sơn giả có gốc si bủa rễ bao bọc hàng trăm năm." (trang 94- 96)

Tập trung xong thần thánh, làng tập trung mồ mả. *"... người ta lại đùng đùng phát động thanh niên mở chiến dịch đào mồ đào mả." "Đủ mọi dạng mọi kiểu đất táng: tiểu sành, tiểu gỗ, nồi đất, chiếu... Mỗi nắm xương khô là một cuộc đời riêng, một thế giới riêng được giấu kín trong lòng đất, phức tạp và huyền bí (...) Những cuộc đời riêng là vậy, những nỗi niềm riêng là vậy! Thế mà đến sáng mai này tất cả mọi bộ hài cốt được trộn vào trong một khối cộng đồng bao bọc bởi tấm ni lông! (...) hàng chục cái sọ dừa, hàng chục cái xương tay xương chân, hàng chục bộ răng đổ ào vào một đống."* (trang 99- 100).

Nhẹ như tiếng thở dài, Võ Văn Trực đưa ta vào cõi ấy, cõi mộng du hoang tàn tiền sử: Sau khi tập trung tất cả những gì thuộc địa hạt thần linh, đến tập trung con người. Tập trung con người bằng hội họp, suốt ngày hội họp bỏ bê đồng áng, hệ quả tất yếu là không có lúa gạo, là đói khát, là thuế khả năng: vét nhẵn, sạch trơn không còn một hạt thóc. Không còn gì để đóng thuế, là phản động. Là tố cáo lẫn nhau. Là đấu tranh chính trị. Là tố khổ...

Nguyên tắc "nhất trí" khiến người dân chấp nhận một cái đảng duy nhất nghĩ hộ.

Nguyên tắc tập trung đã khiến con người trở thành vô trách nhiệm, về hùa ăn theo, gạt bỏ lương tri cá nhân để về hùa đánh tập thể trong mọi đấu trường.

Chính sự ngây thơ của người dân, cả tin vào thần linh mới đã tiêu diệt làng xóm của họ.

Đến đây, ta đã thấy rõ tính chất của cuộc Cách mạng tháng Tám khác hẳn những cuộc cách mạng khác: Cách mạng 1789 của Pháp có mục đích lật đổ đế chế độ quân chủ chuyên chế. Cách mạng Tháng mười của Nga lật đổ chế độ Sa Hoàng. Cách mạng tháng Tám không lật đổ chính quyền Bảo Đại vì nhà vua đã thoái vị. Cách mạng tháng Tám cũng không chống Nhật, vì Nhật đã đầu hàng. Mục đích chống Pháp là mục đích chung của toàn dân trong đó

có những thành phần hoàn toàn đối lập với cách mạng.

Võ Văn Trực phản ảnh tình trạng Cách mạng dỏm ấy một cách châm biếm nhẹ nhàng, nhưng đầy ý nghĩa: "*Bác Chắt Kế dẫn một đoàn thanh niên lực lưỡng cầm cờ cầm mác đi giành chính quyền ở các làng khác trong huyện Diễn Châu. Từ nhà thờ Đại Tôn, đoàn người đi rất uy nghi, chân bước dài, miệng đếm "ắc đê..ắc đê..."* (trang 15). Trước đây, Phan Khôi là người duy nhất dám nói lên thực trạng dỏm đó, điều này đã được Nguyễn Công Hoan nhắc lại trong bài buộc tội Phan Khôi: "*Cho đến năm hoà bình, 1954, chưa bao giờ hắn* (tức là Phan Khôi) *viết hoặc nói, mà dùng danh từ "Cách mạng tháng Tám." (...). Hắn nói rằng trước kia hắn dùng ba tiếng "cướp chính quyền" mà cũng ngượng mồm. Hắn nói rằng lúc đó, Pháp đổ rồi, Nhật hàng rồi, chính phủ Trần Trọng Kim tê liệt rồi, chính quyền bỏ rơi, thì ta "lượm" được, chứ "cướp" ở tay ai?* (Trích bài "*Hành động và tư tưởng phản động của Phan Khôi cho đến thời kỳ toàn quốc kháng chiến*" của Nguyễn Công Hoan, báo Văn Nghệ số 12, tháng 5, năm 1958).

Cách mạng tháng Tám xảy ra khốc liệt nhất là ở Nghệ An. Võ Văn Trực, người Nghệ An chính gốc, qua lối viết châm biếm thầm lặng, đã mô tả được mặt trái của Cách mạng: đó là một cuộc Cách mạng dỏm, lai căng, vừa Tây ắc-đê, vừa lai Xô Viết, không có mục đích rõ ràng, bị cuốn theo những điều học lóm của người khác, dẫn đến sự tàn phá văn hoá và triệt hạ con người, mà tất thảy đều vô can, như chuyện trong làng, chuyện làng. Không ai trách nhiệm.

Vết sẹo và cái đầu hói

Sau khi tốt nghiệp ban ngữ văn trường đại học tổng hợp, Võ Văn Trực làm việc tại bộ Ngoại giao trong một năm; tiếp đó, từ 1962 đến 1967, ông làm biên tập cho nhà xuất bản Thanh Niên, và từ 1977 đến 1999, làm phó Tổng biên tập báo Văn Nghệ. Hầu trọn hoạt động nghề nghiệp của Võ Văn Trực nằm trong khuôn khổ báo chí và xuất bản, chính vì thế mà ông đã nhìn rõ hậu trường hơn ai hết. Với lối viết hiện thực trào phúng, ông trình bày mặt trái của đời sống văn học tại một viện chính quy trong tác phẩm *Vết sẹo và cái đầu hói.*

Có thể nói hai tác phẩm *Chuyện làng ngày ấy* và *Vết sẹo và cái đầu hói* là một bộ đôi gắn bó hữu cơ với nhau: *Chuyện làng ngày ấy* viết về nguyên nhân Cách mạng tháng Tám, *Vết sẹo và cái đầu hói* viết về hậu quả của nền Cách mạng này, tức là sự sản sinh ra những nhân vật như Quách Quyền Lực, những tay thủ trưởng cơ hội, bất tài, lắm mưu, nhiều mẹo, leo lên thượng tầng trong mọi ngành, kể cả ngành văn hoá, bằng tham ô và thủ đoạn; và sự hình thành những cơ quan hành chính, kể cả về khoa học nhân văn, tồn tại trong guồng máy hối lộ, tham nhũng và lãng phí.

Nhân vật Bác Chắt Kế trong *Chuyện làng ngày ấy* được dựng trên từ một khuôn mẫu có thật là ông Võ Nguyên Hiến. Ông Võ Nguyên Hiến, ngay từ năm 1935, tại Đại Hội Đảng Cộng Sản Đông Dương lần thứ nhất ở Macao, đã được bầu vào Ban chấp hành Trung Ương. Từ một nhân vật có thật như thế, Võ Văn Trực đã dựng nên một mô hình lãnh tụ, mà ai cũng có thể nhận ra.

Bác Chắt Kế là một nhân vật có lương tri. Bác thành tâm muốn xây dựng cho xóm làng một đời sống mới, nhưng Bác đã sai lầm khi quét sạch tất cả vốn liếng văn hoá, đạo đức của tiền nhân để thay thế bằng mớ lý thuyết ngoại lai, học lỏm của người ngoài, đem áp dụng một cách máy móc vào cộng đồng dân tộc. Kết quả đớn đau là chính Bác cũng bị cái guồng máy mà Bác đã dựng nên sa thải. Bác Chắt Kế đuổi thánh, đánh Phật, tạo nên những nhân tố mới vô thần, lấy đấu tranh giai cấp làm kim chỉ nam, lấy chỉ điểm làm lẽ sống, rồi Bác bị những nhân tố người máy ấy lôi Bác ra đấu tố.

Sau khi Bác bị vô hiệu hoá rồi, những nhân vật mà bác đã tác thành, tiếp tục sinh xôi nẩy nở, tiếp tục chiếm hữu chính trường, thời đại *Vết sẹo và cái đầu hói* là thời đại nối tiếp *Chuyện làng ngày ấy.*

Nhân vật Quách Quyền Lực trong *Vết sẹo và cái đầu hói*, có thể đã được xây dựng trên một hay nhiều người mẫu có thật của thời này. Nhưng điều quan trọng không phải là tìm xem người mẫu đó là ai; vì tất cả mọi mẫu người rồi cũng sẽ qua đi, mất đi, nhưng nhân vật sẽ tồn tại, nếu tác phẩm có giá trị. Và tác phẩm tiểu thuyết chỉ có giá trị khi những nhân vật và bối cảnh trong tiểu thuyết biểu hiện được *thời không gian* của tiểu thuyết; trong trường hợp Vết sẹo và cái đầu hói, là thời hiện đại ở Việt Nam. Cái đời sống hàng ngày ấy, cái thời không gian ấy đã được mô tả một cách rất sống động trong tác phẩm.

Vết sẹo và cái đầu hói trình bày sự đối đầu giữa hai nhân vật chính là Quách Quyền Lực, thủ trưởng và Cù Văn Hòn, phụ tá, trong một cơ quan văn hoá vào cấp lớn nhất của nhà nước. Quách Quyền Lực và Cù Văn Hòn, cũng là đôi bạn chí thiết từ thủa nhỏ, gặp lại nhau trong công việc, nhưng ý tưởng và tư cách của họ hoàn toàn đối lập nhau. Cả hai cùng công tác trong một cơ quan văn hoá là Viện Văn Hiến: Lực, tượng trưng cho giai cấp quyền lực, là thủ trưởng, ít học, leo lên cấp lãnh đạo bằng thành tích cách mạng, thủ đoạn và gian dối. Cù Văn Hòn thuộc lớp người chuyên môn, có học, làm tất cả công việc khó khăn trong viện, và chịu quyền lãnh đạo độc tài của một tên thủ trưởng bất tài đa nghi với nhiều thủ đoạn gian ác.

Tác phẩm xây trên sự đối chất hàng ngày giữa hai người, nhưng đồng thời còn bộc lộ rõ ba giai tầng: giai tầng thứ nhất bất tài có quyền lực cai trị và giai tầng thứ nhì học thức bị trị; giai tầng thứ ba là lớp các cô thư ký, nhân viên, như Cô Chanh, Cô Đào... thuộc vào loại "nhân dân" đông hơn, họ thấy rõ những dốt nát, thủ đoạn, gian dối, của giai cấp thống trị, nhưng thấp cổ bé miệng, họ chỉ có thể an ủi Cù Văn Hòn bằng tình cảm, mà không làm gì hơn được. Qua đời sống bi hài hàng ngày của Viện Văn Hiến, tác giả bộc lộ tất cả sinh hoạt hậu trường của những cơ quan học thuật nhà nước, bao trùm nhiều lãnh vực văn học từ dịch thuật nghiên cứu, phê bình, đến sáng tác, và xuất bản.

Quách Quyền Lực gốc gác như sau: "*Kháng chiến chống Pháp bùng nổ, gia đình Lực từ ngoài Bắc tản cư vào vùng tự do. Lúc đó Lực chưa đầy mười tuổi.*

Dốc Cướp vốn là một eo núi vắng vẻ có con đường liên huyện vắt qua, bỗng trở nên tấp nập phố xá. Trong những năm đói kém, nơi đây bọn kẻ cướp thường tụ tập để cướp giật của cải người qua đường, cho nên người ta quen gọi dốc này là Dốc Cướp. Bố mẹ Lực dựng một cái quán dưới chân dốc đầu dãy phố. Mẹ bán hàng tạp hoá. Bố làm nghề gò hàn đồ đồng đồ tôn. Lúc đầu, bà con không biết tên ông, cứ gọi là "ông Gò Tôn," rồi giản lược là "ông Tôn." (*Vết sẹo và cái đầu hói*, Nhà Xuất bản Văn Hoá thông tin, Hà Nội, 2006, trang 19).

Dốc Cướp không phải vô tình có mặt ở đây: Quách Quyền Lực sinh ở Bắc, tản cư vào đất Nghệ lúc chưa mười tuổi, lớn lên và trưởng thành ở *Dốc Cướp*.

Dốc Cướp là cái lò đào tạo nên *Quyền Lực*. Quách Quyền Lực khác Cù Văn Hòn. Hòn là người Nghệ An thứ thiệt: Sự khác biệt giữa một bản sắc tự thân và một bản sắc được chế tạo từ môi trường trộm cướp. Những chi tiết về gốc gác Quách Quyền Lực và Cù Văn Hòn đều được chọn lựa và mô tả với nhiều ý nghiã như thế: "*Học xong cấp ba, Lực đi bộ đội. Hòn học một mạch lên đại học, rồi về cộng tác ở Viện Văn Hiến*" (trang 27).

Xuất thân từ gốc gác đó, từ môi trường đó, Quách Quyền Lực lên chức bằng thủ đoạn và dùng một thứ tay sai thân tín du côn, chó săn là Thanh Cấu. Cấu được mọi người đặt cho biệt danh là Cậu Trời: "*Em chỉ biết là từ khi Cậu Trời xách cái cặp da đen thì cả cái kinh thành Viện Văn Hiến này náo loạn, Cậu Trời đi đến đâu thì người dạt ra hai bên đường, cóc nhái nhảy chồm chồm...*" (Lời cô Chanh miêu tả Thanh Cấu, trang 51). Rồi Lực đổi tên tờ báo *Văn Hiến* thành *Văn hiến nghìn năm*, và đưa ra lý do sau: "*Hai tiếng 'nghìn năm' ở đây không phải đóng khung vào con số 1000, mà là hàng nghìn nghìn năm chiều dài lịch sử, bốn nghìn năm rực rỡ Vua Hùng. Văn Hiến của ta không chỉ đánh thắng hai tên đế quốc đầu sỏ Pháp, Mỹ, mà Văn hiến của ta là ba lần đánh thắng quân Nguyên, một tên đế quốc hung hãn nhất của thế kỷ, không phải một lần, mà ba lần đánh thắng quân Nguyên, ba lần đánh thắng quân Nguyên...*

Lực nói một hơi dài, không vấp váp một câu nào, không vấp một chữ nào." (trang 77).

Quách Quyền Lực là thứ lãnh đạo típ. Biết dùng tất cả những bài bản thông dụng khi đăng đàn diễn thuyết để thuyết phục cử toạ. Mặc dù người nghe đều biết đó "*là giọng điệu những lời cán bộ tuyên huấn năm bốn lăm giảng chính trị cho nông dân*" như lời Phan Chấn: nhưng *tất cả đều phải nghe*, không có cách nào nói khác, càng không thể chống lại.

Tất cả những sinh hoạt trong "cơ quan Văn hiến" này đều diễn ra như vậy: Từ nạn phong bì, tiêu biểu sự tham nhũng đã trở thành một cơ chế chính quy, một phong tục mới. Phong bì đã mất chức năng đưa thư, giao tiếp, và chuyên chở tình cảm giữa người và người, để trở thành một phương tiện chuyên chở công khai các hình thức hối lộ trá hình mà đặc biệt nhất là hình thức hội thảo phong bì.

Về cách xây dựng hội thảo và cách viết phê bình, Võ Văn Trực viết:

"Ở nước ta trong thời buổi hiện nay, đối với

người phê bình, trình độ học thuật và thẩm mỹ là thứ yếu, mà phẩm chất cao nhất phải là lập trường, tư tưởng. Muốn tỏ ra vững vàng về lập trường, tư tưởng, trong lời nói và bài viết thỉnh thoảng nên trích dẫn nghị quyết Đảng hoặc của một đồng chí lãnh đạo cao cấp. Vì thế, các văn kiện Đảng và trước tác của các nhà lãnh đạo là cẩm nang của người phê bình văn học nghệ thuật...

Không những chỉ cần đầu tư sức lực vào các cuộc hội thảo theo phương hướng ấy. Bây giờ người ta mở ra rất nhiều cuộc hội thảo. Hội thảo về di tích lịch sử, trong đó có bề dầy thi ca của di tích. Hội thảo về thủ công, trong đó có ca dao truyền thống về nghề cổ truyền. Hội thảo về một chiến thắng lịch sử, trong đó có các tác phẩm văn nghệ ca ngợi chiến thắng... Cái gì cũng là văn hoá cả, những người hoạt động văn hoá, nhất là những người làm quản lý văn hoá tha hồ mà đi dự hội thảo. Có người một ngày nhận được hai ba giấy mời đi dự hội thảo, đành phải xé thời gian đến dự cuộc này một chốc rồi lại phóng xe đến cuộc khác, mỗi cuộc ông ta phát biểu mười lăm hai mươi phút gì đó, rồi nhận phong bì (...)

Lực đã triệt để khai thác kiểu học thuật láu cá trên đây một cách hữu hiệu. Chỉ cần bổ sung một động tác không kém phần quan trọng để "Lực hoá" trăm phần trăm kiểu học thuật này. Trước khi dự hội thảo hoặc trước khi viết bài phê bình, đến gặp một ông to nào đấy để gợi chuyện, ông ta sẽ nói ý kiến về vấn đề sắp hội thảo hoặc về tác phẩm Lực sắp phê bình. Nói nôm na ra là hóng ý cấp trên. Như vậy bản tham luận của Lực, bài phê bình của Lực sẽ có sức nặng hơn rất nhiều người khác" (trang 31-32).

Tất cả những lề lối thực hiện hội thảo, và viết phê bình trên đây của Quách Quyền Lực, giới làm văn học ở Việt nam, dường như không ai là không biết. Lại Nguyên Ân gọi đó là *phê bình xu phụ*. Nhưng viết thành tiểu thuyết thì có lẽ Võ Văn Trực là người đầu tiên.

Các cuộc thi văn nghệ cũng được tác giả đề cập:

"Thơ là thể loại có nhiều người tham gia nhất. Hàng trăm câu lạc bộ thơ thì sẽ có hàng ngàn hàng vạn bài dự thi. Khối anh bỏ tiền để mua danh. In một bài thì phải nộp bao nhiêu tiền. In một chùm thì phải nộp bao nhiêu tiền. In thêm cái ảnh tác giả thì giá tiền cao hơn..." (trang 78). *"Có cộng tác viên đưa bài và đưa kèm một phong bì. Có công tác viên biếu một chai rượu tây"* (trang 79). Chúng ta càng hiểu rõ tại sao lại có sự xuống cấp trầm trọng trong việc lựa chọn in ấn và phát giải thưởng văn chương hàng năm.

Nhưng có lẽ cái ghê gớm nhất là chính Quách Quyền Lực cũng chỉ là một con nhện trong cái màng nhện âm u chăng trên toàn thể đất nước. Là nhện, Quách Quyền Lực vừa chăng màng vừa bị vướng vào dây tơ mà mình đã mắc:

"Ngay trong căn phòng ngủ và làm việc tại nhà riêng, Lực cũng cho rằng công an đã gắn máy ghi âm. Hễ đi đâu về là Lực xem trên bàn, trên giường có dấu hiệu gì khả nghi. Rồi nhìn lên trần nhà, góc nhà, bốn bức tường có gì khác lạ. Một cái mạng nhện, một vết hoen ố, một mảnh giấy rơi đều không thoát khỏi con mắt cảnh giác của Lực...

Một hôm, vừa bước vào phòng, Lực giật mình thấy con nhện to và đen trùi trũi bò trên chồng tài liệu. Chưa bao giờ trong căn phòng này xuất hiện một con nhện như thế. Lực đến gần, nó cũng không chạy. Chắc hẳn trong con nhện này có gắn một loại máy vi tính để ghi âm và ghi hình. Lực rút dép đập một phát, con nhện chạy rất nhanh xuống bàn. Lực chui xuống đập tới tấp, không may bình rượu rắn vỡ toang. Con nhện dính rượu, bị xác rắn đè lên, Lực nghiến răng cầm chiếc dép đè lên xác rắn. Rắn bẹp dí và nhện cũng bẹp dí... (trang 214).

Quách Quyền Lực đã trở thành một trường hợp bệnh não, một trường hợp thần hồn nát thần tính, tẩu hỏa nhập ma. Mục đích cao nhất của Quách Quyền Lực là làm sao giữ yên được cái ghế ngồi. Vì cái ghế ngồi đó, Lực đã bán trắng tất cả, từ đứa con trai tật nguyền duy nhất, đến đạo đức bản thân của chính mình. Nhưng Lực cũng không thoát khỏi vòng kiềm toả vô hình, Lực không thoát khỏi cái bẫy do chính mình gây ra. Cuối cùng, dù Lực vẫn sống, nhưng chính Lực đã nghiền bẹp dí mình như con rắn, con nhện.

Vết sẹo và cái đầu hói là cuốn sách trực tiếp viết về tình trạng người trí thức hiện nay: Có hai loại: Một loại trí thức giả, xuất thân Dốc Cướp như Quách Quyền Lực, nắm quyền thủ trưởng một cơ quan văn hoá lớn. Và một loại trí thức thật, là những người như Cù Văn Hòn, có khả năng chuyên môn, có lòng, nhưng nhu nhược, bị một cơ chế thối nát kiềm tỏa, không thể phát triển tài năng và học thuật của mình. Người sáng tác cũng bị ép trong những cơ chế đã bị Quyền Lực hoá như thế, và đó là lý do chính khiến cho các tác phẩm giá trị không thể phát triển được.

Paris, tháng 12/2006

Nhìn lại Một câu đối Tết

HÀ SĨ PHU

Cuộc xướng họa Câu đối Tết năm Canh thìn 2000 để lại trong tôi nhiều kỷ niệm. Tôi xuất đối rằng:

Trời đã sang CANH, đừng vị KỶ!

Lượm lặt sơ sơ mới được trên 50 câu của bè bạn khắp nơi đối lại.

Bạn bè hưởng ứng sôi nổi, một phần vì đó là năm mở đầu cho Thế kỷ 21, lòng mỗi người đều nao nao một niềm hy vọng, chờ mong một cái gì mới mẻ cho tiền đồ Dân tộc.

Cũng phải thôi, mỗi ngày mới đã là một hy vọng nhỏ, một năm mới là một hy vọng lớn hơn, thì một thế kỷ mới (tiếp theo cái thế kỷ 20 dài dằng dặc những chiến tranh, bất hạnh và thù hận trên khắp địa cầu) hẳn phải mang theo một kỳ vọng lớn lao lắm.

Nhưng nhiều người đối lại, và nhiều vế đối hay, có lẽ một phần vì vế mời đối năm ấy ngắn gọn, lời lẽ bình dị, tự nhiên, phúc hậu, không có gì quá hóc hiểm, nên nhiều người có thể tham gia, tác giả có nhã ý "*mời đối*" hơn là "*thách đối.*"

Tuy đơn giản nhưng cũng mang được cái thú đặc trưng của câu đối là Chơi chữ: Chơi chữ KỶ và chữ CANH, hai chữ trong "thập Can." Theo nghĩa gốc, nghĩa đen là năm KỶ MÃO và năm CANH THÌN, thì ai cũng hiểu là: đã sang CANH thìn rồi, đừng bịn rịn với KỶ mão nữa. KỶ là năm cũ, CANH là năm mới, thôi hãy xếp quá khứ lại để cùng nhau hướng về tương lai.

Nhưng cũng thật dễ nhận ra nghĩa bóng của hai chữ KỶ, CANH. Đêm đã sang canh rồi, sang canh là thời khắc chuyển dần về sáng. Đêm dù có dài đến mấy thì trước mặt cũng là bình minh.

Trong thiên niên kỷ tới, với kỹ thuật thông tin và sự toàn cầu hóa, cả loài người đã gắn bó với nhau làm một, việc của người này tự nhiên ảnh hưởng đến người khác, tự nhiên người khác cũng phải cùng lo. Về Dân chủ, Nhân quyền cũng vậy, không thể coi vấn đề này là nội bộ riêng của Việt Nam, không ai được can thiệp. Những ai còn vị kỷ, cứ bo bo chỉ biết mình thôi, cứ khăng khăng lẽ phải của riêng mình tức là vẫn chìm trong đêm tối của quá khứ, vế xuất đối đánh thức họ rằng: trời đã sắp sáng rồi kia!

Sang canh là quy luật của trời đất, là hiện tượng chung: Trời đã sang canh. Nhưng vị kỷ hay vị tha là việc của người, việc của xã hội. Động từ SANG CANH thì có chủ ngữ là TRỜI , nhưng động từ ĐỪNG VỊ KỶ thì "vô nhân xưng," mọi người nói, và nói với mọi người. Nhưng cũng chính vì thế mà ai ai cũng phải "động lòng."

Các nhà lãnh đạo Cộng sản tiêu biểu cho nền Chuyên chính Vô sản như cụ Hồ, như ông đại tướng Nguyễn Chí Thanh khi trước, hay ông Lê Đức Anh, ông Lê Khả Phiêu bây giờ cũng kêu gọi *chống chủ nghĩa cá nhân*. Chân lý ấy là phổ quát, là đạo lý thông thường, vậy mà cái câu đối "đừng vị kỷ" năm ấy cũng đã khiến lắm "cán bộ cách mạng" phải băn khoăn, chột dạ. Báo chí "cách mạng" đều ngại không đăng, duy có tạp chí Sông Hương thì dám đăng nhưng cũng phải dùng một thủ thuật để dấu tên tác giả Hà Sĩ Phu.

Một người Việt ở nước ngoài có thể băn khoăn: Có lẽ vế đối ám chỉ mình chăng? Mình đã được ở nơi có cuộc sống sung túc, mình có nhớ đến quê hương còn nghèo khó không? Mình được ở xã hội có tự do dân chủ thật, có quyền nghĩ và nói ý riêng của mình, thì mình đã làm gì giúp cho đồng bào của mình còn đang phải lom khom trong cái gông "an ninh tư tưởng," một khái niệm chỉ có trong tự điển của những xã hội tự nhận là dân chủ gấp triệu lần, đồng nghĩa với dân chủ giả (Nếu Dân chủ thật thì cố cho bằng người ta đã khó, còn dân chủ giả, dân chủ nước bọt thì tăng gấp mấy triệu lần mà chẳng được, tốn kém gì đâu?).

Trong nước, tình trạng phân ly giầu nghèo ngày càng khốc liệt, vế xuất đối có thể khiến người ta băn khoăn rằng tiền thuế của dân trả cho một bữa chiêu đãi nhau thừa mứa của bọn Tư bản đỏ hãnh tiến có thể nuôi sống một gia đình nghèo trong suốt một năm, tiêu xài như thế liệu có phải là VỊ KỶ không? Trong một xã hội quyền lực tập trung tuyệt đối, những người có quyền nói và làm như cha mẹ của dân, làm bừa cũng chẳng ai trị tội, liệu có giật mình nghĩ tới đám dân lành đang chịu trăm ngàn ràng buộc, đang chịu một nạn kiêu binh, chẳng có gì bảo vệ?

Người trong khối G7 (giả thử nếu có người thích câu đối) liệu có băn khoăn rằng cùng là con người sinh ra, sống cùng một thời điểm , mà

có người được hưởng văn minh tột đỉnh trong khi nhiều nơi chưa được sống kiếp đúng nghĩa con người ?

Bọn giáo chủ tà đạo , những kẻ chuyên nói VỊ THA , mua được lòng mê tín của dân, chiếm hết tài sản và cả trinh tiết của dân, phỉnh phờ "giáo lý thiên đường" giết hại bao nhiêu con người đã tự nguyện làm mồi cho chúng. Trong trường hợp này, tội lỗi VỊ KỶ thật quá kinh khủng!

Những ông tướng phưỡn ngực mề đay ngày lễ liệu có nhớ câu : Nhất tướng công thành vạn cốt khô ? Đã nói con người là "quý nhất" sao lại đem hàng loạt "cái quý nhất" đổi lấy những cái không quý bằng, thậm chí còn là bánh vẽ đối với dân, và thu về những lợi lộc rất cụ thể cho mình, liệu như thế có VỊ KỶ chăng?

Và biết đâu chẳng có một nơi sâu thẳm trong lương tâm những con người đang duy lợi say mê cũng có lúc biết khắc khoải rằng: dùng một lý tưởng mơ hồ phiêu lưu làm lá chắn, che cho cái ghế của mình, và nhân danh sự vị tha giả dối để đàn áp bất cứ ai dám đụng đến uy quyền lãnh đạo của mình, bóp chết tất cả những tài năng nào không có lợi cho cái ghế của mình, và hằng ngày cứ ra rả rằng nhất định tôi chỉ một lòng vị tha, ngoài ra không có chút tham vọng gì khác, như thế là mình đang nói thật hay nói dối đây?

Cái tấm gương "vị cha già" Su-hác-tô của Indonesia, cũng là tên tội đồ của dân sinh và dân chủ, kẻ đã hút máu và mồ hôi nhân dân để có hàng chục tỷ đô la cho gia đình, đến năm ấy đã phải gục đầu trước lịch sử, đang làm giật mình tất cả những kẻ đã, vô tình hay cố ý, nhân danh lý tưởng để thiết kế ngai vàng trên khắp thế gian này! Còn bao nhiêu vị Bố già như thế nữa? " ĐỪNG VỊ KỶ" có phải là lời đối thoại với các thế lực này chăng?

Những tay chân đắc lực cho những giáo chủ tà đạo, cho những "cha già" kiểu Su-hác-tô, cho những thần linh dương thế , liệu quý vị có vững lòng tin rằng mình đang một lòng hy sinh vì dân, hay đang cúc cung tận tụy giữ ghế cho những kẻ ngồi trên để mưu sinh cho mình? Đang VỊ THA hay đang VỊ KỶ, thưa quý vị? Sau một lần lập công với bề trên quý vị đã được thưởng cái gì? Có phải rằng khi quý vị được lệnh vu cáo những người cương trực lên tiếng nói vì dân vì nước là làm tay sai cho Mỹ thì quý vị vừa hoàn tất hồ sơ cho con đi Mỹ và khi cần thì vào quốc tịch Mỹ phải không? Quý vị cứ trả lời thầm cho lương tâm mình thôi, chúng tôi chẳng nghe trộm đâu.

Suy nghĩ những điều này trong ngày 8 tháng 3, liệu có vị nam giới nào chạnh lòng tự hỏi: cùng một kiếp người cha mẹ sinh thành, mang nặng đẻ đau như nhau, mà sao mẹ mình, vợ mình, em gái mình, cháu gái mình vất vả hơn mình nhiều thế, thiệt thòi hơn mình nhiều thế , cứ giả vờ quên để tiếp tục hưởng sự sung sướng phi lý trời cho, liệu như thế có là VỊ KỶ không đây?

TRỜI ĐÃ SANG CANH ĐỪNG VỊ KỶ! Vế mời đối giản dị, hiền lành, phúc hậu. Nhưng cuộc sống thế gian đã cho nó cả một sức nặng. Điều rất lạ là tất cả những vua chúa và lãnh tụ chuyên xây dựng sự nghiệp của mình trên xương máu của dân thì bao giờ cũng ra rả khuyên mọi người phải biết VỊ THA, phải chống chủ nghĩa Cá nhân, không được VỊ KỶ. Vậy mà chỉ cần một người cương trực nhắc lại điều đó : ĐỪNG VỊ KỶ! là họ toát mồ hôi, đôi khi còn lồng lộn lên, không chịu được?

Những suy nghĩ như thế đã bàng bạc hiện lên qua tất cả những vế đối từ những bạn bè ở Âu Á, Mỹ và châu Úc xa xôi.

*

Năm ấy, vừa ra xong vế xuất đối này thì tôi bị khởi tố tội "phản bội Tổ quốc" (vì đã viết thư tâm sự về đặc điểm của tính cách dân tộc với các ông Đỗ Mạnh Tri và Nguyễn Gia Kiểng), bị giam tại nhà bảy tháng liền để hỏi cung, không có điện thoại và Internet, 50 vế đối mà bè bạn gần xa đã đối lại mà tôi biết được là do bạn bè yêu mến sưu tầm hộ và tìm cách gửi cho.

Hầu hết các vế đối đều cảm được cái hồn của vế xuất đối là hai chữ KỶ, CANH. Trọng tâm chơi chữ cũng ở đấy, trọng tâm nghĩa đen nghĩa bóng cũng ở đấy.

Mấy chục vế đối cụ thể chắc nhiều quý vị đã có và đã đọc, mỗi kiểu có cái thú riêng, không thể thống kê hết ra đây, mà có thống kê chắc cũng không thể hết được, nhất là những vế đối từ trong nước.

Chỉ xin lấy cảm xúc riêng, kể ra mấy câu mà tôi thấy thích hơn cả . Thích vì nghệ thuật câu đối là chính. Quan điểm dù có khác nhau mà đối hay thì vẫn hay, thậm chí quan điểm ngược nhau thì đối nhau mới càng "chọi". Thích một câu đối không nhất thiết phải cùng chính kiến.

1) Đa số quý vị đối lại bằng các chữ trong thập Can : Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý. Và thập nhị Chi : Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ,Mùi Thân, Dậu, Tuất, Hợi.

Ví dụ:

* Ông Từ Mai: **Đảng chưa bỏ GIÁP, khó duy**

TÂN!

hoặc: Đảng mau bỏ GIÁP, gắng duy TÂN!

(Ý thức hệ Mác Lê hay tư tưởng HCM là áo GIÁP của Đảng; Quân đội, Công an cũng là giáp, còn nhiều áo giáp khác nữa... Đảng cứ lăm lăm những thứ ấy thì Chính trị chẳng đổi mới, mà kinh tế cũng khó đổi mới được, mọi lời hiến kế tâm huyết cũng đều bị bật ra thôi! Chui vào trong áo giáp là cố thủ trong vỏ ốc, cũng là vị kỷ! Vế đối có ý gắn bó tiếp nối với vế xuất. Chữ và nghĩa đều chỉnh.)

* Bà Mỹ Lan: **Nước còn chẳng QUÝ, ích chi TÂN?**

(Chưa quý trọng đất nước, đặt quyền lợi đất nước lên trên quyền lãnh đạo của Đảng thì đổi mới cũng chẳng ích gì ?)

* Ông Nguyễn M.Tùng: **Nước thay mấy GIÁP, vẫn cùng ĐINH!**

(Một giáp là 12 năm , từ 1975 tới nay đã hai "giáp" có dư mà nước vẫn nghèo khổ! "Giáp" còn là vỏ bọc che chắn và nghĩa khác nữa.)

* Vẫn ông Từ Mai: **Đảng ngưng chụp MÃO, chớ quen MÙI!**

(Đảng đừng quen mui thấy mùi ăn mãi, hãy ngưng ngay trò chụp mũ gán tội cho người khác đi!)

* Ông Lê Nguyên Phương: **Nước còn ngăn DẬU, phải quên THÂN!**

(Nước còn rào giậu ngăn sân thì muốn làm được điều tốt phải biết quên thân mình! Vượt giậu thì có khi bị gai chọc vào người !)

* Một vị ở CH Séc: **Đất tầm tri KỶ, mở canh TÂN!**

(Ý nói qua cuộc Canh tân này, những người tri kỷ sẽ tìm thấy nhau.)

* Bà Đỗ Thị Thuấn: **Đất còn quốc MẬU, sẽ cùng ĐINH!**

(Còn ôm lấy Mậu dịch quốc doanh, thì dân còn khốn cùng.)

2) Một vài vị có sáng kiến dùng lại hai chữ KỶ, CANH nhưng đổi chỗ để cho KỶ đối với CANH và ngược lại.

Ông Hiếu (trong nước): **Đảng còn ích KỶ, khổ tàn CANH!**

Ông Nguyễn Gia Kiểng: **Đời thay thế KỶ, phải tân CANH!**

3) Có vị lại dùng chữ nôm hoàn toàn, không nệ vào "điển tích" chữ Hán nữa. Đối lại cặp CANH -KỶ, thì dùng một cặp chữ nôm như ĐÓ-ĐÂY , RUỘT-GAN... hoặc hai chữ số.

* Ông Trần văn Lương: **Sĩ dù thắt RUỘT, vẫn bền GAN !**

(Ông Hà Sĩ Phu và kẻ sĩ nói chung dẫu gặp gian khổ, gặp chuyện đau lòng vẫn bền gan vững chí)

* Bà Phạm Thị Phong Nhã: **Thời tuy chưa CHÍN, chớ ngồi KHÔNG!**

Đây là vế đối khá đặc biệt. Mới đọc có người tưởng bà Phong Nhã không chú ý đối lại hai chữ CANH-KỶ. Nhưng không: Lấy hai con số, số 9 và số 0, trong 10 số đếm đầu tiên để đối với hai chữ của Thập Can, được lắm chứ! Ý tưởng này có phần mới mẻ. Nếu chú ý ta sẽ thấy các chữ mà những người khác thường dùng lấy trong Mười Can , Mười hai Chi, Bát quái... thì tuy là Chữ nhưng đều nằm trong một dãy Số, liên hệ tới những con số cả, thì sẽ thấy việc dùng Số để đối với Chữ cũng chẳng có gì là xa lạ! Mà hai con số này gợi nhớ đến năm 1999 có ba số 9, và năm 2000 có ba số 0 , tức là đúng cái thực tế Tết Canh thìn này. Kể cũng hơi cầu kỳ. Còn ý tứ thì khá hay: Tuy thời cơ chưa CHÍN , nhưng nếu bi quan ngồi KHÔNG thì thời cơ bao giờ đến ỷược? Thời cơ nào mà chẳng cần tích cực chuẩn bị để đón: thời cơ của hạnh phúc lứa đôi, thời cơ của công việc, chứ có phải chỉ là chuyện thời cơ chính trị đâu nhỉ?

4) Riêng trong thập nhị Chi thì một số vị gọi tên thật của con giáp thay cho tên tượng trưng : Rồng hay Long thay cho Thìn, Mèo hay Mẹo hay Mẽo thay cho Mão, Khỉ thay cho Thân, Chó thay cho Tuất...

* Cháu Phạm Huy: **Đất chừ rất "CHÓ," khó an THÂN!**

(Chữ CHÓ dùng thay cho chữ TUẤT, kể ra thì dùng chữ kiểu này cũng lộn xộn quá, hơi ép. Nhưng cũng tạm chấp nhận được. Và tuổi thanh niên mà đã thấu hiểu mặt trái của tình đời, có lòng ưu tư như vậy cũng hiếm có đấy).

5) Cũng nhiều vị lấy chữ trong bát quái: Càn, Khảm, Cấn ,Chấn, Tốn ,Ly, Khôn, Đoài. Và ngũ âm : Cung, Thương, Giốc, Chủy, Vũ.

* Điển hình là mấy vế đối của Thiền sư Phi Dã:

Vận tuy xuống GIỐC, chớ bi THƯƠNG! (chữ trong Ngũ cung)

Vẹm ăn quá TỐN, lại làm CÀN! (chữ trong Bát quái)

Vế này thì quá hay. Lấy Bát quái đối với Thập Can thì được quá đi rồi. Kẻ nào ăn TỐN của dân? Phương ngôn ta vẫn có câu: Ăn như vẹm! Nhưng từ khi có phong trào Việt minh thì hai chữ viết tắt VM cũng đọc là Vẹm. Ăn TỐN của dân thì đích là bọn tham nhũng mà thủ tướng Kiệt đã

gọi là quốc nạn. Nhưng nếu cái ĂN của kẻ tham nhũng đã tai hại thì cái sự LÀM của nó còn tai hại hơn: làm CÀN! Càn liên tưởng đến càn dỡ, cẩn càn! Trong ngôn ngữ Việt con Vẹm cũng gây hại song chưa phải là cái gì xấu lắm, nhưng con vật "cẩn Càn" thì vẫn là điển hình cho những gì "phi nhân tính" nhất trên đời! Hãy gác cái nghĩa bóng mà chắc chắn có người rất thích, có người xửng cồ, nhưng phải nhận rằng vế đối này chữ nghĩa gắn bó, câu văn tự nhiên thanh thoát, tương xứng nhất với vế xuất đối.

Tác giả Thiền sư Phi Dã còn có một vế đối nữa mà nhà sư nói là để chia sẻ riêng với Hà Sĩ Phu:

Miệng vừa mở TÝ, họa vào THÂN!

(Mới lên tiếng một tý, chỉ là tiếng nói của người nghiên cứu lý luận, mà họa đã giáng xuống tấm thân của người trí thức không có gì để tự vệ!). Vế này cũng hay lắm, tuy về chữ nghĩa chưa được chỉnh bằng vế đối bên trên.

* Ông Sean Tang: **Đất bằng nổi CHẤN, phải sinh LY!**

(Động đất, bão lụt miền Trung gây cảnh tử biệt sinh ly. Chấn, Ly là hai quẻ trong bát quái)

* Ông Lê Nguyên Phương còn có câu: **Nước còn gặp KHỐN, phải gian TRUÂN!**

(Đây là tên hai quẻ Trạch Thủy Khốn và Thủy Lôi Truân trong kinh Dịch)

6) Rất tiếc tôi không có một sưu tập tương xứng về các vế đối trong nước. Vì không có điều kiện. Trong ngót 10 vế đối từ trong nước, thì ngoài vế đối của ông Hồ Hiếu (Đảng còn ích KỶ, khổ tàn CANH!), còn có sự tham gia của hai Ông Đồ.

Ông Đồ Ngang , dùng trọn cả năm chữ trong Ngũ Hành để tạo ra bốn vế đối như một bộ tranh tứ bình về Đất về Nước, về Dân, về Đảng như sau:

*** Đất còn lưu THỦY, khó nên KIM!** (Lưu thủy là điệu nhạc cứ vòng đi vòng lại nhùng nhằng không bao giờ hết. "Nên kim" lấy ý từ câu Có công mài sắt có ngày nên kim. *Khó nên kim là khó nên cơm cháo gì.)*

*** Đảng còn giữ MỘC, khó nên KIM!** (Mộc là vũ khí để che chắn, chống đỡ).

*** Dân chưa khai HỎA, khó thành KIM!** (Thái Bình xuýt nữa khai HỎA, nhưng bị cái Lưu THỦY, cái MỘC, cái THỔ xúm vào làm tắt ngấm ngay!)

*** Nước đang giữ THỔ, bán thành KIM!** (Chú thích của tác giả: Thổ là đất. Cán bộ bây giờ không bán nước, chỉ bán đất thôi. Lấy đất làm vốn để hợp doanh với nước ngoài. Hoặc cấp đất cho nhau, bán đi một nửa là thừa tiền xây một vi-la. "Bán THỔ thành KIM" là bán đất lấy đôla ấy mà, lại nghĩa là một nửa đất biến thành tiền!). Chữ "bán" vừa là nôm vừa là Hán, vừa là một nửa vừa là mua bán, nhập nhằng thế cũng hay. Điều thú vị là theo luật tương sinh thì THỔ sinh KIM thật, thế thì nạn biến đất của dân thành Mỹ kim làm sao mà chống được !

Còn ông Đồ Cổ , theo quan điểm bảo thủ "Phi CỔ bất thành KIM," nhưng ông làm nghề khai quật đồ CỔ nên ông đem nghề của mình ra đối lại với Hà Sĩ Phu như sau:

Đời không quật CỔ, khó thành KIM!

(Ý nói không coi trọng việc khai quật đồ cổ thì làm gì có ngày nay được, nhưng người không quen "nói tắt" như Đồ Cổ mà nghe chữ "quật cổ" chắc cũng giật mình: Không quật cổ xuống thì khó lòng mà thành tử tế, văn minh được.)

Sau đó tôi lại được tin trong nước tạp chí Sông Hương số Tết có đăng một câu đối như sau:

Trời đã sang CANH, đừng vị KỶ!
Đất còn động CHẤN, hãy tỉnh KHÔN!

Ghi tên tác giả là Sĩ Phu Nhật Hồng, như thể đây là một câu đối hoàn chỉnh của một người, chứ không phải chuyện xuất đối và ứng đối. Nhưng bạn bè văn chương đều biết chuyện này không thể không liên quan đến chuyện mời đối của Hà Sĩ Phu. Vế thứ hai này chữ nghĩa cũng hay, cũng có hàm ý, là của ông Đoàn Nhật Hồng, nguyên Giám đốc sở Giáo dục Lâm Đồng. "Đất còn động chấn" lấy từ thực tế năm ấy có nhiều trận động đất, và cũng là những chấn động chính trị-xã hội.

Nghệ thuật câu đối cho phép cả những khẩu khí từ hai chiến tuyến đối lập, như Ngô Thời Nhiệm và Đặng Trần Thường! Ai có ý ngược lại xin cứ phát ngôn, miễn sao thành câu đối hay là được! Hai vế thuận chiều thì cộng hưởng nhau, ngược chiều thì đối chọi nhau, nhưng phải cùng ở một tầm chữ nghĩa, một tầm văn hóa tương xứng. Kiệm chữ mà phải đa ý, đa nghĩa. Là trò chơi chữ thì trước hết phải có "chữ", có tri thức đã, rồi mới "chơi" được.Chữ Hán đã thâm, chữ Hán-Việt lại càng thâm hơn, không thể "nôm na là cha mách quế". Đến như câu đối của trai gái "bỡn" nhau, "lỡm" nhau mà có "chữ" thì vẫn không tục.

Câu đối vốn là một thú chơi tao nhã và sang trọng.

Cuộc giao lưu Câu đối Tết Canh Thìn năm 2000 ấy thật là cuộc "hiện đại hóa" một thú chơi cổ truyền của Dân tộc.

Chuẩn bị đón Tết Đinh hợi 2007

HSP

KẺ Ở

NGUYỄN ĐỨC TƯỜNG

(Nhân đọc *Tâm Sự Kẻ Sang Tần* của Vũ Hoàng Chương)

Thời Chiến Quốc, Yên và Tần là hai nước không thể cùng đứng. Yên là nước nhỏ và Tần, nước lớn. Vua Tần là Chính, sau trở thành Tần Thủy Hoàng Đế, có ý định chinh phục cả sáu nước để thống nhất nước Tàu. Tần sắp sửa thôn tính Yên. Thái tử Đan nước Yên, muốn chống lại Tần, có được mưu là dùng người để hành thích vua Tần. Ông tìm được Kinh Kha. Cuốn *Đông Chu Liệt Quốc*, bản dịch của Nguyễn Đỗ Mục, kể lại chuyện đưa tiễn Kinh Kha trên bờ sông Dịch như sau:

"Thái tử Đan liền thảo bức quốc thư cùng bức địa đồ Đốc Cương giao cho Kinh Kha, đem nghìn vàng vì Kinh Kha sắm sửa hành trang, Tần Võ Dương làm phó sứ. Khi ra đi, thái tử Đan cùng tân khách có biết việc ấy đều áo trắng mũ trắng đưa đến sông Dịch Thủy, đặt tiệc tiễn hành. Cao Tiệm Ly nghe Kinh Kha vào Tần cũng đem cái vai lợn và một đấu rượu đến, Kinh Kha giới thiệu với thái tử, thái tử mời cùng ngồi uống rượu. Khi uống được vài lượt rồi, Cao Tiệm Ly đánh cái trúc, Kinh Kha dịp theo, hát rằng:

Gió hiu hắt nước lạnh tê,
Phen này tráng sĩ ra đi không về.

Tiếng hát rất thê thảm, tân khách và các người đi theo đều chảy nước mắt khóc. Kinh Kha ngửa mặt thở đánh phì một tiếng, hơi xông thẳng lên trời, hóa thành một cầu vòng trắng, ai nấy đều lấy làm lạ. Kinh Kha lại cất tiếng hát:

Hang hùm quyết chí xông pha,
Một luồng hơi thở hóa ra cầu vòng.

Tiếng hát đổ ra giọng hăng hái, mọi người đều trừng mắt hăm hở như đi ra trận. Thái tử Đan lại rót chén rượu, quì mời Kinh Kha, Kha uống một hơi hết ngay, víu tay Võ Dương, nhảy tót lên xe, giục ra roi đi mau. Thái tử Đan lên gò cao trông theo, đến khi không trông thấy nữa mới thôi, ra ý buồn bã chảy nước mắt mà đi về."

*

Thái tử Đan nước Yên gục đầu, ngủ thiếp trên án thư. Dưới ánh sáng chập chờn, mập mờ của cây bạch lạp trong thư phòng, bóng người cung nữ xinh đẹp của Vương lại tha thướt hiện ra, toàn vẹn. Nàng cảm ơn Vương đã trả lại cho nàng đôi bàn tay bị chặt đứt.

Đêm hôm trước nàng đã hiện về, rụt rè đứng ở một góc phòng. Vương quát mắng hỏi và nhận ra đó là mỹ nhân đắc ý nhất của mình. Nàng ấm ức khóc, đưa hai tay lên che mặt, hai tay thiếu mất đôi bàn tay. Đối với người quyền quý như Vương, một mạng người không có gì đáng kể, nhưng người đẹp bị chết oan uổng đây lại chính là người cung nữ yêu của mình, Vương động lòng, nói "Nàng chớ oán trách ta..." Người đàn bà trả lời:

"Tiện thiếp thân phận hèn mọn, đâu dám oán trách Chúa Công, vì việc lớn đã hy sinh sinh mạng của tiện thiếp. Tiện thiếp chỉ xin Chúa Công cho người kiếm lại hai bàn tay để cho thân thể tiện thiếp được vẹn toàn."

Bên ngoài mưa gió lớn. Tiếng sấm đổ dồn khiến Vương giật mình tỉnh giấc. Ánh chớp chiếu qua tán lá của cây cổ thụ tạo thành bóng hình người cung nữ, những giọt nước mắt sáng long lanh lã chã rỏ xuống từ hai lỗ hổng mắt. Tiếc thương người cung nữ xấu số, hai bàn tay mỹ miều bị chặt mất để biếu lấy lòng Kinh Kha, Vương rùng mình, truyền gọi nội thị đi kiếm lại đôi bàn tay. Ngày hôm sau, nội thị mang chiếc hộp gỗ đựng hai bàn tay về trình, nói tìm thấy ở một góc buồng nơi Kinh quán, ngôi nhà Vương đã sai xây cho Kinh Kha.

Vương truyền mở hộp. Hai bàn tay ngà ngọc nay vô hồn, xám ngắt, trông gớm khiếp. Vương bùi ngùi sai đem đi chôn cùng với người cung nữ; lần đầu tiên trong đời Vương nhận ra một chân lý căn bản, hiển nhiên đối với người dân thường, rằng vẻ đẹp không còn là vẻ đẹp một

khi bị tước bỏ sự sống và tách ra khỏi toàn diện.

"Tiện thiếp rất đội ơn Chúa Công đã trả lại hai bàn tay cho tiện thiếp. Qua cách đối xử với bàn tay của tiện thiếp, tiện thiếp lo sợ rằng người tráng sĩ không có đủ cẩn trọng để làm tròn sứ mạng quan trọng mà Chúa Công đã giao phó..."

Đó cũng là nỗi lo sợ của chính Vương đã hơn một tuần trăng, từ ngày Kinh Kha sang Tần với mục đích hành thích vua Tần là Tần Chính. Vương sống trong khắc khoải, bồn chồn. Vương càng nghĩ càng thấy việc làm của mình là rồ dại. Một người như Vương không có thói quen kiểm điểm hành vi của mình, nhưng đây là việc hệ trọng, liên quan không những đến vận mệnh của Vương, mà còn cả đến vận mệnh của vua cha, của tôn tộc, của nước Yên... Vương tự trách mình hồ đồ, không phải vì việc sai người đi hành thích vua Tần, mà vì cách thức thi hành sự việc quá cẩu thả.

Vương nghe lời Điền Quang, nghĩ Kinh Kha là một tay hào kiệt, ngày đêm thờ phụng kính cẩn, nhưng Vương đã nhầm. Về thuật đánh gươm của Kinh Kha, Vương không nghi ngờ, nhưng hành thích vua Tần không chỉ đòi hỏi ở thuật đánh gươm mà đòi hỏi một trí dũng kiêm toàn. Lúc này Vương nhận biết Kinh Kha không có cái trí dũng đó. Trên bờ sông Dịch, Vương rót rượu quì mời Kinh Kha, Kha không khiêm nhượng, thản nhiên uống một hơi hết ngay rồi nhảy vọt lên xe ra roi chạy như một tên say. Đó không phải là cách cư xử của một người trí dũng. Một người trí dũng cũng không cần phải hiu hiu tự đắc về tài nghề của mình, trên đời không ai hơn, có lẽ chỉ trừ Cáp Nhiếp. Vương đã quá hấp tấp, mặc dù việc sang Tần là cấp bách, đáng lẽ Vương phải đình chỉ việc sang Tần ngay từ lúc Kinh Kha nằng nặc có ý định đi tìm Cáp Nhiếp để làm bạn đồng hành. Rồi đến chuyện tiễn đưa trên bờ sông Dịch, cơ hội cuối cùng để Vương kiên quyết, tự chủ hủy bỏ việc làm với tính toán chưa được chín của mình.

Phong tiêu tiêu hề Dịch thủy hàn,
Tráng sĩ nhất khứ hề bất phục hoàn.

Nước sông chảy tê tê, cành liễu dạt dài trơ trụi lá. Cả nghìn tân khách, mũ trắng áo trắng, đã biết sứ mạng của Kinh Kha, hàng hàng lớp lớp tụ tập trên bờ sông Dịch, đặt tiệc rượu tiễn người tráng sĩ sắp ra đi, không bao giờ trở lại. Cao Tiệm Ly, bạn rượu thường nhật của Kinh Kha, ngất ngưởng vác một cái vai lợn và một đấu rượu đến. Suối rượu, dòng sông. Chỉ còn thiếu Cáp Nhiếp, bạn đấu gươm luyện kiếm độc nhất mà Kinh Kha kính phục, đã lại đi phiêu du tận phương trời nào. Trên bờ sông, Kinh Kha mình mặc nhung phục, khăn quàng đen cuốn quanh cổ theo chiều gió thổi bay phất phơ, tương phản y phục tang tóc của khách theo tiễn, cất tiếng hát trầm hùng: "Tráng sĩ hề, một đi không trở lại..." Cao Tiệm Ly cong người đánh cây trúc, hát theo. Rồi Kinh Kha ngửa mặt, thở phì một tiếng, hơi xông thẳng lên trời, hóa thành cái cầu vồng trắng, thê thảm hát tiếp:

Hang hùm quyết chí xông pha,
Một luồng hơi thở hóa ra cầu vồng...

Đẹp quá. Đây là một diễn biến, một bức tranh lịch sử bi hùng đang từ từ mở rộng, để dành cho hậu thế, người tráng sĩ ra đi không bao giờ trở lại. Người tráng sĩ ra đi *không bao giờ* trở lại. Mũ áo tang trắng. Bên kia bờ sông Dịch, và có khi ngay cả ở trong nước Yên này nữa, đâu có thiếu thám mã của quân Tần! Từ tâm can, từ huyết mạch Vương mơ hồ cảm thấy mình đang chứng kiến một lừa bịp lịch sử. Một cảnh chỉ nên được giữ lại cho một vở tuồng cung đình. Vương nhớ đến những người đã hy sinh, đến người cung nữ yêu quý, đến lão quan Điền Quang, đến lão tướng Phàn Ô Kỳ và, rồi ra rất có thể, sẽ không biết bao nhiêu người khác nữa. "Hừ, Điền Quang, cơ mật..." Vương ngậm ngùi nghĩ đến vị lão quan trung thành, bất giác giận dữ hét to:

"Cơ mật!" Tiếng hét vang lên trong đêm khuya tịch mịch. Một người nội giám sợ hãi chạy vào, Vương vẫy tay ra hiệu cho lui.

Điền Quang, vị lão quan trí dũng còn thừa nhưng tuổi già chồng chất, không thể cáng đáng được việc sang Tần, đã tiến cử Kinh Kha. Khi ông sắp lên xe đi đón Kinh Kha, Vương còn căn dặn: "Những lời Đan nói là việc lớn của nước nhà, xin tiên sinh chớ hở ra cho ai biết." Ông già cười trả lời:

"Già này không dám nói."

Vương hơi kinh ngạc về cách Điền Quang cười trả lời. Vương chỉ biết mình đã giết chết vị lão quan trung thành khi Kinh Kha đến, Vương hỏi về Điền Quang thì được nghe trả lời: "Quang nghĩ thái tử có lời dặn riêng, muốn đem cái chết để tỏ ra là đã giữ kín không nói với ai, nên đã đâm cổ chết rồi."

Nếu cái chết của Điền Quang là do việc Vương vô ý nói lỡ thì cái chết của Phàn Ô Kỳ có lẽ không hoàn toàn thật vì Vương vô tâm. Phàn Ô Kỳ, nguyên là tướng Tần, vì xui em

của vua Tần là Trường An Quân làm phản, việc không thành phải chạy trốn sang Yên. Vua Tần căm giận lắm, rao mua cái thủ cấp nghìn vàng. Muốn hành thích vua Tần thì phải được vua Tần tin, cho đến gần, Kinh Kha bàn với Vương nên có cái đầu của Phàn Ô Kỳ và đất Đốc Cương đem dâng vua Tần, vua Tần tất vui mừng tiếp đãi thì mới có hy vọng được. Vương phản đối yếu ớt, "Phàn tướng quân cùng khốn về theo sao nỡ giết chết..." Kinh Kha biết Vương bất nhẫn, bèn nói riêng với Phàn Ô Kỳ để xin thủ cấp.

*

Đã nhiều đêm như đêm nay, Vương ngủ những giấc ngủ không bình yên, mơ những giấc mơ hãi hùng. Vương đã chứng kiến biết bao nhiêu sự tàn ác, hèn mạt, phản phúc trong các nước chư hầu và ngay cả chính nước Yên của mình nữa.

Chinh chiến triền miên, người chết năm vạn, mười vạn, thường chẳng có lý do chính đáng. Về sự tàn ác không ai có thể so sánh được với tướng Tần, Võ An Quân Bạch Khởi. Trong trận Trường Bình, quân Triệu thua hàng, hơn bốn mươi vạn người, Bạch Khởi đánh lừa cho trâu rượu ăn uống, rồi trong một đêm sai quân chém chết hết, máu chảy ào ào, nước ở Dương Cốc biến thành sắc đỏ. Trong trận này, tổng cộng hơn bốn mươi lăm vạn người, kể cả quân đã hàng, bị giết, chỉ còn 240 người ít tuổi được thả về Hàm Đan để cho nước Triệu khiếp vía.

Nhìn quanh các nước chư hầu, Vương chỉ toàn thấy một mùi xú uế nồng nặc. Văn quan, võ tướng, tuy không thiếu gì người tài giỏi nhưng những bọn lang sói, siểm nịnh, còn tài giỏi, mưu mẹo hơn. Để chống lại Tần, các nước chư hầu có kế hợp tung để cứu trợ nhau. Nhưng tung nhiều mà hợp ít. Xuân Thân Quân Hoàng Yết, tướng quốc nước Sở, hai lần cầm quân đánh Tần. Lần thứ nhất, trong kế hợp tung, vua Sở là tung ước trưởng, sai Hoàng Yết mang quân đi cứu Triệu. Hoàng Yết đóng quân ở Vũ Quan trông ngóng, không tiến, may mà Tín Lăng Quân nước Ngụy, vì tình quyến thuộc, với mưu

HUY PHƯƠNG

CON LÀ CON MÈO TRẠNG QUỲNH CỦA MẠ

Mạ sinh con đang lúc nhà nghèo khó
Một phần cơm, khoai sắn độn hai phần
Thuở ấu thời, mắm cà cùng muối đậu
Con đã quen ngon miệng món nhà bần.
Lúc mớ rạm ngoài đồng đem rang muối
Mùa nước lên con bống thệ kho khô
Những chột nưa mạ nấu cùng tí ruốc
Rau tập tàng vị ngọt những ngày thơ.
Đọi rau khoai ngọt ngào con tôm đất
Hũ tép chua có những lát măng vòi
Bánh tráng nướng còn thơm mùi mít trộn
Những món quen con vẫn nhớ trọn đời.
Ngày mưa bão, trên mâm thường trứng luộc
Trưa mùa hè, nước rau muống thay canh
Chút dưa, muối cũng vội vàng xong bữa
Sao mạ hay - ngồi ăn cuối một mình.
Con là con mèo Trạng Quỳnh của mạ
Đã phận quen ăn những món ăn nghèo
Trước những mâm đầy sơn hào hải vị
Con dửng dưng như đứa trẻ quen chiều.
Giờ con đã xa nửa vòng trái đất
Biết khi mô mới trở gót quay về
Trên bếp lửa chụm rơm chiều khói tỏa
Con cá cơm mạ nấu bữa canh me.
Cho ấm áp thêm cuộc đời trống lạnh
Hạnh phúc này xoa dịu tấm lòng con
Khi hơi tỏa hương thơm mùi gạo mới
Trên tay con, miếng cơm cháy thơm dòn.
Con, đứa trẻ lạc loài trên xứ lạ
Đang quay cuồng theo cơm áo, ngựa xe
Mà thương mạ vẫn thường hay tựa cửa
Bên mâm cơm, vắng bóng đứa con về.

mẹo của người sắp chết đuối, đã đánh được quân Tần, giải vây cho Triệu. Lần thứ nhì, trong một tung ước khác, vì Sở là nước lớn, Hoàng Yết được cử làm thượng tướng, cầm quân năm nước. Tướng Tần là Vương Tiễn nói quân Sở đã hơn ba mươi năm không đánh nhau, không quen chiến trận, nên hợp quân lại đánh một mình quân Sở, Sở tất thua và quân của bốn nước kia cũng phải rút. Hoàng Yết nghe biết, sợ quá, không kịp báo các dinh khác, truyền lệnh riêng cho quân Sở rút lui. Vương Tiễn biết quân Sở đã trốn, liền đem quân đánh dinh Triệu. Quân các dinh Yên, Hàn, Ngụy đều đến cứu, chỉ thiếu một mình dinh Sở.

Nhưng hợp tung dù có thành công cũng chưa chắc đã lợi ích gì vì bên trong nước Triệu còn có những loài chó ngựa như sủng thần Quách Khai, bán rẻ sơn hà xã tắc như một miếng thịt thiu, không luyến tiếc. Mưu sĩ của Tần là Úy Liêu, biết Quách Khai là kẻ tham lợi, tuyệt không có chút lòng vì nước, sai đệ tử là Vương Ngao đem theo năm vạn cân vàng, sang Triệu, liệu cách mua chuộc. Vương Ngao chỉ dùng hết một vạn cân đã được việc, động lòng hỏi: "Vạn nhất nước Triệu mất thì ngài đi đâu?" Đáp: "Tôi sẽ ở trong hai nước Tề, Sở, chọn một nước mà thoát thân." Từ biệt Quách Khai về Tần, Vương Ngao đem bốn vạn cân vàng còn thừa nộp lại nói rằng: "Tôi đã dùng một vạn cân vàng kết liễu sinh mạng Quách Khai, dùng một Quách Khai kết liễu sinh mạng nước Triệu."

Rồi Vương nghĩ đến nước Yên của mình, cũng chẳng thiếu gì những Quách Khai, Hoàng Yết. Hai lần đánh nước láng giềng đồng minh là Triệu, hai lần thua; lần đầu nghe lời tên tướng quốc bất chính là Lật Phúc, vì không được của đút lót, nói tướng Triệu già yếu, trai tráng bị chết cả từ trận Trường Bình, có thể diệt được; còn lần sau để báo thù lần thua trước. Tần muốn đánh Triệu, bèn dụ Yên bỏ Triệu theo Tần; Yên bằng lòng và, vì vậy, Vương phải sang Tần ở làm con tin. Triệu biết thế yếu, cắt dâng năm thành, xin hòa với Tần để rảnh tay đánh Yên, lấy được 30 thành Thượng Cốc. Triệu giữ 19 thành, đem dâng Tần 11 thành; còn Vương phải khốn khổ lắm mới ra khỏi được cửa Hàm Cốc, trốn thoát về Yên. Những hành xử mang đủ tính cách hèn mạt, phản phúc và dại dột.

Nhưng những năm tháng Vương sống làm con tin ở Tần không hoàn toàn vô ích. Vương được biết những tướng tá, mưu sĩ của vua Tần toàn là những người tài giỏi, trung thành dù cũng có người nghi ngại về vua Tần, như Úy Liêu, một thượng khách mưu sĩ, một đêm không từ biệt, bỏ đi, vua Tần triệu mãi mới về, bái làm đại úy cho chủ việc binh. Vua Tần, khi tuổi đã trưởng thành, mình dài tám thước năm tấc, anh vĩ lạ thường, việc gì cũng tự chủ trương lấy. Úy Liêu nói: "Vua Tần mũi to, mắt dài, ngực ưỡn, tiếng gầm, là người tàn khắc ít ân, lúc có việc thì chịu khuất người, lúc xong việc thì khinh bỏ người, cho nên chịu khuất thân với ta, lúc đắc chí rồi, thiên hạ đều bị giết hại cả". Cho dù Úy Liêu nói đúng thì đó cũng là việc về sau. Hiện tại, Úy Liêu là một trong những mưu sĩ đắc lực nhất của vua Tần; Vương nhìn bốn phương trời, chỉ thấy một mình vua Tần là người trí dũng kiêm toàn, một vai một đầu cao hơn bất cứ vị vua chư hầu nào khác.

Là thái tử nước Yên, Vương đã cố làm hết bổn phận của mình. Hành thích vua Tần, nếu thành công thì tình trạng các nước chư hầu cũng chỉ được giữ nguyên không thay đổi, nhưng Vương linh cảm rằng sứ mạng của Kinh Kha sẽ thất bại; nó không còn là việc cơ mật như Vương mong muốn và, hơn nữa, về sức lực Kinh Kha không khỏe gì hơn vua Tần.

Không những Vương không "lưu danh thiên cổ" mà sẽ còn "lưu xú vạn niên". Vương ngẫm nghĩ về số phận khắc nghiệt của mình. Từ chỗ sâu thẳm nhất của tâm hồn, Vương biết vua Tần là một người chí khí cao việt, cũng muốn làm như vua Tần, dẹp hết các chư hầu để thống nhất đất nước, cho bớt chiến chinh sát hại dân lành, nhưng nước Yên của Vương nhỏ yếu quá. Vương cố xua đuổi, dẹp bỏ ý tưởng giằng xé đang chực thành hình; ấy là ao ước được sinh để ở nước Tần hay ít nhất cũng không phải là thái tử của nước Yên...

*

Kinh Kha bưng hộp địa đồ Đốc Cương dâng lên vua Tần, lúng túng mũi dao trong áo bị lộ ra. Sự việc kết thúc trong khoảnh khắc. Vua Tần hãy còn tức giận, sai Vương Bí đem quân hỏi tội cha con vua Yên. Vua Yên sợ hãi đem đầu thái tử Đan nộp để hòa hoãn. Thái tử Đan không lưu danh thiên cổ mà cũng không lưu xú vạn niên; còn Kinh Kha một mình đi vào sử xanh, lật đật trở thành "người tráng sĩ anh hùng, ra đi không bao giờ trở lại" như sách vở qua bao nhiêu thời đại đã không ngừng miêu tả.

01/2007

Đường Nét và Màu Sắc của Hội Họa Nguyễn Trung

HUỲNH HỮU ỦY

Lời Người Viết: *Hội Văn Học Nghệ Thuật Việt Mỹ (Vietnamese American Arts & Letters Association) đang tiến hành dự án xuất bản cuốn sách* ***Nghệ Thuật Tạo Hình Việt Nam Hiện Đại*** *của chúng tôi. Dưới đây là vài trang trích từ công trình nghiên cứu mỹ thuật này, viết về họa sĩ Nguyễn Trung, nguyên là chủ tịch của Hội Họa Sĩ Trẻ Việt Nam. Hội Họa Sĩ Trẻ Việt Nam được thành lập ở Sài Gòn từ năm 1966, qui tụ một số họa sĩ và điêu khắc gia trẻ, hoạt động mạnh mẽ cho đến năm 1975. Có thể nói đó là những nghệ sĩ tiền phong đã tạo nên một vẻ mặt rất hiện đại cho nền mỹ thuật Việt Nam. Với Nguyễn Trung, hội họa của anh là một bảng màu rất đặc biệt, ngày nay vẫn còn để lại nhiều âm hưởng sâu đậm, và vẫn là một thành tố đang góp phần đẩy mạnh sự phát triển của nền mỹ thuật Việt Nam đương đại.*

H.H.U.

Khuôn mặt nổi bật của nhóm *Hội Họa Sĩ Trẻ Việt Nam* được ghi nhận là Nguyễn Trung, có lẽ là một trong những họa sĩ có nhiều cá tính, tài năng và trí tuệ bậc nhất của giai đoạn vừa qua.

Lúc còn là sinh viên trường *Cao Đẳng Mỹ Thuật Gia Định* đã đạt được những giải thưởng hội họa quan trọng: huy chương bạc *Triển Lãm Hội Họa Mùa Xuân 1961*, huy chương vàng *Triển Lãm Hội Họa Mùa Xuân 1963*. Say mê theo đuổi nghề nghiệp, dám bức phá những ràng buộc, qui cách nhà trường để đi đến những chân trời mới của hội họa nên đã gây nhiều va chạm với các thầy dạy vẽ của trường, điều này bình thường thì đáng tiếc nhưng đối với một số trường hợp ngoại lệ nào đó thì ngược lại. Chúng ta nhớ đến phản ứng của một số nghệ sĩ trẻ thời trước như Nguyễn Gia Trí, Nguyễn Đỗ Cung, Tô Ngọc Vân, Hoàng Lập Ngôn... với ban giám đốc trường Mỹ Thuật Đông Dương, đó là phản ứng bắt buộc của tài năng khi nhận ra con đường đi tới, cần phải đập tan những rào cản để tiến bộ.

Vào thời kỳ đầu tiên, Nguyễn Trung cũng đã ít nhiều thử thách với hội họa trừu tượng, thứ trừu tượng lãng mạn (Abstraction lyrique) với những đường nét tinh lọc đến cùng cực những chim, nai, đồi, cây, hoa, thiếu nữ... ẩn hiện gợn lên trên nền tranh với hòa sắc lạnh, nhưng chỉ vài năm sau thì bỏ hẳn để xây dựng cho mình một thế giới hết sức cá biệt, dầu vẫn bị ràng buộc trong những phạm trù của một thứ nghệ thuật hình dung. Khoảng năm 1965-1966, ngôn ngữ riêng của Nguyễn Trung đã được định hình, dần dà cũng có ít nhiều chuyển biến nhỏ, nhưng cơ bản thì không có gì thay đổi..Với những đường nét, bố cục vững chãi, chặt chẽ, với một kỹ thuật chững chạc để nhào trộn màu sắc, đơn giản mà vẫn táo bạo, rất cổ điển mà đầy tinh thần sáng tạo và tìm kiếm mới mẻ, nghĩa là với một màu sắc đặc biệt, một bút pháp cá biệt, anh luôn luôn chế ngự được thế giới mình tạo ra.

Rõ ràng là có nghiên cứu và chịu ảnh hưởng sâu đậm một số nguồn gốc nghệ thuật nào đó. Ví dụ như cách ghi nhận thiên nhiên bên ngoài của Henri Rousseau, hoặc không khí, bút pháp, lối sử dụng màu sắc của một số tiểu họa phẩm và bích họa Ấn Độ và vùng Trung Cận Đông hay một màu ngọc xanh biếc trên những đồ gốm độc sắc đời Tống, nhưng đã nhào luyện, biến chế tất cả những yếu tố ngoại lai trở thành thân thuộc, làm mất đi mọi vết tích cũ để chỉ còn lại là mình: mọi thứ góp nhau lại để chỉ trở thành là một, là ngôn ngữ hội họa Nguyễn Trung. Trả lời trong một cuộc nói chuyện với Đinh Cường, Nguyễn Trung đã chỉ ra cho chúng ta thấy rõ thêm cội nguồn thế giới màu sắc của mình:

Tôi sinh ra ở một vùng phì nhiêu nhất Việt Nam, tỉnh Sóc Trăng, ở đó chỉ thấy toàn ruộng với màu xanh của lúa non và màu vàng của lúa chín. Phong cảnh bằng phẳng đến độ buồn hiu, nhất là mùa mưa thì ruộng là biển nước còn

trời là một màu xám chì, chỉ riêng mùa gặt thì cả trời rực vàng và rất thơm, lúc ấy thì còn thấy được chút đỉnh màu sắc của trời cho. Có lẽ vì vậy tôi vẽ phong cảnh rất dở, và tôi rất ít xài màu sắc, có lẽ vì sự ít màu sắc của xứ tôi mà tôi đã chịu ảnh hưởng tính cách đạm bạc của tranh thủy mặc của Trung Quốc, sự khắc khổ của hội họa Đức.(*)

Năm 1969, trong phòng triển lãm của Hội Họa Sĩ Trẻ Việt Nam, Nguyễn Trung phát biểu một ý tưởng đơn giản, nhưng có lẽ với ý tưởng này chúng ta có thể cảm được tranh của anh dễ dàng hơn, rất bình dị mà khá thâm trầm, sâu sắc:

Dường như chỉ nghệ thuật mới có thể mang tình yêu và sự bình an trở về với tâm hồn ta. Dường như chỉ có nó mới có thể mang đến ta sự cứu rỗi ấy trong khi càng ngày chúng ta càng dấn thân vào cuộc sống văn minh thiếu nhân cách, địa ngục của giận dữ, thù hằn và bạo động đến nỗi chúng ta quên dần những lời xin lỗi và thứ tha, những cử chỉ yêu thương và thông cảm. (In trong Vựng Tập triển lãm).

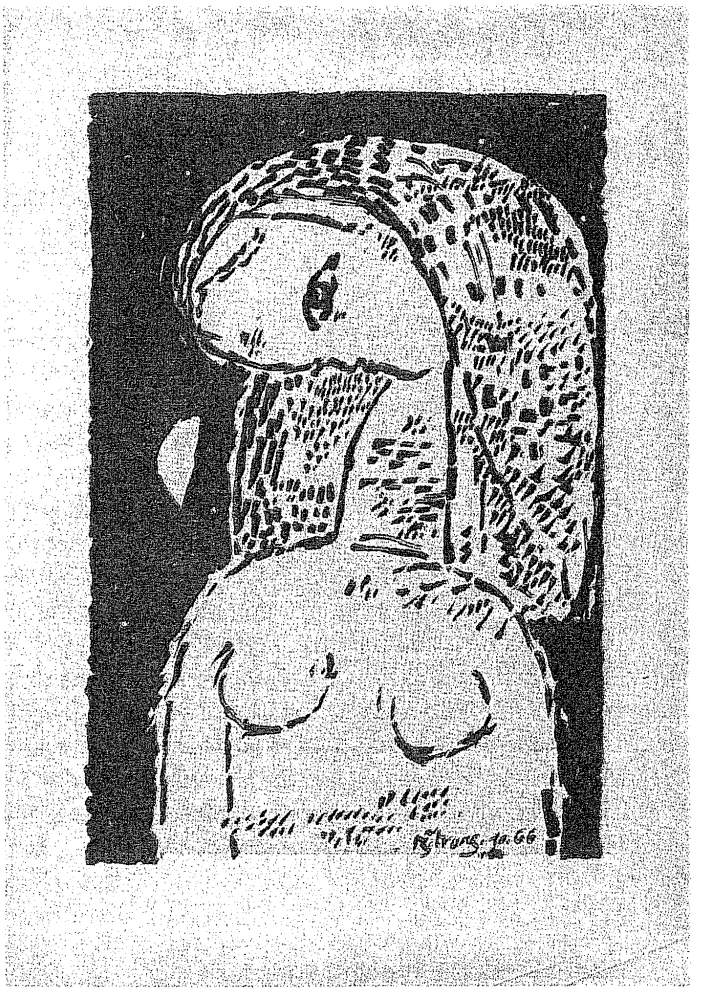

Trong phòng triển lãm năm 1970 bày chung với Hồ Hữu Thủ và Nguyên Khai, tranh Nguyễn Trung là cả một thế giới vô cùng thơ mộng, từ *Thiếu nữ đứng trên đá, Sen hồng* đến *Khỏa thân, Đêm xanh, Hoa vàng*... Tuy nhiên, ấy là một thứ mơ mộng pha nhiều chất đắng và khô. Vẻ khô, buồn thảm đó tỏa chiếu trên đôi mắt thiếu nữ đứng trên đá, quàng khăn trùm lụa, hai bàn tay gầy chụm vào nhau. Đằng sau thiếu nữ là nền cát, nền trời xám sậm, nhìn kỹ thì ngả sang xanh. Có một sự hòa hợp giữa ánh sáng tỏa ra từ nền trời u tối ấy và ánh sáng từ từng mảnh đá nhỏ đều đặn dưới chân thiếu nữ. Không những vẻ khô ấy toát ra từ gương mặt bà mẹ già sau những cánh hoa tàn úa mà toát ra ngay trên thân thể tươi mát khỏa thân của thiếu nữ, trên từng phần phản diện giữa tối sáng trên tấm thân ấy.

Nguyễn Trung sử dụng nguyên tắc về bóng tối và ánh sáng, một nguyên tắc cổ điển chủ yếu từ thời nghệ thuật phục hưng mà những Leonardo da Vinci, Rembrandt, Raphael, Jan Vermeer Van Delft đã rất chú tâm dụng đến. Ánh sáng tỏa chiếu trên sự vật, bị che lấp gây nên bóng tối ngay trên từng mảnh đá nhỏ, từng cồn cát thấp, từng cánh hoa, từng ngọn cỏ, trên những đường nhăn của chiếc áo thiếu nữ. Tuy nhiên, bất kỳ thứ kỹ thuật nào thì cũng có ưu thế và nhược điểm riêng. Ở trường hợp Nguyễn Trung cũng thế, từng chi tiết trên bức tranh được vờn tỉa, đánh bóng rất kỹ, thí dụ như bức *Thiếu nữ đứng trên đá* vừa được đề cập, mỗi chi tiết nhỏ trong tranh là một quyến rũ kỳ lạ, mỗi mảnh đá đều toát ra tiếng nói, mỗi gợn cát, mỗi nét nhăn trên tà áo, trên chiếc khăn đều thế. Có nhà phê bình cho rằng tranh Nguyễn Trung chỉ còn là một thứ rung động kỹ thuật chính vì thế. Vậy thì, có lẽ nghệ thuật phải hy sinh chi tiết để đạt đến toàn thể, và ngược lại, nhưng tuy thế, mỗi cơ cấu phải có riêng những đòi hỏi, kiến trúc và hòa hợp của riêng nó cũng vẫn là điều tất nhiên mà thôi.

Hẳn rằng cũng nhận ra khía cạnh ấy nên về

sau này hình như anh đã đi đến một tổng hòa cao hơn, vẫn giữ lấy nguyên lý và kỹ thuật tạo hình cũ nhưng đã biết loại bỏ nhiều chi tiết. Chúng ta thử xem một bức tranh điển hình của thời điểm 1975, bức *Sen hồng* vẽ một thiếu nữ mình trần, mặc chiếc váy màu xanh biếc của đại dương, một cánh tay vươn ra nắm lấy đóa sen hồng hàm tiếu, phía sau là hồ sen theo lối tượng trưng, phía sau nữa là bầu trời chập chùng sâu thẳm. Thiếu nữ dường như trong veo lên bằng đường viền ánh sáng và sự đánh lừa của màu sắc. Gần chân thiếu nữ, giữa mảng màu hồng mờ sáng, họa sĩ đặt thêm vào một bình gốm nhỏ men nâu như điểm xuyết cho bố cục tấm tranh, kéo tất cả cái thanh thoát bên trên trì trệ xuống một chút, rất quân bình và tuyệt đẹp.

Đã bắt đầu có nhiều từ bỏ khoa học hội họa Tây phương, từ bỏ khá nhiều sự hợp lý của qui tắc mỹ thuật Phục hưng, chúng ta thấy Nguyễn Trung đã tiến về rất gần với cảm quan thẩm mỹ phương đông, vẽ điều cảm thấy hơn là nhìn thấy, nếu là ánh sáng thì đúng là ánh sáng âm dương của đạo học, tức là ánh sáng thụ động và ánh sáng hoạt động của thiên nhiên và tâm hồn, tất cả hiện lên trong sự tương phản của nhau, nên đã hòa hợp lại trong một thể chung nhất. Cái đẹp như thế sẽ được tri kiến trong một cách nhìn tổng thể, hài hòa, Nguyễn Trung tỏ ra khá tinh tế khi vận dụng nguyên lý này, tuy vẫn còn đặt trên nền tảng khoa học hội họa phương tây để xây dựng một bút pháp riêng cho mình. Có một điểm nên quan tâm khi xem tranh Nguyễn Trung là càng về sau này anh càng có khuynh hướng tiến về sự giản dị trong đường nét, màu thì chỉ còn gần như một thứ độc sắc (monochrome) hoặc xanh xám, xanh biếc, xanh đông thanh, chỉ có chuyển sắc rất nhẹ bằng cách pha trắng, nâu, hay đen vào. Vẻ huyền bí của những nghệ sĩ gốm đời Tống đã phảng phất đâu đây. Và cũng chính ở chỗ này, Nguyễn Trung càng được xem là thành công lớn khi định hình một tính cách nghệ thuật riêng tư khá đặc sắc. Sau hơn ba mươi năm đắm mình trong màu sắc và khung vải, có di động nhưng ít thay đổi vì luôn luôn tự chủ dưới một cách nhìn rất nhất quán. Ánh sáng là vấn đề hàng đầu, có thể nói đó là nguyên lý của hội họa Nguyễn Trung. Và gần đây, Nguyễn Trung đã đúc kết với đầy tính khẳng định:

Trong thiên nhiên ánh sáng là chiếc vương miện vĩ đại làm tăng thêm vẻ sang trọng, uy

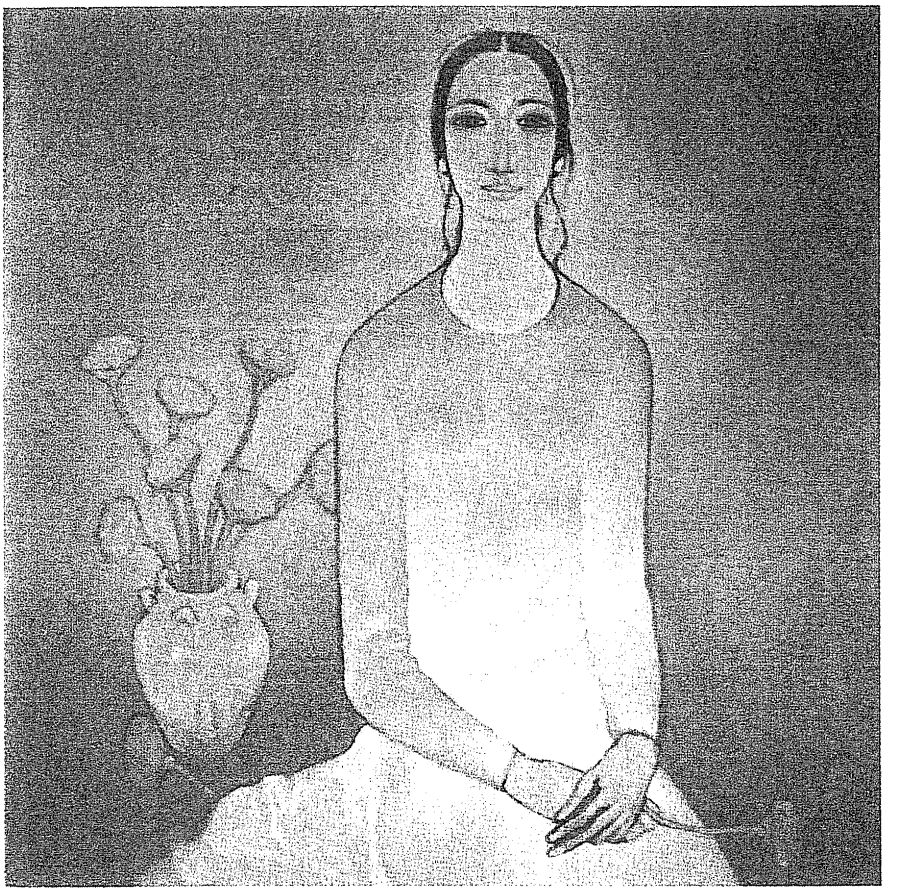

thâm trầm, sâu thẳm. Chọn đề tài này cũng là một cách bày tỏ thái độ đối với cuộc chiến tranh kinh dị, tàn độc càng lúc càng khốc liệt trên số phận của đất nước lúc bấy giờ. Trở lại với ý kiến của Nguyễn Trung vừa đề cập ở trên, chúng ta thấy anh đã thực hiện được ít nhiều mốc đường trong viễn tượng đã vạch, cho nên ở tranh anh, dù là với bất cứ đề tài gì, nơi khuôn mặt và cánh tay trần của thiếu nữ, hay ngay cả một đề tài tĩnh vật, thì cũng là một thứ tĩnh vật rất Việt Nam, rất tài hoa và đã tỏ lộ ra một bản sắc độc đáo. Điều này cần phải được đào sâu và triển khai thêm nữa, bởi vì bất cứ nền nghệ thuật nào muốn đứng vững và tồn tại đều phải biểu lộ cho được tinh thần của cộng đồng bằng một bút pháp, khí sắc riêng biệt. Được như thế thì giữa bản hợp ca muôn điệu của cộng đồng nghệ thuật nhân loại, chúng ta mới đủ nội lực để phổ thêm vào một cung đàn hòa hợp, nhất định phải đầy sáng tạo tính và dân tộc tính, hoành tráng và tươi tắn, trong sự hợp nhất mà vẫn mang hương sắc độc đáo. Trước năm 1975, Nguyễn Trung phần nào đã thực hiện được một số tác phẩm trong phương hướng ấy, và về sau này đã đưa nhiều tác phẩm đến chỗ tinh hoa nhất, anh đã phát triển năng lực mình một cách đúng mức.

nghi của núi rừng hoa cỏ. Trong hội họa ánh sáng là sức sống của hình và nét và tự nó cũng là hình, và nét. Tùy theo to nhỏ, dày mỏng, tùy theo cách sắp đặt, có thể làm cho nó chuyển động, nô đùa trên khung bố. (In trong Vựng Tập triển lãm 36 tác phẩm mới Trịnh Cung, Đỗ Quang Em, Nguyễn Lâm, Nguyễn Phước, Hồ Hữu Thủ, Nguyễn Trung. Bảo tàng Mỹ thuật TP. Hồ Chí Minh, 1994).

Trước đây, trong một bài viết trên một tuần báo văn học, bàn về thế đứng và cách phát biểu của người làm nghệ thuật lúc bấy giờ, Nguyễn Trung bày tỏ ý muốn thực hiện công việc tựa như họa sĩ Mễ Tây Cơ Rivera, trở về lại với thế giới mộc bản cổ truyền của dân tộc để sáng tạo nên một vũ trụ nghệ thuật mới đầy sinh động, cái sinh động bắt nguồn từ một cuống rốn sâu xa và vững chắc. Tưởng cũng nên nhắc đến một công trình dở dang trước đây của Nguyễn Trung, anh dự tính thực hiện một bộ tranh mộc bản gây cảm hứng từ bài *Văn Tế Thập Loại Chúng Sinh* của Nguyễn Du, nhà đại thi hào bậc nhất nước ta. Vài bản phác thảo mới vẽ bằng bút sắt, chưa khắc gỗ, công bố rải rác đây đó đã gây cho người xem cái cảm giác

Chúng ta phải công nhận rằng chủ trương của Nguyễn Trung cũng như nhóm *Hội Họa Sĩ Trẻ Việt Nam* là hết sức đúng đắn, cấp thiết, hợp tình khi kêu gọi các nghệ sĩ tạo hình trẻ Việt Nam tập hợp nhau lại để suy nghĩ, đúc kết, xây dựng cho được một đường lối của nghệ thuật Việt Nam, một trường phái tạo hình Việt Nam hiện đại. Bởi vì nền nghệ thuật của chúng ta chỉ có thể tồn tại và được nhìn nhận khi nó

là một biểu lộ độc đáo của dân tộc chúng ta, mà những độc đáo nội tại chỉ có thể trở thành hiện thực nghệ thuật khi nó bắt nguồn và phù hợp với quan niệm cố hữu của giống nòi, chứa chan linh hồn dân tộc, nồng ấm trong chiều sâu của một nền văn minh tâm cảm mà chúng ta vẫn thường tự hào đã thừa hưởng trên 40 thế kỷ. Với đặc tính thuần túy Việt Nam làm nồng cốt, cùng tinh thần tự do thẩm mỹ, hòa hợp trong những yếu tố thời đại nhất, chúng ta sẽ xây dựng một nền nghệ thuật Việt Nam hiện đại mạnh khỏe, vững chắc, vạm vỡ. Đặt vào tình hình trước năm 1975 của Sài Gòn đang tan rã, lời phát biểu công khai ấy đã chứng thực sự trưởng thành khá cao của một ý thức rất đáng khen ngợi, tán thưởng.

*

Chung quanh *Hội Họa Sĩ Trẻ* vẫn luôn là một cuộc hội tụ của nhiều chân dung mang từng tính cách riêng, mặc dù vậy, vai trò của Nguyễn Trung vẫn là một nét nổi bật. Sau 1975, *Hội Họa Sĩ Trẻ* tan tác vì thời thế, vậy mà đến năm 2001, một cuộc họp mặt của các nghệ sĩ tạo hình của nhóm này lại được thực hiện trong một tình hình rất đặc biệt: những người còn lại trong nước bày tác phẩm với các bạn lưu vong từ nước ngoài trở về.

Vai trò của Nguyễn Trung vẫn là chủ động trong cuộc họp mặt lý thú này, với sự tham dự của Trịnh Cung, Đinh Cường, Đỗ Quang Em, Hồ Hữu Thủ, Nguyễn Lâm, Nguyên Khai, Cù Nguyễn, Mai Chửng, Dương Văn Hùng, Nguyễn Phước, tổ chức ở Gallery Vĩnh Lợi, 41 Bà Huyện Thanh Quan, Quận 3, Sài Gòn, từ 22-7-2001.

Nguyễn Trung và các bạn của anh đã gọi cuộc triển lãm này là một "hồi cố" được hiểu như là một cuộc gặp lại giữa những người bạn cũ, những người đã từng hoạt động nghệ thuật khi tuổi còn thanh xuân và sau một thời gian dài xa cách, gặp lại nhau thì đầu đã hai thứ tóc, có người muối tiêu, có người đã bạc trắng xóa, vậy mà họ còn rất hào hứng, nói như Nguyễn Trung *"không phải để ôn lại chuyện cũ mà để uống với nhau một cốc rượu, để khoe nhau công việc mới của mình" (Tuổi Trẻ Chủ Nhật, số 28, ngày 22-7-2001).*

Dưới đây là ghi nhận của ký giả Diễm Chi về cuộc triển lãm này trên báo *Phụ Nữ* ở Sài Gòn, số ngày 25-07-2001. Bản tin ngắn này có tên là *"Cuộc hội tụ của những họa sĩ Sài Gòn đã thành danh."*

Đó là các họa sĩ đã có một thời tuổi trẻ sôi nổi cách đây 30 năm. Bây giờ tranh của họ đã trở thành một thứ "cổ điển" riêng cho từng người, với một tầm cỡ đầy đủ về nghệ thuật và sự trau chuốt kỹ càng về kỹ thuật. Một Nguyễn Lâm rực rỡ với sơn mài, một Cù Nguyễn hào hoa, một Đỗ Quang Em với từng chi tiết quý báu nhỏ nhất. Có nhiều chuyển dịch trong tranh của Hồ Hữu Thủ, Nguyễn Phước, Đinh Cường, Nguyên Khai và ở những mảng xám của Trịnh Cung. Tượng đá, đồng của Dương Văn Hùng, Mai Chửng trụ lại với sức mạnh lưu niên... Tất cả đều đã đi đến những chiều sâu, sự thâm trầm, bền vững. Riêng Nguyễn Trung với ba bức sơn dầu màu trắng vẫn giữ một dáng dấp dẫn đường như anh đã có suốt một thời gian dài...

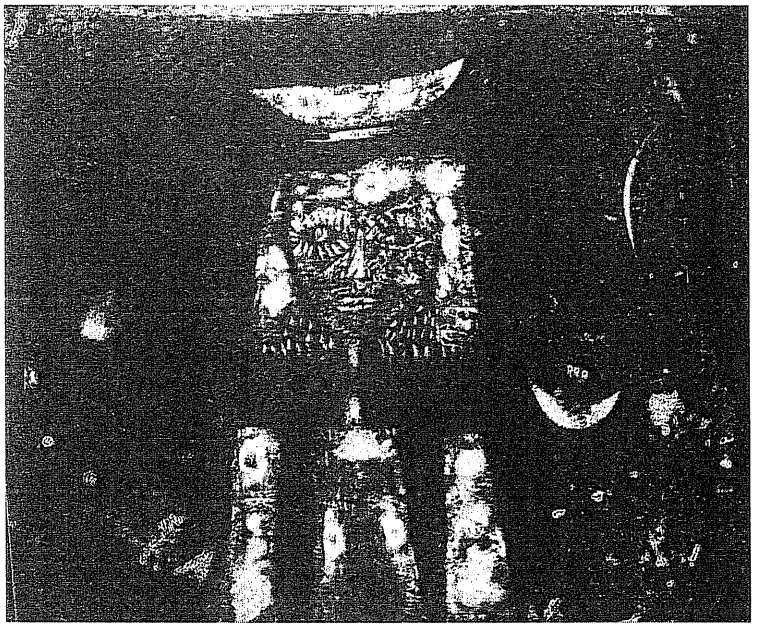

Người Sài Gòn đến phòng tranh với sự thích thú gặp lại và sự trầm trồ quen thuộc như từ thời các họa sĩ còn trẻ...

Chú thích

(*) "Họa sĩ Nguyễn Trung với không gian màu xám nâu," Tuổi Trẻ Chủ Nhật, số 31, ngày 7.9.1986

NAM VANG KÝ SỰ

HÀ KỲ LAM

Tôi vừa theo chân gia đình bên vợ trong chuyến viếng thăm thủ đô Nam Vang trong hai ngày. Với tôi, đó là lần đầu tiên đặt chân lên đất nước xứ Chùa Tháp. Với vợ tôi và những người thân thuộc, chuyến đi là cuộc hành hương về vùng đất cũ đầy xúc động của những người Việt sinh ra và lớn lên trên đất nước lân bang đó. Và như vậy cuộc viễn du của chúng tôi tổng hợp cả cảm nhận của một du khách mới, và những kiểm chứng của người trở về...

Từ Sài Gòn, chúng tôi mua vé xe buýt du lịch khứ hồi đi Nam Vang. Hành trình theo quốc lộ 22 qua Củ Chi, Trảng Bàng, rẽ vào Gò Dầu, đến biên giới mất khoảng hơn một giờ. Từ biên giới, sau các thủ tục xuất cảnh Việt Nam, nhập cảnh Campuchia, chúng tôi phải sang xe khác (với tài xế và bảng số Campuchia) để tiếp tục hành trình đến thủ đô Nam Vang. Đại khái là như vậy, nhưng thủ tục tại biên giới khá phiền phức – về phía quan chức Việt Nam cũng như quan chức Campuchia, lượt đi cũng như lượt về – và người viết thấy không thích hợp để dài dòng ở đây về điều này. Tưởng cũng nên nói thêm là mới đây (sau chuyến đi của chúng tôi ít hôm) Thủ Tướng Nguyễn Tấn Dũng của Việt Nam và Thủ Tướng Hun Sen của Campuchia đã gặp nhau tại cửa ngõ biên giới Gò Dầu (Mộc Bài) trong một nghi thức được coi như để khẳng định sự thông thương dễ dàng giữa hai nước, và hy vọng từ nay dân hai bên sẽ được giảm bớt nhiều phiền toái trong việc đi lại. Tuy nhiên

Chùa Tháp, ngôi chùa lớn nhất ở Nam Vang

để tiện cho những du khách Việt mang thẻ thông hành ngoại quốc, chỉ xin "mách" một điều: chiếu khán nhập cảnh do các tòa đại sứ Việt Nam cấp có giá trị cho một lần nhập cảnh và xuất cảnh; điều đó có nghĩa là một Việt kiều về thăm Việt Nam, rồi đi du lịch ngoài nước thì sẽ không nhập cảnh trở lại Việt Nam được, nếu không xin một chiếu khán nhập cảnh mới. Để giải quyết vấn nạn này, tại các văn phòng đại lý du lịch và hàng không bán vé đi ngoài nước có dịch vụ xin cấp chiếu khán nhập cảnh trở lại Việt Nam với giá tám mươi đô la cho mỗi người. Du khách cũng có thể mua dịch vụ này tại một văn phòng du lịch ở Nam Vang với giá năm mươi đô la (rẻ hơn bên Việt Nam).

Quốc lộ 22 của Việt Nam dừng ở cửa Mộc Bài, và con đường tiếp nối dẫn vào đất Miên là quốc lộ 1 của Campuchia, con đường đi về Tây, dẫn vào thủ đô Nam Vang, rồi vòng lên phía Bắc đến Battambang.

Bây giờ là mùa nước lên ở Cao Miên, và chuyến đi của chúng tôi rơi đúng vào dịp Lễ Nước P'chum của đất nước này (ba ngày từ 22-9-2006 đến 24-9-2006). Cả nước nghỉ ngơi, vui chơi. Mùa mưa vùng Tây Nam của Việt Nam trùng với mùa mưa Cao Miên. Vào tháng này những cánh đồng của hai đất nước thật giống nhau, nước lênh láng ngập bờ. Điều dị biệt giữa đồng ruộng miền Nam Việt Nam và Campuchia là nhà sàn và trâu bò; một bên có nhiều nhà sàn và nhiều bò, và một bên không có nhà sàn mà lại nhiều trâu. Nhưng chuyện trâu bò là chuyện ngày xưa: nông thôn Việt Nam bây giờ được cơ giới hóa hầu hết, và hình ảnh con trâu với cái cày đã hầu như biến mất trên đồng ruộng. Campuchia vẫn còn cảnh tượng con bò với cái cày khắp nơi, một điều cho thấy nông nghiệp xứ này chưa được cơ giới hóa gì ráo.

Vượt hằng trăm cây số của đất nước Campuchia trên một chiếc xe chở khách trọng tải lớn, du khách có một cái nhìn bao quát phong cảnh nông thôn trải dài hai bên đường. Với cái nhìn "cưỡi ngựa xem hoa" đó tôi thấy nông thôn Campuchia có vẻ nghèo hơn nông thôn Việt Nam. Điều cảm nhận của tôi dựa trên sự kiện là ít thấy những ngôi nhà gạch khang trang ở đây, điều tương phản với cảnh trí dọc đường Việt Nam.

Đi bằng đường bộ từ Sài Gòn đến Nam Vang du khách cũng có dịp thấy các trục lộ giao thông của xứ Chùa Tháp chưa được mở mang bao nhiêu. Ngoại trừ một đoạn gần vùng Neak Loeung mới tu bổ, còn lại suốt đường dài đến thủ đô Nam Vang đường sá tồi tệ và chật hẹp, giống hệt quốc lộ 1 của Việt Nam thời chưa tu sửa (đều là những đứa con đẻ của Pháp mà!). Lối chuyên chở của các xe đò ở Campuchia thì rất "tùy tiện" – cả người lẫn hành lý được chất lên tận mui xe. Lưu lượng xe trên đường rất thưa thớt. Có điều lạ là từ hướng Việt Nam mới có xe cộ nhiều, còn hướng từ Nam Vang đổ về biên giới Việt-Miên dường như ít xe cộ hơn. Không biết có phải vì đúng vào dịp lễ P'chum nên dân Miên đi chơi xa đổ về tấp nập, hay vì nhu cầu xê dịch chỉ mạnh từ phí Việt Nam. Dù sao thì mức độ lưu thông cũng nói lên phần nào nhịp độ phát triển của đất nước này còn khá chậm. Gần đến Nam Vang lưu lượng xe có tăng lên đôi chút.

Xe chúng tôi qua cầu Monivong, và lăn bánh trên đại lộ mang cùng tên. Thủ đô của xứ Chùa Tháp đây rồi. Theo đại lộ Monivong một đoạn ngắn, rồi xe rẽ trái sang đại lộ Sihanouk, và cuối cùng rẽ vào một con đường đất và dừng tại một khách sạn rẻ tiền, nơi chúng tôi sẽ trọ hai đêm trong chuyến du hành này. Mỗi phòng hai giường giá mười đô la một ngày. Vì phòng trọ giá "bình dân" như vậy nên chúng tôi chẳng chờ đợi một tiện nghi tối thiểu nào. Chẳng hạn, máy điều hòa không khí xịch lụi khi chạy, khi không, chẳng có thùng đựng rác trong phòng, và chúng tôi phải tự tìm một túi ny lông để chứa rác; cửa nẻo thì "ồn ào" khi đóng lại.

Nam Vang nhỏ hơn Sài Gòn. Dưới mắt vợ tôi, một cư dân của Nam Vang cũ trở về sau bốn mươi năm đi xa, thành phố không thay đổi bao nhiêu. Đêm đầu tiên, sau bữa ăn tối, chúng tôi dạo phố. Những cửa tiệm, nhà ở của dân chúng thì đèn điện sáng sủa, nhưng đèn đường thì âm u, vàng vọt. Chỉ những đại lộ mới có đèn đường, những con phố còn lại chìm trong bóng tối, được soi sáng mờ mờ và từng đoạn bởi ánh đèn nhà hai bên phố hắt ra. Hôm sau chúng tôi đi thăm nhiều nơi trong thành phố, tìm lại được nơi từng tọa lạc căn nhà của bố mẹ vợ tôi – nay đã mọc lên một tòa nhà mới làm công sở của chính phủ – và thăm lại trường nữ trung học Norodom, nơi vợ tôi đã từng theo học. Cứ nghĩ tất cả sự vật những nơi chốn này, từ những tường vôi đến cát sỏi vô tri trên vỉa hè, lòng đường, đã là những chứng nhân thầm lặng của những tháng năm hãi hùng dưới một chế độ mà thế giới từng mệnh danh diệt chủng, ai không khỏi bùi ngùi. Chúng tôi nhận ra vị trí

nhà của những láng giềng xưa, nhưng cảnh cũ còn đó, và người xưa thì tản mát khắp nơi, ở Pháp, ở Úc, và Việt Nam. Điều thất vọng đối với gia đình vợ tôi trong chuyến đi này là không tìm đâu ra ngôi chùa giữ tro cốt của người cha, vì dưới thời Pon Pot cai trị tất cả chùa chiền đã bị phá hủy. Đường phố Nam Vang dơ bẩn hơn xưa. Theo vợ tôi và những ai đã từng biết thành phố này trước kia, một đặc điểm của Nam Vang ngày xưa, dưới thời ông hoàng Sihanouk, là đường phố sạch sẽ hơn Sài Gòn nhiều – Sài Gòn ngày xưa và Sài Gòn bây giờ. Nam Vang vẫn còn những đường phố bằng đất, tồn tại từ trước, chứng tỏ không có một chút phát triển nào của đô thị này trong mấy mươi năm qua.

Xe cộ ở Nam Vang cũng rất thưa thớt; xe hơi thì lèo tèo, xe gắn máy tương đối nhiều hơn. Nhìn cảnh đường phố ít xe của đô thị này tôi lại liên tưởng đến cảnh xe cộ hỗn loạn của Sài Gòn: hai thái cực. Tôi không quên Nam Vang và cả đất nước xứ Chùa Tháp này đã từng hứng chịu sự hủy hoại, giết chóc dưới sự cai trị của Pon Pot - Iêng Sari trong bốn năm trời (1975-1979). Tôi nghĩ Campuchia chưa hồi sinh hẳn, dù đã thoát khỏi quốc nạn đó hơn hai mươi năm rồi, nói chi đến phát triển. Nhờ nói lưu loát tiếng Miên, vợ tôi đã có được thiện cảm của người chủ khách sạn mà chúng tôi đang trọ. Từ đây trong bài viết sẽ có nhiều trích dẫn nội dung lời kể của nhân vật này, mà người viết chỉ định bằng *ông bạn mới* hoặc *ông ta* cho tiện. Vậy thì, ông ta đã tâm sự về nhiều chuyện, trong đó có ký ức về những tháng năm đầu tiên thời hậu Pon Pot ở Nam Vang. Cả thủ đô là một thành phố chết, hoang vắng đến rợn người! Những cư dân cũ của Nam Vang, một phần bị giết hại, một phần đào thoát, số còn lại bị lùa khỏi thành phố về nông thôn trong những nông trường khổ sai dưới thời Pon Pot – Iêng Sari. Dù tập đoàn diệt chủng đó đã bỏ chạy, và một chính phủ lâm thời đã kiểm soát thủ đô, người dân Campuchia vẫn chưa hoàn hồn sau chuỗi ngày ác mộng đã qua; chưa ai dám về lại thành phố. Chính phủ mới, trong nỗ lực khuyến khích sự di dân về Nam Vang, đã dành mọi dễ dàng trong việc hợp thức hóa nhà cửa cho mọi người chiếm ngụ những căn nhà vô chủ ở thủ đô. Trong tình trạng nhiễu nhương buổi giao thời đó, nhiều kẻ từ tay không bỗng trở thành chủ nhân của ba bốn ngôi nhà! Nhưng chỉ một thời gian, sau khi ổn định được tình hình, chính phủ mới của Campuchia đã thu hồi những căn nhà "bất hợp pháp," và mỗi người chỉ được chiếm một nhà thôi. Kế đến là tình trạng "không tiền tệ." Chế độ của Pon Pot – Iêng Sari đã hủy bỏ tiền tệ, hủy bỏ chế độ lương bổng. Thời gian đầu, sau khi dành được chính quyền ở Nam Vang, chính phủ của Hen Somring chưa kịp in lại tiền tệ cho đất nước Campuchia. Cả nước lúc bấy giờ là một xã hội với "nền văn minh đổi chác." Ông bạn mới của chúng tôi cho biết, gia đình ông muốn đi ăn hủ tiếu phải mang theo vàng, cắt một mảnh nhỏ để "trả tiền." Có vài hình thức khác để trao đổi, chẳng hạn giá một tô hủ tiếu là ba lon gạo. Nhưng vàng vẫn là hàng hóa đổi chác đắc dụng nhất. Những món nữ trang bằng vàng với mọi kiểu cách đẹp đẽ trước kia đã trở thành "lỗi thời," phải được biến đổi, dát mỏng để giản lược thành một hình thù đơn giản thích hợp cho việc mua bán đổi chác: những miếng vàng mỏng. Thế là, với vai trò mới – vật thay thế tiền tệ, chứ không phải vật bảo chứng cho tiền tệ nữa – cả một loại quí kim vô tri vô giác cũng không thể đứng bên lề một giai đoạn lịch sử của đất nước nhỏ bé này, mà đã hứng chịu một cuộc đổi đời rộng lớn. Cùng với sự đổi thay kia là sự ra đời của một đội ngũ thợ kim hoàn "bất đắc dĩ." Chẳng cần

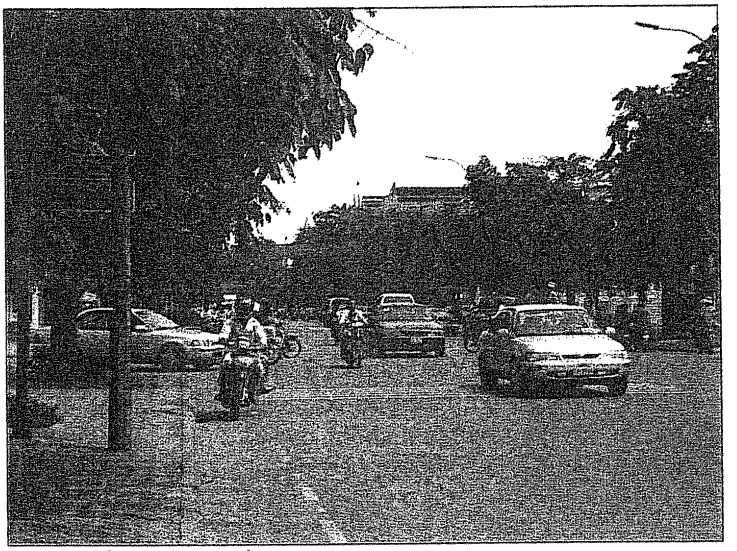

Đường phố đông đúc nhất

Một xe đò điển hình của Campuchia

những bàn tay chuyên nghiệp khéo léo, xảo thuật cao, một tay mơ chỉ cần biết cách làm cho vàng chảy, với những dụng cụ thô sơ cũng biến những sản phẩm quí giá cũ thành những "đồng tiền vàng" đắc dụng trong giai đoạn hiện tại. Dĩ nhiên giới dân nghèo đã trải qua một giai đoạn thật khó khăn trong buổi chuyển tiếp ấy. Chưa hết, không tiền tệ đã đành, lại cũng không có đo lường. Vẫn theo lời ông bạn mới, muốn mua một kí thịt, hoặc nửa kí đường, v.v., người ta chỉ dùng tay nâng món hàng lên ước đoán trọng lượng.

Chúng tôi đi xem những khu chợ. Nam Vang có hai mươi sáu ngôi chợ, nhưng nổi tiếng nhất là Chợ Lớn Mới, chợ Olympic, chợ Orrussey, chợ Tum Tum Pung, v.v. – ghé vào ăn ở các hàng quán tấp nập bên hè phố. Một điều dễ thấy là nhiều người buôn bán nói được cả hai ngôn ngữ Miên, Việt. Ông bạn mới cũng cho chúng tôi biết ở Nam Vang có rất nhiều thương nhân người Việt, có điều họ không nói tiếng Việt nên khó nhận ra họ. Theo các tài liệu cũ, người Việt hiện diện ở Campuchia khá lâu đời, từ thế kỷ thứ 17, và tập trung đông nhất ở thủ đô Nam Vang. Con số người Việt sinh sống trên đất nước Chùa Tháp từ xưa tương đối ổn định. Chỉ đến năm 1957, khi chính phủ Campuchia ban hành sắc lệnh cấm ngoại kiều làm hai mươi bốn nghề, một số người Việt hồi hương về Việt Nam, làm dân số Việt kiều trên đất Miên giảm xuống. Tiếp đến, đợt biến động chính trị năm 1970 đưa Lon Nol lên cầm quyền đã xảy ra vụ tàn sát người Việt ở xóm biển Chrui Changwar, giải cù lao bên kia bờ Mê Kông, đối diện thành phố Nam Vang, một biến cố đã khiến người Việt ùn ùn hồi hương. Dân số Việt kiều tại Campuchia càng giảm xuống nhiều. Rồi sự xuất hiện của chế độ Pon Pot – Iêng Sari lại gây thêm một vố tổn thất cho Việt kiều, và thêm một loạt người Việt đào thoát hồi hương về Việt Nam trong giai đoạn này. Sau vụ gây hấn của các sư đoàn quân Pon Pot ở cửa ngỏ biên giới Bền Sỏi, Tây Ninh tháng 12 năm 1978, Việt Nam đã trả đũa, và xua quân vượt biên giới, lật đổ tập đoàn Pon Pot – Iêng Sari, loại bớt một kẻ thù ở biên giới phía Nam, giúp khai sinh một chính phủ thân Việt Nam. Biến cố này là dịp may để Campuchia thoát khỏi chế độ diệt chủng tệ hại chưa từng thấy trong lịch sử đất nước này. Và từ năm 1979 những Việt kiều chạy về Việt Nam lánh nạn Pon Pot đã lần lượt trở lại Nam Vang và các tỉnh của Campuchia. Con số người Việt trên đất Miên đã tăng lên đáng kể, và điều đáng nói về sự gia tăng dân số này là ngoài số Việt kiều cũ trở lại còn có dân nhập cư mới gồm những quân nhân đào ngũ và giải ngũ thuộc lực lượng chiếm đóng của Việt Nam1. Nhân đề cập đến sự quấy phá của quân Pon Pot dọc biên giới Việt-Miên, người viết nhớ lại hai mẩu chuyện "bên lề" do chính một người đã từng theo chân một đơn vị viễn chinh Việt Nam trên đất nước Chùa Tháp kể lại. Anh ta là một Việt kiều Miên, làm thông dịch viên cho các cấp chỉ huy Việt Nam trong chiến dịch đánh Pon Pot năm 1978. Mẩu chuyện thứ nhất kể rằng lúc quân Pon Pot vượt biên giới sang tàn sát dân Việt ở vùng Ba Chúc, Ba Xoài, tỉnh Châu Đốc, lực lượng quân sự của Việt Nam đóng gần đấy vẫn áng binh bất động, mặc cho cảnh máu đổ thịt rơi của dân lành đang diễn ra! Lúc lực lượng Miên rút đi, các nhân viên Hồng Thập Tự Quốc Tế đã vào tận nơi để quan sát, giúp đỡ thì vẫn chưa thấy sự có mặt của quân đội Việt Nam. Cả người kể và người nghe đều căm tức, và thấy khó hiểu với sự tình

kia. Nếu sự thật là như vậy, biết đâu đã có một mật lệnh cho các đơn vị ở biên giới phải "ngậm miệng ăn tiền." Vụ Trân Châu Cảng ngày nay thỉnh thoảng được báo chí Mỹ hâm nóng với tiền đề là Mỹ biết trước nhưng muốn để nó xảy ra, để có danh chính ngôn thuận cho hành động của mình. Hai trường hợp tuy có khác nhau chút đỉnh nhưng đều giống nhau ở chỗ cùng "ngậm miệng ăn tiền." Sang mẩu chuyện thứ hai, đương sự kể rằng trên đường tiến quân, các cấp chỉ huy thường tập trung dân chúng Miên lại nuôi ăn tập thể và nói chuyện để họ hiểu lý do tiến quân của Việt Nam là để "giải phóng" họ. Dân chúng rất vui mừng khi quân Việt Nam đến. Nhưng có điều mỉa mai là khi anh chàng thông dịch viên la cà chuyện trò làm quen với dân bản xứ thì mới nghe họ tâm tình rằng họ thích lính Sài Gòn hơn. "Lính Sài Gòn," theo người kể chuyện, ám chỉ lính Việt Nam Cộng Hòa. Người viết nhớ lại năm 1970, trong đợt biến động chính trị của xứ Chùa Tháp, Việt Nam Cộng Hòa từng gửi một lực lượng quân sự sang Campuchia giúp hồi hương Việt kiều, và người dân Miên đã có dịp "làm quen" với người lính miền Nam từ dạo ấy. Đề cập đến người Việt tại Kampuchia, người ta có thể ghi nhận một điều là so với các vùng trên thế giới có người Việt sinh sống hiện nay, thì đất nước này được xem là bất an nhất đối với người Việt. Chung qui cũng do người ta muốn khơi lại những đố kỵ dân tộc bắt nguồn từ hoàn cảnh lịch sử xa xưa của hai nước cho mục tiêu chính trị. Giáo sư Nguyễn Quốc Lộc, một tác giả trong nước, trong cuốn sách tựa đề "Người Việt ở Thái Lan-Campuchia-Lào" đã cho biết trong các dịp tranh cử, nhiều đảng phái và tổ chức chính trị ở Campuchia đã dùng đề tài Việt kiều cho chiến dịch vận động tranh cử của họ.

Trong lúc vui chuyện, ông bạn mới cũng bộc bạch với chúng tôi những buồn vui của xã hội Campuchia ngày nay. Người giàu thì có mọi thứ, được đãi ngộ, vì đồng tiền mua được tất cả, kể cả luật pháp. Người nghèo thì không có tiếng nói, chỉ câm nín mà chịu đựng! Ông ta cho biết, chính vì xã hội như vậy nên nhóm tàn quân của Pon Pot trong rừng hiện nay vẫn còn tuyên bố rằng họ mới là chính phủ của nhân dân Campuchia (của người nghèo). Theo ông, bầu không khí Campuchia vẫn còn lẩn quất nỗi lo sợ sự trở lại của cái chính thể khủng khiếp kia. Ông ta cũng đề cập đến y tế của Campuchia. Ngày nay nhiều người Miên thuộc tầng lớp khá giả có khuynh hướng sang chữa bệnh ở các bệnh viện Sài Gòn; chính ông cũng đã làm một chuyến đi như thế. Còn đời sống tinh thần của thủ đô Nam Vang, theo ông bạn mới, nghèo nàn hơn xưa. Dân Nam Vang bây giờ không có nhiều thú tiêu khiển. Dưới thời ông hoàng Sihanouk, vào những dịp lễ hội và cuối tuần nhiều địa điểm vui chơi, giải trí tự do ngoài trời được tổ chức cho dân chúng. Ngày nay, mỗi cuối tuần giới giàu có ở Nam Vang thường đem bồ bịch, hoặc cả gia đình đến bãi cỏ trước hoàng cung thưởng thức những món ăn khoái khẩu được bày bán lộ thiên ở đây. Và đó là chỗ duy nhất ở thủ đô thu hút đông người. Dưới thời quốc trưởng Sihanouk làm gì có tình trạng buôn bán bừa bãi ngay trước hoàng thành như thế. Người hướng dẫn du lịch cho chúng tôi biết hoàng cung bây giờ hư hại nhiều, mà chính phủ chưa có đủ ngân khoản để tu bổ. Vua và hoàng hậu Miên hiện chỉ ở một ngôi nhà nhỏ trong thành. Nam Vang cũng không còn quyến rũ du khách như trước kia. Ngành du lịch chỉ phát triển ở khu di tích Đế Thiên Đế Thích cách Nam Vang về phía bắc khoảng tám giờ xe.

Quay sang chuyện chính trị của đất nước Chùa Tháp, người viết thấy trên đường phố Nam Vang những khẩu hiệu lớn, "Long Life the Kingdom of Cambodia," rồi tên những chính đảng "The CAMBODIAN PEOPLE'S PARTY," "FUNCINPEC PARTY," và "SAM RAINSY PARTY." Được biết Cambodian People's Party (đảng Nhân Dân Campuchia) là đảng của đương kim thủ tướng Hun Sen, đảng FUNCINPEC (đảng Bảo Hoàng) là đảng do hoàng thân Norodom Ranariddh sáng lập và làm chủ tịch. Nhưng mới đây, vào ngày 18-10-2006, ông vừa bị truất phế, có lẽ do tranh chấp nội bộ, và người kế vị là hoàng thân Kev Put-Reaksmei. Còn Sam Rainsy Party (đảng Quốc Gia Khmer) mang tên người chủ tịch là Sam Rainsy. Đảng của thủ tướng Hun Sen được xem là thân Việt Nam, đảng FUNCINPEC (Bảo Hoàng) thì ôn hòa, trung dung, và đảng Sam Rainsy đối lập với chính quyền hiện tại. Campuchia theo thể chế quân chủ lập hiến, và vị quốc trưởng hiện nay là hoàng thân Norodom Sihamoni, con trai cựu hoàng Sihanouk.

28-10-2006

1.- Người Việt ở Thái Lan-Campuchia-Lào (trang 147) Của Giáo Sư Nguyễn Quốc Lộc, Nhà Xuất Bản Văn Nghệ, TP Hồ Chí Minh 2006

Thư của các Nhà văn

NGUYỄN HƯNG QUỐC

Mới đây, trong lúc lục đống giấy tờ cũ để tìm tài liệu cho một bài viết mới, tôi tình cờ đọc lại mấy bức thư của nhà văn Mai Thảo (1927-1998) gửi cho tôi. Mai Thảo mất chưa tới mười năm. Vậy mà những bức thư ấy, dù được giữ gìn khá cẩn thận, giấy đã bắt đầu ố và một số nét chữ đã bắt đầu bị phai hay nhoè đi rồi.

Cầm những bức thư của Mai Thảo, quên bẵng cái đề tài mình đang định tìm tòi, tôi cứ tần ngần nghĩ ngợi mông lung.

Về Mai Thảo.

Về một số nhà văn và nhà thơ khác mà tôi quen biết.

Và về thư như một thể loại văn học.

*

Từ giữa thế kỷ 20 đến nay, được gợi hứng từ lời tuyên bố "Thượng đế đã chết" của Nietszche, nhiều nhà phê bình và lý thuyết văn học trên thế giới thường hay nói đến những cái chết trong văn học: thoạt đầu, cái chết của tiểu thuyết, sau, cái chết của thơ; và đâu đó, ở khoảng giữa, cái chết của tác giả. Cho đến nay, hình như không lời báo tang nào thành sự thực. Tiểu thuyết vẫn còn. Thơ vẫn còn. Tác giả vẫn còn là một quyền lực lớn lao đằng sau các văn bản. Chỉ có một thể loại hình như có nguy cơ chết thật, chết một cách lặng lẽ: thư.

Trong hơn nửa thế kỷ vừa qua, thư bị tấn công dồn dập: thoạt đầu, với sự ra đời của điện thoại, sau, của điện thoại di động, và, quan trọng nhất, của điện thư (email) và các hình thức chuyện trò qua internet. Hiện nay, dĩ nhiên vẫn còn khá nhiều người ở nhiều nơi trên thế giới tiếp tục viết thư cho nhau. Nhưng, không còn hoài nghi gì nữa, số lượng những người duy trì được thói quen viết thư như thế càng ngày càng hiếm; tuổi tác của họ cũng càng ngày càng cao: một lúc nào đó, có lẽ không lâu lắm nữa đâu, thư chỉ còn là một hoài niệm.

Ở Việt Nam, thậm chí thư không tồn tại được như một hoài niệm. Bởi nó chưa từng hiện hữu một cách công khai, đàng hoàng, chính thức; hoặc nếu hiện hữu, sự hiện hữu ấy cũng quá mờ nhạt, không hình thành hẳn một thể loại riêng. Những chiếu, biểu, tấu, sớ, hay ngay cả những *Quân trung từ mệnh*, những *Hải ngoại huyết thư*, những *Thư thất điều*... tuy lừng lẫy một thời, vẫn nặng tính chất chính trị. Giá trị của chúng rõ ràng là lệch về phía lịch sử hơn là phía văn học.

Những bức thư, thực sự là thư, của các nhà văn và nhà thơ, được xuất bản rất ít. Phần lớn chỉ là những trích đoạn. Và những trích đoạn ấy cũng khá hoạ hoằn. Lâu, lâu lắm mới bắt gặp một vài trích đoạn ngắn trên báo chí. Chỉ gần đây, tôi mới thấy một tuyển tập thư đầu tiên bằng tiếng Việt được in: tập *Hồi ức tình yêu* của vợ chồng nhà văn Vũ Tú Nam và nhà báo Thanh Hương (nxb Lao Động, Hà Nội, 2001). Tiếc, đó không phải là tập thư hay. Không hay ở nhiều khía cạnh. Thứ nhất, cả Vũ Tú Nam lẫn Thanh Hương đều không phải là những văn tài lớn. Thư họ không có cái đẹp lấp lánh ở ngôn ngữ. Thứ hai, thời gian họ viết thư cho nhau, kéo dài cả nửa thế kỷ, là thời gian chiến tranh khốc liệt, ảnh hưởng của chủ nghĩa Mao và chủ nghĩa Stalin đè bẹp ý thức cá nhân: thư của cặp tình nhân và cặp vợ chồng ấy biến thành thư của hai cán bộ tận tuỵ, đầy "tính đảng," và cũng do đó, rất nhạt nhẽo.

Điều tôi cảm thấy thú vị nhất không nằm ở bản thân tập thư mà ở hoàn cảnh ra đời của nó: mặc dù Vũ Tú Nam và Thanh Hương nâng niu gìn giữ hơn 500 bức thư của họ trong cả nửa thế kỷ, thế nhưng, như lời giới thiệu ở đầu sách, người đầu tiên nhận ra ý nghĩa và khuyến khích xuất bản những bức thư ấy lại là một nhà văn nữ người Mỹ từng sống lâu năm ở Việt Nam: Lady Borton. Chính Lady Borton là người đầu tiên phát hiện ra giá trị của những bức thư tình riêng tư và cũ kỹ ấy, đã khuyến khích Vũ Tú Nam và Thanh Hương chọn lọc và xuất bản, cuối cùng, đã đứng ra viết lời giới thiệu cho tập thư tình ấy. Ngoài Lady Borton, người thứ

hai động viên việc xuất bản các bức thư ấy cũng lại là một người Mỹ, ông Edwin Stephenson, tác giả cuốn *Journey of the Wild Geese* vốn tập hợp những bức thư mà ông và vợ ông gửi cho nhau trong thời gian hoạt động từ thiện ở châu Âu sau cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai. Vũ Tú Nam và Thanh Hương kể: "Khi được Lady kể về cái 'kho' thư từ của chúng tôi, Edwin gửi tặng ngay cuốn sách mới in chưa ráo mực, nhằm động viên chúng tôi nên soạn các bức thư và cho công bố." (1)

Có thể nói lời giới thiệu của Lady Borton và sự động viên của Edwin Stephenson không phải là lời giới thiệu và động viên của một, hai cá nhân mà còn là, nếu không muốn nói trước hết là, lời giới thiệu và động viên của một nền văn hoá, cái nền văn hoá, ở đó, người ta có thể dễ dàng thấy được ý nghĩa sử liệu, văn hoá, và cả văn học ở những bức thư ngỡ như riêng tư và thầm kín nhất.

*

Vâng, quả là dễ dàng. Ở Tây phương, chỉ cần bước vào thư viện hay các tiệm sách, người ta có thể nhận ra vô số các tuyển tập thư được xuất bản một cách trân trọng. Mà đó không phải là hiện tượng mới. Phần lớn các triết gia cổ đại của Hy Lạp, từ Plato đến Aristotle, Isocrates, Demosthenes và Epicurus đều viết khá nhiều thư, trong đó, trừ Aristotle, một số thư của những người khác vẫn còn lưu truyền đến tận ngày nay. Thời bành trướng của đế quốc La Mã, thư từ lại càng phát triển vượt bậc, không phải chỉ là một phương tiện truyền thông mà còn là một thể loại văn học có những thành tựu rực rỡ với tên tuổi lớn như Marcus Tullius Cicero (106 B.C.-43 B.C.), Gaius Plinius Caecilius Secundus (thường được gọi là Pliny trẻ, 62 — 113 A.D.), Lucius Annaeus Seneca (thường được gọi là Seneca hoặc Seneca trẻ, 4B.C. — 65 A.D.), thánh Paul, và Quintus Aurelius Symmachus (thường được gọi là Eusebius, 345-402?). Thư của họ còn lại rất nhiều: riêng Cicero còn 774 bức (2) và Symmachus còn lại khoảng 900 bức (3). Đề tài của thư vô cùng đa dạng: trong khi thư của Paul tập trung vào các vấn đề tôn giáo và thư của Seneca vào các vấn đề triết học, thư của Cicero, Pliny và Symmachus viết về đủ loại, từ triết học, chính trị, khoa học, xã hội đến cả những chuyện tình cảm riêng tư với bạn bè và vợ con. Những bức thư này được đánh giá rất cao: thư của thánh Paul trở thành một bộ phận quan trọng, và dưới mắt một số nhà nghiên cứu lịch sử, tôn giáo và văn hoá, bộ phận thú vị nhất trong Tân Ước; thư của Seneca được xem là những tài liệu kinh điển về chủ nghĩa khắc kỷ (Stoicism), còn thư của Symmachus, Pliny và đặc biệt, của Cicero được xuất bản thành tập ngay từ một, hai thế kỷ trước và sau của công nguyên, và được xem là mẫu mực của nghệ thuật viết thư trong cả hai ngàn năm nay.

Nếu ở thời cổ đại, thư từ đóng một vai trò quan trọng trong việc phát triển siêu hình học và truyền bá đức tin Thiên Chúa giáo, ở thế kỷ 17 và 18, thư từ lại cũng đóng một vai trò cực kỳ quan trọng trong việc hình thành và vận hành của cái gọi là nền Cộng Hoà Văn Học (Respublica literaria) ở châu Âu (4). Những đặc điểm nổi bật nhất của thời kỳ này là sự đăng quang của lý trí, sự bùng nổ của kiến thức, từ đó, sự nở rộ của triết học và sự phát triển vượt bậc của khoa học và kỹ thuật. Động cơ thúc đẩy những sự thay đổi đột biến này là những hình thức tương tác mới giữa giới trí thức thời bấy giờ: các hội chuyên môn, các tập san và đặc biệt, thư từ giữa các cá nhân với nhau. Các hội hay câu lạc bộ chuyên môn chỉ giới hạn phạm vi hoạt động trong một không gian nhất định, còn các tập san chuyên môn chỉ ra đời từ giữa thế kỷ 17 và chỉ thực sự trở thành phổ biến từ đầu thế kỷ 18, như vậy, trước đó, thư từ là hình thức tương tác có quy mô rộng rãi nhất. Không phải ngẫu nhiên mà hầu như tất cả các câu lạc bộ khoa học đều khuyến khích, thậm chí ghi thành điều lệ buộc các thành viên, bằng mọi cách, phải mở rộng quan hệ thư từ với các học giả ở khắp nơi để kịp thời nắm bắt mọi phát minh mới cũng như mọi dự định xuất bản mà giới trí thức đang ấp ủ. Họ xem đó như một cách tốt nhất để cập nhật kiến thức, để thiết lập và duy trì những "đại học vô hình" (invisible colleges) giữa các học giả (5).

Nhiều tên tuổi lớn còn lại trong lịch sử khoa học không phải nhờ các công trình đã xuất bản mà chủ yếu là qua các thư từ họ đã viết ra. Nicolas Claude Fabri de Peiresc (1580-1637) là một ví dụ khá điển hình: trong khoảng hơn 40 năm, ông viết hơn mười ngàn bức thư. Những bức thư ấy, cũng như vô số các bức thư khác, trở thành một trong những nguồn tài liệu quan trọng và đáng tin cậy nhất trong việc tái hiện diện mạo quá khứ và những chặng đường phát triển của khoa học và tư tưởng nhân loại. Dù

trên thực tế, phần lớn thư từ đều được nhiều người đọc, nhưng trên nguyên tắc, thư vẫn mang tính riêng tư, do đó, thoát được mọi hình thức kiểm duyệt nghiệt ngã thời xưa, và cũng do đó, phản ánh được những ý nghĩ trung thực của người viết. Galileo, ngay cả sau khi bị giáo hội La Mã lên án gay gắt, vẫn tiếp tục theo đuổi và khai triển các khám phá riêng của ông qua các thư gửi những người ái mộ ông ở Pháp như Elia Diodati và cả Nicolas Claude Fabri de Pieresc (6).

Nhờ việc trao đổi thư từ như thế, giới làm khoa học và triết học ở các nơi kết tập thành một mạng lưới chặt chẽ; kiến thức nhanh chóng được tích luỹ và lưu truyền, để trên cơ sở đó, khoa học có thể thực hiện được những bước nhảy vọt kỳ diệu, đôi khi mang tính đột biến, làm thay đổi hẳn lịch sử. Có thể nói, thư từ chính là tiền thân của hình thức báo cáo khoa học và tiểu luận triết học sẽ gắn liền với môi trường đại học sau này. Theo Daniel Roche, thói quen trao đổi thư từ cho nhau giữa các học giả là một trong những truyền thống đóng vai trò quan trọng nhất trong việc xác lập nên chính khái niệm "Cộng Hoà Văn Học" (7); theo Maarten Ultee, vai trò ấy quan trọng đến độ thư từ trở thành tâm điểm của nền Cộng Hoà Văn Học (8).

Truyền thống trao đổi thư từ ấy kéo dài mãi về sau. Ở vô số nhà văn, nhà thơ nổi tiếng, bên cạnh đam mê sáng tác còn có đam mê viết thư.

Nghĩ đến những người viết thư nhiều ở Tây phương, trong trí nhớ tôi hiện ra ngay một số tên tuổi, như: bà de Sévigné, tác giả của hơn một ngàn bức thư gửi cho con gái; Patrick White, nhà văn Úc, tác giả của khoảng hơn ba ngàn bức thư, chưa kể mấy trăm bức thư khác gửi cho mẹ và cho bạn bị ông thu hồi và đốt hết; Rainer Maria Rilke, tác giả của khoảng mười ngàn bức thư gửi cho nhiều người khác nhau. Henry James để lại hơn mười lăm ngàn bức thư; Voltaire để lại hơn hai chục ngàn bức thư (9); đặc biệt Lewis Carrol, tác giả cuốn *Alice in Wonderland*, trong vòng 37 năm, viết cả thảy gần một trăm ngàn bức thư! Theo Mary V. Dearborn, trong cuốn *The Happiest Man Alive*, mỗi ngày nhà văn Henry Miller bỏ ra khoảng hai hay ba tiếng đồng hồ để viết thư. Ngoài 70 tuổi, Miller yêu một cô gái Trung Hoa tên Lisa Lu, lúc ấy mới khoảng 30 tuổi: trong vòng chín tháng, Miller viết cho cô 224 bức thư. Liên quan đến thư tình, Graham Greene viết còn nhiều hơn cả Henry Miller: trong vòng khoảng 30 tháng, ông viết cho Vivien, người yêu của ông, hai ngàn bức thư. Có ngày ông viết tới ba bức! (10)

Không phải chỉ viết thư riêng cho nhau, nhiều người trong giới cầm bút Tây phương còn chọn cách trình bày các luận điểm của mình dưới hình thức những bức thư ngỏ gửi công khai cho ai đó: ở đây, thư được dùng như một thủ pháp nhằm phát huy giọng điệu tâm tình hầu thuyết phục người đọc không phải ở phương diện nhận thức mà còn cả ở phương diện tình cảm (11). Cũng có một số nhà văn đã sử dụng thư như một hình thức chính để dẫn dắt câu chuyện và phân tích nội tâm nhân vật trong các tác phẩm tự sự của mình. Ovid, sinh năm 43 trước công nguyên và mất năm 18 sau công nguyên, tức lớn tuổi hơn hai Bà Trưng ở ta đã viết cuốn Epistulae Heroidum (hay Heroides), dưới hình thức mười tám bức thư của những phụ nữ nổi tiếng trong thần thoại Hy Lạp gửi cho những người chồng hay những người yêu xa vắng của họ, và ba bức thư hồi đáp của chồng hay người yêu họ (12). Hình thức tương tự cũng xuất hiện lại trong tác phẩm của Jean-Jacques Rousseau: *La nouvelle Heloise*, của Alphonse Daudet trong cuốn *Lettres de mon Moulin*, của Samuel Richardson trong cuốn *Pamela*, của Laclos trong cuốn *Les liaisons dangereuses*. Cuốn tiểu thuyết Lady Susan của Jane Austen (1775-1817) được cấu trúc bằng 41 bức thư và một lời kết luận ngắn. Jane Austen còn có một cuốn tiểu thuyết khác, cuốn *Elinor and Marianne*, tiền thân của cuốn *Sense and Sensibility*, cũng được viết dưới hình thức những bức thư.

Việc dùng thư như hình thức diễn tả chính trong các tác phẩm tự sự như vậy bây giờ vẫn còn khá phổ biến, đặc biệt từ các cây bút nữ: từ India, Ruth Prawer Jhabvala có cuốn *Heat and Dust* (1975); từ Senegal, Mariama Ba có cuốn *So Long a Letter* (1980); từ Argentina, Sylvia Molloy có cuốn *Certificate of Absence* (1981); từ Mỹ, Alice Walker có cuốn *The Color Purple* (1982); từ Úc, Elizabeth Jolley có cuốn *Miss Peabody's Inheritance* (1983); từ Brazil, Helena Parente Cunha có cuốn *Woman Between Mirrors* (1983); từ Canada, Magaret Atwood có cuốn *The Handmaid's Tale* (1986); v.v... Sự xuất hiện ào ạt của các cây bút nữ trong thể tiểu thuyết bằng thư (epistolary novels, theo nghĩa truyền thống cũng như cách tân) này khiến giới nghiên cứu giật mình nhận ra hình như có mối

LÝ THỪA NGHIỆP

Biên Thùy Mùa Xuân

Nắng tô vàng mái hiên chùa
Sư về giũ áo gọi Mùa Xuân lai
Nửa đêm rót bát trăng đầy
Đánh chuông Bát-nhã một chày kình thiên
Nghe ra mười cõi hiện tiền
Đất đai sông núi nối liền bản tâm.

Nắng mưa nhựt nguyệt xoay vần
Sư về phơi áo một lần bên sông
Ngắm mây nước đó phiêu bồng
Nụ cười như khói theo dòng trôi đi
Rừng phong lá vẫn thầm thì
Liên hoa nở khắp biên thùy Mùa Xuân.

quan hệ nào đó giữa phụ nữ và thư từ. Nhìn lại lịch sử, thấy, hình như đúng như thế. Hai thời kỳ tiểu thuyết bằng thư nở rộ nhất là vào thế kỷ thứ nhất trước Công nguyên (ở La Mã) và thế kỷ 17-18 (ở Pháp và Anh): đó cũng là hai thời kỳ có những thay đổi lớn trong thân phận của người phụ nữ và trong nhận thức về bản sắc văn hoá của cá nhân cũng như dân tộc (13).

Tất cả những hiện tượng kể trên, từ việc viết thư để thông tin, để thuyết phục và để tâm tình, cũng như việc sử dụng thư như một hình thức tự sự chính, đã nói lên ý nghĩa quan trọng của thư từ trong nền văn học và văn hoá Tây phương. Về phương diện sử học, chúng là những tư liệu quý báu, không những soi sáng nhiều vẻ đẹp vốn dễ bị xem là bí ẩn trong tác phẩm của các nhà văn, nhà thơ mà còn khai mở nhiều góc cạnh khuất khúc trong cuộc đời của các nhà văn, nhà thơ ấy cũng như, với những mức độ khác nhau, cả cái thời đại mà họ sống và sáng tác. Một phần nhờ những bức thư như thế, ở Tây phương, tài liệu có tính văn học sử bao giờ cũng giàu có đến độ khiến chúng ta phải thèm thuồng, thậm chí, ghen tị. Về phương diện nghệ thuật, thư từ là một thủ pháp đắc dụng để bộc lộ những gì u uẩn trong nội tâm và dễ dàng khơi động sự đồng cảm ở người đọc. Có thể nói, một cách tổng quát, thư từ là một thể loại văn học với một lịch sử riêng và những đặc trưng nghệ thuật và mỹ học riêng, ở đó, chúng ta được hưởng những cảm giác thích thú theo những hơi văn dìu dặt hay những triều tư tưởng dào dạt từ những cây bút không những tài hoa trong diễn đạt mà còn cực kỳ thông minh và tinh tế trong cách nhìn văn học cũng như nhìn cuộc đời.

*

Đó là chuyện ở Tây phương.

Còn ở Việt Nam? Thư, với tư cách một thủ pháp nghệ thuật và một hình thức tự sự, cũng đã được sử dụng; không nhiều, nhưng có, từ Nhất Linh, trong truyện ngắn "Mười năm qua" đến Toàn Phong trong cuốn *Đời phi công* (1960) và một số nhà văn khác, trong đó có Võ Phiến với những "Thư nhà" (1962), *Thư gửi bạn* (1976) và *Lại thư gửi bạn* (1979), v.v... (14). Nhưng liên quan đến thư, với tư cách một hình thức trao đổi riêng tư giữa giới cầm bút với nhau, có ba sự kiện không thể phủ nhận được: viết thư chưa phải là một thói quen của đa số người cầm bút; việc sưu tập và bảo quản thư từ của giới cầm bút chưa phải là một thói quen của xã hội, kể cả ở giới trí thức; và việc xuất bản những bức thư ấy chưa phải là một thói quen trong sinh hoạt văn học.

"Chưa", trong trường hợp này, cũng có nghĩa là không, không bao giờ: với sự phổ cập của các phương tiện truyền thông hiện đại, thói quen viết thư cho nhau lại càng không có cơ hội để nẩy nở. Bởi vậy, những nhà văn và nhà thơ được xem là viết thư nhiều nhất từ đầu thế kỷ 20 đến nay cũng dễ dàng trở thành những người viết thư nhiều nhất trong cả lịch sử văn học Việt Nam nói chung: họ là những thế hệ đầu tiên và đồng thời, có lẽ, cũng là những thế hệ cuối cùng được nuôi dưỡng trong văn hoá thư từ. Họ mới xuất hiện chưa bao lâu đã đối diện ngay với nguy cơ tuyệt chủng. Cũng bởi vậy, những bức thư của các thế hệ này chắc chắn là

những di sản cực kỳ quý báu, chỉ xuất hiện một lần. Rồi thôi. Trước: không có. Từ nay về sau: càng không thể có.

Nhưng ai là những nhà văn và nhà thơ viết thư nhiều nhất lâu nay? Tôi không biết. Khi thư từ của giới cầm bút chưa được sưu tập và bảo quản, chúng ta sẽ không có cơ sở nào để biết được câu trả lời chính xác cả. Tôi chỉ biết chắc một điều: những bức thư ấy, dù do bất cứ nhà văn và nhà thơ nào viết ra, cũng đang tản mát khắp nơi và phần lớn đang đối diện với nguy cơ bị mục nát theo thời gian.

Trong số những bức thư đang dần dần biến mất ấy chắc chắn sẽ có những bức thư chứa đựng những tài liệu vô giá liên quan đến những cây bút tài hoa nhất và những vấn đề quan trọng nhất của văn học Việt Nam đương đại. Mất chúng, nhiều bí ẩn sẽ vĩnh viễn là những bí ẩn. Vĩnh viễn.

Đối diện với tình trạng ấy, chúng ta có thể làm được gì chăng?

Nhớ, đâu khoảng đầu năm 2002, một người bạn cầm bút nổi tiếng hiện sống tại Mỹ gửi cho tôi một bức thư, kèm theo bức thư ấy là bản sao bức thư của một nhà văn khác, tạm gọi là nhà văn X. Người bạn ấy viết: "Lá thư của X này, đọc thú vị quá, mình 'cầm lòng không đặng,' phải chia sẻ mặc dù không có thói quen tiết lộ những thư riêng, chuyện riêng..." Rồi, bất ngờ, cuối thư, anh đề nghị: "Mình (tụi mình) một ngày sẽ in một tập thư X chơi nhé!? Nước mình chưa đọc thư (letters) đâu!"

Từ khi đọc những lời rủ rê của anh bạn ấy, nhất là câu "Nước mình chưa đọc thư (letters) đâu," tôi cứ đâm ra nghĩ ngợi mãi.

Đến tận bây giờ.

Càng nghĩ ngợi hơn nữa khi nhớ, cách đây mấy chục năm, nhà văn Tam Ích từng có lần đề nghị với nhà văn Vũ Bằng là hai người sẽ viết và in chung một tập thư, dự định lấy nhan đề là *Thư giữa Vũ Bằng và Tam Ích* (15). Tập thư ấy vĩnh viễn không bao giờ ra đời, thậm chí có lẽ chưa kịp bắt đầu, vì chỉ mấy tháng sau đó Tam Ích đã tự tử. Để đưa đầu vào được sợi dây thòng lọng lơ lửng từ trần nhà, ông đã đứng lên trên một chồng sách thật cao.

Tôi lại càng nghĩ ngợi miên man khi cầm trên tay những bức thư của Mai Thảo tình cờ nhìn thấy trong đống hồ sơ cũ. Mai Thảo mất vào tháng giêng năm 1998. Đến bây giờ, mới được chín năm. Mà giấy đã bắt đầu vàng và chữ cũng đã bắt đầu phai rồi.

Nhanh vậy sao?

18.11.2006

Chú thích

1.Vũ Tú Nam – Thanh Hương (2001), Hồi ức tình yêu qua những lá thư riêng *(1950-1968), Hà Nội: Nxb Lao Động, tr. 8.*

2. Finley Hooper & Matthew Schwartz (1991), Roman Letters, History from a Personal Point of View, *Detroit: Wayne State Unisersity Press, tr. 18.*

3. E.J. Kenney và W.V. Clausen (biên tập) (1982), The Cambridge History of Classical Literature, *vol. 2, tr. 759.*

4. Dena Goodman (1994) The Republic of Letters, a Cultural History of the French Enlightenment, *Ithaca & London: Cornell University Press, tr. 17.*

5. David A. Kronick, "The Commerce of Letters: Networks and 'Invisible Colleges' in Seventeenth- and Eighteenth-Century Europe", Library Quarterly, *January 2001.*

6. Như trên.

7. Dena Goodman (1994), sđd, tr. 17.

8. Như trên, tr. 18.

9. Robert Niklaus (1970), A Literary History of France, the Eighteenth Century, 1715-1789, *London: Ernest Benn Limited, tr. 184.*

10. Xem thêm chi tiết trong Nguyễn Hưng Quốc (2000), Văn Học Việt Nam Từ Điểm Nhìn H(ậu H)iện Đại, *California: Văn Nghệ, tr. 268-270.*

11. Cách thức này được sử dụng một cách đặc biệt rộng rãi ở châu Âu, đặc biệt tại Pháp, trong thế kỷ 17 và 18, lúc Pascal có Lettres provinciales *(1656), Furetière có* Lettres portugaises *(1669) Boileau có* Lettres à Perrault *(1700), Montesquieu có* Lettres persanes *(1721), Voltaire có* Lettres philosophiques *(1734), tác phẩm được đánh giá là kiệt tác đầu tiên trong cuộc đời cầm bút của ông, Diderot có* Lettre sur les aveugles *(1749),* Lettre sur les sourdes et muets *(1751), Grimm có* Correspondance littéraire *(1754-90) (lần đầu tiên được xuất bản thành 16 tập trong hai năm 1812-13), Rivarol có* Lettres à M. Necker *(1788); Dom Deschamps có* Lettres sur l'esprit du siècle *(1769); Rousseau có khá nhiều:* Lettres sur la Providence *(1756),* Lettre à M. d'Alember *(thường được gọi là* Lettre sur les spectacles*) (1758),* Lettre à Christophe de Beaumont *(1764),* Lettres écrites de la montagne *(1764),* Lettres à Buttafucco sur la leégislation *(1764-65),* Lettres sur la botanique *(1771), v.v...*

12. Xem Ovid's Heroides *do Harold C. Cannon dịch sang tiếng Anh, Unwin Books xuất bản tại Lodon năm 1972.*

13. Đây là một đề tài thú vị, tuy nhiên, nó vượt ra ngoài khuôn khổ của bài viết này.

14. Chưa kể những bài báo được viết dưới hình thức thư, trong đó, ở hải ngoại, có lẽ nổi tiếng nhất là loạt bài Thư gửi bạn ta *của Bùi Bảo Trúc (đã xuất bản thành sách gồm ba tập).*

15. Vũ Bằng, "Những bức thư cuối cùng của Tam Ích gửi cho tôi", tạp chí Văn Học *(Sài Gòn) số 145 (1 tháng 4, 1972), tr. 69.*

Tình Yêu Buổi Sáng

TƯỜNG HÙNG

Tôi trở về cái giường trắng xoá, để ngỏ cửa sổ. Từ xa tiếng dế mèn vọng lại nỉ non lúc xa, lúc gần. Theo tiếng dế, tôi tưởng như bay qua cây Ngọc Lan đồ sộ, cái toà án chìm trong bóng tối, vượt cái bờ đê sông Hồng, nhìn sang bờ bên kia, chỗ có bãi Phúc Xá, có từng chuỗi đèn lấp lánh trong đêm. Biết đâu Oanh lại không ở đó, trong hội ánh sáng, say vì vải và nhãn quá chín, như cô ve sầu đã nhẩy múa một hè nào. Như anh lính thú đời xưa miệt mài đứng canh đền đài, tượng đá. Tôi tự hỏi bao giờ chúng tôi lại gặp nhau?

Tôi bật cái đèn ở đầu giường, cầm cuốn tiểu thuyết đang đọc từ cả tuần nay. Cuốn truyện rất dầy, tha hồ nhẩn nha đọc, lang thang từng hồi. Đó là cuốn Tam Quốc Chí, mà tôi đã đọc không biết bao nhiêu lần mà không chán.

Giường êm, đệm sạch, sách hay, tôi khoan khoái thưởng thức giở từng trang để tìm chỗ đọc tiếp. Giấy khô và đã cũ kỹ, chữ in vẫn có cái thi vị của một thời đã qua, cũng như những hình vẽ cổ kính hình dung Quan Công, Tào Tháo, Khổng Minh, v.v... làm tôi đọc tới khuya. Mấy con côn trùng nhỏ xíu, xanh trong, bay quấn chung quanh ngọn đèn, đụng vào cái chụp thành tiếng xào xạc khe khẽ. Đêm yên tĩnh, vài con chó sủa xa xa, dế vẫn kêu rên rỉ không thôi, và hình ảnh Oanh thỉnh thoảng hiện lẫn vào các nhân vật thời Tam Quốc, giữa trận đánh nhau giữa quân Ngô và quân Nguỵ chẳng hạn, đầu rơi máu chẩy, đoàn người ngựa chạy rầm rập, và nàng đứng coi, như một khán giả coi phim chưởng.

Một con châu chấu bé tý đậu lên trang giấy, giữa hai dòng chữ, yên lặng như muốn nghỉ mệt, rồi đưa các chân mỏng manh vuốt lên đầu, mắt và thân thể, cử chỉ rất thứ tự, rõ ràng. Tôi nhìn nó, mơ màng, thiếp đi, mập mờ muốn gặp Oanh, như một thi sĩ gặp người đẹp trong truyện Liêu Trai.

Tôi từ từ thức giấc, đầu óc sáng suốt nhẹ bẫng. Trời hồng ánh mặt trời, vài đám mây nằm rải rác. Chắc còn sớm lắm, và tôi biết là tôi đang ở Hàng Tre, nằm trên giường có khăn giường trắng xoá mới giặt, giữa mùa hè, ngày dài đêm ngắn. Giấc ngủ của tôi chắc sâu lắm và ngon lành, nên tôi mới có cảm tưởng vừa chợp mắt thì trời đã sáng. Gió nhẹ lùa qua cửa sổ, tôi kéo cái chăn mỏng lên người. Cái quạt máy vẫn quay đều đều từ đêm hôm qua, như từ ngày tôi còn bé. Tôi yêu cái tiếng lùa gió đều đều của cái quạt máy để bàn, như bài ru ngủ cho trẻ con. Làm tôi yên tâm rằng không bao giờ có gì thay đổi. Nhưng tôi lầm, trong phòng này có cái gì khác lạ. Cái cửa sổ chấn song sắt vẫn in lên trên nền trời mầu hồng, cái quạt vẫn quay từ từ sang phải sang trái, cái khăn giường vẫn giữ mùi xà phòng, và tôi vẫn nằm im trên giường.

Bỗng tôi nghe thấy tiếng người đang thở nhẹ bên tai tôi qua tiếng gió lùa của quạt máy. Tôi sợ hãi lạnh tuốt xương sống như có con rắn đang bò trên lưng. Tôi cứng người, không còn đụng đậy được nữa, chỉ giương mắt ngắm mây vẫn thản nhiên nằm dài không động, tai nghe chim sẻ ríu rít đầu nhà.

Dần dần tôi tỉnh trí, khẽ quay đầu để nhìn ra sau lưng tôi, và tôi thấy một làn tóc đen, một mùi vỏ chanh thơm thơm, thì ra "anh ta" hay "cô ta" sức nước hoa vỏ chanh. Tôi thở phào nhẹ nhõm không sợ nữa, tò mò muốn biết ai mà lại tới ngủ trong giường tôi.

Tôi chống khuỷu tay, nhón người lên nhìn. Cô gái ngủ quay lưng về phía tôi, cái khăn giường vắt ngang eo lưng, hai tay thu giữa hai đùi, có lẽ nàng hơi lạnh. Tôi nhớ tối hôm qua bà Trần có cho tôi ấm nước nụ vối, đọc truyện Tam Quốc Chí, con châu chấu bé nhỏ, cái đèn ấm cúng, cái cửa sổ mở rộng, tiếng dế mèn ca hát. Ngập ngừng, tôi kéo khăn giường phủ lên lưng cô gái. Tôi gọi khẽ:

- Cô ơi!

Nàng mỉm cười trong giấc ngủ, quàng hai tay lên cổ tôi, thì thầm:

- Anh ơi!

Tiếng nàng trong trẻo. Nàng có vẻ biết tôi lắm, tuy vẫn mắt vẫn nhắm, nàng kéo tôi xuống hôn lên môi tôi một cách dịu dàng, miệng lẩm bẩm vài tiếng mà tôi không hiểu nhưng chắc là vài tiếng yêu đương. Tôi cố suy nghĩ thực mau, lục tìm trong trí nhớ có lẽ lu mờ, nguyên do sự có mặt của cô gái sáng nay quái đản, nhưng tôi phải công nhận rằng có thực, cô ta đang nằm trong giường, đang ngủ, và đã ngủ cả đêm cùng tôi.

Tôi ôm nhẹ mặt cô gái vào hai bàn tay, cô mở mắt nhìn tôi không có một chút ngạc nhiên, và cọ má vào các ngón tay tôi, cô hỏi:

- Anh ngủ có ngon giấc không?

- Tôi đã ngủ rất say, không mộng mị, như vừa chợp mắt thì đã sáng rồi, thực là khoẻ khoắn trong người. Cô là ai, thưa cô?

Cô gái mỉm cười trêu cợt:

- Em là bà Đởm?

- Vậy cô là vợ tôi?

- Cố nhiên!

- Từ bao giờ?

- Từ khi cưới nhau!

- Tôi không hiểu gì cả. Tôi thức giấc thì thấy cô nằm trong giường tôi.

- Như mọi sáng, em thức dậy thì thấy anh nằm bên cạnh!

Cô gái nằm sát vào người tôi, thân thể cô còn nồng giấc ngủ âm ấm. Môi nàng mấp máy buồn buồn cạnh tai tôi, và tôi nghe rõ hơi thở của nàng, như được vào sự thân mật thầm kín của nàng, đôi khi đầu lưỡi nàng đụng nhẹ vào tôi làm tôi rùng mình. Tôi đoán đó là thói quen giữa chúng tôi khi nàng còn nặng giấc mơ đêm. Nàng kể chuyện cũ, vừa kể vừa vuốt ve tôi bằng thân thể nàng nhẫn nhụi trần truồng, tay để lên tôi một cách quen thuộc lơ đễnh:

- Anh còn nhớ không? Ngày xửa ngày xưa, bố em vẽ truyện cho một tuần báo, còn em thì có ông bố cũng hao hao giống anh...

- Vậy cô... cô mến tôi lắm?

- Anh hãy nghe em đây!

- Vâng, tôi xin nghe bằng cả hai tai.

- Tại sao tự dưng anh lại gọi em bằng cô? Anh quen em từ ngày em mới lên năm tuổi.

- Lâu quá rồi! tôi mơ màng nói.

- Em đến thăm anh một chiều mưa, cùng bố mẹ em, mưa rả rích, dầm dề. Khi nhìn thấy anh, em không muốn rời nữa, em nói "em yêu anh và yêu anh mãi mãi."

- Chắc chúng ta gặp nhau trong một giấc mơ nào đó! Và đây, hiện tại này, cũng chỉ là giấc mơ thôi! Em, em nghe kỹ nhé, tôi tên là Đởm, tôi ở trọ mới được vài tuần nay, để trốn quá khứ tuy quá khứ tôi cũng không có gì đáng kể, trốn cái sự vô lý, sợ trách nhiệm làm người, và muốn sống giản dị như một con giun ăn đất rồi lại nhả ra bùn.

- Hay nhỉ! Nàng tinh nghịch trả lời. Còn em là vợ của anh! Từ thuở còn thơ!

Tôi giật mình, ngạc nhiên. Tôi nhìn nàng, nàng vẫn tiếp tục nói:

- Quên hết đi anh! Hiện tại là em. À, anh mỉm cười? Để em nhắc cho anh nghe. Cuộc đời dâu bể không biết đâu mà dò, vì vậy ngày qua rồi lại năm qua, thời đó, chúng ta không gặp nhau nữa. Đó là điều không thể có, mà lại đã xẩy ra.

Nàng nắm tay tôi nhẹ nhẹ, như muốn truyền cho tôi một mật tín. Tôi cũng xiết nhẹ các ngón tay nàng, trả lời. Nàng tiếp:

- Anh bồ của em không có óc khôi hài, giận bố em vì bố em vẽ một nhân vật giông giống anh, một nhân vật khá kỳ khôi, vì truyện vẽ rất hài hước. Anh ta đóng cửa đánh sầm một cái và bỏ luôn cả em, đúng lúc mùa thu lá rụng tơi bời trong sở thú, nơi mà em đi lang thang để đỡ buồn. Rồi em đi dọc đường Cổ Ngư giữa hồ Tây và hồ Trúc Bạch, lên phía cô hàng bánh tôm, trước chùa Trấn Quốc. Bánh Tôm hồ Tây là món giải buồn rất hiệu nghiệm.

Nàng để ngón tay trỏ của tôi bên cạnh cái rốn của nàng. Chắc cũng là một thói quen giữa nàng và "tôi". Tôi nhè nhẹ vẽ vòng tròn chung quanh rốn.

- Trong khi đợi bánh Tôm, em ngửi mùi củi cháy ngào ngạt, nhìn mây thu xây thành trên đê Yên Phụ, nhặt cái búp đa, xé một đầu để thổi phồng như thổi vào quả bóng. Bánh Tôm ròn, rau muống chẻ uốn cong như mớ bòng bong, nước mắm ớt cay xót xa, và em chợt muốn đi tìm anh, như tìm một sự an ủi xa xôi.

Tôi lại nghĩ ngợi thực nhanh, tuy không tin vào cái thông minh của tôi - chưa bao giờ - tôi được nhìn một đôi mắt đen tím, chứ không phải đen tuyền, như đôi mắt của "Oanh," tôi cứ tạm gọi cô gái là Oanh, và mái tóc mềm mại xoà như mây trên đôi vai tròn của nàng. Cô gái không quen này có lý: hiện tại là thân thể cô ta nằm cạnh tôi, da trắng như ngó sen nổi bật dưới làn tóc đen có ánh hồng của đồng, đôi vú mới

nở như hai trái đào. Tôi là một thằng đần nếu không biết hưởng tình cảnh này, cô ta tưởng, và tin, tôi là chồng cô ta. Vậy ai là chồng một cô gái xinh đẹp như vậy? Tôi đánh bạo hôn nàng, nàng cũng hôn lại một cách tự nhiên. Tôi nghĩ thầm: "Vậy tôi có thể thay người kia, người chồng của cô ta. Mập mờ đánh lộn con đen." Tôi hối hận nghĩ tiếp.

Nàng để bàn tay vuốt dọc trên người tôi, mỉm cười:

- Sáng nay anh đầy nhựa sống!

- Mọi sáng khác thì anh ra sao? Tôi hỏi, muốn tìm hiểu thêm cái "tôi" kia.

- Cũng vậy, nhưng khác nhau.

Nàng lắc đầu, tung làn tóc lên. Chim sẻ vẫn kêu ríu rít dưới mái nhà, mây vẫn lười biếng trôi trên nền trời bây giờ sáng vàng. Tôi nhìn quanh tôi, đồ đạc, tường, trần nhà, cái quạt máy, cô gái trần truồng ngồi trên bờ giường, hai tay chống xuống nệm, lưng thẳng, ngực bướng bỉnh và kiêu ngạo. Đã nhiều lần tôi ngủ mê, biết là mình đang mê, biết mình sẽ tỉnh, nên tôi đưa tay sờ mặt cô gái, từ từ, thong thả. Theo từng nét mặt, mà vẫn chưa tỉnh, giấc mơ vẫn còn. Tôi gọi:

- Oanh!

- Dạ, thưa anh?

Vậy tên nàng cũng là "Oanh" như tôi dự đoán, đúng như Oanh mà tôi đi theo từ lâu. Biết đâu, vâng, biết đâu "Oanh" lại là Oanh? Tôi hỏi, tò mò:

- Em còn nhớ đám cưới của chúng ta không?

Nàng nhìn một vệt nắng mới rơi trên sàn gỗ, các hạt bụi nhỏ li ti bay múa hỗn độn. Đó là một cử chỉ đối với tôi quen thuộc.

- Chúng ta chưa cưới nhau, nàng trả lời, nhưng chúng ta là vợ chồng từ ngày anh đợi em trên con đường đất nhỏ chạy ngoằn nghèo qua các thửa ruộng đầy nước ở Làng Quang Tó khi mặt trời rực rỡ lặn giữa các đám mây kỳ dị, vĩ đại.

Trong khi nàng nói, tôi để tay lên cổ nàng, vuốt lên vai, rồi nàng nhìn tôi mỉm cười gần như không cử động đôi môi hồng nhạt bình thản. Nàng tin là ngồi một mình với tôi, đâu có ngờ tôi chỉ là người thứ ba của một cặp. Tôi là khán giả chứng kiến cái mỉm cười giành cho "người kia," cái "tôi" kia tôi càng cảm rõ vì tôi vừa ở trong cuộc - tức là đã ngủ và hôn nàng - lại vừa ở ngoài cuộc, vì tôi không phải là chồng nàng. Tuy vậy tôi rất cảm động và xúc động, qua cái "người kia" cái "tôi" không có mặt.

Cô gái vươn người đứng dậy, kéo cái khăn giường choàng lên người, ra đứng trước quạt máy. Gió lùa từng nhịp làm lộ khi kín khi hở thân thể cô gái, hình ba cạnh lông mượt như cái bút chữ nho. Một cái máy bay ngang qua rất to trên trời. Tiếng trẻ con reo đùa ở dưới đường. Tiếng cưa gỗ đều đều vọng lên, cô gái ra phía cửa sổ. Mặt trời bây giờ đủ nóng để sưởi ấm cô ta, và cô ta nhắm mắt hài lòng. Tôi gọi:

- Oanh!

- Dạ! Vâng?

Nàng không quay lại, chống khuỷu tay lên thành cửa sổ, nhìn xuống đường, xuống cái mái ngói của xưởng cưa, lưng thẳng làm cong đôi mông tròn xoe với hai cái núm đồng tiền, khi có các hình thể nhịp nhàng liên tục với nhau một cách tự nhiên, dầy dầy sẵn đúc một toà thiên nhiên, tôi thầm ngâm nga như vậy. Đởm, tức là tôi, giải quyết tình cảnh lưỡng nan bằng cách tuột bỏ cái khăn giường đang choàng trên hông cô gái, bất thần vào trong cô ta giữa đôi mông đầy đặn, làm cô ngoảnh lại cười bằng lòng bắt đầu đưa mông nhịp nhàng theo nhịp của Đởm. Cô hỏi:

- Lần đầu tiên chúng ta chơi trước cửa sổ!

Đởm trả lời:

- Thế à!

Bên kia đường, một cô gái ngồi hát trên mẩu tường thấp, với một giọng nhọn hoắt vì còn trẻ quá, chừng 15 tuổi. Cô nhìn chúng tôi, ranh mãnh, tuy không biết chúng tôi đang làm gì, vì cái cửa sổ khá cao. Té ra là Mai, cô gái hầu bàn của Đởm. Mai nói vọng lên.

- Chào bà! Chào ông! Chủ nhật mà ông bà cũng dậy sớm vậy?

Oanh trả lời rất thản nhiên.

- Em hát hay ghê!

Và nói khẽ với tôi:

- Mạnh hơn chút nữa, anh! ngoáy tròn cho lạ! Nàng nói, môi khép lại vì quá sức, vì đợi khoái cảm sắp tới tràn trề. Nắng đã tới, trùm lên người Oanh luồn vào mái tóc nàng, ngập cả văn phòng đơn giản.

Oanh trở về quá khứ trong đó không có tôi, nhưng vẫn áp mông nàng vào bụng tôi, như muốn định rõ tôi, tôi tái tạo tôi trong trí nhớ nàng. Tôi có ảo tưởng đang sinh ra lần thứ hai, đang dự vào sự tái sinh của chính tôi, khi tôi thoáng thấy đôi mắt tím đen của nàng nhìn vào vô tận. Dưới phố, bên kia đường, cô gái vẫn hát bằng một giọng cao vút./.

Đội Mưa Mà Đi

NGUYỄN TƯỜNG THIẾT

Vua Lý Thái Tổ nhìn xuống Hồ Gươm. Từ trên tầm cao 10 mét mắt ngài chiếu thẳng Tháp Rùa. Trước mặt ngài không phải cố đô Thăng Long mà là thủ đô Hà Nội một nghìn năm sau.

Ngài uy nghiêm đứng giữa vườn hoa Chí Linh. Trước mặt ngài là phố Đinh Tiên Hoàng, tả hữu có hai phố Lê Thạch, Lê Lai, sau lưng có con phố mang tên ngài, Lý Thái Tổ. Nhà vua đảo mắt nhìn phía dưới chân. Ngài khó chịu thấy mình đang bị quan sát. Một thanh niên bận chiếc áo khoác có nhiều túi cúi xuống lôi trong bọc một vật gì màu đen rồi giơ vật ấy về phía ngài.

Quang nhìn lên ngắm nghía pho tượng đồng cao. Anh tự hỏi lần về Hà Nội mấy năm trước không thấy bức tượng này đặt ở đây. Nếu có chắc chắn là phải hiện trong bộ phim ảnh của anh vì lần nào về Hà Nội anh cũng chụp mấy bức ảnh Hồ Gươm và Tháp Rùa đứng từ phía vườn hoa Chí Linh. Quang giơ chiếc máy ảnh về phía tượng và điều chỉnh ống kính. Anh đi tới đi lui. Rồi anh quỳ xuống ngước máy lên để chụp toàn bộ bức tượng có hàng chữ ở dưới bệ: Vua Lý Thái Tổ (974-1028).

Nhà vua không nhìn thanh niên, ngó sang một thiếu nữ đứng cách đó chục thước mặc chiếc áo đỏ đội chiếc mũ trắng tay cầm một vật gì giống hệt như vật trong tay thanh niên và hướng nó về phía hai người đứng trước, hai người ấy trông như hai mẹ con.

– Chị muốn chụp phông nào? Lấy vua hay lấy hồ.

Vi hỏi người đàn bà. Người ấy nhìn chung quanh nói:

– Tượng vua cao thế kia có lấy được hết không?

Vi nói:

– Được!

Cô chạy lại gần con bé, bẻ lại cổ áo, vuốt lại tóc nó. Rồi cô khen con bé:

– Xinh nhất đấy!

Con bé vênh mặt lên khi thiếu nữ quỳ xuống ngửa ống kính chụp hai mẹ con, cái phông tượng ở sau.

Vua Lý Thái Tổ nghĩ thầm: "Đám người kia chiêm ngưỡng ta."

Dưới kia không phải là thần dân của ngài. Thần dân ngài đâu có ăn mặc dị hợm và có những hành động kỳ khôi như thế. Trên đường Đinh Tiên Hoàng những cỗ xe chạy như mắc cửi. Xe hai bánh chạy chen giữa những xe bốn bánh, phát tiếng động chói tai. Ngay sát dưới chân ngài, trên một khoảng rộng hình tròn lát đá, những cỗ xe bốn bánh bé tí teo có những đứa bé ngồi. Xe chạy lòng vòng, đâm nhau loạn xạ. Chung quanh có đám đông đứng xem. Trong số có mấy người mặt trắng cao to dị thường. Nhà vua nghĩ thầm: "Bọn bạch quỷ này chắc ở đâu đến. Chúng đến càng ngày càng đông."

Gió thổi lùa từ mặt hồ Gươm. Gió mỗi lúc một mạnh. Hàng cây xà cừ rung rung rồi chao nghiêng những đợt lá. Màu xanh lá cây màu xanh nước hồ xẫm lại theo với bầu trời đột nhiên tối xầm xuống. Dưới kia đám đông chạy tản ra đường. Lát sau mưa rơi.

Vườn hoa Chí Linh còn lại hai người. Người đàn ông cúi gập người ôm chiếc máy hình trong bụng chạy về phía sau lưng nhà vua. Người con gái căng dù che thân rồi lấy tấm bạt trùm kín cái giá gỗ che mấy bức ảnh ghim trên tấm ván; lát sau cô bước vội về hướng người đàn ông.

Những giọt nước chẩy trên lòng bàn tay trái của nhà vua rớt xuống đầu hai ngón tay chỉ xuống đất. Vua Lý Thái Tổ không thể ngoái cổ nhìn đằng sau. Ngài không biết rằng sau lưng mình có chòi bát giác. Nơi ấy có hai người cùng chạy lại trú mưa. Họ ngẫu nhiên gặp nhau. Rồi va nhau một cuộc tình.

*

Con thạch sùng bò ngược trên trần nhà. Màu da nó ngà ngà tiệp màu vôi. Nó đuổi theo một con thạch sùng khác đang chạy dọc theo một

bóng đèn nê-ông dài ở góc tường. Quang nhìn thấy nó lúc anh ở vị trí nằm ngửa tay ôm ghì đầu Vi nhìn lên trần. Con thạch sùng bò xuống đến mép tường thì dừng lại. Hai con mắt nó, hai chấm đen, nhìn xuống chiếc giường có hai thân thể trần truồng. Con thạch sùng không lạ gì cảnh này. Ở cái khách sạn phố Hàng Buồm chuyện đó xẩy ra như cơm bữa. Nhưng hôm nay nó thấy có cái gì khác khác nơi người đàn ông. Không phải ở cái cách làm tình của hắn mà là ở sự chú ý vô lý của hắn. Cứ mỗi lần ôm người đàn bà lăn trên giường ở vị trí ngửa là hắn lại nhìn lên tường, dán hai con mắt vào hai chấm đen. Con thạch sùng nghĩ bụng: "Lạ lắm sao mà nhìn?" Nghĩ thế rồi nó bò ngược lên trần, đuổi theo con thạch sùng cái.

"Lạ nhỉ? Không biết mình đã thấy con vật này chưa nhỉ?" – Quang nghĩ – Ở Mỹ hơn ba mươi năm anh không hề thấy con thạch sùng. Trước đó ở Sài Gòn thì có thể, nhưng anh còn bé, không nhớ. Con thạch sùng cái (Quang đoán nó là cái vì là con bị săn đuổi) bò thật nhanh đến giữa trần nhà thì dừng lại, đúng ngay vị trí trên chiếc giường hai người nằm. Nó quay đầu đối diện với con đực vừa bò sát theo sau. Hai con (đứng hay nằm?) im phắc, cong người chờn vờn. Hai cái đuôi ngọ nguậy, cong cớn, uốn éo. "Chúng đang động cỡn" – Anh nghĩ – Rồi anh ôm chặt lấy Vi xoay đè hẳn lên người nàng. Quang vừa thoáng nghĩ nếu chúng làm tình thì một trong hai con có thể rớt xuống đúng ngay giữa mặt mình.

Quang quên phắt con vật. Anh chồm tới đè ngực mình trên hai bầu vú căng cứng của Vi. Đúng lúc cả hai người sắp sửa lên "phút cao điểm" thì ở ngay đầu giường, trên chiếc bàn thấp, trong chiếc ví xách tay của Vi, có tiếng nhạc ròn rã, bản nhạc "GiãTừ" quen thuộc mà hồi bé anh vẫn hát: *Tò te! Con ma đánh đu...*

"Cái cellphone!"– Quang rủa thầm – "Có im đi ngay không!". Tiếng nhạc không im. Trái lại càng to hơn. Réo rắt. Giục giã. *Tò te!... Con ma đánh đu... thằng Tây nhẩy dù... Zô-rô bắn súng...* Quang cảm thấy cái bầu vú ép vào ngực mình xẹp dần xuống. Vi nhổm dậy, với tay lấy cái ví mở ra, cầm điện thoại di động áp tai:

– A-lô!

– Con khỉ? Mày đi đâu tao kiếm mãi không ra! Lùng hết cả vườn Chí Linh cũng không thấy...

Vi đưa tay vuốt lại mái tóc.

– À...ờ ... Tao đi chợ... Có chuyện gì không mày...

– Chuyện con Thảo. Mày biết không.

– Gì?

– Nó có chửa rồi mày ơi!

– Thật hả?

Vi nhổm dậy, ngồi trên mép giường, sỏ hai chân vào hai ống quần jeans, đứng hẳn dậy, một tay cầm điện thoại, tay kia kéo "zip" cài quần. Rồi Vi ngồi xuống mép giường, rù rì nói chuyện. Nửa giờ sau câu chuyện vẫn chưa dứt.

Ngán ngẩm Quang kéo chiếc gối đặt sau lưng ngồi dựa tường châm thuốc hút. Anh biết có bảng cấm hút thuốc trong phòng ngủ nhưng anh không "ke". Anh đang bực mình cái cellphone. Anh oán lây tất cả những phát minh tân tiến của thời đại.

Theo làn khói thuốc Quang nhìn lên trần nhà. Hai con thạch sùng đi đâu mất tiêu. Chúng đã làm tình xong. Thoải mái. Anh ước gì kiếp sau mình làm con thạch sùng.

*

Bước mấy bực lên chòi bát giác Quang lôi máy ảnh ra xem xét. Anh phủi nước mưa trên cánh áo gió, nhìn xung quanh. Trong chòi chỉ có mình anh trú mưa. Anh nghĩ đến cô thợ chụp ảnh. "Con bé hay quá! Giọng nói nó đặc kịt Hà Nội. Mình chụp lén hai ba pô, chắc nó không biết."

Ấy là anh tưởng thế.

Vi căng ô phía trước chạy vào chòi. Cô cúi xuống bấm nút cụp chiếc ô, vẩy vẩy chiếc ô sũng nước suống sàn. Ngửng lên cô thấy đôi mắt người đàn ông đang nhìn mình. "Cái ông vô duyên!" Cô nghĩ. "Chụp trộm người ta. Tưởng mình không biết hả?"

Hai người, mỗi người đứng một góc chòi, quay ra nhìn trời mưa. Mưa nặng hạt. Và gió. Gió thổi lộng từ phía hồ Gươm. Lát sau gió tạt những hạt mưa bay xéo vào chòi. Hai người né mưa, vô tình họ đứng xích lại gần nhau ở chính giữa.

Quang bấm mấy cái vào chiếc máy digital. Anh lựa bức ảnh "zoom" cô gái ngửa mặt nhìn tượng vua, đưa màn ảnh gần mắt cô gái. Anh nói, bắt chước giọng Hà Nội:

– Xinh nhất đấy!

Quang bấm tiếp cho hiện lên hai bức ảnh khác, hai bức Vi cầm máy quỳ xuống chụp hai mẹ con.

– Cô phải trả tôi tiền chụp mấy bức này. Cô tính tiền người ta bao nhiêu tôi tính cô bằng

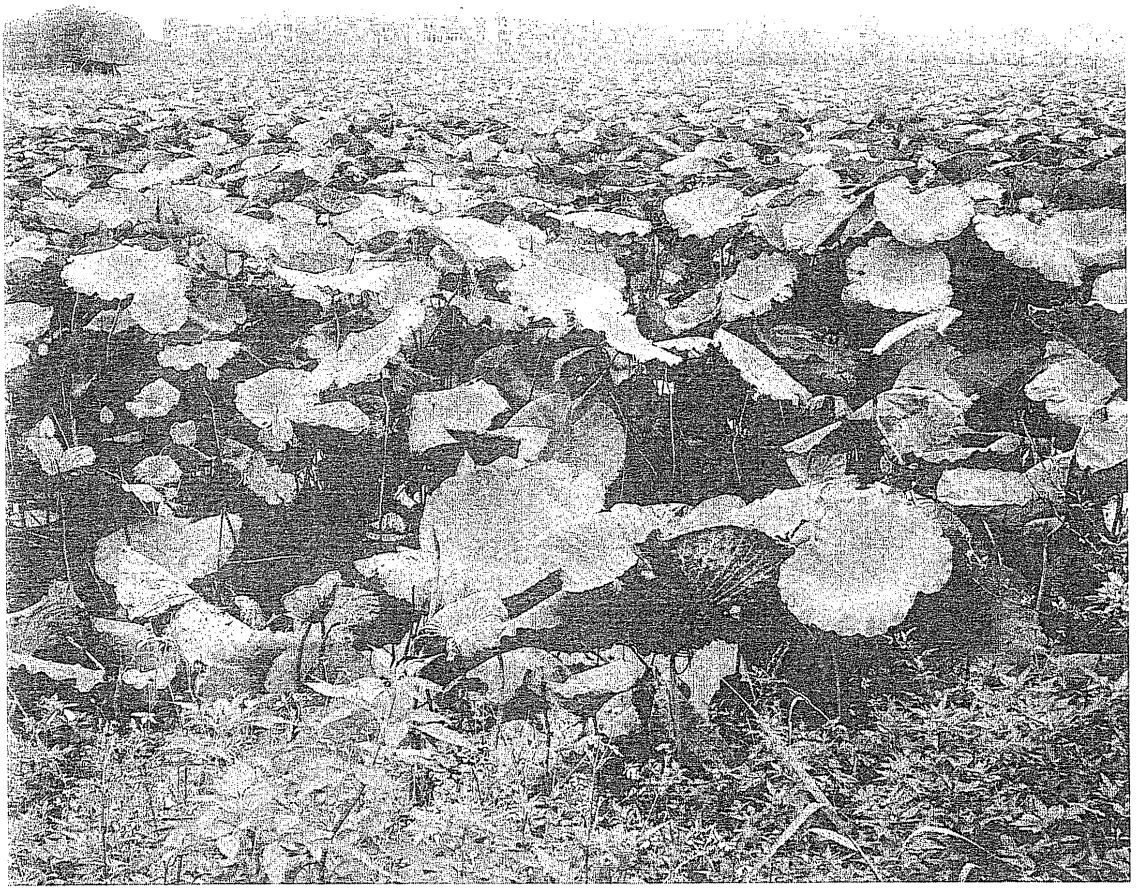

Hồ Sen

giá.

Vi không nói gì. Nhún vai.

Lát sau cô giơ tay sờ vào chiếc máy ảnh đồ sộ của Quang:

– Máy của chú hiện đại nhỉ? Máy gì thế?

– Máy Canon EOS digital!

– À, máy kỹ thuật số!

– Ừ, máy số rất thông dụng. Bây giờ người ta ít dùng máy phim. Máy số vừa nhỏ gọn vừa rẻ tiền. Nhưng máy Canon này thì lại rất mắc. Nó có thể zoom xa và hình rất nét.

– Cách dùng có khó không, chú?

– Không khó đâu. Tôi sẽ chỉ cô cách xử dụng. Nhưng này! Đừng gọi tôi bằng "chú". Nghe già quá. Chắc tôi chỉ gấp đôi tuổi cô thôi. Cô mà hai chục thì tôi mới bốn mươi à. Gọi "anh" đi.

– Ừ, thì anh. Việt kiều hả?

– Không có đâu. Tôi là Việt việt. Mới Sài Gòn ra.

Vi nghĩ trong bụng: "Mấy ông Việt kiều nói láo bỏ mẹ!"

Phía ngoài. Thoắt cái. Mưa dứt. Trời quang. Quang nhìn trời. Mưa Hà Nội thật kỳ cục! Mới lúc nẫy còn mưa đùng đùng thế mà đột nhiên trời im rơ, ráo hoảnh. Quang nói tiếp:

– Giỡn cô cho vui chứ tôi theo đoàn nhiếp ảnh từ Mỹ về Việt Nam chụp hình. Hai hôm nữa đoàn sẽ đi dọc biên giới Hoa Việt chụp hình phong cảnh miền thượng du và sinh hoạt của dân sắc tộc. Trong thời gian đợi phái đoàn tới từ nhiều nước, tôi có hai ngày ở Hà Nội, chưa biết làm gì. Cô có cách gì giúp tôi cho qua hai ngày ở đây không? Hay là... cô đi chụp ảnh Hà Nội với tôi?

–Trời tạnh rồi. Tôi phải làm việc. Ai mà rỗi như ông?

Vi nói xong cầm ô đi về phía bức tượng. Quang xách máy ảnh đi theo. Anh năn nỉ:

– Cô chụp ảnh cho khách. Vậy chứ tôi thuê cô chụp ảnh cho tôi không được sao?

Vi không nói gì. Cô lẳng lặng dựng lại cái giá gỗ bị gió đổ kềnh, gỡ tấm bạt. Đồ nghề của Vi xem ra không nhiều. Ngoài tấm bảng có ghim những bức ảnh chụp người và phong cảnh Hà Nội, còn một cái thùng vuông dùng làm bàn và một chiếc ghế xếp thấp, hai thứ này lúc nẫy cô

gửi tạm tại một quán bán postcards gần đấy.

Đường Đinh Tiên Hoàng lúc nẫy trong cơn mưa rào vắng bóng xe nay đột nhiên như bừng dậy. Xe máy lại ào ào lướt qua. Tiếng động cơ khạc nổ, gầm rú. Riêng vườn Chí Linh không lấy lại được cảnh cũ, đông đảo. Cả một khoảng sân rộng chỉ có hai người đứng. Thêm nhà vua, là ba.

Quang bảo Vi:

– Cô có đợi đến chiều cũng không có khách đâu. Trời cứ lất lất lại mưa như thế này có ai điên đâu mà chụp ảnh?

Vi bực mình, lấy máy ảnh ra cầm tay:

– Thế ông muốn gì? Muốn tôi chụp ảnh hả? Nào thì chụp! Ông lấy phông nào? Vua hay hồ?

Quang tiến tới sát gương mặt phụng phịu của cô gái. Anh nhỏ nhẹ:

– Cô hiểu sai ý tôi rồi! Tôi muốn cô chụp hình tôi. Nhưng không phải bằng máy của cô mà bằng máy của tôi. Nhân tiện tôi chỉ cô cách xử dụng máy ảnh digital. Mà không phải chụp ở đây đâu, chụp đây thì chán chết! Cô dẫn tôi đi chụp những nơi phong cảnh đẹp nhất của Hà Nội mà chỉ cô biết thôi, tôi làm sao biết được. Tóm lại là tôi thuê cô nguyên ngày. Cô vừa là hướng dẫn viên du lịch, vừa là nhiếp ảnh viên. Cô giúp tôi đi. Để cô khỏi thiệt tôi sẵn sàng trả cho cô gấp đôi số tiền cô kiếm được trong một ngày làm việc. OK?

Vi nghĩ bụng: "Nghe được đấy chứ? Xem ra anh "kiều" này có vẻ sộp. Mình cũng thử phiêu lưu một chuyến. Cứ OK phứa đi!" Cô trả lời:

– OK! Tôi đèo anh đi.

Nói xong Vi tiến tới cái quán bán postcards nói chuyện với bà chủ quán. Quang giúp Vi kéo cái giá gỗ và thùng đồ nghề của Vi lại quán gửi.

Quang quàng chân ngồi sau chiếc xe hai bánh. Đây là lần đầu anh ngồi loại xe này. Chiếc xe xịn nổ máy. Xe vọt đi làm anh bật ngửa ra sau. Quýnh quáng anh ôm chặt lấy bụng cô gái. Vi quay đầu hỏi:

– Đi đâu?

*

Con thạch sùng lại hiện ra ở góc tường. Chỉ có một con. Quang quay đầu ngửa cổ nhìn khắp lượt không thấy con thứ hai. Lạ nhỉ! Căn buồng cũng bé thôi, không lý nó tự dưng biến mất? Hay nó chui vào nấp sau cái ống đèn nê-ông? Hay là nó rớt xuống chiếc giường anh đang ngồi? Anh cúi xuống nhìn khắp lượt. Bỗng trí anh lóe ra. À! Hồi bé ở Sài Gòn anh đã từng nhìn thấy con thạch sùng rồi! Nhưng không phải nguyên con thạch sùng. Chỉ cái đuôi của nó thôi. Cái đuôi trên giường. Cái đuôi đang ngọ nguậy trong trí nhớ anh. Trí nhớ anh cũng bảo rằng nếu bỏ tọt cái đuôi đó vào miệng nuốt chửng thì sẽ tốt lắm, trị tuyệt nọc căn bệnh suyễn của anh. Đó là theo lời bà nội anh nói thế!

Trong buồng tắm có tiếng mở khóa nước. Nước trong vòi hoa sen chẩy lẫn với tiếng hát vang của Vi vọng ra: "Hà Nội ngày tháng cũ... Có bóng trăng thơ in trên mặt hồ. Hà Nội ngày tháng cũ... Có tiếng oanh ca trên bờ Tường Vi."

Tường Vi!

Anh vụt nhớ đến ngày hôm qua.

*

– Mình đi ăn đi. Đói rồi. Quán ăn ngay góc Cầu Gỗ. Đi lối này!

Đó là quán Quang vẫn đến ăn từ hôm anh đến Hà Nội mấy hôm trước. Nó gần khách sạn anh ở phố Hàng Buồm. Quán là căn nhà nhỏ hai từng. Một cầu thang gỗ hẹp lên lầu hai. Trên đó có một cái lan can gỗ chìa ra ngoài đường Đinh Liệt. Anh thường chọn cái bàn nhỏ hai người ngồi. Trên lan can nhìn xuống góc đường là nơi năm con phố cổ chụm đầu đâm ra hồ Gươm. Ở cái góc này sinh hoạt của Hà Nội lúc nào cũng náo nhiệt. Trên những vỉa hè hẹp dân chúng, người bán, du khách lèn nhau mà đi.

Lên gác Quang chọn đúng cái bàn anh vẫn ngồi ăn hàng ngày. Lan can chỉ đủ chỗ cho ba cái bàn nhỏ. Hai bàn kia là hai cặp người ngoại quốc trẻ đang ngồi ăn. Cô thợ ảnh ngồi đối diện Quang qua chiếc bàn nhỏ. Cô cởi chiếc mũ bê-rê đặt lên bàn cùng với chiếc ví xách tay, hất đầu rẽ sợi tóc phủ trán, hai tay lùa sau gáy vén mái tóc, rồi một tay chống cằm cô ngửa mặt nhìn Quang.

Quang hỏi:

– Ăn gì?

– Vi không đói.

– Thế thì uống gì nhé?

Một con bé chạy bàn lại gần. Vi nói:

– Em cho chị chai bẩy úp!

Quang gọi thức ăn và chai bia Tiger.

– Tên cô là Vi?

Vi mỉm cười. Quang nhìn mắt Vi. Thoáng có một ánh vui trong đó:

– Phải, Vi. Tường Vi. Một loại hoa đấy!

Rồi cô hát. Nho nhỏ. "Hà Nội ngày tháng cũ. Có bóng trăng thơ in trên mặt hồ. Hà Nội ngày tháng cũ. Có tiếng oanh ca trên bờ Tường Vi..."

Nheo mắt, Vi hỏi:

– Biết bài hát này không?

– Biết chứ. Bài của Song Ngọc.

Quang trả lời. Anh hát tiếp: "Hà Nội ngày tháng cũ, có dáng em tôi áo trắng nghiêng nghiêng đường chiều, tiếng guốc lưa thưa lao xao khua trên vỉa hè, mùa thu theo gió heo may..."

Con bé mang chai bia và nước ngọt ra. Nó mở cả hai chai. Vi quắc mắt chỉ vào chai nước Sprite, mắng con bé:

– Thế này là thế nào? Đã bảo bẩy úp sao lại mở chai này?

Con bé sợ hãi:

– Hết bẩy úp rồi. Mẹ con bảo thứ này cũng thế.

– Cũng thế nào được! Bẩy úp là bẩy úp! Tôi không thèm uống đâu!

Nói xong mặt Vi xị xuống, đẩy cái chai ra xa. "À! Thì ra cô nàng đòi uống Seven-Up." Quang nghĩ.

Ăn xong, Quang đang sửa soạn gọi tính tiền thì ở trên bàn có tiếng nhạc phát ra khá to. Vi chụp cái ví, mở ra lấy cái cellphone:

– A-lô!

Quang lấy thuốc lá châm hút. Thuốc Thăng Long. Hương vị lạ. Đăng đắng. Anh thèm một ly cà phê, nhưng anh nghi ngờ cái ngon cà phê ở đây.

Lôi máy ảnh ra khỏi bao, Quang tì máy vào lan can, chĩa ống kính chúc xuống. Bên kia đường là quán cơm. Cơm bụi hay cơm chỉ? Khách ngồi la liệt ở vỉa hè trên những chiếc ghế nhựa thấp tẹt bé tí. Chiếc ghế nhựa oằn xuống dưới sức nặng của mấy anh tây ba-lô. Quang hướng máy "zoom" vào tủ kính. Trong tủ có hơn chục cái ngăn nhỏ. Đậu phụ. Thịt kho. Cá hấp. Canh rau. Đồ xào. Đồ mặn. Đồ chua. Đủ cả...

Vi gấp cái nắp điện thoại, bỏ lại trong ví, đứng dậy nói:

– Mình đi thôi chứ?

Cô hất tay xem đồng hồ. Bỗng cô tháo đồng hồ tay ra đưa lên tai nghe, lắc lắc mấy cái, nói:

– Đồng hồ của Vi có vấn đề ...

Quang hỏi lại:

– Vấn đề?

– Ừ, nó chết. Mấy giờ rồi anh?

– Một giờ rưỡi. Này! Vi có biết quán cà phê nào ngon ngon gần đây không?

Không đợi Vi trả lời Quang đứng dậy ngó quanh tìm cái toa lét. Chai bia Tiger làm anh mắc tiểu. Thấy cái phòng nhỏ ở góc, phòng không có cửa chỉ có màn che, trên đề chữ W.C, anh bước tới vén màn vào. Phòng bé tí chỉ độ hai thước vuông. Trong đó trống hổng. Anh không thấy có một cái lỗ nào. Dưới sàn sát tường chỉ có một đường rãnh. Ở góc có để vại nước, một cái gáo quàng trên miệng vại. Trên tường nghệch ngoạc một hàng tiếng Anh, rất khó hiểu: "Water only!" Bỗng anh chợt nghĩ ra: "Chỉ tiểu tiện thôi. Không được đại tiện!" Quang tiểu vào đường rãnh rồi múc nước dội. Đi ra anh mỉm cười nhìn hai thiếu nữ ngoại quốc đang ngồi ăn, anh hy vọng rằng hai cô này nếu cũng vào toa lét thì mong hai cô cũng "thông minh" như mình!

*

Ở tiệm sách ra trời đã tối. Quang đi trên vỉa hè rộng về hướng bờ hồ. Đến góc đường chỗ có đèn sáng choang là cửa hàng bách hóa Tràng Tiền, anh đi lên mấy bực thềm đẩy tấm cửa kính bước vào. Thương xá rộng lớn có máy lạnh mát mẻ. Anh lên cầu thang cuốn lên lầu hai rồi lầu ba. Anh đi vòng vòng ghé nhìn vào các cửa hàng tìm mua một món quà gì cho Vi. Chiều nay lúc chia tay, anh đưa con bé một số tiền khá lớn nhưng nó không nhận. Con bé thiệt... Nó chở mình đi nhiều chỗ hay quá, quán cà phê Phố Cổ, mình phải trở lại quán này lần nữa, lại đi một vòng khắp thành phố chụp ảnh Hồ Tây, vườn Bách Thảo, đền Ngọc Sơn, chùa Trấn Quốc, Văn Miếu... nội xăng không cũng bộn tiền của nó. Ngày mai lại còn hứa sẽ chở mình ra vùng ngoại ô chụp ảnh. Không biết mua cho nó cái gì nhỉ? Quang nghĩ mãi. Lúc anh đi xuống lại lầu một qua khu bán nữ trang và đồ trang điểm phụ nữ, thấy có mấy tiệm bán máy ảnh bán đồng hồ, anh sực nhớ ra cái đồng hồ đeo tay của Vi, cái đồng hồ "có vấn đề." Hay mình mua cho nó một cái?

Quang nhìn qua quầy hàng kính. Đồng hồ hiệu Movado, Omega thì quá mắc tiền. Seiko, Citizen đỡ hơn nhưng cũng chẳng rẻ, khoảng từ một triệu đến ba triệu. Quang tính nhẩm. Cũng phải trên trăm đô. Trả cho con bé như thế là quá đắt. Rồi anh nghĩ: Giá mình được ngủ với nó thì vừa giá...

Anh lựa hai cái Seiko. Cô bán hàng bận chiếc

áo dài xanh cúi xuống lấy trong tủ ra hai cái đồng hồ đặt trên mặt kính. Một cái màu bạc hình chữ nhật, cái kia tròn mạ vàng. Cả hai đều đẹp lại cùng giá, anh không biết lựa cái nào. Bỗng anh nhìn bàn tay của cô bán hàng, bàn tay dài trắng nuột. Anh tán tỉnh:

– Cô có bàn tay đẹp quá! Đẹp hơn cả bàn tay của người mà tôi định mua để tặng cái đồng hồ này! Cô làm ơn đeo cả hai cái cho tôi ngắm thử xem nhé!

Cô ta đeo hai cái, mỗi cái trên một cánh tay. Quang ngắm một hồi rồi nói:

– Chịu! Cả hai đều đẹp. Tôi thực tình không biết lựa cái nào.

Quang nhìn vào đôi mắt cô bán hàng và bỗng thấy cô ta cũng khá xinh:

– Tôi hỏi thật cô nhé. Cô thích cái nào hơn?

– Cái nào cũng đẹp! Cả hai tôi đều thích!

– Thế thì hỏng. Tôi không có đủ tiền để mua cả hai. Cô thích cái nào thì tôi mua cho cô cái ấy thôi. Cho cô chọn đấy!

– Không dám ạ...

– Thế thì thôi vậy. Tôi không có duyên với cô...

Nói xong anh quay mặt bỏ đi. Phía sau lưng có tiếng gọi vội vã:

– Này... ông...

Quang quay lại. Cô gái giơ cao cái đồng hồ vàng, đôi mắt cô ta ném về phía anh một cái nhìn rất lẳng. Lườm anh, cô nguýt:

– Gớm! Ông anh chơi khó em quá!

Cầm cái hộp nhỏ được cô hàng gói rất đẹp, Quang đi ra cửa, miệng anh hát khẽ khẽ bài Hai Mươi Mùa Nắng Lạ của Trịnh Công Sơn: "Em hai mươi tuổi em là nắng... Cho em bây giờ mắt tình đưa..."

*

– Có. Cà phê Phố Cổ. Ngay bên kia đường. Ngon thì không biết nhưng chỗ ngồi tuyệt!

Xuống nhà. Vi gửi xe máy ở đầu đường. Hai người đi bộ đến chỗ ngã năm. Xe cộ rần rần chạy quanh cái bồn phun nước. Vi chỉ phía bên kia bồn:

– Hiệu cà phê bên kia. Đầu phố Hàng Gai.

Nói xong Vi xăm xăm đi thẳng vào dòng xe cộ đang chạy như mắc cửi. Thấy Quang ngần ngại, cô quay lại nắm tay anh kéo đi:

– Đi! Chờ xe vãn thì đời nào qua được.

Quang đi nép vào Vi, nhìn những chiếc xe máy như đâm thẳng vào mình nhưng đến gần thì lạng qua hai bên. Sang bên kia, Vi đi trước. Đến một cửa hàng tơ lụa, Vi biến mất trong đó. Nghĩ là Vi vào ghé thăm một người quen nào đó Quang đứng ở vỉa hè đợi. Lát sau Vi trở ra ngoắc anh. Anh theo Vi qua một lối đi tối và hẹp tựa như một đường hầm, ở cuối lối đi mở ra một khoảng rộng, một khu vườn nhỏ trong sân nhà, nơi đó ánh nắng trên cao rọi xuống qua những tàn lá cây ướp một màu sáng xanh dịu. Mấy cái bàn thấp, những chiếc ghế mây dưới tàn cây: cà phê Phố Cổ. Quán cà phê bí mật. Một ốc đảo biệt lập nằm ngay giữa trung tâm ồn ào nhất của Hà Nội. Ở đây đột nhiên vắng lặng. Nơi góc trong cùng có hai người đàn ông mặc quần đùi ngồi bó gối đánh cờ tướng, một ấm nước trà và hai cái chén bên cạnh. Cạnh một hòn non bộ có một cầu thang cuốn, lan can sắt uốn tròn lên cao. Quang theo Vi đi lên. Lên mãi. Từng hai. Từng ba. Rồi sân thượng. Lên cao ánh nắng chan hòa. Bước lên sân thượng hai người ở trên đỉnh của Hà Nội, ngang tầm những ngọn cây xà-cừ chung quanh bờ hồ Hoàn Kiếm. Sân thượng có mái che nắng. Năm bẩy chiếc bàn nhỏ. Thanh niên thiếu nữ Hà Nội ngồi gần kín hết những chiếc ghế nhựa.

Vi chọn cái bàn sát lan can. Cô gọi cà phê nóng cho Quang và một cốc nước chanh quả cho mình. Quang lấy máy ảnh. Anh tì tay vào lan can hướng máy ảnh ra hồ. Qua ống kính Quang nhìn toàn cảnh hồ từ trên cao. Vây chung quanh bởi rặng cây rậm rạp màu lá đậm, hồ Gươm xanh lấp lánh trong ánh nắng, trên đó rực lên màu đỏ tươi của cầu Thê Húc, của hoa phượng vĩ. Anh zoom ống kính. Tháp Rùa phía cuối hồ tiến lại gần. Chờ cho đến khi một nhánh phượng đỏ nằm vắt ngang tháp anh bấm máy.

Quang quấy đường trong tách cà phê, đưa lên mũi ngửi rồi đưa lên môi uống. Vi nhìn anh uống cà phê, hỏi:

– Sao? Có ngon hơn cà phê Mỹ không?

Quang trả lời:

– Không bằng cà phê Starbucks.

– Cà phê "bấc" là cà phê gì?

– À, cà phê chỗ anh ở. Nổi tiếng lắm. Starbucks bán khắp nơi trên thế giới. Việt Nam chưa có. Nhưng mai mốt thế nào rồi cũng có. Nó mà qua đây thì cà phê Trung Nguyên chết hết!

Vi cúi xuống cái ống hút. Miệng vẫn ngậm ống cô ngước mắt lên:

– Anh ở bang nào bên Mỹ?

– Washington. Chỗ anh ở có một ông giầu nhất thế giới cũng ở. Tên ông ta là Bill Gates.

Ổng là vua của máy vi tính. Không biết em có biết không?

– À ông "Ghết". Em có nghe.

– Anh làm cho hãng của ông ấy. Microsoft.

– Thế thì anh cũng giầu to như ông ta nhỉ?

– Không giầu đâu. Chỉ vừa đủ trả lương cho em hôm nay thôi.

Quang đưa máy ảnh cho Vi. Anh chỉ cho Vi cách sử dụng rồi ra đứng ở bờ tường:

– Em chụp anh mấy pô. Lấy cái phông hồ.

*

Từ cửa hàng Tràng Tiền Quang đi dọc bờ hồ về khách sạn. Mới 8 giờ tối. Anh chưa muốn về khách sạn ngay. Về buồng bây giờ thì cũng chả làm gì, chỉ nằm khểnh trên giường coi TV. Giở CNN thì tối ngày tin tức chiến sự Irak. Giở đài Việt thì tối ngày bóng đá. Coi riết cũng chán. Anh sực nhớ ra là ngày mốt đã lên đường đi Điện Biên Phủ và hai hôm nay anh chưa đọc e-mail, không biết chương trình có gì thay đổi không. Khách sạn anh ở thuộc loại rẻ tiền không có máy vi tính cho khách xử dụng. Buổi chiều anh hỏi Vi chỗ nào có thể gửi e-mail, nó nói: "Anh ra Hàng Nét mà gửi"– "Hàng Nét?"– Anh ngạc nhiên hỏi lại – "Hà Nội ba mươi sáu phố phường chả thấy nghe ai nói hàng Nét, hàng Niếc gì cả!" – "Hàng Nét là hàng Nét. Anh cứ đi khắp Phố Cổ thấy chỗ nào có đề chữ Internet thì đó là hàng Nét. Anh nắm được chưa?" – "À ra thế! Đúng là anh chậm hiểu!"

Đi ngang qua phố Cầu Gỗ Quang thấy nhiều Mini Hotel, trong đó có rất nhiều du khách ngoại quốc ngồi trước máy vi tính, anh bước vào.

Check e-mail anh thấy có hai thư gửi mình. Chương trình đi chụp ảnh ở biên giới tiến hành như dự trù. Ngày mai sẽ có thêm một người của phái đoàn đến Hà Nội, một nhiếp ảnh gia người Úc, cô ta đến từ Melbourne.

"Mình còn một ngày mai với con bé." Quang cho tay vào túi quần. Cái hộp nhỏ vuông vuông nằm gọn trong nắm tay anh.

*

Mười giờ sáng lúc Quang đến vườn Chí Linh thì Vi đã chờ sẵn. Trời âm u như muốn mưa và hơi lạnh. Vi sáng nay bận thêm chiếc áo len, chiếc mũ bê-rê ngày hôm qua thay bằng mũ lưỡi trai, kiểu mũ dân chơi goft. Vườn hoa lúc ấy không có ai đi dạo. Quán bán postcards chưa mở. Ở trên bệ cao bức tượng vua Lý Thái Tổ ướt nhẫy. Hình như mưa suốt đêm hôm qua. Xe vọt đi. Vi quay đầu hỏi:

– Đi đâu?

– Ăn sáng đi!

– Ăn gì?

Nghĩ một lát Quang nói:

– Gì cũng được, miễn là đừng có phở. Phở Hà Nội ăn không nổi.

Vi lách xe trên những con đường hẹp của Phố Cổ. Dòng xe nườm nượp. Tiếng còi inh ỏi. Quang khép hai chân mình cặp vào đùi Vi, chỉ sợ xe chạy sát bên đụng. Từ lúc lên xe anh cứ co cẳng nên chân mỏi rừ. Mò mẫm mãi anh mới tìm được cái bàn để chân. Thoải mái, anh nhìn hai bên. Hàng Đào. Hàng Ngang. Hàng Đường. Phố ngắn. Hè hẹp. Nhà thấp. Cửa hàng cửa hiệu nối nhau sát sát. Nhưng tấm bảng hiệu lướt qua. Ơ, sao mà lắm "viện" thế này: viện mát sa, áo cưới ảnh viện, viện cắt tóc gội đầu, viện tẩm quất gia truyền... Tiếng Việt tiếng Mỹ lẫn lộn loạn xị. Shop. Quần bò. Fashion. Jeans. Thời trang. Thẩm mỹ Ê-Va... Nhiều nhất vẫn là những cửa hàng bán quần áo phụ nữ. Những cô ma-nơ-canh ưỡn oẹo trong tủ kính.

Vi quặt xe qua Hàng Chiếu rồi ngừng lại gần ngã tư. Cô gửi xe rồi đi qua đường. Hai người vào một cái ngõ. Ngõ dài, hẹp, dọc theo một bên là quán ăn, vô số quán ăn nối nhau đến tận đầu kia của ngõ là hông chợ Đồng Xuân. Những quán này bé thấp chiếm gần hết ngõ, chỉ chừa lối đi nhỏ đầy người chen nhau qua lại. Vi quay hỏi Quang:

– Anh ăn gì?

– Ở đây có gì?

– Gì cũng có. Bún chả, bún ốc, bún riêu, bánh cuốn...

– Bún ốc đi! Lâu không được ăn bún ốc...

Vi đi tới đi lui tìm quán bún ốc. Mỗi quán chỉ bán độc một thứ. Hai người ngồi xuống chiếc ghế dài, thấp. Quang nhìn xuống dưới đất. Dưới chân rác và nước bẩn nhớp nháp. Quang cẩn thật tìm một chỗ khô để đặt chân. Không thấy Vi đâu, anh quay người nhìn chung quanh. Lát sau Vi trở lại:

– Em gọi bún chả. Nó sẽ mang lại đây. Anh gọi bún ốc chưa?

– Chưa. Anh chờ em.

Vi quay qua nói với cô bán hàng:

– Chị cho em một bát bún. Một bát thôi nhé!

Tay cô bán hàng thoăn thoắt. Khách đông. Cô làm không kịp tay. Ngoài khách ngồi chật hai chiếc ghế dài, cô còn phải làm cho khách ngồi ở những quán khác. Quang để ý thấy cứ

mỗi lần làm xong bát bún trước khi bưng cho khách cô ta lại bỏ thêm một thìa bột ngọt. Nghe thiên hạ nói bột ngọt làm rụng tóc, mà đầu anh thì đã hói một nửa, Quang bảo cô ta:

– Tô bún của tôi cô đừng cho bột ngọt nhớ!

Vừa nói Quang vừa chỉ tay vào cái liễn đựng bột. Cô hàng ngoẻn miệng bảo:

– Ông anh đã dặn thì em không dám cho mì chính đâu. Các anh chị ở nước ngoài về ai cũng dặn em như thế cả!

Tuy nói dẻo quẹo thế nhưng Quang thấy cô ta vẫn bỏ một thìa bột ngọt vào bát của anh, chắc là vì quen tay. Quang chặc lưỡi: "Mình ở Mỹ ba mươi năm có ăn bột ngọt đâu mà tóc vẫn rụng như thường."

Ăn xong tô bún, trong lúc Vi vẫn còn ngồi ăn, Quang đứng lên lấy máy hình. Anh thấy cảnh sinh hoạt ở chỗ này rất sống động. Bước về phía đầu ngõ anh quay lại bấm mấy pô Vi ngồi ăn với dãy quán dài ở phía sau, rồi anh hướng ống kính về một ông già đang hút thuốc lào. Ở trên lối đi của ngõ dù chật cứng người qua lại cũng có đặt một cái chõng hẹp bán nước chè. Những người đàn ông ngồi trên mấy cái ghế thấp tay cầm chén nước trò chuyện. Một ông cụ râu tóc bạc phơ rít một hơi thuốc lào nhả khói. Quang zoom chụp cận ảnh ông cụ ngồi dựa tường lim dim đôi mắt. Anh thích cái phông bức tường. Bức tường tróc vôi bám rêu nham nhở rất hợp với gương mặt phong sương của ông già.

Quang trở lại chỗ Vi. Anh trả tiền. Hai người đi trở lại phố Hàng Chiếu. Trong lúc chờ Vi lấy xe Quang chụp thêm được một cảnh sinh hoạt khác của Hà Nội. Ở góc đường Đồng Xuân Hàng Chiếu, trên vỉa hè cạnh gốc cây bàng, một anh thợ hớt tóc dạo cắt tóc cho khách. Khách ngồi trên một chiếc ghế đẩu cao, chùm kín trong chiếc áo mưa poncho nhựa chỉ để hở cái đầu, nhìn vào tấm gương nhỏ gắn trên thân cây. Ông thợ hớt vừa cắt tóc xong đang cúi xuống lấy ráy tai cho khách. Ông ta trang bị một cặp kính giống như cặp ống dòm của bác sĩ giải phẫu hay của thợ kim hoàn, chính giữa có ngọn đèn pha chiếu vào lỗ tai khách.

*

Lái vòng quanh cột đồng hồ ở chân cầu Chương Dương Vi rồ xe phóng trên đường Trần Nhật Duật dọc bờ đê Yên Phụ. Quang ôm chặt lấy Vi. Con bé lái khiếp thật! Xe chạy vù vù. Bên kia đường là bến xe buýt. Xe và người đông vô kể. Vi lách qua lách lại giữa rừng xe máy chạy đan nhau hỗn loạn. Khói xe mù mịt. Còi xe inh ỏi. Nhìn các cô gái xung quanh Quang thấy cô nào cô nấy cũng đều lái táo tợn như Vi. Không như Vi mấy cô đó đều đeo khẩu trang bịt gần kín mặt. Bên này đường, phía bờ đê sông Hồng, những căn nhà nhiều từng mới xây cất quét vôi màu sặc sỡ, nhà sát nhau, mỏng dính, cao nghệu, như thách đố nhau vươn lên cao. Qua các khách sạn đồ sộ Sofitel Plaza, Sheraton... Vi cho xe chạy trên đường Nghi Tàm về hướng phủ Tây Hồ. Con đường trở nên nhỏ dần nhỏ dần rồi chạy bọc theo bờ nước có hàng liễu rủ. Cảnh trí thơ mộng. Tên những con đường nhỏ nhắn ở đây cũng hiền dịu. Đường Tây Hồ, đường Xuân Diệu, đường Tô Ngọc Vân...

Cuối hồ Tây là đầm sen. Đầm sen rộng bát ngát. Con đường nhựa rộng rãi, mặt đường nhô cao hẳn lên, đâm thẳng vào ruột đầm sen đến chính giữa thì cụt. Vi ngừng xe tắt máy dựng xe ven đường. Quang nhìn chung quanh. Nơi này mênh mông, hoang vắng, không khí đượm mùi hương sen. Ven đường trên những chiếc ghế đá hai cặp đang ngồi tình tự, hai chiếc xe máy dựng cạnh. Quang không thể nào tưởng tượng được là trong cái thành phố ồn ào và đông nghẹt người như thế lại có thể tìm thấy một khoảng trời bao la rất yên tĩnh và chỉ vỏn vẹn có mấy người.

Vi quay qua Quang nói:

– Hà Nội chỉ có chỗ này là em thích nhất. Lần đầu tiên em được bố em dẫn đến đến đây lúc em còn bé. Hồi đó chưa có con đường nhựa này. Năm ngoái bố em dậy em chụp ảnh cũng ở đây. Ông là một tay chụp ảnh chuyên nghiệp. Anh lấy máy ra đi. Máy anh tốt thế thì chắc là ảnh đẹp hơn những bức bố em chụp. Nhưng nhanh lên đi. Trời u ám thế kia có thể đổ mưa bất cứ lúc nào.

Vi nắm tay dẫn Quang đi lần xuống con đường đất. Con đường nhỏ trơn ướt đi tuốt sâu vào lòng đầm sen. Hai người đi khá lâu. Chặp sau Vi ngừng lại trên một khoảng cỏ hẹp. Chung quanh sen cao ngang bụng hai người. Ở tít xa trên bờ đường nhô cao, Quang nhìn thấy chiếc xe của Vi nhưng không nhìn thấy hai cặp tình nhân ngồi trên ghế đá. Vi chỉ tay phía trước mặt bảo Quang:

– Anh chụp hướng này này. Đây là vị trí rất tốt có thể lấy hết toàn cảnh hồ sen mà không bị con đường nhựa kia chắn mất, làm hồ bé đi một nửa. Bố em đã tìm ra chỗ này.

Quang chụp khá nhiều ảnh đầm sen. Anh chỉ tiếc trời hôm nay không nắng. Anh định bụng hôm đi biên giới trở về còn một ngày chót ở Hà Nội anh sẽ nhờ Vi đưa trở lại đây lần nữa. Bát ngát trên một nền màu lá xanh trải dài mãi tít xa nơi có dẫy nhà gạch chắn ngang nổi lên đó đây những nụ hoa sen hồng hồng. Quang cởi giầy bước xuống nước lội trên bùn chụp cận ảnh những búp sen có những con chuồn chuồn xanh đỏ đậu lên. Rồi anh đưa máy ảnh về phía Vi, kéo nàng gần mình qua ống kính. Lúc ấy Vi đang ngồi trên cỏ, tay cầm một búp sen đưa lên miệng. Vừa tiến lại gần Vi anh vừa bấm máy. Bức ảnh cuối là cận ảnh cái môi hồng của nàng đặt trên bông sen. Quang ngồi xuống cỏ bên cạnh Vi. Những lá sen phủ kín chung quanh hai người. Bỗng đồng loạt màu xanh của tất cả lá sen đột nhiên thẫm lại. Vi ngước lên nhìn bầu trời tối xầm, lo lắng hỏi Quang:

– Mấy giờ rồi anh?

Quang không trả lời. Anh cho tay vào túi quần lấy ra cái hộp nhỏ. Mở hộp anh lấy ra đồng hồ Seiko mạ vàng. Anh lặng lẽ cầm lấy bàn tay Vi đeo đồng hồ vào cánh tay nàng. Ngửng lên Quang dướn người đặt môi mình trên má Vi. Cô gái quay lại, đưa hai bàn tay vòng sau gáy Quang, đẩy đầu anh về phía mình. Quang ngửi thấy trên đôi môi Vi có mùi hương sen.

Vừa hôn Quang vừa kéo ngả Vi xuống bờ cỏ. Bỗng anh thấy lưng mình ướt. Những giọt nước mưa rơi trên lưng trên gáy Quang. Vi nhổm dậy hốt hoảng:

– Chết rồi mưa to anh ơi! Áo mưa em lại để trên xe. Chạy mau đi!

Quang cho vội máy ảnh vào bao rồi chạy theo Vi. Dẫm mấy bước trên cỏ anh mới biết là mình còn chân đất. Quang quay lại đi vội đôi giầy vào chân không kịp sỏ bít tất. Lúc anh chạy đến xe người anh ướt sũng, Vi đã mặc áo mưa và cho xe nổ máy chờ sẵn. Quang ngồi sát lưng Vi kéo căng hai vạt áo mưa che thân. Dưới cơn mưa tầm tã, giữa đầm sen bao la, chiếc xe máy vọt đi trên đường nhựa.

Mưa ngớt hơn lúc Vi lái xe qua đường Xuân Diệu. Bóng hồ Tây trong cơn mưa nhẹ thấp thoáng "rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang." Quang ôm chặt lấy Vi. Chuyến về anh dạn dĩ hơn. Anh luồn tay trong cánh áo Vi sờ vào bụng nàng, cảm nhận sự tiếp xúc ấm áp của hai làn da. Lâu lâu anh thử thám hiểm đưa tay lên cao. Chiếc xe bỗng trẹo sang một bên và bàn tay Vi đập mạnh vào lưng bàn tay anh. Mỉm cười sung sướng Quang hát bài ca của Song Ngọc, anh hát rất khẽ chỉ đủ cho riêng mình anh nghe: "Ai ra đi mà không nhớ về, hồ Gươm mù bóng gương xưa... Nhớ hàng Bạc, nhớ qua hàng Đào... Nhớ cơn mưa phùn bay ngang thành phố... Bên em cùng đội mưa mà đi. Đội mưa mà đi mà đi...".

Đến phố hàng Buồm Vi ngừng xe trước khách sạn. Quang xuống xe. Anh nhìn Vi dịu dàng nói:

– Em ướt hết cả rồi. Tóc tai thế kia. Anh không để em về nhà như thế đâu. Lên phòng anh đi. Để khô quần áo rồi hẵng về. Còn sớm mà.

Quang ngoắc anh bồi khách sạn, dúi tấm giấy bạc hai dollar, dặn anh ta canh hộ chiếc xe máy. Hai người bước lên cầu thang.

*

Trong phòng tắm vòi hoa sen đã tắt. Tiếng hát của Vi nghe rõ hơn vì không lẫn tiếng nước chẩy: "Hà Nội người có nhớ Tháp Bút chơ vơ liễu xanh vật vờ... Hà Nội người có nhớ hương lan vương vương bên hồ Thuyền Quang... Hà Nội người có nhớ chiếc áo xanh lam thơ ngây cô em học trò, áo trắng Tây Sơn Trưng Vương em tan học về, đường qua nẻo phố hẹn hò..." Có tiếng máy sấy tóc. Tiếng máy kêu to át đi tiếng hát. Lát sau Vi bước ra.

– Bây giờ đến phiên anh.

Quang nhổm dậy bước khỏi giường. Anh định bụng vào tắm thật nhanh rồi trở ra ngay. Anh vẫn còn hậm hực về cái cellphone phá đám. "Lát nữa mình phải tắt nó đi." Quang nghĩ bụng. Anh bảo Vi:

– Đợi anh nhé! Anh ra ngay. Có hai cuốn truyện anh mới mua tối qua để trên bàn em lấy mà xem. Một quyển của Đỗ Hoàng Diệu, cuốn kia của Nguyễn Ngọc Tư.

Mười phút sau lúc Quang từ buồng tắm đi ra anh không thấy Vi trong phòng. Hốt hoảng anh mặc vội quần áo, đi giầy, chạy xuống nhà. Trước cửa khách sạn trên vỉa hè trống trơn không có chiếc xe máy của Vi.

Quang bước lên cầu thang. Buồn rầu. Anh nhìn quanh căn phòng. Bỗng anh thấy một cảm giác vô cùng trống trải. Anh sực nhớ anh chưa lấy địa chỉ Vi và ngày mai anh rời Hà Nội.

Buổi chiều Quang đi bộ đến vườn hoa với hy vọng mong manh gặp Vi ở đó, nhưng vườn Chí Linh trống trơn. Anh ăn cơm chiều ở chỗ ngồi ăn quen thuộc rồi ghé cà phê Phố Cổ. Từ

trên cao nhìn xuống hồ Gươm anh ngạc nhiên với chính mình. Mới hôm qua chỉ là một sự đùa bỡn. Như sự đùa bỡn đã kéo dài thành thói quen cố hữu của anh trong cuộc sống độc thân từ bao năm nay. Tự dưng chiều nay anh cảm thấy một mất mát lớn, một cảm giác anh chưa từng có trước đây.

*

Năm ngày sau. Vườn hoa Chí Linh. Ông Hội quẳng mẩu thuốc lá ra xa. Mẩu thuốc còn nhả khói quay quay trên hè mấy vòng theo làn gió thổi. Ông Hội bước tới dẫm lên, vừa xoay vừa ấn mũi giầy dí nát mẩu thuốc dưới đế. Ông ta đi tới đi lui trên hè, chiếc máy ảnh khoác vai. Gió thổi mạnh. "Trời lại muốn mưa." Ông Hội nghĩ thế và hơi buồn. Mùa hè đã hết. Khách vãng lai vắng đi. Cả ngày trời mới có dăm ba người chụp ảnh. Ông Hội nhìn lên cao. Hình như tượng vua Lý Thái Tổ có vẻ cũ đi. Người ta dựng vua ở đấy dễ cũng từ hai năm trước. Không biết có ai lau chùi chăm sóc nhà vua không nhỉ? Ông nhìn vào đôi mắt nhà vua. Hôm nay ông thấy đôi mắt ấy có vẻ buồn, mặc dù trông ngài vẫn rất uy nghiêm.

Nhà vua liếc mắt xuống. Ngài hơi ngạc nhiên thấy hôm nay ông già này chú ý đến mình. Từ khi ngài trị vì ở đây, ông ta là người thân cận nhất. Vắng bóng ở đây nhiều ngày, hôm nay ngài mới thấy ông ta trở lại. Người con gái cũng thế. Xuất hiện đôi ba ngày rồi đi biệt. Người con gái cũng đứng cùng một chỗ ông già kia, cùng làm một công việc mà ngài không thể hiểu nổi: chặn những người đi qua lại rồi đưa một vật gì màu đen lên mắt, vật ấy lâu lâu lại lóe ánh sáng.

Nhà vua quay nhìn một thanh niên. Anh ta cũng cầm trên tay môt vật đen giống hệt ông già kia. Anh ta đứng yên đó lâu lắm. Trông anh ta quen quen như ngài đã từng gặp một lần. À phải rồi, anh ta xuất hiện cùng thời gian với cô gái.

Sau cùng nhà vua thấy anh ta tiến về phía ông già.

Quang lại gần ông Hội. Anh hỏi ông thợ chụp ảnh:

– Xin lỗi bác tôi hỏi thế này có hơi đột ngột. Bác có thấy một cô gái cũng làm nghề chụp ảnh như bác thường đứng ở chỗ này không?

Ông kia trả lời:

– Không. Cả vườn Chí Linh này tôi là người độc nhất chụp ảnh từ mấy năm nay.

– Tên cô ta là Vi, Tường Vi.

– À, thế thì nó là con gái tôi. Mấy hôm nay tôi ốm. Nó cứ đòi đi thay tôi. Nó mà chụp ảnh cái nỗi gì. Nó còn đi học. Mai kia nó ra trường kiếm khối nghề còn hơn cái nghề mạt này của tôi.

Rồi ông Hội chăm chú nhìn vào cái máy ảnh của Quang.

– Xem ra cậu cũng là dân sành đấy. Máy của cậu tốt quá!

Quang nói:

– Thưa bác, cháu có mấy bức ảnh nhờ bác chuyển hộ cho Vi.

Anh cúi xuống lục ba tấm trong xấp hình của anh. Một tấm chụp ở vườn Chí Linh. Một tấm Vi ăn bún chả. Một tấm chụp cận hình đôi môi Vi và đóa sen. Anh đưa ba tấm hình cho ông Hội. Rồi nghĩ sao anh xin lại, viết ở đằng sau cả ba tấm địa chỉ e-mail của anh.

– Cám ơn bác rất nhiều.

Nói xong anh bỏ đi.

Hà Nội ngày tháng cũ
Mãi mãi theo tôi trôi trên biển đời
Hà Nội ngày tháng cũ
Như mây như mưa trong cuộc tình tôi...
(Hà Nội Ngày Tháng Cũ – Song Ngọc)

*

Vua Lý Thái Tổ nhìn thanh niên bước qua đường Đinh Tiên Hoàng, cắt ngang dòng xe đang chạy như mắc cửi. Bóng anh ta khuất ở hồ Gươm. Nhà vua không nhìn thấy cảnh hai người gặp nhau ở tòa bát giác bẩy ngày trước đó, ngài không biết rằng mình vừa chứng kiến màn chót của một cuộc tình.

Trong số e-mail có một lá thư của Mai. Đọc xong anh đánh vào reply, viết bức thư ngắn cho vợ. Thư không có dấu:

"Em yeu",

"Anh cung nho em lam. Anh con mot ngay nua o Ha Noi, chua biet phai lam gi cho het. Anh hy vong chuyen di theo phai doan den bien gioi chup anh se co nhieu hung thu hon. Thoi nghe, chung hon tuan nua la tui minh lai gap nhau roi. Hon em va Vivian".

"Anh"

Sực nhớ lời vợ dặn trước trước khi anh đi: "Nhớ đấy. Về Việt Nam đi ăn hàng nhớ dặn họ đừng có cho bột ngọt. Ăn bột ngọt rụng tóc đấy! Mới bốn mươi mà đầu đã hói thế kia rồi!"

TRUYỆN CHỚP *

ĐẶNG THƠ THƠ

Ở GIỮA MỘT GANG TAY

Chúng tôi hay bày trò chơi xác xuất của những ngẫu nhiên.

Lần đầu gặp nhau ở sân gôn chúng tôi đã mến mộ tài năng nhau vì những đường banh đẹp. Một ham muốn chợt nẩy sinh rất tự nhiên lúc đứng trên đỉnh đồi xanh. Gió thổi phần phật làm quần áo dính sát người, chúng tôi cảm thấy rạo rực muốn gần nhau, nhưng cố chống lại thôi thúc. Không phải vì e ngại luân lý, nhưng vì chúng tôi trung thành với trò chơi xác xuất ngẫu nhiên. Thế rồi chúng tôi nghĩ ra một cách.

Chúng tôi rủ nhau cùng nằm và lăn mình từ trên đỉnh xuống. Chắc cú là khi lăn xuống chúng tôi sẽ va đụng vào nhau, và người này sẽ đè lên người kia, một cách ngẫu nhiên (chúng tôi muốn mọi sự xảy ra thật tự nhiên như thể ngoài ý muốn). Thế là chúng tôi cùng đếm: Một hai ba - Lăn! Sau khi nhào lộn nhiều vòng cuối cùng chúng tôi nằm lăn ra, choáng váng xây xẩm. Nhưng thật trớ trêu, chúng tôi không đè lên nhau, thậm chí không đụng được vào nhau! Chúng tôi nằm, một người xấp, một người ngửa. Khoảng cách giữa chúng tôi là một gang tay. Định nghĩa của một gang tay là chịu đựng cảm giác và phó mặc cho sự may rủi.

Chúng tôi muốn gần nhau khít rịt, nhưng biết làm sao? Tất nhiên chúng tôi có thể nhích lại và choàng tay ôm, nhưng như vậy thì tình yêu không phải là xác xuất ngẫu nhiên. Chúng tôi nằm và chờ đợi một điều, hay một biến cố lớn sẽ xảy ra để có thể rút ngắn khoảng cách: một con kiến bò vào quần, một khúc cây rớt trúng đầu, một cú trượt dài của vỏ trái đất, một cơn địa chấn dữ dội... Chúng tôi sẽ ôm riết nhau, dính cứng vào nhau vì sợ hãi, hay giả bộ sợ hãi cũng vậy.

Rồi điều đó xảy ra thật: thảm cỏ bên dưới bắt đầu rúng động, như một cái giường lắc đu trong cơn địa chấn. Nhưng nó không hung hãn, mà chỉ rung khe khẽ, rần rật, như nhịp điệu một cuộc làm tình xuyên qua đất. Âm thanh của động đất là một tiếng rên và một tiếng thở: rên - thở - rên. Đó là âm thanh thoát ra từ thân thể chúng tôi, ngoài ý muốn. Vậy ra chúng tôi đang làm thật. Hay chúng tôi chỉ đang-nghĩ rằng chúng-tôi-đang-làm. Hay chúng tôi đang làm bằng cách nghĩ?

Cuối cùng khi đứng dậy và đi trở ngược lên đồi, chúng tôi vẫn không rõ là đã làm hay chưa. Ngoái đầu nhìn lại chỗ vừa nằm, chúng tôi thấy cái khoảng hở một gang tay — phần thân thể nối dài của hai đứa - đang nằm trên cỏ và bắt đầu rung lên.

O.C. 11/5/06

TÌNH YÊU TRƯỚC NGÀY TẬN THẾ

Họ bất chấp mọi sự để yêu nhau. Mối tình giữa Barbara Bush và Omar Bin Laden là tình yêu oan trái nhất trong lịch sử, huy hoàng hơn hẳn thời đại Shakespeare. Mối đại thù giữa hai dòng họ đã vượt quá màn đấu kiếm thời trung cổ, tình yêu của họ được chiêm ngưỡng từ góc độ toàn cầu và được chiếu rọi bằng hào quang nguyên tử.

Trước khi tự sát, Barbara hỏi Omar:

"Omar, hãy nói cho em biết, điều chúng ta đang làm thật sự có ý nghĩa gì?"

Omar với quầng mắt sâu bí ẩn và nụ cười nửa miệng trầm mặc của cha, sửa lại tấm khăn che đầu trên tóc Barbara:

"Với những người đi nhà thờ, đó là cuộc tấn công vào thành trì tôn giáo. Với những người cuồng tín, đó là châm ngòi nổ thế chiến thứ ba. Với những người nhân bản, đó là khởi đầu của hòa bình. Với những người lãng mạn, đó là một tình yêu bất tử."

Barbara quỳ xuống để nói lời xưng tội cuối cùng, lời xưng tội làm toàn bằng dấu hỏi:

"Nhưng sự bất tử này là của chúng ta - Barbara và Omar, hay của con gái Bush và con trai Bin Laden, hay của thánh Ala và Giêhôva, hay là của những điều gì khác? Và chúng ta chỉ thêm thắt vào sự bất tử của người khác bằng cái chết của mình, thì điều này có nghĩa lý gì? Và sự bất tử này thuộc về đâu, về chúng ta, hay thuộc về lịch sử?"

Omar vung tay lên, lần đầu tiên trong suốt 21 thế kỷ dài người ta mới thấy lại một thanh gươm sáng lòa như ánh chớp, mỏng tang như ranh giới giữa sống và chết, tồn tại uy nghi ngoài ngôi lời:

"Thanh gươm Yết Lam (**) này sẽ cắt lìa chúng ta khỏi quá khứ, sẽ tàn phá mọi gốc rễ, sẽ lột sạch những màu da, để sự bất tử này chỉ thuộc về chính chúng ta là những kẻ đã sẵn sàng trả giá."

Họ yêu nhau lần cuối, dữ dội và điên loạn, trước sự chứng kiến của những linh hồn chết oan. Họ khóa chặt môi nhau và ném số mệnh mình vào nhau như đút gọn chiếc chìa vào ổ khóa. Trong tư thế đó họ cùng cầu nguyện và đọc Kinh Tình Yêu, là chương cuối cùng của kinh thánh và kinh Kô-ran nhập một. Họ không cầu xin được tha thứ và cả nhân loại được tha thứ. Họ chỉ cầu xin cho cha họ, như Giê-su đã cầu xin cho cha mình: "Nguyện rằng bằng cái chết của Con, cả nhân loại sẽ tha thứ cho Cha, là Đức Chúa Trời và những sáng tạo của Người. **Amen.**"

(*) Định nghĩa truyện chớp: Một thế giới trong đêm đen, bất chợt một luồng chớp xẹt lửa và toàn cảnh hiện hình rõ như ban ngày, rồi lập tức tan lại vào bóng tối, để lại một kinh ngạc không lời.

(**) the sword of Islam, *một biểu tượng mang ẩn dụ văn chương theo cách nhìn của tác giả.*

Phiếm luận về Heo

TRẦN QUÁN NIỆM

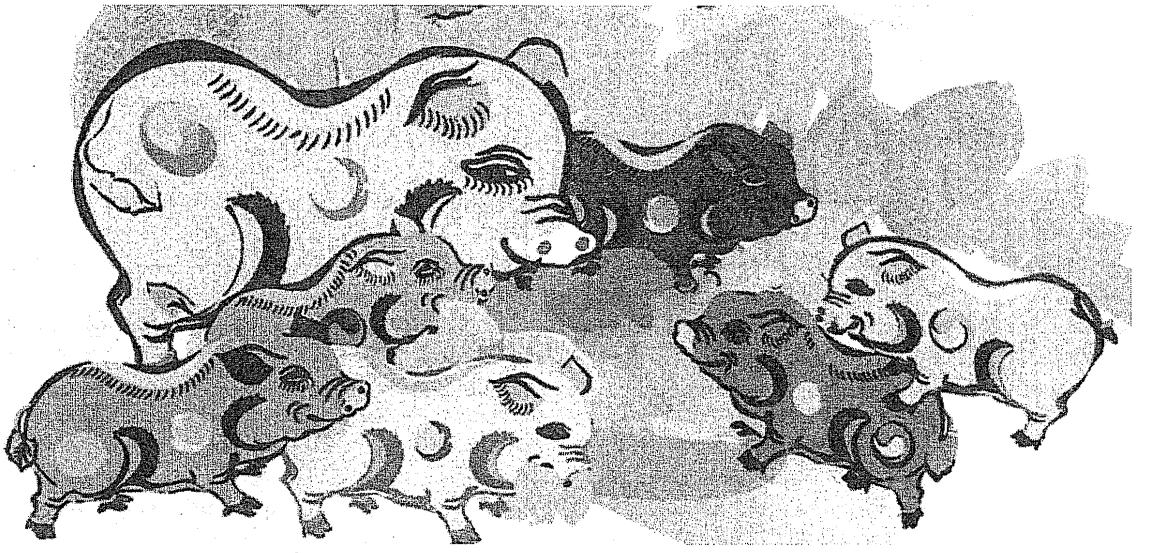

Một loài vật đầy mâu thuẫn

Trong suốt chiều dài của lịch sử loài người, địa vị của heo thăng trầm cũng lắm. Có xã hội thờ phượng heo như một linh vật của Thượng Đế. Có xã hội cho heo là loài dơ bẩn, đáng khinh khi.

Cũng trong cái mâu thuẫn đó, theo quan niệm của Việt Nam, thì heo vừa bần tiện lại vừa cao quý. Chê ai ở dơ, thiên hạ sẵn sàng rủa xả ngay "đồ dơ như heo," "nhà cửa bẩn như cái chuồng lợn," nhưng khi đến việc "quan, hôn, tang, tế," thì heo lại được coi là phẩm vật tôn quí dùng dâng lên trời đất, thần linh. Trong lễ tam sinh, trâu, heo, dê, thì heo không thể thiếu. Khấn vái cầu nguyện điều gì quan trọng, lễ vật to tát nhất phải là con heo quay mà người Việt, đặc biệt là người Việt gốc Hoa hứa hẹn để hậu tạ thần linh. Đám hỏi, đám cưới, cũng phải có heo quay. Làm mai mối thì được kiếng cái đầu heo. Nơi chốn đình trung, cái thủ lợn phải về tay ông tiên chỉ. Đánh nhau vỡ đầu, sứt trán cũng chỉ vì tranh giành chỗ ngồi, chiếu cao, chiếu thấp chốn đình làng mà mục đích chính là hưởng phần "đầu gà, má lợn."

Xã hội Âu Mỹ, cũng không khác, heo vừa bị ghét lại vừa được yêu, Gọi ai là heo là bạn gặp rắc rối ngay vì heo tượng trưng cho con vật thô bỉ, lười biếng. Tuy thế vẫn có người mê heo và heo được nuôi làm cảnh trong nhà như chó mèo, được chủ bồng bế, ôm ấp, hôn hít như một cục cưng. Với những vị yêu heo, bạn mà chê "ngu như heo" là họ quyết liệt bênh vực loài "ủn ỉn" này tới cùng. Họ chứng tỏ ngay cho bạn thấy heo thông minh nhất, hơn cả chó và mèo, dễ thương nhất, mũm mĩm nhất. Họ còn kê khai cả một loạt những ông bà tai to mặt lớn đã từng nuôi heo làm cảnh như Sir Walter Scott, Tổng thống Abraham Lincoln, Thượng nghị sĩ Mark Hatfield... Dĩ nhiên là tên tuổi của các nhà quý phái kia hơi xa lạ với chúng ta, ngoại trừ Tổng Thống Lincohn, nhưng như thế cũng đủ chứng tỏ ở nước Mỹ những người yêu heo không thiếu, nhưng sở dĩ heo kiểng không được phổ thông như chó mèo vì kích thước của heo Mỹ lớn quá cỡ thợ mộc. Nếu không bị ngả thịt từ lúc còn niên thiếu, heo Mỹ có thể thọ đến

18 năm và nặng từ 800 pounds (360 ký) tới 1,800 pounds ((860 ký). Khủng khiếp chưa. Anh chị Mỹ nào có yêu heo lắm cũng đành chào thua. Apartment nào chịu cho nổi, sập nhà là cái chắc. Họa chăng có ngài Lincoln với nguyên tòa Bạch Ốc thênh thang mới chứa nổi.

Bụt Chùa Nhà Không Thiêng

Thế nên khi thấy chú heo Việt Nam thì họ mê ngay. Họ gọi là heo tý hon (miniature pig) vì nó chỉ sấp sỉ 100 pounds, trừ những con nái xề mới nặng cả tạ (200 pounds). Lần đầu tiên, 18 con heo tý hon được nhập cảnh Canada khoảng giữa thập niên 80. Thế là cả nước Mỹ lên cơn sốt. Thuở đó cầu nhiều cung ít, nên giá cả ở chín tầng mây xanh. Một chị nái đang có bầu trị giá trên thị trường khoảng 20,000 đô tiền tươi, mà người đấu giá còn phải giành giựt nhau mới được ẵm chị về sinh lợi. Heo con chưa chào đời đã có người còm măng. Danh sách chờ (waiting list) dài thậm thượt. Chi một cọc tiền mới bế được chú heo con về, mặt mày chủ nhân vừa nghiêm trang vừa cảm động vừa hãnh diện với hàng xóm. Rồi heo từ Tầu, Anh, Sweden và Đúc đổ xô vào nhưng không sao ăn đứt được anh heo bụng ỏng Việt Nam. Thế mới lạ.

Đọc trên sách vở, tôi phân vân, bán tin, bán nghi. Có lý nào con heo đen thùi, Việt Nam còn gọi là heo Mọi, ưa sủi đất, vầy bùn, ở dơ một cây lại nổi tiếng như vậy và trở thành con vật nuôi làm cảnh trong nhà. Bộ những Mỹ nhân (người Mỹ đấy) muốn biến căn buồng khách trải thảm trắng muốt thơm tho thành cái chuồng heo hay sao? Làm cách nào mà con vật xấu xí, đen thui như chú mọi quắt queo kia lại bỗng nhiên trở thành cao sang quí phái như thế? Quyết tâm tìm hiểu sự thật, tôi mầy mò vào Internet kiếm địa chỉ của một trại heo kiểng trong tiểu bang, bỏ nguyên nửa ngày lái xe đến tận nơi. Hai ông bà chủ dáng lịch lãm, cao ráo, đón tiếp chúng tôi, rồi hãnh diện dẫn ra chuồng heo. Chuồng thiết kế tân kỳ, sạch như lau, không mùi hôi. Đàn heo con dễ thương quây quần bú mẹ. Chị nái xề nằm thoải mái, mắt ti hí nhìn chúng tôi đầy vẻ tự tin và thông minh. Bà chủ bế một con heo khoang đưa cho vợ tôi ôm, nhưng nàng "kín đáo " và "tế nhị" (sau một cái nguýt rất nhanh mà có lẽ chỉ có tôi thấy) nhường "đặc ân" đó cho tôi. (dù gì thì chính tôi đề xướng ra chuyến đi này, và nàng đã cằn nhằn suốt cuộc hành trình trước khi tới đây. Vả lại hôm nay nàng diện bộ đồ đẹp nữa). Ông chủ lấy sổ ra, kể đến gia phả mấy đời của chú heo con chính gốc Việt Nam và trại ông được Hội Nuôi Heo Tí Hon Tài Tử chứng nhận là chuyên nuôi heo rặt giống. Sau khi cẩn thận hỏi tôi thuộc giống dân nào, mà tôi đã chuẩn bị trước, nói dối là người Nhật, ông cho hay ông vốn là một võ quan trong binh đội Hoa Kỳ đã từng tham chiến tại VN, nay về hưu, nuôi heo kiểng, có tính cách tài tử hơn là với mục đích thương mại. Người VN mình có thói quen coi thường mấy chú lái heo, nhưng nếu gặp vị "lái heo" lịch duyệt này chắc cũng phải thay đổi thái độ. Ông xổ một tràng tiếng Nhật ba rọi, rồi xoắn lấy tôi kể về một số địa danh bên Nhật cùng những kỷ niệm của ông. Hoá ra trước đây ông cũng phục vụ tại Nhật. Cũng may là tôi thuở trước được thăm viếng xứ Phù Tang một thời gian nhờ đi thực tập trên Đệ Thất Hạm Đội nên trả lời xuôi lọt, hú vía, không bị lộ tẩy.

Bà chủ có lẽ sốt ruột ngắt lời, cho biết lứa heo có người đặt cọc mua rồi, nếu tôi muốn thì phải ghi vào danh sách chờ lứa sau, và đặt nửa tiền làm tin, hên ra thì mấy tháng nữa, sẽ có heo đem về nuôi. Chúng tôi vào phòng khách. Con heo cưng của bà chủ được gọi ra làm vài màn biểu diễn sơ sơ chào hàng. Nó từ phòng riêng đủng đỉnh bước ra, cổ đeo nơ đỏm dáng, nhưng chẳng khác gì con heo bụng ỏng mẹ tôi nuôi ở sau vườn tại VN. Nó tới trước mặt từng người, nhẹ nhàng "bái gối" (kiểu chào khẽ quì một chân xuống như trong nhà thờ VN), rồi sau đó theo hiệu lệnh của bà chủ, nó đi đứng nằm ngồi một cách thông minh. Rồi các màn biểu diễn lên cấp dần dần, nào nhẩy qua sào ngang, nào đứng thăng bằng trên một thùng gỗ lăn tròn, nào ngậm tờ báo ở ngoài cửa vào đưa cho chủ. Sau khi được thưởng mấy miếng bánh bich quy, nó lại bái gối chào chúng tôi, duyên dáng không kém gì cô đào Grace Kelly (sau này là bà Hoàng xứ Monaco), trước khi trở lại phòng riêng. Bà chủ mời nhà tôi thăm phòng ngủ của nó. Trời ạ, nguyên một căn phòng riêng biệt còn đẹp hơn cả phòng ngủ cô con gái rượu của chúng tôi nữa. Nó nằm thoải mái trên một ổ nhỏ hình trái tim, lót saten đỏ chói,. Ở góc phòng là một khung vuông đóng bằng gỗ tốt, rải rác vài món đồ chơi, là sân chơi của nó. Tôi rụt rè hỏi rồi nó tiêu tiểu ra sao? Bà chủ hãnh diện nói nó biết vào cầu tiêu, trong đó có một hộp gỗ trải răm bào, dành riêng cho nhu cầu của nó.

Trên đường về, nhà tôi tỏ vẻ ngạc nhiên hết sức. Tôi nói đùa "Hay mình thỉnh một con về nuôi chơi," người đẹp dẫy nẩy một cách dễ thương nhưng không kém phần quyết liệt "no way." Dĩ nhiên là lúc nãy khi ông bà chủ mời tôi ghi tên vào danh sách chờ và đóng tiền cọc, nhà tôi đã khéo léo đưa đẩy từ chối. Đức Khổng Tử nói tuổi bốn mươi, năm mươi là tuổi thông thái, khắp trời đất chuyện gì cũng biết qua ("tứ thập nhi bất hoặc, ngũ thập tri thiên mệnh" mà). Tôi cũng trên năm mươi tuổi rồi chứ bộ, thế mà chuyện về con heo bụng ỏng tôi lại mù tịt.

Hóa ra con heo VN tầm thường mình nuôi ở cái chuồng bẩn thỉu ngoài vườn, chờ ngày làm thịt, lại thông minh một cách kỳ lạ như vậy. Thế mà bao nhiêu thế kỷ qua người Việt ta không khám phá ra. Thật là Bụt chùa nhà không thiêng. Người VN nói riêng và nhân loại nói chung vốn có tính vọng ngoại, cái gì của người cũng trầm trồ cho là hay là đẹp. Tôi còn nhớ khi Mỹ nhập vào Việt Nam giống heo Yorkshir, lưng thẳng, lông trắng, da dẻ hồng hào như những cậu Tây con, ham ăn, mau lớn, mọi người ca ngợi hết sức. Đứng bên cạnh con heo VN đen thui bụng ỏng, như là công sánh với quạ. Ấy thế mà những con heo tốt mã rẻ cùi kia lại ngu các cụ ạ. Chỉ biết ăn với ngủ, chờ ngày bị ngả thịt trong khi heo VN xấu xí chiếm vị trí tôn quí trong lòng dân Mỹ.

Lan man từ chuyện heo vọng ngoại đến chuyện đời. Còn nhớ trước 75, dân sang trọng uống bia Mỹ Budweiser chứ ai thèm bia 33 hay bia lớn, trừ dân nghèo bình dân, ít tiền, đành phải chịu mà thôi. Lúc đó nước Mỹ xa vời như thiên đường trong mộng. Tỵ nạn sang Mỹ, tôi tin tưởng là mình đã tới thiên đàng (Kinh Phật chả nói Tây Phương Cực Lạc là gì?). Mỗi lần ăn trưa với bạn cùng sở, tôi chỉ gọi Budweiswer. Trong khi đó lũ bạn chơi toàn Heineken và các loại bia ngoại quốc. Khi quen thân hơn, chúng nó thắc mắc, tôi trả lời chắc nịch "Ngày trước tao chỉ mơ Budweiser, nay mộng đã thành, được uống thả dàn, còn đòi gì hơn." Bọn nó cười khả ố: "Mày uống ba cái đồ nội hóa đó làm gì. Dân sành điệu phải uống bia ngoại." Thế là thiên đàng tôi tưởng đã tìm thấy lại lùi xa khỏi tầm tay với. Nếu tôi sang bên Hòa Lan, xứ của bia Heineken, thì không biết thiên đàng lại di chuyển về đâu.

Truyện con heo, trò con heo

Heo thuộc họ hàng những con vật chân có hai ngón như nai, lạc đà, hươu cao cổ, mển, dê, cừu, trâu bò, chỉ khác là heo không nhai lại. Điều đáng ngạc nhiên là heo không ở bẩn. Nó bị mang tiếng oan vì người ta nhốt nó trong chuồng chật hẹp, nên nó phải ăn ngủ tiêu tiểu bừa bãi mà thôi. Nếu được ở nơi rộng rãi, nó biết lấy rơm lót ổ một nơi, phóng uế một nơi riêng biệt. Tuy nhiên nó có thói quen khó bỏ là thích lăn lộn trong vũng bùn, nhất là những ngày nóng nực, vừa cho mát vừa với lý do khi sống hoang ngoài thiên nhiên, ruồi muỗi quấy rầy, nên heo dầm mình trong bùn để tránh ruồi muỗi và giết ký sinh trùng bám trên da. Mũi heo rất thính nên heo dùng mũi ủi đất tìm mầm non hay rễ củ để ăn. Lợi dụng khả năng này bên Âu Châu người ta dùng heo để đánh hơi tìm một loại nấm quý ăn rất ngon, bán giá cao (truffles) mọc ngầm dưới đất. Đôi khi heo được huấn luyện để đánh hơi thay chó săn. Trong đệ nhị thế chiến, heo được dùng trong quân đội như quân khuyển dò mìn bẫy chôn sâu dưới đất. Heo còn xuất hiện trong gánh xiệc Âu Mỹ, biểu diễn lắm trò lạ lùng.

Nhưng dù có bênh vực cho heo thế nào đi nữa, heo vẫn bị mang tiếng xấu trên địa hạt ái tình. Thật không oan, vì đến mùa động đực thì heo quả là quá xá. Nó chạy rần rật trong chuồng, kêu rống lên, đôi khi chuồng thấp nó còn phóng ra để tìm đực cho bằng được. Chẳng thế mà người ta thường nói "sổng con heo lòng" hay "dở trò con heo" và gọi những ông già sồn sồn ưa thả dê đàn bà con gái là "đồ heo nọc." Cũng vì thế ở VN ai nuôi heo, dành để bán thịt, phải gọi anh chàng thiến heo đến thiến hết bầy heo choai choai, thì heo mới lo ăn cho chóng lớn, không dở trò dậm dật khi đến tuổi trưởng thành.

Tôi còn nhớ mãi hình ảnh anh thợ thiến heo ở vùng tôi, một vùng nửa tỉnh nửa quê. Anh này người mảnh khảnh, dáng dấp phong lưu tài tử kiểu lục tỉnh, tóc búi, mặc quần áo bà ba lụa chải chuốt, thường tụ họp bạn bè uống rượu rồi đàn ca vọng cổ thâu đêm suốt sáng. Ngủ đã đời, giấc trưa mới tà tà dạo ra đường hành nghề. Đồ nghề chỉ vỏn vẹn con dao nhỏ trong bọc và cuốn chỉ. Trước khi ra khỏi ngõ, anh ta bứt một lá tre, đặt trong miệng, thế mà thật tài, anh thổi ra tiếng lanh lảnh như tiếng sáo. Đi thung dung giữa làng xóm vui đâu thì ngừng lại nói chuyện khào, hồi lâu lại đi tiếp, ai có heo cần thiến, nghe hiệu sáo cho con nít ra gọi anh vào. Chủ

nhà bắt từng chú heo choai choai ra khỏi chuồng, đè xuống đất. Bàn tay anh ta dịu nhẹu, thành thạo. Anh dùng con dao nhỏ, sắc lẻm, rạch một đường ngắn ngang hông con heo, rồi thò tay vào bụng nó, móc ra một vật đỏ đỏ như hình hoa khế, nhỏ tựa cúc áo. Anh ta cắt vứt đi, ấn ruột heo vào như cũ rồi thoăn thoắt khâu vài mũi chỉ ngay chỗ cắt. Thế là xong, lợn được thả vào chuồng. Con khác được bắt ra. Tôi thấy anh ta chỉ rửa tay qua loa trước khi hành nghề, chẳng có alcohol sát trùng gì cả, thế mà chẳng con nào nhiễm độc chết. Chúng chỉ làm biếng ăn cỡ một hai ngày, rồi lại đâu vào đó, hục đầu vào máng cám ăn như điên, mập tròn, hồng hào, chờ ngày bị ngả thịt. Hồi đó còn bé tôi không rõ anh được trả bao nhiêu tiền nhưng lúc nào cũng thấy anh ta ung dung, lè phè, nhậu đế và ca vọng cổ.

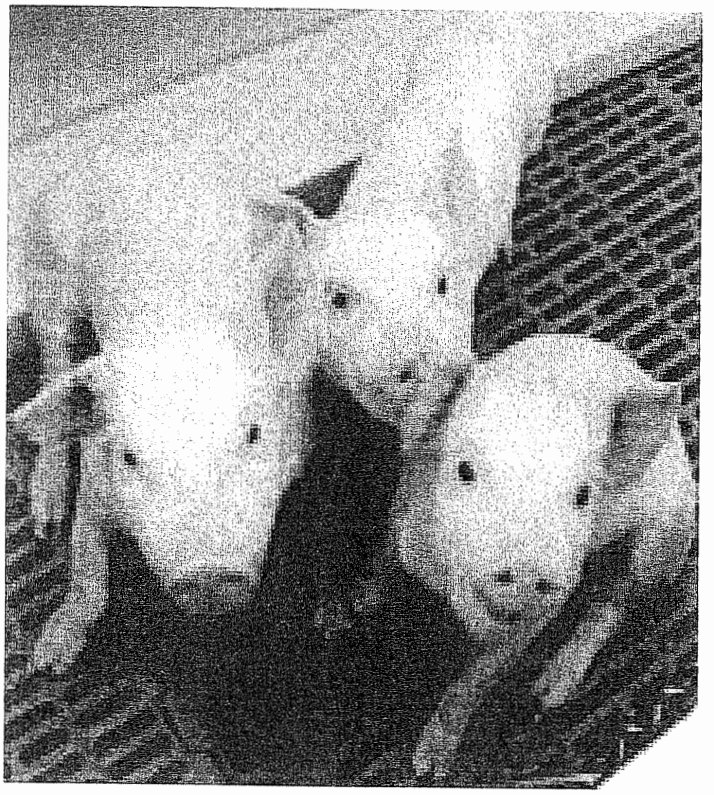

Tuy thế so với anh dẫn heo nọc cho thuê gây giống, thì anh sau này lại nhàn hơn một bực. Con heo đực nặng cả tạ, cái bìu chần dần, đi lặc lè chậm chạp. Chủ tớ chẳng ai vội vàng, thong dong như người dạo mát, mà có vội vàng cũng chẳng được vì cụ heo già đâu có thích đi nhanh. Nhà ai có heo nái muốn lấy giống thì gọi vào. Heo làm chuyện heo, người thâu tiền người, khỏe re. Sau này xóm tôi có đường nhựa, heo được đứng thảnh thơi trên tấm gỗ dầy có gắn bốn bánh xe, chủ ì ạch kéo, heo đứng ngó trời mây non nước. Chắc để heo cưng khỏi đi bộ, long đầu gối, năng xuất không hữu hiệu chăng?

Còn về trò con heo, thì xã hội Âu Mỹ khai thác triệt để. Hàng năm có khoảng trên10 ngàn phim conheo XXX được sản xuất. Hai tạp chí chuyên về hình ảnh tính dục (loại mềm) là Playboy và Hustler bán chạy như tôm tươi mang lợi nhuận lớn cho chủ nhân.

Heo cụt đuôi, cụt tai

Cách đây bốn năm thập niên, chăn nuôi ở Mỹ giống ở xứ ta. Heo nuôi vài ba chục con tại nông trại, chạy cà nhỏng cùng bò dê, gà, vịt . Hình ảnh điển hình về đời sống thoải mái nơi nông trại được dưa vào sách vở cho trẻ con học ở lứa tuổi vỡ lòng. Trại mầu đỏ sậm trên nền xanh của đồng cỏ, chung quanh là những cây táo nở hoa trắng xóa. Bò thảnh thơi gặm cỏ trên cánh đồng điểm lấm tấm hoa vàng. Heo gà chạy giỡn tự do. Thanh niên điều khiển ngựa kéo cầy, thôn nữ, váy xòe cười tung tăng hái nho. Nhưng rồi đời sống cơ giới kỹ nghệ hóa nông thôn. Trang trại nhỏ bé, phá sản, chết dần. Chăn nuôi trở thành đại kỹ nghệ, là nhà máy sản xuất thịt cho người tiêu thụ nơi thành thị mà chủ nhân là giới tài phiệt. Gà, heo được tập trung vào những trại chăn nuôi khổng lồ, số lượng nuôi đến hàng trăm ngàn con. Bò, heo, gà sống trong chuồng chật hẹp, ăn thực phẩm bào chế sẵn trộn với hóa chất cho chóng béo và ít bệnh tật. Súc vật không có đời sống thiên nhiên nữa mà biến thành một sản phẩm, trong một thời gian ngắn nhất với số thực phẩm ấn định và một diện tích sinh sống tối thiểu phải tạo số thịt tối đa.Chỗ ở chật hẹp làm heo gà trở nên hung tợn, cắn giết nhau. Gà mổ nhau tới chết rồi rút ruột nạn nhân ra ăn. Heo cắn đuôi hoặc tai đồng loại, ăn dần cơ thể của nạn nhân khiến chúng chết một cách thê thảm. Do đó bây giờ gà bị cắt mỏ, cắt mào. Heo bị cắt

đuôi, cắt tai. Súc vật chúng ta ăn không có đời sống tươi vui khỏe mạnh không nhiều thì ít sẽ mang lại bệnh tật cho người tiêu thụ, nhưng đó là chuyện để viết trong loạt bài khác.

Heo Mỹ bị cắt tai chỉ vì sự tiện lợi cho chủ nhân chứ không tiềm ẩn một ý nghĩa gì. Còn VN thì khác xa. Ngày đám cưới, họ nhà trai phải đem heo gà về nhà gái làm lễ nhị hỷ. Nếu cô dâu còn trinh trắng thì không sao, nhưng trái lại thì nhà trai gửi "thông điệp bất mãn" đến cho nhà gái và bàn dân thiên hạ bằng cách cắt tai chú heo quay dùng làm lễ vật. Phong tục này ngày nay không còn thấy nữa. Tại sao? Phải chăng dân Việt càng ngày càng dễ tính? Một cụ rất thâm, cười đểu mà phán rằng "Nếu còn thì trong nhiều lễ cưới, heo quay không những cụt tai mà còn cụt đuôi, nhiều khi cụt cả bốn chân nữa."

Những con heo nổi tiếng

Tác giả Ngô Thừa Ân đời nhà Nguyên đã dựng nên tác phẩm vĩ đại Tây Du Ký, thuật lại cuộc hành trình cam go gian khổ của nhà sư Tam Tạng Đường Huyền Trang từ Trung Quốc sang Thiên Trúc (Ấn Độ) thỉnh kinh. Dĩ nhiên truyện được huyền thoại hóa để thêm phần hấp dẫn trong dân gian. Chẳng thế mà độc giả khắp cõi Á Châu trong đó có Việt Nam, già trẻ lớn bé đều say mê như điếu đổ. Trong chuyến hành trình thực sự, chỉ có thầy Tam Tạng một mình một ngựa muôn dặm thỉnh kinh, nhưng trong truyện thì thầy có ba đệ tử hầu cận, kẻ gánh hành lý, kẻ dắt ngựa, người dẹp yêu quái chận đường. Hồi nhỏ tôi trốn học, thi trượt Tú Tài mấy bận cũng vì mê đọc truyện Tây Du, thích thú vì tính cách phiêu lưu gay cấn của cốt truyện, say mê thế giới thần tiên có tiên đồng ngọc nữ, có Phật Tổ, có Ngọc Hoàng, khâm phục tài phép của Tề Thiên, cười cho Trư Bát Giới ham ăn, ưa gái. Sau này nghe lời phê bình chia chẻ của các vị thức giả, mới hay bốn nhân vật chính trong truyện mỗi người đều tượng trưng cho tính tình của con người. Tam Tạng thánh thiện đôi khi lẩm cẩm. Tề Thiên , trí năng, ưa chạy nhẩy như khỉ chuyền cành. Bát Giới, bản năng, ưa vật dục thế gian, còn Sa Tăng thì không thấy nói tới, hay có mà tôi quên vì nhân vật này trầm đều không rõ nét cho lắm. Trư Bát Giới gần gụi với người đọc hơn cả, vì ai cũng thấy hình ảnh mình trong đó, nào ham ăn ngon, ngủ trễ, trốn việc, nói dối, làm biếng, thấy gái thì mê tít thò lò.

Cách đây chừng 20 năm, trong đám hình nộm diễn tuồng cho con nít xem trên TV, nếu tôi nhớ không lầm thì đó là ban The Muppet của Con Ếch Xanh, có một nhân vật nữ, được khán giả thích thú hâm mộ, và trở nên một ngôi sao sáng. Đó là Miss Piggy. Chị heo này diện quần áo đẹp và nữ trang sang trọng, ỏn a ỏn ẻn, điệu một cây, khoe đùi khoe mông, cười duyên liếc xéo. Các bà các cô mê ngay vì ẩn hiện qua nàng Piggy là nhân dáng của họ. Xem show của cô nàng, ngó trước ngó sau không thấy bà xã đâu, anh bạn Mỹ hàng xóm ghé tai tôi bỏ nhỏ: "Y hệt con mụ nhà tao, mày ạ. Ông ẹo thấy ghê. Chỉ khác một cái là con mụ nhà tao là loại lợn xề đẻ đã mấy lứa, nhão nhoẹt rồi. Được tươi mát như em heo này thì đỡ quá." Mới hay, Đông cũng như Tây, thì tư tưởng lớn cũng như nhau.

Cuối năm 2006, cận kề với mùa Xuân Đinh Hợi, không hiểu cố tình hay ngẫu nhiên, Disney cho trình chiếu tại rạp phim hoạt họa cổ điển The Charlotte's Web, với nhân vật nổi bật là anh heo Wilbur trắng trẻo, hồng hào. Như đã nói ở đoạn trên, loài heo này tốt mã nhưng hơi đần. Chị nhền nhện Charlotte phải bầy cho đủ "mánh" vặt khiến anh chàng nổi tiếng trong đời sống nông trại.

Năm 1945 George Orwell viết một câu truyện giả tưởng "The Animal Farm" về một cuộc nổi loạn cướp lại quyền của chủ trại do các thú vật nuôi trong trại, mà nhân vật lãnh đạo là con heo Old Major có một giấc mơ là loài người sẽ bị cai trị bởi loài vật. Ba ngày sau Old Major chết đột ngột, hai con heo Snowball và Napoleon, thực hiện giấc mơ của Old Major, làm một cuộc cách mạng, đuổi chủ trại Jones và bà vợ cùng con quạ tên Moses khỏi trại. Chúng tự chỉ huy, thành lập chính phủ để điều hành nông trại. Mới đầu hoạt động trong trại đi theo chiều hướng tốt, cùng làm cùng hưởng, mang tính cách dân chủ, Nhưng dần dần hai con heo Snowball và Napoleon say mê quyền lực, trở nên hủ hóa, độc tài. Thì ra, người hay vật khi có quyền hành trong tay, sẽ trở thành độc tài, tham quyền cố vị, giành hưởng những đặc quyền, đặc lợi. Quyển sách ám chỉ chế độ độc tài của Cộng Sản Nga trong thời Staline cầm quyền. Sách xuất bản năm 1945 nhưng mãi đến1950 mới gây được sự chú ý của độc giả.

Năm Hợi, phiếm như vậy cũng tạm đủ, kính chúc quý độc giả vạn sự cát tường, ăn no ngủ kỹ.

NĂM HỢI NÓI CHUYỆN HEO

PHẠM THÀNH CHÂU

Người Trung và người Nam thấy con lợn thì gọi là con heo, người Bắc thấy con heo thì gọi là con lợn. Nhưng người Bắc gọi bánh tai heo là "bánh tai heo," người Nam gọi bánh da lợn là "bánh da lợn." Có những điểm có thể "thống nhất" giữa Nam và Bắc, nhưng cũng có những vấn đề không cách nào áp đặt được! Nước Việt hình chữ S, dài thòng, không tròn, không vuông như mấy nước khác nên chuyện bất đồng (nhiều thứ) khó thông cảm. Tôi có một ông bạn Nam kỳ, khi nói chuyện với một ông Bắc kỳ, hễ đồng ý với ông Bắc kỳ, ông Nam kỳ bảo "Anh nói vậy là nhằm (đúng) rồi", ông Bắc kỳ nghe vậy tưởng là "Anh nói vậy là nhầm (sai) rồi", nên nóng gà! Ông Nam kỳ nói cái bóng đèn "cháy" rồi, là "cháy sợi dây tóc", là "đứt bóng". Ông Bắc kỳ tưởng cháy là đèn cháy sáng!

Năm ngoái viết về chó, tôi nói con "cẩu" khác với con "khuyển". Năm nay viết về heo, thì con heo khác với con lợn ở chỗ cái lưỡi của người nói chứ không liên hệ gì đến nó (con heo) cả. Vậy thì xin bà con người Bắc xem con heo là con lợn, khi đọc bài nầy.

Theo truyền thống báo chí, báo Xuân năm nào cũng có một bài về con vật cầm tinh năm đó. Năm nay là năm Hợi, xin kể vài chuyện về con heo để bạn đọc cho vui.

Ông bà ta thường nói "Ôn cố tri tân," tôi xin trình bày những "câu chuyện văn học" của con heo ngày xưa trước rồi mới đến chuyện heo ngày nay. Chuyện xưa thì phải từ bên Tàu rồi mới tới bên ta. Còn chuyện nay thì phải là chuyện bên Mỹ mới vui.

1- Chuyện heo bên Tàu

Những chuyện xưa nầy thì có lẽ bạn đã biết, nhưng không nhớ rõ, tôi xin tóm tắt bạn nghe.

- Lúc còn bé, Mạnh Tử nghe tiếng heo kêu, hỏi mẹ "Vì sao con heo kêu?" Mẹ Mạnh Tử trả lời "Vì người ta giết heo" "Giết heo để làm gì?" "Để lấy thịt cho con ăn." Vì nói lỡ câu đó mà mẹ Mạnh Tử phải đi mua thịt heo về cho con ăn.

Một chuyện khác. Vợ Tăng Tử đi chợ, đứa con Tăng Tử đòi đi theo, vợ Tăng Tử bảo con "Con ở nhà, mẹ đi chợ về làm thịt heo cho con ăn." Tăng Tử nghe vậy bèn ra sau chuồng bắt heo làm thịt cho con ăn.

Ý nghĩa của hai chuyện trên là "Một lời đã hứa, (xe) bốn ngựa khó theo."

Một chuyện Tàu nữa. Tô Đông Pha nghe nói heo Hà Dương ngon, sai người làm đi mua một con heo Hà Dương về đãi bạn bè nhậu chơi. Người làm mang heo Hà Dương về gần đến nhà thì heo sổng ra, chạy mất tiêu, anh ta bèn mua đại con heo trong xóm (không phải heo Hà Dương), đem về làm thịt. Mọi người khen nức nở rằng thịt heo ngon không đâu bằng.

Rõ ràng các chú ba dạy rằng, cứ "xạo" búa xua, đừng sợ thiên hạ nghi ngờ.

Thêm một chuyện heo bên Tàu nữa. Ở tỉnh Quảng Châu có tục, là khi nhà trai rước dâu, sau đêm động phòng, nhà trai phải tặng nhà gái một con heo quay. Nếu cô dâu đã thành đàn bà (mất trinh) trước khi về nhà chồng, thì con heo quay đó sẽ bị cắt tai, coi như công bố cho bàng dân thiên hạ biết rằng chú rể xài đồ xế-cần-hen (second-hand). Người Tàu mua lầm đồ dỏm mà lại la óe om sòm! còn người Việt mình thì làm thinh, sợ nói ra sẽ lòi cái "ngu" của mình. Nhưng đó là chuyện xưa, chứ thời hiện đại, vấn đề "trinh tiết" giải quyết ba mươi giây. Cứ cho chị đàn bà nầy qua Nhật, nửa giờ sau, ra khỏi phòng bác sĩ đã thành cô gái trinh nguyên. Đây là nghề của người Nhật. Họ lấy lá nhỉ trong lỗ tai của đương sự vá vô chỗ đó, giống màng trinh y hệt, chắc chắn đến độ có khi phải dùng cái dùi mà xoi mới thủng. Chỉ hơi phiền là khi người ta nói gì, cô gái đó phải

chàng hẳng hai chân ra mới nghe được.

2- Chuyện heo bên ta

Bên ta cũng nhiều chuyện heo lắm, nhưng không dạy đời, bắt thiên hạ phải làm "quân tử Tàu," mà chỉ là chuyện xạo để cười cho vui thôi. Trước hết là câu "Tuổi hợi nằm đợi mà ăn." Vị nào tuổi con heo, mà tin rằng cứ nằm mà ăn, không chịu đi làm, sáng nào cũng ra hàng cà phê ngồi uống cả thùng nước trà, tán phét đến trưa, thì có mà ăn cám, chưa kể - nếu ở Việt Nam - phát ngôn bừa bãi, chính chị, chính em, công an phường lại tốn thì giờ "nói chuyện," vả lại, "ăn bám" cho cố mà không vận động, có ngày đứt gân máu, hui nhị tì.

Chuyện xưa thì có chuyện trạng Quỳnh. Trạng Quỳnh lúc nhỏ gặp một ông tú tài. Ông tú ra câu đối "Lợn cấn ăn cám tốn" Quỳnh đáp "Chó khôn chớ cắn càn." Chuyện thứ hai là trạng Lợn. Anh ta xuất thân từ một gia đình chuyên mổ heo. Nhờ miệng lưỡi lanh lợi mà được vua phong trạng, người ta gọi là trạng Lợn. Trạng Lợn được đưa đi sứ qua Tàu, đối đáp với vua Tàu ngon lành, khiến cả triều đình chú chệt nghệch mặt, phục lăn.

Một chuyện heo khác. Ngày xưa, có một ông nằm mơ thấy heo kêu. Ông ta đến thầy rùa nhờ đoán mộng. Thầy phán "Anh sắp có ăn," quả nhiên bữa đó có người mời đi ăn cỗ. Hôm sau ông ta lại mơ thấy heo kêu, lại đến thầy, thầy phán "Sẽ có người cho áo quần." Cũng quả nhiên, ông ta được người ta cho áo quần. Ông ta lại mơ thấy heo kêu. Lại đến thầy. Thầy phán "Anh sắp bị chúng đinh cho phù mỏ. Đừng ra khỏi nhà thì họa may tránh được nạn." Ông ta sợ quá, ở riết trong nhà, đến tối bị đau bụng, cũng rán nhịn, không ra khỏi cửa. Gần khuya, chịu hết nổi, ông ta ôm bụng chạy ra sau hè lủi vô bụi ngồi cho kín đáo, bị ông hàng xóm dòm thấy, tưởng ăn trộm đang rình, khụi cho mấy cây! Ông ta không hiểu sao cũng một giấc mộng mà lại xảy ra nhiều báo ứng khác nhau? Bèn đến hỏi thầy. Thầy phán "Heo kêu thì chủ đoán là heo đói, bèn cho ăn. Heo lại kêu nữa, chủ cho rằng heo bị lạnh, nên che chắn, bỏ rơm rạ cho ấm. No ấm rồi mà còn kêu nữa, chủ bực mình phạng cho mấy cây. Nếu anh còn nằm mơ thấy heo kêu nữa thì chắc anh chết, vì heo kêu mãi, chủ nghĩ "Tất có bịnh gì đây, phải kêu người ta đến xẻ thịt thôi."

3 - Chuyện heo bên Mỹ

Bạn thường chửi là ngu như heo, dơ như heo, nái xề (Bạn có biết nái xề là gì không? Cứ rình xem mụ zợ tắm thì biết ngay), nhưng bạn đã làm được gì cho nước Việt Nam hãnh diện bằng mấy con heo sau đây? Những ông bà heo bụng ỏng Việt Nam (Mr & Mss. Vietnamese Potbelly-Pigs) đã được những người Mỹ giàu sang phú quí, những cô tài tử xi nê thơm như múi mít nâng niu, chăm sóc, dẫn đi chơi, tối còn được ngủ chung nữa. Nghe đây!

Một cặp vợ chồng ở Arizona, tên Ronald và Mary Kalish đã mua một con heo bụng ỏng giá 34 nghìn đô la, đặt tên là Sir Francis Bacon, họ thường gọi một cách âu yếm là Sir Frank. Họ cưng ngài Frank hết mực. Mỗi ngày mỗi thay đổi khẩu vị. Mà khẩu vị ngài Frank chỉ thích món ăn dân tộc cơ! Nghĩa là ngài Frank thích ăn cám nấu với rau muống và thêm mấy con cá bông lau (basa) nhập từ Việt nam sang. Cá basa Mỹ mà nấu, ngài Frank khịt mũi một cách tức giận rồi ụt ịt bỏ đi nằm, nhắm mắt lại như người bịnh. Ăn xong, ngài Frank còn tráng miệng bằng khoai lang sống rửa sạch, để ngài nghe tiếng rốp rốp vui tai. Buổi tối, ngài Frank được âu yếm ngồi giữa vợ chồng chủ nhà ở phòng khách để xem tin tức và ca nhạc. Chương trình nào ngài không thích thì ngài rống lên, vậy là phải xin lỗi ngài và đổi chương trình ngay. Báo không nói ngài Frank có thích xem ca nhạc Việt Nam không? Nhưng có một điều tội nghiệp cho vợ chồng chủ nhà. Vì thương ngài Frank (giống như các bà nội, bà ngoại thương cháu), cứ ép ngài ăn cho cố, lại không cho ngài chạy chơi, sợ vấp ngã, trầy đầu gối, nên mỗi ngày ngài Frank mỗi mập ra, phục phịch như mấy chị thư ký làm ở công ty quốc doanh, chỉ ngồi ăn quà vặt và dũa móng tay. Hàng xóm thấy ngài Frank mập bèn báo cảnh sát. Cảnh sát đến lập biên bản, chuyển hồ sơ lên dự thẩm. Dự thẩm ra lịnh điều tra, gọi pháp y đến thử máu, đo áp huyết, chụp hình tim gan, phèo phổi ngài heo Frank. Quả nhiên cholesterol, áp huyết đều cao hơn luật qui định, bộ lòng lợn có vấn đề nghiêm trọng (big problems, đúng nguyên văn). Vậy là vợ chồng Ronald và Mey Kalis phải ra tòa. Đại bồi thẩm đoàn nghị tội và quan tòa phán "Hạn cho vợ chồng nhà ngươi trong ba tháng mà không làm cho ngài Frank sụt cân, giảm cholesterol thì sẽ biết thế nào là lễ độ. Nếu bỏ đói ngài Frank cho ngài sụt cân thì thêm tội ngược đãi (abuse), sẽ bị phạt gia trọng." Vợ chồng chủ nhà mất ăn mất ngủ vì tủi thân và

thương ngài Frank quá đổi.

Còn vài hôm nữa là đủ ba tháng mà ngài Frank vẫn không xuống cân! Đột nhiên, trước ngày hạn định, ngài Frank biến mất?! Vợ chồng chủ nhà lên TV khóc lóc, xin quí đồng hương (Mỹ), ai tìm thấy ngài Frank ở đâu, sẽ hậu tạ. Vậy là cả thành phố rúng động, kéo nhau vào rừng đi tìm ngài, mỗi người cầm một tấm hình ngài heo Frank để dễ nhận diện. Một tháng sau, vẫn không thấy ngài Frank đâu. Bí mật vẫn bao trùm chung quanh sự mất tích của ngài Frank. Vụ án coi như "tồn nghi!", nghĩa là chưa xếp hồ sơ. Vợ chồng chủ nhà vẫn bị cơ quan FBI theo dõi ngày đêm...

Tôi biết sự bí mật đó, vợ chồng chủ nhà cũng biết nhưng không nói ra. Nó như thế nầy. Có hai dân nhậu người Việt đến cắt cỏ nhà đó, thấy con heo mập quá, thèm "giỏ giải," nhưng không biết tiếng Anh, nên chỉ ra dấu bằng cách chỉ vào ngài Frank rồi đưa bàn tay ngang cổ, kéo xẹt một cái, nhóp nhép nhai, nuốt nước miếng... chủ nhà mỉm cười gật đầu. Vậy là tối đó, chủ nhà "quên đóng cửa," có hai tên bịt mặt vào bắt cóc ngài Frank, đem đi mất tích. Giống y như chuyện bên Irak!

Một chuyện heo Mỹ khác. Gia đình George nuôi một con heo bụng ỏng Việt Nam, gọi một cách lịch sự, kính nể là Mr. Mark, có thuê ba cô bảo mẫu chăm sóc, tắm rửa, cho ăn, kể chuyện cổ tích cho Mr. Mark nghe khi ngài đi ngủ. Hàng xóm có hai đại tài tử điện ảnh lừng danh là Sharon Stone và Nicole Kidman, thấy ngài heo dễ thương nên thường qua đùa nghịch với ngài. Tài tử xi nê giàu có, sung sướng nên vô tâm. Một lần họ bắt ngài heo kéo một chiếc xe trẻ em, chất đồ chơi nặng đến 40 lbs. Thế là George kiện vợ chồng đại tài tử nầy đòi bồi thường danh dự cho Mr. Mark đến 20 nghìn đô la "Quí vị đó đã kỳ thị Mr. Mark. Tuy xuất thân từ Việt Nam, nhưng Mr. Mark không phải là 'thuyền hợi," không phải di dân kinh tế hay tị nạn chính trị mà bắt phải lao động chân tay một cách quá sức chịu đựng để kiếm sống (sau khi hết "eo phe," trợ cấp xã hội)!..."

Không tin quí vị cứ gọi điện thoại hỏi hai đại tài tử nầy chứ đừng cho tôi phịa. Tôi mà phịa, họ kiện trắng máu.

Bây giờ xin kể về một nhân vật heo mà ai cũng biết, đó là Trư Bát Giới trong chuyện Tây Du. Bát Giới tượng trưng cho tham, sân, si, nhất là ham ăn, mê gái mà lười lao động. Truyện Tây Du Ký của xếnh xáng Ngô Thừa Ân, được nhiều dịch giả Việt Nam dịch sang tiếng Việt.

Để viết vài trang về Trư Bát Giới mà tôi phải tìm mua bộ Tây Du Ký, gồm ba quyển dày 2051 trang, dịch giả Bùi Hạnh Cẩn và Nghiêm Việt Anh, hiệu đính Nguyễn Bích Hằng, do nhà Văn Hóa Thông Tin Hà Nội phát hành năm 2003. Sở dĩ tôi dài dòng về bản dịch nầy cũng có nguyên nhân của nó. Ngoài chuyện dịch (hay chép lại bản cũ) không nên hình, còn có một điểm cần lưu ý. Đó là đã dùng chữ "Người" (viết hoa giữa dòng) để chỉ con khỉ. Bạn còn nhớ chuyện nhà thơ Trần Dần đã viết "Người" ở giữa câu thơ mà bị trù dập đến ba đời? Chữ "Người" viết hoa giữa dòng chỉ dùng để chỉ Hồ Chí Minh mà thôi. Để tôi kể bạn nghe. Tháng 3 năm 1956, nhà xuất bản Minh Đức do Trần Thiếu Bảo điều khiển, phát hành Giai Phẩm 1956- tức Giai Phẩm Mùa Xuân -, trong đó có bài thơ "Nhất Định Thắng" dài 300 câu của Trần Dần. Bài thơ nầy có đoạn:

"...Tôi đi giữa trời mưa đất Bắc
Tôi bỗng nghe những tiếng thì thầm
Tiếng người nói xen tiếng đời ấm ả
- Chúng phá hiệp thương!
- Liệu có hiệp thương?
- Liệu có tuyển cử?
- Liệu tổng hay chẳng tổng?
- Liệu đúng kỳ hay chậm vài năm?
Những câu hỏi đi giữa đời lỏng chỏng
Ôi! Xưa nay Người vẫn thiếu tin Người"

Vì chữ Người (viết hoa) mà Giai Phẩm Mùa Xuân bị tịch thu, Trần Dần bị tống vô tù. Trần Dần tự cứa cổ nhưng không chết.

Trong bộ Tây Du Ký nầy, chữ "Người" viết hoa giữa dòng được viết nhiều lần (một lần cũng đủ chết!) Xin nêu một điển hình. Trang 26, tập 1, cuối trang có đoạn đối đáp giữa Hầu vương và tiều phu như thế nầy.

"...Hầu vương nói:

- Tôi vừa tới bìa rừng, có nghe người nói :"Nơi gặp gỡ không Tiên thì Đạo. Lặng ngồi giảng Hoàng Đình?" Hoàng Đình là chân ngôn đạo đức, không phải thần tiên là gì?

Tiều phu cười nói:

- Nói thực với Người, bài hát vừa rồi tên là Mãn Đình Khương (đầy sân thơm) là của một vị thần tiên dạy tôi..."

Xin thưa, lúc đó Hầu vương chỉ là một con khỉ, chưa phải là Tề Thiên Đại Thánh. Có lẽ bây giờ "đảng và nhà nước ta" không còn để

ý đến mấy chuyện có dụng ý nhỏ nhặt như vậy nữa. Trước đây mà xỏ xiên như vậy thì sẽ biết "thế nào là lễ độ."

Cái hấp dẫn của chuyện Tây Du là trên trời, dưới đất, trên núi, dưới sông và cả dưới biển nữa đều có những xã hội rất người. Ngọc Hoàng Thượng Đế tính tình vui vẻ, xuề xòa, ai xin gì cũng chấp thuận, xúi gì cũng làm. Phật Như Lai cũng biết đánh lừa (xúi Tề Thiên nhảy qua bàn tay (của Phật) rồi úp bàn tay lại, thành những quả núi đè Tề Thiên dưới đó suốt năm trăm năm...). Rồi chuyện ăn hối lộ của A Nan, Ca Diếp khi trao kinh cho Tam Tạng lại trao đồ "dỏm" là "kinh vô tự" (kinh không có chữ)... khiến người đọc dễ hình dung ra khung cảnh, sự kiện, diễn biến tâm lý... như xã hội thật của người đời.

Trư Bát Giới nguyên là Thiên Bồng nguyên soái ở Ngân Hà. Trong một buổi tiệc do Thượng đế khoản đãi, Thiên Bồng làm bộ xỉn để quờ quạng Hằng Nga. Đúng ra Hằng Nga làm thinh, mặc cho "Anh Trư" muốn làm gì tùy ý, vì "hai bên đều có lợi," không ngờ bị các tiên khác rình xem và cười rúc rích, vậy là Chị Hằng phải làm bộ ngây thơ, la khóc om sòm. Cảnh sát nhà trời đến lập biên bản đưa thiên Bồng nguyên soái ra tòa, tòa tuyên án đày xuống trần gian, đầu thai vào bụng một con heo nái nên tướng mạo giống hệt con heo.

Nhà Cao lão có ba cô con gái, hai đứa lớn đã có chồng, cô út tên Thúy Lan (Ai có con gái đặt tên là Thúy Lan, nên coi chừng mấy tên mặt heo), đang tìm người để gả con và cho ở rể. Bát Giới biến hình thành một chàng thanh niên đẹp trai, đến xin cưới vợ ở rể. Ông bà Cao lão vui vẻ chấp nhận. Chàng rể ăn nhiều và cày bừa rất giỏi. Ít lâu sau Bát Giới hiện nguyên hình là tướng con heo. Cả nhà sợ quá, cho là yêu quái, sai người mời thầy phù thủy về trừ tà ma, gặp lúc Đường Tam Tạng với Tề Thiên đến. Tề Thiên đánh thắng Bát Giới, bắt theo Tam Tạng đi thỉnh kinh. Trước khi lên đường, Bát Giới dặn cha vợ "Trông nom nhà con cho cẩn thận. Không lấy được kinh, con sẽ về ở rể, làm ăn như trước."

Trên đường đi thỉnh kinh, nhiều lần Bát Giới gặp yêu tinh mà không biết, vì con yêu đó biến thành cô gái rất đẹp, Bát Giới mới thấy đã khoái tít mắt, chẳng phân biệt được chân giả. Đã lỡ mê gái rồi thì đối với Bát Giới, sư phụ cũng chẳng là gì cả, vì thế Tam Tạng bị lũ yêu quái bắt mất! Theo như trong sách, nếu là ma vương (quỉ nam) thì bắt Tam Tạng về làm thịt nhậu, vì ăn một miếng thịt Tam Tạng thọ cả nghìn năm. Trường hợp nữ quái, chúng không ăn thịt Tam Tạng mà để giành "giao hoan" vì Tam Tạng đã đẹp trai mà khi gặp gái lại hay làm thinh. Con gái gặp con trai ít nói bao giờ cũng để ý và mê nhiều hơn mấy thằng miệng lưỡi tía lia. Mỗi khi gặp nữ yêu, Bát Giới sợ Tề Thiên đập chết con yêu tinh đó (đã biến thành cô gái xinh đẹp) nên thường xúi Tam Tạng đuổi Tề Thiên đi chỗ khác để dễ bề chọc ghẹo. Có một đoạn tôi đọc và rất "tâm đắc" là lần Tam Tạng bị mấy con yêu tinh "nhền nhện" bắt để ép làm chuyện "bậy bạ." Bát Giới vác đinh ba đi giải cứu. Khi đến gần động yêu, thấy mấy cô yêu tinh đẹp đẽ nầy đang "không mặc áo quần," tắm dưới suối (để sạch sẽ, thơm tho mà làm việc với Đường Tăng) Bát Giới quên cả nhiệm vụ, cởi đồ, nhảy xuống tắm chung với các người đẹp, bị các cô nầy đuổi đi thì biến mình thành con cá lóc, cứ thế mà chui vào giữa đùi các cô, khiến các cô la chói lói. Cả thảy bảy cô đều bị Bát Giới chui vào đùi. Hết cô nầy đến cô kia. Các cô bỏ chạy lên bờ thì Bát Giới hiện nguyên hình là người mặt heo, vừa cười hề hề vừa đuổi theo. Không ngờ các cô ểnh bụng ra, từ lỗ rốn các cô xịt ra một thứ màng nhện, chắc hơn sợi ni lông, phủ lấy Bát Giới, bắt chàng mê gái nầy về động treo lên cây, dự định sau khi "làm việc" với Tam Tạng xong sẽ trị tội chàng ta...

Thường hễ sai Bát Giới đi dọ đường là chàng ta vác đinh ba vào rừng nằm ngủ rồi về phịa đủ thứ cho qua chuyện. Mỗi khi Tam Tạng bị yêu quái bắt thì Bát Giới chia của. Sa Tăng được con ngựa, Tề Thiên có bọc hành lý, Bát giới thì bình bát của Tam Tạng, coi như tan hàng, vì "Sư phụ đã bị chúng xơi mất rồi, nếu còn sống thì đã vui duyên vợ chồng với nữ yêu, không màng thỉnh kinh nữa đâu!" Dĩ nhiên, chàng ta dự định sẽ trở về mái nhà xưa với người vợ đẹp Thúy Lan ở nhà Cao lão.

Tây Du Ký là một chuyện hoang đường nhưng rất hấp dẫn nhờ tâm lý các nhân vật rất "người," diễn biến theo chương hồi với những chuyện gay cấn, tưởng như đã bế tắc, sau đó lại kết thúc rất có hậu khiến người đọc vui vẻ, lại đọc tiếp.

Đến đây có thể coi như xong chuyện "Năm Hợi Nói Chuyện Heo." Hẹn các bạn sang năm sẽ có chuyện "Năm Tí Nói Chuyện Chuột."

CÂU CHUYỆN KINH TẾ

Ảnh hưởng của Milton Friedman trong tư tưởng tự do kinh tế

NGUYỄN ANH TUẤN

Năm 2006 đánh dấu sự ra đi của hai kinh tế gia cao niên nổi tiếng của Hoa Kỳ là John Kenneth Galbraith và Milton Friedman, tuy cả hai đã bước qua cái tuổi cửu thập cổ lai hi nhưng vẫn còn rất tích cực hoạt động cho đến ngày giã từ cõi đời. Người đầu mất vào tháng Tư, hưởng thọ 98 tuổi, và người sau vừa mới từ trần vào tháng trước ở tuổi thọ 94; cả hai tuy là bạn bè thân thiết nhưng lại có quan điểm và chủ trương đối chọi trong kinh tế học, cũng như thường được coi như là kỳ phùng địch thủ trong cuộc tranh luận lý thú về vai trò của chính quyền trong kinh tế vĩ mô (*macro-economics*) trong nhiều thập niên qua.

Trên nhiều diễn đàn khác nhau, cả hai vị giáo sư kinh tế học lão thành đã cống hiến cho cử toạ khắp nơi những cuộc đối đáp hào hứng rất tương phản về hình thức lẫn nội dung: một cao (ông Galbraith cao 6 feet 8) và một lùn (ông Friedman cao 5 feet 3), đại diện cho hai trường phái lớn trong kinh tế học của thế kỷ 20, đối nghịch giữa cấp tiến và bảo thủ.

Milton Friedman

Tuy không đạt được giải Nobel về kinh tế học, giáo sư Galbraith được coi như là một trong những kinh tế gia được nhiều người đọc và biết đến nhất với hơn 33 cuốn sách do ông trước tác trong thời gian dài dạy môn kinh tế học tại trường Đại Học Harvard. Được coi như là linh hồn cũng như bộ óc tối cao cho các vị tổng thống bên đảng Dân Chủ từ F.D. Roosevelt cho tới Kennedy và Johnson, ông là người cổ xuý không ngừng nghỉ và mạnh mẽ nhất cho khuynh hướng cấp tiến trong chính quyền, theo mô hình của Keynes trong kinh tế học, theo đó chính quyền phải có trách nhiệm can thiệp vào công tác dân sinh và sinh hoạt kinh tế trong nước qua các chính sách thuế má hay chi tiêu công cộng để cung cấp công ăn việc làm cho người dân cũng như để giảm bớt sự cách biệt giầu nghèo quá cao trong dân chúng.

Ngược lại, giáo sư Friedman, được giải Nobel vào năm 1976 với công trình lớn nhất là sự phân tích về ảnh hưởng của tiền tệ trong việc điều tiết kinh tế quốc gia, có thể được coi như là kinh tế gia có nhiều ảnh hưởng nhất trên thế giới sau Keynes, nhất là trong ba thập niên chót của thế kỷ 20. Ông cũng được coi là cha đẻ của chủ thuyết tiền tệ trong kinh tế học (*monetarism*), đề cao khuynh hướng bảo thủ làm nền tảng soi đường cho các lãnh tụ như Thủ Tướng Margaret Thatcher của Anh, TT Ronald Reagan và các chính quyền phe Cộng Hoà.

Có thể nói John Maynard Keynes, một bá tước người Anh, là kinh tế gia được biết đến nhiều

nhất cũng như là nhân vật có ảnh hưởng lớn nhất lên các chính sách cầm quyền trong suốt nhiều thập niên trước đó, kể từ sau cuộc Đại Suy Thoái Kinh Tế vào năm 1929. Các đề tài nghiên cứu trong tập "Lý Thuyết Tổng Quát" (*General Theory*) về kinh tế học của ông được coi như là kinh điển được học nằm lòng cho biết bao thế hệ sinh viên theo học môn này và sau đó đã đem ra áp dụng khi có cơ hội hành xử quyền kinh bang tế thế. Theo Keynes, thì các chính quyền phải có bổn phận giúp đỡ cho các nền kinh tế tư bản vượt qua thời kỳ suy thoái khó khăn cũng như tìm cách ngăn cản những thời kỳ phát triển quá độ để không bị rơi vào tình trạng lạm phát. Đầu tiên là ảnh hưởng của chính quyền trong các chính sách thuế khoá cấp tiến để tạo sự quân bình kinh tế: đánh thuế cao lên những thành phần giầu, có lợi tức cao để san sẻ cho những thành phần nghèo bị đánh thuế thấp, hay là miễn đóng thuế hoặc thuế âm, tức là được chính phủ tài trợ thêm thay vì phải đóng thuế (thường gọi là *earned income tax credit* trong xã hội Hoa Kỳ ngày nay). Trong cương vị này, chính phủ đã đóng vai trò tái phân phối mức thu nhập (*redistribution of revenues)* của quốc gia (thu nhập được phân phối lần đầu qua đồng lương cao thấp khác nhau của nhiều thành phần trong xã hội) để giúp san bằng hố sâu ngăn cách giầu nghèo, một trong những nguyên nhân có thể dẫn đến bất ổn trong xã hội. Từ ngữ cấp tiến (*progressive*) thường được đồng nghĩa với phóng khoáng (*liberal*) trong chính trị để đối chọi với quan niệm bảo thủ (*conservative*), nhưng có lẽ bắt nguồn từ việc áp dụng chính sách thuế khoá để phân biệt hai chủ trương khác biệt. Khuynh hướng bảo thủ thì chủ trương một thuế suất đồng nhất (*flat rate tax*) tức là mọi người đều phải trả cùng một tỉ lệ cho dù lợi tức cao hay thấp, hoặc khuynh hướng ngược lại theo thuế suất cấp tiến, tức là trả tiền thuế từng phần: thuế suất thấp ở mức lợi tức thấp, và chỉ gia tăng để áp dụng lên phần lợi tức cao hơn mức thấp đó. Lấy thí dụ của *flat rate tax* là 20%, một nhân công nghèo có lợi tức hàng năm là 10,000 đồng sẽ phải đóng thuế là 2000, nhiều phần sẽ là một gánh nặng khá lớn khiến cho họ càng gặp khó khăn hơn để sinh sống. Nhưng với một vị tổng giám đốc hay chủ nhân ông với lợi tức cao, cỡ một triệu đồng một năm thì phải đóng thuế 200,000 đồng, tuy là một số tiền khá lớn, nhưng với phần còn lại là 800,000 đồng cũng dư sức giúp cho họ cho một cuộc sống giàu sang, thừa thãi. Trong trường hợp của *progressive tax* thì những vị triệu phú này sẽ phải đóng thuế theo một công thức khác: 20% ở số tiền 10,000 đầu tiên, sau đó tăng dần như 25% cho số tiền từ 10,000 đến 50,000; rồi 30% từ 50,000 đến 100,000; và 40% từ phần lợi tức cao hơn 100,000. Công thức này thoạt đầu có vẻ rắc rối nhưng có lẽ là công bằng và tạm ổn nhất vì mọi người đều chịu cùng một thuế suất cho một mức lợi tức nào đó, và chỉ phải đóng thuế nhiều hơn trên những phần lợi tức mình kiếm nhiều hơn, với lý lẽ biện minh là dù có đóng thêm tiền thuế cao hơn trên phần lợi tức đó cũng không ảnh hưởng nặng cho những thành phần được gọi là giầu có này.

Sau đó, chính phủ có thể vay nợ (qua việc bán công khố phiếu) để phát động các chương trình chi tiêu công cộng như xây cất đường sá, trường học, công trường v.v... để giúp tạo công ăn việc làm cho nhiều thành phần dân chúng thất nghiệp trong nước, giúp cho họ có lợi tức để tiêu thụ, từ đó cũng đẩy mạnh bộ máy sản xuất kinh tế của quốc gia. Ngoài ra, chính phủ cũng cần phải nhảy vào thị trường để can thiệp trong nhiều trường hợp cần thiết, tuy không cần điều khiển hoàn toàn như ở dưới chính thể cộng sản. Để bảo đảm cho sinh hoạt kinh tế trong nước được phát triển tốt đẹp, nhiều lúc chính phủ còn phải để ý xem xét để tránh cho những tình trạng cạnh tranh bất chính, đầu cơ tích trữ v.v... có thể khiến cho sinh hoạt kinh tế trong nước bị xáo trộn. Những người sinh sống dưới thời Việt Nam Cộng Hoà trước năm 1975 có lẽ vẫn còn nhớ đến những kinh nghiệm này mỗi khi giá các nhu yếu phẩm như gạo, sữa, xăng dầu tăng giá vùn vụt. Vì lẽ đó mà trong kinh tế học, chính quyền còn có chức năng điều tiết (*regulation*) như kiểm soát, ấn định giá cả, đặt ra những quy định buôn bán hay hành nghề, làm ăn v.v... Ngay cả ở Tây Âu và Hoa Kỳ, cho đến đầu thập niên 70, việc kiểm soát và ấn định giá cả (*price control*) vẫn còn là một chính sách được áp dụng. Nếu có thể nói một cách đơn giản và bình dân hơn, chủ thuyết của Keynes là tiêu biểu cho khuynh hướng cấp tiến của đảng Dân Chủ tại Hoa Kỳ.

Nhưng đối với Friedman thì chính quyền gần như phải có những chức năng gần như ngược lại: đó là đừng xen vào sinh hoạt kinh tế, và hãy để nó tự hoạt động và phát triển theo một định luật tự nhiên của thị trường tự do giữa cung và cầu. Trong góc cạnh này, người ta có thể coi Friedman như là môn đệ chân truyền của Adam Smith, cha đẻ của ngành kinh tế học, với chủ trương thả

lỏng tự do sinh hoạt (*laissez faire*) với quan niệm cho rằng chính phủ nào càng ít xía vào chuyện của người dân thì càng hữu hiệu chừng đó. Theo Friedman thì chính phủ cần phải cắt giảm thuế tối đa và xã hội này sẽ hưởng lợi và phát triển tốt đẹp nhất khi người dân được toàn quyền lựa chọn theo ý riêng của mình. Rõ ràng không khác gì những chủ trương của phe bảo thủ như TT Bush và đảng Cộng Hoà lúc nào cũng hô hào lá bài *tax cut* cũng như đề cao quyền lựa chọn cá nhân khi đề nghị cải tổ chính sách hưu bổng hồi năm ngoái. Kế hoạch hưu bổng, thường được gọi là an sinh xã hội, thực hành tại Mỹ từ năm 1936, là một chính sách do nhà nước bắt buộc mọi người dân khi đi làm có lợi tức phải đóng một phần nhỏ, gọi là tiền thuế an sinh xã hội, để cho nhà nước quản lý dùm, phòng khi đến tuổi về hưu sẽ trả lại cho người dân dưới hình thức tiền trợ cấp hưu bổng. Sở dĩ nhà nước bắt buộc dân chúng phải đóng thuế trước vì quan niệm nếu để cho dân chúng tự ý để dành tiền riêng của mình cho mai hậu thì có thể nhiều người sẽ không có tinh thần tự giác cao và biết để dành, rồi có thể tiêu pha hết số tiền kiếm được, và đến khi về già thì sẽ không có tiền về hưu. Nhưng TT Bush và những người ủng hộ kế hoạch cải tổ hưu bổng thì cho rằng nên để cho người dân tự ý đầu tư số tiền để dành đó thay vì để cho nhà nước quản lý, và trong đường dài có thể số tiền tiết kiệm đó có thể sinh lợi nhiều hơn là tiền để cho chính quyền quản lý.

Phải nói là cho đến cuối thập niên 60 và đầu thập niên 70, các lý thuyết của Friedman không được xem trọng không những ở các giảng đường đại học mà cũng không lôi cuốn được nhiều chính trị gia theo đuổi để áp dụng cho các chính sách cầm quyền, mặc dù ông đã là một chuyên gia nghiên cứu lâu năm cũng như là một giáo sư thực thụ về kinh tế học từ năm 1948. Trong cuộc bầu cử tổng thống Hoa Kỳ vào năm 1964, TT Johnson chủ trương chính sách theo Keynes với các chương trình phát triển công cộng to lớn trong khi đối thủ bên đảng Cộng Hoà là Barry Goldwater thì chọn ông Friedman làm cố vấn kinh tế. Kết quả là ông Johnson thắng lớn. Nhưng ông Friedman cũng còn được coi như là người khai sáng và đẩy mạnh một phong trào gọi là Trường phái Kinh tế học tại Chicago, tức là một nhóm các kinh tế gia bảo thủ ngay trong phân khoa kinh tế tại trường Đại Học Chicago. Nhóm này và nhiều đồ đệ của ông sau đó đã đạt nhiều tiếng vang lớn với khoảng một chục người đoạt các giải Nobel về kinh tế học. Friedman và các môn đồ của ông được coi như là một lực lượng đáng nể làm đối trọng với trường phái cấp tiến gồm các giáo sư nổi tiếng tại MIT và Đại Học Harvard như Paul Samuelson, John Kenneth Galbraith. Nhưng có lẽ một trong những chi tiết nhỏ phản bác lại lập luận của Keynes đã giúp cho tên tuổi và uy tín của ông Friedman bỗng được mọi người chú ý và bắt đầu nể phục nhiều hơn: đó là việc ông là người đầu tiên đã sớm tiên đoán một hiện tượng hi hữu chưa bao giờ xảy ra khi một nền kinh tế gặp cùng lúc hai trạng thái xấu là lạm phát và nạn thất nghiệp cao, với cái tên gọi kép đặc biệt *stagflation* (gồm có *stagnation* và *inflation*).

Sau khi Đệ Nhị Thế Chiến chấm dứt, thế giới trải qua một thời kỳ kinh tế phát triển tốt đẹp và lâu dài. Chủ thuyết của Keynes bước vào thời kỳ vàng son trong các quốc gia phương Tây với các chính sách chi tiêu công cộng được đẩy mạnh để tạo công ăn việc làm cho người dân và gia tăng sự phú cường của quốc gia. Thế nhưng giữa lúc đó, Friedman là người đơn độc đã lên tiếng cảnh giác rằng những chính sách dựa trên lý thuyết của Keynes sẽ là những yếu tố tạo nên những khó khăn kinh tế sau này. Từ giữa thập niên 60, Friedman đã tiên đoán rằng thời kỳ kinh tế tăng trưởng mãnh liệt sắp chấm dứt. Ông cảnh báo rằng không những lạm phát sẽ tăng mà nạn thất nghiệp cũng tăng, một khái niệm khó được chấp nhận vào thời ấy. Lúc bấy giờ gần như mọi người đều chấp nhận sự tương quan giữa mức lạm phát và nạn thất nghiệp theo một chiều hướng đảo ngược: nếu chính quyền thả lỏng chính sách tiền tệ, tức là tăng số tiền lưu hành trong nước, sẽ dẫn đến việc gia tăng mức lạm phát, nhưng cũng giúp cho nạn thất nghiệp giảm xuống. Vì với lưu lượng tiền tệ rộng rãi, người dân dễ tiêu xài mạnh bạo hơn, tạo ra nhu cầu tiêu thụ và từ đó sẽ tạo thêm công ăn việc làm. Ngược lại, nếu chính phủ thắt chặt chính sách tiền tệ, giúp cho mức lạm phát xuống thấp thì lại có nguy cơ gia tăng nạn thất nghiệp vì nhu cầu tiêu thụ tụt xuống dẫn đến việc hãng xưởng bớt sản xuất, và bớt cần nhân công giúp việc. Trong quá khứ chưa bao giờ có cả hai hiện tượng đối nghịch cùng xuất hiện là mức lạm phát và nạn thất nghiệp đều gia tăng cùng lúc.

Nhưng Friedman là người đầu tiên đã nêu lên mối nguy đó, và điều này đã xảy ra vào thập niên 70, và chính giáo sư kinh tế học Paul Samuelson, một môn đệ của trường phái Keynes

và cũng đoạt giải Nobel về kinh tế học, đã gọi hiện tượng đó là *stagflation*. Sự phân tích và tiên đoán của Friedman được coi như là một thành công nổi bật một cách choáng váng đáng khâm phục, và có lẽ chính là yếu tố quan trọng nhất khiến cho Viện Hàn Lâm Nobel ở Thuỵ Điển đã trao giải cho ông vào năm 1976.

Friedman là một người khiêm tốn khi cho rằng những thành công mà mình đạt được là do nhiều yếu tố may mắn đến bất ngờ: Là con của một gia đình di dân nghèo gốc Đông Âu sang lập nghiệp tại Hoa Kỳ vào đầu thế kỷ 20 đã khiến cho ông được trở thành một công dân Mỹ thay vì của một quốc gia cộng sản. Rồi sau đó trong thời gian học tại Đại Học Rutgers, ông có cơ may được thọ giáo với hai vị thầy nổi tiếng là Arthur Burns và Homer Jones. Người đầu, sau này lên chức Thống Đốc Ngân Hàng Liên Bang Mỹ (*Fed Bank*), truyền cho ông tinh thần đam mê nghiên cứu khoa học cũng như việc tìm tòi chính xác trong kinh tế học; và người thầy thứ hai đã hướng dẫn ông chú ý vào các học thuyết tiền tệ cũng như đã giúp tiến dẫn ông lên bậc cao học ở trường Đại Học Chicago.

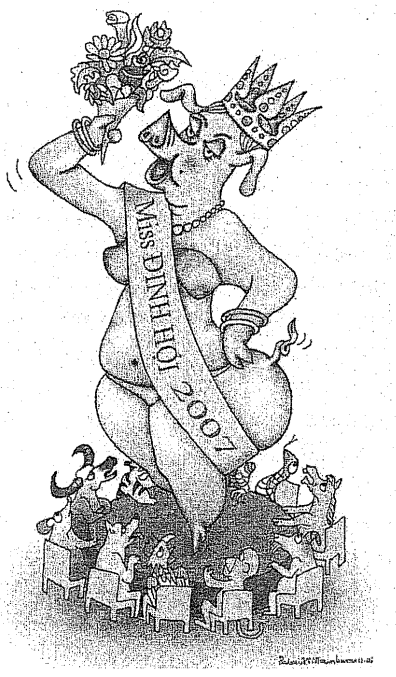

Sự may mắn cũng lại tiếp tục đến với ông theo kiểu bất ngờ: Trong lớp học đầu tiên ở Chicago, vì tên họ của ông bắt đầu bằng chữ F nên ông được xếp ngồi gần với một nữ sinh viên khác có tên họ gần nhất là Rose Director. Sáu năm sau đó, hai người kết hôn với nhau. Và chính bà Rose Friedman, một giáo sư kinh tế học giống như chồng, đã giúp ông khá nhiều trong sự nghiệp sau này. Friedman cho rằng khi ông mới bắt đầu nổi tiếng thì ít có ai dám lên tiếng chỉ trích hay phê bình các bài nghiên cứu của ông cho dù thấy có điểm nào đó rất dở. Thế nhưng vợ ông, bà Rose, thì dám nói thẳng điều này, và đã giúp cho ông học hỏi được nhiều điều quý giá hơn.

Cũng trong thời gian theo học tại Chicago, Friedman được thụ huấn với một vị giáo sư nổi tiếng khác là Jacob Viner, lúc bấy giờ được coi như là một trong những lý thuyết gia sáng giá cũng như là sử gia về tư tưởng kinh tế học. Giáo sư Viner đã thuyết phục được cậu sinh viên Friedman nhận thức rằng một lý thuyết kinh tế học không chỉ là mớ lý luận suông hay rời rạc mà có thể được khai triển thành một chính sách hợp lý và vững vàng để có thể đem ra áp dụng trong thực tế. Rồi đến khi được một học bổng của trường Đại Học Columbia để soạn luận án tiến sĩ, Friedman lại được học chung với Simon Kuznets, một kinh tế gia lỗi lạc khác sau này cũng đoạt giải Nobel. Công trình của ông Kuznets chính là việc đầu tiên có thể tính ra được tổng số mức thu nhập và sản xuất trong nước (thường gọi là mức GDP), tức là khả năng tiêu thụ và sản xuất của nền kinh tế Hoa Kỳ. Một khi đã tính ra được công thức để đo lường những con số này, chính quyền có thể bắt đầu tiên đoán rằng liệu nền kinh tế đang khả quan hơn hay trên đường co cụm lại. Luận án tiến sĩ của Friedman đã làm nền tảng giúp cho hai người soạn ra cuốn sách có nhan đề là "Lợi Tức Từ Những Người Hành Nghề Tự Do."

Sự kiện này cũng mở màn cho những cuộc tranh cãi thường đi kèm với con người Friedman sau này. Một trong những khám phá của cuốn sách trên đã cho thấy là Hội Y Khoa Hoa Kỳ (*American Medical Association, AMA*) có áp lực độc quyền để ảnh hưởng lên việc ấn định lợi tức của các vị bác sĩ hành nghề y khoa, cũng như giới hạn số sinh viên được thu nhận, tạo nên tình trạng khan hiếm bác sĩ; hậu quả là người tiêu thụ (bệnh nhân) không được hưởng lợi với tiền lệ phí thấp, một điều chỉ có thể xảy ra nếu như có số lượng đông đảo các bác sĩ hành nghề cũng như được quyền cạnh tranh tự do. Sau khi đọc được bản thảo, hội AMA phản đối kết luận này và dùng áp lực để buộc nhà xuất bản đình hoãn việc phát hành sách. Đại học Columbia cũng đình chỉ việc cấp bằng tiến sĩ cho ông trong năm năm trời. Thế nhưng cả hai tác giả đều không nhượng

bộ, và về sau thì cuốn sách cũng được xuất bản với nội dung không thay đổi.

Sau khi Đệ Nhị Thế Chiến chấm dứt, Friedman giã từ cuộc sống của một công chức để trở về với vai trò của một nhà nghiên cứu ở trường Đại Học Chicago, trở thành giáo sư thực thụ từ năm 1948, và bắt đầu nhắm tới việc đả phá những lập luận của Keynes. Với khả năng trình bày lưu loát, giải thích những vấn đề khô khan trong kinh tế học một cách đơn giản và dễ hiểu, ông bắt đầu chinh phục được nhiều người nghe theo. Giáo sư Robert Solow của trường MIT, một người đoạt giải Nobel và cũng thường đối chọi với ông Friedman, đã gọi ông là "một trong những nhà tranh luận hùng biện của muôn đời." Chính sự say mê tranh luận này đã khiến cho tên tuổi của Trường phái Kinh tế học Chicago bắt đầu nổi tiếng, trở thành một mô hình hấp dẫn cho mọi người bắt chước trong những việc bàn luận về kinh tế cũng như chính trị sau này. Từ năm 1966 ông liên tục viết các bài bình luận kinh tế trên tuần san *Newsweek* trong vòng 18 năm dài để đề cao tinh thần tự do kinh tế cho cả một thế hệ chưa từng bao giờ được nghe nói đến khái niệm này. Cũng trên diễn đàn của tờ *Newsweek*, Friedman và Paul Samuelson, một giáo sư kinh tế nổi tiếng của MIT theo trường phái Keynes và cũng đoạt giải Nobel, đã thay phiên nhau tranh luận hết sức hào hứng và lý thú, giúp mở mang kiến thức cho nhiều tầng lớp người đọc. Friedman cũng thành công lớn trên diễn đàn truyền hình. Từ cuối thập niên 70, qua chương trình truyền hình công cộng PBS, ông và vợ ông, bà Rose Friedman, đã thực hiện một loạt mười chương trình phóng sự mang tên là "*Free to Choose*" (Tự Do Lựa Chọn) để tổng kết và chia sẻ những kinh nghiệm và suy tư của họ về các chủ đề tự do từ cá nhân cho đến kinh tế và chính trị. Loạt phim tài liệu này đưa tên tuổi của ông Friedman càng nổi tiếng hơn, và cuốn sách tóm gọn với cùng tựa đề đã trở thành một cuốn sách bán chạy *bestseller* (trong thể loại không phải là tiểu thuyết) trong năm 1980 với hơn một triệu cuốn. Sau khi về hưu và rời khỏi trường Đại Học Chicago, Friedman được mời làm chuyên gia nghiên cứu kỳ cựu tại Viện Hoover của trường Đại Học Stanford. Và chính tại đây ông đã tiếp tay công việc nghiên cứu cho đến ngày qua đời vào tháng 11, hưởng thọ 94 tuổi.

Kinh tế học đã được coi là một môn khoa học (*Economic Science*), tuy chỉ là khoa học nhân văn, thay vì là khoa học thực nghiệm như y khoa, vật lý, hoá học v.v... thường đưa ra những kế luận khá chính xác và có tính thuyết phục cao Nhưng đối với kinh tế học, dựa trên nhiều yế tố tình cảm khó tiên đoán chính xác như là quyế định hay ý thích của người tiêu thụ v.v... th chuyện phân tích, bình phẩm cũng như kết luậ có thể dẫn đến những điều có phần hơi trái ngượ cũng là chuyện bình thường. Và điều này có l là yếu tố chính để giải thích sự khác biệt đ chọi giữa tư duy và cách nhìn của hai khuyn hướng bảo thủ và cấp tiến.

Đối với người Việt, kinh tế học có lẽ cũng được chú trọng, kể cả trong học đường. Dướ thời Việt Nam Cộng Hoà, vì bắt chước theo m hình của Pháp, nên môn kinh tế học chưa đượ thiết lập thành một phân khoa riêng biệt, mà ch được dành ở cấp cao học, và cũng chỉ là mộ trong những nhánh của phân khoa trường Luậ Riêng với kẻ viết bài này, thú thật là ngay nhữn năm học đầu tiên về môn kinh tế học tại Phá vào giữa thập niên 70 sau khi đã thất bại ở mô Y Khoa, cũng không cảm thấy hấp dẫn gì lắ với lý thuyết về tiền tệ của Friedman. Lý thuyế của Keynes xem ra có phần dễ hiểu hơn vì đ được chứng nghiệm qua các chương trình hàn động của chính phủ tại nhiều quốc gia. Thoạ đầu, lý thuyết về tiền tệ xem ra cũng có phầ rắc rối, khó nhớ và khó định hình như các địn nghĩa về M1, M2, M3 v.v... Theo định nghĩa củ Ngân Hàng Trung Ương Hoa Kỳ, thường que gọi là Quỹ Dự Trữ Liên Bang (*Federal Reserve Bank*), M1 là tổng số lượng tiền tệ lưu hành tron nước, thông thường gồm tiền mặt, chi phiếu d lịch (*travelers' checks*) và tiền trong các trươn mục ở ngân hàng (*checking accounts*). M2 là M cộng với khối lượng tiền trong các trương mụ tiết kiệm (*savings accounts*) và các trương mụ ký thác định kỳ (dưới 100,000 Mỹ-kim như *cer tificate of deposit CD*). Và M3 là M2 cộng vớ khối lượng các trương mục ký thác lớn khác (trê 100,000 Mỹ-kim), tiền Eurodollars (tức là s dollars lưu hành ngoài nội địa nước Mỹ, phầ đông là ở Âu Châu) và quỹ của các định chế tà chính đầu tư khác. Nói chung, M3 thường đượ coi như là tổng hợp về khối tiền lưu hành (*mone supply*) để phân tích về ảnh hưởng của tiền t lên sinh hoạt kinh tế.

Nói một cách đơn giản, ta có thể tạm hiể rằng nếu như lưu lượng tiền tệ trên thị trườn không tăng theo kịp đà tăng trưởng kinh tế, tứ là người dân không có dư tiền để tiêu thụ, th hàng hoá sẽ bị ế ẩm, dẫn đến hậu quả giả

chuyền là cửa hiệu đóng cửa, hãng xưởng sa thải nhân công vì bớt sản xuất, và cuối cùng là nền kinh tế bị co cụm lại, thường gọi là thời kỳ suy thoái kinh tế. Ngược lại, khi lưu lượng tiền tệ trên thị trường gia tăng ồ ạt, cao hơn mức tăng trưởng kinh tế (chẳng hạn như khi Ngân Hàng Trung Ương giảm mức lời thật thấp khiến cho bà con thi nhau vay nợ), tức là giới tiêu thụ có nhiều tiền để xài trong khi thị trường không cung ứng hàng hoá kịp, mức cầu nhiều hơn cung, thì giá hàng sẽ thi nhau lên giá, tạo ra tình trạng lạm phát vì đồng tiền mất giá. Chính quyền, qua trung gian của các ngân hàng trung ương, có khả năng điều tiết lưu lượng tiền tệ qua nhiều phương cách như: mua hoặc bán công khố phiếu, giảm mức cho vay *discount rate hay prime rate* đối với các ngân hàng tư (thường được chú ý nhiều ở Hoa Kỳ). Tuỳ theo tình hình và sự nhận xét cũng như tiên đoán của các vị thống đốc ngân hàng trung ương, nhất là của Hoa Kỳ (Fed) hay của Liên Hiệp Âu Châu (ECB), việc tăng hay giảm phân lời này thường được coi như là phương pháp nhanh chóng và hiệu quả nhất để ảnh hưởng lên lưu lượng tiền tệ trong nước. Nếu như nghĩ rằng nền kinh tế có thể sắp bước vào thời kỳ suy thoái, ngân hàng trung ương có thể quyết định giảm phân lời (như trường hợp Fed của Mỹ đã liên tục giảm trong nhiều năm liền trước đây) để cho các ngân hàng tư có thể khuyến khích người dân và hãng xưởng thi nhau vay mượn để tiêu dùng hay đầu tư cho sản xuất. Hậu quả trước tiên là bộ máy kinh tế tiếp tục hoạt động, không rơi vào tình trạng suy thoái do tình trạng tiêu thụ mạnh mẽ này. Ngược lại, nếu như nguy cơ lạm phát có thể gia tăng, ngân hàng trung ương sẽ quyết định tăng phân lời, siết chặt lại khả năng vay mượn vì mọi người đều ngại mắc nợ với tiền lời cao. Đối với các nhà lãnh đạo của ngân hàng trung ương, việc họ quan tâm nhất là trong lúc phải giảm bớt lưu lượng tiền tệ bằng cách siết chặt khả năng vay mượn, họ phải tính toán áp dụng cho đến mức nào và thời điểm nào để cho nó không dẫn đến nguy cơ co cụm trở lại khi người dân bớt tiêu thụ đi.

Ngoài khái niệm đơn giản kể trên về vai trò của lưu lượng tiền tệ, lý thuyết của Friedman cũng đóng góp được những kiến thức hữu ích và giá trị trên nhiều địa hạt:

* Thứ nhất là đưa ra một lựa chọn khác với Keynes để giải thích về vai trò của chính quyền bao gồm nhiều vấn đề liên quan đến chính sách tiền tệ cũng như giáo dục công cộng, trợ cấp dân sinh cũng như xoá đói giảm nghèo v.v... Giải pháp lựa chọn này có thể được tóm gọn trong cuốn sách "*Capitalism and Freedom*" (Tư Bản Chủ Nghĩa và Tự Do) xuất bản vào năm 1962, trong đó Friedman cho rằng cả hai yếu tố này đều liên kết chặt chẽ với nhau: nếu không có tự do kinh tế, tức là tư bản chủ nghĩa, thì sẽ không có tự do chính trị. Theo Friedman thì chính quyền không nên quá can thiệp vào đời sống của người dân, ngoài việc khuyến khích cạnh tranh, kiểm soát cho việc làm ăn buôn bán hay các hợp đồng thương mại được tôn trọng, giúp tạo nên một khung nền cho việc lưu hành tiền tệ, và sau cùng cũng nên bảo vệ cho những thành phần kém may mắn. Cuốn sách này vạch ra một lô khoảng 14 hoạt động mà đáng lẽ chính phủ Mỹ không nên dính vào: trợ giúp giá nông phẩm, ấn định hạn ngạch hay thuế suất lên các món hàng nhập cảng, kiểm soát giá cả, ấn định mức lương tối thiểu, đặt để những quy định hành nghề trong nhiều ngành, động viên hay trưng binh cưỡng bách (*conscription*) trong thời bình, độc quyền đảm nhận ngành bưu điện v.v... Không phải tất cả những ý kiến của ông đều được chấp thuận, nhưng trong nhiều trường hợp, chính phủ cũng đã giảm bớt sự can thiệp vào. Chẳng hạn quyết định cho phép ngành gửi thư là một dịch vụ sinh lợi, qua việc không coi đó là một độc quyền của nhà nước để từ đó nảy ra những đại công ty như FedEx sau này. Chế độ động viên cưỡng bách đã được chính thức bãi bỏ kể từ năm 1973, trùng hợp với thời điểm mà tinh thần phản chiến của đa số dân chúng Mỹ lên đến cao độ. Trong cuộc tranh luận về đề tài này với Đại tướng William Westmoreland, lúc bấy giờ là tư lệnh lục quân Mỹ, ông Friedman đã gọi đội quân trưng binh này là "một đạo quân nô lệ" (*an army of slaves*) không phù hợp trong thời bình: tại sao nhà nước lại không thể thuê mướn những người lính tình nguyện với đồng lương tương ứng theo thị trường?

* Kế đến, lý thuyết của Friedman đã giúp cách mạng hoá tư duy và cách nhìn của các nhà kinh tế học cũng như chính trị gia cầm quyền về hai hiểm hoạ lớn là lạm phát và nạn thất nghiệp. Trước khi được Friedman phân tích và chứng minh rõ ràng, tất cả các chính quyền trong thời hậu chiến đều tin vào mối tương quan theo chiều hướng đối chọi giữa hai mối nguy này: nếu giảm lạm phát thì sẽ tăng thất nghiệp, hoặc nếu muốn tạo công ăn việc làm cho người

dân thì phải chịu thả lỏng khối tiền tệ lưu hành và chấp nhận tình trạng lạm phát. Sự tương quan này đã được chứng minh một cách khoa học qua việc thu lượm các thống kê dài hạn bởi một kinh tế gia người Tân Tây Lan (New Zealand) để trở thành một lý thuyết mang tên ông, gọi là Biểu đồ Phillips.

Nhưng Friedman cho đó là một ảo tưởng. Theo ông, việc tung tiền vào thị trường để "kích cầu" (kích thích nhu cầu) hầu tạo thêm công ăn việc làm sẽ khiến cho giới nhân công dễ lầm tưởng rằng đồng lương đã gia tăng theo thời giá, nên hăng hái đi xin việc làm. Họ hy vọng và đòi hỏi được trả lương cao và khi không đạt được thì sẽ thất vọng, sẽ xin bỏ việc hay có thể bị chủ nhân sa thải, khiến cho tình trạng thất nghiệp trở lại một cái mức mà ông Friedman gọi là "mức tự nhiên" (*national rate*), tức là trong xã hội bất cứ lúc nào cũng phải có một tỉ lệ nào đó (khoảng 3-4%) người thất nghiệp không liên can gì đến các chính sách của nhà nước. Nếu như chính phủ cứ nhất quyết tăng lưu lượng tiền tệ để mong tạo công ăn việc làm hầu giảm mức thất nghiệp dưới "mức tự nhiên" thì chỉ hoài công, và trong đường dài sẽ tạo thêm một hiểm hoạ xấu khác là gia tăng mức lạm phát. Sự phân tích độc đáo này cũng là nhận xét của giáo sư kinh tế học Edmund Phelps, người vừa mới đoạt giải Nobel năm nay. Do đó, theo Friedman, các chính phủ chỉ nên áp dụng một khuôn khổ ổn định cho việc lưu lượng tiền tệ, tức là ấn định một mức tăng trưởng nào đó cho khối lượng tiền tệ, một quy luật sau này thường được gọi là chủ thuyết tiền tệ (*monetarism*).

Thật ra thì không phải ông Friedman võ đoán mà là đã tổng kết các dữ kiện nghiên cứu trong lâu dài (cả trăm năm) để đi đến kết luận này. Đó là công trình sáng tác của ông, cùng với một kinh tế gia khác là Anna J. Schwartz, để hoàn thành vào năm 1963, cuốn sách dày 800 trang có tựa đề là "*Monetary History of the U.S., 1867-1960*" (Lịch Sử Tiền Tệ của Hoa Kỳ), được nhiều người coi như là một tuyệt phẩm trong sự nghiệp của Friedman. Theo đó, Friedman cho rằng khối lượng tiền tệ lưu hành trong nước cũng như có thể vay mượn được một cách dễ dàng từ ngân hàng mới chính là yếu tố quan trọng nhất để ảnh hưởng lên nền kinh tế. Để chứng minh cho lập luận của mình, Friedman đã đưa ra những con số để chứng minh rằng có một liên hệ nhân quả giữa khối lượng tiền tệ

TRẦN HUY SAO

CHIỀU CUỐI NĂM

bạn đến thăm chiều ba-mươi-tết
sợ là mồng một lắm cử kiêng
ly xứ lâu rồi mà hay thế
đất-lề-quê-thói vẫn mang theo!
ngồi đây. Bạn hãy ngồi đây đã
chờ xong tuần rượu rước Ông Bà
trầm hương khói quyện đường xa ngái
chuyến bay có kịp chiều cuối năm!
uống ké Ông Bà dăm ly rượu
gọi là đón Tết với vui Xuân
nhân tiện mừng nhau thêm một tuổi
lại thêm một dấu ấn phong trần
mình chưa đi trọn đường lưu lạc
mỗi độ Xuân về đời chớm Thu
run run ly rượu cùng nhau cạn
trời quê năm tháng cứ mịt mù!
bạn tới chia cùng ta nỗi nhớ
một góc trời riêng chiều cuối năm
hiên nắng xôn xao vờn cơn gió
lá rơi cứ ngỡ dáng Mai, Đào!
ngặt nỗi hương Xuân chừng xa lạ
rượu không thơm vị nếp quê nhà
bánh Tết nhạt mùi hương của lá
thịt kho đông lạnh chẳng đậm đà
chỉ có bạn đây là đậm nét
tiếng cười lối nói vẫn ngày xưa
ly xứ lâu rồi mà hay thế
cứ là chắc nịch dáng quê nhà
nhìn nhau thấy cả trời xa nhớ
ấm nồng chia sớt chuyện ngày Xuân
lát nữa chia tay về viễn phố
chở đầy kỷ niệm chiều cuối năm...

và giá cả trên thị trường, cũng như tất cả những cuộc suy thoái kinh tế trong lịch sử nước Mỹ, kể cả cuộc Đại Suy Thoái năm 1929, đều bắt đầu bằng một giai đoạn mà lưu lượng tiền tệ bị giảm thiểu. Friedman giải thích rằng Cuộc Đại Khủng Hoảng Kinh Tế năm 1929 và cơn suy thoái kéo dài cho đến năm 1933 không phải bắt nguồn từ những nguyên nhân như nhiều người đã giải thích hay tin tưởng từ trước: thị trường chứng khoán Wall Street sụp đổ, chính phủ lập lên hàng rào bảo hộ mậu dịch, hoặc là tiến trình tất nhiên trong chu kỳ theo tư bản chủ nghĩa v.v... Theo Friedman, sự khó khăn ban đầu để rồi trở thành một cơn đại hoạ có nguyên nhân chính là do ở Ngân Hàng Trung Ương Mỹ đã siết chặt lưu lượng tiền tệ thay vì phải thả lỏng, khiến cho khoảng 40% các ngân hàng tư phải sập tiệm vì không đủ khả năng giải quyết nhu cầu của khách hàng.

* Và sau cùng, các nghiên cứu của Friedman đã tạo nền tảng cho những lý thuyết sau này về mức tiêu thụ. Theo Keynes thì khi lợi tức của người dân gia tăng thì mức tiết kiệm của họ cũng gia tăng theo. Nếu suy rộng ra từ vi mô (*microeconomics*) sang vĩ mô (*macroeconomics*) tức là gom tất cả các trường hợp cá nhân để thành một thực thể lớn hơn là quốc gia, thì khi các nước trở nên giầu có, thì cũng gia tăng mức tiết kiệm theo, ít tiêu xài hơn, dẫn đến một mối lo ngại xa là có thể rơi vào tình trạng suy thoái. Những thống kê kinh tế quả có chứng minh điều này, nhưng chỉ đúng đến một giới hạn nào thôi: mặc dù người giầu đều có mức tiết kiệm cao hơn người nghèo, nhưng khi tổng gộp lại thì mức tiết kiệm của các quốc gia giầu có cũng không gia tăng lên theo.

Friedman giải thích điều có vẻ nghịch lý này bằng một lý thuyết được gọi là giả thiết về lợi tức thường trực. Ông lý luận rằng người dân không phải tiêu xài nhất thiết so với đồng lương kiếm được trong năm đó, mà thật ra là dựa theo một mức gọi là "lợi tức thường trực" (*permanent income*), tức là mức lương trung bình mà họ nghĩ rằng mình kiếm được trong lâu dài. Nói một cách khác, nếu một người thường có lợi tức khoảng 100,000 Mỹ kim một năm, nhưng đến năm đó vì một lý do nào khiến bị mất việc, hay làm ít giờ hơn nên lợi tức tụt xuống còn 50,000 thì không phải là họ hoàn toàn cắt đôi tất cả những tiết mục tiêu xài, mà chỉ giảm một phần nào thôi, nhiều khi rất nhỏ và nếu cần thì xài vào tiền để dành lúc trước, nếu như họ nghĩ rằng họ sẽ nhanh chóng kiếm lại lợi tức như cũ trong thời gian sắp tới. Ngược lại, nếu như một công nhân có đồng lương nghèo cỡ 10,000 Mỹ-kim một năm, bỗng nhiên may mắn trúng số được 10,000 thì cũng không có nghĩa là họ sẽ tăng mức tiêu thụ của họ lên gấp đôi, vì kinh nghiệm dạy cho họ biết là phải cần tiết kiệm hơn để phòng cho thời gian tới, nhất là nếu khi họ ý thức rằng đồng lương trong tương lai cũng không thay đổi gì.

Dĩ nhiên không phải tất cả những đề nghị của Friedman đều được nhiều người tán đồng, cho dù đã trải qua thử thách của thời gian. Như việc cổ động phát phiếu trợ cấp học đường (*vouchers*) để cho phụ huynh có thể dùng tiền đó và tự tiện chọn lựa trường tư cho con em theo học thay vì phải đi học trường công, vì trong thực tế chính sách này chỉ có tác dụng giúp đỡ cho những gia đình giầu có lại được hưởng thêm trợ cấp để cho đi học trường tư, gây ra hố sâu ngăn cách to lớn hơn nữa. Nhưng nổi bật hơn hết, Friedman được nhiều người chú ý đến là sức mạnh của những tư tưởng hay sáng kiến. Có nhiều điều không hoàn toàn đúng hẳn. Ông nghĩ rằng càng giảm thuế thì nhà nước sẽ càng giảm chi tiêu công cộng, thế nhưng điều đó đã không xảy ra, chính phủ càng ngày càng chi tiêu mạnh bạo hơn khiến cho ngân sách bị thâm thủng trầm trọng và dài hạn. Ông muốn chính phủ cần phải giới hạn mức tăng trưởng của lưu lượng tiền tệ, nhưng trong thực tế khối tiền tệ lưu hành rất khó được định hình để kiểm kê một cách rõ rệt và chắc chắn. Thế nhưng, những điều đó chỉ là tiểu tiết. Trong gần nửa thế kỷ, ông đã mạnh mẽ và hăng hái cổ xuý cho những tư tưởng của mình, cho dù có đi ngược lại những ý kiến hay ưa thích của xã hội đương thời. Và cuối cùng ông đã được nhiều người công nhận và thán phục. Đặc biệt nhất là chủ trương tự do kinh tế như quyền tư hữu, cạnh tranh theo định luật cung cầu tự nhiên của thị trường, lúc trước còn là một khái niệm xa lạ xen lẫn hoài nghi đối với nhiều người, nhưng sau này đã được nhiều chính giới, từ hữu sang tả, đều giang tay đón nhận, như các chính quyền của Pinochet tại Chí Lợi vào thập niên 70 cho đến các chính quyền cộng sản như Trung Cộng và Việt Cộng sau này.

Sự ra đi của ông để lại nhiều tiếc thương và thán phục cho nhiều người, trong đó có kẻ viết bài này, cũng nhờ có cơ may học lỏm bỏm được vài khái niệm về kinh tế học để sau này có hứng tìm tòi và phân tích lan man trên nhiều lãnh vực rộng lớn khác.

Houston, Texas 26-12-2006

BIẾN CỐ VĂN HỌC CỦA THẾ KỶ 21

NGUYỄN HOÀI VÂN

Loay hoay mãi mà cái thảo trình điện thư vẫn bị kẹt. Không cách chi lấy thư xuống nổi. Hàng chữ: «không xác nhận được thân chủ của trương mục, xin đánh lại ký danh và mật mã» cứ hiện lên như thách thức. Đánh lại, vẫn thế. Tắt máy rồi bật lại vậy. Hắn đứng dậy vươn vai trong lúc bộ máy vi tính cũ kỹ rời Windows, rồi cọt kẹt từ từ chuyển động trở lại. Máy hắn rất thường bị kẹt từ khi bị người khách lạ cài vào cái hồ sơ khổng lồ quái dị nọ. Hắn bước ra ngả người trên chiếc ghế dài gần đó. Và nhớ lại.

Người khách lạ...

Vài ngày trước đó, cũng đang nằm dài như thế, hắn bỗng nghe những tiếng kêu bất thường phát ra từ chiếc máy vi tính. Chồm dậy thấy trên màn ảnh hiện ra một người trang phục quái dị, giây nhợ đầy mình như một bộ máy điện toán lưu động. Khách niềm nở chào hắn:

- Xin kính chào ngài. Để tránh lầm lẫn, xin ngài làm ơn xác nhận ngài có phải là Văn Hào Nguyễn Văn X, lừng danh ở Thế Kỷ 21 hay không?

- Tôi tên Nguyễn Văn X thật, nhưng là sinh viên trường thuốc chứ không phải văn hào...

- Nhưng ngài cũng có viết văn? Làm thơ? Viết báo? Thuở thiếu thời đã có nhiều năng khiếu?

- Ừ, thiếu thời thì ngoài vài bài luận văn bắt buộc phải làm hồi còn trung học, tôi quả có lần viết bích báo cho lớp tôi dự thi, nhưng rất tiếc không được giải nào hết. Quên nữa, tôi cũng có làm thơ tặng vài cô nữ sinh mấy chỗ gần trường, nhưng...

Khách như chợt nghĩ đến điều gì.

- Có phải chúng ta đang ở năm 2026?

Hắn nhìn khách, qua màn ảnh, mặt thộn ra vì ngạc nhiên:

- Thưa không, chúng ta đang ở năm 2006.

Người khách kêu lên:

- Ấy! Tôi đánh lầm một con số! Thảo nào ngài không biết chi cả về tầm quan trọng của ngài trong văn học sử của nhân loại. Tuy nhiên, không sao, tôi sẽ rất sung sướng được tham khảo những áng văn đầu tay mà ngài đã thảo ra lúc còn vị ngộ. Nếu ngài cho phép...

- Tôi rất hân hạnh, nhưng e rằng ông đã lầm người.

Rồi, như chợt nhớ ra điều gì, hắn vội hỏi :

- Thế nhưng, ông đang ở đâu? Làm sao hiện ra được trên màn ảnh của tôi ? Làm sao lại nói chuyện được với tôi? Làm sao biết được những gì sẽ xảy ra trong thế kỷ 21?

- Thưa đối với ngài thì tôi sống trong tương lai, ở thế kỷ 24. Con đường nơi tôi ở mang tên ngài, cũng như vô số trường học, cơ quan văn hóa, hiệp hội nhà văn v.v... trên khắp thế giới. Ngài là nhân vật vĩ đại nhất của thời đại ngài. Tôi hiện làm việc cho một nguyệt san văn hóa tên là «Thế Kỷ 24.» Đã từ lâu chúng tôi tìm cách bắt liên lạc để phỏng vấn ngài, nhờ một phát minh của các nhà khoa học cộng tác với chúng tôi. Bây giờ tôi xin ngài cho phép được xem những sáng tác lúc còn chưa nổi tiếng của ngài. Xin cứ đặt chúng trước màn ảnh.

Khách có vẻ thất vọng trước những «áng văn» của hắn. Ngoài vài bài thơ kiểu «tóc em dài em cài hoa lý, mắt em mơ huyền, tim anh thổn thức,» vài luận văn trung học được điểm xấp xỉ trung bình, hắn còn lôi ra mấy bài triết lý vớ vẩn, tôn giáo lăng nhăng, bình luận văn chương luộm thuộm, và cả những bài nhận định chính trị ba xu, góp nhặt chút kiến thức thu lượm được trên mấy tờ tuần báo lớn của Mỹ, Pháp... Sự nghiệp viết bích báo của hắn quả có được nối dài bởi những bài viết tạp nhạp như vậy, lâu lâu được đôi ba tờ báo địa phương đăng tải.

Khách lịch sự công nhận hắn đã có ý chí viết văn...

- Ngài có thể cho phép tôi ghi lại những tài liệu này để so sánh với những gì ngài sẽ viết sau này, được thu góp trong «Nguyễn Văn X. toàn tập» mà chúng tôi hiện đang chủ trì việc tái bản?

Hắn chỉ kịp gật đầu ưng thuận thì liền thấy màn ảnh chớp tắt liên hồi rồi hình ảnh người

khách lạ dần dần biến mất, trước khi máy vi tính chậm chạp khởi động trở lại. Hắn ngồi thừ người trước màn ảnh. Bỗng thấy trên máy có một hồ sơ rất lạ với những ký hiệu quái đản. Ngần ngừ vài giây, hắn bấm chuột mở hồ sơ ấy ra... Một hàng tựa hiện lên: «Nguyễn văn X toàn tập.» Có lẽ khách đã để quên lại. Hắn lân la đọc thử vài trang. Không hiểu lắm. Văn hơi khó. Hắn cắt dán mấy đoạn gửi cho cô bạn gái kèm theo vài chữ cắt nghĩa tự sự. Người yêu hắn đang sửa soạn trình luận án Tiến Sĩ về văn chương hiện đại.

Và bây giờ... Hắn đang cố mở điện thư xem có tin gì của cô nàng hay không? Mấy hôm nay nàng quyết định không gặp và không điện thoại cho hắn, để dành hết tâm trí viết cho xong mấy đoạn quan trọng của luận án. Biết đâu nàng vẫn tò mò đọc những đoạn văn hắn gửi?

Máy đã khởi động xong. Thảo trình điện thư mở ra, nhận xuống ngon lành. Có thư của người đẹp! Nàng trách hắn đã bịa chuyện người từ tương lai hiện đến, để che dấu văn tài của mình, và quả quyết những gì nàng vừa đọc là những áng văn trác tuyệt! Người đẹp cũng cho biết đã gửi các bài viết ấy đến một tạp chí danh tiếng phát hành trên toàn thế giới với hàng chục triệu đọc giả. Đồng thời hẹn hắn đến gặp nàng lập tức.

Qua điện thư, hắn chuyển đến nàng một truyện dài và một thi tập, rồi thay quần áo bước xuống đường.

*

Hắn bước vào một tiệm kẹo mua một gói ô mai. Người yêu của hắn thích ô mai ở tiệm này. Một người đàn ông đứng tuổi hối hả bước vào. Chủ tiệm hỏi :

- Chào ông. Thưa ông cần gì?
- Tôi chẳng cần gì cả. Nhưng tôi rất vội...
- Chúng tôi có thể làm gì được cho ông?
- Ơ hay! Chính ông yêu cầu tôi vào đây mà!
- Tôi không hiểu.
- Có phải ông đã ghi trước cửa tiệm của ông: «Xin vào cửa sau, số 70 đường Nguyễn Huệ» hay không?
- À! Vì chúng tôi đang sửa cửa trước, nên cảm phiền quý khách vào cửa sau.
- Chính thế! Và tôi đã vào cửa sau, như ông yêu cầu. Đây có đúng là số 70 đường Nguyễn Huệ hay không? Bây giờ ông muốn gì? Xin nhắc lại là tôi rất vội!

Chủ tiệm ngơ ngác. Hắn xen vào :

- Thưa ông, khi viết «xin vào cửa sau,» ông chủ tiệm đây chỉ mời những khách hàng có ý muốn mua kẹo của tiệm ông vào cửa sau mà thôi, chứ không hề kêu gọi tất cả mọi người qua đường vào tiệm bằng cửa sau đâu.
- Tôi không đồng ý! Trong trường hợp ấy, ông ta phải ghi rõ ràng: «yêu cầu những người muốn vào tiệm kẹo Bảo Long dùng cửa sau, ở số 70 đường Nguyễn Huệ.» Đàng này chủ tiệm lại viết «xin vào...» khiến mọi người bình thường, như tôi, trước sự yêu cầu ấy, đều cảm thấy bị bắt buộc phải vào cửa số 70 đường Nguyễn Huệ.

Hắn nhớ lõm bõm vài khái niệm cơ bản về ngôn ngữ học từng được cô người yêu «giáo huấn,» vội ba hoa:

- Thưa ông, tôi xin mạn phép lưu ý ông về khía cạnh mặc định của ngôn ngữ. Có những điều tuy không nói ra nhưng phải hiểu. Thí dụ như khi nghe nói «bản án của vị quan tòa,» trong tuyệt đối chúng ta không thể biết được vị quan tòa là người lên án, hay chính ông ta bị lên án. Nhưng, trong thực tế, chúng ta dễ dàng đoán được tự sự. Tương tự như thế khi bà nhà, xin lỗi, nói: «em yêu anh,» và ông lịch sự trả lời: «anh cũng vậy,» thì ai cũng hiểu câu ấy là «anh cũng yêu em như em yêu anh,» chứ không phải «anh cũng yêu anh như em yêu anh,» dù cho cách hiểu thứ hai có logique hơn cách thứ nhất rất nhiều. Ngược lại, phải công nhận là cũng có những trường hợp khó khăn. Thí dụ như khi ta nói: «anh ấy thương Lan hơn là Điệp,» thì người ta có hai cách hiểu, hoặc «anh ấy thương Lan hơn Điệp thương Lan,» hay «anh ấy thương Lan hơn anh ấy thương Điệp.» Đó là những vấn nạn thường được nêu lên bởi trường phái ngôn ngữ học Chomski...

Người đàn ông lắc đầu :

- Tôi chẳng hiểu gì cả! Nhưng thôi, không sao, tôi rất vội. Tôi phải ra nhà ga xe lửa ngay tức khắc!
- Hay quá, tôi cũng vậy. Nếu không phiền, chúng ta có thể cùng đi?

Ra ngoài, hắn hỏi:

- Thế ông cần lấy xe lửa đi đâu?
- Tôi chẳng cần đi đâu cả. Tuy nhiên, lúc nãy, tôi đi ngang trạm xe đò, thấy có tấm biển, viết rằng: «Xa lộ Miền Tây tạm thời bị đóng, xin đi Cần Thơ bằng xe lửa.»

*

Người yêu của hắn lánh về quê ngoại để tìm yên tĩnh viết luận án. Đi tàu hỏa mất khoảng hai giờ. Hắn bước vội đến quầy vé. Một người đàn

bà trẻ, dắt theo một bé trai, đang mua vé. Sau bà là một ông cụ với một bé gái.

- Thưa ông con tôi dưới năm tuổi, được miễn tiền vé. Xin ông xem giấy khai sinh.

- Nhưng, thưa bà, cháu sinh ngày 20 tháng 12, mà hôm nay chính là ngày 20 tháng 12, vậy cháu không còn dưới năm tuổi nữa, phải trả nửa vé.

Đứa bé xen vào:

- Xin bác tha cho cháu cái tội xen vào câu chuyện của bác với mẹ cháu, nhưng nếu bác nhìn kỹ, vừa ngày sinh, vừa nơi sinh, của cháu, thì bác sẽ quan niệm vấn đề khác hơn.

- Xin cậu giải thích thêm.

- Cháu sanh tại Genève, lúc 11 giờ đêm, ngày 20 tháng 12, năm năm về trước. Giờ của Genève chênh lệch với giờ ở đây sáu tiếng. Vậy, lúc cháu sanh ra, ở Genève, thì tại nhà ga này, đã bước sang ngày 21 tháng 12.

- Lộn xộn quá! Ngày sanh ghi là 20 tháng 12. Hôm nay là 20 tháng 12, kể từ 0 giờ. Tức là cậu đã hơn năm tuổi được gần 15 giờ. Vậy thôi!

Đứa bé gái đứng sau xen vào (sau khi đã lễ phép xin lỗi mọi người):

- Xin bác làm ơn nhận xét rằng cháu sanh ngày 21 tháng 12 lúc năm giờ sáng.

- Ở đâu? New York, Tombouctou, Acapulco? Dù sao, nếu cô sinh ngày 21 tháng 12 thì đàng nào cô cũng được miễn tiền vé.

- Ở chính thành phố này, thưa bác. Và nếu bác xét kỹ, thì cháu sanh vào cùng một lúc với ông anh đây.

Hai đứa bé nhìn nhau nỉm cười. Người bán vé gãi đầu:

- Thôi được! Hai vé miễn phí! Thú thật với quý vị là bà xã nhà tôi sanh tại Paris một đêm 29 tháng 2, đã rất lâu, không phải đơn giản để tổ chức sinh nhật cho bả!

- Đúng vậy, thưa bác, ngày 29 tháng 2 chỉ hiện hữu mỗi bốn năm một lần. Những năm khác sinh nhật của bác gái là ngày 2 tháng 3.

Người bán vé ngẩn tò te:

- Ngày 1 tháng ba chứ!

- Không, thưa bác, ngày 2 tháng 3, vì sự chênh lệch giờ với Paris...

Thằng bé quay sang con bé, cười tình:

- Hay là chúng mình cùng tổ chức sinh nhật tối nay?

Con bé nheo mắt :

- Mai mới là sinh nhật của anh cơ mà!

- Thì... Tôi luôn mừng sinh nhật trước một ngày!

*

Đang đứng trên bến đợi xe, bất chợt loa phóng thanh cho biết «xe lửa 15 giờ bị hủy bỏ.» Hắn tỏ vẻ khó chịu. Một bà cụ gần đó nhăn mặt, đau khổ:

- Ôi! Người ta đã làm gì để hủy bỏ cái xe lửa ấy? Bao nhiêu là hành khách trong đó, bao nhiêu người vô tội...

Hắn chột dạ:

- Bộ bác nghĩ người ta đã hủy diệt một chiếc xe lửa thực sự hay sao?

- Tôi chỉ biết có những chiếc xe lửa thực sự, chứ chưa di chuyển trên những xe lửa trừu tượng bao giờ cả!

- Một trong những chức năng của ngôn ngữ là cho phép chúng ta bàn đến những chuyện trừu tượng. Trong trường hợp này: «xe lửa 15 giờ» là một thực thể trừu tượng, trong khi chiếc xe lửa đang đậu ở đầu bến đàng kia là một sự kiện cụ thể. Chúng ta vừa được thông báo người ta đã hủy bỏ một thực thể trừu tượng, một khái niệm, chứ không phải một xe lửa cụ thể...

- Như thế, khi người ta hủy bỏ khái niệm «xe lửa 15 giờ» tức là sẽ không bao giờ có xe lửa lúc 15 giờ nữa hay sao?

- Không, thưa bác, người ta chỉ hủy bỏ nó trong một giới hạn thời gian, là chiều hôm nay.

- Điều cậu nói chứng tỏ mỗi «xe lửa 15 giờ» là một biến cố đặc biệt, chứ không phải là một khái niệm trừu tượng !

Loa phóng thanh: «Xe lửa 15 giờ sẽ khởi hành lúc 16 giờ.»

Bà cụ:

- Làm sao biết được là "xe lửa 15 giờ" sẽ khởi hành lúc 16 giờ hay một chiếc tàu khác? Vả lại "xe 15 giờ" mà lại khởi hành lúc 16 giờ là một nghịch lý.

- Hay là chúng ta gọi đó là xe lửa số 512. Chuyến tàu 512 thay vì khởi hành lúc 15 giờ, sẽ khởi hành lúc 16 giờ.

Người đàn ông gặp lúc nãy trong tiệm kẹo xen vào:

- Mỗi chiếc xe lửa được định nghĩa bởi những tiêu chuẩn đặc thù, thí dụ giờ khởi hành, hay những trạm ngừng. Nếu chuyến tàu thay đổi các trạm ngừng thì quý vị sẽ cho đó là một chuyến tàu khác. Cũng như vậy, nếu giờ khởi hành thay đổi, chúng ta bắt buộc phải chấp nhận: đó là một chuyến tàu khác!

- Tôi không thấy có vấn đề gì đặc biệt. Tàu trễ một giờ, thế thôi!

- Giả sử như tàu đi sớm một giờ, anh có coi đó là cùng một chuyến tàu không? Hay giả sử nó trễ 24 giờ, sẽ khởi hành cùng giờ ngày mai, có thể nghĩ là cùng chuyến tàu hay không?

Bà cụ lại thở dài:

- Tóm lại, chúng ta vẫn không biết họ đã làm gì chiếc tàu vừa bị hủy bỏ. Bao nhiêu hành khách trong đó...

Người đàn ông trịnh trọng tuyên bố:

- Tôi hy vọng đường xa lộ sẽ sớm được khai thông trở lại, để chúng ta khỏi phải dùng đến xe lửa cụ thể cũng như xe lửa trừu tượng, và hết lo bị... hủy bỏ!

*

Đến nơi, hắn dáo dác nhìn quanh, tìm người yêu đã hẹn ra đón. Không thấy người đẹp đâu cả. Vài người đứng quanh một xe bán kem ở đầu bến. Hai đứa bé lúc nãy bây giờ túi tít bên nhau, mỗi đứa vừa mua một cây kem.

Con bé:

- Ngon tuyệt! Anh chọn kem gì? Cũng dâu và sầu riêng?

- Đoán thử xem. Nhắm mắt lại đi.

Thằng bé cho con nhỏ nếm phần kem màu đỏ:

- Kem dâu! Bên kia chắc là sầu riêng?

- Không. Đây là sầu riêng, bên kia mới là dâu.

Con bé mở mắt nhìn và kêu lên :

- Đâu phải! Bên đỏ là dâu chứ! Bên kia mới là sầu riêng.

- Không, đối với tôi, bên đỏ có vị sầu riêng, bên vàng có vị dâu.

- Anh lại giỡn nữa rồi.

- Thật đấy. Không giỡn đâu.

- Hay là một vấn đề tên gọi? Có thể khi bố mẹ anh cho anh ăn dâu, hai bác bảo đó là sầu riêng, và khi cho anh ăn sầu riêng thì bảo đó là dâu?

- Tại sao bố mẹ tôi lại làm như vậy? Quả thực tôi biết thế nào là vị dâu và vị sầu riêng, và phần kem vàng đối với tôi có vị dâu, phần kem đỏ mang vị sầu riêng. Có lẽ vào một lúc nào đó, các tính vị này đã thay đổi trong hệ thống vị giác của tôi?

- Làm sao biết được anh nói thật hay nói dóc đây?

Thằng bé sịu mặt. Con bé cầm tay nó an ủi. Thằng bé nói, vẻ suy tư:

- Thật ra, cũng có thể tôi đã nhớ sai khi bắt đầu tập nhận thức các vị sầu riêng và vị dâu? Làm sao biết được?

Bà cụ vừa than thở cho chiếc tầu hỏa bị hủy bỏ, vừa lụm khụm bước đến, gật gù nói:

- Ta có thể loại bỏ những ngờ vực về người khác, nhưng không thể loại bỏ những ngờ vực về chính tâm hồn của chúng ta...

*

Người đẹp ôm choàng lấy hắn:

- Anh là một thiên tài! Tối nay, ông ngoại và bố em có nhiều khách. Anh sẽ gặp giáo sư bảo trợ luận án của em. Ông ta hứa sẽ giới thiệu quyển sách và tập thơ anh vừa gửi em lúc nãy cho một nhà xuất bản lớn. Em chưa có thời giờ đọc, nhưng qua những gì anh gửi cách đây mấy ngày, em rất tin tưởng. À, anh đừng nhắc đến cái chuyện người từ tương lai đi ngược giòng thời gian trở về nữa nghe. Kỳ lắm! Anh phải tự tin, không việc gì lại phải đặt chuyện để tránh né như vậy. Quên mất! Tạp chí hôm trước đã nhận đăng bài của anh vào số tân niên. Họ có vẻ thích lắm.

Trước nhà ga là một bãi đất mênh mông lầy lội dơ dáy, khách ra vào phải lội qua, rất khó chịu. Hắn than:

- Dơ quá! Lại vừa trống vắng vô duyên! Phải chi người ta làm một công viên nhỏ, với một hồ nước, vài lối đi quanh co trải sỏi trắng, giữa những khóm hoa, những hàng cây cảnh, thì đẹp biết mấy!

- Thì tối nay anh cứ thử đề nghị với ông Tỉnh Trưởng xem sao. Ông ta cũng được mời đấy.

- Chắc chắn ông ta đã ý thức vấn đề và có sẵn giải pháp rồi, đâu đợi mình đề nghị.

- Ôi ! Mấy ông quan chức toàn đi xe có tài xế, kính đen bít bùng đâu thèm nhìn ra đường phố. Có bao giờ họ phải lặn lội đến nhà ga xe lửa này đâu? Chỉ lâu lâu cần vận động tranh cử họ mới chịu đi một vòng bắt tay cử tri chút đỉnh. Nhiều khi lố bịch lắm! Anh biết không? Mùa bầu bán vừa rồi, có ông bày đặt đi xe đạp đến văn phòng cho có vẻ bình dân. Tới nơi thở hào hển thiếu điều đứt hơi, thư ký phải đấm bóp cả giờ!

- Nữ thư ký? Đương nhiên. Anh bỗng thấy thích đi xe đạp ở quê em...

Cô nàng nguýt hắn một cái dài, nói xẳng:

- Tối nay cũng có anh học trò cưng của bố em, nhà vật lý tài danh mà anh đã biết đấy!

Bữa cơm tối... Bố và ông ngoại người đẹp đều là giáo sư đại học. Ông ngoại nàng dạy văn chương, đã về hưu, bố nàng dạy vật lý. Vị giáo

sư bảo trợ luận án của nàng là học trò ruột của ông ngoại nàng. Ông ta tuyên bố với hắn, vẻ trịnh trọng:

- Giám đốc nhà xuất bản quốc tế ấy là bạn học của tôi đấy. Họ chọn lọc tác phẩm rất kỹ. Vì thế, dù cho có sự giới thiệu của tôi, họ cũng sẽ chỉ cho xuất bản những gì anh viết sau khi chính họ đã cân nhắc rất kỹ lưỡng. Anh đừng quên, đây là một trong những cơ sở xuất bản lớn nhất thế giới. Dù sao, tôi công nhận anh viết rất hay...

Hắn ậm ừ cảm ơn, thừa biết ông giáo sư chẳng coi hắn có kí lô nào cả, và cũng không bao giờ thèm đọc những gì hắn viết. Những gì HẮN viết? Hắn nhún vai... Ông Giáo sư đã xoay sang nói chuyện với người khác. Mấy ông trí thức «học đại» kiểu này thường chỉ biết có họ. Những cái rốn của vũ trụ...

Tên «vật lý tài danh» đang ba hoa về một ứng viên giải Nobel Vật Lý chi đó. Phát minh nảy lửa được đề cập đến là một phương pháp đi ngược giòng thời gian. Hắn chột dạ, lắng nghe.

Một người trong bàn hỏi:

- Tôi ít kiến thức về vật lý nhưng anh có thể cắt nghĩa sơ sơ những nguyên tắc của phát minh này?

- Này nhé: theo thuyết tương đối, nếu một vật thể nào đó đi nhanh hơn tốc độ của ánh sáng thì nó sẽ đi ngược giòng thời gian. Điều này rất khó. Tuy nhiên, người ta cũng chứng minh được rằng nếu anh cưỡi trên một hạt quang tử, thì anh sẽ không còn biết đến quá khứ, vị lai. Đối với anh, lúc nào cũng là lúc này. Thêm vào đó, cũng không còn vấn đề chỗ này hay chỗ khác nữa, mà chỗ nào cũng là chỗ này. Anh sẽ thấy Đức Khổng Tử, Cách Mạng Pháp, Thế vận hội 2016, và ngày tận thế, cùng lúc, cùng nơi!

Ông ngoại cô nàng lên tiếng:

- Như lời Kinh Kim Cương, Kinh Bát Nhã...

- Vâng, thưa cụ. Vậy, nếu một vật thể di chuyển như quang tử, hay nhanh hơn quang tử, thì vấn nạn thời gian được giải quyết. Ngặt một nỗi là con người không phải là một hạt mà một tổng hợp hạt. Vì thế, phát minh của người bạn cháu chính là một bộ máy với một thảo trình có khả năng phân tích con người ra thành vô số hạt, rồi kết hợp lại, y nguyên như trước.

- Như trong Star Trek? Nếu tôi hiểu không lầm thì những hạt đến từ sự phân tích một con người sẽ được đưa lên tốc độ bằng hay nhanh hơn ánh sáng để có thể đi ngược giòng thời gian?

- Đại khái vậy. Nhưng anh bạn cháu không tìm được nguồn tài trợ để bước sang giai đoạn thực hiện.

- Vì sao?

- Vì cơ quan tài trợ quả quyết là phát minh của anh ta hoàn toàn vô ích.

- Thật khó tin! Họ biện minh cho quyết định của họ như thế nào?

- Họ bảo: nếu có người thành công trong việc đi về quá khứ thì chuyện ấy đã xảy ra rồi. Và những gì người ấy SẼ làm cũng là những gì người ấy ĐÃ làm. Thế thì, theo họ, không có lý do gì để mà đổ tiền vào một dự án đã được thực hiện!

- À ! tôi cũng nghe nói đến những thành công của giáo sư N trong việc ghép não bộ. Cũng là một ứng viên Nobel kỳ tới đấy! Nghe nói anh là học trò của ông ta?

Hắn giật mình, vội trả lời:

- Cũng như hàng ngàn sinh viên Y Khoa khác. Tuy nhiên, cháu hiện được may mắn thực tập trong khu giải phẫu của ông ta.

- Hay quá! Anh có thể giúp tôi một chuyện?

Người hỏi là vị giáo sư bảo trợ luận án của người yêu hắn.

- Vâng, rất hân hạnh.

- Tôi muốn phỏng vấn một người đã được ghép óc. Chuyện này gợi lên trong tôi những vấn nạn hình nhi thượng học rất quan trọng.

- Hay là chúng ta lập tức liên lạc với khu giải phẫu xem có thể phỏng vấn một bệnh nhân nào đó qua internet hay không? Trong lúc đợi món tráng miệng...

Hắn bước sang bàn máy vi tính, vài phút sau quay lại:

- Hiện chỉ có một người đang chờ được ghép não bộ. Các trường hợp khác đều đã xuất viện.

- Không sao, tôi xin được phỏng vấn người này...

*

- Anh làm nghề gì?

- Thưa tôi đang ở tù, vì tội giết người. Tù chung thân, thưa ông.

- Ai là người sẽ hiến cho anh bộ não?

- Thưa, chính ông quan tòa đã bỏ tù tôi.

- Ối chà! Một sự hy sinh vô cùng cao quý!

- Thật ra chúng tôi trao đổi não bộ.

- Anh mắc bệnh gì mà phải ghép não bộ?

- Tôi rất khỏe mạnh chẳng có bệnh tật gì cả.

- Thế thì tại sao lại phải ghép não?

- Đây là một sự thu xếp pháp lý.

- Xin anh giải thích.

- Số là một ngày kia, bỗng dưng tôi không còn nhớ nổi từ bao lâu và vì sao tôi bị giam!

Chuyện giết người, các phiên tòa v.v... tôi đều quên hết. Các thử nghiệm y khoa xác quyết trí nhớ của tôi sẽ không bao giờ phục hồi trở lại. Mặc dù, xin nhắc lại, là tôi vẫn khỏe mạnh. Nhiều cơ quan và nhân vật tên tuổi can thiệp đòi hỏi tôi phải được ân xá. Họ nghĩ một người không thể bị buộc phải chịu một hình phạt khi mà người ấy không còn quan niệm được liên hệ giữa hình phạt này với một hành vi của mình trong quá khứ. Như thể tôi đã trở thành một người khác vậy. Rồi cũng có những cơ quan và nhân vật cho rằng trí nhớ không phải là tiêu chuẩn duy nhất để xác định một con người. Theo các vị này thì trí nhớ chỉ là phần chủ quan trong những gì cấu thành một cá nhân. Còn có phần khách quan, cũng quan trọng không kém trong việc quy định những trách nhiệm của cá nhân ấy. Rốt cuộc trường hợp của tôi được đem ra xử lại. Và một giàn xếp pháp lý được thỏa thuận với vị quan tòa.

- Nhưng chính ông ta cho anh bộ não!

- Thưa ông, tôi nhận bộ não của ông ta, cộng thêm với 500 ngàn đô la tiền thưởng và được trả tự do.

- Lạ quá! Thường thì người cho một bộ phận được nhận tiền, nếu luật địa phương không ngăn cấm, và người nhận bộ phận ấy phải trả tiền chứ! Sao lại ngược đời vậy?

Tên «vật lý tài danh» xen vào:

- Tôi hiểu! Trong trường hợp ghép não bộ ta phải lý luận ngược lại. Người cho bộ não không khác gì được ghép toàn thân thể, và người nhận chính là người đã cho toàn thân thể. Vì thế, người nhận phải được đền bù, và, trên nguyên tắc người cho phải trả tiền.

- Đúng vậy, thưa ông. Giá thông thường là một triệu đô la.

*

Ông Tỉnh Trưởng nhấm nháp tách cà phê, từ từ nhả một làn khói xì gà La Havane, rồi nhìn hắn, trả lời:

- Ừ, cái ý kiến làm một công viên có hồ nước ở trước nhà ga xe lửa cũng hay đấy! Nhưng có người lại đòi làm bãi đậu xe. Anh nghĩ sao?

- Thưa bác, theo quan điểm hoàn toàn thẩm mỹ của cháu thì công viên hơn, nhưng cũng có thể có những ý kiến khác thiên về thực dụng... Nếu đưa vấn đề ra trước Hội Đồng Nhân Dân, không biết bên nào sẽ thắng?

- Rất đơn giản: giả sử cậu đưa đề nghị chỉnh

KHÁNH HÀ

Về Một Bến Sông

Em giữ nhé một mình trong ký ức
Bởi không còn ai nữa để sẻ chia
Những vui buồn lâu lắm tự thời xưa
Nơi quê cũ chỉ còn trong tâm tưởng
Những chuyến bay chở người đi trăm hướng
Nhưng không về đến bến một dòng sông
Bãi bờ xa khi con nước đã ròng
Chiếc cầu nhủi dưới mé sông đã mục
Bóng dáng mẹ đã đời đời xa khuất
Bao nhiêu lần mẹ đứng đó nhìn theo
Chiếc đò khuya kẽo kẹt tiếng mái chèo
Đò đi khuất mẹ vẫn còn đứng đó
Gió chao chao ngọn đèn chong mờ tỏ
Tiếng tù-và vọng lại giữa âm u
Nẻo về xưa, xa thăm thẳm biệt mù
Hồn cây cỏ có còn nguyên thuở trước
Cây dừa lão đe mình ra mé nước
Những tàu dừa chải gió suốt đêm trăng
Buổi bình minh lũ chim chóc lăng xăng
Chìa vôi líu lo, cưởng kêu lảnh lót
Cây trứng cá rợp tàn trên sân trước
Trao trảo kéo về mở hội rộn ràng
Trưa vẳng đưa tiếng gà gáy mơ màng
Lòng thơ dại bỗng nghe buồn vô cớ
Bến sông xưa đã mấy lần bồi lở
Lòng người xa quê trăn trở mấy lần
Cuối đường dài, ngoảnh lại bâng khuâng
- Đã lâu lắm mà sao mình vẫn nhớ?

trang bãi đất trước nhà ga để làm một công viên nhỏ có hồ nước, thì chắc chắn cậu sẽ thất bại. Tuy nhiên, nếu cậu đưa ra hai đề nghị riêng biệt, đề nghị một: chỉnh trang bãi đất trước nhà ga, đề nghị hai: làm một công viên nhỏ có hồ nước, thì cậu có nhiều hy vọng thành công.

- Tại sao thế? Cùng do đa số quyết định cơ mà... Đó là căn bản của dân chủ!

- Đó là điều những người bình thường tưởng tượng. Giới sinh hoạt dân chủ chuyên nghiệp chúng tôi có những tính toán rất khác. Anh thử quan niệm ba nhóm bằng nhau trong Hội Đồng Nhân Dân. Nhóm 1 đồng ý với đề nghị chỉnh trang bãi đất để làm công viên. Nhóm 2 đồng ý chỉnh trang bãi đất, nhưng không đồng ý làm công viên. Có thể họ thích làm bãi đậu xe hay chi khác. Nhóm 3 không đồng ý chỉnh trang bãi đất, cho rằng quá tốn kém, cần dành ngân quỹ cho những ưu tiên khác. Tuy nhiên nhóm thứ ba này có thể đồng ý làm công viên, nếu quyết định chỉnh trang bãi đất được thông qua.

- Như thế, đề nghị của cháu sẽ chỉ được nhóm 1 ủng hộ, nhóm 2 và 3 chống đối, và sẽ bị bác bỏ.

- Ngược lại, nếu phân chia đề nghị ấy thành hai đề nghị riêng biệt thì đề nghị đầu tiên "chỉnh trang bãi đất" sẽ được nhóm 1 và 2 ủng hộ, tức sẽ được thông qua với đa số hai phần ba. Đề nghị kế tiếp "làm công viên" sẽ được các nhóm 1 và 3 ủng hộ, tức cũng lại được thông qua với đa số hai phần ba.

- Thật lạ lùng! Cùng một đề nghị mà chỉ cần phân ra thành hai mảnh thì đang bị bác bỏ bởi một đa số hai phần ba liền được ưng thuận cũng bởi đa số hai phần ba!

- Anh nên nhớ cho thật rõ điều này: chủ yếu trong dân chủ là kỹ thuật. Nắm vững kỹ thuật là gần như nắm chắc phần thắng...

Một cảm giác tự tin dâng lên trong tâm hồn hắn. Hắn tự thấy mình vô cùng may mắn được nằm trong môi trường hạn hẹp của những người nắm trọn các phương tiện của quyền hành. Và không tránh khỏi rùng mình nghĩ đến những người khác.

*

- Bạn hãy thử nhìn vào kính chiếu hậu xem. Chữ IXAT mà bạn đọc là chữ TAXI ghi trên chiếc xe đi theo mình, phải không?

Tên "Vật lý tài danh" lại làm tài khôn đây! Hắn chuyên bày ra những vấn đề tréo cẳng ngỗng... Trong mấy ngày ở quê ngoại người yêu hắn, ông ngoại và vị giáo sư bảo trợ luận án của nàng đã nhanh chóng liên lạc với một nhà xuất bản danh tiếng nhất thế giới, để "thu xếp" cho hắn một chỗ đứng trong nền văn học thế kỷ 21. Có lẽ khi về đến nhà, trong vài giờ nữa, hắn sẽ có tin tức của họ. Tạm thời, hắn phải chịu đựng tên "vật lý tài danh," học trò cưng của ông bố vợ tương lai, đang vừa lái xe vừa khoe khoang kiến thức. Hắn ậm ừ:

- Đúng vậy. Kính chiếu hậu đã đảo ngược các chữ viết...

- Thế có khi nào bạn nghĩ tại sao các chữ viết chỉ bị đảo ngược theo chiều phải trái mà không bị đảo ngược theo chiều trên - dưới?

Ông giáo sư của người yêu hắn xua tay:

- Tôi không đồng ý. Anh hãy nhân lúc đèn đỏ mà nhìn vũng nước kia thử xem. Nó phản chiếu đèn hiệu của nhà hàng bên đường theo chiều trên dưới đấy chứ! Đồng thời, nó lại giữ nguyên chiều phải trái. Tại sao lại khác với kính chiếu hậu như thế? Trong khi vũng nước chỉ là một tấm gương được đặt song song với mặt đất?

- Đúng vậy. Thật ra, tấm gương còn nhiều bí ẩn khác. Giáo sư có nhận thấy rằng khi chiếc xe taxi ở phía sau chúng ta chớp đèn quẹo phải thì trong kính chiếu hậu chúng ta cũng thấy đèn chớp phía bên phải chứ không ngược chiều phải trái?

Hắn buột miệng:

- Sự đảo ngược nằm ở chiều trước- sau!

- Chiều trước - sau?

- Đúng vậy. Khi tôi chỉ tay lên trời, trong kính quý vị thấy tôi chỉ tay lên trời. Khi chiếc xe cảnh sát kia chớp đèn bên trái, quý vị thấy nó chớp đèn bên trái, không có đảo nghịch gì cả. Tuy nhiên khi xe cảnh sát từ phía sau chạy đến gần sau xe ta, rồi qua mặt ta, thì trong kính chiếu hậu quý vị thấy nó chạy từ trước đến, tức là ngược lại với chiều đi thực sự của nó. Tóm lại: có sự đảo ngược trước sau.

Người yêu hắn bây giờ mới lên tiếng:

- Này! Trước sau hay trên dưới gì không biết, nhưng cái ông cảnh sát vừa qua mặt mình ông ấy đang ra dấu bảo mình tấp vào lề đường kia kìa. Bây giờ mới thực sự là lúc cần nói chuyện «phải trái» với ông ta đấy!

*

- Thưa ông, ông đã vi phạm luật giao thông. Ông đã bóp còi trong khu khách sạn quốc tế sau 8 giờ tối. Tôi biên giấy phạt. Ông có thể trả tiền phạt ngay lập tức hay sẽ trả sau, với số phụ trội 10 phần trăm.

- Ở hay! Luật gì lạ vậy?

- Luật mới, thưa ông. Khách quốc tế là một nguồn lợi lớn cho nước ta. Phải tôn trọng sự nghỉ ngơi của họ.

- Khách nào đi ngủ vào lúc 8 giờ tối?

- Chính phủ ta quan niệm sự nghỉ ngơi bắt đầu từ lúc họ dùng rượu khai vị trước khi vào bàn ăn.

- Làm sao người dân biết nổi những quan niệm sáng suốt ấy của nhà nước ta?

- Không ai có quyền không biết luật pháp.

- Đó là một điều luật?

- Đúng vậy, thưa ông.

- Điều luật ấy được viết ra trong bộ luật nào? Mang số mấy? Được ban hành ngày nào?

- Đây là luật «bất thành văn.»

- «Bất thành văn» làm sao người dân biết được mà tôn trọng? Và nếu người dân không buộc phải tôn trọng điều luật «không ai có quyền không biết luật pháp,» vì nó không được ghi ra ở đâu cả, thì họ cũng không bị bắt buộc phải biết và tôn trọng những điều luật khác dù cho chúng có được ghi ra hẳn hoi.

- Vì thế, thưa ông, để khỏi phải đi vào những tranh luận không có lối thoát, tôi xin đề nghị ông nhìn vấn đề một cách khác. Sự kiện «không ai được quyền không biết luật» nếu không phải là một đạo luật, thì phải được coi như một quan niệm hành xử, một phong cách sống, như đã được phân tích bởi Wittgenstein. Không chấp nhận phong cách ấy là phủ nhận toàn bộ hệ thống luật pháp và nền dân chủ pháp quyền của chúng ta. Đương nhiên là ông cũng có quyền làm cách mạng để đập tan cấu trúc của xã hội này và kiến tạo một xã hội khác... Trong trường hợp đó chúng tôi xin ông cầm phiền ký tên vào bản tuyên ngôn cách mạng ở mặt sau tờ giấy phạt...

*

Sau khi đã xét kỹ các lý thuyết về cách mạng để đi đến kết luận rằng hiện chưa đủ các yếu tố khách quan cho một thời kỳ quá độ thuận lợi cho việc phát động đấu tranh, mọi người hoan hỷ đồng ý trả tiền phạt. Để rồi quay sang bàn về luật pháp trong suốt phần còn lại của đường về.

Luật pháp phải chăng là một sự đồng thuận nhằm bảo vệ những người kém thế nhất trong xã hội, như John Rawls quan niệm? Hay là một sự hợp thức hóa tính thống trị và bạo lực của giai cấp ưu thắng? Một đàng giảm bớt bạo lực nói chung, một đàng giảm bớt bạo lực bằng cách dành độc quyền bạo lực cho nhà nước? Thế là bàn sang vấn đề bạo lực. Để rồi đi đến kết luận rằng sự phát triển chưa từng thấy của các phong trào khủng bố hiện nay chính là một hình thức dân chủ hóa bạo lực, khiến bạo lực có tổ chức không còn là độc quyền của nhà nước nữa, mà càng ngày càng thuộc về «tư nhân,» về «xã hội công dân»... Dân chủ hóa, cũng như tư nhân hóa, là những trào lưu không thể cưỡng lại nổi của thời hiện đại vậy!

Vừa tra chìa khóa vào cửa, thì một người đạo mạo, trạc tứ tuần, com lê cà vạt hẳn hoi, bước đến bắt tay hấn, mừng rỡ:

- A! Ông Nguyễn văn X! May quá! Chúng tôi cắt người chờ ông ở đây từ ngày hôm qua. Tôi đại diện cho nhà xuất bản Y. Chi nhánh địa phương của chúng tôi không thể chấp nhận sự rủi ro có thể bị một nhà xuất bản khác phỗng tay trên khiến chúng tôi không ký được giao kèo với ông, một vị chuẩn Nobel văn chương. Vì thế, chúng tôi xin mạn phép đường đột đến canh chừng trước cửa nhà ông, để được gặp ông ngay khi ông vừa về đến. Mong không quá làm phiền ông?

- Không... Xin mời ông vào.

- Đây là chi phiếu 100 ngàn đô la. Một món quà sơ giao. Và đây là vé máy bay mời ông đến Los Angeles, nội trong ba ngày sắp tới, để kịp dự buổi dạ tiệc đầu năm của chúng tôi. Chúng tôi xin được hân hạnh mời ông tham dự buổi lễ ấy cùng với những nhân vật nổi danh hoàn vũ về tư tưởng, văn hoá, nghệ thuật, khoa học, các nhà đầu tư, kỹ nghệ gia, kinh tế gia, các nhà quân sự, chính trị v.v... Điều quan trọng là trong dịp này ông Tổng Giám Đốc của chúng tôi sẽ long trọng ký giao kèo cộng tác với ông trước sự chứng kiến của những người ưu tú nhất trên quả đất này!

- Xin cảm ơn ông...

Và sáng hôm sau, hấn lững thững cầm vé ra hãng máy bay xác định ngày giờ:

- Theo cô thì tôi buộc phải đi trong đêm giao thừa?

- Đúng thế, thưa ông, không có cách nào khác. Mặc dầu vậy, để cho chuyến đi của ông được thêm phần hấp dẫn, chúng tôi đề nghị ông bay về phía tây thay vì phía đông.

- Lạ vậy, bay theo chiều ấy xa hơn rất nhiều...

- Xa hơn, nhưng có điều rất đặc biệt là ông sẽ có thể mừng giao thừa nhiều lần. Vả lại công ty hàng không chúng tôi đã dự bị năm chai sâm banh cho mỗi hành khách...

- Năm chai? Nhưng làm sao lại có thể mừng

giao thừa nhiều lần trong một đêm?

- Thưa ông, khi di chuyển về hướng tây thì mỗi khi máy bay vượt qua một múi giờ, ông sẽ lùi lại một giờ. Như thế, khi giao thừa vừa điểm tiếng chuông, ông cùng các chiêu đãi viên và hành khách khác vừa nâng ly mừng năm mới, thì, chỉ ít lâu sau, ông vượt qua một múi giờ và trở lại 11 giờ đêm. Ông chỉ cần chờ vài phút sau là sẽ được sống lại một lần nữa cái thời điểm thiêng liêng khai mở một tân niên. Và lại nâng ly... Cứ như thế, mỗi khi băng qua một múi giờ trên cuộc hành trình.

- Hấp dẫn! Nhưng tôi muốn mau đến nơi. Cô làm ơn cho tôi chọn đi về hướng đông.

- Trong trường hợp ấy có thể ông sẽ không được mừng giao thừa.

- Sao thế?

- Giả sử vào lúc 11 giờ 45 đêm, giờ địa phương, ông đang sửa soạn đón mừng năm mới, thì máy bay vượt qua một múi giờ. Khi ấy, đang từ 11giờ 45 đêm, ông bước thẳng sang 1 giờ 45 sáng ngày hôm sau. Không có 12 giờ đêm. Không có giao thừa. Chúng tôi có bổn phận báo trước để ông khỏi thất vọng.

- Thưa cô tôi nghĩ đây mới chính là yếu tố hấp dẫn của chuyến đi. Vượt trên thời gian, xóa bỏ mốc thời gian. Tôi rất thích ý niệm này. Xin cô vui lòng giữ chỗ cho tôi.

*

Chuyến bay «đêm giao thừa không có giao thừa» khá trống vắng.

Một cụ già:

- Xin lỗi ông, mắt tôi hơi kém, đây có phải là hàng ghế số 14 hay không? Số ghế của tôi là 14 E.

Hắn trả lời:

- Đúng vậy, thưa cụ, đây là hàng ghế 14. Còn nhiều chỗ trống, xin cụ cứ tự nhiên chọn chỗ ngồi, bất kể số ghế.

- Hay quá! Tôi thích ngồi gần hành lang để đứng dậy cho dễ. Nhưng quan trọng nhất là tránh được hàng ghế số 13!

Thiếu nữ ngồi cạnh hắn xen vào, với một nụ cười ranh mãnh:

- Cụ ơi, trên máy bay không có hàng ghế thứ 13 đâu ! Hàng trước mình mang số 12 đấy, cụ thấy không?

Ông cụ chồm người kiểm chứng «thông tin» của cô hành khách, rồi chau mày, lo lắng:

- Ơ hay! Thế có nghĩa là chúng ta đang ngồi trên hàng ghế 13, mặc dù ghi số 14? Cô nghĩ sao?

- Theo quan điểm của Platon về sự biệt lập giữa thực chất và tên gọi, thì điều cụ nói hoàn toàn đúng.

Hắn an ủi:

- Thôi, cụ đừng lo. Dù cho có theo thuyết của Platon đi nữa, chúng ta vẫn có thể quan niệm được rằng hãng máy bay đã tháo gỡ tất cả những hàng ghế mang số 13 và cất giữ chúng ở một nơi nào đó.

- Tôi không nghĩ họ mất công làm như vậy, mà tin chắc rằng họ đã lừa gạt chúng ta. Họ đã thay tên gọi, để cố tình gây ngộ nhận về thực chất.

- Một điều khá thông dụng. Nhiều cao ốc ghi lầu 12 bis thay vì lầu 13...

Cô gái lắc đầu:

- Tuy nhiên, đối với người Pháp thì lầu 13 lại không phải là lầu 13, vì họ gọi lầu một là lầu 0. Người Pháp coi lầu 13 là lầu 12 và lầu 14 là lầu 13... Nếu theo họ thì không chừng phải sửa lầu 14 thành lầu 13 bis, và vẫn giữ lầu 13, một điều mà những người tin dị đoan khác sẽ không chấp nhận... Làm sao?

- Hay là mình nghe nhạc? Chương trình ghi: Mahler: "Lied von der Erd"... Có mang chút âm hưởng Á Đông. Sẽ làm tâm hồn êm dịu, khỏi lo lắng những chuyện không đâu!

- Lại một thí dụ của sự dị đoan trên những con số đấy! Mahler sợ sẽ chết sau bài Giao Hưởng số 9 như nhiều nhà soạn nhạc khác: Beethoven, Schubert, Bruckner... Vì thế ông ta lướt qua con số 9 với ca khúc "Lied von der Erde" này, và soạn ngay hai bài Giao Hưởng khác, sau này mới được đặt là số 9 và số 10. Nếu tôn trọng ý muốn của Mahler thì chúng phải mang số 10 và 11.

- Tức là Mahler không theo triết lý của Platon?

- Một lầm lẫn tai hại, thưa anh. Bằng chứng là ông ta đã chết trước khi cho trình diễn Giao Hưởng số 9, để lại một Giao Hưởng khác chưa viết xong!

- Tôi rất thích được nói chuyện với cô...

- Anh lầm rồi. Anh không hề nói chuyện với tôi.

- Sao vậy?

- Khi vừa lên máy bay, tôi tôi đã uống một loại thuốc ngủ đặc biệt khiến ý thức của tôi ngủ say, nhưng các hoạt động thần kinh khác vẫn nguyên vẹn. Vì ý thức là nguồn của bản ngã, theo duy thức luận, nên anh không thể nói chuyện với tôi trong lúc này.

- Không tin nổi!

- Tại sao? Ý thức chỉ là bọt nước trên ngọn sóng. Gạt bỏ nó đi, sóng vẫn còn, nước vẫn còn, đại dương vẫn nguyên vẹn, tâm thần vẫn hoạt động bình thường!

- Nhưng cái gì sẽ điều khiển những hoạt động ấy?

- Lý nhân duyên, thưa anh. Một quy luật không gì thắng nổi. Mọi tư tưởng, mọi hành động đều theo lý nhân duyên, không cần ý thức. Khi ý thức được tắt đi thì luật nhân duyên khiến mọi việc tiến hành một cách tự nhiên, không tốn kém năng lượng, không mệt mỏi, hoàn toàn thuận lợi cho sự nghỉ ngơi, phục hồi sinh lực. Anh cứ xem tờ chỉ dẫn trong hộp thuốc thì rõ.

- Thế khi cô tỉnh dậy, thì những gì chúng ta nói chuyện với nhau bây giờ sẽ coi như chìm vào quên lãng?

- Không đâu, thưa anh. Dù ý thức tạm ngừng hoạt động nhưng các cơ cấu thần kinh có trách nhiệm thu nhận và ghi nhớ những kỷ niệm vẫn nguyên vẹn. Tôi sẽ vẫn có thể hồi tưởng lại gương mặt khả ái và câu chuyện lý thú với anh... À, đến Los Angeles anh ở khách sạn nào?

*

Một người đàn bà tuyệt đẹp, trang phục vô cùng sang trọng, bước đến chào hắn:

- Chào mừng ông đặt chân đến thủ phủ của văn minh nhân loại. Tôi là Giám Đốc Ngoại Vụ của Công Ty Xuất Bản và Phát Hành Y. Thay mặt ông Tổng Giám Đốc, tôi được hân hạnh ra đón ông và đưa ông về trụ sở của chúng tôi cho kịp tham dự dạ tiệc mừng tân niên tối nay. Tôi tiếc là thời giờ hơi gấp rút...

Hắn ấp úng vài chữ vô nghĩa, rồi lò tò bước theo người đàn bà đẹp, sau khi phóng nhanh một tia nhìn về phía sau. Vừa kịp thấy cô nàng uống thuốc ngủ đặc biệt khi nãy, đang chật vật đặt hai chiếc va li to tổ bố lên xe đẩy... Hình ảnh cô ta chỉ mờ dần khi hắn chui vào chiếc xe dài loằng ngoằng, ngồi đối diện với người đàn bà đẹp. Cặp chân vô tận xếp chéo sang một bên, hướng về một quầy rượu bằng gỗ quý kẽ bằng những chiếc nẹp vàng chói. Anh bồi mặc đồng phục, mang bao tay trắng, đã chờ sẵn. Bà nhâm nhi Vodka Martini, đôi môi mọng đỏ như trái cerise gắn trên vành ly. Hắn uống coktail trái cây.

- Đây là Lâu Đài của Văn Hóa Thế Giới! Trụ sở trung ương của Công Ty. Tôi xin được hướng dẫn ông đến phòng nghỉ. Vào đúng giờ ghi trong tấm phiếu này, nhân viên của chúng tôi sẽ đến lo trang điểm và y phục cho ông. À! đây là đại sảnh. Ở giữa phòng là tác phẩm điêu khắc mới được Công Ty đặt mua. Sẽ khánh thành tối nay đấy. Ông thấy thế nào?

- Dạ... Một khối vuông... Cân đối... Đơn giản và bình dị. Đồng thời cũng rất sâu sắc...

- Một tổng hợp của nghệ thuật cổ điển và cấp tiến đấy. Ở giữa khối vuông này là một bức tượng lập lại tác phẩm "người suy nghĩ" của Rodin.

- Tức là khối vuông này có thể được mở ra cho chúng ta chiêm ngưỡng bức tượng bên trong?

- Không. Khối đá hoàn toàn đầy. Nhưng ở khoảng giữa có một phần mang hình dạng "người suy nghĩ". Đây, may quá! Có ông Cố Vấn Nghệ Thuật của Công Ty đứng đây, tôi xin nhường lời cho ông ta giải thích rành mạch hơn.

Giới thiệu và chào hỏi xong, người Cố Vấn Nghệ Thuật trịnh trọng tuyên bố:

- Người thường có thể tự hỏi: tại sao trong trái dưa, bức tường, hay trong quả núi không có một tác phẩm điêu khắc? Vì người bán trái cây, người thợ xây tường, hay Đấng làm nên quả núi không có chủ ý nghệ thuật này. Trong trường hợp của chúng ta, tác giả là một nhà điêu khắc tài danh, và thiên tài của ông ta là đã bao trên một tác phẩm điêu khắc một tác phẩm khác, bằng cùng một loại vật liệu, phủ theo hình dạng của tác phẩm này một cách chính xác, để rốt cuộc đưa đến sự hình thành một khối vuông... Đây là một phần diễn văn tôi sẽ đọc tối nay.

- Thế chắc ông đã ngừa trước những câu hỏi của kẻ ít am tường về nghệ thuật, kiểu như: một tác phẩm điêu khắc, thí dụ tác phẩm "người suy nghĩ", chỉ có thể là một tác phẩm điêu khắc nếu chúng ta nhìn thấy được nó?

- Nó có hình dạng của "người suy nghĩ", tại sao nó lại không là tác phẩm này, dù ta có nhìn thấy nó hay không? Ý tưởng "người suy nghĩ" được chôn vùi trong một khối vuông thật tuyệt diệu.

- Thế phần nào trong khối đá này mang hình "người suy nghĩ" ? Giả sử ông nói: phần này, thì một phần khác, nhỏ hơn một phân trên mỗi cạnh, hay nhích sang bên phải một phân, hoặc sang bên trái một phân, nhích lên một phân, hay nhích xuống một phân, có vẫn là tác phẩm điêu khắc mà ông quan niệm hay không? Có thể Công Ty đã mua vô số bức tượng "người suy nghĩ" được chứa trong khối đá này đấy!

- Càng tuyệt diệu! Tuy nhiên, trong một bài phỏng vấn, điêu khắc gia đã cho biết kích thước chính xác của "người suy nghĩ" cũng như khoảng

cách đối với các cạnh và mặt phẳng của khối vuông. Để tôi xem... Đây! Ông ta còn cho biết bức tượng quay mặt về hướng nam.

- Thế làm sao biết được mặt nào của khối vuông quay về phía nam, thưa ông?

- Ừ nhỉ. Làm sao biết được. Tất cả các mặt đều tuyệt đối giống nhau... Người đàn bà đẹp vừa nói vừa gật gù có vẻ khen ngợi sự sáng suốt của hắn.

- Theo quan điểm của tôi, thì điều ấy tùy thuộc chính chúng ta, vào lúc chúng ta quyết định đặt bức tượng như thế nào. Khi quyết định mặt nào là mặt quay về hướng nam, chúng ta được dịp tham gia vào sự sáng tạo thành tác phẩm. Một khía cạnh tuyệt diệu khác!

- Nhỡ khi ông đặt khối đá, lại không có mặt nào quay về hướng nam cả, các mặt đều xéo với các hướng chính, thì sao? Tác phẩm "người suy nghĩ", mặt quay về phía nam, sẽ không hiện hữu?

- Ông đã nêu lên khía cạnh tuyệt diệu tối thượng của tác phẩm đấy! Khi thì nó hiện hữu, khi thì lại không hiện hữu, chỉ cần xê dịch chút xíu! Tôi nghĩ ông phải là một thiên tài tương xứng với nhà điêu khắc vĩ đại này mới có nỗi những suy nghĩ sâu sắc như vậy. Thật là một vinh dự đã được nói chuyện với ông.

*

Thức giấc, hắn nằm trên giường, buông thả để cho hình ảnh những việc vừa xảy ra tuần tự hiện lên trong tâm tưởng. Buổi dạ tiệc... Tư thế mới của hắn khiến nhiều nhân vật nổi danh tìm cách quây quần gợi chuyện. Những câu chuyện chót lưỡi đầu môi. Những phô trương nhạt nhẽo. Rồi người đàn bà đẹp... Tấm phao cứu hắn khỏi chết ngộp trong lòng biển cả tầm thường. Có lẽ bà đã đi xa hơn cái trách nhiệm Giám Đốc Ngoại Vụ của Công Ty Xuất Bản vừa ký giao kèo với hắn...

Hắn tự kiểm thảo "lương tâm" của mình. VÀ TỰ NHỦ: MÌNH CHẲNG ĐÒI HỎI GÌ, CHẲNG CỐ CÔNG BON CHEN, TRANH DÀNH VỚI AI. Mọi việc chỉ tự nhiên đến... Phải chăng hắn đã bước vào cuộc phiêu lưu như người đàn ông nọ bước vào tiệm kẹo chỉ vì đọc tấm biển "xin vào cửa sau"? "Văn nghiệp" của hắn là gì? Có thể nào nền văn nghiệp ấy lại là một hiện tượng cụ thể, mặc dù chưa xảy đến? Hắn nhớ lại những tranh luận về cụ thể và trừu tượng quanh chuyến xe lửa bị xóa bỏ đã làm đau lòng bà cụ nơi nhà ga... Rồi hắn tự hỏi: mình có mơ không? Chức năng cảm nhận trong hệ thần kinh của hắn có thể nào bất thần trục trặc, như đứa bé đảo lộn cảm giác sầu riêng với dâu? Hay toàn thể não bộ của hắn đã bị trao đổi với một người khác, một người có văn tài thực sự? Ý tưởng này buộc hắn phải tự trấn an. Trong hồ sơ "Nguyễn Văn X toàn tập" nằm trong máy vi tính của hắn có những đoạn tự truyện, tiểu sử, hoàn toàn phù hợp với cuộc đời hắn kia mà! Hắn đã kiểm chứng rất kỹ lưỡng. Không thể có sự lầm lẫn được! Tức là chính hắn đã viết ra những gì sẽ làm hắn nổi danh, sẽ đưa hắn lên địa vị văn tài vĩ đại nhất của thế kỷ 21? "Đã viết" hay "sẽ viết"? "Sẽ viết" để làm gì cho mất công khi những tác phẩm ấy ĐÃ được viết? Hắn bỗng thông cảm với cơ quan nọ đã từ chối tài trợ việc thực hiện bộ máy đi ngược thời gian... Hay là hắn thực sự "đã viết" những tác phẩm ấy, nhưng trong tình trạng ý thức ngủ say, như cô nàng uống thứ thuốc ngủ đặc biệt gặp trên máy bay? Khi loại bỏ được ý thức, phải chăng hắn cũng đã vượt thoát khỏi các mốc thời gian, như trong "chuyến bay đêm giao thừa không có giao thừa"?

Tuy nhiên, mặc dù những lý luận ấy, một bộ luật bất thành văn nào đó vẫn có vẻ như lên án hắn. Luật bất thành văn... "Một phong cách sống," như người cảnh sát đã nhận định khi ghi giấy phạt. Với một chọn lựa: con đường cách mạng! Ừ nhỉ! Hay là mình từ chối sự áp bức của luật bất thành văn kia, và chọn con đường cách mạng? Tại sao không? Hắn tự nhủ. Cứ thử liều lĩnh bước qua tấm gương xem sao? Sang một thế giới đảo ngược trước sau, phải trái?

Chiếc giường nước động đậy. Người đàn bà đẹp trở mình... Đôi vai trần, tuyệt mỹ, lộ trên tấm chăn mỏng dịu mềm như nhung. Hơi thở nhẹ nhàng làm chìm nổi những đường cong ẩn hiện dưới chăn. Chẳng còn đâu phong thái của một Nữ Tướng kiêu sang. Chỉ còn một thân mình cuộn tròn ẻo lả chờ được mơn trớn, vuốt ve...

Một giờ? Hai giờ? Vài giờ trôi qua... Hắn khe khẽ nhích người đến bờ giường. Không phải dễ gì thoát được ra khỏi chiếc giường nước bồng bềnh, chìm lún. Ngồi dậy, đầu óc trống trải, hắn lặng lẽ nhìn ra cửa sổ.

Ngoài trời nắng đã lên cao...

Đón chào Biến Cố Văn Học của Thế Kỷ 21.

Nguyễn Hoài Vân
(Nhân đọc Casati và Varzi)
Tân niên 2007

Nhớ Tiếng À Ơi

HOÀNG QUÂN

Đám bạn đồng nghiệp lao xao hỏi nhau, có nên đi Istanbul, Thổ Nhĩ Kỳ chăng. Ban đầu, nhận được thư mời đi dự hội nghị nhân viên tài chánh của hãng, người nào cũng vui như hội. Ba ngày sẽ họp hành liên miên, nhưng buổi tối sẽ có những màn tiệc tùng chiêu đãi rất xôm tụ. Trước khi đi một tuần, tình hình an ninh của Istanbul nhiều biến động, do cuộc họp của Khối Liên Minh Bắc Đại Tây Dương. Có những biểu tình phản đối, có xô xát đụng độ giữa cảnh sát và các nhóm quá khích. Hội đồng quản trị của hãng thông báo gấp, nếu nhân viên nào cảm thấy không yên tâm, có thể hủy chuyến đi mặc dù cuộc hội nghị mang ý nghĩa quan trọng cho tất cả thành viên.

Tôi cũng đắn đo. Buổi tối nghe trên radio có một vụ nổ trên máy bay. Dù chẳng gây thiệt hại, nhưng ai nấy hoang mang hơn. Thiên hạ gởi email, SMS tứ tung hỏi chuyện. Buổi sáng nghe tin mới trong ngày, có một vụ cướp phi cơ trên chuyến bay từ Munich đến Istanbul. Sau đó, người ta cho biết đó chỉ là hành động điên rồ của một người đàn ông muốn làm áp lực với vợ.

Tuy đã nhận được 'giấy phép' của chồng con để đi, tôi vẫn băn khoăn hỏi quanh. Ai cũng nói, báo chí ưa thổi phồng tất cả để thoả mãn tính tò mò và thói quen thích nghe tin 'nóng' của độc giả. Mọi chuyện có thể xảy ra, bất cứ lúc nào, khắp nơi, và chẳng kiêng nể ai. Tôi nhớ hồi nhỏ có đọc truyện cười, có người kia, sợ chết nên chẳng dám làm gì, chẳng dám đi đâu vì sợ tai nạn xảy ra, anh ta nằm ỳ trên giường. Vậy mà cuối cùng anh ta tử nạn vì lò xo giường đâm trúng người. Ừ, thì cứ như người Việt mình hay nói, giày dép còn có số mà.

Xe buýt chở chúng tôi từ phi trường về khách sạn. Tôi không hề nhận ra không khí căng thẳng ngột ngạt như báo chí tường thuật. Đường phố có nhiều cây xanh. Nhà cửa khang trang tươm tất. Khách sạn ở bên bờ Bosphorus. Từ đại sảnh, bên những bồn hoa hồng hạc, tôi nhìn ra sông, phong cảnh thật hữu tình.

Buổi chiều, xếp tôi mách nhỏ:

- Có một người Việt Nam từ văn phòng bên Pháp, cũng là controller đó. A nice guy. Lát nữa tôi dẫn Thi đến giới thiệu với cậu ấy nhé.

Tôi tròn mắt, hồi hộp. Có lẽ như một thói quen của người tây phương, xếp ưa dùng chữ nice. Riêng với tôi, hễ gặp người Việt, tất nhiên là nice hơn người... không phải Việt. Đang thèm nói chuyện tiếng Việt, được như vậy, buồn ngủ đây quả gặp chiếu hoa đó chứ.

Vừa lúc đó xếp vẫy tay, rối rít:

- Pierre, Pierre lại đây. -Quay qua tôi.- Tôi để cho hai người đồng hương hàn huyên tâm sự nhé.

Thông tin của xếp thật chính xác. Pierre có ngoại hình của một người Việt như mấy chục triệu người Việt khác. Pierre bắt tay xếp:

- Thank you for bringing the Vietnamese together.- Nhìn tôi.- Hi Thi, nice to meet you.

Tôi nghĩ, không cần phải ngại xếp mà nói tiếng Anh với nhau, tuôn ngay một tràng:

- Chào anh Pierre. Mới nghe xếp kể về anh đó.

Pierre bỗng lộ vẻ bối rối:

- Sorry, I cannot speak Vietnamese.

Tôi chưng hửng, bèn lịch sự một cách nhạt nhẽo rằng: Chẳng sao, mình nói tiếng Anh với nhau cũng được. Chúng tôi trao đổi bâng quơ đôi chuyện, đại khái vào hãng này lúc nào, công việc ra sao, trước làm ở đâu. Hai người Việt nói chuyện với nhau bằng ngôn ngữ không phải tiếng mẹ đẻ. Cùng nói tiếng Anh, Pierre phát âm có mùi phô mai Camembert, tôi nói có vị bún bò Mụ Rớt. Chung chung, câu chuyện chúng tôi nhạt như nước ốc. Nghe Pierre kể, cha của anh qua Pháp từ hồi người Pháp chưa biết Điện Biên Phủ ở đâu. Thuở đó, nơi kinh đô ánh sáng hiếm các cô gái Việt, ông đành lập gia đình với người em mắt nâu. Pierre kể, cha anh quê ở Konto. Tôi lờ mờ đoán có thể ông ấy gốc Cam Bốt. Sau một hồi Pierre cắt nghĩa lòng vòng tôi mới hiểu là, ông cụ quê ở Cần Thơ. Coi như tôi buồn ngủ rục cả mắt mà manh chiếu này sao khó dùng quá.

Tôi hết cả háo hức. Chẳng biết nói chuyện gì nữa. Chắc Pierre cũng đang tự hỏi, phụ nữ nơi quê cha mình sao mà nhàn nhạt, chẳng có màu sắc gì. Vừa lúc đó có tiếng thông báo trên loa phóng thanh mời mọi người về hội trường, cả hai dường như cùng cố giấu tiếng thở ra nhẹ nhõm.

Buổi chiều, hãng đặt tiệc ở một nhà hàng lớn. Nhà hàng ngày xưa là lâu đài xây dở dang, bị trận hỏa hoạn nên thiệt hại nặng. Sau này, một tay đầu óc kinh doanh thuộc loại siêu đẳng, biến những bức tường ám khói thành nhà hàng cao cấp. Giữa sân chính, mọi người đang điên cuồng theo những điệu nhạc. Đám bạn đồng nghiệp lôi kéo rủ nhảy. Tôi cười cười, lắc đầu. Christian nói to như cố át tiếng nhạc: Thi chẳng bao giờ nhảy nhót sao? Tôi nửa gật nửa lắc, ai hiểu sao thì hiểu. Trời ơi, hồi mới qua Âu Châu, năm đầu khi học Đức ngữ, thuở đó đâu có nhiều nhạc Việt Nam, chỉ có mỗi cuốn băng cassette Mây Bốn Phương. Đám học trò chúng tôi rộn ràng chachacha *đàn nhịp nhàng cùng nhau chung bước*. Rồi đến khi có cuốn Khánh Ly Tango, tôi cũng bao sân cả mười bài cho đến khi người coi máy thay băng nhạc khác. Bây giờ, tôi treo giò, tại ở đây không thiên thời, địa lợi, nhân hoà đó thôi. Tôi lững thững dạo ra phía bờ sông. Sát bờ sông, nhà hàng trải những tấm thảm lớn, có để những gối lụa bên cạnh chân bàn. Laura và Anette mời mọc:

- Ngồi đây chơi với tụi này luôn.

Tôi sà xuống. Nói chuyện một tí, mới hay, Anette vì có bầu nên tránh nơi ồn ào, Laura đang thất tình nên tìm nơi vắng vẻ. -Tôi thấy hơi tức cười,

- Tôi chẳng ở vào trường hợp của cả hai bạn.
- Vậy Thi ngồi đây làm gì?
- Ngắm cảnh. -Tôi khoát tay chỉ ra sông.

Tôi cũng cảm thấy hình như mình có cũng có lý do khi ngồi đây. Có lẽ cám cảnh trăng nước, nên nhớ nước thương nhà chăng. Tôi nhìn qua bên phần Châu Á của thành phố, bên Anatolien.

Biết tin sẽ đi Istanbul từ lâu, tôi dự định sẽ tìm hiểu thêm về thành phố liêu trai này. Rồi cứ vì cố tật lười, đổ tội cho bận bịu, nên khi đến đây chỉ nhớ mang máng rằng Istanbul với hơn mười triệu dân, là thành phố lớn nhất của Thổ Nhĩ Kỳ. Istanbul, thành phố với lịch sử hơn ba ngàn năm, ngày xưa là Constantinople, là thành phố duy nhất trên thế giới trải dài trên hai lục địa: châu Á và châu Âu. Đến đây tôi còn biết thêm một điều: con sông, hay đúng hơn là cửa biển Bosphorus ngăn thành phố qua hai phần lục địa. Ngồi bên bờ sông bên này, nhìn qua bên kia là châu Á, lục địa quê nhà tôi. Tưởng tượng nếu cứ nhắm phía đông đi miết là tới nhà. Trăng mười bốn sáng vằng vặc. Ánh trăng trải dài bàng bạc trên mặt nước. Nhớ ngày xưa còn nhỏ, tôi thích chạy theo trăng. Ngước mặt nhìn trăng, mình bước chậm, trăng kiên nhẫn đi theo, mình chạy nhanh, trăng cuống quít cho kịp.

Quay qua bên trái nghe xuýt xoa, fantastic, quay bên phải nghe magnifique, tôi ngồi giữa muốn cũng buột miệng: tuyệt vời. Tôi muốn nghe tiếng trầm trồ trong tiếng Việt thân thương của mình. Bỗng dưng tôi thèm nói, thèm nghe tiếng Việt kinh khủng. Tôi nghĩ, mình có thể chơi ngông, lấy điện thoại di động, cho hệ thống sóng của Vodafone, chạy lòng vòng từ Đức qua Thổ Nhĩ Kỳ, tìm gặp sóng Turkcell, rồi cuối tháng tôi sẽ nhận hoá đơn năm bảy đồng một phút. Chẳng sao! Tôi đã quen nộp tiền cho hãng điện thoại. Chi tiền cho sinh hoạt nghe và nói trên hệ thống viễn thông đối với tôi luôn là một chi tiêu chính đáng. Nhưng bây giờ đã hơn 11 giờ đêm. Tưởng tượng chồng con đang ngái ngủ, sẽ tỉnh hẳn, hốt hoảng tưởng tôi gặp chuyện gì ở đây, rồi sẽ bực bội nếu tôi nói chỉ thích nghe và nói chuyện tiếng Việt. Bây giờ đang giữa tuần, ai cũng còn ngày dài trước mặt. Mặc cho tiếng nhạc điên cuồng vẫn bám theo, tôi thả hồn theo *đêm mùa trăng úa làm vỡ hồn ta...*

*

Tôi tìm Anne, tính nói cho Anne biết tôi về phòng trước. Anne đang ngồi tán dóc với người bạn đồng nghiệp. Anne vui vẻ:

- Thi à, giới thiệu với bạn, đây là anh Jacques, trưởng phòng pháp lý.- Quay qua Jacques.- đây là Thi, tôi có kể cho anh nghe đó.

- Chào em. Tôi nghĩ em tên Thi chứ không phải Ti.

Tôi ngạc nhiên quá đỗi, lẫn chút thích thú. Trong văn thư ở hãng, người ta viết đúng tên tôi, nhưng khi nói, phát âm nghe như Ti. Tôi cũng không buồn sửa đổi.

- Chào anh Jacques. Đúng rồi. Sao anh hay quá vậy.

Rồi Jacques kể chuyện, bằng tiếng Anh nhưng thỉnh thoảng pha vài chữ tiếng Việt. Jacques làm việc với tư cách luật sư tư vấn cho một hãng thầu xây cất ở Sài Gòn hai năm. Nói chung, tôi ít có cảm tình với dân luật. Tôi có cảm tưởng như họ luôn 'bẻm mép'. Có lẽ thói quen luồn lách giữa

chữ nghĩa, luật lệ trong nghề nghiệp ăn sâu vào đời sống thường nhật của họ. Hơn nữa, hồi còn ở đại học, tôi ngất ngư con tàu đi khi làm những chứng chỉ về luật kinh doanh thương mãi, xém mấy lần ca cẩm thi không ăn ớt thế mà cay. Nói chuyện với Jacques một hồi, nghe Jacques kể chuyện ăn bún bò, ăn bánh bèo, ác cảm với dân luật dần đổi thành mỹ cảm qua Jacques. Jacques khoe với tôi, ở Đức, có lần thèm ăn phở quá, Jacques vào nhà hàng tàu, hỏi món phở. Chủ tiệm là người Việt, họ không có món phở trên thực đơn nhà hàng, nhưng tình cờ ngày đó họ nấu phở ở bếp nhà. Thấy Jacques hay hay, họ đãi Jacques tô phở, từ đó Jacques thành người quen của tiệm. Tôi cố nén cười khi chợt nghĩ đến câu chuyện ví von nhảm của cơm và phở. Không biết lúc ở Việt Nam có ai kể cho Jacques nghe, cơm là vợ, phở là bồ, sáng đưa cơm đi ăn phở, trưa đưa phở đi ăn cơm là gì không.

Ngày sau, tôi phải bươn bả chạy theo tiếng Anh trong những bài thuyết trình, để khi đến giờ thảo luận nối tiếp khỏi ấm ớ hội tề. Mãi đến chiều mới được thong thả lòng vòng dăm ba phút rồi hẹn nhau uống nước. Tôi bước vào tiệm cà phê, đang ngó quanh quất tìm chỗ trống. Đám bạn đồng nghiệp nhanh chân thiệt. Mới đó mà ai yên chỗ nấy rồi. Tôi định chạy lại phía Laure, vừa khi đó tôi nghe, tiếng gọi: Thi ơi. Tôi giật cả người. Đang định thần xem thử mình có nghe lầm chăng. Lại nghe: Thi ơi, join us. Tôi quay nhìn góc phải của tiệm, thấy nhóm bạn đang cười vui , tay ngoắc ngoắc. Lúc đó, tôi thấy Jacques ngồi đầu bàn, đang nhích người vào bên cạnh: Thi ơi, come here.

Tôi đến ngồi bên cạnh Jacques, lại ngạc nhiên và thích thú, hỏi Jacques bằng tiếng Anh:

- Anh học chữ "ơi" này ở đâu vậy?

- Mấy năm ở Việt Nam, chữ ơi là chữ tôi học đầu tiên đó.- Jacques vui vẻ.

Đám bạn đồng nghiệp lao nhao:

- Ơi nghĩa là gì.

Tôi chậm rãi giải thích:

- Ơi là tiếng đệm, tách riêng không có nghĩa cụ thể nhưng khi đi chung với chữ khác, nhất là với đại danh từ, hoặc tên riêng, đôi khi lại là tất cả.

LƯU VĂN VỊNH

PHÙ ĐỔNG THIÊN VƯƠNG

Ba nghìn năm xưa Văn Lang xuất Thánh
nhổ bụi tre quất tan tác giặc Ân
ngựa khạc lửa cháy cánh rừng Phù Đổng
đỉnh Sóc Sơn chim Lạc mở hội Xuân

Thánh lên ba, cả cười, vươn vai lớn
hét một hơi, bật trăm gốc tre ngà
cả đất Việt vùng lên cơn địa chấn
sứt mũi bươu đầu trốn chạy lũ quỷ ma

Ba nghìn năm Rồng Tiên mây non Tản
roi sắt cầm tay, sách Ước hội non sông
mây ngũ sắc lọng trời bừng ngựa tía
tiếng quân reo dậy sóng ngợp Lô Hồng

Vó chiến mã đường Vương đi còn nóng
mấy nghìn năm bóng rờm rợp Viêm phương
triệu triệu dân ngời ngời muôn ánh mắt
đỉnh Sóc Sơn bất tử Thánh hiện ra!

Con dân Lạc ngóng ngọn tre đợi gió
lá bay bay lóc cóc tiếng ngựa về
ngực dập dồn tám mươi triệu bắp chân nung lửa
áo sắt roi dài Vương treo bờ lũy Văn Lang

Ngửa mặt trông từng giờ, pháo cầm tay một bánh,
đầu ngọn nêu phần phật tua cờ hiển hiện Thánh
Viêm Bang.

Đám đồng nghiệp cười thích thú, kêu nhau ơi ới, Sweetheart ơi, Liebling ơi... Mặc không khí ồn ào chung quanh, tôi ngồi im, tưởng tượng như được nghe: em ơi, bé ơi, cưng ơi. Ui chao, nếu thọ đến trăm tuổi chắc tôi vẫn xao xuyến tâm hồn khi nghe những tiếng à ơi của tiếng nước tôi.

Từ ngày đổi qua hãng này, tôi không còn cảm thấy khó chịu khi ai hỏi tôi từ đâu đến. Văn phòng của hãng ở Đức đây chưa tới 200 nhân viên, mà có gần 30 quốc tịch. Nhóm Controller ở Munich với một người Thụy Điển, một người Hy Lạp, và một người Pháp, tôi là người Đức duy nhất. Là người có quốc tịch Đức và nói tiếng Đức tương đối thành thạo. Họ cũng nói võ vẽ đôi câu tiếng Đức nhưng không cảm thấy thật sự cần thiết học thêm thứ ngôn ngữ khục khặc này. Tự nhiên tôi thành cầu thủ đang đá sân nhà. Tôi thấy thoải mái hơn khi nói tiếng Đức, dù bây giờ trong công việc tôi cũng ít xài. Có lẽ không sợ người Đức thiệt xét nét, táy máy sửa sai. Có lần Dimitri gặp vấn đề với nhà ở, hí hoáy viết thư khiếu nại rằng nước không đủ nóng, lò sưởi không đủ ấm. Dimitri cứ hỏi Erik lui tới hoài. Thấy Erik thấy hết đường binh. Paul hướng về tôi:

- Sao mấy bạn không hỏi Thi? Tiếng Đức là Muttersprache* của cô ấy mà.

Tôi cười:

- Giúp các bạn hả? Tôi sẵn sàng. Ờ, tôi xong trung học, đại học Đức. Thời gian tôi sống ở đây cũng bằng thời gian tôi sống ở Việt Nam. Nhưng tiếng mẹ đẻ của tôi là tiếng Việt.

Tôi nói thầm trong bụng, tiếng Đức chắc giống tiếng mẹ... ghẻ. Bởi tôi đã có lần dở khóc dở mếu vì tiếng Đức. Lúc còn làm ở hãng cũ, tôi là thành viên duy nhất không phải Đức chính cống trong nhóm. Tôi đã cảm thấy cái sự "không quốc tế" của môi trường làm việc, dù đấy là phòng Tín Dụng Quốc Tế của ngân hàng lớn thứ hai ở Đức. Trong bản phân tích báo cáo tài chánh, chúng tôi dùng tiếng Anh, nhưng đôi dòng tóm tắt lời bàn... Mao Tôn Cương thì chúng tôi lại viết bằng tiếng Đức. Thật ra, đôi dòng tóm tắt đó chẳng đòi hỏi phải làu làu văn chương Bertholt Brecht, hay trơn tru chữ nghĩa của Heinrich Boell. Thời gian đầu học việc, tôi cứ lấy mấy tập hồ sơ cũ, những bộ đơn đã được hội đồng quản trị chấp thuận, ra nghiên cứu, lựa nhiều trường hợp tiêu biểu khác nhau. Mỗi trường hợp, tôi chôm một câu mẫu, rồi cứ vậy chỉ thay đổi chủ từ, túc từ tí tí. Còn động từ thì tôi không đụng đến vì biết các tiếp đầu ngữ trong văn phạm Đức nguy hiểm chết người. Làm ăn suôn sẻ như vậy. Đại đa số các đơn xin tín dụng tôi đều bàn vào. Lần nọ, tìm hoài không đủ lý do xin chấp thuận, tôi đành phải bàn ra từ chối khoản hạn mức tín dụng vay nóng. Xếp của tôi gật gù cho tôi phải, đồng ý như lời đề nghị của tôi. Ngày hôm sau, cô Bauer đồng nghiệp bên phòng Quan Hệ Quốc Tế, người đã gởi đơn xin cấp tín dụng cho một ngân hàng Nam Dương. Vừa câu thăm hỏi ngắn gọn bài bản xong, cô đổi giọng hạch sách:

- Tại sao chị lại đề nghị từ chối đơn này?

- Mọi lý do tôi đã ghi rõ ràng. Xin chị cứ đọc kỹ trong khung tóm tắt.

- Tôi đọc rồi. Chị viết như vậy là sai. -Giọng cô Bauer gay gắt.

- Không đâu chị. -Tôi bắt đầu cảm thấy bực bội.- Yêu cầu chị so sánh các con số trong bản báo cáo tài chánh.

- Không phải tôi nói con số sai. Mà câu văn chị viết sai. -Giọng cô ta khiêu khích.

- Sai chỗ nào?

Tôi chột dạ. Vừa hỏi vừa đọc lại mấy dòng chữ trong bộ hồ sơ.

- Tôi không thấy lỗi văn phạm nào cả. -Tôi cố giữ giọng bình tĩnh. Ngày xưa khi còn trung học, thầy cô khó tìm ra lỗi văn phạm trong các bài luận văn của tôi, nhưng có thầy cô đùa là văn phong Đức ngữ của tôi nghiêm chỉnh và hơi cổ hay đúng ra lỗi thời.

- Văn phạm không sai, nhưng người Đức không nói như vậy.

Tôi thấy máu nóng dồn hết trên mặt. Tôi lên giọng:

- Vậy thì vấn đề ở đâu? Văn phạm đúng. Người viết là tôi. Tôi cũng là người Đức mà.- Tôi giật mình, nghe chính miệng mình buông ra một câu quái đản, chẳng lọt tai. Lúc bình thường tôi không bao giờ nói ra câu này mà không kèm thêm đôi lời thanh minh. Rằng tôi chỉ là người Đức trên căn cước, giấy thông hành. Chứ tôi thực sự là người Việt.

- Ý tôi nói là người nói tiếng Đức như tiếng mẹ đẻ sẽ không bao giờ viết câu văn như vậy. - Cô ném cho tôi một câu chí tử.

- Chuyện đó tôi sẽ xem lại. Nhưng đó chẳng phải là lý do để thay đổi quyết định về bộ đơn này. Tôi chấm dứt cuộc điện đàm bằng câu nói bị động và cảm thấy không ổn của cái sự người Đức mà không phải Đức của tôi.

Ralph, bạn đồng nghiệp ngồi đối diện, ban đầu không để ý, nhưng đến những câu sau cùng khi tôi bắt đầu lớn giọng, chăm chú nhìn tôi dò

hỏi. Gác điện thoại, tay tôi còn run. Giọng tôi như nghẹn lại:

- Ralph, làm ơn đọc giúp tôi đoạn tóm tắt này và chỉ cho tôi cách viết khác cho chuẩn đi.

Dầu sau đó Ralph đoan chắc với tôi đó là câu văn rất bình thường, rất Đức. Rằng cô Bauer đã có cái biệt danh Hexe** vì cái tánh nhọn mồm của cô. Tôi vẫn luôn cảm thấy không thoải mái khi phải dùng tiếng Đức như tiếng mẹ đẻ với những người Đức thật.

Mùa hè tôi bị dị ứng phấn hoa. Thấy tôi sụt sịt, hắt hơi, Ralph hỏi han:

- Bộ bị cảm cúm hả?

- Không, tôi bị dị ứng Pollen***.

Có lẽ tôi phát âm chưa đủ đô. Ralph cười tủm tỉm:

- Hồi giờ tui đâu có dè Thi kỳ thị chủng tộc, không hạp tụi Polen**** hả?

Tôi hiểu liền, xụ mặt xuống. Ralph liền nói ngay:

- Giỡn chút thôi, tôi hiểu Thi muốn nói gì. Nhưng, ráng uốn lưỡi lâu hơn một tí, vì hai chữ l ở giữa lận.

Tôi nói cám ơn, cảm thấy quê quê.

Lần khác, bữa ăn trưa, khi tôi đang khèo khèo trái ô liu trong dĩa rau trộn, Ralph nhìn tôi:

- Đang nghiên cứu gì đó?

- Tôi không thích Olive.

- Ô, chắc Oliver sẽ thất vọng nếu biết Thi không thích nó.

Tôi tròn mắt nhìn Ralph, chẳng hiểu tại sao Ralph nói như vậy. Một giây sau, tôi hiểu, mím môi nhìn tránh ra cửa sổ. Ralph cười cười cầu hoà:

- Tôi rất thích nghe Thi nói tiếng Đức. So suess. Ngộ lắm. Thỉnh thoảng, Thi nhấn giọng hơi chệch một tí, tôi hiểu Thi, nhưng vẫn thích hiểu lệch theo một tí. Nói vậy chứ, nếu tôi mà nói tiếng Việt thì chắc có nhiều ngộ nhận kinh hoàng lắm, phải không.

Đương nhiên -cha nội! Tiếng Việt của chúng tôi, mấy thanh dấu không đúng chỗ là hiểu lầm hết biết đường gỡ. Khi chị bạn đi Mỹ về, vui vẻ dúi vào tay tôi dĩa hát:

- Mình có dắt về cho Thi một chàng TN đây.

Tôi cám ơn chị rối rít. Đúng tim đen của nàng rồi. Tôi mân mê dĩa nhạc. Vẫn tiếp tục tán dốc với chị bạn về xứ cờ hoa nhưng mắt đang cố giải mã những dòng chữ li ti ghi tựa những bài ca. Ờ những bài hát tôi quen, tôi thích: Mộng Du, Dốc Mơ. Mắt tôi gặp bản nhạc Hùng Hổ. Trời ơi, bộ hết nhạc hay sao mà ca sĩ lại hát bản nhạc nghe... thượng cẳng chân hạ cẳng tay như vầy. Dù câu chuyện về phố Việt giữa đất Mỹ rất hào hứng, đầu óc tôi cứ lẩn quẩn quanh bài hát. Tôi tò mò quá sức, định mở miệng hỏi chị bạn cho phép mượn máy nghe thử thì lúc ấy chị có khách đến. Tôi từ giã chị, phóng một mạch về nhà để nghe cho được bản nhạc có mùi bạo lực. Về nhà, tôi lọ mọ tìm cặp "kính lão" để đọc danh sách cho kỹ càng. Tôi thở phào nhẹ nhõm. Ô, thì ra, chàng trách nàng hững hờ, chứ không phải chàng hùng hổ. Xém chút, tôi hung hăng đòi "bỏ" chàng ca sĩ ruột vì tội chọn sai nhạc. Phải vậy chứ. Tôi mơ màng nghe nhạc. *Cho dù em không thương, cho dù em ghét bỏ... yêu rồi thì không quên, yêu rồi thì không nguôi... cho dù em hững hờ, tình này riêng tặng người thôi.* Chao ôi, tiếng Việt tuyệt vời.

*

Mấy ngày ở Istanbul, sao mà dài đằng đẵng. Ngày cuối, thiên hạ rủ nhau đi ra phố chợ uống cà phê Thổ. Tôi cù rũ như con gà nuốt giây thun. Tôi chẳng háo hức đi uống chất nước màu nâu, nghe đâu đắng không thua gì trà khổ qua. Uống vào tim đập thình thịch như thể gặp... tiếng sét ái tình. Tôi loanh quanh trong khuôn viên khách sạn chờ giờ ra phi trường. Tôi vẫn có nỗi nhớ gia đình, mỗi khi thỉnh thoảng đi làm xa nhà. Nhưng lần này, không những nhớ người nhà, mà còn như nỗi nhớ quê nhà, nhớ tiếng nước nhà. Có lẽ là hiện tượng của những người lớn... tuổi chăng.

Tôi đẩy cửa khệ nệ bê túi xách hành trang lỉnh kỉnh vào nhà. Bê, dù đã vào tuổi trăng tròn, vẫn là con nít khi trông mẹ về.

- Mẹ ơi, Mẹ à, Mẹ có quà gì cho con không?

Đột nhiên trong lòng tôi tràn ngập niềm vui. Tôi đã về đến nhà, à ơi, ơi à, thì ra mấy hôm nay tôi vẫn có cảm tưởng 'mắc cạn' bởi không được nói, không được nghe tiếng mẹ đẻ. Mở túi xách, lấy cho con mấy thỏi sô cô la, mấy hộp kẹo đặc sản của Thổ. Bê vẫn ríu rít:

- Mẹ ơi, Mẹ đi qua Thổ có gì vui không?

Tôi ôm choàng lấy Bê:

- Mấy hôm nay mẹ nhớ tiếng à ơi, nhớ quá trời.

12.2004

** Muttersprache: Tiếng mẹ đẻ*
*** Hexe: mụ phù thủy*
**** Pollen: phấn hoa*
***** Người Ba Lan*

THẰNG DẾ GÀN

TRANG CHÂU

Đây là sản phẩm của tưởng tượng, mọi trùng hợp ngoài đời đều ngoài ý muốn của tác giả.

Không biết ông thân sinh nó có ngụ ý gì không khi đặt tên nó là Thắng. Nếu thắng được hiểu như chiến thắng, đánh đâu được đó thì phải xem ước mơ của ông thân sinh nó, một ước mơ đến giờ phút nầy có vẻ như là một ước mơ không đạt vì cái nghề giáo sư dạy toán cho một trường trung học của Thắng không phải là một thành quả to lớn gì lắm đối với một sinh viên du học. Cái chiến thắng duy nhất của Thắng dưới con mắt của nhiều người vừa ngạc nhiên vừa thắc mắc là nó cưới được con vợ vừa đẹp vừa ngoan. Nhưng chuyện đó sẽ được giải thích về sau.

Trở lại chuyện cái tên. Nếu ông thân sinh Thắng đặt tên nầy cho nó với ước mong khi lớn lên Thắng sẽ là con người sống biết tự chế thì quả thật ông đã chọn nhầm tên. Thắng từ thuở còn là học sinh, sinh viên cho đến khi làm thầy giáo, làm chồng, làm cha là một tay "nói toạc móng heo," một tên phát ngôn không kiêng nể, một gã ăn nói không cần rào trước đón sau, không sợ đụng chạm.

Thắng nhỏ người ốm o. Sống ở xứ thừa thải sữa, bơ, phó mát nó chưa bao giờ cân nặng quá 50 kí. Thắng có chiếc cằm nhọn, chóp mũi cong như mỏ keo, cặp mắt lồi. Nó lại chơi một cặp kính đồi mồi to bự. Nhìn nó, nghèo óc tưởng tượng mấy, cũng thấy hiện ra ngay hình ảnh một con dế. Bởi vậy thời trung học, thắng đã mang biệt danh là Thắng Dế để phân biệt với một Thắng khác cùng lớp là Thắng Mập. Vào đời với cái tính ăn ngay nói ngang Thắng bị ghép thêm một biệt danh thứ hai là Thắng Dế Gàn. Thắng đụng chạm càng nhiều, sự bực mình của người chung quanh càng lớn. Người ta xóa luôn tên của nó và hễ nhắc đến Thắng, người ta bằng một giọng bực tức hay cam chịu, gọi nó là thằng dế gàn.

Tôi biết Thắng nhân một buổi họp của một hội ái hữu mà cả Thắng và tôi đều là hội viên. Mục đích buổi họp là bàn việc tổ chức một đêm văn nghệ gây quỹ cho hội. Ông Chủ Tịch và Ban Chấp Hành đưa ra kế hoạch: giá vé vào cửa tương đối rẻ để lấy số đông, nhưng kèm theo đó để tăng thu sẽ có phần bán tập san của Hội, xổ số và đưa phong bì mỗi bàn quyên tiền giúp nạn nhân bão lụt trong nước. Người phản đối gay gắt nhất kế hoạch gây quỹ là Thắng. Phải công nhận Thắng có tài hùng biện. Nhỏ con nhưng giọng nó sang sảng, nói năng mạch lạc, lên giọng xuống giọng, dứt câu đúng chỗ đúng lúc.

Tôi đồng ý hội chúng ta cần phương tiện tài chánh để sinh hoạt; tôi đồng ý chúng ta cần giúp đỡ đồng hương có liên hệ với hội chúng ta. Nhưng tôi không đồng ý cách gây quỹ. Tôi có cảm tưởng chúng ta dụ những thân hữu của chúng ta đến dự để rồi đè họ ra bóc lột thêm với những mục bán tập san của hội mà tôi chắc người bị ép mua sẽ cũng chẳng có mấy ai đọc, bán vé xổ số, quyên tiền v.v.. Tôi không đồng ý chúng ta sách nhiễu thân hữu chúng ta quá độ. Làm quá, qua vài lần họ sẽ xa lánh chúng ta hết. Tôi đề nghị chúng ta bán vé đất lên một chút rồi thôi. Có xổ số thì xổ số miễn phí, lấy hên cho vui mà thôi. Chúng ta sẽ thu ít nhưng chúng ta sẽ được sự ủng hộ lâu bền. Thân hữu của chúng ta đến tham dự phải được coi như là một sự ủng hộ rồi xin hãy để yên cho họ mua vui sau đó.

Thắng nói đúng ý tôi. Nhưng tôi là người nhút nhát giữa đám đông nên dù bất đồng ý kiến với ai cách mấy tôi cũng giữ im lặng. Có người mạnh miệng nói lên điều mình không dám nói, tôi cảm phục Thắng hết sức. Sau buổi họp, tôi tìm đến bắt tay Thắng và làm thân với nó từ bữa ấy.

Đêm văn nghệ vẫn được tổ chức với đầy đủ tiết mục mà Thắng đã cực lực phản đối. Tuy đông đảo người tham dự nhưng không khí đêm văn nghệ ồn ào mà tẻ nhạt. Thức ăn nghèo nàn, văn nghệ vá víu chen vào đó là tiếng gào năn nỉ bán sách, bán vé số. Đối với tôi, đúng như Thắng

nói, đêm hôm ấy tôi không mua được vui, chỉ thấy mình bị sách nhiễu. Quá nửa khách tham dự bỏ ra về sau khi ăn món chót. Thắng không có mặt trong đêm văn nghệ đó.

Rời nhà Thắng trên đường ra xe, vợ tôi bình phẩm ngay bữa tiệc đầu tiên vợ chồng chúng tôi được mời cùng hai cặp vợ chồng khác: - Anh Thắng có lối tiếp bạn giống anh. Em nghĩ mới quen nhưng anh và anh Thắng sẽ rất hợp nhau.

Vợ tôi đi sát tôi, hai bàn tay ôm chặt cánh tay tôi. Tôi nghe có chút gì vừa bằng lòng vừa hãnh diện trong giọng nói của nàng. Đúng, vợ chồng Thắng đã tiếp chúng tôi đúng như vợ chồng chúng tôi vẫn làm mỗi khi có dịp mời bạn hữu dùng cơm. Tiếp bạn đối với tôi là làm sao cho bạn khi ra về cảm thấy không uổng phí một buổi tối của họ. Bạn tôi không ai đói ăn đói uống cả nhưng thèm được thoải mái, thèm được thân tình, thật sự thân tình trong khi ăn uống. Tiếp bạn là dành những gì bình thường mình không dám dùng, chờ bạn tới mới mang ra để cùng nhau thưởng thức. Tiếp bạn không phải để khoe, không phải để trả, tiếp bạn là tạo niềm vui cho người và cho mình. Tiếp bạn là cho hết lòng để nhận được hết tình.

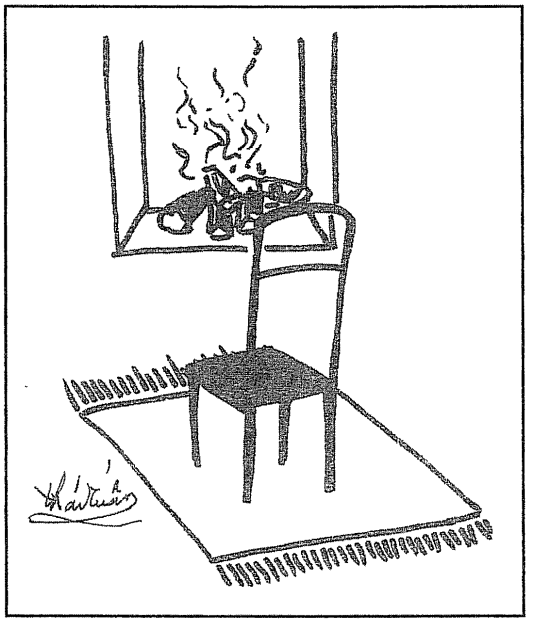

Khi cho xe từ từ rời chỗ đậu, tôi hỏi vợ tôi: - Em có thắc mắc tại sao anh Thắng không mấy bảnh trai mà có bà vợ đẹp lại có vẻ rất chìu chồng không?

Vợ tôi cười đáp: - Chị Điệp biết thế nào những người bạn mới cũng thắc mắc nên lúc em đứng phụ chị trong bếp, chị ấy nói: "Chị Mai biết không, ai cũng thắc mắc tại sao mình lại đi lấy một ông chồng không đẹp trai lại mang tiếng là gàn nữa. Mình chấm anh Thắng là vì lối tỏ tình của anh không giống ai. Anh nói theo thống kê đức tính nơi người đàn ông mà người đàn bà thích nhất là sự chân thật. Rồi anh ấy nói với mình 'Có hai điều tôi có thể bảo đảm với Điệp, điều thứ nhất tôi không đẹp trai, điều thứ hai tôi là người có sao nói vậy. Phần còn lại tôi không dám bảo đảm gì với Điệp hết.' Mình chọn anh Thắng cũng với lý luận thường tình thôi: chồng xấu là chồng của mình, xấu mặt nhưng tốt lòng là được. Mình thấy anh Thắng thẳng tính chứ không gàn. Và mình tin sự lựa chọn của mình là đúng."

Chúng tôi nghĩ Điệp là một người đàn bà khôn ngoan. Họ sống với nhau đã trên 20 năm. Hai con của họ một trai một gái đều là những sinh viên xuất sắc ở Đại học. Nhưng khi cô con gái lớn của Thắng sắp lấy chồng thì có vấn đề. Hai vấn đề cùng một lúc. Một vấn đề đến từ đàng trai; một vấn đề đến từ hai đứa trẻ. Đàng trai muốn một tiệc cưới thật sang. Họ muốn đãi cơm Tây và chọn một nhà hàng ngoại ô thành phố. Theo tục lệ tây phương, tiệc cưới do nhà gái chịu chi phí. Nhưng đàng trai muốn làm tiệc lớn nên đề nghị chia đôi chi phí. Nhưng trong số 250 quan khách dự trù mời, đàng trai dành lấy 150 chỗ. Họ dành đặt thực đơn và bắn tiếng mỗi phần ăn là 200 đồng. Việc bắn tiếng mỗi phần ăn 200 đồng làm Thắng nổi giận. Nó tìm đến tôi trút nỗi bực mình :

- Bắn tiếng như thế có nghĩa là họ muốn phía tao, tao cũng phải nói với những khách tao mời mỗi phần ăn là 200 đồng. Nói như thế để làm gì ? Để nhắc khéo bạn bè phải cho bằng hay nhiều hơn 200 đồng à? Đám cưới con mình, mình mời bạn bè đến chung vui hay đến để chung tiền? Tao nghĩ bạn bè mình đãi ở đâu họ cũng chỉ cho, tùy theo túi tiền và tùy theo độ thân tình ít hay nhiều. Còn mình muốn làm cho lớn, làm cho sang thì mình phải chịu tốn kém chứ, tại sao lại bắt bạn bè gánh chịu?

Vợ Thắng chỉ ôn tồn nói với chồng :

- Phía mình khi đưa thiệp mời mình đừng nói gì cả. Ai cho bao nhiêu cũng được. Phía đàng trai họ làm gì kệ họ. Mình lớn tiếng chống đối con cái nó buồn.

Thắng tấn công luôn hai đứa trẻ:

- Hai đứa tụi nó cũng không khá. Chúng nó

nói đám cưới của chúng nó, chương trình phải để chúng nó nắm. Chúng nó chê chương trình văn nghệ bằng tiếng Việt của mình là xưa rồi. Chúng nó và đám bạn ngoại quốc của chúng nó nghe không hiểu gì hết. Còn tôi, tôi dự hàng chục cái đám cưới mà bọn trẻ nắm chương trình từ đầu đến cuối thì có gì mới mẻ. Ở đâu thì cũng lui tới mấy cái màn "qua cầu gió bay," chú rể bịt mắt sờ tìm tay cô dâu, một thằng lên kể tiểu sử chú rể, một con lên kể tính tình cô dâu, rồi đặt câu hỏi ở nhà ai rửa bát, ai giữ chi phiếu vân vân và vân vân.. Chúng nó vui với nhau thiệt nhưng còn khách của ông bà già chúng nó ngồi đó mà chịu trận à? Tôi đồng ý ai cũng có cái lý của mình hết. Nhưng phải công bằng nhìn sự việc như thế nầy: Nếu con cái mình muốn tiệc đám cưới là tiệc của chúng nó, chúng nó có quyền quyết định hết thì cũng được nhưng ngoài họ hàng, mình sẽ không mời bạn bè tham dự. Liệu bạn bè của chúng nó có đóng góp đủ để chúng nó trang trải chi phí không? Còn muốn mời bạn bè của cha mẹ để người ta cho tiền thì phải để cho cha mẹ tiếp đãi họ chu đáo, chu đáo trong phần ăn uống cũng như trong phần giải trí. Tôi sẽ gặp hai đứa chúng nó, phân tích sự việc cho chúng nó thấy rồi tùy ý chúng nó chọn lựa.

Vợ chồng chúng tôi đi dự đám cưới con gái Thắng mà trong lòng vô cùng hồi hộp. Nhưng lạ lùng thay, mọi sự êm xuôi nếu không muốn nói là tốt đẹp. Phần sinh hoạt được phân chia đồng đều: phần đầu cho đám trẻ, phần sau cho người lớn. Tôi lại bội phần khâm phục cái ngang mà ngay của Thắng, ngay cả với con cái nó.

Nhưng Thắng trở nên hòn sỏi trong gót giày của vài hội đoàn và nhóm tư nhân khi nó lên tiếng công kích những buổi văn nghệ gây quỹ liên miên gọi là để giúp trẻ em mồ côi, trẻ em khuyết tật ở trong nước. Nó viết một bài gởi báo cậy đăng có trả tiền với những lời lẽ rất mạnh bạo. Nó viết:

- Giúp trẻ em mồ côi, trẻ em khuyết tật là một việc làm đáng được khuyến khích. Nhưng nếu tiền lời thu được đem ra chia phần cho hội đoàn mình núp bóng, mượn tên, trả thù lao cho chính mình nếu người tổ chức lại là ca sĩ, dùng phần lớn tiền thu vào phương tiện di chuyển ăn ở cho người tổ chức mang tiền về Việt Nam thì thử hỏi số tiền còn lại khi đến tay các em bé bất hạnh phỏng được là bao nhiêu? Hành động như thế phải coi là vì danh vì lợi chứ không thể gọi là thiện nguyện được.

Bài báo của Thắng gây bàn tán trong cộng đồng. Một tuần sau, xe của Thắng đậu bên lề bị ai đụng rồi bỏ chạy. Kính chiếu hậu bên trái bị bể nát và hông trái của xe bị lõm một lỗ lớn. Ba tuần sau Thắng bị du đãng hành hung trên đường ra bãi đậu xe sau khi xem chiếu bóng xuất tối ra. Thắng khai với cảnh sát rằng một tên núp sẵn gần xe nó, khi Thắng khom người định mở cửa xe thì bất thình lình tên du đãng xuất hiện dùng cây gậy dã cầu phang vào đầu nó nhưng Thắng nhờ nhanh mắt nhanh trí kịp chuồi người xuống đất lăn mình núp dưới lườn xe nên cây gậy chỉ phang trúng ống chân trái của nó. Tên du đãng sau đó vọt lên xe một đồng bọn đã rồ máy chờ sẵn để tẩu thoát.

Tôi vội vã vào bệnh viện thăm Thắng sau khi được vợ nó báo tin. Thắng đang nằm ở phòng cấp cứu. Tôi nắm chặt tay nó. Thắng nín đau cười với tôi:

- Bác sĩ nói chỉ gãy kín một xương ống chân thôi. Bó bột, sau vài tuần là lành. Nó mà phang trúng đầu chắc tao "đi" rồi. Mầy yên chí, xứ nầy tự do thật, nhưng kẻ gian khó thoát lắm. Mầy tin tao đi thế nào cũng tóm được tên chủ mưu. Nhưng với mọi người tao chỉ nói là bị cướp.

Tôi ngồi lặng thinh ở cuối phòng nghe người trong hội trường bàn tán về vụ Thắng bị hành hung. Tôi ngạc nhiên vì không ai tin Thắng bị cướp, ai cũng nghi Thắng bị trả thù, bị đánh để dằn mặt. Tôi bỗng chú ý đến hai người đàn ông ngồi hàng ghế phía trước tôi. Tôi không quen mặt nên không rõ họ là hội viên của hội hay chỉ là thân hữu. Người có ria mép nói với người có tóc bạc:

- Thằng Thắng là một tay can đảm dám nói sự thật. Chúng muốn dằn mặt nó nhưng tôi bảo đảm nó chẳng sợ đâu.

Người đàn ông tóc bạc gật đầu tiếp lời :

- Hội đoàn nào, Cộng Đồng nào của người Việt mình cũng cần có vài thằng như thằng Thắng thì mới khá lên được, mới sạch ra được.

Nghe mấy lời trao đổi phía trước, tôi tự thẹn với lương tâm mình. Bấy lâu nay tôi thủ phận giữ im lặng. Việc làm của Thắng cho tôi thấy im lặng là hèn. Chắc tôi sẽ phải năn nỉ xin làm học trò Thắng. Trong trí tôi hiện ra một khuôn mặt quen thuộc với cái cằm nhọn, chiếc mũi keo và đôi mắt lồi núp sau gọng kính đồi mồi đen to. Đúng là mặt của một con dế mèn. Nhưng con dế ấy giờ đây tỏa rực hào quang. Tôi lẩm bẩm trong miệng một câu có vẽ như lạc đề: "Thảo nào nó chẳng được vợ đẹp."

Bất Chợt Giữa Mùa Xuân

NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

1.

Vẫn từ một ô cửa nhỏ, mỗi tuần tôi đều đụng cái bóng gầy cao và mái tóc bơ phờ ấy. Bao giờ cũng thế, người đàn ông xuất hiện khi trời còn mờ mờ hơi sương. Những hôm trời rớt một thoáng khóc nhẹ, tôi đoán chiếc áo mong manh trên người ông ta không đủ ấm. Thật ra làm sao tôi biết được cái lạnh trong người ông ta như thế nào và kiểu nào hoặc lạnh hay ấm ở phần thịt xương có quan trọng lắm không.

Điều chắc chắn đó là một người đàn ông mà khi mới gặp, bạn sẽ không tài nào chạy thoát nổi hai con mắt nhuốm đầy những mùa sương hiu hắt. Nếu không, một người vốn có trí nhớ khiêm tốn như tôi chắc sẽ khó lòng giữ được hình ảnh ông ta quá nửa phút trong đầu.

Còn cái này nữa. Nụ cười. Ồ đúng rồi, chính nó. Nhưng không phải cái cười lấp lánh những đường răng. Một cái cười không ươm nổi một nửa nụ, không tặng cho ai mà cũng chẳng vì ai. Ông ta như cười với một khoảng không của riêng mình, và do đó chẳng thể gợi lên một niềm vui, hay một sự thân thiện nào cho người nhận. Nhưng cũng chính vì vẻ dửng dưng "không đâu vào đâu" này lại làm kẻ đối diện không mấy yên tâm. Có lẽ tôi là con đàn bà khá nhẹ dạ, luôn dễ bị nặng trĩu vì những bất ổn của kẻ khác. Ơ hay nhỉ, ông ta chỉ là một người hoàn toàn xa lạ thôi mà. Tại sao tôi lại phải chao lượn theo cùng ông ta, ví như chiếc lá khô vừa bị gió lốc qua mặt mình? Ông ta đã từng "sống sót" như thế nào, hoặc trải qua bao nhiêu tuyết giá của những mùa đông làm sao ai biết được. Không, sự có mặt của một gã đàn ông dở người dở hơi này không thể làm con đường hay cuộc đời trước mặt của tôi đẹp hơn, hay lên hương chút nào. Vậy mà chẳng hiểu sao ly cà phê ấm nóng trên tay tôi đang uống bỗng lạnh theo sương lệ trong đôi mắt ấy. Dường như thêm một điểm đặc biệt nữa là trên vầng trán phẳng cao ấy, tôi thấy hiện rõ những đường nhăn kỳ kèo của cuộc đời. Điều này khiến khuôn mặt ông ta trở nên nửa triết gia nửa du đãng sao đâu. Thật tình tôi có cảm tưởng ông ta chắc cố tình đem những vết khắc, vết xước của tâm hồn ra phơi bày trên vầng trán. Cho nên cứ trong mỗi tiếng nói trầm trầm như những nốt nhạc buồn, tôi thường bắt gặp vầng trán ông ta hay nhíu lên nhíu xuống như cốt theo kịp những diễn tấu sâu thẳm trong lòng.

Ông ta vừa nói vừa quay lại (với vầng trán xếp lại dò xét, dĩ nhiên) và đó là lần thứ ba tôi trông thấy ông ta trước nhà và nhất định đuổi theo, dù không biết vì đâu, tại sao mình làm vậy.

- Thưa cô, bộ có điều gì quan trọng lắm sao?

Tôi hơi hoàn hồn và... quê. Tự nhiên thấy kỳ kỳ với hình ảnh một người đàn bà tóc tai chỉ vừa gỡ nhanh bằng mấy đầu ngón tay, nhàu nát trong bộ đồ ngủ màu đỏ ối, man dại đi như chạy theo một tên đàn ông lững thững đẩy nhẹ cái "shopping cart." Trên môi ông ta là một điếu thuốc cháy dở, với vài sợi khói bay lãng đãng và trên chiếc xe đẩy, loại "shopping cart" ấy là một đống vỏ lon nằm la liệt và kêu lẻng kẻng.

Trời ạ, ông ta có tiếng nói thật sao? Vậy mà cứ tưởng cuộc đối thoại giữa ông ta và tôi nếu có xảy ra cũng chỉ bằng mắt, hoặc bằng vài cử điệu, chân tay.

Nhớ là lần trước khi gặp ông ta trong lúc vừa cúi xuống nhặt vội tờ báo đầu ngày ở sân cỏ, tôi đã miệng mỉm cười và môi hí hửng:

- Dạ chào ông, hôm nay có vẻ nhiều gió, sao ông đi nhặt lon sớm thế?

Ông ta không trả lời, chỉ hơi thở dài. Điều tôi muốn phiên dịch từ hố mắt sâu thẳm ấy một câu đối đáp như sau: "Tôi nghèo, cô không thấy sao? Có phải trông tôi giống như một gã vô tổ quốc, lạc loài giữa một đất nước xa lạ và trên tay thì cơ hồ trắng trơn như vừa bị thiên hạ phỗng mất tất cả cô nhỉ."

Tất nhiên lúc đầu tôi không dám nghĩ là ông ta bị câm. Có thể ông ta không sử dụng quen tiếng Anh chăng?

Và chính nỗi tò mò làm tôi buột miệng tiếp (lần này tôi lẩm bẩm bằng tiếng mẹ đẻ như một lời than thở riêng mình).

- Trời gì mà lạnh gớm. Ăn mặc như ông này, đi ra đường chắc tôi chết mất.

Hình như đôi mắt ông ta vụt long lanh. Hay chính vì một chút gì đó rưng rưng trong lòng tôi đã làm dấy lây người đối diện, tôi cũng không rõ. Một lúc, tôi hỏi ông ta một câu thật bậm trợn:

- Này... hay là ông không biết tiếng Anh phải không?

Ông ta cười, vẫn là cái cười một thoáng như nhếch môi và bất chợt trở lại với vẻ tĩnh lạnh như không hề hay biết hoặc cần biết người đối diện đang nói gì, và nói với ai.

Hóa ra người đàn ông chỉ im lặng vì ông ta muốn im lặng. Bây giờ khi cần nói một điều gì đó, ông ta sẽ làm người nghe hoàn toàn ngạc nhiên. Không phải vì cách phát âm rõ ràng, đúng điệu của ông ta mà chính là ở những bất ngờ của những nốt nhạc trầm ấm vừa ngân lên: "Thưa cô, bộ có điều gì quan trọng lắm sao vậy?"

Sau khi "bình tĩnh" lại, tôi bắt đầu lên giọng:

- Thì ra ông đâu có bị câm. Vậy mà tôi định đuổi theo ông là vì... à... là vì tôi vừa học được ít nhiều cách nói chuyện với người câm nên định thực hành ấy mà. Hóa ra tôi lầm...

Người đàn ông vờ nghiêm nghị một cách lém lỉnh:

- Vậy thì cô phải xin lỗi kẻ nghèo hèn này đi chớ. Đã nghèo mà câm thì hết đời luôn.

Tôi nói như lỡ bị mê hoặc:

- Xin lỗi ông. Mà cũng tại vì ông im lặng, bủn xỉn lời nói quá đấy thôi.

Ông ta dương đôi mắt thật lớn nhìn tôi. Tôi thoáng đọc thấy lời nói, nỗi niềm nào đó reo vui, thú vị trong cách nhìn. Nhưng cuối cùng ông ta lại vừa nói vừa bước đi thật nhanh:

- Thôi tôi đi. Nhớ là tôi chưa bị trời hành đến thế nên xin miễn thương hại.

Đúng là ông ta làm tôi tức điên lên được. Người gì mà hình như chẳng có... trái tim. Hay biết đâu trái tim ông ta đã bị ai giựt phăng và đem treo ở một thế giới nào khác (?). Trông dáng điệu nửa tỉnh nửa mê kia, tôi tự hỏi có phải định mệnh đã buộc mình phải tìm cách cứu vớt con người ấy?

2.

Sáng hôm sau rồi nhiều buổi sáng sau đó, tôi thấy tôi phải cố gắng một cách khổ sở mà vẫn không vò nát được ước muốn mong mỏi gặp lại người đàn ông.

Tôi chờ, tôi đợi đến ngày thứ hai đầu tuần, như thể giữa ông ta và tôi đã có một thỏa ước hẹn hò (thật ra cũng chỉ vì đống lon tôi vẫn hứa là sẽ để dành cho ông ta). Tôi tìm cách an ủi mình vô cớ. Rằng thì là ở chặng đời bây giờ có thể ông ta chỉ là gã sống bằng nghề lượm lon tầm thường, nhưng chắc chắn phải có một cuộc đời trước đó khá hơn. Dù bạn có bảo mình là gì, hay từ trên trời rớt xuống, bạn vẫn không tài nào che giấu được bạn là ai, ở tầng số nào và thuộc hạng người nào. Người ta ngửi được ngay "hơi hướm" ấy trong bạn.

Hình như linh cảm báo cho tôi biết rằng ông ta cũng ngấm ngầm khao khát đến ngày thứ hai. Sự gấp gáp bỏ đi lần trước có thể là thái

độ chạy trốn một điều gì tức tưởi trong lòng chăng? Nếu không, tại sao khi đã đi, người ông ta còn như run lên khi ngoái đầu nhìn lại?

Có thể tôi chỉ giỏi tưởng tượng. Không. Dường như ông ta không để ý đến ai cả, kể cả chính mình. Không, một chặng đời trước kia của ông ta chắc cũng không thể gọi là khá được. Nỗi đau khổ đã tỏa lan rõ ràng từ đoạn đời trước tiếp nối bây giờ. Không phải nỗi u uất mệt mỏi đã hiện rõ trên gương mặt ấy sao?

Rồi thì ngày thứ hai cũng đến. Tôi lại tiếc mình đã tốn công gom góp một số lon khổng lồ từ những "party" của bạn bè xung quanh. Buổi sáng người đàn ông đã không thèm có mặt. Tôi thấp thỏm ngóng ông ta cho đến lúc nắng xuân và chim hót vụt tràn lan ngoài cửa. Trời đẹp, chim chóc líu lo gọi nhau bỗng làm tôi khựng lại, cảm thấy vô nghĩa. Chim cái đang nhấn nhủ chim đực điều gì hay ngược lại mà một con bỗng bay tít lên một cành cây cao ngạo nghễ, còn một con vẫn đứng đậu lơ ngơ dưới bụi cây. Bất ngờ một con chim khác (Nửa đực nửa cái? Tôi bỗng phì cười với ý nghĩ này) đang núp đâu đó dưới một tàn lá vụt bay vù ra sà ngay xuống mặt đất tíu tít. Buổi sáng nhìn sự liến láu của loài chim, tôi tự hỏi sao "người đàn ông tầm thường" này lại không đến để nghe tôi liến thoắng đặt 1001 câu hỏi về ông ta? Dường như sự vắng mặt của gã một cách nào chỉ cốt gây hoang mang trong tôi. Tuy nhiên, gã đã biết gì về con nhỏ khật khùng này? Gã cũng đâu thèm biết gì đúng hơn. Của không tội, nếu gã hoặc thiên hạ biết được trạng thái tâm lý kỳ cục này, có lẽ tôi đã bị "mời" vào nhà thương điên.

Nghĩ cũng buồn cười. Tôi vừa mong ông ta đến nhưng khi thấy ông ta nhìn thùng nhựa màu rêu đậm có ghi chữ "Recyle Now" vẫn còn chất đầy những lon và lon, tôi bỗng nổi điên một cách vô lý. Hóa ra sự xuất hiện đúng lúc và cần thiết của gã là để giúp tôi giải thoát những lo lắng buồn phiền cho riêng mình chứ không phải để cứu vớt đời gã như tôi đã tưởng.

TRẦN MỘNG TÚ

HOA HUỆ ĐỎ

Anh gửi cho em một mầm hoa Huệ đỏ
em trồng vào chậu nhỏ

Anh thì ở thật xa
em tưới nước
em đem cây hong nắng
kiên nhẫn từng ngày
đợi một đóa hoa
Anh gửi cho em thêm nhánh nhớ mong
em trồng vào ngực nhỏ

Anh vẫn ở thật xa
ngực em ngọt
cây nhớ mong sai quá
kiên nhẫn từng ngày
nặng trĩu trái khổ qua
Anh gửi cho em thêm nhánh đợi chờ
em trồng vào ngực nhỏ

Anh đã tới gần chưa
ngực em lạnh
đợi chờ như lửa lựu
kiên nhẫn từng ngày
hoa lựu nở trong mưa
Anh gửi cho em thêm nhánh tình yêu
em trồng vào ngực nhỏ

Anh còn ở phương nao
ngực em mới
tình yêu như Cựu Ước
kiên nhẫn từng ngày
trái cấm vẫn trên cao.

Ngày 19/12/06

* *Hoa Huệ Tây Đỏ -Amaryllis*

3.

Có lẽ cũng cần kể sơ cho bạn nghe một chút

về tôi. Chẳng qua tôi chỉ là một con đàn bà sống trong cuộc đời với khá nhiều bất hạnh. Tôi thổ lộ điều này không phải là để mong bạn rủ lòng thương hại (dù trong đời sống lắm lúc tôi phải vờ vịt để đón nhận điều này.)

Từ lúc sinh ra làm người đến giờ, nói thật tôi cũng đã quá héo hắt về lòng thương hại của con người. Một người như tôi dĩ nhiên cũng không thể không bắt gặp mối đồng cảm với người đàn ông mà tôi nghĩ chắc cũng bất hạnh như mình không kém hoặc biết đâu còn tệ hơn nữa. Ông ta cơ hồ là kẻ không nhà, không cửa, không thân thích họ hàng ở một nơi chốn tha phương cầu thực này. Tôi có thể khá hơn ông ta ở một chỗ trú thân, một vài thứ vật chất tạm bợ khác. Vâng, chừng như tôi có thể chừng như được coi là có tất cả nhưng thật ra cũng chẳng có gì cả. Một người chưa hề được thấy khuôn mặt diễm tuyệt của tình yêu, đôi môi chưa hề được trao gởi thật lòng cùng ai, thì cái hình hài ấy chỉ là nỗi lặng thầm đi đi, về về trong căn nhà rộng lớn nhưng hoang vu, lạnh lẽo như một nhà mồ. Cái bóng hình hài ấy là tôi, đã mệt mỏi ngã dài trên những bức tường câm, trên những buổi chiều tối trở về nhà với những giọt nước mắt cô đơn, hờn tủi. Đời con gái tưởng chỉ một lần cũng đã như vầng trăng khuyết úa tàn. Nỗi ám ảnh của vầng trăng vấy máu thì đúng hơn. Tên bảo trợ người Mỹ gốc Nhật bảo lãnh đã phá trinh lúc tôi vừa đúng mười sáu trăng tròn. Đó là nỗi đớn đau hoàn toàn của một người bị kéo tuột xuống địa ngục, chứ không phải là nỗi đau đớn trộn lẫn khoái lạc như những người yêu nhau ở trần gian. Đêm ấy, sau đêm bị bắt buộc phải khám phá từng vùng da thịt bí ẩn của gã đàn ông không yêu, tôi đã sống tê liệt hay tê cóng như băng tuyết.

Đã có những buổi sáng phóng xe vào xa lộ, tôi chỉ muốn nhắm mắt nhấn hết ga và nổ tung trong dòng người vội vã. Phải, đã có vô số những buổi chiều sau đó tôi thật sự muốn dìm mình xuống dòng sông Potomac để được cuốn vào quên lãng.

Dường như ông bố nuôi này có vẻ yêu tôi vô cùng. Ông ta có vẻ cố gắng tậu cho tôi ngôi nhà đẹp, và vô tình biến tôi thành con búp bê bằng sét dửng dưng câm nín. Ông ấy ít nhiều có máu Nhật trong người nên đã ví tôi là hoa anh đào Nhật với hương sữa và mật nhựa tinh khiết của lần đơm hoa đầu đời. Tôi giận đời lắm, nhưng lâu lâu lại thấy tội cho cuộc hôn nhân nhiều chịu đựng, và lắm bất ổn của ổng với cô tóc vàng rất đỗi hoang đàng. Bà ăn nem, ông ăn chả, hay nói cách khác, bà không thể không thèm "hamburger" và ông không thể thiếu món cơm thuần túy đông phương. Sự xuất hiện của tôi do đó chỉ ví như những giọt nước mưa rơi xuống mái nhà đã thủng. Dù sao, sự vụng trộm này lúc nào cũng làm tôi bực mình khó chịu. Lý do tôi không yêu ông ấy và người đàn bà là ân nhân, là vợ của người bảo trợ tôi hơn là một người tình địch.

Cho đến bây giờ tôi vẫn không hiểu tại sao tôi lại âm thầm đi bên đời ông ấy trong khi mọi ngõ ngách dẫn đến niềm vui đã hoàn toàn khóa chặt, bít bưng trong đời sống. Hình như tôi chỉ ái ngại cho nỗi đau khổ của bà mẹ nuôi, nếu lỡ biết được chính mình đã nuôi ong tay áo. Tôi để yên ông ta đi quá trớn, chắc cũng vì không dám phủ nhận sự chăm sóc của một người cha dành cho con mà ổng đã làm và suốt đời tôi hằng thiếu thốn.

Cha mẹ tôi bỏ nhau từ khi tôi còn nhỏ và không ai màng đến gánh nặng nên giao tôi cho một người chú họ. Gia đình chú tôi vốn đông con, vì thế tôi không thể không là đề tài cho những cuộc đay nghiến, cãi vã của vợ chú. Không nỡ thấy chú khổ sở, tôi bằng lòng làm con nuôi (nói đúng hơn là đi ở đợ) cho vợ con một người bạn chú. Trong một vài giờ cuối cùng của cuộc đổi đời 75, tôi lủi theo đoàn người trong cư xá "Hải Quân Công Xưởng" bước lên chuyến tàu định mệnh, khi những tiếng nổ và đám cháy mịt mùng khói đen, khói trắng, lẫn trong màu khói lệ của quê hương vẫn vờn đuổi sau lưng. Tôi đi, tất nhiên khi tôi đi, mọi sự đã không còn như trước nữa và tôi, tôi cũng nhanh chóng biến thành một con người khác. Không còn như xưa nữa.

Để trả thù cho sự phản bội, ông bảo trợ bị chính cô vợ đầm mang ra tòa về tội quyến dụ con gái dưới tuổi vị thành niên. Cả thành phố xôn xao vì một người vốn có chức phận cao như ông ta bỗng phút chốc trở thành một cái gai cần nhổ. Dĩ nhiên tôi không thể chìu ông ấy để nhân danh tình yêu "thuần khiết" này nọ. Cuối cùng ông ta cũng không sống nổi, và chọn lựa cái chết để bôi xóa tất cả như trong chiêm bao tôi vẫn mơ thấy ông thắt cổ tự vẫn. Không đâu, ở ngoài giấc mơ, ông không thắt cổ cũng không mổ bụng tự sát seppuku kiểu anh hùng Nhật. Ông kết liễu đời mình bằng một lượng thuốc ngủ đích đáng, sau khi để lại ít dòng thư tuyệt mạng cho pháp luật. Thật ra

ông còn để lại một căn nhà trả góp dài dài, một chiếc xe mới và đặc biệt là con chó Nhật lúc nào cũng bám theo chân ông từ nhà trên xuống nhà dưới. Từ khi người chủ yêu quí ấy không còn trở lại, con chó ngày nào cũng nằm lim dim, im lìm ở một góc nhỏ trước cửa ra vào như chờ đợi hoặc chiêm nghiệm về lòng dạ con người.

Tôi cũng nằm yên cùng phiền muộn một thời gian khá lâu, rồi cũng dần dà xếp thứ ký ức hãi hùng, mộng dữ ấy vào trang cuối của cuộc đời con gái không may. Cho đến bây giờ từ phút giây đụng phải người đàn ông gàn dở kia, hình như tôi thấy mình mới bắt đầu được mở ra trang đầu của mơ màng, mộng mị.

4.

Trong đời, ai cũng biết là có khi chúng ta chỉ gặp một người nào đó một đôi lần, nhưng cũng đủ để nhận ra sức hút của thứ nam châm kỳ diệu. Gặp và không thể nào quên được như một ánh nhìn từ tiền kiếp vẫn còn lưu lại. Điều muốn nói là niềm rung động như sẵn sàng bất kể sẽ là tai họa hay lạc phúc, hoặc đâu đó là tiếng gầm gừ, hay reo vui của định mệnh. Định mệnh đã trói buộc tôi vào vòng vây khổn của ông ta rồi chăng?

Thuở nhỏ, có lẽ vì không bao giờ được ai chú ý nên tôi bỗng nẩy sinh một thói quen kỳ cục. Tôi tự vò xé, đày ải mình bằng cách đập đầu vào tường thật mạnh, tôi cào cấu những vết bỏng nhẹ thành ung mủ, tôi vờ bệnh không phải để nghỉ học mà cốt được một ai đó sờ vào trán mình thăm hỏi. Tôi biệt lập nhưng lại muốn cả thế giới nhận ra sự biệt lập đau đớn của mình. Tôi hoang đảo nhưng lại muốn đập phá cái vỏ ốc.

Bây giờ cũng vậy, rất nhiều khi tôi thấy mình quá chơ vơ, chênh vênh bên lề đời sống và vì thế tôi không thể thoát khỏi cảm giác "tự tạo" ấy để gây chú ý nơi mọi người. Khi đến Mỹ ở với người bảo trợ này tôi cũng đã làm họ và vô số bác sĩ lên ruột vì không tài nào định hình được những căn bệnh tưởng do mình sáng tạo. Tôi nhớ có ông bác sĩ nọ nhăn mặt vì sau cả khối lần thí nghiệm vẫn không tìm ra kết quả "bất thường". Ông ta nói:

"Hình như không phải ai cũng chỉ muốn mình được khỏe, trái lại có người còn muốn được mang một chứng bệnh nào đó để làm người khác điên đầu. Trong trường hợp cô gái này, tôi đã thử nhiều cách mà không tài nào kiểm

nghiệm những điều khai báo, phàn nàn của cô ta là chắc chắn."

Ông bảo trợ tôi lúc ấy cũng vò trán, nhăn mũi: "Coi như bác sĩ công nhận bó tay thì tôi đành dẫn nó đi kiếm bác sĩ khác vậy."

Tiếng vị bác sĩ đuổi theo như mỉa mai làm tôi cười thích chí trong bụng:

"Bác sĩ nào cũng dư đủ cả khối bệnh nhân thứ thiệt để chữa trị cả rồi."

Từ đó, tôi càng nhận ra mình đang mang một hiện tượng tâm lý hết sức quái đản, nhưng hoàn toàn không muốn san sẻ, bày tỏ cùng ai. Tôi coi đó là thứ khí giới để chống lại những hắt hủi của người đời và thân phận côi cút của mình. Ông ta có thể ngạc nhiên, la mắng om sòm cô vợ đầm vì tưởng rằng không chịu chăm sóc cho một vết trầy té nào đó rất nhỏ của tôi, để cuối cùng bỗng vị nhiễm trùng sưng tấy lên. Ông đâu biết tôi đã dùng những hạt cát, bụi đất như những đối kháng nội tâm để lấp liếm trên những lỗ hổng của vết thương. Tôi ngốc nghếch vui thú, khi thấy nhờ vậy tôi được cuộc đời chăm sóc nồng nàn hơn.

Sáng hôm nay sau khi nhận ra người đàn ông đã bỏ rơi (dù không mấy quen biết) bằng cách không thèm có mặt như mọi tuần, tôi bỗng bỏ làm và tự ý lún nhanh như bùn trong vũng chán chường, tuyệt vọng. Từ chỗ chỉ hơi mệt mỏi thất vọng, tôi không nhớ đầu óc bỗng cựa quậy làm sao để bị kéo sụp xuống một cách khủng khiếp và dày đặc như thế. Tôi mịt mù trong vũng bùn đen không biết bao lâu thì hình như có tiếng bấm chuông.

Con chó Nhật bỗng giật mình như tỉnh ra từ giấc mộng "tư bản," vụt hối hận mình đã ăn rồi chỉ biết nằm im hưởng thụ, không thể bám kịp bước chân "vọt một cái sang kiếp khác" của ông chủ đa tình lùn nhỏ (hòng nói chi đến ông chủ lớn đa tài của cả nước Nhật hay thế giới như Akio Morita, tổng giám đốc công ty Sony). Kể ra sự giật thót của nó cũng có lý do vì căn nhà lúc nào cũng đắm chìm trong im vắng, và cô đơn. Tiếng sủa mừng rỡ (hơn là hù dọa) của nó đã đánh thức tôi đang ngầy ngật, váng vất.

Nhìn ra từ góc cửa sổ quả tình tôi đã không kịp ngạc nhiên, há hốc thảng thốt vì thứ nắng xuân hồng đã cắt nghiêng nửa khuôn mặt của người đàn ông. Cây, lá, chim, gió... ở ngoài kia và cái bàn, cái ghế, cuốn sách, tấm màn... ở trong này đều như muốn tung hô, tung bay lên trời, phá tan hết những uất nghẹn chờ mong. Tuy nhiên tôi đã kịp định thần lại. Tôi cần ngăn chặn mọi vỡ bờ của riêng mình để không làm ông ta hoảng sợ (biết đâu đấy!) Đàn ông, không phải họ thường hoảng sợ, né tránh trước những loại đàn bà nhẹ dạ, sẵn sàng buông thả chạy lại gần họ một cách quá dễ dàng tha thiết hay sao? Phải để họ nắm phần chủ động, vâng, tôi đã biết thế và tôi đã có cách...

Tôi quay nhanh vào phía tủ lạnh. Rồi mở cửa ra. Một thoáng gió và hơi thở mỏng mảnh của người đàn ông thoảng vào. Rùng mình thích thú, nhưng vẫn giả vờ giả vịt hỏi:

- Thưa ông, có chuyện gì quan trọng không ạ?

Người đàn ông hơi bối rối mỉm cười:

- Dạ chào cô... buổi trưa. A, hình như cô lại lập nguyên câu hỏi của tôi hôm nào. Không, có lẽ chẳng có chuyện chi quan trọng cả.

- Ông này đùa dai. Sao ông biết có người ở nhà mà bấm chuông?

Người đàn ông táo bạo nhìn sâu vào mắt tôi:

- Tôi đoán vậy thôi.

Nghĩ sao, ông lại lôi ra trong ngực áo "jean" một xấp giấy quảng cáo:

- Hay là cô mua giùm họ một năm báo, sẽ được tặng không một cuốn bản đồ đầy đủ của miền Đông trị giá còn hơn một năm báo.

À, thì ra thế. Tự nhiên tôi bỗng ùn ùn cáu kỉnh, khi nghĩ rằng lý do có mặt của ông ta chỉ đơn giản là thế.

Tôi gằn giọng:

- Hóa ra ông bỏ nghề lượm lon rồi à? Còn báo Mỹ ư? Tôi đã mua tờ Washington Post rồi và thường... chỉ thích mua tờ chủ nhật để cắt "coupon" đi chợ tiết kiệm mà thôi.

Thấy ông ta chau mày, tôi lập tức trở nên mềm giọng:

- Xin lỗi, tôi hỏi đùa ông thôi. À, còn báo Việt của chúng tôi đọc không xuể, rồi còn Tivi, điện thoại, điện tử ... chiếm hết cả giờ rảnh.

Người đàn ông trả lời không mấy vui và dợm bước đi:

- Bỏ thì đã sao mà không bỏ thì đã sao chớ? Nghề nào cũng chỉ là nghề, sống được với nó đã là may. Thôi chào cô người Việt nhé, trông cô giàu sang quá...

Tôi đóng cửa cái rầm:

- Ông đừng chửi khéo tôi chứ.

Người đàn ông bỏ đi chưa được vài bước đã có tiếng người đàn bà gọi giật giọng trở lại:

- Ôi... ông ơi... máu...

Đúng, máu trào ra từ miệng. Máu vọt ra xối

xả như từ tim óc nàng đau đớn. Máu tung toé trên thềm, như chứng tích của một vết thương nào sâu kín, tích lũy đâu đó từ một kiếp khác, một đời sống khác.

Dĩ nhiên người đàn ông đã nhào tới đỡ lấy tôi, như mọi việc sau đó đều được diễn ra hệt trong tiểu thuyết trữ tình.

Trên đường lái xe đưa tôi đến bệnh viện cấp cứu, ông ta đã xúc động đến run rẩy nên cứ suýt gây tai nạn. Đầu tôi được gối lên bằng chiếc áo "jean" xếp lại của người đàn ông cộng với một phần thân thể dưới của ông ta.

Ông ta nói chuyện với tôi như đang nói chuyện với người sắp chết. Máu chảy lai láng thế kia, làm sao tôi có thể sống nổi nhưng hình như tôi vẫn còn nghe được tiếng nói êm và ấm của ông ta vọng về từ một giấc mơ đẹp:

- Cô ơi, chắc là cô phải không sao đâu. Đến nhà thương họ sẽ chuyền nước biển cho cô ngay. Cô mà chết đi chắc tôi bị ám ảnh một đời. Tôi cũng đã từng xỉu vì san sẻ máu mình cho những đồng đội, nhưng cô yên tâm đi. Nếu máu cô cùng loại với tôi và dĩ nhiên phải được nhà thương đồng ý, tôi sẽ không màng xỉu lên xỉu xuống vì cô.

"Đồng đội của ông ta là ai? Tại sao ông ta không bao giờ muốn nhắc đến tông tích của mình? Ông ta từ đâu đến, nếu không phải cũng là một nơi mà tôi đã sinh ra và lớn lên," tôi nhắm mắt lại với muôn ngàn dấu hỏi và người đàn ông bỗng vô tình chấm ngay cái dấu than ở giữa đường, cùng với âm thanh reo vui sững sờ:

- Cô, hóa ra... ồ, tại sao cô lại làm vậy? Cô đúng là người đàn bà kỳ lạ nhất mà tôi đã gặp.

Rồi như không mấy tin ở mắt mình, người đàn ông xoạc tay vào ngực áo "jacket" của tôi, bất ngờ móc ra cái túi bong bóng chỉ còn loáng lại một nửa phần máu. Tôi chưa kịp phản ứng, ông ta đã trở nên hóm hỉnh:

- Tôi biết rồi, có thể gọi đây là một hiện tượng tâm lý Munchausen. Munchausen Syndrome ấy mà. Nếu tới nhà thương có thể người ta sẽ lấy một cái ống luồn vô lỗ mũi cô, đút xuống cổ họng và bao tử để coi đường ruột của cô có thực sự bị chảy máu không. Bộ cô không sợ điều đó sao? À, mà tại sao cô lại bày trò đóng kịch với tôi làm chi vậy.

Tôi vùng dậy như muốn thoát ra khỏi xe:

- Kệ tôi. Ông giỏi lắm, cái gì cũng biết hết. Vậy sao không thả tôi xuống đường để tôi tự ý đi kiếm nhà thương một mình. Ai cũng không muốn chú ý đến tôi cả. Kể cả ông cũng định bỏ đi luôn rồi.

Người đàn ông hốt hoảng ghì lấy tôi và chỉ lái loạng quạng bằng một tay:

- Thôi cho tôi năn nỉ. Xe này là xe của cô mà, cô quên rồi sao? Hay là tôi mời cô về nhà tôi nếu cô không chê và tôi sẽ kể cho cô nghe một vài điều bí ẩn về tôi. Kể ra thì chẳng có điều gì giấu được mãi dưới ánh mặt trời.

Càng lúc tôi càng trở nên bướng bỉnh:

- Câu nói ấy xưa rồi. Ông khám phá được bí mật của người khác, ông đền lại sự bí mật của ông thì cũng là điều đương nhiên, công bằng và rất xưa nốt. Vả lại có cái gì hay ở bí ẩn của những người đàn ông mà ham.

Ông ta bắt đầu dịu dàng bằng một âm thanh hết sức nhỏ nhẹ mà tôi chưa từng được nghe:

- Sao không? Bí mật thứ nhất là... tôi cũng nói được tiếng Việt như cô chớ bộ, và dĩ nhiên chúng ta cùng đến từ một đất nước thống khổ như nhau. Cô thấy tôi còn nói được giọng Huế như cô nữa là...

Tưởng gì. Ngờ đâu điều "bật mí" ấy không làm tôi đứng tim ngạc nhiên và thích thú cho lắm:

- Tôi đoán đâu có sai ở trong đầu. Thấy ông vẫn hay nhặt bớt một đống báo biếu Việt Nam ở trong thùng "Recycle Now" là tôi cũng đã nghi rồi. Có điều tại sao ông lại giấu biệt gốc gác Việt Nam của mình như mèo giấu cứt để làm gì vậy?

- Nếu nói rằng không phải tôi không hãnh diện về quê hương mình thì nghe cải lương vô cùng, phải không cô? Còn thì tại sao tôi lại phải mượn danh nghĩa mình cũng là người Việt như nhau để gợi thêm lòng thương hại trong cô chớ. Tôi thì trái lại, chẳng thích ai thương hại mình.

Tôi cười. Chợt nhận ra mái tóc vừa hớt trụi của người đàn ông trông cũng lạ lạ, hay hay. Như một đạo sĩ, một thiền sư hay có khi là một tên du thủ lất thất nào đó:

- Ông không thích ai thương hại hay đặc biệt là không thích đàn bà thương hại?

- Đàn bà hay đàn ông, tôi đều không thích bị họ thương hại. Thật ra đàn bà vốn là tai họa đối với tôi, nên tôi lại càng không cần đến sự bố thí tấm lòng của họ nữa.

- Tai họa? Ông bị họ giáng xuống lúc nào mà tỏ ra vẫn còn cay cú vậy? Hỏi vậy thôi, tôi không nghĩ là ông phải bật mí lúc này đâu nhé.

Và tôi nói tiếp một mạch:

- Có lẽ tôi khác ông ở chỗ thích được thương

hại vì ít ra như thế họ cũng có chú ý đến mình. Do đó tôi rất dễ thương hại người ta thì cũng phải thôi.

Mải nói chuyện, tôi vụt bàng hoàng nhận ra người đàn ông vừa dừng lại trước một căn nhà vừa vặn, xinh xắn và thơ mộng:

- Nhà của ông thật sao?

Người đàn ông mở cửa xe, đỡ nhẹ tay mà cơ hồ nhiệt ấm đã truyền khắp châu thân tôi. Ông ta nheo mắt dọ chừng phản ứng của người đối diện:

- Có phải cô ngạc nhiên lắm không? Hang động của một con bùi nhùi, à, con nhím đây mà. Cũng may nhờ trúng số tôi mới tậu được căn nhà này đấy cô.

Thấy tôi tuồng như vẫn còn bỡ ngỡ, người đàn ông giải thích tiếp:

- Nghĩ buồn cười, hôm ấy mắc chứng gì không biết, tôi bỗng hứng sảng ghé mua vài ba tấm vé số, đem về vất đại dưới cái rổ đựng cây. Rồi sau đó, chừng như chỉ hai hôm là hết hạn được lãnh, tình cờ đọc báo tôi lại thấy thiên hạ kháo là vẫn còn tấm vé trúng chưa ai đi lãnh, bèn lục lại coi chơi cho vui, ai dè mới biết mình được thần tài gõ cửa. Câu chuyện dài dòng như thế.

Dĩ nhiên tôi không thể bị bất động, sửng sốt quá lâu vì ba thứ hào nhoáng bày biện trong nhà nữa. Tôi chỉ hơi thắc mắc là ông ta đã giấu chiếc đũa thần ở đâu trong người?

- Hang động của ông đẹp hơn tôi tưởng. Tôi nói vòng vo như cốt đo lường nhiệt kế trong tim ông ta.

- Phải nói là cô không ngờ một tên chịu khó đi lượm lon lại hiện đang được ở một nơi chốn huy hoàng như vầy chớ gì.

- Ông quả thật là con người bí mật.

- Thật ra chỉ ở vào lúc nghèo hèn, người ta mới thấy rõ đâu là kẻ tốt bụng và chân thật với mình. Từ khi trúng số, tôi vẫn tà tà đi lượm lon là để hãm mình đó cô ạ. Vâng, không những để thấm thía lại tình đời, mà có lẽ lâu lâu tôi còn muốn nếm mùi vị đắng cay của thuở hàn vi nọ. Nếm để biết rằng, mặc dù bây giờ mình không giàu hơn ai, nhưng cũng hơn vạn tỉ người còn quá không may.

Hình như càng lúc tôi càng bị người đàn ông thôi miên. Từ ly trà đá đầu tiên được ông ta pha chanh đường và bắt tôi phải vào buồng tắm súc hết những bụm máu. Ông ta còn đùa: "cô lấy máu con... dê ở đâu mà nhiều thế, làm tôi mất hồn." Và rồi là ly cà phê ấm nóng sau đó; tất cả ông ta đều tỏ vẻ chăm chút tôi hơn tình nhân dành cho tình nhân. Có một lúc ông ta bỗng thú nhận:

- Chăm sóc đàn bà nhiều quá đôi khi cũng làm họ lên mặt. Họ tưởng đó là nghề của chàng nên hôm nào lỡ thiếu là họ vụt đi kiếm tên nào giỏi nịnh đầm hơn...

- Ông có vẻ tả oán về đàn bà nhỉ. Có phải đó là một trong những tai họa mà ông mới nói hồi nãy?

- Không hẳn lúc nào tôi cũng tả oán về họ đâu nhé. Ngày xưa tôi cũng yêu quí đàn bà lắm chứ, riết hồi khi qua đây tôi mới nhận ra một điều chua chát. Hình như đàn bà họ yêu tiền nhiều hơn yêu đàn ông. Bởi thế, nếu phải đợi đến lúc người ta biết tôi trúng số độc đắc thì tưởng rằng sự trở về hay mọi sự cũng phải quá muộn.

Tôi chớp mắt, xoay xoay tách cà phê như để dằn xúc động:

- Ông nói hình như thì có vẻ... hợp lý. Vì chắc trong số ông vừa nói hẳn không có tôi. Tôi... tôi... "nhìn thấy" ông ngay cả những lúc chàng đang lượm lon cơ mà.

- Không, dạo này đúng là tôi coi thường đàn bà lắm, nhưng không dám coi thường bổn cô nương đâu. Tôi cũng nhận ra điều đó ở cô và do đó tôi có ý trở lại tìm cô là vậy. Tôi mời cô về đây chắc chắn vì tôi cũng nhìn thấy cô hết sức đặc biệt rồi.

Và ông ta tặng thêm tôi một ánh nhìn say đắm, lẳng lơ:

- Cô tiếp đón tôi bằng cả đôi mắt đẹp có hồn chứ không như những mụ đàn bà khác chỉ hất cho tôi có nửa con mắt. Cô còn chịu khó nốc đầy một bụm máu để phun ra tặng tôi nữa cơ.

Tôi cười, môi cười tròn và tươi. Người đàn ông cũng cười thật tròn đầy và thật tươi. Qua khung cửa nhỏ nhìn ra vườn sau, chúng tôi bỗng thấy được mảnh trời xuân rõ bừng sáng như chưa bao giờ.

Cho đến giờ phút này, chẳng hiểu sao không ai trong chúng tôi sực nhớ việc hỏi tên hỏi tuổi nhau. Tên tuổi mà làm gì khi không ai phải khổ mãi với một cái tên và trẻ mãi theo thời gian. Với tôi, tôi nghĩ có lẽ không cần thiết lắm. Bởi chính tôi đã ngấm ngầm gọi ông ta là Mùa Xuân, mùa của bất tận. Vâng, bây giờ ông ta là chim muông, cỏ mượt, nắng ấm, vũ trụ thiên nhiên, là... tất cả cùng với những nỗi niềm tiết mới trong tôi.

Mai sau kiếp khác (*)

TÂM THANH

** Tựa đề mượn từ một bài thơ của Trần Vấn Lệ, không cùng nội dung.*

Tôi đeo găng tay, nhón từng cái quần, cái áo của Khâm, bỏ vào máy giặt. Mặc dù rất ghê tởm quần áo của chồng, tôi không dám đeo khẩu trang khi làm công việc này. Dù sao, tôi cũng còn sợ làm chồng đau lòng. Nhưng tôi nín thở để dồn cho nhanh mẻ giặt, vặn nhiệt độ 90, và bấm nút cho máy chạy. Tôi gỡ găng tay bỏ vào thùng rác, rửa tay bằng xà-bông và cồn khử trùng trước khi làm gói ăn trưa cho các con. Hai đứa con gái đang uể oải xúc cốm trộn sữa nhưng mắt vẫn theo dõi cử động của mẹ.

"Tại sao má phải đeo găng?" Phịu, con em năm tuổi hỏi.

"Má sợ vi trùng của ba," con chị bảy tuổi rưỡi, trả lời thay.

"Đừng nói bậy, Phụng!" tôi nói nhỏ. Đúng lúc đó, có tiếng ho của ba chúng trong phòng. Tôi nói to "Tụi con uống dầu cá chưa, Phụng Phịu?"

"Dạ rồi!" chị em Phụng, Phịu mau mắn trả lời.

Thấy hai tô sữa cốm đã vơi hơn phân nửa, tôi cho là hai con đã ăn sáng tạm đủ, tôi tuồn hết phần còn lại vào bụng mình, rồi giơ hai cái tô nhẵn lên.

"Dễ ẹc mà tụi con nhơi nửa giờ chưa xong!" tôi nói.

"Má giỏi!" con Phịu nói.

"Má chưa uống dầu cá!" con Phụng nhắc.

Tôi viết trên miếng giấy con màu vàng 'Anh nhơi quần áo trong tủ sấy.' Tôi uống thìa dầu cá, hớp một ngụm nước cam trước con mắt thanh sát của hai đứa trẻ. Xong, tôi mở sẵn cửa nhà, nói:

"Chúng ta đi!"

"Thưa ba con đi vườn trẻ," Phịu nói.

"Thưa ba con đi học," Phụng nói.

Khâm không đáp lại, nhưng chắc có nghe. Tôi khép cửa nhà, đẩy hai con vào thang máy. Con Phịu nhấn nút xuống ga-ra. Tôi bỗng nuối tiếc buổi sáng hôm ấy cả nhà ồn ào một mình một cõi thang máy, con Phụng kiểm soát xem ba nó có kéo phẹc-ma-tuya quần không, con Phịu nao nức với trận tuyết đầu mùa, vợ chồng 'mi lén' nhau trên đầu hai đứa trẻ... vô tội. Chín giờ mặt trời mới mọc, nhưng tôi cảm thấy lòng chan hòa ánh sáng. Còn nhớ cảm giác hôm đó về một gia đình bền vững, con tôi sẽ lớn khôn, xinh đẹp, chồng tôi sẽ tiếp tục mi tôi trong thang máy.

Trận tuyết đầu mùa năm nay, trong thang máy chỉ có ba người. May mà tôi lo xa, tuần trước mới thấy sương đóng trắng cành sồi, đã mang xe ra cây xăng cho người ta thay bánh đinh. Việc này mọi năm Khâm làm lấy cả. Cũng còn nhớ lời anh thường khoe "Hai mươi hai phút, đúng." Và tôi thường 'tưởng thưởng' anh một tách cà-phê nóng. Bây giờ anh lủi nhủi như con nhím, chờ vợ con đi, mới ra khỏi phòng, đi kiếm đồ ăn. Anh sẽ lau mặt bằng cái khăn riêng — nếu anh biết điều giữ gìn cho vợ con.

"Má!" Phịu gọi.

"Gì con?"

"Tại sao má mang găng lúc giặt đồ cho ba?"

"Để... để xà-bông không ăn tay."

"Tại sao má rửa tay bằng... bằng cái gì..."

"Cồn sát trùng," Phụng nhắc em.

"Tại sao má rửa tay bằng... vi trùng trước khi làm matpakke(1) cho con?"

"Sát trùng..." Phụng sửa. Tôi chờ cho con chị giảng giải thêm để tôi khỏi phải trả lời con em. Nhưng Phụng không nói gì thêm nữa. Nhìn vào gương chiếu hậu, tôi thấy nó, ngược lại, nó cũng đang chờ đợi câu trả lời của tôi. Tuyết bông to bay loạn trong ánh đèn.

"Để những con vi trùng trong tay má không dính vào gói ăn của tụi con," tôi đáp.

"Vi trùng của ba, hả má?" con Phịu không chịu tha.

"Ở đâu cũng có thể có vi trùng...Thôi, xuống đi, con!" tôi dừng xe trước cổng vườn trẻ, tháo dây an toàn cho Phịu, dắt nó xuống. Một cô giáo đang xúc tuyết trên lối vào, dừng tay, đón con Phịu:

"Hi Vivi!" Vivi là tên thật của con Phịu.

"Hi Nina!" con Phịu chào cô giáo, rồi quay lại vẫn tay, "Ha det mamma! *Ha det chị Phụng!*" (2)

Phịu quay đi, tôi vẫn đứng tần ngần nhìn những hoa tuyết rơi trên người con bé bước đi đủng đỉnh. Tôi có cảm giác sợ nó tan theo những cọng tuyết. Gần bước lên tam cấp, nó quay lại, thấy tôi còn đứng ở cổng, nó chạy ra, giang tay cho tôi ôm hôn. Cử chỉ bịn rịn khác thường của con khiến tôi bồn chồn trong lòng.

Tôi lùi xe, xuýt quệt phải mẹ con một bà vừa xuống xe.

"Má!" Phụng gọi.

"Gì con?"

"Má cho con ngồi ghế trước, đi má!"

"Con nít phải ngồi ghế sau."

"Con 151 cm rồi! Được phép ngồi ghế trước, má."

"Con học luật lệ đó ở đâu vậy?"

"Dạ, trong trường," nó trả lời. Tôi thấy ở xã hội này 'ăn hiếp' con nít không phải chuyện dễ. Tôi trả lời:

"Con coi tuyết như thế kia, chui ra chui vô mất công lắm. Khi khác má cho con ngồi ghế trước. Mà con 151 cm thật à? Con coi đàng sau có người không!"

"Không, má, nhưng có cái xe đang lùi ra."

"À, con đo hồi nào?"

"Ngày nào con cũng đo."

"Chi vậy?"

"Con muốn lớn mau để flytte ut." (3)

Tôi điếng người. Không biết nói gì với con. Ngay trẻ con Na-uy cũng phải mười bốn mười lăm mới nghĩ tới chuyện 'ra riêng' và chờ tròn 18 mới dọn ra thật. Đằng này con tôi mới bảy tuổi rưỡi... Dù nó nói theo trào lưu hay nó là... thần đồng, tôi cũng vẫn rất đau lòng. Gần tới trường học của con, tôi mới lên tiếng được:

"À, con vừa nói con thích mau ra ở riêng. Con không thích ở với ba má sao?"

"Con thích ở với má. Nhưng ba không thích con..." Phụng nói.

"Tại sao con nói vậy?"

"Ba về Việt Nam kiếm con trai."

Thì ra cũng là chuyện này. Tôi ngừng xe trước cổng trường, ghì con vào lòng, hôn túi bụi trên mặt nó.

"Con là tất cả của má. Má không cần kiếm cái gì khác," tôi nói.

"Con thương má," nó nói.

Nó đi lẫn vào đám trẻ trong sân trường rồi, tôi mới quay xe ra, miệng lẩm bẩm:

"Khâm ơi! Anh đáng tởm hơn nữa vì đã xúc phạm tới các con."

Tôi muốn băm vằm anh ra cho hả giận. Đi tìm vui thú riêng mà lấy cớ nối dõi tông đường! Chính cái cớ đó đã lạc hậu, mà một người đàn ông ở thế kỷ 21, sinh trưởng ở Na-uy, lại có thể đưa ra làm chiêu bài được. Thật là hôn mê ám chướng. Giá anh cứ tiếp tục con đường mê muội đó thì tôi có thể coi anh là một lãng tử vô lương tâm; đằng này anh vác cái thây bệnh hoạn về nhà, tôi chỉ có thể gọi anh là vô liêm sỉ.

Tới một khúc quanh cái xe, như con ngựa bất kham, xăm xăm lao thẳng xuống hố, bất kể tôi bẻ lái tay phải hay tay trái. Tôi hoảng hốt đạp thắng, tôi thấy trời đất xoay vòng vòng. Tôi chờ chết. Tôi hình dung hai đứa con ôm xác tôi khóc thảm thiết dưới trời tuyết. Sau đó, ai sẽ nuôi chúng? Nhất định người cha vô tích sự không có khả năng, không có tư cách gìn giữ hai kho tàng vô giá của tôi. Tôi chờ đợi một đụng chạm kinh hồn, tách linh hồn tôi ra khỏi xác... Tại sao tôi ra nông nỗi này! Phụng ơi! Phịu ơi! Các con cứu má! Chúa ơi! Xin hãy ra tay cứu con!

Tôi tỉnh dậy trong bệnh viện, ngơ ngác. Tôi lấy tay phải sờ tay trái, rồi sờ hai chân — còn nguyên. Tôi hít vào thật sâu — tim phổi chưa văng ra ngoài. Tôi sờ đầu — không băng bó chi cả. Tôi còn lành lặn.

Người đầu tiên tới thăm tôi là mẹ chồng, người sau cùng tôi chờ đợi. Người đã phản đối cuộc hôn nhân của chúng tôi, viện cớ tôi không chịu theo Đạo (hiểu là Công giáo). Người đã ngầm tán đồng việc đứa con trai Công giáo của bà về Việt Nam lấy vợ bé. Dù vậy, tôi đang mừng vì thoát chết, nên không ngoảnh mặt đi. Tôi nói, giọng thân thiện:

"Sao má biết con nằm đây?"

"Thằng Khâm báo," bà nói, trao cho tôi bó hoa. "Giê-su, Chúa đã cứu con đấy!"

"Cám ơn má, má cứ để đó giùm con."

"Để má đi tìm cái bình," bà nói và ra ngoài. Tôi nghe tiếng Na-uy nhát gừng của bà oang oang ngoài hành lang, chắc bà nói với các cô ý tá, rồi thấy bà mang vào một cái bình hoa bằng thiếc, xun xoe cắm hoa. Cô y tá mở cửa nhìn

tôi, mỉm cười, nháy mắt một cái rồi khép cửa lại. Nhìn những ngón tay móng tím rịm của bà mẹ chồng và những bông hoa cẩm chướng đỏ, loài hoa tôi ít có thiện cảm nhất, tôi tự hỏi không hiểu bà đang 'mưu đồ' gì.

"Má đi đón các cháu giùm con, được không?" tôi nói khi bà cắm hoa xong.

"Được chớ. Nhưng bây giờ còn sớm, chưa tan học."

Tôi nhìn đồng hồ — một giờ hơn. Tai nạn xảy ra cách đây gần bốn tiếng. Không đầy bốn tiếng đồng hồ, xuýt nữa tôi đã thành người thiên cổ.

"Con nói trước như vậy, để má dễ thu xếp."

"Con cứ yên tâm tĩnh dưỡng. Má sẽ lo cho xấp nhỏ," bà nói rất ngọt, khiến tôi phát lo hơn là yên tâm.

Bà biết việc tốt nhất bà có thể làm cho tôi bây giờ là gì không? Đó là bà rước người con trai yêu quí của bà về nhà, hai mẹ con hú hí với nhau, để tôi một mình. Tôi đang rất cần ở một mình yên tĩnh, cần ghê gớm, như một người bị chụp thuốc mê buồn ngủ. Tôi thầm nghĩ, và nhắm mắt lại, thở dài. Bà biết tôi cần nghỉ ngơi, lặng lẽ bỏ ra. Tôi nghe tiếng oang oang của bà ngoài hành lang. Khi tiếng bà nhỏ dần, tôi mở mắt ra, như tuồng thuốc mê hết tác dụng. Tuyết vẫn lặng lẽ rơi ngoài cửa sổ, từ đêm qua tới giờ

TRANG CHÂU

Dặn con khi trở về

Nay con ăn học đã nên người
Bạn, đủ sắc màu, chẳng kém ai
Đẹp mặt mẹ cha, thơm nòi giống
Phận lưu đày nay kịp sánh vai
Lớn lên con biết cha ông ta
Vốn dòng võ kiệt vốn danh gia
Hiếu trung là hai chữ rường cột
Trung với non sông, hiếu với nhà
Nghe con ngỏ ý về quê cũ
Sau tang thương tìm được thanh bình
Tạo phồn vinh góp bàn tay dựng
Cho người dân áo ấm cơm lành
Con nói chiến tranh là quá khứ
Hận thù nào cũng lắng phai đi
Hết chiến thắng không còn chiến bại
Phải hòa đồng mới hết phân ly
Con nói sẽ mang luồng gió mới
Làm mát tươi màu lá quê hương
Cho mạ trổ xanh rờn ruộng lúa
Và người người gặt hái yêu thương
Cha cảm động trước tình gắn bó
Con dành cho vạn dặm quê nhà
Cha chỉ, với vốn người đã sống
Tỏ cùng con vài nỗi xót xa
Cha không hỏi chỉ cần con thử
Tự nhủ lòng đất nước bao năm
Hết ngoại xâm hòa bình thống nhất
Sao người người tất tả chạy ăn
Con thử hỏi bất công đầy rẫy
Sao người người câm tiếng? vì sao?
Bởi tất cả những người cất tiếng
Bị đọa đày ngục tối tù lao
Con nói sẽ hô hào dân chủ
Đòi tự do bình đẳng nhân quyền
Tôn giáo phải thuộc về tôn giáo
Và ý dân là ý từ thiên
Cha hãnh diện con cùng lý tưởng
Chỉ khuyên con bảo trọng hình hài
Bọn quyền thế sợ nhìn sự thật
Lấy bạo hành che khiếp nhược thôi
Khi con về sẽ điếc tai nghe
Những con vẹt nhai khẩu hiệu vè
Hãy đi vào đường cong ngõ tối
Nghe tiếng dân mới thật não nề
Khi con về sẽ thấy quê hương
Một chợ trời buôn bán phấn hương
Hãy xót thương nhưng đừng hổ thẹn
Hỏi xem ai bắt họ đoạn trường?
Khi con về sẽ được khuyên răn
Chỉ tham quan, chỉ gặp người thân
Hãy nói tốt xin đừng nói xấu
Dẫu có bao ứ nghẹn trong lòng
Con sẽ nghe trăm lời phủ dụ
Hãy xét suy lòng dạ con người
Xứ luật rừng bàn tay kẻ mạnh
Ngửa hôm nay và lật ngày mai
Nếu con muốn đem tài góp sức
Cho tương lai đất nước phú cường
Nhìn đám cháy nhớ đừng chữa ngọn
Con hãy đào tận gốc nhiễu nhương
Con đã chọn con đường tranh đấu
Cứ vững tin chướng ngại không sờn
Hãy tiếp lửa cho từng thế hệ
Đợi chờ giờ lịch sử điểm trang

5-12-2006

không ngớt. Lặng lẽ và dai dẳng. Tuyết dịu dàng phủ kín mặt đất và nhà cửa. Có khi nào đang bắt đầu một cơn hồng thủy trắng nhận chìm thế gian một cách êm ái chăng? Giả như có một cơn hồng thủy mới, tôi là người đầu tiên bình thản đón nhận. Cái cảm giác hốt hoảng khi xe tôi sắp lao xuống hố, rất ngắn ngủi; sau đó và bây giờ là tâm trạng phó mặc. Tôi thả hồn tôi rơi trong chân không giải thoát. Giải thoát khỏi cuộc đời vô vị này. Vâng, giải thoát khỏi cuộc đời không mặn không nhạt, không chua không ngọt này, không gì cả, trừ một chút vô tình... Giải thoát khỏi thế giới không màu sắc ấy, phải là một cơn hồng thủy trắng. Tôi nhắm mắt lại.

"Cô có thể về nhà rồi," cô ý tá nói khi tôi thức giấc. "Cô muốn gọi người nhà đón, hay tôi kêu taxi?"

"Cô làm ơn kêu taxi giùm tôi, cám ơn."

Thấy hai đứa bé đứng ở trạm xe buýt, tôi nói ông tài xế chạy vào trạm. Quả là con Phụng con Phịu. Hai đứa nhảy lên xe, ngồi hai bên. Tôi phủi những bông tuyết trên người hai đứa.

"Tụi con tính đi thăm má," con Phịu nói.

Tôi hôn hai con, lắc vai con Phịu, nói:

"Tụi con thật là liều, dám đi một mình!"

"Đâu có một mình, má! Con đi với chị Phụng, má," Phịu nói.

"Thì má nói là hai đứa con còn quá nhỏ để đi trên đường lạ!" tôi nói. "Lần sau phải có người lớn dẫn, nghe không?"

"Dạ... Má có đau không, má?" Phụng hỏi.

"Má không sao cả, nên bác sĩ mới cho về ngay."

"Con không thích má về ngay," Phụng nói.

"Ủa, sao lạ vậy?"

"Con muốn vào bệnh viện thăm má."

"Con cũng vậy," Phịu nói.

"Rồi đưa má về," Phụng tiếp, "vậy mới sang."

"Vậy để lần sau," tôi cười nói "má đau nữa, nhé?"

Đã tới nhà.

"Sao má không trả tiền taxi?" Phụng hỏi khi thấy tôi chỉ đưa cho ông tài xế một tờ giấy.

"Bệnh viện cho giấy trưng dụng," tôi đáp.

"Giấy trưng dụng là gì?"

"Là rekvisisjon, là tờ giấy bệnh viện nhờ taxi chở má về nhà, ông taxi chở xong thì nạp tờ giấy cho nhà nước lấy tiền."

"Cám ơn ông," tôi nói với ông tài xế, và xuống xe. Phụng vẫn còn thắc mắc về vụ trưng dụng, hỏi ông tài xế:

"Ông ơi! Nếu ba chở má, ba có được tiền không?"

Ông tài xế cười, giọng ngoại quốc:

"Hm, má cháu trả ba cháu bằng cái khác, hề hề..."

Mới có tám tiếng đồng hồ mà quang cảnh khu chung cư xa lạ như đi xa rất lâu về nhà. Tuyết trên lối vào đã được ủi thành hai bức tường ngang hông người; một lớp mới trắng bong đã trải lên. Những cái băng chúng tôi ngồi phơi nắng mùa hè trở thành những con gấu tuyết nằm phủ phục bất động.

Vẫn người tôi ít chờ đợi nhất trên thế gian đang lù lù hiện diện trong nhà tôi. Lúc tôi mở cửa vào, bà đang ngồi trong phòng khách, tay còn cầm cái bấm tivi. Nhà tôi không có đài Việt Nam, nên bà miễn cưỡng coi phim Hàn. Chắc anh con trai trốn vào phòng khi nghe tiếng mở cửa.

"Má tưởng con còn ở trong nhà thương lâu, má về coi mấy đứa nhỏ," bà nói.

"Cám ơn má... May bây giờ con đã về rồi. Con tự coi chúng nó được mà."

Bà không hiểu, hay làm bộ không hiểu rằng mình không được hoan nghênh, vui vẻ nói:

"Coi sao xuể! Con mới xuất viện, người coi vậy chớ không khỏe đâu, chưa khỏe hẳn."

Tôi cúi xuống hỏi các con, vẫn đang nắm chặt tay tôi:

"Tụi con ăn uống gì chưa?"

"Dạ chưa," hai đứa cùng nói.

"Hồi nãy bà nội bảo ăn cái gì rồi hẵng đi, cứ nằng nặc đòi đi ngay," bà nói. "Để tao đi nấu cơm."

"Không cần đâu, má," tôi nói. "Tụi con đi làm bài đi. Làm bài xong thì có cơm ăn."

Con Phụng dạ một tiếng, đi vào phòng. Con Phịu nói:

"Con tiếp má làm bếp."

Khâm ra hỏi:

"Em không sao chớ?"

"Không sao," tôi đáp, không nhìn lên.

Anh ta rút vào phòng.

Bà mẹ nói:

"Má làm gì tiếp con được?"

"Má cứ lên con phim, bao giờ cơm xong, cháu lên mời," tôi trả lời.

"Phim Hàn chán chết..." bà thở dài. "Con còn giận má à?"

"Con có giận ai hồi nào đâu?"

"Má xin lỗi con."

"Chết! Việc gì má phải xin lỗi con vậy?"

Tôi đổ rổ rau vào chảo nóng. Xèo!

"Chuyện gì, con biết đấy," bà nói.

"Dạ không, con không biết."

"Con biết."

"Không, con không biết. Má cứ nói thẳng ra đi!" tôi nói. Tôi nghĩ nếu bà biết tự nói ra một lời, may ra tôi có thể tha thứ cho. Nhưng bà lại nói:

"Má sẽ trả lại công đạo cho con."

Tôi xuýt bật cười thành tiếng. Tôi đổ chảo rau xào vào cái đĩa to, trong đầu nghĩ nên ăn trong bếp hay ngoài phòng ăn. Không biết hôm nay anh ta có ra ăn cơm với mẹ anh ta không?

Bà nói tiếp:

"Má muốn về đây ở."

"Thêm một của nợ?!" Tôi nghĩ và buông đĩa rau xào xuống sàn.

Đêm. Nhìn đèn đường tôi biết tuyết đã ngừng rơi. Cơn hồng thủy trắng dâng nửa vời rồi ngưng lại, vừa ngập cái vạch đỏ trên những cây cọc mà mùa đông thị xã cho cắm dọc đường. Chắc Thượng Đế còn nghĩ lại, dung tình cho loài người. Loài người chưa đáng chết. Hay không đáng vùi trong tuyết trắng. Nhưng tôi uất ức. Mẹ con họ tưởng tôi là cái gì? — Một con giun để dày xéo? Một con khùng dễ lừa gạt? Tôi muốn nổi cơn thịnh nộ, tống cổ người đàn bà ra khỏi nhà tôi, nếu cần dùng lực thì tôi còn trẻ và khỏe hơn bà, nếu cần dùng lý thì tôi là chủ căn nhà này, nếu dùng tình thì chính bà từ đầu đã khước từ tình cảm của tôi, chính bà đã tìm mọi cách ngăn cản không cho con trai bà cưới tôi, đến khi tôi tôi có hai mặt con rồi, bà vẫn gieo rắc bao nhiêu lời độc địa... Tôi có thể nhấc điện thoại kêu cảnh sát... Khâm sẽ can thiệp? Bằng cách nào? Anh sẽ đem cái mạng cùi ra đọ với tôi? Điều này cũng đáng sợ thật, nhưng tôi có thể dùng cây lau nhà, à! có cả cái bình chữa lửa nữa, xịt một cái là anh co rúm người lại, như cái kén trong nồi nước sôi. Tôi sẽ dồn anh vào con đường cùng phải lựa chọn — một là vào bệnh viện nằm để nhà cửa được sạch sẽ, hai là ra khỏi nhà này như con chó ghẻ... Tóm lại tôi là kẻ chiến thắng, mọi mặt. Tâm trí tôi bay phóng túng trong một bầu trời đen, trẻ con, nhỏ mọn. Tôi biết đó là nhỏ mọn, nhưng để bù lại gần mười năm trời nhẫn nhục, tưởng không có gì là quá đáng. Họ luôn luôn là hai kẻ đáng khinh hơn đáng thương.

Có lúc tôi cảm thấy bị vây hãm bởi sự lì lợm của mẹ con họ. Khâm bỏ vợ con theo gái, tới thân tàn ma dại mà dám vác mặt về; bà mẹ nhân danh một thứ tôn giáo công bằng bác ái phủ nhận tôi, con trai làm điều vô luân, không nửa lời ngăn cản, bây giờ lại đòi về ở chung. Thật là không biết ngượng.

Từ trong bóng đêm, một khuôn mặt thân quen hiện đến bên giường. Nụ cười ba phần trách móc bảy phần thương hại. Quang! Quang, ngồi xuống bên giường vuốt tóc tôi. Anh nói:

"Em ơi, mình bắt đầu lại vẫn chưa muộn..."

Mẹ chồng, thức dậy từ sớm, chiên trứng gà, pha cà-phê thơm lừng trong bếp, thấy tôi từ nhà tắm đi ra, đon đả:

"Con ăn sáng để chuẩn bị đi làm. Để cho chúng nó ngủ thêm mười phút nữa hẵng đánh thức..."

Giấc mơ trong đêm khiến tôi có mặc cảm tội lỗi. Tôi bớt căng thẳng với mẹ chồng. Với Khâm, tôi sanh chút thương hại.

"Má không cần mất công như vậy," tôi nói và ngồi xuống, uống một hớp nước cam tươi.

"Con!"

"Dạ, má nói chi?"

"Con... xử lý vụ việc của má hôm qua thế nào?"

Từ ngày chạy được hồ sơ hưu tàn phế, bà không làm việc gì khác ngoài coi VTV4. Đã nhập tâm.

Tôi hỏi lại:

"Về việc má về ở đây, phải không ạ?"

"Đúng vậy. Con thấy sao?"

Thật ra, nhà vẫn còn một phòng trống, chỗ ở không thành vấn đề, nhưng tôi cảm thấy bất an khi sống chung với một người đàn bà như bà có đạo mà thiếu đức. Tôi nói:

"Má đang ở trên đó thảnh thơi một mình một nhà. Má không thấy xuống đây chật chội sao?"

"Thì tạm thời trong tuần lễ con không có ô-tô, chủ yếu là má đưa đón hai đứa đi học..."

Tôi quên không nghĩ tới điều này. Tôi gật đầu:

"Dạ, cũng được, trong tuần này..." Ý tôi là chỉ chấp thuận cho bà 'tạm trú' một tuần thôi; có gia hạn hay không thì hậu xét. Ít nhất tôi được một tuần lễ không phải hầu hạ cơm nước và đụng chạm tới quần áo dơ của Khâm.

Sissel, trưởng dự án và bạn thân nhất của tôi trong sở, khuyên tôi nên đi bác sĩ tâm thần. Trong cuộc họp nhóm, nó không giao công tác mới cho tôi, bảo coi lại việc cũ. Ai cũng thông cảm tôi đang gặp chuyện buồn trong gia đình, đụng xe chỉ là một hậu quả trông thấy. Họp xong, Sissel vào văn phòng tôi, nói tiếp:

"Bị áp lực như vậy sẽ thành bệnh," nó nói.

"Tao chịu đựng được," tôi nhìn nó biết ơn, nhưng nói cứng. Thực ra, trong lòng, tôi không biết tôi chịu đựng được bao lâu. Nhìn mặt Sissel và mấy đứa con gái làm chung, tôi biết chúng đang chê tôi khờ dại, phải như chúng nó, chúng nó đã đá đít thằng chồng mắc toi ra ngoài cửa. Còn tôi chỉ biết... chịu đựng.

"Chịu đựng!," nó cười khẩy, "Có phải đó là truyền thống của người đàn bà Việt Nam không?"

"Tao mấy phần là Việt Nam, mấy phần Na-uy, mày biết. Tao chịu đựng, không phải vì tao là đàn bà Việt Nam, nhiều đàn bà Việt Nam đốt chồng, cắt cu, chớ không phải giỡn, nhưng tao chưa biết nên làm thế nào để không phải hối hận, để không ảnh hưởng tới các con tao."

"Nếu vậy, mày có thể đi gặp cố vấn gia đình. Họ có những lời khuyên chuyên môn, thế nào là tốt nhất cho các con, cái gì làm mà không phải hối hận..."

"Để tao coi."

"Nói chuyện với mày như nước đổ đầu vịt. Thôi, tao về phòng tao đây. Tuần này mày muốn đến giờ nào thì đến, về giờ nào thì về. Nhưng mỗi ngày phải tới sở trình diện tao. Không được... tự tử."

Sissel nói đùa. Nhưng biết đâu tự tử chẳng là một giải pháp hay...

Hình như châm ngôn Trung Hoa có câu đại khái nói một vạn bước phải có một bước đầu. Cái bước đầu đơn giản nhất để tôi mở cửa cho Khâm là anh đi khám bệnh và chữa bệnh. Nhưng anh cứ trốn chui trốn nhủi trong phòng như con gián. Không biết anh bệnh gì, nguy hiểm tới đâu? Thái độ của anh có nghĩa là gì? Đầu hàng bệnh tật và cuộc đời? Hổ thẹn với vợ con và xã hội? Ân hận? Tuyệt vọng? Ăn vạ? Muốn cho tôi có thể ứng xử thỏa đáng, ít ra anh phải mở đường cho tôi. Đằng này, anh không hề nói trong trường hợp nào bị bệnh, đã khám bệnh ở Việt Nam chưa, bác sĩ hay ông lang, thầy pháp ở bên đó nói gì. Anh chưa mở miệng long trọng xin lỗi. Anh chưa minh nhiên nói xin được trở về. Anh là người đọc Kinh Thánh, ít nhất anh phải biết 'Người con hoang đàng' nói gì khi quay về — 'Thưa Cha, con đã phạm tội đối với Cha và đối với Thượng Đế. *Con không xứng đáng làm con của Cha nữa.*' Mẹ anh coi vậy mà khá hơn, có lẽ kinh nghiệm đời giúp bà một thái độ, khi cần, có thể khiến người ta dễ tha thứ cho hơn.

Tôi đi làm về, trễ hai tiếng, thấy con cái đã ăn uống đàng hoàng, con Phụng đã làm xong bài, đang ngồi bên con Phịu chờ chương trình tivi trẻ em. Tôi về trễ vì ngồi trên xe điện hầm Sognsvann, đi qua nhà Quang, tới trạm chót, nơi chúng tôi năm xưa thường xuống để vào rừng chơi. Hôm nay tôi đi một mình bằng đôi chân buồn bã, vô hồn, không tà ý. Đầu óc tôi trống rỗng, tai chỉ nghe tiếng sắt lăn rền, thỉnh thoảng rít lên ở một khúc quanh, đau đớn. Có lúc tôi chảy nước mắt mà cứ tưởng tuyết từ khe cửa sổ tạt vào.

"Đi xe buýt vất vả thế đó. Bao giờ cái xe xong, con?" mẹ chồng ngồi ghế bên bàn ăn hỏi.

"Dạ, họ nói một tuần... Má lấy gạo ở cái bao nào vậy — bao nhiều hay bao ít?"

"Không nhiều, không ít. Má mua gạo mới, gạo mới năm nay. Con thấy ăn được không?"

"Con thấy không ngon nên mới hỏi."

"Vậy mai má sẽ đem đổi."

"Không cần, má, để ăn cũng được."

Tôi không biết bà bê bao gạo 45 pounds từ phố về bằng cách nào, tôi thương hại, nhưng không hỏi. Tự cảm thấy mình hơi ác. Tôi đánh rớt một chiếc đũa, bà lấy chiếc khác cho tôi. Trước đây khi thấy tôi làm như thế, bà đã chê bai là tôi sạch rởm, bắt chước Tây.

Bà bắt lại câu chuyện xe cộ:

"Con bảo hành mấy chiều?"

"Dạ hai chiều."

"Vậy lẽ ra họ phải cho con mượn ô-tô miễn phí."

"Con biết, nhưng con muốn đi xe buýt cho thảnh thơi."

"Một người như con, cái gì cũng xoay xở được trên đời," bà ôm bằng hai tay bàn tay tôi đang đặt trên đùi. "Nhưng thằng Khâm, nếu con không thương tình, nó không sống được. Còn má, nếu nó chết, má cũng không thiết sống nữa."

"Con thương anh ấy cũng vô ích, nếu chính ảnh không biết thương mình. Má khuyên anh ấy phải đi khám bệnh. Đó là điều tiên quyết để giải quyết việc này."

"Nhưng sau đó, con không bỏ nó chớ?"

Tôi im lặng đứng lên, xếp chén đĩa vào máy. Chính tôi không biết nếu Khâm khỏi bệnh, tôi sẽ phải làm gì tiếp theo.

Các bậc khôn ngoan dạy tôi phải sống giây phút hiện tại. Nhưng phen này tôi bị kẹt cứng, tôi không thể cắt ngày hôm qua ra khỏi hôm nay, hôm nay ra khỏi ngày mai. Quá khứ, hiện

tại, tương lai là một chuỗi liên tục không tách lìa nhau. Cái hôm qua đơn độc sẽ chỉ có một Khâm nồng nàn đến bỏng cháy. Cái hôm kia riêng rẽ sẽ chỉ có một Quang thơ mộng đến dại khờ. Không có Khâm, đâu có cái hiện tại quằn quại này! Không có Quang làm đối trọng, tôi đâu có cân nhắc và nghiêng cán cân về Khâm! Kết quả là hai đứa con, mà nếu không có ngày mai của chúng, ngay bây giờ tôi có thể tống vào mồm trọn chai thuốc ngủ với một ly nước lạnh. Không gì đơn giản hơn một hiện tại riêng rẽ.

Tôi trằn trọc mãi tới khi một người đàn ông có mùi nhựa thông của rừng Sognsvann hiện đến nhìn tôi bằng đôi mắt đẹp ba phần trách móc, bảy phần xót thương. Khuôn mặt như mây ngàn năm hạ đỉnh non.

"Em phải sống. Mình sẽ chắp nối lại tình xưa," Quang nói trong mơ.

Ba rưỡi chiều, trời đã tối. Tôi cầm mobil trên tay lâu lắm, phân vân có nên gọi cho Quang không, tất nhiên chỉ để nói chuyện cho khuây khỏa thôi. Cái máy reng, tôi giật mình như kẻ trộm bị người bảo vệ đứng sau vỗ vai.

"Thằng Khâm chết rồi!" tiếng mẹ chồng, và tiếng nấc.

Khâm đã chờ lúc mẹ xuống phố đổi gạo, vào phòng tôi lấy chai thuốc ngủ.

Vì cái chết bất bình thường, bệnh viện phải giảo nghiệm. Họ xác nhận Khâm tự vẫn bằng thuốc ngủ. Tờ trình, ngoài ra, cũng cho biết anh bị bệnh 'psoriasis', hình như tiếng Việt gọi là bệnh vảy nến, một bệnh có thể di truyền, nhưng không lây nhiễm. Bệnh đó xuất hiện ở Bắc Âu và Mỹ nhiều hơn Việt Nam, có nghĩa là chưa chắc anh lây bệnh từ cô gái kia. Nhưng chắc chắn 'mối tình chat' đã hủy hoại tinh thần lẫn thể xác anh tới cùng cực. Cuộc đi hoang đã để lại trong tâm hồn anh những vết thương chết chóc, đâm rễ vào thể xác sẵn hao mòn. Anh chui rúc trong bóng tối vì hổ thẹn với tôi và các con. Anh còn biết đau đớn, tủi nhục, chung qui cũng vì anh còn lương tâm. Nghĩ đến điều này tôi bật khóc. Tôi ân hận vì những ý nghĩ ác độc trong đầu mình. May mà chưa bao giờ tôi thốt ra. Nhưng sự lạnh nhạt, tránh sao anh không thấy.

Mẹ chồng lấy khăn cho tôi chậm nước mắt, những giọt nước mắt mà tôi biết đang làm bà nhẹ lòng và biết ơn.

Khâm tính toán rất khéo, gởi một điện thư vào hộp thư của tôi vào 11 giờ đêm thứ sáu, trước ngày mai táng.

Thư viết:

"Em yêu,

Đã đến lúc chính anh không còn chịu đựng được mình nữa... Cuộc lẩn tránh đã tới đường cùng. Anh không còn mặt mũi nhìn em, nhìn các con.

Cám ơn Em về mười năm yêu thương, mà khi anh biết trân quí cũng là lúc vĩnh viễn mất đi. Cám ơn Em vì đã chứa chấp anh, chịu đựng trong hơn một tháng trời qua. Nợ tình còn đó, kiếp sau anh xin đền trả. Nếu không có kiếp sau, mà chỉ có địa ngục đang chờ anh, anh vẫn yêu Em trong địa ngục. Anh biết cái chết anh tự chọn chỉ chấm dứt được cảm giác đau đớn và lòng ân hận, không mong rửa sạch tội lỗi. Anh van xin Em và các con lòng tha thứ, như một ân huệ cuối cùng. Anh biết Em bản tính nhân hậu sẽ tha thứ cho anh. Nhưng cũng chính vì biết Em nhân hậu mà anh càng khó tự tha thứ cho mình. Anh viết những giòng này mà mười ngón tay run rẩy vì sợ hãi.

Xin Má tha thứ cho đứa con bất hiếu.

Tất cả chỉ vì một phút lỡ lầm.

Nhắn với những bạn bè quen biết: đừng bao giờ tìm bắt ảo ảnh!

Vĩnh biệt mọi người.

Khâm"

Tôi cố giữ vẻ u sầu kín đáo trước mặt mọi người. Nhưng khi mọi người ra về, tôi ở lại đứng bên huyệt mộ, đất nâu trộn với tuyết trắng.

"Em đã sẵn sàng tha thứ cho anh từ lâu rồi. Sao anh ngỏ lời trễ như vậy?"

Nói được hai câu ấy xong tôi bật khóc. Tôi càng khóc càng đau đớn. Nỗi thương xót anh thì chắc anh đang chứng giám, hai con đứng đằng sau với bà nội đang nhìn vai tôi rung, nhưng chất cay đắng trong nước mắt chỉ mình tôi nếm được — cay đắng của oán hận. Anh đã phá hoại tình yêu của chúng ta, lại không đủ khiêm tốn trỗi dậy, không đủ can đảm xây dựng lại. Anh là vậy, tình yêu thừa đam mê mà thiếu sâu xa, anh chưa hiểu lòng một người đàn bà như tôi. Một giòng thương xót với một giòng đắng cay cứ thi nhau tuôn ra, một thân tôi khôn cầm.

Chú thích

1. matpakke: gói ăn trưa
2. ha det bra: tạm biệt
3. flytte ut: ra ở riêng

VÌ TUI... EM TRỞ THÀNH... NI SƯ

HOÀNG THỊ BÍCH TI

Mới về quê nhà chưa được một tháng trời, má tui nói: "Học hành xong rồi, bây lo mà lấy vợ đi! Nhắm chỗ nào được, tao đem trầu cau tới hỏi." Tui kêu trời trong bụng. Năm bữa, nửa tháng bà già lại nói: "Bây nhắm hông xong thì để tao nhắm cho." Chuyện nhắm tới nhắm lui của má tui giống như chuyện cưới vợ của mấy cha nội thời ăn lông ở lỗ. Hễ khi nào muốn vợ là mấy cha xách chày vồ dùng để đi săn tới mấy cái hang láng giềng mà nhắm. Nhắm tới nhắm lui có con nhỏ nào vừa ý là nện cho nó một chày, túm cổ lôi xềnh xệch về. Tui rầu rĩ đem chuyện kể cho thằng bạn thân nhứt nghe. Nó thộn mặt ra, thở dài: "Con gái làng này sao xứng với mày. Mày học giỏi như vậy... bay bướm như vậy." Tôi cười: "Tao bay hồi nào đâu mà bướm. Tao đâu có giỏi bằng mày. Mày sắp đi Tây du học mà nói gì vậy?" Mắt nó chợt sáng long lanh: "Hay mày lấy chị tao đi." Tui ngẩn ngơ: "Chị mày hả?" Nó gật đầu lia: "Ờ, chị tao! Bả hơn tao với mày chừng hai tuổi chớ nhiêu." Tui cười cười, làm thinh.

Hôm đưa nó ra phi trường, hai đứa ôm vai nhau, nó còn nhắc: "Đừng lấy ai hết nghen, lấy chị tao đi! Bả hông có đẹp, lại chẳng ăn học gì nhiều. Nhưng mày lấy chỉ, tụi mình được làm anh em."

Một tuần sau được tin chiếc máy bay đưa Dinh chưa qua tới bên Tây thì bị rớt. Đám ma nó xong, tui buồn thúi ruột, bỏ ăn bỏ uống. Má tui lo quính quáng, len lén kêu thầy tà về chữa bệnh cho con trai, sợ vong hồn người mới chết về rủ con theo. Năm mười bữa, má mời thầy về làm phép. Mấy ổng bịt khăn vàng, khăn đỏ lên nhảy. Hết ông này đến ông khác. Mấy ông thầy tà nhảy muốn rả giò, kêu hét muốn rả họng nhưng tui cũng dửng dưng, cơm ngày hai bữa nuốt không vô. Bữa kia, tui thưa với má: "Má đi hỏi vợ cho con đi!" Má tui mừng rỡ, ngẩn tò te: "Ủa! Con muốn lấy ai?" Tui nói: "Chị của thằng Dinh đó má à, má qua hỏi đi!" Má tui cười toe: "Thiệt hả con?" Rồi bà nói một hơi: "Hồi nào giờ bây muốn lấy vợ mà sinh bịnh đó hả? Sao không nói sớm? Hễ ưng thì đem trầu cau tới hỏi người ta chứ để trong bụng mà sinh bịnh làm tao lo thúi ruột." Bà cười hớn hở: "Ờ, con nhỏ đó coi cũng ngộ đó con à!"

Ngày đám cưới, tui đốt nén nhang cho Dinh. Nhìn hình nó trên bàn thờ như đang cười toe. Tui nói trong bụng: "Mày phải kêu tao bằng anh đó nghen Dinh!" Đám cưới mấy ngày, tôi được việc làm cho một tờ báo lớn trên Sài Gòn. Cô vợ ngộ ngộ của tui ở lại quê chờ tui thu xếp chỗ ở rồi lên sau. Thuê nhà xong, tui rước vợ lên. Sáng chiều tui đi làm, vợ ở nhà nấu cơm. Tiền ăn xài má tui gửi lên thêm mỗi tháng, tiêu không hết. Là con nhà giàu, từ thuở ấu thơ cho đến ngày lấy vợ, tui sống sung sướng đúng kiểu công tử miệt vườn Bạc Liêu. Vợ tui quê mùa, ít học. Thấy đường phố Sài Gòn tấp nập, nàng sợ bở vía, năn nỉ lắm mới chịu ngồi lên Honda cho tui chở. Chở vợ đi Honda một lần, tui sợ tới già. Nàng có một kiểu ngồi Honda quá kỳ cục! Thay vì qua bên trái, nhẹ nhàng đặt cái mông lên thì nàng lại ngồi ngược bên phải. Đã vậy còn tầy mầy, tó mó, quậy bên này, nghiêng bên kia. Cả người như muốn đu lên lưng tui. Tui loạng quạng chống bên này, đỡ bên kia như người làm xiếc đi dây. Đi tới đâu, ai cũng dòm. Thiệt là mắc cỡ hết biết. Tui rầu hết sức nhưng bấm bụng chèo lái. Rốt cuộc, xe tung cái rầm. Tui giận lắm, chẳng nói một câu nhưng bụng thì tức anh ách. Được vài bữa, vợ nói: "Thôi, cho em dìa quê. Chừng nào nghỉ hè rồi anh dìa thăm em với má." Nghe vợ nói, tui mừng gì đâu. Lòng nhẹ nhõm như ai cởi dùm cái gông ra khỏi cổ. Vội vàng kêu xe, chở vợ ra bến xe đò về quê.

Vợ chồng người tỉnh, kẻ quê lâu lâu mới gặp một lần vậy mà năm nào tui cũng phải về làm đầy tháng cho con. Bốn năm xa nhà là bốn lần vợ mang bầu. Má tui phục lắm: "Vợ mày ngộ ghê! Sao mà mắn đẻ. Tao lấy ba bây mấy chục năm trời mà có một đứa hà!" Má tui đâu biết, đối với vợ lúc nào tui cũng kính nhi viễn chi. Vợ tui là chị tui. Con đường tình sử của vợ chồng

tui là hai đường thẳng song song. Mạnh ai nấy đi. Tà tà. Đi lơ tơ mơ một hồi mỏi cẳng thì vô hình chung cũng tới cái giường, đụng đầu nhau cái "cốp". Bốn mắt nhìn nhau cười bẽn lẽn. Hai tư tưởng xáp vô, biết nói gì bi giờ. Thôi thì bên này đả thông huyệt đạo cho bên kia. Bên kia ... "truyền tâm ấn" cho bên nọ... làm quen. Trí tuệ xiển dương. Niềm cảm thông trào dâng dào dạt. Xong chuyện, đường ai lại nấy đi. Tỉnh bơ như không có chuyện gì xảy ra. Chồng lên nhà trên nằm đọc báo. Vợ xuống bếp làm công chuyện hay len lén tự tay pha... ly soda sữa hột gà sai người làm trong nhà bưng lên cho đối phương để đền đáp. Chuyện vợ chồng của tui là chuyện thiên kinh địa nghĩa. Không thể nghĩ bàn. Không thể dài dòng nói tới nói lui gì ráo.

Đời sống vợ chồng của tui trôi qua bình bình mỗi ngày dưới mái nhà của má tui, trước cái bàn thờ của ông bà cố, sơ, nội, ngoại ; trước cặp mắt trên bàn thờ của Dinh. Tui an phận gia đình, ví như đã tàn một đời trai từ lâu. Bỗng đâu trời xui đất khiến cho mất nước. Vợ chồng con cái bồng bế nhau qua Mỹ, định cư ở một vùng quê gì đâu mà quê hơn quê của má tui. Việc làm không có. Phố xá không có. Tui bỏ luôn cả chuyện chữ nghĩa, nhào ra kiếm việc làm. Chồng ca nhứt. Vợ ca nhì. Khỏi ai gặp ai. Nghỉ làm ngày nào là tui đi nhậu ngày đó. Có khi lái xe hết nửa ngày tới chỗ nhậu, uống cho tới sáng mới về. Cuối tuần nào cũng say túy lúy, xứng danh dân chơi bất cần thân thể. Ngày tháng qua mau, con cái lớn hồi nào chẳng biết. Thành phố dần dần phát triển. Dân Việt Nam khắp nơi dọn tới chỗ tui ở ngày càng đông. Bạn nhậu của tui cũng tăng lên gấp đôi. Ở bàn nhậu, tui gặp lại thằng bạn học chung trường ngày xưa. Nó bây giờ cộng tác với mấy tờ báo khắp nơi, tên tuổi cũng thường thường bậc..."D". Nó có thằng con trai khá bảnh bao, học chung lớp với con gái tui. Hai đứa ngó cũng thân thiết lắm. Những ngày tui đi nhậu, vợ tui ở nhà mượn mấy băng kinh của mấy bà làm cùng hãng về coi. Dần dà, vợ bỏ luôn thịt cá, chỉ ăn chay. Tri kỷ, tri bỉ. Chồng chai mặn. Vợ chay tịnh. Hai đứa tui đúng là kỳ phùng địch thủ.

Có lần, sau một trận nhậu đã đời kéo dài từ đêm thứ Sáu qua đêm thứ Bẩy, tui nằm luôn tới trưa Chủ Nhật. Vợ nói: "Để tui đi mua cho ông tô phở." Tui nằm trên giường chờ tô phở gầu, phở nạm hay phở đặc biệt gì đó của vợ mua về mà thầm tự mãn, thấy rõ ràng ngôi thiên tử vẫn thuộc về ta. Dù ta có lưu lạc nơi xứ người, có là cu li hay trải qua bao thăng trầm đi chăng nữa cũng chẳng nhằm nhò gì. Địa vị của ta được củng cố vững vàng từ bao ngàn năm văn hiến qua, đâu ai dễ gì lật đổ. Có ngờ đâu, tui chờ tô phở từ xế trưa cho đến tối, hết ngủ già rồi ngủ non mà chẳng thấy tái nạm gầu đâu. Hơn mười một giờ đêm, vợ mở cửa phơi phới bước vô. Tui thều thào hỏi: "Phở đâu?" Vợ tỉnh bơ : "Hồi sáng vừa đậu xe trước tiệm thì gặp chị Hoa, chỉ nói hôm nay sư phụ về thuyết pháp ở tiểu bang kế bên nên tui theo chỉ đi gặp sư phụ xin truyền tâm ấn. Phải chầu chực cả ngày mới gặp được, đã vậy còn phải lái xe cả hai ba tiếng. Thôi để tui nấu đỡ cho ông tô mì gói." Nghe vợ nói mà tui sửng sờ, lòng đau như cắt. Từ hồi cha sinh mẹ đẻ tới giờ, ngoài Việt cộng ra chưa ai đối xử với tui tàn mạt như vậy. Tui giấu nỗi nghẹn ngào, đay nghiến: "Cả ngày nay bà bỏ đói tui để theo cái bọn tà ma ngoại đạo đó hả?" Vợ rùng vai. Lạ thay, từ con mèo mướp trong phút chốc biến thành con cọp cái nhìn tui, giọng đầy khi dễ: "Người ta tà ma ngoại đạo mà không có tham sân si như ông. Ngay cả cái tham nhỏ nhất là tham ăn mà người ta còn bỏ được!"

Từ ngày đi truyền tâm ấn về, sư nữ dọn qua phòng khác viện cớ là cần có nơi an tĩnh để thiền định. Tuy vợ chơi cái màn... cắt đứt dây chuông, nhưng tui tỉnh bơ, bình tâm như vại. Xưa nay, tui hổng khoái cái cảnh anh chàng Điệp chạy xất bất xang bang, gõ cửa, bấm chuông, rồi ca: "Em Lan ơi! Mở cửa cho anh dzào" chút nào. Sao mà nó vừa cải lương vừa nhẹ thể nam nhi quá xá! Tui tự an ủi: "Anh là thi sĩ, còn em là tu sĩ. Hai ta chẳng nên ở chung một phòng. (*)

Mỗi ngày vợ trùm mền thiền ít nhất là hai tiếng đồng hồ. Trời mùa hè có khi nóng cả trăm độ, vợ cũng trùm mền tỉnh bơ. Con cái dọn ra ở riêng từ lâu, chỉ trừ con gái út học sắp ra trường. Nhà rộng thênh thang. Diện tích cả hai tầng lên tới hơn năm ngàn square feet. Tui biết thân phận, dọn xuống tầng dưới, nhường nguyên tầng thượng giới cho sư nữ. Con gái út đi học, đi làm cả ngày, tối mịt mới về. Nhà có hai vợ chồng. Kẻ hạ giới. Người thượng giới. Mỗi người trấn một cõi. Tui tu chai riết nên loét bao tử . Vợ tu thiền để quán được âm thanh, ánh sáng. Con mắt thứ ba giữa trán của sư nữ hiện ra chưa tui hông biết. Nhưng càng ngày hai con mắt kia của sư nữ nhìn tui như tui là cái đồ hạ

liệt, căn cơ thấp kém.

Thỉnh thoảng sư nữ rinh về nhà cái áo thun, một bức tranh, cái đèn, chai xì dầu. Tui nghe mấy đứa nhỏ nói mấy món này má nó mua về từ chỗ tu thiền. Riêng chai xì dầu mà "minh sư " dùng qua vài lần, sư nữ gay go lắm mới dành mua được với giá hai trăm đô trong buổi bán đấu giá đồ garage sale của minh sư. Băng nhạc, băng thơ thì cả đống. Mỗi cái mười lăm đồng. Có lần, sư nữ rinh về mấy tấm hình xanh xanh, đỏ đỏ của minh sư nhuộm tóc vàng, tô son đỏ chét. Cuối tuần, cháu ngoại tới chơi, sư nữ bèn lấy một tấm bự tổ chảng đeo vô cổ nó. Thằng nhỏ ba tuổi hí hửng. Tui nhìn thấy, tá hỏa: "Đưa ông ngoại coi, con đeo cái gì đó?" Thằng nhỏ chỉ vô hình: "Sư phụ." Tui lật đật tháo tấm hình ra khỏi cổ nó, giận run, chỉ mặt sư bàhét: "Bà đi chết đi! Tui cấm bà! Cấm bà không được thuốc cháu tui!" Cháu ngoại mất đồ chơi, dãy khóc đành đạch: "Trả sư phụ cho con! Trả sư phụ cho con!"

Một hôm con cái tụ về nhà đông đủ, sư nữ cầm tờ báo để trước mặt tui: "Ông đọc đi, đọc để thấy người ta tu làm sao. Cả trăm ngàn người theo sư phụ tui, báo chí nói sư phụ là thánh nhân. Ông theo phỉ báng người tu hành coi chừng có ngày ông đoạ địa ngục đó!" Trước mặt con cái, tui cố dằn lòng: "Tui nói sư phụ bà là cái đồ bịp, là tà ma ngoại đạo đó rồi sao? Nếu tui nói sai thì cho cái đầu của tui bể ra làm bảy miếng như Phật dạy đi! Quán âm thanh, quán ánh sáng kiểu bả là tà đạo! Tu theo phép "Phương tiện" là bịp ? Cái tên cho pháp môn của mình mà còn chôm trong kinh để lập lừa bịp người khác." Sư nữ bỉu môi: "Tà đạo mà sư phụ tui có thần thông, còn thị hiện đi khắp nơi." Tui trợn mắt: "Bà có đọc kinh sách đâu mà biết! Bộ ma quỷ không có thần thông chắc! Sư phụ bà lừa được những người tu mà không học! Những người lười biếng không chịu đọc kinh sách mà ham cảnh giới, ham niết bàn, ham thần thông như bà chứ lừa được ai! Phật dạy: "Nhược dĩ sắc kiến ngã. Dĩ âm thanh cầu ngã, Thị nhân hành tà đạo. Bất năng kiến Như Lai." Những kẻ nào lấy âm thanh mà cầu ta, lấy ánh sáng để thấy ta là kẻ hành tà đạo, không thể thấy Như-Lai." Sư nữ cười khẩy, lấy ngón tay chỉ vô trán mình: "Kinh của tui nằm đây nè, ngay con mắt trí huệ nè!"

Tui quát: "Mắt nhặm! Mắt không tròng thì có chứ "Trí" đâu mà "Huệ", nửa chữ kinh còn không thuộc!" Sư nữ cũng chẳng vừa gì: "Ông đọc bài báo đi, bạn ông viết đó. Chỉ có con người vô minh như ông mới nói quàng nói xiên. Ông là người không bao giờ biết tội lỗi của mình, không biết sám hối. " Tui giật mình, ngó xuống tờ báo với cái tít thật lớn: "Thánh Nhân trong vườn xoài," bên cạnh là tấm hình thật bự của "minh sư". Tác giả đúng là thằng bạn nhậu của tui. Đọc lướt lướt bài báo, tui giận xì khói, lấy điện thoại gọi ngay cho nó: "Ê Sơn, mày mới viết bài báo trong mục 'Cầu thông với thượng đế' đó hả?" Bên kia đầu giây nó hỏi: "Ờ! Mày đọc rồi hả?" Tui bực bội, nói một hơi: "Ba cái chuyện xoài rụng này đâu có mắc mớ gì tới bả. Chẳng lẽ có con chim nào nó xả một bãi xuống là nó cúng dường cho bả hả? Còn cái chuyện tiếu lâm vô luân này của bả mà mày cũng khen là khen làm sao? Một ông già trên bảy mươi lấy một cô gái mười mấy về làm vợ. Có người hỏi ông già sao cua được cô gái hay vậy? Ông già trả lời: "Thì tui nói với cổ tuổi già hơn chín chục rồi. Cô nghe vậy, biết tui sắp chết nên mới lấy." Một cái chuyện hạ cấp, miệt thị phụ nữ như vậy, đồng thời tán dương cái lòng tham. Tham ái dục. Tham của cải. Một ông già hơn bảy mươi mà tham ái dục và vọng ngữ như vậy mà mày coi như khuôn vàng thước ngọc à? À, còn cái vụ"thần kỳ ứng hiện" này nữa: Một bà mẹ dẫn đứa con nhỏ đi chơi ở cái hồ lớn nhất ở Đài Bắc. Mẹ nổi hứng muốn đi shopping bèn bồng con đặt ngồi lên cầu, dặn: "Có người xấu tới bắt con thì con la lên kêu mẹ." Đứa nhỏ trả lời: " Hông, con kêu sư phụ." Mày thấy có phi lý hôn? Bà mẹ này trùm mền thiền riết nên ngu! Đem con bỏ chợ! Thứ mẹ này không ngu thì là gì? Trông nom con như vậy thì khi có chuyện đứa nhỏ không biết kêu mã tà thì kêu sư phụ là đúng rồi, kêu mẹ chỉ hoài công. Nếu nó ở Việt Nam thì nó kêu bác Hồ tới cứu nó thì cũng hợp lý thôi! Chuyện ngu xuẩn như vầy mà mày đem lên báo là sao? Mà mày theo đạo này hồi nào vậy?" Nó kêu: "Tao đâu có theo hồi nào đâu." Tui chưng hửng: "Vậy sao mày tán thán công đức của bả dữ vậy?" Nó cười lớn: "Ba trăm mày ơi! Bài viết đó được trả ba trăm với một trang quảng cáo dài hạn cho cái nhà hàng chay đó!" Tui lặng người. Giận quá mất khôn, tui rít lên: "Sơn, mày là thằng vô liêm sĩ, khốn nạn! Đồ buôn thần bán thánh! Thằng cầm bút như mày chỉ đáng ăn cứt chứ không đáng ăn cơm!" Tui cúp điện thoại cái rụp. Chưa kịp thở thì bỗng đâu con gái út của tui vùng khóc hù hụ, nó vùng

vằng lớn tiếng trách tui: "Bác Sơn là ba của anh Huy! Anh Huy muốn cuối năm nay cầu hôn với con. Ba chửi ba ảnh như vậy thì con làm sao đây? Hu. Hu. Hu." Tui ngồi chết điếng. Mấy đứa con tui mặt dài dài, xô ghế đứng lên. Đứa nào đứa nấy nhìn tui như quái vật. Thằng cháu ngoại mặt xanh lè, nói với mẹ nó: "Con sợ ông ngoại." Sư nữ quay sang tui, đầm đìa nước mắt, giọng chua lè: "Tui lạy ông! Ông tu đi chứ đừng có như vậy nữa mà khổ cho mấy đứa con! Ông không tu thì làm ơn để yên cho tui tu. Cái ngã của ông quá lớn! Ông chửi người này, ông mắng người kia. Người tu hành ông cũng hông chừa. Ông cho mình là người có ăn có học nên dưới mắt không người. Tui biết trong lòng ông lúc nào cũng khinh tui già, khinh tui ít chữ. Tui ít chữ là vì tui không may mắn như ông với thằng Dinh, tía má tui không cho tui học nhiều. Bao nhiêu năm nay ông làm khổ tui chưa đủ sao? Tui về làm vợ ông mà như làm bà vú cho ông, cay đắng trăm điều. Mấy chục năm nay, tui đau khổ biết bao nhiêu. Còn ông thì chỉ biết say sưa, ích kỷ. Không có sư phụ, tui chết lâu rồi! Hu. Hu. Hu." Thằng cháu ngoại cũng khóc thét lên: "Ông ngoại, sao ông ngoại làm bà ngoại khóc dzậy? Hu. Hu. Hu..."

Tui lặng người. Ù tai. Trời ơi là trời! Oan gia ơi là oan gia! Địa ngục là đây chứ chẳng đâu xa!...

Suốt đêm, hạ giới buồn hiu hắt. Tui nằm vắt tay trên trán, nghĩ đến những chữ nhân duyên, chấp ngã. Càng nghĩ càng thấm. Nghĩ rồi suy. Suy rồi học. Học rồi thông. Những u minh, chấp kiến đều như huyễn. Niết bàn là đây. Địa ngục cũng là đây. Gần sáng, tôi mò lên thượng giới, gõ cửa. Sư nữ mở cửa, quần áo chỉnh tề để tọa thiền. Tui ngập ngừng: "Mời bà xuống đây, tui có vài chuyện muốn nói với bà." Sư nữ làm thinh, nối gót theo tui. Tui pha hai ly trà bưng tới, ngồi xuống đối diện vợ. Tui lặng lẽ ngắm người đàn bà mà mấy chục năm trước đã chịu theo tui về làm vợ. Gương mặt buồn buồn phảng phất nét của Dinh. Gương mặt của một người vợ chịu đựng tui suốt mấy mươi năm qua vì hai chữ nhân duyên. Gương mặt của một người đàn bà đã già. Lòng chùng xuống; bất chợt, tui nhẹ nắm tay vợ, giọng thành khẩn: "Tui xin lỗi mình. Bao năm nay tui có lỗi, tui xin lỗi mình." Vợ sửng sờ, rớt nước mắt. Chập lâu ngước nhìn tui. Ánh mắt không giận hờn, không oán trách, không trí huệ, không cảnh giới, không gì hết. Những sân hận, những minh sư tóc vàng, tà sư mini skirt, vô thượng sư vườn xoài đều là những bào ảnh, những hoa đốm biến tan trong tíc tắc. Còn lại, là đáy mắt trong lắng như mặt hồ. An nhiên . Tĩnh lặng. Nhìn sâu trong đôi mắt ấy, tui mừng hết biết, muốn nói với vợ: "Bịnh nào thuốc ấy, lời Phật vi diệu. Hết nhặm rồi vợ ơi!"

Va, January 01-2007

(*) Nửa câu này original là của hoạ sĩ Hà Cẩm Tâm.

HOÀNG HUY KHÁNH

Thơ Xuân Cho Mẹ

Mẹ ơi! Xuân lại trở về đây
Năm tháng mơ hồ tựa như mây
Mẹ đi năm ấy Xuân vừa tới
Một buổi tàn đông gió lạnh đầy.
Cứ mỗi đêm mơ thấy mẹ về
Lưng còng, mắt mỏi, tóc bạc phơ
Đời con nay đã hai đời sống
Nửa sống ban ngày, nửa trong mơ.
Con vẫn bơ vơ lạc xứ người
Bao mùa mưa tuyết não nề rơi
Rồi khi nắng ấm giăng tràn lối
Là lúc con thầm nhớ, Mẹ ơi!
Con nhớ năm xưa mỗi Tết về
Muôn ngàn hoa bướm đẹp trời quê
Bên cha, bên mẹ, đời vui quá!
Ấy thế từ đi bặt lối về.
Ngồi ngắm trang thờ quyện khói hương
Đó hình bóng mẹ lẫn trong sương
Chiều ba mươi Tết, xuân viễn xứ
Chỉ thấy trong lòng nỗi nhớ thương.

Đêm Tuyết Gọi

NGÔ NGUYÊN DŨNG

Cuộc rượu về khuya chỉ còn lại bốn người: tôi, Bính, Phụng và Thạo. Bính với tôi thân nhau đã lâu, còn Thạo chỉ mới qua đây. Anh là bạn của Bính như thế nào, tôi không rõ, cũng chưa hỏi. Vào tiệc, anh ít nói. Sau một đỗi cụng ly qua lại, khẩu khí chừng như ngấm men, anh trở nên hoạt náo. Bàn chúng tôi, một lứa trung niên, chỉ mỗi Hứa Phụng là nữ phái. Nàng gốc người Hoa, nhân tình nhân ngãi với Bính đã nhiều năm.

Có lần, cạn chuyện, tôi hỏi Bính:

- Bạn và Phụng không nghĩ chuyện làm khế ước trăm năm với nhau sao? Sống vậy, người ta nói.

Anh hùng hổ:

- Đứa nào nói gì? Đấm hộc máu nó ra!

Tôi lúng búng:

- Làm gì dữ vậy, bạn?

Bính dịu giọng:

- Tụi mình đang sống ở đâu, thời nào vậy? Trời, nơi này là đất Âu châu tiến bộ, chứ phải đâu Trung đông vào thế kỷ 18.

Nhưng nét mặt và cách nói anh vẫn không dứt bực bội. Tôi đổi đề tài, gợi ý bàn bạc về cuộc triển lãm một số danh hoạ ấn tượng vừa khai trương. Chúng tôi hợp nhau ở lãnh vực này, yêu nghệ thuật, nên tình thân không gặp nhiều trở ngại. Trăm lần như một, khi đồng hương chúng tôi tổ chức lễ lạt hay họp mặt hội luận nọ kia, Bính đều lái xe tới nhà chở tôi đi. Cho tới bây giờ, nhiều thập niên phẳng lặng trôi qua, tôi vẫn chưa hề nghĩ tới chuyện sắm một chiếc xe. Vì nhiều lẽ. Tài chính là một. Và không hiểu sao, tôi thích quang cảnh những sân ga, những bến đợi, những dải đường sắt phơi lưng dưới thời tiết bốn mùa. Khoảnh khắc thơ thẩn đó gợi nhắc trong tâm tư tôi vẳng vặc nhiều ý tưởng, khiến tôi hình dung ra ảnh sắc của gặp gỡ và ly biệt, tất bật và thảnh thơi, nôn nao và nhẫn nại chờ đón những hành trình ngắn dài xuyên đất liền. Tôi thích ngắm lề lối kiến trúc những nhà ga trung tâm. Nó bóc trần tâm tính dân bản xứ, lắm khi còn gắn liền mật thiết với vận mệnh thăng trầm của lịch sử. Cả những quán xá hai bên lối đi lúc nào cũng tấp nập hành khách vào ra, lên xuống. Không biết những phiến gạch lót có bao giờ mong mỏi đôi phút ngơi nghỉ? Những ý tưởng này, tôi nghĩ khó có ai chia sẻ. Cứ vậy, tôi cất chúng kỹ lưỡng trong nhiều ngăn kéo tâm tư mình.

Có lần Hứa Phụng rủ tôi ra nhà ga trung tâm đón Bính trở lại sau vài tuần công du tỉnh xa. Xe lửa đến trễ. Tôi và Phụng vào quán cà-phê ngời chờ. Một tách cappuccino ở đây không rẻ, tôi gọi thêm một phần bánh Frankfurter Kranz. Hứa Phụng sợ mập, chỉ uống một tách trà bạc hà. Khách vào ra nhốn nháo. Chỗ dành cho kẻ không hút thuốc đầy kín, chúng tôi phải ngồi cạnh những ống khói nikotin. Không gian ngộp ngụa tiếng ồn. Trên tường, màn ảnh đang chiếu một đoạn phim quảng cáo du lịch không âm thanh. Liếc phớt, tôi thấy màu thiên thanh đại dương, những mái nhà đỏ ngói, tường vôi trắng chênh vênh sườn núi xanh lá.

Tôi gợi chuyện:

- Năm nay Phụng và Bính dự định đi nghỉ hè ở đâu?

Hứa Phụng lắc đầu:

- Chắc không đi được. Anh Bính nói, hãng đang thay đổi hệ thống máy vi tính gì đó, nhiều việc lắm.

- Còn Phụng?

- Phụng vẫn đi lau chùi dọn dẹp nhà cửa cho người ta.

- Tôi phục Phụng, siêng năng như kiến, làm tôi có cảm tưởng mình là con ve hoang đàng.

Phụng cười. Bây giờ tôi mới để ý thấy Hứa Phụng hôm nay trang điểm giản dị. Nàng có cặp mắt rất Tàu, một mí xênh xếch, nhưng khá to và hài hoà trên gương mặt ửng phấn hồng đào, cặp môi thoa mỏng lớp son bóng, viền mi phớt lam nhạt. Dẫu vậy thần sắc nàng vẫn rực rỡ như đoá mẫu đơn sung mãn hằng năm mùa lễ Hiện xuống.

Phụng nhỏ nhẻ nâng tách trà hớp ngụm:

- Ở nhà hoài, chán chết.

Tôi xẻ mẩu bánh kem, bắt được hương ngầy ngật của bơ sữa và đậu phộng ngào đường.

- Bính là người may mắn.

Khoé mắt Hứa Phụng loé lên thoáng giây:

- Thấy anh ăn bánh, Phụng phát thèm, nhưng phải giữ eo... Được này mất kia, anh!

Tôi không hiểu rõ ý Phụng, nhưng ngần ngại không hỏi. Lâu lắm tôi mới có dịp ăn lại thứ bánh ngập ngậy chất béo này. Nó làm tôi nhớ lại thuở vừa sang đây, mỗi lần đi ngang tiệm bánh ngọt, tôi buộc lòng dừng chân ngắm nghía chốc lát. Thấy thứ nào cũng ngon. Từ loại bánh nướng xoắn ốc nạm nho khô tới loại bánh kem nhiều lớp, trên mặt đắp trái cây tráng thạch. Tôi thưởng thức bánh kem Frankfurter Kranz lần đầu tại nhà chị Tràng. Chị thố lộ, lẽ ra tên chị là Trường, nhưng cha mẹ chị phải gọi trại thành Tràng để khỏi thất lễ với một người bà con trùng tên. Chị Tràng có hoa tay nấu ăn, làm bánh mứt. Từ ngày chồng chị qua đời vì viêm gan, chị ở vậy với đứa con trai đang tuổi lớn. Chị làm bánh bỏ mối cho vài tiệm thực phẩm Á châu, kiếm phụ phí. Bánh Frankfurter Kranz chị làm ngọt vừa phải. Quả mứt anh đào đỏ mọng, trong ánh hạt lựu. Lớp đậu phộng xên đường cháy ngậy hương mật ong. Bánh trứng nướng xốp mềm, vừa chạm lưỡi đã tan thấm cùng kem va-ni đánh bông.

Nhưng, tôi ngờ rằng món bánh Frankfurter Kranz thơm ngon của chị Tràng đãi tôi dạo nào chỉ là lý do phụ khiến tôi suốt đời không bao giờ quên, chính yếu có lẽ do câu chuyện chị kể. Chồng chị hảo khẩu loại bánh này. Tới giỗ hằng năm, chị đều làm bánh, pha cà-phê cúng chồng. Năm nọ, bận bịu sao đó, chị không làm. Đêm sau chị chiêm bao thấy anh, gương mặt buồn bã như thầm trách. Và khoé mắt từ từ tuôn tròn những giọt lệ đỏ, trong vắt, y hệt màu mứt anh đào điểm hoa trên mặt bánh.

Từ dạo đó, mỗi lần tôi xẻ bánh Frankfurter Kranz, đều thấy lại tia mắt loe loét máu đỏ của chồng chị Tràng.

Hứa Phụng kêu khẽ:

- Khủng khiếp quá!

Tôi tỉnh queo:

- Không hiểu sao, tôi lại xúc động. Khó tìm ra thứ biểu tượng cho tình nghĩa vợ chồng nào đậm đà hơn thế.

- Anh giỏi văn vẽ.

- Đâu ai muốn.

Hứa Phụng lắc đầu:

- Phụng vẫn chưa hiểu tại sao anh và anh Bính lại thân nhau.

Tôi mỉm cười, không đáp, múc giọt lệ ngọt ngào của chồng chị Tràng đưa lên môi. Tôi cố hình dung lại vẻ mặt của người đàn ông ấy, chỉ loáng thoáng nhớ ra tấm ảnh đen trắng trên tủ thờ ấm áp hai ngọn nến trắng. Hương trầm nhang phất nồng. Bình hoa cúc đầu mùa đẫm sắc nắng tẩm liệm ý tình. Có nhiều điều tôi chỉ có thể cảm nhận bằng trực giác bén nhạy của riêng mình mà không thấu hiểu. Những tương quan giữa tôi với Bính, với chị Tràng, với Hứa Phụng, với những trang chữ vẫn dan díu cùng tôi, cũng như với mớ dĩ vãng cùng người hôn phối đã tử biệt đành đoạn trong chuyến hải trình ly hương nhiều thập niên trước. Phải chăng vì vậy mà tôi thân thiết với chị Tràng? Chưa lần

nào tôi kể cho ai nghe những giấc chiêm bao vẫn thường xuyên quấy nhiễu tâm thức tôi. Những người thân đã qua đời hiện lên tươi trẻ hoạt náo linh động trong giấc ngủ tôi. Một điều lạ lùng, tôi chỉ thấy mà không thể nghe. Câm lặng trong cõi huyễn ảo hoan hỉ sắc sáng. Bừng tỉnh, lòng tôi trào lên nỗi rung động thâm tình luân lưu trong huyết mạch.

Hứa Phụng mềm giọng:

- Phụng nhớ có lần đọc ở đâu đó một đoạn văn viết về tâm lý của những dân tộc lưu vong. Tất cả đều có mẫu số chung, thích sống hợp quần.

- Thì có gì lạ?

- Lạ ở chỗ, đôi khi có ai muốn tìm hiểu một thể thức lễ lạt cổ truyền, chỉ cần tới nơi nào có nhiều sắc tộc lưu vong sinh sống, sẽ tìm ra.

Tôi không đồng ý với ai đó đã viết ra cái điều khó chấp nhận ấy, nhưng im lặng. Thứ lễ lạt truyền thống phải chăng là những lần họp mặt đồng hương chia tay năm cũ? Trẻ con được tiền lì xì trong phong bì phẩm đỏ? Bàn thờ tổ tiên chưng bày nhang đèn, hoa trái, liễn đối phúc lành? Những lời cung chúc mòn thính được lặp lại? Xôi bánh, giò chả, chè mứt, bia rượu thơm mắt ngon môi? Nhưng dần dà cá nhân tôi thấy ra vị nhạt nhẽo của tách trà quê quán lạnh đắng. Những kẻ lận đận cùng lứa sang đây một thuở với tôi, giờ tóc đã muối nhiều hơn tiêu. Lũ trẻ con chỉ biết nhún vai cười khi được người lớn hỏi han bằng tiếng mẹ đẻ. Nhiều cặp vợ chồng ly hôn nhau vì những nguyên nhân vô cùng giản dị. Riêng Bính và Hứa Phụng vẫn thuỷ chung kiểu sống bạn đời không khế ước. Tôi và chị Tràng vẫn mải miết hoài niệm những hồn ma đen trắng.

Lúc chị Tràng và đứa con trai chào chúng tôi ra về, Bính khề khà chuyện rượu:

- Sao bạn không thử lửa với chị Tràng một lần xem sao, hợp đấy!

Hứa Phụng che miệng khúc khích. Tôi làm mặt lạnh:

- Lâu quá không sạc điện, lãnh cảm mất rồi.

Hứa Phụng vỗ chách lên vai tôi, kêu:

- Anh nầy, bậy bạ.

Anh bạn tên Thạo góp lời:

- Món bánh chưng chị ấy gói khéo quá.

Tôi vòng vo:

- Thử lửa chỉ để ăn bánh chưng mỗi năm chỉ một lần, không có lợi.

Bính nghêu ngao:

- Lợi thì có lợi, nhưng răng không còn.

Tôi bán cái:

- Nếu anh Thạo còn lẻ bạn, cứ việc nhào vô kiếm ăn.

Thạo chẳng vừa:

- Để tôi hỏi lại ông thầy cãi, coi ở đây bộ luật gia đình có cho phép đàn ông đa thê.

Hứa Phụng nói như trách:

- Ở bên nhà, ông nào cũng vợ chấn vợ lẻ một đống.

Bính thở ra:

- Đàn ông bọn mình xa nước, đâm ra lành.

Thạo hăng hái tán đồng. Tôi tủm tỉm ngó Hứa Phụng. Nàng liêng liếc chuôi mắt đông phương, lẳng lặng xô ghế, đứng lên dọn dẹp bàn tiệc. Anh bạn tổ chức vừa lên tiếng nhắc, đã tới giờ tạm biệt. Tôi chưa muốn về ngay. Quyết định này tới bất chợt lúc chúng tôi đẩy cửa bước ra, thấy tuyết cuối mùa phất phới lòng phố thinh vắng. Tôi không thích lạnh, không ưa tuyết, nhưng mỗi bận tuyết mới rơi rắc, đáy lòng tôi đều rộn rực nỗi niềm khó tả. Thạo thấy tôi chần chừ, đề nghị cùng tôi dạo tuyết, sau đó tới nhà anh gần đây, ở lại qua đêm. Bính nghe được, cất giọng cảnh cáo, coi chừng thằng Thạo xâm phạm tiết hạnh nghe ông! Tiếng cười Bính đóng băng theo cái lạnh the thắt.

Không biết Thạo nghĩ sao, chứ tôi có cảm tưởng mình như con mèo già đang dọ dẫm tìm tới chỗ hẹn. Ở đâu, với ai, tôi mờ mịt. Phố khuya ít xe cộ lưu thông. Những trũng đèn vàng soi nghiêng đường tuyết rắc. Vỉa hè đóng lớp trắng mịn, không một dấu chân dẫm. Tôi kéo nón áo khoác trùm đầu, nghe loáng thoáng giọng Thạo mềm mỏng:

- Tôi có nghe Bính kể nhiều về ông.

Tôi ngửng sang, khựng chân giây lát:

- Hy vọng không phải mấy chuyện bực mình.

- Ngược lại, tôi rất thông cảm vì hoàn cảnh tôi cũng gần như vậy.

Chúng tôi dừng lại, chờ đèn xanh. Tôi hỏi thẳng:

- Bính kể ông nghe chuyện gì?

- Sở thích viết văn và thảm cảnh mà ông đã gặp phải thuở trước.

Trí nhớ tôi bật sáng phân cảnh bi kịch với màu sắc toàn hảo, nhưng tuyệt nhiên không một âm thanh, như bị lớp lớp sóng biển vùi xoá, kéo ra trùng trùng khơi xa. Tôi câm nín đỗi lâu. Bước chân tôi nhẹ hẫng, tưởng như có ma lực nào nâng bổng, nhẹ tay xô tới. Bính lắp bắp:

- Tôi... tôi... xin lỗi ông... Thật, tôi vô ý quá...

Tôi nhoẻn cười không cảm xúc, lách người

qua rào sắt gắn bảng ghi, dưới 18 tuổi, cấm vào. Con phố ngắn, những khung kính đỏ chạch dáng đàn bà áo lót hớ hênh bên trong. Thưa thớt vài bóng đen ngược chiều. Có chiếc bóng dừng chân, đăm đăm nhìn ngắm. Ánh đỏ bên trong hắt mỏng, tôi thấy viền mặt loé màu bình binh khảm lên ô kính nhà hàng xóm một sáng tôi nhìn ra. Thứ màu đỏ kỳ quái, như giọt máu gà cắt tiết nhỏ xuống thau nước vặt lông còn bốc hơi. Thứ màu đỏ chỉ những bình minh cuối năm mới chắt chiu pha nổi. Kỳ quái ở chỗ, nó không bắt tôi ngậm ngùi mà hân hoan. Vì tôi biết, hôm đó nắng tươi.

Giọng tôi gọn lỏn:

- Lối tắt ra phố cổ.

Thạo sượng sùng:

- Ông làm tôi tưởng...

- Nếu thích, ông cứ vào, tôi chờ.

Thạo bây bẩy như mèo phải mưa:

- Mình không có nhu cầu.

Trong tôi, sắc hồng đầu ngày trong ký ức cũng nhạt phai, cả những cảm xúc nhiều khi chỉ một lần trải qua mà vướng lại ngũng ngoẳng.

*

Thức giấc, nhận ra căn phòng lạ, tôi nhổm phắt ngồi dậy, nhìn quanh quất. Hương thơm kỳ diệu phảng phất. Của ai hay của dư hương tuyết cuối mùa đêm qua lắng đọng sậm sệt trong ngũ quan tôi? Không phải. Dường như chúng đã thẩm thấu vào chăn gối, tích tụ trong diện tích bưng bít ngăn hơi lạnh đông chí. Ý thức tôi ngái ngủ chưa phân định rạch ròi giữa thực mộng, trong giao điểm nhàn nhạt giữa cũ mới âm lịch, như nỗi chia lìa còn đậm đà dư hương của tiếc nuối.

Rèm sáo không buông. Nắng sáng vàng tươi xuyên qua voan màn, tưới ngập tường vôi xanh da trời. Tôi nhớ lại. Khuya qua, sau bữa tiệc tất niên, tôi và anh bạn mới tên Thạo dạo tuyết một vòng phố cổ. Tôi nằm xuống, thẩn thơ liên tưởng những nạm kính hẹp, khung gỗ nâu xỉm vạm vỡ hắt ra ánh đèn tù mù trong ngõ phố lát đá xanh mấp mô. Nhiều ngách hẹp tối ám, ai ải mùi nước tiểu. Chỉ còn vài quán rượu sáng đèn. Lác đác dăm ba bộ hành chuệch choạng trên lối tuyết. Nhiều lúc tôi dừng bước, ngước mắt ngắm nghía những trụ đèn già nua, chóp cong kiêu hãnh nghìn trang huyền thoại. Trông chúng như những đồng trụ khổ hạnh, đắm đuối thiền định qua nhiều thế kỷ thịnh suy. Vậy mà, vẫn tồn tại, nhẫn nại hứng chịu thời tiết gian truân. Khoảnh khắc ấy, tôi thấy ra những phiền muộn riêng tôi chỉ là một phiên bản tầm thường, vô cùng tầm thường. Và cực kỳ nhỏ nhoi trong vạn vật không gian cùng thời gian vô biên.

Bàn điểm tâm sáng tân niên lưu vong thịnh soạn với bánh tét lục nõn màu lá chuối, chén con đựng dưa món đỏ quách hổ phách, dĩa cà chua xắt khoanh, loang loáng dầu ô-liu lấm tấm tiêu muối, ấm trà men trắng hoạ tre trúc trên lò con loé nến, bình thuỷ tinh ngát hương cà-phê đậm vị. Riêng rổ mây đựng bánh mì rắc mè và dĩa bày vài loạt thịt nguội thái lát trông lạc lõng như một khúc ngũ cung đệm dương cầm. Điều này không làm tôi khó chịu mà ngạc nhiên ngầm. Nếu tôi nhớ không lầm, đêm qua Thạo bóng gió cho biết anh đã lập gia đình. Nhưng cho tới lúc này, tôi chỉ thấy anh chộn rộn một mình trong nhà trọ ba phòng rộng thoáng. Bức thuỷ hoạ tiên nữ Trung hoa trên lụa bạch vân tươi rói nắng sáng, không khỏi gieo vào khối óc nhiều tưởng tượng của tôi những cổ tích liêu trai. Mọi thứ được bày dọn gọn ghẽ, sạch loáng. Bệ cửa sổ chưng cây cảnh một dãy xanh mướt. Tượng Phật khép mắt toạ thiền bên chậu kiểng lùn xoè tán rộng.

Tôi phải lên tiếng:

- Nhà ông vén khéo, ngăn nắp như được người đẹp trong tranh bước ra dọn dẹp, lau chùi, nấu nướng.

Thạo úp mở:

- Đúng vậy. Mỗi tuần nàng hiện tới một lần, bốn tiếng ngày thứ năm.

Tôi còn ngờ ngợ, Thạo đã cười lớn:

- Mỹ nhân Trung quốc chính cống, họ Hứa tên Phụng, chứ còn ai.

Tôi buột miệng, thì ra vậy. Ngụm cà-phê bật lên đầu lưỡi những va chạm ngất ngưởng vị giác. Thạo pha cà-phê hợp khẩu tôi. Anh xớt một khoanh bánh tét vào dĩa cho tôi. Vài hạt đậu đen lấp lửng lớp nếp trắng lờ đập vào mắt. Lâu lắm tôi mới thấy lại loại bánh thuần tuý quê Nam này. Thì ra, những hạt mắt đậu vẫn đằng đẵng trì chí níu lấy ký ức tôi, dẫu những dặm trùng chia cách. Những điểm tâm sáng mồng một ấu thơ, tôi thường cặm cụi khượi chúng ra, để dành ăn sau cùng. Tôi không khoái khẩu những loại bánh nếp. Nhưng xa quê lâu năm, thoảng khi nếm lại, không khỏi ngậm ngùi. Những hương vị bánh mứt mỗi đầu năm một lần như thể những khắc thời gian nghiên nghiến trên tường vách hư vong nơi đất khách.

Năm nào cũng vậy, tôi và đồng hương đón

nguyên đán vào tàn đông. Có năm tuyết rơi muộn, có năm không. Tuyết, vì vậy, đã lưu dấu nghèn nghẹn trong tiềm thức tôi. Như loài hoa mãn khai no nê hương thời tiết. Như hậu vị đậm chát choáng váng loại rượu nho huyết bầm đẫm nắng hè được thu hoạch sau vài đợt băng giá tê tê.

Thạo thêm thắt:

- Nhưng người đẹp Hứa Phụng chỉ lau nhà, hút bụi chứ không nấu nướng.

Tôi muốn hỏi anh thân thiết ra sao với Bính và Hứa Phụng, nhưng thấy chưa đủ thân, chỉ cạn cợt bông đùa:

- Đâu phải ai cũng như ông có diễm phúc được con ma nhà họ Hứa ra tay lao động vượt chỉ tiêu đúng tiêu chuẩn xã hội chủ nghĩa.

Thạo làm mặt nghiêm:

- Có hợp đồng làm việc, giờ giấc lương lậu hẳn hoi, không phải chuyện đùa.

Tôi biết Thạo nói ngoa, không hỏi gì thêm. Tôi chỉ mải miết thắc mắc thầm, cớ sao tất niên năm nay tôi lại trai tơ nhẹ dạ đến nỗi đồng ý tới nhà Thạo, một người vừa gặp mặt lần đầu, ngủ nghê qua đêm? Lời cảnh giác của Bính đêm qua còn vang vẳng trong trí. Không lẽ cảnh tuyết rơi một khuya cuối năm lại tác động thần sầu quỉ khốc lên tâm thức tôi, sai khiến tôi quyết định hoàn toàn trái khuấy bản tính? Cũng có thể thần thái cùng cách chuyện vãn của Thạo có ma lực pháp thuật, bắt kẻ yếu phách vía như tôi tuân theo không một lời phản kháng. Diện mạo anh có góc cạnh, cằm mép ửng xanh chân râu cạo kỹ, hiển lộng nam tính. Có điều màu da mặt trắng tái và đôi mắt anh thỉnh thoảng nhàu nhíu mềm mại bật lên những tương phản, tựa như nét cọ trầm mặc của hoạ sĩ sau giây phút sáng tạo phóng đãng. Gương mặt ấy hiếm thấy ở một người đàn ông đông phương. Dáng vẻ anh gợi nhớ sóng sánh đôi ba gương mặt diễn viên phim ảnh Hương cảng còn sót lại ký ức tôi, thứ ký ức biết gạn lọc cảm xúc. Và oái oăm thay, chỉ giữ lại những ấn tượng không mấy lạc quan.

- Một lần tình cờ tôi đọc được cái truyện ngắn "Người khách đến muộn" của ông. Nó làm tôi xúc động...

Thạo thốt lời bất ngờ. Tôi bối rối, lục lọi trí nhớ. A, cái truyện được tôi góp nhặt liên tiếp nhiều đêm trong phòng trọ thuở nào. Những cảm hứng quái dị bồ-tùng-linh tới với tôi hằng đêm như tình nhân hẹn sẵn. Căn phòng chật, nghiêng vách dưới mái ngói. Dạo đó tôi có thói quen viết nằm, gối kê chăn đắp ngăn cái lạnh se se khuya khoắt. Chụp đèn cong tay khoả ấm lên mặt giấy dập xoá, thốc tháo những ý tình rạo rực thành dòng chữ ấm mực.

Tôi chưa kịp nói gì, Thạo đã tiếp lời:

- Không hiểu sao, đêm qua, sau khi đám tiệc chỉ còn lại bọn mình, tôi sực nghĩ tới người khách vì thời tiết thất thường nên đến trễ... Cũng là bữa họp mặt tất niên. Khác ở điểm, được tổ chức tại một nơi chỉ loe ngoe vài mống đồng hương, gia đình này cách gia đình kia hằng chục hằng trăm cây số. Người khách đến muộn đêm ấy tới dự lần đầu, không ai quen mặt. Cử chỉ và cách ăn mặc của anh ta kỳ quái, không giống ai. Anh ta xin được thắp nén nhang bàn thờ tổ. Ai cũng ngạc nhiên khi thấy anh khóc ròng lúc thắp nhang khấn nguyện...

Ngón tay tôi bấu lấy mép bàn điểm tâm, ngăn xúc cảm.

- Tiệc tàn, anh còn ngồi nghêu ngao bên mặt bàn nhiều chai bia cạn. Có người thấy tội, lân la tới hỏi chuyện. Anh kể lể, đầu đuôi chẳng ra làm sao. Đoán chừng anh chớm say, một người đề nghị chở anh về nhà. Anh ta ngần ngừ cho biết địa chỉ...

Trí tôi bật hắt quang cảnh toà nhà hai tầng biệt lập trong khuôn viên tịch mịch, nhiều vườn cỏ và cổ thụ. Vòng rào đan kẽm gai tua tủa. Chiều xuống, vọng tiếng ai khóc gào chằm chặp, như nỗi thống thiết niềm than vãn u uẩn tỏ bày cùng tường vách u tịch. Đã nhiều lần, từ gian phòng cách ly, tôi ngơ ngớ nhìn ra ô kính chấn song sắt. Thời tiết và mùa màng chầm chậm luân chuyển. Một cuối đông, tuyết bất ngờ phất phơ lông ngỗng. Cánh cửa tiềm thức tôi bỗng loé rực rãnh sáng một quá khứ thần thoại nào xa lắc. Những mảnh vỡ thuỷ tinh cứa ngọt lên não bộ, thịt da tôi bứt rứt. Ôi, những giao thừa những nguyên đán những sáng mồng một những bánh pháo đỏ au những chúc tụng mừng tuổi những áo quần thơm lừng vải mới những ...

Thạo rướn giọng:

- Trời đất, thì ra địa chỉ một viện tâm thần.

Tôi trào nước mắt thản nhiên. Tôi, không ai ngoài tôi. Người khách đến muộn vào đêm họp mặt tất niên năm nào là tôi, chính tôi từ bệnh viện tâm thần nghe tuyết gọi lẻn ra, tìm tới.

(tháng 12. 2006)

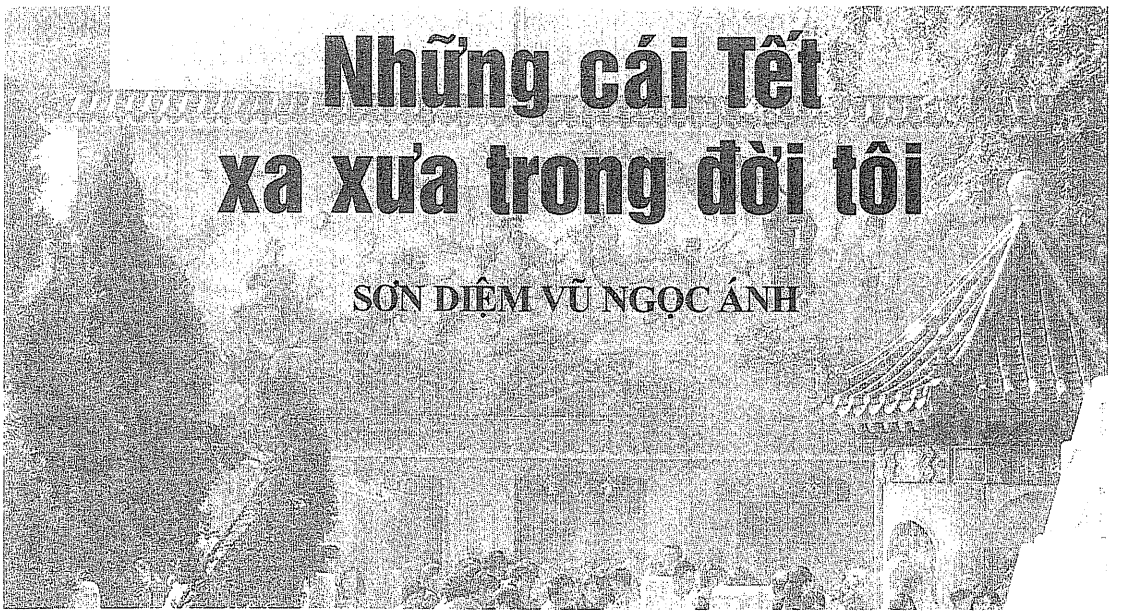

Những cái Tết xa xưa trong đời tôi

SƠN DIỆM VŨ NGỌC ÁNH

Cách đây ba năm, trong dịp về thăm Hà Nội, ngay từ sáng sớm ngày đầu tiên vợ chồng chúng tôi xuống phố thả bộ từ khách sạn ở hàng Bông ra khu nhà Thờ Lớn để thăm cảnh cũ người xưa.

Nhà thờ và các đường phố phụ cận như đường Lý Quốc Sư, phố nhà Chung, phố nhà Thờ trông cũ kỹ, luộm thuộm và nghèo nàn. Ngôi nhà thờ nhỏ ở đầu phố nhà Chung (số 3), trước 1946 là trụ sở của hội Khuyến Nhạc Hànội đã biến mất, không để lại chút vết tích gì.

Ngoài ra, hầu như không có gì thay đổi, hai tháp nhà thờ vẫn rêu phong đen sì, trên sân trước nhà thờ và con đường vòng tròn bao quanh tượng Đức Mẹ vẫn có mấy bầy trẻ nô đùa, đá banh, đá cầu...

Chỉ có một điều là chẳng gặp được bộ mặt nào quen thuộc, hết thảy đều xa lạ, kể cả cuộc sống chung quanh hoặc các cửa tiệm buôn bán trên các đường phố. Chúng tôi đã chẳng thấy còn có gì là "Hà Nội" của những tháng ngày 50 năm về trước.

Tuy nhiên tôi cũng cảm thấy đôi chút ấm lòng và dường như tìm thấy HàNội của mình ngày xưa khi nghe tiếng chuông đồng hồ nhà thờ chầm chậm đổ, rất quen thuộc, mỗi 15 phút.

Riêng khu Ngõ Huyện thì hầu như đã hoàn toàn thay đổi: những dãy nhà cũ mèm và thấp lè tè nay đã biến thành những căn nhà hai, ba tầng lầu khang trang. Chỉ riêng có ba căn đầu bên số lẻ Ngõ huyện 1 hầu như còn nguyên vẹn, bé tí xíu, nằm nép dưới một gốc cây cổ thụ, nhưng không phải là cây nhãn của 50 năm về trước. Hồi đó thân cây nhãn chỉ mới bằng cổ chân. Cây cổ thụ hiện giờ thuộc loài liễu, lá cành xum xoe, bóng che rợp một khúc đường.

Căn giữa của ba căn nhà còn lại từ ngày xưa, tức căn số 5, là nhà mẹ vợ tôi. Vợ tôi sinh ra ở đó, sống ở đó, với cây táo hoa trắng xóa mỗi độ xuân về, cây thạch lựu đỏ rực báo hiệu mùa hè đã tới, cái giếng nước thiệt trong và mát lạnh... trong suốt 24 năm, cho tới khi đi lấy chồng, cũng là cái năm mà chúng tôi phải rời bỏ Hà Nội di cư vào Nam.

Thấy một cô gái xinh xắn đứng trước cửa, vợ tôi tới chào và hỏi thăm về căn nhà. Cô gái cho hay là bố mẹ cô tới ở đây từ hồi nào cô không rõ. Cô chỉ biết là mình chào đời năm 1980, tại căn nhà này. Tôi ngẫm nghĩ: thế ra năm nay cô gái đúng... 24 tuổi và vợ tôi, đúng... 74 tuổi.

Vợ tôi bỗng ứa nước mắt, nghẹn ngào, lẩm bẩm cáo biệt cô gái, rồi vội vàng kéo tôi đi, quên đứt ý định xin phép vào trong thăm lại căn nhà, nhìn lại cái giếng nước, xem cây táo ngày xưa có còn không...

Lúc đó vào khoảng đầu tháng ba, tuy đã gần cuối xuân, Hà Nội vẫn còn có gió Đông nên hơi lạnh, thỉnh thoảng lại có mưa bụi phủ mờ mờ (còn gọi là mưa xuân), tôi bỗng cảm thấy nhớ những ngày Tết của Hà Nội ngày xưa vô cùng.

Mấy năm gần đây, tôi nghe nói là Hà Nội ăn Tết lớn lắm, chẳng những không kém mà có khi hơn cả ngày xưa nữa. Đã đành, Bác, Đảng và Chế độ, cái gì cũng hơn người rồi, huống chi cái

thời nô lệ Tây và Vua quan phong kiến kia.

Tuy nhiên những người già lẩm cẩm như chúng tôi vẫn cứ nghĩ rằng những ngày Tết thời "nô lệ" xưa vui đẹp, có ý-nghĩa và thi vị hơn những cái Tết thời nay, mặc dầu thời xa xưa đó dân chúng bị thằng Tây nó đàn áp, ức hiếp và bóc lột đến tận xương tủy, lại không có thừa thãi của ngon vật lạ, trà thơm rượu quý, CD Đại nhạc hội và CD tuồng cải lương Mừng xuân như bây giờ, may mắn lắm là có ít bánh chưng và thịt lợn mà một đôi câu đối mừng xuân ngày xưa đã diễn tả. Đôi câu đối này về phương diện cú pháp, có lẽ không được chỉnh cho lắm nhưng rất phổ biến, và dường như xuất hiện từ một số báo xuân Phong Hóa hay Ngày Nay, nguyên văn như sau:

Thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ

Nêu cao, pháo nổ, bánh chưng xanh.

Ngày xưa, thiên hạ làm ăn vất và cả năm cũng chỉ mong mỗi độ xuân về có thể cùng với gia-đình hưởng một cái Tết đơn sơ, mộc mạc theo như đôi câu đối trên đây.

Mới nghe thì hầu như chẳng có gì đáng nói, nhưng cái Tết Nguyên đán của người Việt Nam không hẳn là đơn giản, mà là cả một truyền thống quan trọng.

Thực vậy. ông cha chúng ta ngày xưa, suốt bao thế kỷ, không có cái lệ nghỉ lễ mà chỉ có làm việc liên miên, không có luật 40 giờ, không có *Four of July*, không có *Labor Day*, không có *Veteran day* hay *Memorial day*, không có lễ Tạ Ơn, không có lễ Giáng Sinh hoặc một ngày lễ nghỉ nào tương tự, và rồi ngay đến ngày nghỉ cuối tuần cũng không có nốt, bởi vì, lý do rất giản dị, Âm-lịch chỉ có năm, có tháng chứ không có tuần nên dĩ nhiên là không có ngày chủ nhật, đã như vậy thì lấy đâu ra mà có nghỉ cuối tuần?

Nói tóm lại, trước thời Tây, ông cha chúng ta không hề biết lễ nghỉ hay nghỉ lễ là gì, và hằng năm chỉ nghỉ việc có một lần mà thôi: đó là vào dịp Tết Nguyên đán! Trên từ triều đình và các quan xuống đến dân gian trong nước, ai ai cũng nghỉ việc để ăn Tết. Cho nên, tục-ngữ có câu: Đói no cũng ba ngày Tết.

Lý do và mục đích của ngày Tết chẳng những nhiều mà còn rất phức tạp.

Trước hết người ta nghỉ Tết là để xả hơi. Đúng vậy, sau một năm dài làm việc không nghỉ, con người không thể không có một chút thì giờ nghỉ ngơi để dãn gân dãn cốt, và tinh thần bớt căng thẳng. Đó là một vấn-đề sức khỏe và vệ-sinh thường thức rất quan trọng đối với con người.

Ngày Tết còn là một dịp xum họp gia-đình, nên rất quý đối với những người đi làm xa. Vào ngày này, dù bận bịu tới đâu, các con các cháu ở xa đều phải về thăm và chúc Tết ông bà và cha mẹ. Ngày Tết cũng là ngày con cháu tỏ lòng hiếu thảo và nhớ ơn cúng Tổ Tiên và tưởng nhớ tới những người đã quá cố trong gia-đình,

Ngày Tết còn là ngày anh em, họ hàng và bạn bè thân thuộc chúc Tết, tặng quà và thăm viếng lẫn nhau.

Ngày Tết là một ngày tràn trề hy vọng để bắt đầu chẳng những một năm mới mà còn có thể là một giai đoạn, hoặc một sinh hoạt hay một công việc làm ăn mới. Do đó, vào dịp này, ngay từ lúc giao thừa hoặc sáng sớm ngày mùng một người ta thường có thói quen đi hái lộc, xem thiên tượng, khai bút, coi bói, đi lễ bái tại các đền linh thiêng để khấn vái, xin xâm v.v.,

Sau một năm làm việc cực nhọc, Tết là một dịp hưởng thụ, ăn chơi, nhậu nhẹt, bài bạc giải trí v.v...

Theo tục lệ tự ngàn xưa, vào dịp Tết, người ta lễ Trời Đất, ông Thổ địa và Táo quân để tạ ơn Trời Đất và các thần đã ban phước và bảo vệ gia-đình và nhà cửa mình trong suốt một năm qua đồng thời cầu xin cho một năm mới bình yên và hạnh phúc. Tết Nguyên Đán thực sự bắt đầu kể từ ngày 23 tháng chạp tức ngày cúng cá chép, tiễn Táo quân về Trời để bá cáo việc trần gian trong năm qua lên Ngọc Hoàng.

Vì Tết là những ngày linh thiêng nên cũng là cơ hội rất tốt để xua đuổi tà ma với những tập tục như kiêng cữ, đốt pháo, dựng cây nêu v.v. Hồi nhỏ, trong các tục lệ ngày Tết, tôi thích đốt pháo nhất. Tết mà không có đốt pháo là thiếu đi một phần rất lớn cái hương vị đặc biệt ngày Tết.

Cho tới khi khôn lớn, ngoài đốt pháo, tôi rất thích thú xem nội và bố tôi khai bút.

Năm nào cũng vậy, sau giao thừa, nội tôi thường một mình ra ngoài sân trước nhà để ngắm thiên tượng. Sau đó, để khai bút, nội tôi thường viết một chữ đại tự trên tờ giấy hồng điều thực lớn con cháu đã trải trên bàn cùng với nghiên mực mài sẵn và mấy chiếc bút lông loại lớn nhất.

Có năm cụ viết chữ Thần, có năm cụ viết chữ Phúc có năm cụ viết chữ Đức, và bao giờ cũng cụ cũng chỉ viết có một trong ba chữ đó mà thôi. Cụ thường dạy con cháu: đối với cuộc đời con người ta, ba chữ đó là ba chữ quý trọng nhất. Nắm được ba chữ đó là ta sẽ có tất cả.

Chữ cụ viết đẹp hay không, thú thiệt tôi không rõ. Nội tôi xưa con nhà nghèo, phải sớm theo bố mẹ buôn bán ngược xuôi, không có cơ hội học

nhiều, nên nhất định không phải là tay hay chữ. Có lẽ cụ chỉ học đủ chữ để đọc và viết văn tự mua bán nhà cửa và ruộng đất mà thôi.

Bố tôi thì cũng không hơn gì vì hồi nhỏ chỉ mới học hết Tam tự kinh thì chuyển sang học chữ quốc ngữ. Ông không làm thơ hoặc câu đối để khai bút mà thường cũng chỉ viết có một chữ Thọ và dòng lạc khoản trên giấy hồng điều để chúc thọ nội tôi. Chắc chắn là vì ít chữ chứ không phải ông hà tiện chữ nghĩa. Theo như bạn bè, mặc dầu vốn chữ Hán không nhiều, bố tôi viết chữ đại tự khá đẹp, phóng khoáng và bay bướm. Điều này không có chi lạ, bởi vì bố tôi vốn sẵn có tài vẽ nên chữ Nho cũng như chữ quốc-ngữ ông viết rất đẹp.

Ở nơi ông nội tôi, điều mà tôi kính phục nhất là kinh nghiệm cổ xưa, từ phong tục, tập quán đến các lễ nghi về hôn nhân, tang chế, từ chuyện kiêng cữ, cho tới các lối chữa bệnh bằng mẹo hoặc thuốc nấu bằng các thứ lá, cách thức nấu nướng các món ăn đặc biệt Việt Nam, cách thức xây cất nhà cửa, chế tạo vật dụng trong nhà v.v. hết thảy đều là những vấn-đề có tính cách tập tục và phức tạp, ông cụ đều nhớ tỉ mỉ từng chi tiết nhỏ. Nếu tôi không lầm, nội tôi lúc đó chỉ mới chừng ngoài 70 mươi nhưng dưới cặp mắt thơ ngây của tôi thì có lẽ ông bành tổ ngày xưa có lẽ trông cũng chỉ già đến như thế mà thôi.

Tôi nay đã ngoài 80, nhưng vẫn thắc mắc chưa hiểu nổi các cụ ngày xưa sao lại có thể có nhiều kinh nghiệm về khung cảnh thiên nhiên cũng như đời sống và sự sinh hoạt hằng ngày của con người đến như thế. Thực vậy, các cụ thường là những túi khôn thiệt phong phú.

Chuyện cụ ngắm thiên tượng sau lúc giao thừa để đoán chuyện thời tiết, mùa màng và vận hạn chung cho năm mới sắp tới không phải là một trò chơi hay đơn giản chỉ là một tập tục bình thường, vô thưởng vô phạt, hoặc có tính cách mê tín, mà là cả một vấn đề chiêm nghiệm khó hiểu gần như một khoa học thực nghiệm đã mai một cần được chúng ta ngày nay nghiên cứu.

Thực vậy, những điều nội tôi tiên đoán sau khi ngắm thiên tượng sau lúc giao thừa thường rất đúng, nhất là về chuyện mùa màng tốt xấu..

Giao thừa năm Kỷ Mão, ngoài chuyện thời tiết và mùa màng, cụ tỏ vẻ lo lắng khi thổ lộ thêm với bố tôi: "Con ạ, thày nhận thấy đêm nay trời u ám lạ thường, mây đen đặc kết thành chắn ngang suốt chân trời phía Bắc, cảnh tượng trời đất thiệt thảm sầu, rất giống với mấy năm Quý Mùi và Giáp Thân (1883, 1884?). Sau giao thừa mấy năm đó, ông nội con đã chỉ cho thày coi để suy nghiệm. Hơn nữa đêm nay, đáng lẽ phây phẩy gió Đông, gió bấc thổi ào ào là chuyện hơi bất thường, hầu như trái mùa, và trong tiếng gió nghe như có lẫn tiếng xe chạy, ngựa hý rầm rập ngang trời từ Bắc xuống Nam. Sau bao năm yên ổn không có giặc giã, thày sợ rằng năm nay sẽ có loạn."

Quả nhiên là tháng 9 năm đó quân Nhật đánh vào Lạng sơn, rồi tiến quân chiếm toàn thể cõi Đông Dương. Và cũng từ đó, với bàn tay đẫm máu của người ngoài dính vào, nước ta rơi vào một cảnh loạn lạc khủng khiếp, người mình chém giết lẫn nhau liên miên gần nửa thế-kỷ.

Theo như bố tôi thì người biết ngắm thiên tượng chẳng những phải giàu kinh nghiệm mà còn phải có một thứ linh khiếu nào đó (giác quan thứ sáu?) để nhận xét chẳng những màu sắc và độ sáng của bầu trời, mà còn phải chú ý nhận xét tới vị-trí, màu sắc, hình thể và cách thức tụ hợp của các đám mây, vị trí và độ sáng của các sao (nếu nhìn thấy trong đêm đó), hướng và cường độ của gió, thời tiết lúc đó nóng lạnh ra sao, có khi cả những âm thanh mơ hồ thầm kín của đất trời mà đôi tai của một con người bình thường không thể nào nhận thức nổi.

Sau khi nắm được đầy đủ các dữ kiện trên đây, dựa vào các kinh nghiệm những năm đã qua, người xem thiên tượng còn phải biết so sánh và đắn đo rất nhiều rồi sau đó mới dám đưa ra một kết luận về thời tiết, mùa màng và vận hạn chung cho năm sắp tới (có bình yên hay không, hoặc sẽ có thiên tai, dịch tễ, giặc giã v.v.).

Ngày xưa đi học Hà Nội chúng tôi thường tự nhận mình là dân Hà Nội nhưng chẳng ăn Tết ở Hà Nội bao giờ mà là luôn luôn về quê ăn Tết.

Năm nào cũng vậy khi thấy trời bắt đầu mưa phùn, các con đường khu hàng Hóm, hàng Lược, hàng Thiếc, khu chợ hàng Da v.v, sền sệt bùn đen, những chậu cúc vàng đại đóa, đỗ quyên rực đỏ và thược dược đủ màu đủ loại bắt đầu được bày bán tại các sạp chợ hoa góc bờ hồ đầu phố hàng Khay là người ta biết ngay thiên hạ đã bắt đầu sửa soạn ăn Tết.

Và cũng từ đó các phố hàng Bông, hàng Gai, hàng Đào, hàng Bồ, hàng Ngang... lên tới hàng Khoai, chợ Đồng Xuân, và đường Ô Quan Chưởng, xe cộ và người đi lại mua sắm đông vui như hội, nhất là từ 22, 23 tháng chạp âm lịch trở đi. Vì trời lạnh, đồ len dạ, măng-tô mũ phớt rất thịnh hành và vào thời kỳ này, mặc dầu chưa hẳn là Tết bà con Hà Nội đã bắt đầu cố gắng

chưng diện , nhất là các bà các cô. Riêng mấy thằng con trai chúng tôi, anh nào chỉ có một, hai bộ đồ, lại không có đủ điều kiện sắm đồ mới cảm thấy hơi nản khi thấy bộ quần áo của mình chỉ mới qua có một hai mùa đông mà đã thấy rờ-ve và hai vai áo bạc phếch vì mưa nắng, gió sương và bụi đường phố xá Hà Nội. Tuy vậy, dù không có dư tiền sắm Tết, chúng tôi cũng cảm thấy náo nức trước cảnh vật Hà Nội vào những ngày giáp Tết nhất là từ khi hàng trăm hàng ngàn những cành bích đào bắt đầu được bày bán dọc hai bên con đường hàng Lược.

Riêng tôi, cho mãi tới năm 1953, tôi không ở lại Hà Nội để ăn Tết bao giờ. Năm nào cũng vậy, sau khi nghỉ học ngày hôm trước, ngày hôm sau, thường đã là ngày 27 hay 28 Tết, vào lúc sáng sớm tôi đã ra bến xe đò cửa Nam hoặc ga hàng Cỏ để đáp xe ca hoặc xe lửa về quê.

Tất nhiên chiều hôm trước, theo lời mẹ biên thư dặn, tôi không thể không lên hiệu Nguyễn Văn Quý trên hàng Khay mua một ký các thứ kẹo Tây và một ký bánh bich-quy hình các con cá, con chim, con mèo con chó làm quà cho các em tôi.

Sau đó tôi đi xe điện lên hiệu bánh mứt Việt Anh trên đầu hàng Đào. Trước 1945, hiệu bánh mứt này nổi tiếng nhất Hà Nội. Bánh mứt ở đây chẳng những ngon mà còn được trưng bày rất hấp dẫn và đẹp mắt. Tôi thích nhất là những trái đào, trái mận, trái mơ ngâm đường trông ngon lành và mát mắt hơn cả những trái lúc còn tươi. Ngày thường ít khi tôi dám phiêu lưu vào tiệm này nhưng hôm nay thì khác. Sắm Tết mà! Dầu vậy tôi cũng chỉ dám mua ít mứt sen, bánh khảo, bánh đậu xanh để biếu ông nội và ít ô mai và mấy gói bánh phục linh cho các em tôi mà thôi. Bố mẹ tôi thì rất thích bánh cốm nên sau đó tôi lại làm thêm một cuốc xe điện lên bóp hàng Đậu rồi từ đó đi bộ lên hàng Than mua mấy cặp bánh cốm mới nhất.

Sau khi mua sắm, để tạm giã từ Hà Nội, tôi lễ mễ vừa ôm vừa xách tạt vào một tiệm ăn nào đó để ăn tối. Vì không có nhiều tiền tôi thường chỉ có thể ăn một bát mì bò hoặc thập cẩm tại hiệu cao-lâu Tàu ở góc phố Lamblot và hàng Bông hoặc một bát phở 5 tại hiệu phở Nghi Xuân ở hàng Hòm.

Hồi đó, ngoài phở gánh hoặc một vài sạp phở nổi tiếng như sạp phở góc Lamblot và hàng Bông, hoặc trên ngõ hàng Khay, nếu muốn ăn phở, người ta phải tới một vài tiệm ăn Việt Nam, chẳng hạn như tiệm Anh-Mỹ trên hàng Da. Thành ra, Nghi Xuân trên hàng Hòm có lẽ là tiệm phở chuyên môn đầu tiên, đồng thời cũng là tiệm phở nổi tiếng là ngon nhất Hà Nội.

Tôi còn nhớ mỗi khách hàng còn được cung cấp một đĩa rau sà-lách và hành ngò rất tươi tốt để ăn kèm với phở. Tuy là do người Tàu nấu và làm chủ, phở Nghi Xuân khá ngon với một mùi vị phở thiệt đặc biệt.

Nhân nói đến mì bò tôi có thể cam đoan với quý vị là ở trên khắp thế giới này, kể cả Quảng Đông, Hồng kông, Singapore, Sài Gòn, Nữu Ước, San Francisco, Bolsa, không đâu có món mì bò giống và ngon như mì bò Hà Nội trước 1954

Xưa kia mì bò và chim bồ câu quay của một hiệu ăn Tàu rất xập xệ ở góc hàng Bông mà tôi vừa kể trên mà người Hà Nội thường quen gọi là "cao lâu," là ngon nhất, hơn cả mấy tiệm ăn lớn trên hàng Buồm. Tuy nhiên, về phương diện vệ sinh, thú thiệt, tôi không dám bảo đảm, bởi vì có một lần tôi phải đi nhà cầu phía trong bếp, lúc đi ngang qua một anh đầu bếp đương chiên chim bồ câu, chảo bốc lửa ngùn ngụt, mùi chim quay thơm lừng, anh bỗng xì mũi, một tay vẫn tiếp tục xử dụng cái vá chiên, tay kia anh điềm nhiên quẹt mũi rồi vảy ngay xuống sàn nhà, xoa qua loa vào cạnh quần, để rồi lại tiếp tục xào nấu mà không cần lau hoặc rửa tay. Sau 1945, hiệu cao lâu bị dẹp. Đầu thập niên 50, chim quay và mì bò tiệm Quốc Tế ở hàng Trống trông ra bở hồ nổi tiếng là ngon nhất. Kỳ về Hà Nội vừa rồi, tôi thấy cái bảng hiệu nho nhỏ trên đầu cửa ra vào của tiệm vẫn còn.

Cho mãi tới gần đây tôi mới khám phá ra được một tiệm ăn Tàu nhỏ trong vùng Rowland Heights có món mì bò gần giống mì bò Hà Nội ngày xưa, nhưng có lẽ không ngon bằng. Chim quay thì kể như vô phương.

Để kết thúc việc sắm Tết, tôi có thể bỏ qua không ghé hàng Buồm để mua thêm quà bánh hoặc lên Tràng Tiền, hoặc tạt sang hàng Bông, hàng Gai để sắm thêm đôi giầy, cái cà vạt hay chiếc sơ-mi, nhưng nhất định không thể quên mua mấy tờ báo xuân như Ngày Nay (trước đó là Phong Hóa), Tiểu Thuyết Thứ Bảy, Tiểu Thuyết Thứ Năm v.v. (đó là trước 42,43).

Không rõ nhật báo hay tạp chí nào đã có sáng kiến ra Giai phẩm Xuân vào dịp Tết Nguyên Đán, nhưng từ sáu bảy mươi năm qua, cũng như bánh chưng, dưa hành, thịt mỡ, pháo, câu đối v.v. các giai phẩm xuân đã thực sự trở thành một phần quan trọng của cái văn hóa Tết Việt Nam chúng ta.

Ngay từ những thời đó, đối với chúng tôi, về quê ăn Tết mà không có báo xuân để đọc là một thiếu sót rất lớn. Hơn nữa đối những người đã từng sống ở Hà Nội, các báo xuân dường như còn mang theo một chút màu sắc và hương vị ngày Tết rất đặc biệt của Hà Nội nữa.

Mỗi năm về quê ăn Tết, tôi thích đi xe ca (tức xe đò) hơn xe lửa mặc dầu về phương diện tiện nghi chẳng xe nào hơn, chẳng xe nào kém. Nói cho đúng, vào thời đó, cả hai đều tồi, rất tồi, nhất là cái thứ xe lửa hạng Tư mà hành khách thường có cái cơ hội ngồi chen chúc lẫn với gà, vịt, mèo chó và lợn kêu eng éc, trong khi đó, cửa sổ toa xe không có kính, nên tha hồ mà hít bụi than đen sì và khét lẹt. Đó là chưa kể những "hương vị" khá đặc biệt và "mùi mẫn" khác như mùi cá kho, mùi mắm, mùi phân gà, phân lợn, mùi rau thối, mùi nước tiểu, mùi thuốc tẩy uế, mùi mồ hôi, mùi "lâu ngày không tắm" v.v. Tinh túy của sự hòa hợp của hết thảy những mùi vị rất đặc biệt và phức tạp đó tạo nên một sự tổng hợp không tên, cứ tạm gọi là mùi "lam lũ" hoặc chính xác hơn, mùi "xe lửa hạng bét nhà nghèo A-na-mít."

Đi xe đò thì chật chội hơn, nhiều khi như nêm cối, nhưng có lẽ đỡ hôi hám và dễ thở hơn, đỡ khổ cho cái buồng phổi, nhất là không bị nạn bụi than khét lẹt bay vào mắt vào mũi.

Đường xe đò về Ninh Bình qua ngả Phủ Lý thường qua nhiều làng mạc, sau đó qua phà ở Gián Khuất, chạy một quãng đường nữa, len lỏi giữa những khu núi đá vôi hình dáng kỳ khu xen lẫn với những rừng thưa và đồng ruộng ngập nước là tới Ninh Bình.

Thời đó, đường xá rất xấu và chật hẹp, xe chạy cà rịch cà tàng, ngất nga ngất ngư như con tàu điên, vì chở quá nhiều đồ. Nếu như may mắn mà xe không bị "pan" lần nào, vào khoảng gần trưa ngày hôm đó xe tới Ninh Bình, tức là với khúc đường dài chưa tới 60 miles, xe phải chạy ít nhất là ba hoặc bốn tiếng đồng hồ, tất nhiên kể cả những lúc xe nghỉ để hành khách đi tiểu hoặc mua quà bánh lặt vặt ở dọc đường.

Đẹp nhất là đoạn đường dọc theo bờ hữu ngạn sông Đáy, sau khi qua phà Gián Khuất, từ khu núi non Kẽm Trống xuống tới gần Ninh Bình.

Nhìn thấy thiên-hạ sửa soạn ăn Tết hai bên đường, với những cây nêu dựng cao tại các sân đình, những câu đối đỏ dán đây đó trên cột nhà, những tiếng pháo lẻ tẻ của mấy em bé vội nổ sớm để đón xuân... tôi cảm thấy vui lây và nôn nao trong lòng chẳng khác gì hồi còn nhỏ khi thấy ông nội tôi, ngay từ đầu tháng một, tháng chạp, đã bắt đầu các công việc sửa soạn ăn Tết như chặt tre để chẻ lạt gói bánh chưng, hoặc luộc và phơi mo cau để bó giò thủ...

Sau khi "zinh tê" năm 1950, tôi cũng đã cố gắng về quê ăn Tết được hai lần nữa (1951 và 1952). Vì đường bộ không an-toàn nên những lần đó phải đi tàu xuống Nam-định rồi sau đó đáp ca-nô về Kim Sơn.

Năm 1952, rồi 1953, tình hình chiến sự ngày càng khốc liệt và gay go, đêm đêm tiếng đại bác thình thịch như giã gạo, ì ầm vọng về tận Hà Nội. Tướng lừng danh chỉ-huy quân-đoàn 1 giải phóng nước Pháp De Lattre de Tassigny cũng đành thúc thủ, để rồi rốt cục, sau khi con ông tử trận tại núi Non Nước Ninh Bình, giã-từ binh nghiệp và qua đời vào tháng 5 năm 1952, Raoul Salan lên thay De Lattre.

Vì chiến sự gia tăng, các đường giao thông thủy, bộ khắp miền châu thổ Bắc Việt đều bị tắc nghẽn hoặc thiếu an-toàn, do đó, năm 1953 tôi không còn có cơ hội về quê ăn Tết như những năm trước.

Vì xa gia-đình, ngoài em trai tôi lúc đó học lớp 12 Chu Văn An, anh em chúng tôi không có mấy ai là thân thích nên chẳng nghĩ gì đến ăn Tết, hoặc nói cho đúng, đã ăn một cái Tết Hà Nội thiệt nhạt nhẽo và buồn.

Ngày thường chúng tôi vẫn nghĩ là mình đã hoàn toàn là người Hà Nội, nhưng ngày Tết thấy thiên hạ ăn tết trong sự đầm ấm của gia-đình, chúng tôi mới cảm thấy mình cô đơn và Hà Nội bỗng nhiên trở nên rất xa lạ.

Đêm giao-thừa anh em ngủ khì. Thực ra thì tôi thao thức cho mãi tới gần hai giờ sáng. Sáng hôm sau, mồng một Tết, mãi tới 11 giờ mới thức dậy.

Trưa hôm đó, chúng tôi không tìm được một tiệm ăn nào, nên hai anh em đạp xe lên hàng Cân định ăn ké cơm trưa tại quán cơm Sinh viên. Nhưng khi tới nơi mới biết bà con ta cũng đóng cửa nốt. May là có thằng em khá thông minh và cũng biết ăn xài chút đỉnh.. "Này anh, hắn bỗng nhiên hỏi tôi, hôm nay là mồng một Tết, tại sao anh lại không không dám đãi em một chầu cơm tây?"

- Ừ nhỉ, thế mà anh không nghĩ ra. Có lẽ anh lú mất rồi! Lần này chúng mình không thèm ăn ở hàng Hòm, hàng Bông Thợ Nhuộm hay Coq d'or mà là Splendide.

Thế là hai anh em lại nhảy lên xe đạp thẳng một mạch lên nhà hàng của khách sạn Splendide,

tiệm cơm Tây có thể nói là ngon nhất Hà Nội hồi đó (Tiệm này hình như vẫn còn tới bây giờ)

Bữa ăn trưa mồng một Tết năm đó tuy không có bánh chưng, không có giò mỡ và dưa hành theo tục lệ, nhưng có được một bữa cơm Tây với đầy đủ lệ bộ là hanh phúc lắm rồi.

Vì hồi đó tôi chưa biết uống rược đỏ nên hỏi rượu nào "dễ" uống, maitre d'hotel biết ý (?) gọi bồi bưng ra một bình dựng đá mạ bạc trong có một chai rượu vang trắng màu vàng ửng. Hắn ta chỉ chai rượu giới thiệu:"Un vrai Yquem! le meilleur des Sauternes! 1950, c'est épatant!"

Tôi đã có dịp uống Sauterne mấy lần, thấy cũng dễ uống và cũng đã từng nghe thiên hạ ca tụng rượu Sauterne do Chateau d'Yquem sản xuất là loại Sauterne số "dzách" nên đồng ý liền, không cần biết giá cả ra sao, mặc dầu bữa ăn hôm đó tôi gọi hai món Cervelet au beurre noir và Châteaubriand.

Rượu kể ra ngon thiệt, ngọt mịn màng và thơm đến tỉnh người. Hai anh em tỳ tỳ làm hết chai rượu, mặc dầu tôi mới chập chững trong nghề ăn nhậu, em tôi thì lần đầu tiên được anh cho uống rượu.

Khi ra về, cả hai anh em đều chuyếnh choáng. Tuy vậy chú em tôi cứ thắc mắc là bữa ăn trưa mà sao lại đắt đến như thế, nhất là chai rượu kia, giá của nó bằng cả hai phần ăn của hai anh em cộng lại.

Tất nhiên có lẽ không cần phải nói thêm là khi ra về, hầu bao của tôi lép kẹp, nhẹ hẫng.

Thấy em cứ nghí nga nghí ngóp tiếc tiền , nhất là chai rượu, mà suốt đời tôi sẽ mãi mãi không quên tên tuổi cũng như gia cảnh và xuất xứ của nó, sauterne, château d'Iquem,1950. Tôi cố nén một cái thở dài bất ngờ đến không phải lúc, chép miệng an ủi em: "Thôi! mỗi năm cũng chỉ có một ngày mồng một Tết, kể làm chi chuyện ăn uống tốn kém hay không tốn kém." Rồi tôi cười xòa làm vui nói thêm: "Thử tính coi, thì cũng chỉ bằng tiền tao dạy học sáu, bảy giờ !"

- Anh tưởng bốn, năm trăm bạc ít lắm sao? Em tôi tức thời phản pháo, em thấy anh đôn đáo trường này sang trường khác, cả ngày mới đươc một số tiền như thế. Hơn nữa anh còn phải đi học, anh đâu có thì giờ đi dạy để ngày nào cũng kiếm được như vậy? Hơn nữa, ở C.V.A. em nghe ông giám-học phàn nàn anh hay tới trường muộn, em nghĩ sớm muộn anh cũng phải bớt giờ dạy học để sắp xếp lại thời khóa biểu của anh.

- Thôi đi cậu nhỏ, đừng có chuyện nọ xọ chuyện kia. Anh biết phải làm sao, đừng có lo tính chuyện cho anh!

Tối mồng một, chúng tôi lội bùn lên ngõ hàng Bạc ăn cháo, nhân cơ hội xem cải lương. Đêm đó người ta diễn tuồng "Mạnh Lệ Quân thoát hài." Thực tình mà nói, chúng tôi chỉ coi cho biết và giết thì giờ, ngoài ra không hiểu và cũng chẳng biết thưởng thức gì hết. Cứ mỗi khi bật đèn đỏ, người ta vỗ tay thì mình cũng vỗ tay theo.

Để cho qua ba ngày Tết, ngoài chuyện đi tìm ăn tại mấy tiệm ăn vẫn mở cửa, chúng tôi chỉ có một cách là đi xem chiếu bóng. Hết Eden, Majestic, Studio tới Philarmonique, Đại Đồng, Olympia và những rạp nhỏ trên phố Tràng Tiền, Chợ Hôm, Cửa Nam v.v. Cũng may là vào dịp Tết các rạp đều chiếu phim mới như Ivanhoe hoặc phim cũ thực hay như "Le troisième home,""Les plus belles années de notre vie" v.v.

Thế rồi, ngày đi, ngày lại, mấy ngày Tết qua thực mau, thời tiết ấm dần, đời sống trở lại bình thường, bình thường tới độ rằm tháng Giêng sực tới lúc nào mà cũng không hay.

Rằm tháng giêng có lẽ là ngày hội lớn và sầm uất nhất trong năm của các đền, các chùa Hà Nội. Người ta chen nhau đi dâng hương, lễ Thánh, lễ Phật và xin xâm cho tới tận đêm khuya. Đây cũng là dịp rất tốt để trai thanh gái lịch ăn diện thiệt đẹp để gặp gỡ hoặc hẹn hò nhau.

Đông nhất, chật chội nhất, và cũng là nơi ngạt thở và chen chúc dữ dội nhất là đền Ngọc Sơn. Đôi khi có cô bị một bàn tay lạ nào đó "lỡ đụng phải" kêu choe chóe. Nếu bị tóm quả tang, "bàn tay lạ" nào đó có thể bị ăn đòn, thường là một cái bợp tai được ban phát bởi bàn tay mỹ miều, móng đỏ chót của người đẹp "lỡ" bị đụng kia.

Coi chừng, các cha! Đều là những chỗ linh thiêng cấm kỵ cả, đâu phải chuyện chơi.

Sau rằm tháng giêng, Hà Nội mới thực sự trở lại bình thường, Tôi tiếp tục đôn đáo "chạy giờ" từ trường nọ sang trường kia, chẳng thay đổi được gì. Vào lúc đó, tôi không bao giờ có thể ngờ là cái Tết năm đó là cái Tết Đất Bắc cuối cùng trong đời tôi...

Rồi vào một ngày đẹp trời, Apocalypse!

Điện Biên phủ!

Hòa Đàm Genève!

Cả nước tối tăm mặt mũi, như điên như cuồng vì chuyện chia đôi Đất nước.

Và trong khoảng thời gian ngắn ngủi chỉ có mấy tháng sau đó, biết bao chuyện quan trọng đã xảy ra làm thay đổi hoàn toàn cuộc đời của tôi.

Tôi đã được mục kích những đoàn người gồng gánh nồi, niêu, chăn chiếu từ các vùng quê kéo về Hà Nội để được di chuyển vào miền Nam sống đời Tự do.

Tôi đã được nhìn lại cảnh thành phố Hà Nội ngập dưới rừng cờ đỏ sao vàng, nhưng lần này tại sao lòng tôi ê chề, buồn nản đến như thế, mặc dầu tôi vốn có cảm tình với cuộc kháng chiến chống Pháp.

Tôi chính mắt đã được chứng kiến một cách không mấy hào hứng những đạo quân "chiến thắng Điện Biện" về tiếp thu Thủ đô, cũng như cảnh quân đội Viễn chinh Pháp vĩnh viễn rút khỏi Hà Nội, chấm dứt sự hiện diện trên 80 năm của người Pháp trên miền Bắc đất nước Việt Nam chúng ta.

Mặc dầu sau khi tốt nghiệp Cao đẳng Sư-phạm tôi đã nhận được nghị-định bổ vào dạy tại trường Lycée Bảo Long Đà Lạt, tôi thường vẫn cứ băn khoăn là chẳng lẽ mình cũng sẽ phải theo những đoàn người nhà quê lôi thôi, lếch thếch kia rời bỏ quê hương và đất ngàn năm văn vật này vào Nam hay sao? Có một số bạn bè như Nguyễn Lộc, Thượng Sĩ, Đinh Hùng v.v. cương quyết ra đi.

Nguyễn Lộc trợn mắt khẳng khái nói: "Moa không thể nào chịu nổi cảnh 'hàng thần lơ láo'!" Đinh Hùng với một thái độ biết mình biết người, nhẹ nhàng và mềm mỏng hơn: "Không biết toa tính thế nào, chứ như moa thì cậu biết đó, làm sao mà có thể sống nổi với họ đây. Có nhóm Cao Đài trong Nam ra hứa bốc, gia đình moa đã nhất quyết đi với họ rồi."

Trong số những người khuyên tôi ở lại có cụ Mai Phương, Sao Mai, Trương Linh Tử, Bùi Xuân Phái, Lê Bá Kông. Và rồi không hiểu tại sao, tôi dường như nghiêng về phía mấy người này.

Thế rồi, một chuyện mà xưa nay tôi chưa từng bao giờ nghĩ tới đã xảy ra một cách thiệt bất ngờ: tôi quyết định lấy vợ. Tôi sẽ cưới cô bạn gái mà tôi cập kè trước đó chưa được một năm.

Mấy tháng hè năm đó, trong khi thiên hạ ầm ầng ngày lũ lượt kéo nhau xuống Hải Phòng để tìm đường di cư, chúng tôi thản nhiên lo chuyện cưới xin và xây tổ ấm.

Chúng tôi lấy nhau vào đầu tháng Chín, đúng ngày chọi trâu, vào một buổi chiều mưa to gió lớn, do cha Căn, sau này là Hồng Y và Tổng Giám mục Hà Nội, làm phép cưới tại nhà thờ Lớn Hà Nội. Lễ cưới tuy không long trọng nhưng cũng không đến nỗi tệ, nhưng tiệc cưới thời thiệt đơn sơ, đơn sơ tới muốn... khóc, chỉ có nước trà và ít bánh trái rẻ tiền. Bạn bè và thân thuộc chỉ có chừng trên dưới ba chục người tới dự, kể cả phù rể, phù dâu. Vả lại, người ta đi hết rồi, đâu còn lại mấy ai. Tuy vậy, các tân khách không thể không có đôi chút bùi ngùi và ái ngại về cái đám cưới quá đơn bạc cũng như cảnh trời ảm đạm đầy gió mưa buổi tối hôm đó.

Sau đám cưới mấy ngày là tới kỳ khai trường. Vì không phải đi học, tôi nhận dạy rất nhiều giờ nên tiền kiếm được khá bộn, đỡ phải lo cuộc sống hằng ngày mặc dầu bố mẹ và các em tôi cũng đã rời PD lên Hà Nội sống chung với chúng tôi.

Trong khi Hà Nội dần dần được nhuộm đỏ, người quen thuộc đi gần hết, đồng tiền mất giá theo tốc độ phi mã, cuộc sống mỗi ngày mỗi khó khăn và thiếu thốn hơn, vợ tôi rất buồn và thường hỏi tôi: "Anh đã quyết định ra sao chưa? Em thì cứ lo là nếu ở lại, sau này có con có cái thì chúng mình sẽ tính sao đây?" Để an ủi người vợ mới cưới, tôi cố vỗ về: "Em yên tâm, anh nhất định phải lo cho em. Anh hiện đương toan tính chúng mình sẽ phải làm gì."

Thực ra thì tôi cũng đã nghĩ là mình rồi cũng sẽ phải đi, không thể ở lại với cộng sản được, nhưng có lẽ vì quá tình cảm nên chưa nỡ dứt khoát rời bỏ Hà Nội và quê hương Đất Bắc. Trong khi đó, có ít tiền dư không biết tiêu gì, lại sợ tiền mất giá, nên khi thấy các tỉnh dưa đồ cổ lên Hà Nội bán, chúng tôi mua đầy một nhà những bình, những lọ, những chậu, những thống, những tượng và bát đĩa Giang Tây toàn là đồ Khang Hy và Càn Long... nếu đi, tất nhiên phải bỏ lại những đồ cổ giá trị này, thiệt là tiếc!

Vì ảnh hưởng đời sống mỗi ngày mỗi khó khăn về mọi phương diện, người ở lại cũng không còn bao nhiêu, nên lễ Giáng sinh và Tết Tây năm đó thiệt buồn, gợi trong lòng những người ở lại biết bao nỗi quan hoài.

Vào một buổi sáng, theo như thường lệ, tôi tới Diên-Hồng dạy học (trước là trường chuyên dạy Anh Văn, năm đó đổi thành trường trung học) thì được tin gia-đình Lê Bá Kông đã xuống

Hải Phòng. Tôi choáng váng và bỗng cảm thấy rất buồn về chuyện Lê Bá kông đi mà không cho tôi biết. Trước đó mấy ngày tôi cũng đã được tin Trương Linh Tư theo gia-đình vợ xuống Hải Phòng. Ý định ra đi của tôi bỗng trở nên quyết liệt hơn.

Lúc đó đã là cuối năm, chỉ còn chừng một tuần nữa là Tết Nguyên Đán, thiên hạ nhà nhà cúng tiễn ông Táo về trời. Từ mấy ngày qua, vợ tôi đã tốn rất nhiều công phu và tiền bạc để chuẩn bị cái Tết đầu tiên của riêng hai chúng tôi, một cái Tết có thể nói là khá xôm tụ với nào là bánh chưng, dưa hành, giò thủ, cá thu kho, bóng, mực, tôm he, mứt sen trần, rượu mùi (liqueur), trái cây đủ loại chất đầy tủ lạnh và mặt chiếc bàn ăn. Tất nhiên còn có thêm mấy chậu cúc đại đóa và một cành bích đào thực lớn được cắm trong chiếc lọ Khang Hy đẹp và lớn nhất mà chúng tôi vừa mới mua được.

Chiều đi dạy học về tôi kể lại cho vợ nghe chuyện gia-đình Lê Bá Kông đã ra đi. Vợ tôi thản nhiên không nói gì, kéo tôi vào phòng trong nói rất nhỏ, dường như sợ ai nghe thấy:"Em chợt nghĩ ra rồi, nhưng không sao, vì em cũng đã chuẩn bị sẵn..." Thấy vợ bí bí, mật mật tôi sốt ruột giục: "Thế nào? Chợt nghĩ ra cái gì? Nói mau..." "Thì cũng như gia-đình anh Lê Bá Kông đó, sáng sớm mai chúng mình sẽ đi, không nên bàn hoặc nói chuyện này với bất cứ ai, kể cả bố mẹ và bên mẹ em. Chúng ta đi rồi, chắc chắn các cụ cũng sẽ phải quyết định theo chúng ta mà thôi."

Nghe vợ nói một hơi, tôi hết sức bàng hoàng, mặc dầu đã chuẩn bị tinh thần để ra đi từ nhiều ngày qua. Tôi nín thinh không biết nói sao, sau cùng tặc lưỡi: "Ừ thì đi, nhưng anh vẫn nghĩ là..."

- "Còn nghĩ gì nữa, vợ tôi sẵng giọng chận đứng lời tôi nói, em đã quyết định rồi, nhất định sáng mai chúng ta sẽ ra ga hàng Cỏ thiệt sớm."

Tất nhiên là tôi đã dầu hàng vợ không điều kiện và đây là lần thứ nhất. Tôi có biết đâu là cũng từ đó tôi đã tạo cho vợ cái thói quen tự quyền tự quyết. Và cũng nhờ thế mà tôi có được cái tiếng là biết sợ vợ, và vợ tôi sau này được khen là một người đàn bà đảm đang, tháo vát.

Đêm đó, chúng tôi không ngớt bàn chuyện ra đi, chằn chọc mãi tới gần ba giờ sáng mới thiếp ngủ lúc nào không hay. Sánh sớm tỉnh dậy thì đã thấy vợ tôi pha sẵn càfé. Chúng tôi uống vội, ăn một mẩu bánh mì, mặc quần áo, xách mấy cái túi mà trong đó chẳng hiểu vợ tôi đã chứa những gì ra đi. Tôi nhặt thêm chiếc lọ đời Minh cố nhét vào trong một cái túi để làm kỷ niệm những ngày Hà Nội cuối cùng. Trước khi đóng cửa, chúng tôi cố nhìn lại căn phòng khách: cành bích đào, mấy chậu cúc, đĩa hoa quả, bình bông lay-ơn đỏ tươi, tủ chè, sập gụ và bộ salông Tàu bóng loáng, các đồ cổ quý chúng tôi mới mua, hết thảy trông thiệt ấm cúng, đầy màu sắc Tết Hà Nội. Đây cũng là đầu tiên chúng tôi thực sự có một mái ấm riêng cho mình, lần đầu tiên có khả năng và cơ hội sắm một cái Tết thiệt đầy đủ chẳng khác gì những gia-đình khá-giả khác của Hà Nội.

Chỉ còn ít ngày nữa thôi, thế mà rồi chúng tôi phải bỏ lại tất cả... Sau khi chúng tôi đi rồi, khi tới đây, đứng trước cảnh tượng này, không hiểu bố mẹ tôi và những người thân có phản ứng ra sao?

Ngồi im lặng trên xe xích-lô, hai chúng tôi như không hồn, mỗi người có những suy tư riêng. Khi qua trường Diên Hồng trên đường Gia long, tôi thấy Phạm Hanh, người được Lê Bá Kông giao cho quản trị trường, tóc bạc phơ, đứng ngay ngắn trước một đám học sinh hát "Tiến quân ca" chào lá cờ đỏ sao vàng một cách thiệt nghiêm chỉnh. Tôi thầm nghĩ: cái anh chàng mô phạm này, bất cứ cái gì đến tay anh ta cũng đều được thực hiện một các thiệt nghiêm túc. Hay thiệt! Khác với em là Phạm Bằng, Phạm Hanh hay nói, và thường nói rất nhiều, vì anh biết nhiều quá.

Đó chính là cái hình ảnh Hà Nội sâu đậm cuối cùng của tôi.

Phần kết : Đúng ngày 30 Tết, chúng tôi được chở vào Nam trên một chiếc máy bay DC4 cũ mèm của hãng Air France. Thế là hôm sau, lần đầu tiên trong đời chúng tôi qua một cái Tết không có bích đào, không có cúc vàng, không có bánh chưng, không có mưa xuân, trời thì nóng nực như thiêu như đốt, mặc quần xà-lỏn, nằm ghế bố, sống trong lều vải của trại Di-cư Tân Sơn "Nhứt", suốt ngày nghe máy phóng thanh đặt ở đâu đó oang oang hát: Mừng xuân ta hát nơi nơi...

Gần trưa mồng một, như lũ ăn mày, chúng tôi đi bộ ra ngoài, tìm mãi mới thấy được một tiệm mì tại một góc đường. Mì ở đây sợi to, dẹp, vàng khè, với mấy lá rau riếp, rất nhiều hẹ, không giống mì Hà Nội, nhưng lúc đói thì ăn cọc tre cũng thấy ngon.

Câu đối đỏ a? Bánh chưng xanh a? Dưa hành a? Tuyệt nhiên không hề thấy!

Như thế đó, cái Tết Sàigòn đầu tiên của chúng tôi.

VỈA HÈ

NGỰ THUYẾT

Một nhà văn viết đại khái rằng con người ta luôn luôn mang dáng dấp một kẻ sắp sửa lên đường, sắp sửa ra đi. Có một thời tôi thích câu nói ấy. Nghe như tiếng chuông đánh thức, tiếng còi báo động, tiếng trống giục giã. Nó khơi dậy óc tưởng tượng, nó kích thích tinh thần phiêu lưu, mạo hiểm, nó chan chứa sức sống và tuổi trẻ. Và nó lãng mạn. Vâng, phải đi, đi mãi. Đi như những người Do Thái lang thang suốt vài ngàn năm. Đi như những bộ lạc du mục từ thời xưa còn sót lại ở miền Trung Âu, Cận Đông, Trung Đông. Đi để đáp lại tiếng gọi của phương xa đang vang lên trong lòng, đang bùng cháy trong từng thớ thịt, từng dòng máu. Sống mãi một nơi là cuộc sống bùn lầy, ao tù, nước đọng. Là cuộc sống thiếu vệ sinh. Là cuộc sống buồn thảm của con gà què ăn quẩn cối xay.

Với thời gian, cái nhìn có đổi khác. Ừ thì đi, nhưng đi đâu? Đâu là nơi đến? Và nơi đến lại biến thành điểm khởi hành cho chuyến đi mới! Luôn luôn mang cái dáng dấp ra đi mà! Con người như thế liệu có tìm thấy sự thanh thản cho tâm hồn hay không? Hay đó là hình ảnh của một người luôn luôn ray rứt, bồn chồn? Một con lật đật đứng ngồi không yên? Ngoài ra, đi chỉ để mà đi phải chăng là một hành động vô bổ, vô vọng, phi lý. Một "con thuyền không bến," một thân phận chung thân lưu đày, một loại thảm kịch *Sisyphe* trong thần thoại Hy Lạp — vua *Sisyphe* tàn bạo của xứ Corinthe chết xuống địa ngục phải chịu hình phạt lăn một tảng đá lớn lên đỉnh núi, nhưng khi sắp tới đỉnh tảng đá lại rơi xuống vực, lại phải ráng sức lăn lên. Cứ thế đời đời kiếp kiếp.

Nhưng người ta đâu có thể sống đời đời kiếp kiếp để chịu đựng mãi cái thảm kịch *Sisyphe* ấy. Đời người có hạn, ai rồi cũng phải đi đến chung cuộc là cái chết dù có hay không khối đá oan nghiệt đè nặng lên vai. Vâng, đời người sẽ kết thúc dù kẻ sớm người muộn, kẻ trước người sau trong dòng thời gian vô thủy vô chung. Vậy thì tác giả câu nói trên liệu có muốn ngụ ý rằng người ta lúc mới sinh ra đã có dáng dấp chuẩn bị lên đường đi vào cõi chết, hay là, để tránh những tranh cãi lôi thôi, lên đường vào một cõi khác đời sống cũ mà chưa ai biết là cõi gì. Nếu sợ cõi ấy thì đừng lên đường vậy. Đừng đi. Hãy tìm một nơi để về. Mà về là một tiếp nối của một hay nhiều chuyến đi trước đó. Có đi mới có về chứ! Đã không biết đi thì sẽ đi đến đâu, mà về cũng chẳng biết về đâu, đó phải chăng là kiếp người? Con người bơ vơ.

*

Hồi còn bé sáu bảy tuổi nó đã "lên đường" - chạy giặc. Nói cho đúng hơn, gia đình nó gồm bố mẹ chị và nó cùng với tất cả những gì có thể mang theo đều được chất đầy một chiếc xe ngựa tháo chạy. Một dây thừng buộc vào cổ một con ngựa khác theo sau để luân phiên tiếp sức cho con ngựa kéo đằng trước chạy trên những con đường rất dài. Nó bé dại ngu ngơ - bạn học cùng lớp đều lớn hơn nó ít nhất là vài tuổi thường bảo thế - chẳng hiểu tại sao khi không lại bỏ nhà mà đi. Hình như người ta sắp đánh nhau thì mình phải chạy đi nơi khác mà người lớn gọi là tản cư. Bố mẹ khi nói to với nhau, nghĩa là gây lộn, cũng bảo nó đi chỗ khác chơi. Thế là được nghỉ học một thời gian, tốt quá. Có lâu bằng nghỉ hè hay không, nó băn khoăn. Chiếc xe rời bỏ ngôi nhà, giã từ Đà Lạt lúc trời chưa sáng, hướng về phía Trại Mát, Cầu Đất. Bố mẹ khác hẳn mọi ngày, ít nói, không vui, chị thì cũng có vẻ muốn im lặng, chú đánh xe lầm lì, chỉ một mình nó sung sướng.

Nhưng vui sướng hơn cả nó là con Ba Tô, một "nhân vật" rất quan trọng đối với nó. Đó là con chó mới lớn, có bộ lông láng lẩy, phần lông hướng lên trời thì đen, hướng xuống đất thì vàng, nghĩa là lưng đen, bụng vàng, mỏ cũng dài, hơi nhọn, hai tai cũng nhọn và dài và đứng

thẳng, mà cái lưỡi cũng dài luôn có chấm chấm mấy cái bớt đen, bốn chân thì khỏi nói, dài hơn cả cặp giò của nó, thân hình và cái đuôi lại cũng dài dài, và rất đặc biệt là đuôi nó thẳng ro chứ không cuốn tròn như đuôi con chó vàng hàng xóm - những chi tiết ấy khắc sâu vào trí nhớ bé thơ của nó.

Lúc mới gia nhập vào gia đình nó, con Ba Tô bé như con heo con, được nó bồng đi chơi khắp nơi. Nhưng con chó khôn lớn nhanh hơn nó nhiều, chỉ một thời gian ngắn, ngắn là bao ngắn nó không nhớ, đã biến thành con ngựa cho nó cưỡi trên lưng. Con ngựa không yên cương, không biết ăn cỏ, mà chàng kỵ sĩ thì không đeo cung, không mang gươm nằm dài trên lưng ngựa má áp sát vào lớp lông cổ mịn màng nghe mùi là lạ, hôi hôi, thơm thơm, hai tay ôm chặt lấy cổ ngựa, hai chân quắp cứng vào bụng ngựa. Thế mà ngựa vẫn có thể chạy được mươi bước. Kỵ sĩ tí hon và con ngựa Ba Tô quấn quýt nhau, yêu thương nhau.

Thường lệ thì hễ cả nhà đi đâu, bố đều khóa trái hai cánh cửa lớn, con Ba Tô ngoan ngoãn ở lại giữ nhà. Sáng hôm tản cư con Ba Tô trở chứng. Nó chạy ra vỉa hè sủa dăm ba tiếng, rồi chạy vào nhà ngửi chân người này, hít tay người nọ, liếm mặt nó, rồi chạy ra ngoài hè sủa tiếp. Cứ thế mấy chục lần. Mà sủa khơi khơi thế thôi, chứ thật ra còn sớm quá, đã có người nào đến lảng vảng ngoài đó đâu. Cuối cùng khi đồ đạc đã chất lên xe xong, bố định đóng cửa khóa lại, con Ba Tô nhất định không chịu chạy vào nhà nữa. Thằng bé hiểu ngay nói với bố Ba Tô cũng muốn "tản cư." Bố như sực nhớ ra bảo thế là phải lắm, bố quên khuấy đi mất, phải cho Ba Tô đi theo với chứ. Chiếc xe ngựa nặng nề, cồng kềnh không thể chạy nhanh, cho nên Ba Tô không những đuổi theo dễ dàng mà còn thừa sức tung tăng chạy rẽ ra nơi này nơi khác dòm dòm ngó ngó, ngửi ngửi khịt khịt, rồi co một cẳng sau lên đái tỉnh bơ. Thấy Ba Tô lần đầu tiên được đi xa nhà chạy nhảy loạn xạ như con chim sổ lồng, thằng bé đâm lo, nói với bố:

"Ngừng xe lại bắt con Ba Tô lên để con ôm nghe bố. Con sợ nó chạy mất."

"Không mất đâu. Chó không bao giờ lạc đường. Cứ để nó chạy theo như rứa là được rồi."

Thằng bé chưa yên tâm nhưng không dám nói thêm. Nó không hiểu tại sao con Ba Tô đái nhiều quá thế. Hở một chút là đái một chút. Chút ít thôi. Đái vào cột đèn đường, vào gốc cây. Có khi đái cả vào thềm nhà, tường nhà người ta, bị người ta đuổi, co giò chạy tiếp. Nó hỏi, bố bảo Ba Tô đi đường xa thì đái rắc. Nếu là trước kia, nó còn hỏi nhiều, chẳng hạn đái rắc nghĩa là gì, tại sao bây giờ nẩy ra cái kiểu đái mới mẻ ấy, chứ thường ở nhà lâu lắm nó mới đái một trận dài. Thằng bé thường dẫn con chó đi ỉa đi đái nên biết rõ điều ấy hơn ai cả. Nhưng buổi sáng hôm đó bố mẹ, và cả người đánh xe ngựa đều khó hiểu, có vẻ như không ưa nó nói lý láu huyên thuyên, nó đành câm miệng. Ngồi lắc lắc, giật giật trên xe thật đã, lại được nhìn cảnh lạ đường xa, nhưng mắt nó không quên chăm chú dõi theo từng điệu bộ của Ba Tô mà lòng vừa lo âu vừa vui sướng lây.

Một lần khi xe chạy ngang qua một tòa nhà lớn, sau này nó biết đó là Nhà Ga Đà Lạt, rồi trèo ì ạch lên một trái đồi nhỏ thông xanh trùm đến ngọn, rồi đổ nhanh xuống một thung lũng cây cỏ um tùm, nó không thấy tăm hơi của Ba Tô đâu cả. Nó đứng lên ngồi xuống không yên trên chiếc gối dày cộm mẹ dành riêng cho nó, mắt thì bắt đầu cay sè, môi run run. Chị nó liếc thấy bực mình bảo nó đừng khóc, đừng són nước đái ra đó, dị lắm. Thì may quá, Ba Tô vụt phóng ra từ một lùm cây, miệng đang ngoạm một con gì đó, chắc là con chuột bự, hay con thỏ rừng, hay con chồn. Chỉ loáng một cái, con Ba Tô đuổi kịp xe, lại còn dư sức chạy qua mặt một đoạn, rồi đứng lại ngoảnh đầu, vẫy đuôi, chờ. Trên những con đường lạ hoắc, Ba Tô cứ thế khi có khi không, khi còn khi mất, chơi trò cút bắt với nó. Quả thế, mỗi khi con chó xuất hiện, mắt chó và mắt nó luôn luôn gặp nhau. Vui quá! Nhiều lần Ba Tô mất dạng khá lâu, nó quýnh lên, bố lại nhắc con Ba Tô ham đuổi chim đuổi chồn, không sao hết.

Đi hơn nửa ngày xe dừng ngựa đổi, con ngựa chạy theo sau được cho ra đằng trước, và ngược lại. Cơm nắm, muối mè, tôm kho, thịt kho được mẹ mang bày ra ăn. Ngựa cũng được tháo dây cương cho gặm cỏ ven đường. Mọi người ăn uống vội vã cho qua bữa. Bố tuy lặng lẽ nhưng không dấu được nét lo âu, mẹ trông như một tảng nước mắt sắp vỡ òa, chị không lớn tuổi hơn nó nhiều nhưng vẫn giữ bình thản, chú đánh xe vẫn lầm lì như hồi sáng. Riêng nó nhiều lúc hoảng hốt thấy rõ. Hoảng hốt không phải vì chạy giặc, mà vì không thấy Ba Tô đâu cả. Người ta còn đi lạc nữa là. Nó từng bị lạc đường đến nửa ngày khi đi bắt dế trên Cây Số Sáu hè

năm ngoái. Huống là chó, nó nghĩ thầm.

Cả nhà, tuy không ai nói ra, đều có ý chờ Ba Tô. Chờ lâu quá không thấy. Nắng đã chiếu nghiêng nghiêng, buổi chiều chưa tới, mà núi rừng bắt đầu lạnh. Sương từ mặt đất dâng lên làm khó thấy những ngọn đồi gần. Đồi xa thì chịu thua, chìm nghỉm trong mù. Núi cũng vậy, vì núi còn xa hơn nữa. Vài ba chiếc xe ngựa tản cư chở đầy người và đồ đạc chạy trên cùng con đường đã qua mặt chiếc xe chở gia đình nó. Coi tề, ai nấy đều hớt hơ hớt hải như con gà mở cửa mả, mấy người trên những chiếc xe ngựa kia cũng như trên xe mình, trừ chú bé ra, chú đánh xe thì thầm vào tai nó. Chẳng hiểu gì cả, nhưng đoán đó là lời khen, nó càng thích chí. Bỗng nó thấy từ xa một người gánh một gánh tới. Đó là người đàn bà gầy gò trong chiếc áo len màu nâu cũ rích có nhiều lỗ thủng, đi chân đất, oằn lưng dưới cái đòn gánh cong như vòng cung, một đầu gánh gồm nồi đất, bịch gạo, mấy củ khoai, mấy trái chuối, áo, quần, mền, chiếu, và những thứ khác mà nó không biết là cái gì, đầu kia, trong cái thúng lớn, hai đứa bé nhỏ hơn nó nhiều ngồi đâu lưng vào nhau, lem luốc, khóc nhè, mũi thò lò thụt vô lòi ra như hai con sâu rọm. Người đàn bà lần từng bước đi ngang qua. Hai cái thúng quá nặng, đu đưa, khiến người đàn bà đi cà giựt, cà giựt. Mấy chị người làm đêm đêm sắp hàng hứng nước nơi cái vòi máy nước công cộng gần nhà nó, nó nhớ, gánh hai thùng nước đầy mà vẫn đi một cách nhẹ nhàng, nhịp nhàng. Vậy thì cái gánh của người đàn bà này chắc nặng hơn nhiều, nó đoán. Chú đánh xe ngựa bỗng dưng hết lầm lì, ngứa miệng la to:

"Mới ra khỏi nhà hả? Bỏ bớt đồ đi, đừng ham hố."

Người đàn bà làm như không nghe, tiếp tục bước. Chú đánh xe tự nhiên cười lãng xẹt:

"Có bỏ bớt đồ tui cũng không thèm lượm đâu mà sợ. Chị thấy đó, xe tui đã đầy ứ rồi. Tui biết trước sau cũng phải bỏ bớt đồ lại. Bỏ trước khun hơn bỏ sau."

Người đàn bà quay đầu nhìn. Chú đánh xe nhe răng cười nham nhở:

"Tui dám cá giỏi lắm là lết lên nửa cái dốc đằng kia chị bỏ lại hết. Con cũng bỏ luôn cho mà coi."

Chú đánh xe vừa nói dứt, người đàn bà đột ngột đứng lại, hạ đôi thúng, quăng mạnh cái đòn gánh qua một bên, ngồi bệt xuống đất, quắc mắt nhìn chú một cách dữ dội. Rồi cúi đầu ôm mặt. Hai đứa con nít có lẽ bị thốn đít vì cái thúng đụng đất mạnh quá, khóc ré lên như vừa bị ai nhéo. Chú đánh xe thế mà cũng chưa chịu tha:

"Quay về nhà cho rồi. Tui nói thiệt, không ai thèm ngó tới chị đâu."

Tự nhiên mẹ đưa tay ôm lấy ngực, rồi nước mắt chảy ướt hai bên má, không nghe tiếng khóc

TÚ LẮC

MƠ ÁNH THÁI HÒA

Xuân sắp về rồi Tết nữa a!
Chán ngấy làm sao cái tuổi già
Gậy chống lêu nghêu khôn đuổi bướm
Mắt dòm chập choạng khó xem hoa
Gan suy, rượu cúc dành kiêng rượu
Tim yếu, trà sen phải cử trà
Vui thú chỉ duy còn có một
Thơ Đường rủ vợ lại... ngâm nga

Thơ Đường rủ vợ lại ngâm nga
Năm đến cầu mong được thái hòa
Âu, Á chớ châm ngòi chiến sự
Đông Tây đừng nhóm lửa can qua
Năm châu trời đất tuy bao hướng
Bốn biển anh em vẫn một nhà
Phô sắc hoa lừng hương bát ngát
Cành xuân oanh yến líu lo ca.

mà lại khóc. Nó ngơ ngác nhìn mẹ. Bố bảo mẹ mau nước mắt. Nó thì đoán bệnh khóc là bệnh hay lây, bệnh đái cũng vậy, tụi nhỏ thường bảo nhau thế, "bệnh đái là bệnh hay lây - thấy thằng khác đái mình bày chim ra." Thấy hai đứa con nít khóc, mẹ khóc lây chứ gì. Bố thở dài bảo tất cả lên đường. Nó vội nhắc cho bố biết con Ba Tô chưa chạy theo kịp mà. Bố nghiêm mặt, chau mày. Nó biết đó là điềm không hay cho nó rồi. Thế là nó riu ríu trèo lên xe, cố cầm nước mắt, sợ chị chọc quê, sợ bố bạt tai. Mẹ nó buồn bã nhìn nó, đứng về phe nó, nó biết, nhưng không hiểu sao mẹ vẫn im lặng. Nó nghĩ thầm hễ có rừng núi là có ma quỷ, rắn rít, cọp, voi, đười ươi, và nhất là sư tử, mạnh và dữ hơn chó nhiều. Ở trường cô giáo dạy sư tử là chúa sơn lâm. Chứ đâu phải chỉ có hươu, nai, chồn, thỏ. Thôi, thế là rồi đời con Ba Tô. Nó bắt đầu cảm thấy tản cư không vui như nó tưởng.

Xe chạy qua Cầu Đất, Dran, Krông Pha. Ở lại đêm tại Tháp Chàm. Sáng sớm hôm sau đi Nha Trang. Những cái tên, những địa danh đó về sau nó mới biết. Rồi từ Nha Trang ra quê nó ngoài Huế xa xôi, gia đình nó được chuyển qua xe lửa.

Ban ngày đoàn tàu nằm dài nghỉ dưỡng sức trên con đường rầy vắng. Hành khách đông, đông quá, đều được lệnh tìm chỗ trốn dưới các lùm cây rậm hoặc hang, hố quanh đó. Đêm đến mọi người lại được cho trở về các toa, chen chúc nhau, chồng chất lên nhau, và đoàn tàu lò mò chạy. Nghĩa là ban ngày sáng sủa thì nghỉ, ban đêm tối tăm thì đi, nó thấy thật là ngược đời. Sau nó mới biết làm như thế để tránh máy bay thả bom. Lúc đó nó càng nhận ra rằng tản cư không sung sướng chút nào cả. Trái lại là khác. Nỗi khổ theo ngày tháng tăng thêm hoài như không bao giờ dứt, bắt đầu từ chiếc cầu Đà Rằng. Chiếc cầu kinh hoàng! Chiếc cầu dài vô tận! Trong đêm tối đen, không đèn đóm, không còi tàu, cửa đóng kín bưng, mọi người không ai dám hó hé một tiếng, đoàn tàu nín thở chạy qua cầu. Đông nghẹt cả người và đủ thứ hành lý, đồ đạc, đoàn tàu quá tải như không lết nổi, máy móc như đều rủ liệt, rù rù lăn bánh trên chiếc cầu rung rinh. Thì ra một khúc cầu bị bom thả sập mấy hôm trước, được nối tạm, không biết có chịu nổi sức nặng của đoàn tàu hay không. Lỡ cầu sập, chắc là mọi người đều chết, trong đó không chừng cũng có bố mẹ và cả nó nữa. Nó bắt đầu thấy sợ. Mọi người cũng sợ, không ai bảo ai đều chắp tay lầm rầm khấn vái. Nó cũng bắt chước chắp hai bàn tay lại. Nhưng đó là chuyện nó chưa muốn nói đến nhiều.

*

Gia đình nó trải qua nhiều gian lao cuối cùng cũng tới được chốn quê hương mà nó dần dần cảm nhận một phần nào những nét đẹp lạ lùng, và thần bí của cố đô, của đền đài miếu mạo rêu phong, u uẩn, của sông núi trông như những bức tranh thủy mặc. Một thành phố khốn đốn nhưng trang trọng và sang cả nằm co cụm như một ốc đảo bao vây bởi những làng quê xôi đậu ngập chìm trong khói lửa không bao giờ dứt. Nhưng hồi đó nó chỉ biết đó là nơi nó được sinh ra, nơi trên giấy khai sinh ghi là chánh quán của nó, tầm mắt nó chỉ thấy được bàn thờ ông bà tổ tiên âm u hương khói, mồ mả lạnh lẽo đầy cỏ cú, cỏ may, sim dại nằm ven những chân đồi, chân núi, và thấy rõ hơn hết là bà nội tóc bạc phơ, móng tay dài ngoằn cong queo, người héo quắt như thân chuối khô, sống "một mình chóc ngóc" trong ngôi nhà từ đường cũ nát, những tháng năm loạn lạc, đói kém, con cháu mỗi người đi một ngả. Bà nội giỏi chữ Hán, thỉnh thoảng đọc mấy câu thơ lạ. Và lạ hơn nữa bà nói bà đã quen sống với rắn, những con rắn lồng đục thủng những mắt ống tre để đuổi chuột, thỉnh thoảng buông mình từ sà nhà xuống lưng chừng gian nhà quạnh hiu, vắng teo, đu đưa cái đầu bóng loáng cùng cặp mắt thôi miên, nhìn bà.

Gia đình nó từ xa tản cư về, bà nội vui hẳn lên. Nhưng ngày vui ngắn. Chẳng bao lâu gia đình nó, lần này thêm bà nội, lại kéo nhau chạy ra hướng bắc tản cư đến những làng quê thuộc tỉnh Quảng Trị khi mặt trận ở Huế vỡ. Nó nhớ mang máng vài nơi mà gia đình nó đã chạy tới như Ngô Xá, Mai Xá. Tiếp theo, thảm họa xẩy đến với gia đình nó. Cuối cùng nó lại hồi cư trở về quê hương chánh quán tang tóc, nghèo khó, chứ không phải về thành phố của những ngày thơ ấu. Bà nội sống còn sau lần chạy giặc ấy hồi cư về ngôi nhà từ đường cũ nay càng tiều tụy hơn, rắn lồng lui tới càng nhiều hơn. Những khi không thấy ai, bà tưởng thế chứ thực ra nhiều lúc nó tình cờ đứng quanh quẩn đâu đấy, bà lẩm bẩm, "rắn lồng lộn lạo thủy tinh lờ mờ." Bà nói gì vậy, lớn lên nó cũng chẳng hiểu. Khi học xong ở Huế, nó lại ra đi. Bà ở lại một mình rồi qua đời.

*

Tôi trở lại Đà Lạt vào mùa hè 1955. Hồi đó, mười năm về trước, tôi nhỏ xíu, mà thành phố cũng nhỏ như tôi. Nay đã khác rồi, cả hai đều khác, Đà Lạt và tôi. Đà Lạt đang lớn lên, đang trở thành một thiếu nữ khuê các vừa qua cơn đau nhẹ. Đó là thành phố ít bị khói lửa tàn phá nhất trong chiến tranh tuy dăm ba vết thương vẫn còn lưu lại. Đẹp quá, thanh tân quá, trong trẻo quá. Nước da còn hơi tái xanh, khuôn mặt hơi gầy chưa kịp phấn son, đôi mắt hơi lơ đãng còn vương chút mệt mỏi, còn đọng chút đau đớn, mái tóc mượt như tơ còn lẫn dăm sợi rối buông uể oải xuống vầng trán phẳng phất chút sầu muộn. Tôi đi trên các vỉa hè Đà Lạt lòng bồi hồi nhận ra nhiều nét vừa quen vừa lạ, khiến cho tôi cảm thấy vừa gần gũi, vừa bỡ ngỡ. Rồi thời thơ ấu sống dậy, một buổi sáng mùa hè êm ả mưa nhẹ như sương vang lừng tiếng gáy của con dế lửa, một buổi sáng mùa thu lạnh lẽo lóc cóc chiếc xe ngựa chạy trên con đường dài đánh lạc con chó Ba Tô của tôi.

Tôi tìm đến ngôi nhà cũ. Ngôi nhà không còn, vỉa hè còn. Tôi nhận ra vị trí cũ của ngôi nhà, nay là cái nền xi măng nứt nẻ loang lỗ cỏ dại trên đó một cái chòi nhỏ lợp tôn được cất lên lôi thôi dùng làm chỗ chứa vỏ ruột bánh xe hơi phế thải, những ống sắt cong queo, những miếng thiếc thừa, những lon dầu nhớt vung vãi, những thùng đựng đủ loại bù lon, đinh, dây chì, dây kẽm, và vài ba chiếc ghế gỗ nhỏ thấp chủn nằm bên cạnh cái lò bếp dựng bằng ba viên gạch mẻ trên đó đặt một cái nồi đất không có vung, ám khói. Bếp lửa đã tắt, nồi đã cạn nước, trong đó mấy củ khoai luộc cháy đen. Chòi vắng, không thấy ai ở đấy. Mười năm về trước nơi đây là một gia đình còn nguyên vẹn, mỗi chiều về vang lên tiếng nói tiếng cười, tiếng giã hành tỏi, mùi xào nấu, ánh lửa bập bùng từ lò bếp in lên vách tường.

Đứng trên nền nhà cũ, tôi nhìn quanh. Một số nhà láng giềng ngày xưa mọc lên cao hơn, tươm tất hơn. Chẳng qua là vì gia đình tôi đi tản cư xa quá rồi đi luôn trong khi nhiều gia đình khác cũng tản cư nhưng đến Phan Rang, hay Tháp Chàm, hay Nha Trang quay trở lại. Chỗ tôi đứng không phải là cao điểm của thành phố nhưng tôi cũng nhìn thấy được nhiều. Phía triền đất cao, những đồi thông xanh ngắt chen lẫn dăm ba thân cây cháy đen và mấy cái gò cỏ dại mọc đầy, kế đến là nhà thờ Tin Lành một góc vòm bị trụt lỡ in hình thuôn thuôn lên trên nền trời cao không một gợn mây, tiếp theo là chùa Linh Sơn mờ mờ ảo ảo sau những hàng cây trông như tranh vẽ cảnh bồng lai; phía thung lũng, dưới phố xa, phơi mình dưới nắng mai trong và lạnh, là đường Cầu Quẹo văng vẳng vọng lại tiếng người nói, tiếng xe chạy; bên kia thung lũng, đường Hai Bà Trưng uốn éo khi ẩn khi hiện như một con sông đang trôi; và phía bên trên nữa là khu Nhà Thương, đường Thi Sách, và vùng Saint Domaine de Marie tưởng như nằm gọn trong vườn Địa Đàng. Tôi đảo mắt tìm Nhà Thờ Con Gà, cầu Ông Đạo, và cái hồ thường bị sương mù phủ lên một lớp dày. Không thấy. Nhà cửa, cây cối, đồi non che khuất.

*

Vỉa hè! Nhiều ngôi biệt thự lớn, nhiều chòi tranh nhỏ, không có vỉa hè. Hoặc những con đường thiên lý, đường liên tỉnh, hay những ngõ vắng, ngõ cụt, không có vỉa hè. Nhưng có vỉa hè là có đường sá đi kèm, có nhà cửa đi kèm. Nghe có vẻ nghịch lý. Vậy thì vỉa hè có trước hay nhà cửa, đường sá có trước? Nhưng đó không phải là vấn đề ở đây.

Tôi thích đi trên những vỉa hè. Kể cả những vỉa hè lạnh lẽo. Thỉnh thoảng có dịp đến thăm một người quen ở vùng Huntington Beach, Nam Cali, trước khi đến nhà họ, tôi thường đậu xe tại một khu thương xá gần đấy rồi thả bộ trên các vỉa hè của đường Graham, Springdale. Đó là những vỉa hè khô cứng, vắng teo, dài hun hút. Đang đi có khi chột dạ nhìn trước nhìn sau chỉ thấy một mình mình, nghe tiếng từng bước chân của chính mình nện trên mặt xi măng, tiếng động cơ xe hơi chạy nhanh, tiếng bánh xe siết trên đường nhựa, tiếng gió cuốn theo. Chốc chốc tiếng chó sủa từ bên trong những bức tường cao vọng ra. Không thấy nhà, không thấy vườn, không thấy hàng quán. Nhưng thấy vui vui.

Lẽ dĩ nhiên đất Mỹ mênh mông này không phải chỉ có toàn là những vỉa hè lạnh lẽo như thế. Đừng nói đâu xa, ngay cả những vùng như Laguna Beach, Santa Monica cách nơi tôi ở trên dưới một tiếng lái xe, sinh hoạt trên các hè phố rất vui vẻ, rộn rịp, thường thâu đêm suốt sáng khi chưa xảy ra vụ khủng bố ngày 11 tháng 9 năm 2001. Bạn bè ở xa đến thăm, tôi thường đưa đến đó. Và ngược lại, tôi cũng ưa đi xa. Một lần ghé Paris, tôi ở lại mươi ngày. Nhiều người ca tụng sông Seine, tháp Effel, Khải Hoàn Môn, quảng trường Concorde, hay những đền đài, viện bảo tàng, thư viện, công viên, vân

vân. Khen là phải, Paris quả danh bất hư truyền, khi giã từ tôi mong có dịp trở lại. Nhưng gây ấn tượng nhiều hơn và khó quên nơi tôi vẫn là hè phố Paris.

Các con đường Saint Michel, Saint Germain, Rue de Rivoli, Boulevard de Sébastopol v.v... với những vỉa hè mênh mông dành cho những người Paris ưa đi bộ, cho khách khứa từ các nước khác đến, từ các ngoại ô đổ về, từ các Métro túa lên. Tha hồ đi. Những đoàn người đi bộ trông như những dòng nước chảy ngược chảy xuôi, lúc nhanh lúc chậm, sinh động, nhộn nhịp. Đi bộ nhiều thì đã có vỉa hè dài, rộng trải ra sẵn trước mặt; đi bộ làm giày mau mòn thì đã có các tiệm bán giày, sửa giày mọc lên như nấm ở hai bên đường. Ở Mỹ khó tìm ra một tiệm sửa giày. Vội vã thì cứ việc rảo bước, bương bương vượt qua hàng ngàn người nhẩn nhơ. Nhàn hạ thì cứ vừa đi vừa ngắm trời ngắm đất ngắm cảnh ngắm người, cái gì trông cũng tình tứ, thỉnh thoảng nghe mùi bánh mì, bánh ngọt, hạt giẻ rang ấm áp, mùi cà phê ngào ngạt, mùi gà quay, thịt quay đậm đà, mùi rượu vang nồng nàn. Bụng không đói cũng muốn ghé lại ăn uống, tha hồ ngồi hàng giờ nhâm nhi, chẳng ai dòm ngó, hỏi han, phiền nhiễu. Một người bạn của tôi gọi cà phê rồi dặn làm nhanh lên, được đáp bằng một nụ cười và câu nói hóm hỉnh, "Vội thế hả? Chắc ông mới từ Mỹ qua!" Và mùi hoa tươi thơm ngát từ các nhà dù nằm rải rác, mùi phấn son dịu dàng từ các thiếu nữ Paris ưa làm duyên nữa chứ.

Bỗng nhớ những vỉa hè nơi quê hương. Những vỉa hè náo nhiệt, bụi bặm, ở Sài Gòn, Hà Nội. Những vỉa hè êm đềm ở các phố Nha Trang, Huế, Đà Lạt, ở những thị trấn nho nhỏ như Cát Bà, Uông Bí, Quảng Ninh, ở những tỉnh Miền Tây, miệt Cần Thơ, Long Xuyên, Châu Đốc, ở những Phố Núi như Kontum, Pleiku, Lạng Sơn, Cao Bằng. Đi bộ trên những vỉa hè ấy dù là lần đầu cũng cảm thấy gần gũi với con người và nơi chốn hơn là đi bằng xe, dù là xe bốn bánh hay hai bánh. Chân giẫm trên hè phố mà lòng thì chuyện trò với hàng cây bên đường, với những mái hiên, với những cửa sổ trông như những con mắt nhìn. Gặp ai cũng thấy quen quen. Vỉa hè nơi quê cũ thường mang đến những cảm xúc mà tôi không tìm thấy ở nơi nơi khác. Vui buồn lẫn lộn. Đang đi nhiều khi đứng lại. Trong khi trên những hè phố của nhiều nước mà tôi đã đi qua, bước trước kéo theo bước sau êm xuôi, háo hức, vô tư.

*

Tôi vừa mới lớn lên thì cụ hàng xóm nghèo khó trước kia ở cạnh nhà tôi đã già lắm. Tóc bạc, má hõm, miệng móm, răng còn vài chiếc lung lay trệu trạo nhai trầu. Tiếng nói của cụ do đó khò khè, ngắt quãng, khó nghe. Cụ là một trong số người ít ỏi không đi tản cư, ở lại một mình... mà... mà chịu trận chớ cháu... tới mô thì tới... tra rồi... có chết cũng... cũng vừa. Tôi nhận ra cụ, nhưng cụ nhìn tôi ngẫm nghĩ. Tôi phải "khai báo" dông dài. Khi nhận ra tôi, cụ giữ tôi lại suốt buổi chiều kể lể đủ mọi thứ chuyện. Đến đoạn nói tới con chó của tôi, cụ thở dài. Đôi mắt hom hem bỗng nhiên tối sầm.

Những ngôi nhà mà chủ đã đi tản cư bỏ trống thì mấy ngày sau cửa ngõ bị đập phá, đồ đạc bị cướp sạch, trừ nhà của gia đình tôi. Nhờ con chó. Nhưng rồi cũng tiêu tan hết, cụ nói. Một ngày sau khi gia đình tôi đi, cụ thấy con chó về. Nó chạy theo chắc không kịp, hay bị người ta chận đuổi nên chạy lui, đó cháu. Tôi không thể tưởng tượng được rằng nó đã chạy xa đến thế mà có thể tìm lại đường về, nhưng cụ bảo chó tìm về nhà giỏi lắm, đi mô nó cũng làm dấu. Tôi sực nhớ thế là đúng rồi, nó "đái rắc" suốt dọc con đường đi. Đêm hôm đó nghe rẹt rẹt ngoài cửa nhà tôi, cụ cứ tưởng bọn hôi của tới phá phách, cướp bóc. Cụ sợ quá, nằm yên, nín khe. Sáng hôm sau cụ mới biết thì ra con chó đã cào cửa cả đêm. Không vào nhà được, con chó nằm mẹp suốt ngày trên vỉa hè ngay trước cửa, gầm gừ khi thấy ai đi ngang qua gần. Suốt mấy ngày nó không ăn không uống, không đi đâu cả, cứ nằm hoài trước nhà, lông lá bù xù, cái bụng xép ve, cặp mắt buồn thiu. Thấy tội nghiệp, xóm giềng muốn đem nó về nuôi nhưng mỗi lần ai tới, nó nổi dữ lên, phùng mang trợn mắt, mà cá mới có cái mang chớ bác, ừ thì rứa đó, để tui nói tiếp, làm ai cũng ớn xương sống.

Bà cụ dù thiếu thốn, vẫn mỗi buổi tối trước khi đi ngủ sớt ra bớt một chút cơm nguội, cơm cháy cho vào miếng lá chuối đem để trước nhà cụ rồi đóng cửa lại đứng nép bên trong nghe ngóng. Chỉ một chốc sau, con chó đánh hơi được, đến ăn sạch bách. Nhưng nếu cứ thế cũng kẹt cho cụ, người không đủ ăn, của đâu cho chó mãi. Con Ba Tô khôn lắm. Từ hôm được cho ăn, tui để trước cửa của tui chớ có mời mọc chi mô, nhưng hắn biết tui cho hắn, thoáng thấy cụ nó vẫy đuôi một cách uể oải, nhưng hễ cụ đến gần, nó lại gầm gừ. Cụ nghĩ trước sau gì

nó cũng sẽ ngoan ngoãn, lúc ấy cụ sẽ dụ nó về nhà nuôi thêm ít hôm rồi mang đi bán. Cơm và vô lỗ miệng không đủ, sức mấy mà nuôi chó. Nó đẹp quá, thế nào cũng có người mua.

Nhưng mọi chuyện không xẩy ra suôn sẻ như cụ muốn. Sau đó khoảng một tuần lễ, đêm mô cũng rứa, lúc ai nấy đã ngủ ngon, con chó nó tru. Thoạt đầu là vài ba tiếng sủa trong cổ họng, ngập ngừng, như dò đường, như rà mìn. Rồi tru to lên dần dần. Rồi cau có, gắt gỏng, giận dữ. Chỉ chưa đầy nửa giờ sau, những tiếng sủa rời rạc ban đầu nối lại thành những chuỗi tru dài liên tục, càng lúc càng dài như bất tận, khi trầm khi bổng, khi to khi nhỏ, khi rì rầm cằn nhằn nhức nhối, khi hét tướng lên như điên tới nơi. Tiếng tru nghe ai oán quá cứ thế tuôn ra từ cái mỏ dài nhọn hoắt chỉa thẳng lên trời. Nếu cứ thế, con Ba Tô biến thành chó dại mất. Mọi người trong khu phố vừa bực bội, vừa thương hại con chó mất chủ.

Những ngày ấy Đà Lạt là thành phố gần như bỏ ngỏ, lực lượng giữ gìn an ninh trật tự chưa kịp tái lập, bọn hôi của tha hồ hoành hành, chó dại, chó hoang, chó vô chủ, chó đói tha hồ chạy rông ngoài đường phố. Con chó của cháu, hắn tên chi hè, dạ, con Ba Tô, khác những con chó kia, ban ngày thì cố thủ một đoạn vỉa hè trước ngôi nhà cũ, ban đêm thì tru tiếp. Biết cụ có chăm sóc con chó, nhiều người hàng xóm bảo cụ nên tìm cách bắt trói nó lại, họ sẽ giúp một tay, lấy dây cột chặt cái mỏ của nó, thế là hết tru, để người ta ngủ cho yên giấc chớ. Bà cụ thấy cũng có lý, nhưng cứ hẹn rày hẹn mai. Cụ biết rằng cấm nó tru một cách tức tưởi như rứa nó chết mất. Để nó tru thêm ít bữa cho hả hơi, rồi sẽ tính.

Gần nửa tháng sau, một buổi chiều khi mặt trời sắp tắt, đường phố không đèn đóm bắt đầu nhá nhem tối, bà cụ định bước vào nhà thắp ngọn đèn dầu thì trông thấy ba tên đàn ông trông chẳng hiền lành chút nào không biết từ đâu nghênh ngang đến, một tên cầm cái xà beng, hai tên kia trong tay mỗi tên một thanh củi, và hai ba cái bao bố rách. Bà cụ lo bấn xác, nhưng cố lấy giọng bình tĩnh nhỏ nhẹ hỏi:

"Mấy chú tới đây có việc chi rứa hả mấy chú?"

Chúng gắt:

"Việc chi kệ người ta, hỏi vô duyên."

Ai vô duyên hả cháu? Khi không tới đất của người ta, sắp sửa làm chuyện bậy bạ, lại dám nhiếc người ta vô duyên! Đúng là thứ đồ cứt một về sau khu mà miệng thì cứ bô bô thúi mô rứa, mô thúi rứa. Cái tội đổ hô nớ trời không dung, đất không tha, tre trên rừng không đủ để viết, nước dưới biển không đủ để rửa. Người ta hay nói rứa phải không, bác không nhớ hết.

Nói xong chúng nó hầm hè tiến đến gần con chó, tên nào tên nấy mặt đanh lại hung ác. Bà cụ muốn kêu cứu hàng xóm, nhưng sợ hãi đến líu lưỡi không nói ra được một tiếng nào. Vả lại trong thâm tâm bà cụ cũng biết rằng có kêu lên cũng vô ích, thời buổi này ai lo việc nấy còn không xong, hơi sức mô xía vô việc làm của bọn dao búa. Con Ba Tô vẫn lì lợm không chịu bỏ chạy, đi chầm chậm lùi sát vào cánh cửa lớn, gầm gừ dọa nạt. Nhưng ba tên ấy là thứ người da dày lắm, da mặt càng dày hơn, không sợ chó cắn, không sợ người ta rủa, vẫn cứ lừ lừ tiến. Con chó phải lùi xa dần cánh cửa, cụp tai, trợn mắt, nhe răng, sùi bọt mép. Trông nó như con thú dữ trong rừng. Chúng bèn chia lực lượng ra, như chiến đấu ngoài mặt trận, hai tên cầm hai thanh củi thủ thế canh giữ con Ba Tô, tên còn lại cầm xà beng quay lui về phía cánh cửa. Bà cụ thở dài như trút bớt gánh nặng trong lòng, thầm nghĩ rằng có lẽ bọn này không đến đây giết chó để ăn thịt, chúng chỉ muốn lấy đồ đạc trong nhà mà thôi. Cái xà beng nhanh chóng nạy bật cánh cửa ra kêu rẹt một tiếng lớn. Nhanh như chớp, bất chấp hai tên đang cản đường, con chó phóng mình đến ngoạm ngay vào cườm tay tên phá cửa. Cả ba tên xúm lại đánh đập con Ba Tô nghe thình thịch, hừ hự. Con Ba Tô một mình không có đồng minh, không có vũ khí, mà lạ quá, nó chịu đòn giỏi quá, không sủa, không gào, không rên, chỉ vùng vẫy nhảy nhót táp tên này, cắn tên nọ, và lãnh những trận mưa đòn. Sau một hồi, chiếc xà beng nện trúng ngay vào đầu con chó phát ra một tiếng như tiếng nứt nẻ. Ba Tô giật bắn lên như quả bóng, rồi rơi bịch xuống đất nằm nghiêng bốn chân duỗi dài, thân hình ốm tong teo bầm dập co giật, mồm chảy máu thành dòng, nước mắt ứa ra đục ngầu. Trước khi nằm bất động, nó vươn cổ tru lên mấy tiếng đứt quãng, ngắn ngắn, khe khẽ, yếu ớt. Rồi im bặt.

Bà già òa khóc chồm tới ôm xác Ba Tô vào lòng. Một cái đẩy mạnh, bà lăn quay. Chúng vội vàng dộng xác Ba Tô vào một bao bố, có lẽ để mang về xẻ thịt ra chia nhau ăn, bà nghĩ thế. Rồi chúng tiếp tục nạy cửa.

Con chó nghĩ gì khi nó thí cả mạng sống chống cự bọn người hôi của ấy? Nó quý ngôi

nhà đến thế sao, quý nơi nó từng sống và đã trở thành một phần của cuộc đời nó, cho nên nó không muốn người khác đến xâm lăng? Hay nó nghĩ đến chúng tôi trước, muốn giữ ngôi nhà để nay mai chúng tôi sẽ trở về đó sum họp với nó? Hay nó đã tuyệt vọng, mất chủ cho nên ngôi nhà biến thành nơi bám víu cuối cùng, phải cố giữ? Hay cái bản năng trung thành của nó là thế, rất đơn giản, ấy là cái bổn phận bảo vệ đến cùng tài sản của chủ cũ? Là gì chăng nữa tôi không biết, không thể đọc đúng ý nghĩ của nó, chỉ có điều chắc chắn rằng nếu nó không bị đánh lạc, nó sẽ "lên đường" theo chúng tôi đến chân trời góc biển, từ núi đổ xuống đồng bằng, qua cầu Đà Rằng, ra Huế, rồi lại tản cư tiếp, rồi hồi cư, vân vân và vân vân. Chúng tôi đâu nó đó.

Con Ba Tô đã yên phận của nó rồi, còn tôi thì sao? Tôi sẽ bắt đầu như thế nào cho cuộc sống mà tôi vừa bước chân vào như một người trưởng thành? Tôi sẽ đi đâu trong những ngày tháng thanh bình ngắn ngủi trên quê hương đất nước? Không phải chỉ có tôi mà thôi, biết bao người cùng thế hệ tôi, và cả những thế hệ trước hoặc sau, đều cứ phải "lên đường" đi mãi. Trong hoàn cảnh chiến tranh liên miên, lúc âm ỉ, lúc bùng nổ, tôi đi về miền Nam. Tôi sống tại Sài Gòn, xoay xở kiếm ăn, học hành. Rồi lập gia đình, sinh con đẻ cái. Nhớ nơi sinh, về thăm. Nhớ những ngày thơ ấu, về thăm. Về thăm rồi đi. Có lúc chợt nghĩ tại sao không về luôn? Hình như quê nhà có một sức lôi cuốn dai dẳng nhưng không đủ để cầm chân người ở xa về? Hình như quê nhà gò bó, chật hẹp, không đáp ứng được những ước vọng của tuổi trẻ? Hình như chốn cũ và ngay cả tâm hồn con người, trong đó có tôi, đã dâu biển. Nhưng dù sao đi nữa, dù Sài Gòn dần dần mọc rễ đâm chồi trong tôi, sợi dây vô hình nối tôi với quê nhà vẫn không bao giờ đứt. Liệu sợi dây ấy có thể ví với sợi dây giữ cho cánh diều bay cao hay không? Sợi dây đứt, cánh diều rơi? Có phải nhất thiết là thế hay không?

Rồi quê cũ lại mất. Quê mới Sài Gòn cũng mất. Miền Nam bị cưỡng chiếm. Tôi đi tù rồi bỏ nước mà đi, chuyến đi hoang mang nhất trong đời. Chứ không phải như những lần đi tản cư, hồi cư trước kia, quanh quẩn chốn quê nhà. Tôi nhiều lúc sửng sốt ngạc nhiên tự hỏi tại sao miền Nam có thể mất. Sao lại có chuyện phi lý đến thế. Rồi cũng có khi tự nhủ rằng thật ra có ai còn quê hương đích thực hay không. Dường như loài người của thế kỷ 20, thêm hung tàn, bớt nhân tính, kẻ chiến thắng cũng như người chiến bại, kẻ chiếm đoạt cũng như người bị chiếm đoạt, kẻ gây ra tai họa cũng như nạn nhân, kể từ sau hai trận đại chiến thế giới, đều bàng hoàng vì đã vô tình, hay cố ý, đánh mất sự bình thản trong tâm hồn, đều mang cái tâm thức lưu đày, lạc lõng. Nhất là người Việt Nam trong anh, trong chị, trong tôi, trong tất cả chúng ta, những kẻ đã mang đầy thương tích của cuộc chiến kéo dài, càng cảm nhận thấm thía cái thân phận ấy.

Thế kỷ 21 vừa mới khởi đầu và đang chuyển mình. Chỉ có trời biết loài người sẽ đi đâu, về đâu. Trước mắt, tôi chỉ biết tôi đang sống trên mảnh đất tạm dung này. Tạm dung? Nghĩa là một ngày nào đó tôi sẽ bỏ nơi này tìm về quê cũ? Có còn quê hương để tìm về chăng? Có chịu chấp nhận một loại thống thuộc, cưỡng đoạt nào đó chăng? Tôi nghĩ đến lịch sử của giống nòi. Hàng ngàn năm bị nô lệ phương bắc khổng lồ nhưng nhất quyết không chịu khuất phục, hết cuộc nổi dậy này đến cuộc vùng vẫy khác để cuối cùng giành được độc lập. Tôi nghĩ đến những người Minh Hương không chấp nhận sự đô hộ của ngoại bang đã trôi giạt qua nước ta, qua Thái Lan, Miến Điện. Tôi lại nghĩ đến những trang sử đẫm máu của nước nhà gần đây, đến những người coi tổ quốc là món hàng béo bở, phải chiếm đoạt trọn gói. Để thực hiện ý đồ ấy, họ loại trừ tất cả những kẻ khác họ bằng cách xuyên tạc, vu khống, bôi nhọ, hạ nhục và thi hành những thủ đoạn tàn khốc, những thủ đoạn mà ngay cả những kẻ thống trị ngoại bang cũng không hề biết đến. Tạm dung hẹn một ngày về? Có thật vậy không hay đó chỉ là một lối nói quen miệng, một ngộ nhận, một vờ vĩnh. Hay tôi sẽ sống nơi này cho hết phần còn lại của đời tôi? Hay tôi lại "lên đường" đi trên những vỉa hè của cuộc đời - khoan vội nghĩ đến chuyện xa xôi là bước chân vào dòng mạch chính - có người cùng đi cho đỡ cô đơn? Và quê hương sẽ là nơi nào những người đồng hành và tôi có thể dừng chân.

My heart's in the Highlands
My heart's not here
My heart's in the Highlands
A-chasing the deers

Sợi Lạt

NGUYỄN VĂN THÀ

Có kẻ đi con đường thẳng tắp,
Có kẻ đi loanh quanh:
Chờ người bạn gái của ngày xưa tháng cũ,
Hay chờ để trở lại nhà mình,
Nhưng tôi, tôi cứ đi – bất kể –
Trên con đường chẳng ngay cũng chẳng rộng,
Mà vô định,
Như những toa xe lửa – trật đường rầy.
Anna Akmatova (Nga Sô)

Tết còn vài tuần nữa mới đến, chim én chưa chi đã chao liệng trong trời mới trở xanh, mỏ ngậm đôi sợi mây. Bầy kiến đỏ chăm chỉ kéo nhau đi trên con đường mỏng như sợi chỉ kéo tận đâu đâu, có con kiện hạt nếp trắng ngần, ra chiều hí hửng, không biết kiếm đâu ra hay vậy, có con còn tha cả những mảnh lá xanh trên mặt đất đen ẩm. Trời hiu hiu lạnh như mọi năm. Những giọt sương vẫn có đủ nắng vàng để lung linh hạt tía đầu ngọn cỏ. Vạn vật và trời đất vẫn bình thường sau những ngày không bình thường của con người, như đám cỏ sau ngôi trường nhầu nhuề mùa đấu tố, giờ đã trở lại xanh. Có một cái gì đó tàn nhẫn nơi tất cả những trở lại bình thường ấy. Ai người *bơ phờ tóc rối cỏ bồng, già cùng gió bụi. Âm thầm lo sợ vạn vật, thời tiết đổi mới*!

Ông Tụy cũng lại làm một việc bình thường như những người đàn ông nông dân khác khi Tết sắp đến: vót lạt gói bánh từ đầu tháng chạp, chuốt âu chuốt yếm; nhưng đấy lại là một công việc không bình thường: ông vót cả ngày, cả đêm, dù ông không làm gì có nếp để gói, ông, một *tên* địa chủ vừa thoát chết. Những sợi lạt tre non vàng ươm, cong oằn mềm mại hai đầu, nằm trên lớp lá chuối tươi, tựa những nỗi niềm tận tình hiến dâng như vạn vật thầm lặng quanh ông. Và thỉnh thoảng ông thanh thản nhìn bầu trời, lòng xanh ấy chuyên chở hạnh phúc với đau khổ, dung chứa tình thương lẫn hận thù, van xin cùng oán than từ bao đôi mắt nhân loại gởi vào tự muôn vạn kiếp. Chỉ cách đây mấy tháng thôi, hận thù ngùn ngụt, oán than chật trời, lòng trời tưởng như vỡ tung và cứ ngỡ từ lòng trời ấy sẽ đổ xuống đầm đìa mưa diêm sinh, bão từ khí, vậy mà hôm nay trời xanh xanh nhân từ, còn có cả gió thơm thơm nhân tình; và ông Tụy vẫn tận tụy ngồi đó chuốt lạt, những sợi lạt niềm riêng dưới trời chung vô thủy vô chung.

Ông đi qua, bà đi lại, ai cũng nhìn nhìn đống lạt vô duyên, nhìn ông Tụy với vẻ khó hiểu, rồi nhìn vào cái chuồng bò cạnh bãi tha ma, nơi chỉ định cư trú của ông bà Tụy từ sau những ngày bị tước đoạt, lột trần hết. Đôi kẻ hỏi ông, những câu hỏi với những đại danh từ nhân xưng hạ cấp được ráp vào với những động từ, những danh từ kách mệnh cao vòi vọi, nhưng thường thì người ta chỉ nhìn ông với vẻ ngậm ngùi, thương hại hoặc thậm chí sợ hãi. Không sợ hãi sao được khi tất cả đã bị nghiền nát: địa chủ lẫn bần nông; người bị đấu tố lẫn kẻ đấu tố; bất rễ, xâu chuỗi cũng như trí, phú, địa, hào. Tất cả bị nghiền nát trong cối xay Sự Dữ, vì trong Sự Dữ mọi người đều bị thua thiệt, và kẻ gây ra Sự Dữ là kẻ bị thiệt thòi nhiều nhất; mà họ không biết. Và dường như chưa thỏa, những tàn ác, man rợ nhãn tiền đã qua đã qua, chúng vẫn tiếp tục cuồn cuộn điên cuồng, đay nghiến dai nhách trong những luồng sóng âm thanh từ những cái loa, như từ miệng những mụ nhà quê sồn sồn ác độc, say rượu, và cả đời chưa bao giờ được đ.. Mọi tín hiệu mùa xuân đều trở nên

thấp cổ bé miệng, không làm gì còn *nhất cá hoàng oanh minh thúy liễu.*

- Sao lại chỉ một con kêu trong liễu xanh vậy, mà lại không nhiều con vậy ông?

- Nhiều con thì ai còn nghe mà chi, huống hồ lại còn đưa vào thơ!

- Ông đọc thêm thơ cho tui nghe đi ông! Như những sáng xuân xưa. Có trà thơm đây cho ông nhấp giọng.

- Ừ, mà trà bà kiếm đâu mà tài vậy?

- Kiếm đâu thì kiếm, cứ có cho ông là được.

- Ừ, thì ngâm.

Ông Tụy ngồi trong chiếc ghế dựa có lót lớp nệm êm, ngâm thơ xuân bài này đến bài thơ khác, những bài thơ xuân bất tử như mùa xuân, của những nhà thơ bay mây vàng nguyên đán.

Bà loay hoay sửa chổ này, soạn chổ nọ, ý chừng muốn được quanh quẩn bên ông. Ngâm xong, nhấp ngụm trà thơm, liếc sang bà, ông chép miệng:

- Cảm ơn Trời Đất, Ông Bà!

- Vâng, cảm ơn Trời Đất, Ông Bà – Mắt bà long lanh nước mắt.

- Hồi đó chạy ghe vào Nam buôn gạo, Tháng Mười Một, Tháng Chạp, gió bấc thổi mạnh chưa chạy trở ra được, cứ nóng ruột.

- Nóng cái gì mới được chớ!

Ông cười nheo mắt nhìn bà:

- Cái bà ni thiệt lắm sự!

Bà cũng cười, cười con mắt có đuôi:

- Cứ nhớ cái năm ông vừa lấy tui được một năm, ông cũng chạy ghe vô trong ấy buôn gạo, tới ngày ba mươi chưa ra, tui đâm lo. Tưởng ông không về ăn Tết được. Tối đó ông lại mò về, xơ xơ xác xác. Sao ông liều vậy, bỏ ghe đi đường bộ mà về? Sao vậy ông mình!?

- Cái bà ni thiệt lắm sự! Thì tết nhất, sao mà không về cho được! Những buổi sáng mồng một như ri! ... - Ông trầm lại - Mà cũng thiệt cảm ơn Trời Đất, Ông Bà: Từ ngày *cái học nhà Nho đã hỏng rồi*, tui phải cố quay ra nghề nông, nghề ngư, lại xuôi Nam ngược Bắc buôn bán, giờ nhà mình được mấy mẫu ruộng, có nhà, có cửa, có bò, có me, mấy đứa con, đứa nào cũng khoẻ mạnh, thôi tui chẳng mong gì hơn, lại mua cả được mấy rương sách, báo. Tới lúc này tui mới được rảnh rang chút đỉnh để đọc. Mà bà nì...

- Gì đó ông?

- Cái chữ quốc ngữ thật dễ học, một phát minh lớn cho dân mình đó nghe bà. Nước mình sẽ lớn mạnh nhờ nó. Tui thấy trong Lục Tỉnh, mấy anh đạp xích lô, trưa nghỉ, ngồi tréo mảy trên xe đọc báo, thì cũng đủ biết.

- Vâng. Cũng có thể thôi ông!

- Sao bà lại nói rứa?

- Tui nghe cậu em tui ở khu tư nói là Việt Minh hô hào bình dân học vụ chẳng qua để có nhiều người đọc khẩu hiệu của họ, chớ họ chẳng có ý tốt lành gì!

- Ừ, ừ có lý, cậu ấy nói có lý... mà bà nì!

- Gì nữa đó ông?

- Tui nghe nói cái thằng Tùng đang ve con Thu phải không vậy bà?

- Vâng, đúng vậy.

- Cái thằng!

Hai ông bà mỉm cười, hai ông bà yên lặng.

- Bà nì, cái con Thu có phải con anh Xanh đi Việt Minh phải không?

- Phải.

- Tui nghe ông cha Luân coi xứ Đan Sa, cha mới đậu cha bên Tây mới về đó, nói với tui là cái tụi Cọng Sản Nga Sô mà cái tụi Việt Minh tôn làm thầy đó là cái tụi nói thì hay, cày thì dốt, lại còn giết người vô số! Có cái ông nhà văn Tây lúc đầu còn ở trong nước cứ viết sách ca tụng cái nước Nga Sô hết mực, nhưng khi có dịp qua đó, khiếp quá, trở về lại viết sách nói về cái tài giết người của mấy ông Liên Sô, giết người vô vàn vô số chỉ vì miếng ăn.

- Vâng, người ta sống không phải chỉ bằng cơm, bánh.

Ông hiền lành:

- Ừ, thôi, mình được Trời cho sống bằng yên ngày nào hay ngày đó!

Ông lại ngồi trầm lắng. Có một cái gì đó thật linh thiêng dâng dâng giữa buổi sáng đầu năm nguyên tuyền, không biết tự vạn vật xuân hay tự ông, hay là từ cả hai.

Ông Tụy lại ngâm bài thơ khác:

- Tiêu-điều bồng mấn, lão, phong-trần,
Ám-lý thiên-kinh vật, hậu tân.
Trì thảo: vị lan thiên lý mộng.
Đình mai: dĩ hoán nhất thiên xuân.
Anh-hùng tâm-sự: hoang trì sính
Danh- lợi doanh- trường: lụy tiếu tần.
Nhân-sự tiêu-điều xuân tự hảo.
Đoàn-thành thành hạ nhất triêm cân.

(Bơ-phờ tóc cỏ, già, phong-trần,
Lo-sợ thiên-nhiên, tiết mới sang.
Cỏ ao: chưa tan ngàn dặm mộng.
Mai vườn: đã đổi một trời xuân
Anh-hùng tâm-sự: thôi dong duổi

Danh-lợi doanh-trường: gượng cười nhăn
Người cứ héo mòn, xuân mãi đẹp.
Dưới thành Đoàn đứng, lệ đầm khăn.)[1]

- Thật không gì đau đớn hơn khi phải trải qua những ngày xuân quán trọ, và đối với rất nhiều người lại là xuân quán trọ trên chính quê hương mình như chúng ta đây! ... Một người đàn bà trẻ, trong bộ đồng phục xanh bộ đội mà vẫn không giảm đi vẻ xuân thì, mỉm cười nhìn ông và nói, giọng nhẹ nhàng không giống ai trong những ngày sắt máu ấy - Và tại sao, vạn vật hồi sinh, khí hậu tươi mới lại làm ta lo sợ? Có phải vì con người tàn nhẫn, từ nghìn xưa cho tới tận nghìn sau, phải không thưa ông? ... Chúng ta phải làm sao đây?

- Không sao, không sao, vì chung cuộc con người cũng chẳng làm gì được con người.

- Tại sao?

- Không biết. Tui không biết.

Người đàn bà trẻ cứ nhìn mãi ông, không nói.

*

Anh John, người hàng xóm của em trai tôi. Trong cuộc chiến Việt Nam, anh John là một trung sĩ biệt kích. Hè năm ngoái tôi qua Mỹ thăm gia đình nó. Nhân bữa nhiều nắng cuối tuần, nó bày ra nướng thịt vườn sau. Nó mời anh John và vợ anh qua ăn cho vui. Anh là con người dễ làm quen. Sau vài chầu bia anh nói nhiều, nói hào hứng về những ngày chiến đấu ở Việt Nam. Anh còn kể là anh nhảy toán nhiều lần ở Trường Sơn, và anh cho đó là những ngày đầy thách đố cùng cực và đáng sống nhất, so với những ngày nhàm chán sau khi giải ngũ, và tuổi già ì ạch hiện nay. Anh bảo anh cũng có một số đồ kỷ niệm của những ngày chiến đấu ấy. Anh mời tôi qua nhà và mở tủ kỷ vật cho xem: cái gùi người Thượng, mấy hình nhân canh mộ của người Thượng, một chiếc nón lá bài thơ, một khẩu K54, mấy cái xú chiêng và xì líp của mấy cô bồ Việt, được bọc trong bao ny lông đàng hoàng, để giữ mùi – anh cười hề hề nói, một lá cờ MTGPMN không thấy gói gắm gì, và có cả một cuốn sổ nhỏ bạc màu, hơi nhàu nát. Thấy tôi có vẻ chú ý đến cuốn sổ, anh bảo nếu tôi muốn, anh cho tôi mượn đọc, rồi nếu rảnh, kể sơ cho anh nghe. Tôi thấy đây cũng là điều hay.

Cuốn sổ đó không hẳn là cuốn nhật ký, vì trong đó còn ghi những ý nghĩ hình như chợt đến của nữ cán binh Viêt Cộng có tên là Cầm Thi, và có cả những bài thơ nữa, thơ chữ quốc ngữ, chữ Hán – Việt, còn lại là nhật ký. Phần đầu nhật ký có những đoạn Bác, Đảng hơi nhiều, rồi những đoạn căm thù bọn Pháp thực dân, bọn Việt gian cũng bộn, đại khái như trong nhật ký của Đ.T.T. vậy. Tôi không trích lại đây mà chi. (Ai muốn tìm hiểu cứ tìm mà đọc nhật ký Đ.T.T., in trên giấy hoặc trên mạng, hiện đang được phổ biến rất rộng rãi.) Tuồng chữ của phần đầu nhật ký của nữ cán binh Việt Cộng Cầm Thi thẳng đứng, vững chải, nhưng tới phần giữa, tuy cũng còn viết về Bác và Đảng, nhưng tuồng chữ nghiêng ngã, không đều, như giòng chữ của học trò đang tuổi hoa niên, mà phải làm những bài văn nghị luận luân lý. Phần cuối, chữ viết lại thẳng đứng, chững chạc hết mực, còn hơn phần đầu. Đặc biệt những trang cuối này có những vệt máu loang, giờ đã nâu mờ, nhưng những giòng chữ viết vì có lẽ viết bằng bút bi mà lại ấn mạnh, nên tôi vẫn đọc được dễ dàng.

(.....)

Ngày Tháng Năm

Tình yêu luôn có những uẩn khúc, nhất là nơi những vùng đất đầy nguỵ trá, khô cạn tình người.

Một nước bị cai trị bởi một bạo chúa chỉ là bạo chúa mà thôi, thì còn đỡ, nhưng khốn khổ cho Đất Nước nào có một kẻ cầm quyền vừa là bạo chúa vừa là một kịch sĩ đại tài, vì sau khi y chết sau khi đã gây bao nhiêu tai họa bằng những ngón giảo quyệt tuyệt luân của y, bọn kế vị của y sẽ học ngay những ngón xảo trá đó và tiếp tục lừa dối dân một thời gian lâu không biết lúc nào cùng, vì y lừa dối tuyệt luân đến nỗi toàn dân cám ơn y vì những điều họ bị lừa dối. Rồi y cũng dùng một chước như bạo chúa Néron: hôm trước khóc, (nước mắt được hứng trong ve ngọc), hôm sau đốt cháy cả thành La Mã.

Ngày Tháng Năm

Tổng kết lại cuộc đời mình từ đó đến nay: bỏ học nửa chừng, hối hả theo tiếng gọi Đất Nước tham gia vào những ngày cuối của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, còn gọi cuộc chiến tranh Quốc-Cộng lần thứ nhất (như lối gọi tên cuộc chiến này của ông nội mình hồi còn sinh tiền), rồi tham gia cuộc cải cách ruộng đất "long trời lở đất," mình đã tham gia với với tinh thần nhiệt tình và lạc quan cách mạng, cho đến những ngày đang trên đường Trường Sơn vào chiến trường miền Nam này, mình thấy mình đã chỉ làm được một chuyện mà mình hãnh diện với lương tâm nhất, và sung sướng nhất, đó là được

hôn lên trán người điền chủ khốn khổ ấy mồng một Tết hôm ấy. Ông ta, dù vốn chỉ là một thư sinh tay trắng, đã làm nên cơ nghiệp, dù cơ nghiệp ấy chỉ là ba mẫu ta ruộng và mấy rương sách.

Mình nghĩ ông ta có quyền hưởng thành quả lao động chân chính của ông chứ! Đã tước đoạt đất đai cơ nghiệp của ông. Đày vào ở chuồng bò. Rồi ai đời họ còn tịch thu sách, gia tài tinh thần mà ông đã chắt chiu, về trụ sở xã, rồi ai nấy xé làm giấy chùi đ.! Giấy sách bay trắng cả đám đất trồng khoai lang sau trụ sở. Mình thấy những mảnh giấy ấy như những mảng lương tri, những nỗ lực vươn lên của nhân loại bị hạ nhục đến mức dã man trong những ngày cuồng nộ vì bị kích động ấy. Mình nhớ lại thư phòng của cha mình cạnh giòng sông quê nhà, Người nâng niu những trang sách ngã màu sương gió trong sương khói sông êm. Nhưng cũng nhờ những trang sách bị phóng uế ấy, mình bắt đầu suy nghĩ: tất cả mọi tai họa, mọi thảm kịch, đều từ do đó mà ra.

Những con người như ông là những nền móng cho một nền văn minh với một nền kinh tế giàu nhân tính.

Ngày... Tháng... Năm...

Hôm bị trói ra trước toà án nhân dân, ông ta mặc chiếc áo dài thâm tươm tất, dáng người cao ráo, phải nói là điển trai, nho nhã, và ông ấy đã đấu lý thật khôn ngoan, nhưng cũng có vẻ bất cần. Ông cùng vợ ông bị hạ nhục một cách thô tục, dã man, trước những hàng khẩu hiệu, hình tượng quang vinh, văn minh. Cả hai bị bắt buộc về ở trong chuồng bò của chính họ. Vợ ông bị chết mấy ngày sau. Ông vẫn còn sống khổ sống sở trong cái chuồng bò. Không biết tại sao ông vẫn còn sống dù ông không làm gì có cái gì để ăn cả mấy tháng nay.

Ngày Tháng Năm

Sau cả tuần nghe ngóng, mình cảm thấy mình cần phải đến, và hôm nay ba mươi tháng chạp đã liều đến với con người khốn khổ, cô đơn, trần trụi đến tận cùng ấy. *Ecce homo!*[2]Mình không hiểu sao mấy hôm nay mình cứ ray rứt, ray rứt, cả khi nằm ngủ, hình ảnh ông ta vót lạt gói bánh không không đón Tết, một kẻ không có khoai sùng mà ăn, nói chi nếp gói bánh. Cái tận tụy làm mình chua xót, làm cho mình thấy cái gọi là đấu tranh giai cấp, được thể hiện rõ nét qua cuộc cải cách ruộng đất vừa rồi, là chuyện sai lầm quá lớn, quá khủng khiếp. Ông ấy có tuyệt vọng, cô đơn, trần trụi không? Hay chính mình, cốt cán của giai cấp gọi là tiên tiến mới là kẻ bị lột trần, bị đẩy tới tuyệt vọng, cô đơn, và chính mình, một thành viên của đội cải cách, mới thực sự là kẻ bị đấu tố, bị vạch mặt bởi hành vi tận tụy vót lạt gói bánh Tết của người bị qui kết vào giai cấp địa chủ này?

Ngày Tháng Năm

Sáng mồng một mình lại đến. Nghe ông ngâm bài thơ xuân mà rợn cả người. Trời ơi, ngày xuân quán trọ đã sầu lắm, huống hồ trọ trên chính quê hương mình, trọ trong chuồng bò vốn là của mình! Và ngoài kia xuân vẫn phơi phới!

Nhưng không, mình nhìn, nhìn chăm vào ông, mình bắt đầu thấy đôi mắt, đôi tay, làn da, mái tóc, tất cả nơi ông ánh lên vẻ thanh sạch, lâng lâng niềm trầm lắng, an vui và hiền từ, và thánh thiện, cái thánh thiện từ một cuộc đời-thường viên mãn. Lòng mình rối bời, trăn trở, nhưng cùng lúc cảm thấy bị ông lôi cuốn mãnh liệt. Ông chỉ nhìn mình, không nói; mình cảm thấy mình đang đứng trước một quyết định sinh tử cho đời mình. Và cuối cùng, cuối cùng mình đã hôn lên vầng trán ấy. Ông vẫn nhìn mình, hình như thấp thoáng nụ cười. Ngay lúc ấy có gì như thể diệu kỳ nơi ông, và cả nơi mình. Mình thấy trên khuôn mặt ông một giòng mặt người trôi chảy: mặt những người đàn bà của hoa của nguyệt, những đứa bé hiền lành như đất, như cơm, những miệng người nuốt ham nuốt hố khẩu hiệu, những anh đội khua tay múa chân, sùi bọt mép, những anh chị nhà quê quê mùa, nhem nhuốc hoác miệng vuông xỉa xói, những thằng cu cu tồng ngồng lon ton cầm cờ đỏ to tướng, và cờ và cờ đỏ che ngợp mặt người hốc hác, những mặt người cúi gục tận bùn đen, sợ hãi, khuất phục, hay ngạo mạn, những trí thức tóc bạc ngậm bút đỏ, những chàng tuổi trẻ tóc xanh nguồm ngoàm nhai hàng hàng pháp trường... Ông vẫn nhìn mình, và cuối cùng nở một nụ cười đẹp nhất, như cánh sen hồng cổ tích chở mình qua sông lớn tới miền phơi phới. Ôi, giòng sông vận nước sôi sục, giòng sông phận mình bến bờ lạc lỏng!

Mãi sau này, nhớ lại cái run rẩy mặn nồng lúc ấy...

Cái duyên sợi lạt đã buộc chặt đời mình mất rồi.

(Cô bạn Nhàn, chuyên gia về văn học Tiên Tần, cho mình biết chữ *duyên* trong cốt giáp tự được khắc với bộ *trúc*, chứ không phải bộ *ti (tơ)* như trong những đời sau!)

Ngày Tháng Năm

Mình về thăm mẹ bị bệnh nặng. Trước khi đi, mình lén lút để lại cho ông ấy mấy cân khoai và mấy nhúm gạo. Mình sao cứ nóng ruột, mong cho mẹ bớt bệnh để trở lại, nhưng được một tuần thì nhận được thư của anh chàng bí thư đội cải cách ở đó. (Anh ta đang ve vãn mình.) Sau những lời tán tỉnh, hắn ta còn cho mình biết là tên địa chủ đã chết trong nơi chỉ định cư trú, mà thật lạ là hắn chết mà có vẻ như đang mỉm cười! "Thiệt là đáng ghét, cái bọn phản động, đến chết mà vẫn còn phản động được!" Hắn ta chấm dứt lá thư (tình) như vậy.

(Tới đây có nhiều dấu chấm than to khác thường, trông như những giọt nước mắt.)

(.....)

Ngày Tháng Năm

Hôm nay là kỷ niệm ngày em đến với anh. Anh ơi, anh đã yên phận anh, còn em, ngày em hôn trán vời vợi, bao dung anh, em cứ tưởng đã tìm được bình yên, nhưng không, người ta không dễ gì bình tâm được mãi giữa một nơi dai dẳng những trò hề đẫm máu, những mặt nạ tởm lợm trong hội giả trang quỉ ma rộn ràng ngày đêm, ở một nơi không còn gì cả để còn được thấy mình là mình, do đó người ta phải chọn lựa: phải đánh mất mình hoặc tự sát, và em đã chọn vào chiến trường Miền Nam như một cố gắng trong tuyệt vọng.

Đi dọc Trường Sơn, em mới thấy là cái hi vọng vào được Miền Nam quá nhỏ, quá nhỏ, trong khi cái phi lý của đời người, nơi chiến trường này, hiện ra càng rõ ràng hơn, và do đó tự sát như nơi đây, vào lúc này, mới xác lập được tự do trên thân phận mình một cách thuyết phục cho mình nhất. Con người chỉ thực sự được bình yên khi có được tự do tuyệt đối, mà tự sát là một trong những phương cách và là một dạng khác của thực-hiện-toàn-mãn, không phải vậy sao?

Em đã chán ngán cái cảnh sống phi lý này lắm rồi, mà anh ơi, quanh em vẫn trùng điệp những phi lý, đó là hàng hàng lớp lớp tuổi thanh xuân vẫn say mê về cuộc sống đẹp tươi của một ngày mai ca hát được hứa hẹn bởi những tay buôn quỉ quyệt còn hơn lão lái buôn thánh Venice ngàn lần.

Em nghĩ những người tuổi trẻ ấy chết bây giờ cũng là điều hay cho họ. Nhưng em có quyền gì để nói như vậy? Mỗi người là chủ vận mệnh mình.

Nhưng em rồi không cần phải suy nghĩ lâu nữa, em cũng sẽ tan vào cỏ cây Trường Sơn nay mai thôi, vì bom đạn đang hủy diệt lớn lao, cùng khắp, không ngừng; bom trải thảm B-52 trùng vây quanh đây. Chiếc thảm ấy rồi cũng sẽ phủ chụp lên em.

Tre Trường Sơn thật nhiều thật nhiều...

*

Anh John chỉ biết sơ sơ tiếng Việt, sau khi tôi, người viết bài này, thuật sơ những đoạn nhật ký của cô gái Việt Cộng cho anh, anh khơi khơi hỏi tôi:

- *Mặn nồng* có phải là *fucking* không vậy bạn?

Tôi giật mình nhìn qua vợ anh:

- Ấy, ấy, nói nhỏ, kẻo vợ anh nghe được, thì mệt với chỉ đó! Muốn biết *mặn nồng* có nghĩa gì, anh phải hỏi chỉ, và chỉ có chỉ mới trả lời đúng cho anh mà thôi.

- Ừ, may mà hỏi anh trước, nếu hỏi bậy như vậy trước mặt bà đầm là nguy to với bả đa! Tiếng Việt vừa thiệt rắc rối, vừa nguy hiểm!

Vợ anh John tên là chị Ba, một cô gái quê, hồi ấy từ Miền Tây lên Sài gòn làm cái nghề mà người miền Nam bị kìm hẹp gọi là me Mỹ, còn những người kách mệnh như cô cán binh Việt Cộng Cầm Thi, tác giả cuốn nhật ký mà tôi thuật lại trên kia, họ gọi hạng người như chị Ba là bọn đĩ điếm cho Mỹ.

Còn giả sử như anh chàng chủ nhiệm nhà xuất bản nào đó ở Việt Nam hiện nay lúa quớ sao đó mà đem in cuốn nhật ký của cô Cầm Thi, lúc đó, liệt sĩ Cầm Thi không biết sẽ được tặng thêm danh hiệu gì.

*

Hồi về Việt Nam dịp Tết, vợ chồng tôi có du lịch qua Căm Bốt để thăm Angkor Wat, nhưng xe vừa qua biên giới là tôi mê ngay, vì những cánh đồng bao la đến độ bơ vơ, những nước sông sông nước hờ hững, *buồn trưa trưa lây lất buồn trưa trưa, buồn xưa xưa ngây ngất buồn xưa xưa*, mênh mang ruộng đồng, mênh mang phận người nhỏ nhoi trong giòng lịch sử kinh hoàng, mới đây thôi mà đã tan vào gió loanh quanh vô định, và những em bé, cụ già, người lớn, thiếu nữ, thanh niên ánh mắt luân lạc khôn xiết, bóng hình ngất ngơ lữ thứ.

Tôi ngồi ghế gần cửa sổ, vợ tôi ngồi gần lối đi, băng bên kia là cha con nói giọng miền Trung. Thằng con cứ say mê đọc mấy tập Văn Mới, ông bố cũng đương đọc một cuốn hồi ký của Tô Hoài. Đọc chán, ông quay qua nói chuyện với vợ tôi.

Sau vài câu thăm hỏi xã giao, ông bốc ngay, một phần có lẽ vì ông ta thích được trình bày ý nghĩ với người mà ông đoán chừng là biết nghe và có hiểu biết, một phần có lẽ vì lối nói chuyện, dẫn chuyện của bà xã tôi, mà tôi phải công nhận rất có duyên. Ông là một cán bộ về hưu. (Tôi không thiện cảm gì lắm với mấy ông cán bộ.) Ông và vợ tôi chuyện trò rôm rả, đủ thứ đề tài. Ông sôi nổi phân tích tình hình chính trị của nước ông, ông còn lái qua chuyện văn học xã hội chủ nghĩa mà ông gọi là văn học bị chính trị hóa, "chẳng ra cái đách gì cả!"

- Chồng em cũng thích văn học lắm đó anh. Và dám cùng quê với anh lắm đó!

Tôi quay qua gật đầu mỉm cười với ông.

Ông cười:

- Tôi cán bộ hưu trí. Trước tôi công tác ở ngành cầu đường ở miền Trung. Anh công tác ở đâu?

- Em làm lò bánh mì, ở Na Uy.

- Vậy mà trông anh như ông lớn.

Tôi phì cười:

- Ở Na Uy lương thủ tướng chỉ bằng hai lương một người thợ nướng bánh mì như em. Quê bọ em ở Quảng Bình.

- A, vậy là chúng ta cùng quê.

Tôi với tay bắt tay ông:

- Rất hân hạnh được gặp đồng hương.

Ông lại ngang ngang Quảng Bình:

- Hân hạnh cái đách gì! Cái dân Quảng Bình gì mà cứng đầu cứng cổ, mà lại cực ác ông mi ạ! Còn bên nớ, ông thấy sao?

- Em cảm thấy khá hạnh phúc, vì sống trong một xã hội ổn định. Còn về vật chất cũng vầy vậy thôi. Em chỉ ăn một ngày một món chẳng hạn, không bốn năm món như ở nhà chị em ở Việt Nam.

- Bên đó tui nghe bận bịu lắm, có thời giờ đọc sách không?

- Có chứ, đọc không được thì nghe. Em cũng mê sách lắm. Em cũng có viết lai rai nữa.

Ông Tam, người cán bộ cùng quê, hưu trí đó, vui vẻ hẳn lên, quên cả cái giọng Hà Nội đỏm đáng ta đây:

- Rứa hả?

- Vâng.

- Hèn chi thấy anh cứ ngắm cảnh suốt sáng tới dừ! Mà anh thấy chi?

- *Buồn trưa trưa lây lất buồn trưa trưa, buồn xưa xưa ngây ngất buồn xưa xưa.*[3]

Ông vỗ tay cái bộp:

- A! A!

Vợ tôi quay lại cười hi hi:

- Thôi trúng đài rồi! Qua đây ngồi mà nói chuyện cho gần đi ông! Nói vói mỏi cổ. – Và tôi đổi chỗ với nàng.

Tôi và ông nói chuyện có phần hơi to vì bắt đầu ăn ý. Không thấy những người cùng chuyến khó chịu gì. (Người Việt mình hay vậy đó! Gặp người Na Uy là bị cự, hoặc bị nhìn khinh bỉ ngay.)

Rồi tôi hỏi thăm ông về cái làng Mỹ Hạnh, nguyên quán của tôi.

- Tui biết, tui đã từng xuống đó công tác nhiều lần, đi xây cầu thôi, tui là kỹ sư cầu đường. Tui sau làm giám đốc phụ trách cầu đường từ Vinh vào tới Đà Nẵng. Giờ về hưu rồi, lương một triệu hai, đủ sống tàm tạm. Đi đây được là nhờ thằng ni, hắn làm kiến trúc sư. – Ông chỉ qua đứa con trai đang im lặng đọc sách - Hồi đó mình lý tưởng quá, không thì, giờ ni... Nhưng mà thôi cũng được! Tui có được căn nhà hai mê, nhìn ra biển, lại gần sông Nhật Lệ, lại có cả một tủ sách hơn hai ngàn cuốn, đa số là sách văn học.

- Có sách chữ Hán không?

- Có nhiều. Tui là chủ tịch hội Hán-Nôm của thị xã mà ông mi!

- A! em thích đọc thơ Hán-Việt.

- Tui có nhiều. Ông cố tui đậu tiến sĩ, làm thượng thư triều Nguyễn. Vợ tui rất đẹp, người gốc Huế, ở Hà Nội một thời gian, cũng dòng dõi thi thư cả.

Tôi tự dưng thích quá sức:

- Vậy thì anh thật hạnh phúc.

- Ừ, tôi chỉ thật sự hạnh phúc từ ngày có Nguyệt.

Đúng là con người có máu nghệ sĩ, thêm ăn mắm ruốc Quảng Bình mới ăn nói trần trụi như rứa.

Buồn trưa trưa, buồn xưa xưa chi đó giờ biến đâu mất tiêu; chuyện dòn dả quá mà!

- Vậy anh không hạnh phúc *từ ấy trong tôi bừng nắng hạ* hay sao?

- Hạnh phúc cái đách! Thằng cha nớ là tổ xạo. Cái câu *người ta cao bởi vì mình quì xuống*, là cóp y chang một câu của một tể tướng đế quốc Áo-Hung. Lại cái bài thơ Điện Biên... Xạo toàn xạo.

- Anh thiệt là lắm chuyện.

- Hà! Hà! Anh lại chơi chữ với tui. Thiệt vậy, Nguyệt của tui, cô nàng nói cô nàng ưng tui vì tui có nhiều sách. Chắc còn vì nhiều thứ nữa, phải không ông mi!?

- Đàn bà Việt Nam mà, nói ít bọn đàn ông tụi mình phải hiểu nhiều. Cái khoản chị yêu sách dám lắm chớ. Đàn bà Huế mà! Đâu phải chỉ

như ông vua Tự Đức phê!

Ông Tam tự dưng mơ màng trông thấy:

- Ừ, đúng đó. Nguyệt thương tui vì tui có nhiều sách. Hồi nớ có nhiều người ưng cô nàng...

- Nghe anh nói làm em muốn ra nhìn mặt chị Nguyệt một lần xem sao. Như em nói lúc nãy, em viết lách đôi chút. Em thấy chị là một mẫu nhân vật với những nhân cách ngày càng hiếm, ngay cái xứ giàu có nơi em ở.

- Ừ, thì anh cũng về thăm quê cha, đất tổ chớ! Rồi ghé tui chơi. Tha hồ mà đọc sách. Khí hậu mát mẻ, yên tĩnh không như ở Sài Gòn. Tết này anh ra được là hay nhất.

- Vâng, em sẽ thu xếp lại chương trình xem sao.

- Ừ, anh đi Đông, đi Tây, mà lại không về quê, tội chết!

- Vâng, em sẽ về, nhất là em còn có ông bác, nay trên tám mươi tuổi rồi, nghe nói sống cô quả trong một cái nhà tranh nhỏ gần bãi tha ma.

Tôi thì cũng như bao Việt kiều khác, mỗi lần về quê, mà lại quê ngoài Bắc, lại càng phải suy tính dữ.

Cuối cùng hôm hăm chín Tết, tôi cũng về được quê cha đất tổ của tôi.

Và hôm sau tôi đến thăm gia đình anh Tam. Thư phòng của anh nhiều sách, được xếp trang trọng, đẹp mắt. Anh chỉ chiếc ghế mây có nệm:

- Chiếc ghế này có lẽ là kỷ vật của nhà tui đó. Đi đâu cũng mang theo. Chỉ có tui mới được ngồi. Bây giờ trong thời gian ở đây ghế đó là của anh. Tui biết nhà tui sẽ rất vui lòng.

Tôi run người, run sung sướng; ngồi vào chiếc ghế mà như ngồi trong vòng ân tình không phải của hai anh chị Nguyệt – Tam mà thôi, mà cả của một giòng tình người quê mình tự rất xa xưa.

- Anh cứ ngồi thoải mái. Kiếm cuốn sách nào ưng ý mà đọc. Tui xuống pha trà, trà của người dân tộc Arem trồng trên vùng núi vôi Quảng Bình, đắng đắng, cay cay, ngọt ngọt, như lòng người mình vậy đó!

Tôi thấy anh lăm căm lúc cúc dưới bếp. Tôi chưa thấy bóng dáng "nhân vật" của tôi mà tôi nghĩ có lẽ đang bận bịu dọn chi dưới đó đãi khách trước khi lên chào tôi. Nóng ruột, tôi tò mò đi xuống bếp, thấy tôi, anh cười, rồi chỉ ra mảnh vườn nhỏ:

- Mấy hàng cúc đại đóa đẹp không? cạnh khóm tre, tất cả nhà tui trồng đó!... Tết nhất Nguyệt chuẩn bị từ đầu tháng chạp. Tui chẳng phải làm gì, chỉ vót lạt gói bánh cho Nguyệt thôi. Đó anh thấy đó, mấy bó lạt tre non tôi vót xong còn phơi ngoài kia.

- Mà chị đi chợ tết hả anh?

- Hôm nay là ngày Nguyệt đi thăm mộ, thăm tới trưa mới về. Anh biết không, mỗi năm vào ngày này tui ngồi vót lạt. Nguyệt ngồi nhìn tui vót lạt xong, Nguyệt mới đi ra viếng nghĩa địa.

- Chị là một người đặc biệt may mắn sống với một người đặc biệt như anh.

- Tui không có chi đặc biệt mô! Nguyệt thì đúng như thế. Cho nên tôi vừa thương vừa kính trọng.

- Mà tảo mộ hình như cả tuần trước rồi phải không anh?

- Ừ, nhưng mãi tới ba mươi Nguyệt mới đi tảo mộ, thăm mộ gì đó, quanh quẩn ngoài ấy suốt buổi sáng, gần trưa đứng bóng mới về. Nguyệt chỉ cho biết sơ sơ vậy. Mà tui cũng không vặn vọ mà chi, huống hồ thóc mách theo dõi. Tui đã quá tởm cái trò khốn nạn đó trong xã hội ni. Nguyệt đã dâng hiến cho tui tất cả, còn một chút riêng tư của nàng ai nỡ vầy đi cho đành...

Tôi đứng đó uống một tâm tình; lâu quá đi rồi đời cần cỗi ơi!

- Anh cứ lên nhà trên đọc sách. Để tui lấy thêm ít mứt. Mà không biết Nguyệt để đâu kỹ rứa không biết nữa!

Tôi trở lên nhà lục kệ sách chữ Hán, tôi đụng ngay cuốn Thanh Hiên Thi Tập, bản viết tay, giấy dó mỏng tang, nâu cũ. Tôi giở đúng ngay bài Xuân Tiêu Lữ Thứ (Ngày Xuân Quán Trọ), vì trang ấy được làm dấu bằng một sợi lạt tre non còn tươi rói, như vừa mới chuốt xong.

Trưa rồi mà chị ấy vẫn chưa về.

Anh Tam vẫn ngồi uống trà với tôi, anh nói toàn về thơ, thơ xuân và các giai thoại về thơ, anh nói nhiều hơn tôi, tôi hầu như chỉ yên lặng. "Ông mi răng bữa ni ít nói rứa!?"

Quá trưa đã lâu.

Chị vẫn chưa về.

Oslo 31 XII 2006

Chú thích:

(1) Bài này có tựa là Xuân Tiêu Lữ Thứ (Ngày Xuân Quán Trọ), của Nguyễn Du, Nguyễn Văn Thà dịch

(2) Sau khi đức Giê su bị lính La Mã đánh đòn, bị đội triều thiên gai, mặc áo choàng đỏ, tay cầm phủ việt bằng sậy, bị nhạo cười, tát vào mặt, (vì Ngài trước đó tự xưng mình là vua,) quan trấn thủ Philatô từ trước có ý muốn tha Ngài, đem Ngài đứng trước dân Do Thái và nói: "Ecce homo!" : "Này một con người [mà như thế này đây]!", nhưng dân Do Thái vẫn không chịu tha, đòi đóng đanh Ngài cho thỏa. (Tin Mừng theo thánh Gioan, XIX, 1-6)

(3) Thơ của Vũ Anh Khanh, bài Tha La Xóm Đạo.

Sách Mới Phát Hành

NGƯỜI VIỆT *xuất bản*

Sách dày 1,080 trang,
có chọn thêm những
bài mới gần đây nhất

- **Trình bày mỹ thuật**
- **Ấn loát công phu**
- **Bìa cứng, bọc plastic**

MÓN QUÀ VĂN HÓA
TRANG NHÃ NHẤT
TRONG MÙA LỄ LỚN
CUỐI NĂM

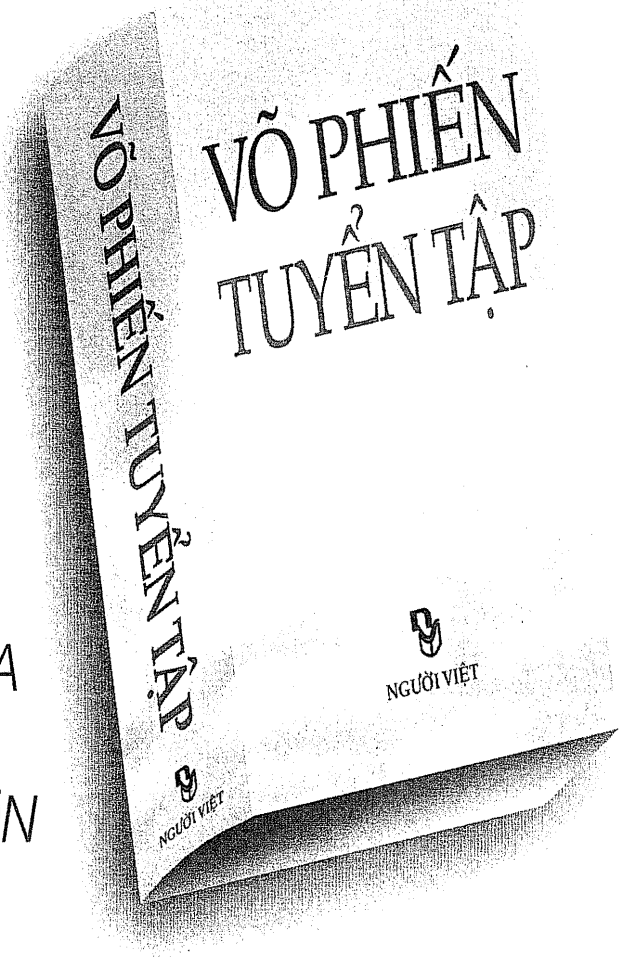

Võ Phiến là tác gia có tầm cỡ hàng đầu trong văn học Việt Nam
ĐẶNG TIẾN. Tạp chí *Diễn Đàn* (Pháp) số 73, tháng 4 - 1998

Nổi tiếng nhất là Võ Phiến một cây bút độc lập ai cũng nhận là có tài phân tích tâm lý, "chẻ sợi tóc làm tư", và tài tả cảnh vật. Nhưng tạp bút của ông được nhiều người thích hơn. Đông Hồ khen là nhất miền Nam. Về loại đó ông sâu sắc như Nguyễn Tuân mà tự nhiên hơn, dí dỏm hơn, đề tài phong phú hơn, đa dạng hơn...
NGUYỄN HIẾN LÊ. Hồi kí Nguyễn Hiến Lê, Nhà xuất bản *Văn Học* (Việt Nam), in năm 1993

Nếu cần phải tìm cho Võ Phiến một nhãn hiệu, chúng ta có thể gọi ông là nhà văn của thế kỷ, thế kỷ XX.
NGUYỄN HƯNG QUỐC. Võ Phiến, nhà xuất bản *Văn Nghệ* (California) 1996

Giá 30 MK ■ Có bán tại tòa soạn NGƯỜI VIỆT và tại các nhà sách

Việt Satellite

15567 Brookhurst St, Westminster, CA 92683 Tel: (714) 775-5400 1-800-581-6910 www.VietSatellite.com

Chúc Mừng Năm Mới

Kính chúc Quí vị một Năm Mới
An Khang và Thịnh Vượng

Quý khách sẽ được thưởng thức chương trình Truyền Hình 24/24 gồm có hàng ngàn phim bộ đủ loại chuyển âm sang Tiếng Việt chỉ có trong hệ thống DIRECTV.

HD Receiver/DVR Lease Upgrade Rebate $100.00

Promotion applies only for new customer(s), Programming and DVR Service. Effective before 02/05/07

CALL TODAY & GET
UP TO $100 TO $150 CASH BACK

KHÁCH HÀNG TỪ CABLE CHUYỂN QUA DIRECTV SẼ ĐƯỢC GIẢM GIÁ TRONG HÓA ĐƠN MỖI THÁNG $10 TỪ 10 ĐẾN 15 THÁNG (TÙY THEO ZIPCODE)

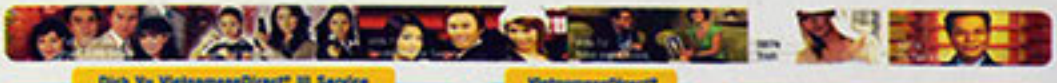

Dịch Vụ VietnameseDirect® III Service
SBTN | VNTV | Vân Sơn
3 bằng tần chỉ $24.99 mỗi tháng

VietnameseDirect®
SBTN
$14.99 mỗi tháng

Miễn phí lắp ráp Satellite cho 4-phòng với hệ thống DIRECTV®!

Khách hàng của WorldDirect phải đặt mua dịch vụ DIRECTV BASIC ($9.99/tháng) hay bất kỳ chương trình dịch vụ căn bản DIRECTV nào ($29.99/tháng hay cao hơn).

Chỉ dành cho khách hàng thuê mới. Quý vị phải thuê ít nhất 1 chương trình DIRECTV hiện có riêng biệt. Công thêm $4.99/tháng để gắn thêm cho mỗi máy gắn nhận thu hai từ lên.

VIỆT SATELLITE

An Authorized DIRECTV Dealer 1-800-581-6910

DIRECTV. PREFERRED DEALER

Mở cửa 7 ngày trong tuần; Chúng tôi có nhân viên lắp ráp trên toàn quốc Hoa Kỳ

Giá Bán 10 Mỹ Kim